

VĂN HÓA VIỆT NAM

CHƯƠNG MỘT

VIỆT NHO & TRIẾT LÝ AN VI

VIỆT NHO : COJUP

[CO: Community of : Cộng đồng

JU: NHU: Yue People (Bách Việt Khoan nhu)

P: People: Chúng tộc]

Việt Nho được xây dựng trên cái Kiềng 3 chân:

I.-DỊCH LÝ ÂM DƯƠNG HÒA

II.- TAM TÀI

III.- NGŨ HÀNH

NGUỒN GỐC VIỆT NHO & TRIẾT LÝ AN VI

NGUỒN GỐC CỦA TRIẾT LÝ AN VI

Nền tảng của Triết Lý An Vi là “ Đại Đạo Âm /Dương Hòa “.

Nguồn gốc của “ Âm / Dương Hòa “ của Việt Nam là “ cặp Đối cực Trống / Mái “ tức là Ngọc Long Toại mà Ma Cô Tiên đền ơn cho Thôi Hiệu, Ba của Thôi Vỹ, Ma Cô Tiên bảo đó là cặp Trống / Mái (xem truyện Việt Tĩnh), dất về làm Vợ /Chồng, ngoài Ngọc Long Toại chúng ta còn có “ cặp Đối cực Tiên / Rồng “ (Huyền thoại 100 Trứng 100 Con về Tinh thần lập Quốc của Việt Nam).

Đó là nét “ Gấp đôi : (Twofolness) - nét đặc trưng quan trọng của Văn Hóa cũng như Ngôn ngữ Việt Nam - như Trời / Đất Núi /Sông. Gái / Trai, Mái / Trống, Cái / Đực, Nhụy Cái / Nhụy Đực, Trên / Dưới, Trong / Ngoài,, Trước /Sau, Bắc /Nam. Đông / Tây . Ngày / Đêm, Quá khứ / Tương lai. . .

Các cặp Đối cực như “ Gái / Trai, Vợ / Chồng, Mái / Trống, Cái / Đực, Nhụy Cái / Nhụy Đực “ là nguồn “ Sinh Sinh Hóa Hóa “ trong Vũ trụ.

Âm / Dương là cặp Đối cực được dùng để tổng quát hóa các cặp Đối cực trên.

Xưa nay người ta cứ tưởng lầm rằng chỉ có Trung Hoa mới có Dịch, còn Việt Nam thì không, nhưng xét tới nguồn gốc thì ngược lại, chính Trung Hoa không có Dịch, Dịch Trung Hoa chỉ có Ròng (mượn Ròng của Việt, mà không mượn Tiên, vì Tiên yếu xiù không hợp với khẩu vị Bạo động của Văn Hóa Du mục, nhưng “ Độc Dương bất sinh “ thì làm sao có Dịch mà Biến hóa ? Rõ là Tàu không có gốc Dịch nhưng nhờ đâu mà có 64 Que Dịch rất đồ sộ, chỉ nhìn vào Cái Lưỡi Bò 9 đoạn ngoài Biển Đông mà truy nguyên thì rõ được truyền thống Đạp chích xưa nay!

Suy ra nền tảng của Dịch cũng là nền tảng của Ngũ hành, không có Ngũ hành là không có Hán Nho, muốn biết nguồn gốc nguồn gốc Hán Nho ở đâu thì vẫn phải truy nguyên từ Lưỡi Bò 9 đoạn!

T. G. Kim Định đã nêu rõ “ Tàu là kẻ “: Học mượn viết nhờ Việt Nho “, sau đó cạo sửa, xen dặm các yếu tố Bạo động của Pháp gia thuộc Văn Hóa Du mục vào để chiếm thành của riêng mình bằng cách vu cho Tứ Di, Chủ của Văn Hóa phương Nam (Bắc Địch, Nam Man (Lạc Việt) Đông Di, Tây Nhung) là man rợ, chỉ có Hoa Hán là Văn minh, đó là lối Đạp chích “ Dịch Chủ vi Nô “, biến Vương Đạo của Việt Nho (nền tảng Dân chủ thuộc nền Văn Hóa Nông nghiệp) thành Hán Nho bá đạo (nguồn của Độc tài, gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng suốt 4720 kể từ Thủy Tổ Hiên Viên Hoàng đế của Tàu) !

Do đó mà Hán Nho là mớ hỗn tạp của Nho Vương đạo và Hán Nho Bá đạo. Vì không cạo sửa hết vết tích của Việt Nho nên trong Hán Nho vẫn còn những câu của Việt Nho chống độc tài Hán Nho như:

“Trọng Nam khinh Nữ, nhất Nam viết hữu, thập Nữ viết vô. Dân vi bang bản,, bản cố bang ninh. Tru bạo Quốc chi Quân, nhược tru Độc phu. Dân vi trọng, Quân vi khinh: Trọng con Trai, khinh rẻ con Gái, cho rằng chỉ có một con Trai nối Giòng là đủ , còn có đến 10 con Gái kể như bằng không! Dân là gốc của nước (chứ không phải Vua) Gốc Dân có vững thì nước mới được an ninh. Giết một ông Vua bạo chẳng khác nào trừ khử một tên “ phạm phu tục tử. Dân được coi trọng, còn Vua bạo ngược thì xem khinh “

Chúng ta chỉ cần “ Gạn Đục Khơi Trong Hán Nho “ theo hai Tiêu đề “ Văn Hóa Nông nghiệp và Du mục “ thì thấy rõ tính chất Dân chủ của Nguyên Nho (Do đức Khổng Tử thuật lại từ Văn Hóa phương Nam của Việt Tổ “ Viêm Đế Thần Nông “ của Việt Nam, gọi là Khổng giáo) và cũng thấy được tinh chất bá đạo độc tài của Hán Nho.

Đề kết luận: Triết Lý An vi của Việt Nam có gốc từ nét Lương nhất của cặp đối cực Triết lý Vô thể của Ấn Độ (Triết Đông) và Triết lý Hữu Thể (Ontology) của Tây phương.

Triết lý An vi cũng là Tổng hợp của “ Triết Đông / Triết Tây “ có nguồn gốc từ Dịch lý “ Âm Dương Hòa của Việt Nam “ do T.G. Kim Định khởi xướng.

NGUỒN GỐC CỦA NHO: VIỆT NHO: VĂN HÓA VIỆT

Việt Nho có Nguồn gốc từ Ngũ hành.

Ngũ hành có nguồn gốc từ Dịch lý Âm / Dương Hòa

Thủy / Hỏa , Mộc / Kim là hai cặp đối cực thuộc Dịch lý Âm Dương Hóa,

Thủy / Hỏa – THỔ - Mộc / Kim

NGŨ HÀNH (FIVE AGENTS): TẠO HÓA LƯ: KHUÔN ĐÚC VŨ TRỤ

Thủy / Hỏa – THỔ - Mộc / Kim



Hỏa (Tinh thần)



Mộc (Sinh vật)

Kim (Khoáng chất)

Năng lượng Tinh Thương: THỔ: $E = mc^2$. Vector equilibrium : THƯỢNG ĐẾ/CON NGƯỜI

(INFINITY  → Ultimate Supreme  : Bipolarization) [:VÔ CỰC nhi THÁI CỰC]



Thủy (Vật chất)

I.- NỀN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM CỦA VIỆT TỔ THẦN NÔNG

I.- Việt Nho là nền Văn Hóa phương Nam của Việt Tổ Viêm Đế Thần Nông, Thần Nông là Tổ Ba đời của Đế Minh, Đế Minh là Tổ Ba đời của Hùng Vương.

Đức Khổng Tử đã “ thuật nhi bất tác “ nền Văn Hóa phương Nam.

Nho được định nghĩa là “ Khoan Nhu (Nho) dĩ giáo, bất báo vô đạo, Nam phương chi cường giả, Quân tử cư chi “: Đức Khổng đã thuật lại, mà không sáng tác nền “ Văn Hóa biết lấy điều “Khoan hòa nhu thuận” để dạy bảo nhau, không báo oán người lạm dụng, Văn Hóa phương Nam thuộc hành Hỏa - Quẻ Ly (Lưỡng Long triều Nguyệt) - là “ hùng dũng“, người Quân tử (phương Bắc) nên sống noi theo.

Đây là căn nguyên chỗ yếu hèn (Khoan nhu) và cũng là chỗ cao cả (Hùng dũng) của Đông phương

Hèn yếu là khi nhân loại : Giơ Quả đấm nắm Tay lên làm Luật để dành miếng ăn, lấy miếng Ăn làm lẽ Sống duy nhất, lấy Đấu tranh đấm chém làm Vinh quang của mình.

Cao cả là khi con người: Lấy Nhân Đạo làm Luật. Lấy Nhân ái Công chính làm cách Xử thế. Lấy Tinh thần làm trọng,



Long thuộc Dương: 2 gạch liền Trên Dưới. Nguyệt thuộc Âm, 1 nét đứt ở giữa đây là biểu tượng của nền Văn Hóa Phương Nam của Việt Tổ Thần Nông.

Trước đây Nho được Đức Khổng thuật lại gọi là Khổng giáo, khi truy ra nguồn gốc thì Khổng giáo chính là Nguyên Nho của Việt Nam.

II.- CƠ CẤU VIỆT NHO NƠI:

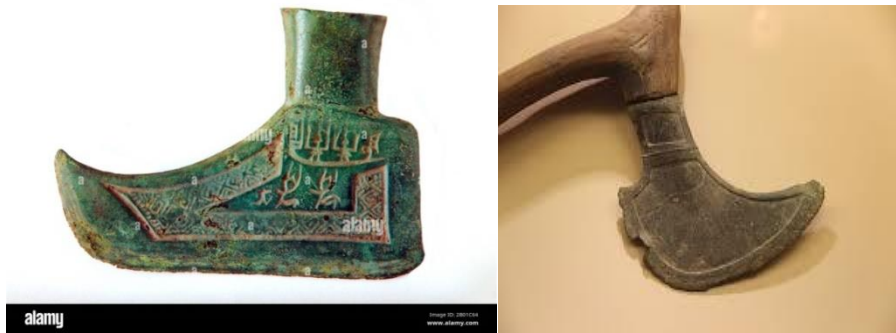
CỔ VẬT, CỔ NGHỆ & HUYỀN SỬ VIỆT NAM

“ Nho là Tổ của Cơ cấu, Cơ cấu đó là bộ số Huyền niệm 2 – 3 , 5. Bộ số này là Cơ cấu của nền Văn hóa Đông Nam của đại chủng Việt, chúng ta có thể giải thích bằng Đồ hình và Số độ của Ngũ hành. Ngũ hành là Biểu tượng hữu hình của Việt Nho, Chúng ta cũng tìm thấy Bộ Huyền số ấy trong nhiều lãnh vực khác nhau cũng như trong sinh hoạt của dân tộc Việt.

(Cơ cấu Việt Nho. Kim Định)

Khi học hỏi Thánh kinh Cựu và Tân Ước chúng ta cũng nhận ra bộ số Huyền niệm trong đó, nên có sự gặp gỡ giữa Việt Nho và Thánh Kinh của Kitô giáo. “

1.- BỘ HUYỀN SỐ VIỆT NHO 2-3, 5 TRONG CỔ VẬT CỔ NGHỆ VIỆT NAM



Cây Búa Việt (Phủ Việt)

NỀN TẢNG VĂN HÓA VIỆT

A.- CƠ CẤU VIỆT NHO

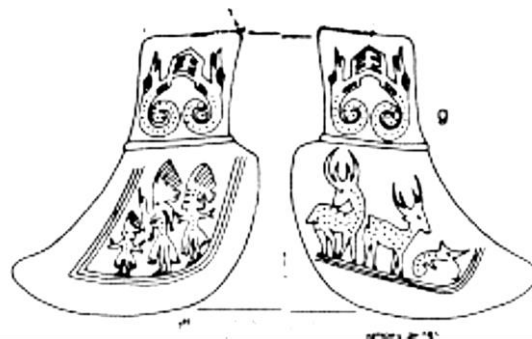
I.- TRONG CỔ VẬT BÚA VIỆT (PHỦ VIỆT)

Cây Búa Việt hay Phủ Việt

Nhìn kỹ vào hình đầu tiên

Bên trên có khắc **2 hình Người** đang dơ tay lên nhảy múa (Lạc Việt)

Bên dưới có **3 hình Người** đang nhảy múa



Hình Phủ Việt

Phía trên: **2 Giao long** đang cài hoa kết hoa (Giao thoa)

Phía dưới: **3 Người** mang lông chim trên đầu nhảy múa &

3 con nai lộc

Bộ số Huyền số 2 – 3, 5 là nền tảng của Việt Nho: Văn Hóa Thái Hòa Việt
(Ngoài ra có vô số cổ vật và cổ nghệ (Trống Đồng). ... đều mang bộ số Cơ cấu Văn Hoá

Đây là Bộ Huyền số của Việt Nho : 2 - 3 , 5 (2+ 3 = 5

Số 2 là Dịch lý: Luật Biến hóa bất biến trong Vũ trụ: Vũ trụ quan Động

Số 3 là nhân sinh quan Nhân chủ : Con người Nhân Chủ trong Tam tài: Con Người tự Chủ, tự Lực, tự Cường.

Số 5: Nguồn Tâm linh: Nguồn Năng lượng Tình Thương sáng tạo ra Vũ trụ

II.- TRONG HUYỀN SỬ

1.-SÁCH ƯỚC, GẬY THẦN

SÁCH ƯỚC chính là Thánh kinh của Việt Nam, một Kinh vô tự: không có chữ, chỉ có 3 trang trống trơn, nhưng 3 trang đọc được có tên là Hòa và Mộc.

Sách được ban cho **Thần Tản Viên khi xuống thăm Lạc Long Quân dưới thủy phủ.** Đây là quyển sách gia truyền được ông cha trao lại cho con cháu, trao dưới đáy biển tức chỉ những điều chép trong sách nằm trong vùng tiềm thức cộng đồng của đại chúng. Truyền thống tâm linh nhân loại thường dùng lòng biển để chỉ những chân lý thâm sâu cao cả. Những chân lý trong sách ước được diễn tả bằng ba ẩn ngữ: **Tiên Rồng, ẩn số 2-3 và nét cong.**

Sách Ước nói lên nguồn gốc **Văn hóa Việt phát xuất từ Thái Bình Dương** như được kiện chứng bằng truyện hiền triết Tane lên thăm kho trời được ban cho **2 hòn đá quyền lực và 3 thúng khôn** tức cũng cùng dùng hai bộ số 2-3 như sách ước (2 trang hòa mộc: hòa số 2, mộc số 3).

(Maori < 3 baskets of knowledge and legend of 2 stones of Power)

Hiền triết Tane ở đảo Đanê (Polynesian) tức giữa lòng Thái Bình Dương y như Lạc Long Quân. Chắc vì nguồn gốc biển cả này mà Việt Nam gọi quê hương là nước. Nước Việt Nam: “Water Việt Nam” nói lên liên hệ với biển rõ ràng.

Để hiểu được **nội dung sách Ước** cần phải hiểu hai trang hòa mộc là gì tức là phải hiểu Ngũ hành ra sao, vì ngũ hành thành bởi hai **bộ số 2 - 3 làm gốc.** “

(**Gốc Rễ Triết Việt. Kim Định**)

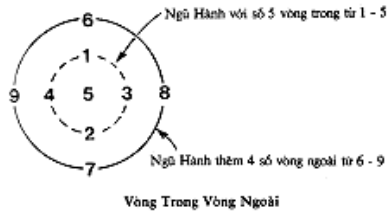
Sách Ước chính là bộ Huyền số 2 - 3. 5 của Việt Nho

2.- GẬY THẦN

Ngoài ra **Thần Tản Viên** còn được **Lạc Long Quân** ban cho **Gậy Thần 9 đốt**, tức là vòng Trong và Vòng Ngoài của Ngũ hành tạo nên **Lạc Thư**. **Lạc Thư** là Vector quân thiên của Vũ trụ (Vector equilibrium) [Đã giải thích ở trên]

Vòng Trong: 1 / 2 – 5 – 3 / 4

Vòng Ngoài: 6 / 7 – 5 – 8 / 9



Lạc Thư

Các Số Lẻ được xếp trên Thập tự nhai vuông góc †:

1 / 9 – 5 - 3 / 7

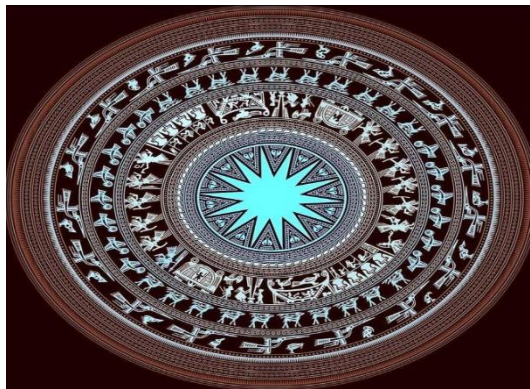
Các số Chẵn được xếp trên Thập tự nhai chéo góc ✕ cùng Tâm (số 5):

8 / 2 – 5 – 4 / 6

4	9	2
3	5	7
8	1	6

III.-TRONG CỔ NGHỆ

TRỐNG ĐỒNG NGỌC LỬ (& ĐÔNG SƠN)



Nhìn vào mặt Trống Đồng, chúng ta thấy có 4 vòng lớn;

1.- Vòng lớn chính giữa gồm vòng ngôi sao 14 cánh và thêm 2 vòng nhỏ tiếp theo.

Ngôi sao 14 cánh tượng trưng cho 1 tuần Trăng, mỗi tháng có 2 tuần trăng 28 ngày đêm, các cánh sao tạo ra 14 **Tam giác gốc**, (Âm vật) giữa 2 cánh có cái bìa nhỏ gồm 2 hột như lông công , đó là **Ngọc hành**. (Dương vật)

Vậy vòng ngôi sao 14 cánh tượng trưng cho Âm Dương.

Vòng chính giữa lại gồm 3 vòng, 3 là số Lễ đầu tiên tượng trưng cho cho Thiên.

2.- 2 Vòng ngoài cùng gồm Chim và Muông đang bay nhảy theo chiều Tả nhậm hướng về Trung tâm, số 2 là số Chấn đầu tiên tượng trưng cho Địa. 2 nhóm 6 và 8 chim đang bay quanh trung tâm, biểu tượng của thể Thơ Lục Bát), 2 nhóm 10 con nai gạc đang chạy quanh Tâm Trống.

Vòng ngoài cùng gồm 18 cặp chim To / Nhỏ, đang bay/ đứng im. Đây là Biểu tượng của 18 đời Hùng Vương.

3.- Vòng ở giữa 3 Vòng Thiên và 2 vòng Địa là vòng Nhân, các diễn đề mô tả cảnh sinh hoạt của Nhân, gồm 2 nhóm 6 và 7 người đầu đội lông chim, tay cầm lao nhảy múa theo chiều Tả nhậm, 2 nhóm đối xứng với Tâm Trống, 2 toán 3, 4 người đang giã Cối / Chày đứng, 2 toán cũng đối xứng qua Tâm Trống. Toán khác gồm 1 người đang chơi với chim, cạnh đó 2 người đang giã Cối Chày đứng.

Ngoài ra còn có 2 nhà vòm Lỏm có 1 và 2 chim đối xứng nhau, 2 nhà vòm Lồi có 1 nam 1 Nữ đứng trước cửa cũng đối xứng nhau.

Điều đáng để ý là tất cả sinh hoạt của Người, của các Chim To / Nhỏ, Bay/ đứng, của Muông, các nhà cửa đều là những cặp đối cực của Dịch lý, tất cả đều đối xứng qua Tâm Trống, mọi sinh hoạt đều quay theo chiều Tả nhậm hướng về trung Tâm Đạo .

Đây là cuộc Ca vũ của Tam Tài : Thiên Địa Nhân theo Tiết nhịp Hòa của vũ trụ (cosmic rhythm (của Dân Lạc Việt).

Một cách Tổng quát các diễn đề trên mặt Trống, và hình Thuyền Rồng nơi tang Trống là Biểu tượng của Huyền thoại Tiên Rồng, Huyền Thoại về Tinh thần Dân tộc : NHÂN NGHĨA, BAO DUNG.



Hình thuyền trên thân trống Ngọc Lũ

Hình Thuyền Rồng nơi Tang Trống Đờng

Vậy Hình Trống Đờng cũng tượng trưng cho:

Tiên (Mặt Trống) Rồng (Tang Trống)

Rõ ràng là Việt Nho có nền tảng hay Cơ cấu không những trong những Di vật trên mà còn nằm sâu trong **Huyết quán** mỗi người dân Việt, chúng ta có thể tìm thấy trong sinh hoạt của nền Văn Hóa Chất Gia (Văn chương truyền khẩu) về Phong tục tập quán và vô số Lễ Hội.

B.- NỘI DUNG CỦA VIỆT NHO

Dịch Lý, Tam tài, Ngũ hành là 3 nền tảng của Việt Nho:

Văn Hóa Thái Hòa Việt

I.- VŨ TRỤ QUAN ĐỘNG

Dịch Lý **ÂM DƯƠNG HÒA** (Số 2) với 3 Luật Lớn :

Dịch lý Âm Dương Hòa, Luật Giá Sắc, Luật Loại tu.

Law of unchanged cyclic change (Luật biến Hóa tuần hoàn bất biến)

Law of Sow and Reap (Gieo / Gặt)

Luật Loại tụ (Law of Affinities)

II.- NHÂN SINH QUAN NHÂN BẢN (Humanism)

TAM TÀI (Số 3): THIÊN –NHÂN – ĐỊA (Trinity)

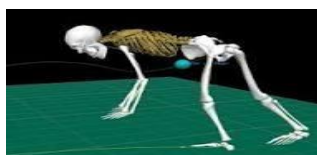
Nhân (Con Người) được nối kết với **Thiên** (nguồn Tâm linh) và **Địa** (nguồn Khoa học)



Huệ nhãn (Third Eye)

Huệ nhãn nằm ngay giữa hai mắt, và mở rộng lên đến giữa trán khi mở ra.

(Điểm **Nhân** nối với **Thiên** : **Huệ nhãn**: Điểm con người nối với nguồn **Tâm linh**)



Huyết Đan điền (Dantien)

Center of Gravity

Huyệt Đan điền nằm cách phía dưới Rốn 2.5 cm

(Điểm Nhân nối với Địa nơi Đan điền: Điểm con Người nối với Quả Đất :nguồn **Khoa học**)

Khi tập Yoga, người ta vận khí qua Mạch Nhâm và Mạch đốc nối kết qua lại với hai huyệt trên để nối kết với Thiên Địa mà Hòa cùng nhau.

Khi “ Huệ nhãn / Đan điền “ lưỡng nhất thì Nhân được “ Thân an Tâm lạc “.

III.- Ngũ hành (Số 5): Thủy / Hỏa – THỔ - Mộc / Kim:

Ngũ hành là “ Tạo Hóa lực “ hay “ Lò Cừ “, hay “ Khuôn đúc Vũ trụ “.

(Time – Space- Continuum (Einstein)

TÂM LINH SỬ QUAN (Số 5)

3.- Ngũ hành (Số 5 : Five Agents) : Thủy / Hỏa - THỔ - Mộc / Kim : Spirituality.

Nguồn Năng lượng Tình Thương Sáng tạo ra Vũ trụ

E= mc² (Einstein)

TÂM LINH:NGUỒN SỐNG (VẬT CHẤT), NGUỒN SÁNG (TINH THẦN)

Theo đó, thì Việt chỉ tất cả các dân đã cư ngụ trong nước Tàu trước khi có Dân tộc Tàu, Việt Nam chỉ là một chi trong cái khối lớn lao đó, Có chăng Việt là chi được coi như kế thừa nền Văn hoá của khối Đại Việt, đối với Tàu xuất hiện về sau.

Cả hai nơi đều tổ chức xã hội theo mẫu Nông nghiệp, Việt thì còn giữ nguyên chất nhiều hơn, hãy tạm gọi là 9 nông 1 du, còn Tàu thì 6 nông 4 du. Do đó có một số nét khác biệt làm cho Tàu nói chung không quân bình bằng Việt.

Thí dụ về Vật biểu Tàu chỉ có Rồng (độc Dương) , đang khi Việt có cả Rồng lẫn Tiên, nhân đó Việt trọng bên Tả, nổi về Văn hoá Tinh thần, Tàu trọng bên Hữu nổi về Văn minh (vật chất). Còn rất nhiều chi tiết sẽ đề cập sau. “

(Kim Định)

Tham khảo

[1]- Frequencies of Matter

Is it theoretically possible for physical solid matter to vibrate

Solid matter continually vibrates, and the vibrations are perceived macroscopically as temperature. It is the rotational and vibrational motion of the atoms and molecules which are bound together at a high enough frequency

The temperature of a solid comes with a [black body radiation](#) connected to it, and thus there exists a spectrum of characteristic frequencies, related to the frequencies of the vibrational and rotational levels of the atoms and molecules in the solid. **The higher the temperature the higher the frequency, and the higher the frequency the higher the temperature.**

to become imperceptible to vision and move through other solid matter?

If the frequency gets high enough the solid will either burn, or melt, depending on the atoms and molecules involved. The result of high frequencies of vibration do not lead to metaphysical conditions.

The level of energy is highest in gases, medium in liquid and lowest in solids. The speed of sound is highest in solids, while the speed is a bit slower in liquids and minimum in gases.

Key Differences Between Solid, Liquid and Gas

The difference between **solid, liquid and gas** can be drawn clearly on the following grounds:

1. A substance having structural rigidity and has a firm shape which cannot be changed easily is called solid. A water-like fluid, that flows freely, having a definite volume but no permanent shape, is called liquid. Gas refers to a state of matter, do not have any shape but conform to the shape of the container, completely, in which it is put in.
2. While solids have certain shape and volume, liquids only have definite volume but not shape, gases neither have shape nor volume.
3. The level of energy is highest in gases, medium in liquid and lowest in solids.
4. The compression of solids is difficult, liquids are nearly incompressible, but gases can be easily compressed.
5. Molecular arrangement of solids is regular and close, but liquids have irregular and sparse molecular arrangement and gases, too have random and more sparse arrangement of molecules.
6. The molecular arrangement in solids is well organised. However, the layers of molecules slip and slide over one another, in the case of liquids. In contrast, the particles in gases are not at all organised, due to which the particles move randomly.
7. When it comes to fluidity, solids cannot flow, however, liquids can flow and that also from the higher level to lower level. As against this gases flows in all directions.

8. The spaces between the molecules and the kinetic energy are minimum in solids, medium in liquid and maximum in gases. So, the motion of molecules is negligible in solids, whereas in liquids, the erratic, random motion of molecules can be seen. Unlike gases, which have the free, constant and random motion of molecules.
9. In solids, the particles are held tightly by strong intermolecular attraction, although in liquids the attraction between particles is intermediate. As against this, the particles are loosely held, because the intermolecular attraction is weak.
10. The speed of sound is highest in solids, while the speed is a bit slower in liquids and minimum in gases.
11. As solid have a definite shape and size, they do not require a container for storage. Liquids cannot be stored without a container. Conversely, for storing gases, a closed container is required.

(Đây là ba trạng thái biến đổi của Vật chất mà nhà Phật gọi là tuồng Ảo hóa đã bày ra đó)

Changing the Frequencies of Our Thoughts



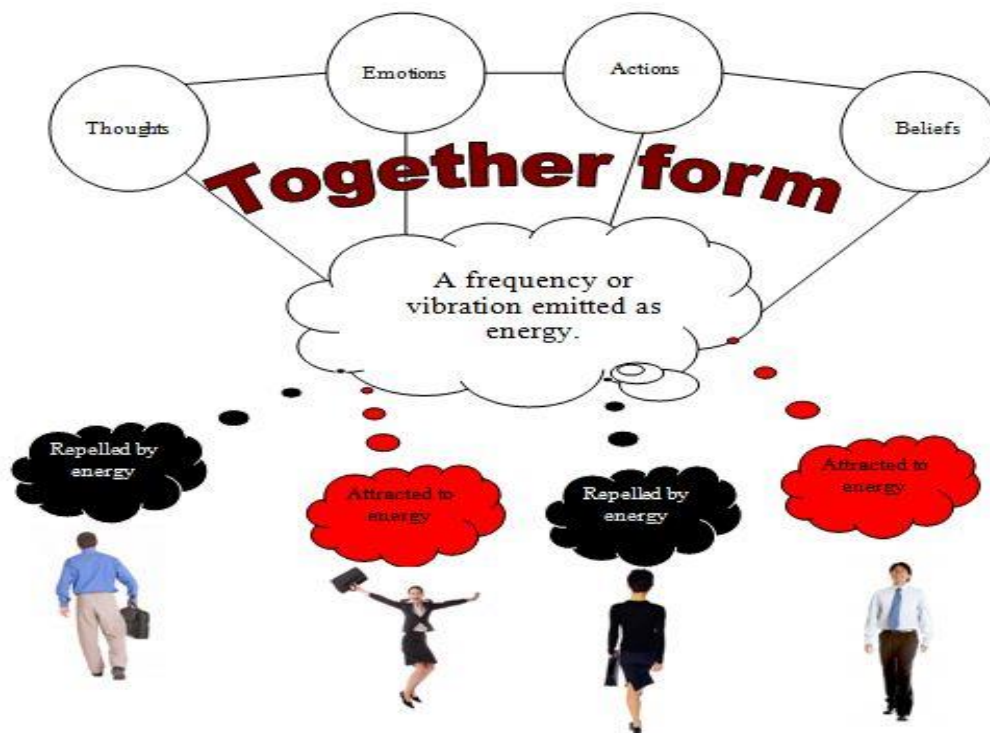
Is it possible that different types of thoughts have different frequencies, just like a radio station? I believe the answer to that is that to a degree they do, however it's not the thoughts that emit a frequency **it's the brainwaves, which are directly controlled by thoughts and emotions.** That brainwave frequency is then transmitted into the world, so to speak. Others pick up on the frequency, or vibration, and are attracted to it or repelled by it depending on their frequency at a particular time.

For example when you are in a bad mood, for whatever reason, your thoughts are generally negative, you might not want to be around people. Your thoughts are creating emotions of "'go away' to everyone around you, your behaviour is then affected by your thoughts and emotions. Your body language will tell people to stay away from you or to leave you alone for a bit. Others will pick up on your brainwave frequency, vibration, subconsciously, and stay away or they will talk to you, trying to give you some of their energy and lift your energy.

If we can manage to control our thoughts, we are effectively controlling our emotions, which in turn is controlling our behaviour. If we control our thoughts and behaviours we are effectively controlling our mind energy and the frequencies of the brainwaves we are sending out to the world.

Thoughts and attraction

We've heard a lot about the law of attraction. I think the use of the term has become overused and therefore misunderstood, subsequently it has not been taken that seriously. However if we use the model below to show how our thoughts can attract like minded people and events into our lives, I think we can take it a little more seriously:



From the above model we see that your mind energy attracts others with the same mind energy, or close to it. I believe your mind energy is literally touching others, a little tap on the shoulder saying "hey, there's this guy over there who has the same energy as yours, maybe worth speaking to him." Or "there's a woman in the room who is thinking a lot about her financial situation, you might be able to help her."

What we are thinking a lot about will produce different brainwave frequencies. So, if you're thinking a lot about your financial situation with a positive frame of mind, that frequency will touch others who may be able to help you in some way. If, on the other hand, you are thinking about your financial situation in a negative way, those thoughts will produce a different frequency and you will touch others who could make your financial situation worse.

The ladder of vibration



Other Solar Systems

Our **Milky Way Galaxy** is just one of billions of galaxies in the universe. Within it, there are at least **100 billion stars**, and on average, each star has at least one planet orbiting it. This means there are potentially thousands of planetary systems like our solar system within the galaxy!

Our **Sun** is one of at least **100 billion stars** in the **Milky Way**, a spiral galaxy about 100,000 light-years across.



• [Telescope Named For 'Mother of Hubble'](#)

How many Suns in the Universe

The stars are arranged in a pinwheel pattern with four major arms, and we live in one of them, about two-thirds of the way outward from the center. Most of the stars in our galaxy are thought to host **their own families of planets**.

The Milky Way galaxy is just one of **billion of galaxies** in the universe.

The universe is a vast expanse of space which contains all of everything in existence. The universe contains all of the galaxies, stars, and planets. The exact size of the universe is unknown. **Scientists believe the universe is still expanding outward.**

Go farther. [Explore Beyond Our Solar System In Depth >](#)

Like early explorers mapping the continents of our globe, astronomers are busy charting the spiral structure of our galaxy, the Milky Way. [More >](#)

How many Suns in the Universe?

Hey cool cats, I'm Dr. Universe, here to answer your baffling science questions like this one. How many suns are in the universe? **The sun is actually a star**, our nearest star, but there are lots of stars out there. Maybe you've tried counting them before. One, two, three, four, five, six, seven stars make up the big dipper. Astronomers estimate that **the human eye could spot about 9,000 stars**. Of course, the Earth blocks our vision so we only see about half of those in the night sky. If **we use binoculars, we could see even more stars, about 200,000 of them**. A **small telescope** can help us see more than **15 million stars** and even more powerful telescopes can help us look for other galaxies which are home to even more stars. Have you ever been stargazing? What did you see in the night sky? Tell us about it sometime at Dr.Universe@wsu.edu.

Do stars emit energy?



slideshare.net

The majority of stars emit most of their electromagnetic energy as visible light, the tiny portion of the spectrum to which our eyes are sensitive. Because wavelength correlates with energy, the color of a star tells us how hot it is: red stars are coolest, blue are hottest.

The main difference between the sun and any other star is the distance each are from Earth. The sun is closer to this planet than all of the other stars.

Size is another major difference between the sun and other stars. **The sun is the biggest star in this solar system.** Within the whole universe, the sun is quite small compared to the enormous stars that exist beyond our solar system. **The largest star** that scientists have discovered is called **Mu Cephei. Over one billion of Earth's suns could fit inside of Mu Cephei.** This massive star is considered to be a giant in the universe.

Stars also differ in temperature. Temperature differences can be interpreted using color changes. Stars that burn red and orange are much cooler in temperature than the sun. Stars that burn white or blue-white are much hotter than the sun.

As well as mass and temperature, all of the stars also differ in age. The sun in this solar system is approximately five billion years old, making it a middle-aged star. As the stars grow older, they are subject to changes in mass, size and temperature. Sometimes, stars can even lose mass as they age.

CHƯƠNG HAI THUYẾT ÂM DƯƠNG CỦA VIỆT NHO

Hay

VIỆT DỊCH

A.- VIỆT DỊCH

Thuyết Âm Dương là nền tảng quan trọng nhất của Việt Nho, “**Âm Dương Hòa** (:Ying /Yang dual unit) “ là nét Nhất quán của **Việt Nho**. (Confucéisme)

Chúng ta có thể tìm Nguồn gốc của **Việt Dịch** nơi hai **Huyền thoại** và **Thao thiết Văn Quỷ Long**:

- 1.- **Việt Tĩnh** (Thời Hoàng Đế . **4716** năm, khi nước Tàu mới được thành lập)
- 2.-**Tiên Rồng** .**4899** năm, thời Hồng Bàng (Trước khi nước Tàu được thành lập 182 năm .)
- 3.- **Văn Quỷ Long** thời Văn Hóa Hoà bình tại Thái Bình dương,cách nay **12 ngàn năm tới 30 ngàn năm** . Thao thiết là đồ cổ thời nhà Thương.

I.- HUYỀN SỬ VIỆT TĨNH

“ Việt Tĩnh ở **núi Trâu Sơn, quận Vũ Ninh, đời Hùng Vương thứ 3**, Ân vương cử binh Nam xâm, đóng quân ở núi Trâu Sơn; **Hùng vương cầu Long Quân giúp**, Long Quân bảo tìm thấy khắp thiên hạ, nếu được người kỳ tài thì dẹp được giặc; đến kỳ cầu được **Đổng Thiên vương** cỡi ngựa sắt đi đánh, **tướng sĩ nhà Ân** đều tan vỡ. Ân vương chết ở dưới núi, làm Địa Phủ Quân, dân lập đền thờ, bốn mùa cúng tế, nhưng lâu năm suy dần, bỏ thành chùa hoang. Người bản quốc tên là **Thôi Lạng làm quan nhà Tần**, đến chức Ngự Sử Đại Phu, thường đi ngang qua đây, thương cảnh điêu tàn mới trùng tu miếu vũ lại, nhân đó có đề một bài thơ:

“ **Cổ nhân truyền tụng chuyện Ân vương
Tuần thú năm kia đến địa phương
Núi rậm nước trôi không thấy miếu
Hồn thăng dầu để vẫn nghe hương
Một mai thắng bại không Ân đức
Muôn thuở uy linh trấn Việt Thường
Trăm họ từ đây đều phụng tự
Âm phù vận nước vững vô cương.”**

Sau đến đời **Nhâm Hiệu, Triệu Đà Nam xâm**, lại đóng quân ở núi này, lại trùng tu miếu mạo, cúng tế hậu hĩnh, **Ân vương cảm đức, muốn đền công cho Thôi Lạng, mới sai Ma Cô Tiên đi tìm khắp nơi**. Lúc bấy giờ Thôi Lạng đã chết, chỉ còn **con là Thôi Vỹ**.

Tiết thượng nguyên tháng giêng, phương dân đi lễ đền, có người cúng một cặp bình pha lê. Ma Cô cầm lên tay ngắm nghía, bỗng bình rơi xuống đất, vỡ nứt một mảnh; người ta bắt Ma Cô lại, đòi bồi thường, Ma Cô mặc áo rách, không ai biết là người Tiên, họ mới lấy roi đánh.

Thôi Vỹ thấy thế thương hại, cởi áo đèn hộ nàng; Ma Cô được khỏi đánh, nhân đó hỏi đến chỗ ở của Thôi Vỹ, Thôi Vỹ nói đến tên cha, thì nàng mới hay là con Thôi Lạng.

Nàng mừng bảo rằng : Ta bây giờ không có gì để đền ơn, sau này chàng sẽ được hậu báo. Bèn đưa cho Thôi Vỹ một tấm lá ngải và dặn rằng : Hãy giữ lấy vật này cho cẩn thận, lúc nào cũng để trong mình, gặp bệnh nhức ảnh (cái bấu) mà đem cứu tất khỏi, rồi thế nào cũng được giàu sang. Thôi Vỹ cầm lấy là ngải, nhưng chẳng biết đó là thuốc tiên.

Một hôm đi đến nhà đạo sĩ Ứng Huyền, thấy Huyền có một cái nhọt trên đầu, Vỹ nói : Tôi có lá ngải, trị được bệnh này, để tôi trừ cho. **Thôi Vỹ lấy ngải cứu cho Ứng Huyền**, cái nhọt của Ứng Huyền liền tiêu tan. Ứng Huyền nói : Ấy là thứ thuốc tiên vậy, tôi không có gì đền đáp cho anh, tôi có người thân thích cũng đau bệnh này, thường nói rằng ai chữa cho bệnh lành được thì dầu hết gia tài cũng chẳng hề tiếc, tôi đem anh qua đó để chữa cho họ, và để đền ơn anh. **Ứng Huyền đem Thôi Vỹ sang nhà Nhâm Hiệu (1), Thôi Vỹ lấy ngải ra cứu, cái nhọt tức lành ngay.** Nhâm Hiệu rất mừng, nuôi Vỹ làm con, mở trường để dạy Vỹ, **tính Vỹ thông minh, ưa thích đàn cầm, thấy con gái Nhâm Hiệu là Phương Dung, mới đem lòng yêu dấu, nhân cùng nàng tư thông, tình ý quyến luyến, con Nhâm Hiệu là Nhâm Phu biết được muốn làm cho Vỹ chết.** Đến cuối năm có lễ tế thần Xương Cuồng, người ta chưa tìm được người tế, nên Nhâm Phu bảo Vỹ : Ngày nay không nên đi ra ngoài, hãy vào công sảnh mà tránh đi, thì sau này khỏi hối. Thôi Vỹ chưa hiểu ý làm sao, Nhâm Phu đã khóa chặt cửa lại, bảo không được ra. **Phương Dung biết ý, lén lấy con dao đưa cho Vỹ, bảo đục vách mà ra.**

Đêm khuya Thôi Vỹ trốn đi, muốn đến nhà Ứng Huyền, lật đất đi lên núi, rùi rơi vào trong một cái hang, tứ phía đều là vách đá, không có chỗ nào trèo lên được, ở trên có một khối đá rỗ sứa đá chảy xuống một chiếc mâm đá, có một con rắn trắng dài 100 thước, mỏ vàng miệng đỏ, vẩy bạc, dưới cằm có một cái bướu thịt, trên trán có 3 chữ “ **Vương Tử Xà** ”, bò ra ăn thạch nhũ, thấy trên thạch bàn hết cả, rắn cất đầu lên thấy Vỹ, toan nuốt đi, Thôi Vỹ sợ quá, quỳ xuống lạy rằng : **Thần tỵ nạn, làm rơi xuống đây, đói bụng nên có ăn trộm vương vật, thực là có tội, dưới cằm vương có một cái nhọt, thần xin lấy ngải cứu lành, xin tha tội để thần trở nghề mọn này.**

Bạch Xà lập tức ngẩng đầu lên cho Vỹ cứu, bỗng thấy đồng nội bị cháy, một tia lửa bay vào trong hang, Vỹ lấy lửa cứu cho rắn, cái nhọt liền tiêu ngay. Rắn mới khom mình đến trước Vỹ, ý muốn bảo Vỹ cười lên, Vỹ cười lên lưng rắn, rắn bò ra hang, ước một canh thì đến trên bờ, bờ vắng vẻ không có người nào đi lại, rắn quấn đuôi lại trở về hang.

Vỹ đi một mình, lạc đường bỗng thấy trên cửa thành, có một cái lầu cao, ngói đỏ lóng lánh, đèn sáng rực rỡ, trước cửa có treo một tấm biển đỏ chữ vàng, đề là “ **Ân Vương thành** ”. Vỹ ngồi lên cửa thành, hồi lâu không thấy người nào qua lại, mới bước vào cửa sân, thấy bên sân có một cái ao, trong ao có **hoa sen 5 sắc**, trên bờ có nhiều rặng hoa liễu, đường lát bằng phẳng, ngọc điện châu cung, toà ngang dãy dọc; trên điện đặt hai cái giường vàng trải chiếu hoa bạc, trên tường có treo một cái đàn cầm đàn sắt, Vỹ thông thả bước đến lấy cây đàn gảy một hồi lâu. Kim đồng ngọc nữ, vài trăm người hầu, bà Ân Vương Hậu mở cửa đi ra, Vỹ sợ quá, chạy xuống sân điện sụp lạy. Bà Ân Hậu cười bảo rằng : Thôi Quan Nhân ở đâu lại ?

Sai người mời lên trên điện bảo rằng : **Đền thờ của Ân Vương ta lâu đời bỏ hoang phế, nhờ sức của Tiên thân Ngự Sử trùng tu lại, người đời mới bắt chước thờ cúng luôn luôn.** Vương đã sai Ma Cô đi tìm để báo đức, nhưng không gặp được Ngự Sử, chỉ gặp công tử chưa có

dịp đèn đáp, nay nhân được thấy mặt, thì Thượng đế đòi vương lên châu trời rồi, thôi công tử ở lại đây đợi vậy. Rồi lưu Thôi Vỹ ở lại ăn uống no say. Bỗng thấy một người râu dài bụng lớn, cầm một tờ biểu quỳ mà tâu rằng : Tháng giêng ngày mồng ba, Nhâm Ngao bị thần Xương Cuồng đánh chết. Nghe tâu xong, Hậu bảo rằng : Dương Quan Hậu đưa Thôi Vỹ về trần. Vỹ cáo tạ mà về. Dương Quan bảo Vỹ nhắm mắt, ngồi lên trên một chiếc quạt, hơn một khắc đã đến trên núi, ngày nay hãy còn sau đèn thờ Triệu Việt Vương ở núi Trâu Sơn.

Sau Vỹ về đến nhà Ứng Huyền thuật lại cho Ứng Huyền nghe. Đến ngày mồng một tháng 8, Vỹ cùng với Huyền đi chơi thì gặp Ma Cô Tiên, dắt một người con Gái cho Thôi Vỹ, bảo đem về làm Vợ / Chồng, lại cho hòn ngọc Long Toại, nói đó là ngọc châu, từ thuở Trời Đất mới khai tịch, đã có một cặp Trông / Mái từ đời Hoàng Đế trải đến đời Ân truyền làm thế bảo; trong trận đánh Trâu Sơn, Ân Vương đeo nó mà chết, ngọc châu dấu trong đất, mà tia sáng chiếu thẳng lên trời. Thời nhà Tần, binh hoả liên miên, những vật trân bảo đều bị đốt cháy; các nhà Vọng khí đều biết hòn ngọc Long Toại còn ở phương Nam. Người Tàu đem vàng bạc gấm vóc giá trăm vạn để tìm mua; Vỹ nhân đấy đại phú. Sau Ma Cô Tiên rước Vợ Chồng Thôi Vỹ đi, không biết đi đâu. Nay giêng bỏ hoang thành bản thiêu, hang thì còn ở núi Trâu Sơn. Người đời gọi là Việt tinh cương vậy.”

(Trần Thế Pháp : Lĩnh Nam chích quái, bản dịch của Lê Hữu Mục, trang 66 – 69)

Chú thích

1.- **Truyện Việt tinh có tính chất triết lý cao độ nhất**, vì vẽ lại những chặng tiến của tâm thức con người, tự Xương Cuồng (chỉ đợt báỉ vật) qua nhục ảnh (chỉ ý hệ) mà lên tới Tâm linh (chỉ bằng Thôi Vỹ lấy được Tiên nữ với quà tặng là ngọc Long Toại)

2.- **Chữ Cương** làm liên tưởng tới Hồng phạm Cửu trù, người ta cũng quen gọi Trù là đại cương. Mỗi đại cương bao gồm một số tiểu tiết kêu là điều mục.

Vì thế khi đọc Việt Tinh Cương thì nó gợi cơ cấu của Hồng Phạm với Lạc Thư cũng như lược đồ Loa Thành đều có liên hệ ngầm, được bàn trong “ Sứ Điệp ”.

3.- Chú ý **nét Song trùng** biểu lộ ở ngọc Long Toại vẫn đi đôi Sóng Mái, và khi giao thoa thì làm ra dạng tự ngã cứu . Nhớ chữ Ngải viết với bộ thảo 艹 trên chữ Nghệ 义 , nên có sức cứu thoát. Rồi cũng nét Song trùng đó kép lên thành chữ tinh井, nhái lại hình chòm sao Tinh ở phương Nam. đứng đầu chòm 7 sao : **Tinh , Quỷ , Liễu , Tinh , Trương , Dực , Chẩn**. Nét Song trùng còn hiện ra ở lá cờ Si Vưu (mỏ vàng, miệng đỏ) , nơi con rắn dài 100 thước (Bách Việt thờ Rồng). Rồi các số 3 là nhịn 3 ngày, ngải hái đã 3 năm. Bộ số 2 , 3 chuyển vận để thành Việt Tinh Cương, nên cuối truyện, giêng hiện ra cách đột ngột.” (Kim Định : Kinh Hùng khái triết , trang 207 – 209)

4.- “ **Thôi Vỹ** : Thôi là lớn mạnh. Chữ Vỹ làm liên tưởng đến cái gì tế vi, hoặc là đũa, tức cái gì cùng cực. Hai chữ Thôi Vỹ chỉ người chú ý đến cái tế vi, chú ý đến Đạo. Đạo là chỗ chí cực của vật (Đạo vật chí cực) .

Hay là người ta thấy được cái tinh vi trong vĩ đại , cũng như cái vĩ đại trong tinh vi .

5.- **Ngải cứu** : (艾 灸) Ai cũng biết là một vị thuốc mà tự dạng lại gồm có **chữ nghệ** (

义: gồm nét phẩy < 丿 > và nét móc < ㇇ > giao thoa thành chữ Nghệ: 义) **tức là nền tảng**

Kinh Dịch và hai nét Trời < ㇇ : Tả nhậm > **và Đất** < 丿 : Hữu nhậm > **giao thoa**.

Có lẽ vì Ngải là vị thuốc rất hay và có tính chất phổ biến, nên người xưa đã viết cách cao trọng như vậy. Có điều chắc là từ rất lâu xưa đã có niềm tin rằng là ngải hái lúc gà vừa gáy ngày **mồng**

5 tháng 5, rồi cho vào cái túi treo trước cửa nhà thì tránh được sét đánh (Dances 532) . Chúng ta dễ nhận thấy những tin tưởng dị đoan này có thể phát xuất do biểu tượng lá Ngải là **Đất số 2 gặp Trời số 3**, tức là tinh hoa của nền Minh triết nông nghiệp (bộ thảo: 艹, Thảo :草), nhờ nó mà chữa được bệnh nhục ảnh.

6.- **Nhục ảnh**: là những ý nghĩ tai hại che khuất lý trí không cho thấy sự thực, nó có hại, một là cuồng tín gọi là Xương cuồng, hai là như Ý hệ, gọi là roi xuống hang.

7.- **Thần Xương cuồng**: hay nữa là ý tưởng của lũ đông, tức là những tin tưởng dị đoan, những vu tưởng, những ý nghĩ của lưu tục.

8 .- **Roi xuống hang** : Có thể chỉ những ý hệ hay cả những dư luận suy tưởng của lũ đông, nó làm nên một thứ hang giam giữ Tâm Trí con người. Thôi Vỹ cũng tin theo như ai, nhưng may mắn thoát được là có lá Ngải, và do đây làm quen được với con Rắn.

9 .- **Con Rắn** : Dài 100 thước, mỏ vàng, miệng đỏ là **vật Tổ Long của Bách Việt, có màu cờ của Si Vuu nền vàng có miếng tròn đỏ ở giữa. Đó cũng là cái Long đực của Kinh Dịch**, ai hiểu được thì có thể cõi 6 rồng mà đi lên trên đường tiến hoá Tâm linh để đạt Minh triết nói bóng là lấy được Vợ và được ngọc Long toại.

Việt tinh là một trang Huyền sử của nước ta. Huyền sử kể chuyện hôm qua để nói về hôm nay cũng như mai hậu. Vì nó vượt thời gian, nên đầy tính cách thời sự : nó tiên tri bi trạng nước ta hiện nay. Nhưng nó cũng là Việt Nho không bao giờ chịu thúc thủ, nên cũng chỉ luôn ra phương thuốc để chữa bệnh, bệnh là Nhục Ảnh, thuốc là Ngải Cứu, tức là Kinh Dịch.”

(Kim Định: Dịch Kinh linh thể, An Việt Houston , trang 43-44)

II.- NGUỒN GỐC CÁC NHÂN VẬT HUYỀN SỬ

(Góc rễ triết Việt: Kim Định)

“ Xin coi đây là vài trung dẫn mẫu thay cho hàng ngàn tang chứng khác đã thu lượm qua hàng trăm sách nghiên cứu cách nghiêm túc để khỏi quây rầy độc giả phải đọc thêm nhiều trung dẫn khác. Chỉ cần tóm lược rằng tất cả các chứng từ đó đều đưa đến kết luận chung là **Tàu cùng một chủng tộc, cùng Văn hoá với đại chủng Việt, và mới tách ra từ tộc Thương (Hoàng Đế do đạo Lão đặt ra sau . Need. I. 189) , nhưng ngoài vài thói tục riêng (cờ Bạch hổ, đi xe ngựa), thì Văn hoá hoàn toàn Di, cả đến bà Giản Dịch sinh ra tộc Thương cùng sinh để theo lối Di là “ nuốt trứng chim “ Trống quân. Như vậy các **Tổ** trước gặp trong sách được cho là Tàu vừa trái khoáy lịch sử (anachronisme), vừa mâu thuẫn, thí dụ: **Nghiêu Thuấn** mới có trong sử sau Khổng Tử. **Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông** toàn là người Di. **Phục Hy** cũng gọi là **Thanh tinh: Rồng xanh** (Rồng là Di). **Nữ Oa** đầu người mình rắn (Di) . **Thần Nông** cao 8 thước 7 tấc, tức trừ 5 thì ra con số 2 – 3 của Di. Vì thế không được nhắc đến trong Kinh Thư, chỉ mới được đưa vào sau theo lối riêng, càng cổ thì càng được đưa vào muộn, thí dụ: **Bản Cổ lâu nhất vì mở đầu lịch sử toàn vùng thì mới được đưa vào đời Tam Quốc, do Từ Chỉnh trong cuốn “ Tam Ngũ Lược Kỷ “** . Bản là họ đứng đầu người Việt Đông (Origines 459) . Theo lưu truyền thì mô mã còn đầu đó trên rừng núi Quảng Đông . Vậy **Bản Cổ là Tổ họ khai quốc năm 2879 BC**. Bàng cũng đọc là Bàn (Bàng Tổ) , là Bàn, là Ban, Man, Mân, Môn, Mana, Mã Lai, Mongol. . . đều tự Bàn Cổ mà ra, chỉ có cách đọc là khác. Đây mới là liên hệ tên, chứ nếu kể đến liên hệ Văn hoá thì toàn cõi Đông Á không đầu ra khỏi đại chủng Việt “**

III.- HUYỀN SỬ TIÊN RỒNG

“ **Cháu 3 đời Viêm Đế họ Thần Nông tên là Đế Minh** sinh ra **Đế Nghi**, rồi đi Nam tuần đến Ngũ Lĩnh, gặp được nàng **con gái Vụ Tiên** đem lòng yêu mến, mới cưới về, sinh ra **Lộc Tục**,

dung mạo đoan chính, thông minh túc thành. **Đế Minh** lấy làm lạ, cho nối ngôi vua; **Lộc Tục** cố nhường cho anh, **Đế Minh** lập **Đế Nghi** làm tự quân cai trị phương Bắc, phong **Lộc Tục** làm **Kinh Dương vương cai trị phương Nam, đặt quốc hiệu là Xích Quỷ quốc. Kinh Dương vương xuống thủy phủ, cưới con gái Động Đình là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm, tức Lạc Long quân. Lạc Long quân thay cha trị nước, còn Kinh Dương vương thì không biết đi đâu. Lạc Long quân dạy dân ăn mặc, bắt đầu có trật tự về quân thần, tôn ty, có luân thường về phụ tử, phu phụ, hoặc có lúc đi về Thủy phủ nhưng trăm họ vẫn được yên ổn. Dân lúc nào có việc cần thì kêu Lạc Long Quân: Bỏ đi đường nào, không đến mà cứu chúng ta!**

(Người phương Nam gọi Cha bằng **Bố**, gọi Quân bằng Vua là tự **đấy**), thì Lạc Long quân lập tức đến ngay, uy linh cảm ứng không ai có thể trặc lương được.

Đế Nghi truyền ngôi cho Đế Lai cai trị phương Bắc, nhân khi thiên hạ vô sự, sự nhớ đến chuyện ông nội Đế Minh Nam tuần gặp được tiên nữ, **Đế Lai bèn khiến Xi (Si , Li) Vu tư tác chủ quốc sự** mà Nam tuần qua nước Xích Quỷ, thấy Lạc Long quân đã về Thủy phủ, trong nước không vua, mới lưu ái thế là **Âu Cơ** cùng với bộ chúng thị thiếp ở lại hành tại. Đế Lai chu lưu khắp thiên hạ, trải xem tất cả hình thể, trông thấy kỳ hoa, dị thảo, trân cầm dị thú, tê tượng, đòi mồi, kim ngân, châu ngọc, hồ tiêu, nhũ hương, trầm đàn, các loại sơn hào hải vị, không thứ nào không có; khí hậu bốn mùa lại không nóng không lạnh, Đế Lai ái mộ quá quên cả ngày về. **Nhân dân nước Nam khổ vì sự phiền nhiễu, không yên ổn như xưa, đêm ngày trông đợi Long Quân về, nên mới đem nhau kêu rằng: Bố ở phương nào, nên mau về cứu nhân dân. Lạc Long quân bỗng nhiên lại về, thấy nàng Âu Cơ ở một mình, dung mạo đẹp lạ lùng, yêu quá, mới hoá ra một chàng nhi lang phong tú mỹ lệ, tả hữu thị tùng đông đảo, tiếng đàn ca vang đến hành tại. Âu Cơ trông thấy mà lòng cũng ưng theo; Long Quân bèn rước nàng về núi Long Trang.**

Đế Lai về không thấy Âu Cơ (1) bèn sai quân thần tìm khắp thiên hạ. Long Quân có thần thuật, biến hiện trăm cách, nào là yêu tinh quỷ mị, nào là long xà hổ tượng, kẻ đi tìm ứ cụ, không dám lục đảo tận cùng. **Đế Lai trở về Bắc lại truyền ngôi cho Đế Du Võng.**

Du Võng truyền lại cho Xi Vu tư, Xi Vu tư cùng với Hoàng Đế đánh nhau ở Bản Tuyền và Trác Lộc không hơn nên tử trận. Họ Thần Nông bèn mất.

Âu Cơ ở với Lạc Long Quân một năm, sinh ra một bọc trứng, cho là điềm không hay, nên đem bỏ ra ngoài đồng nội; hơn bảy ngày trong bọc nở ra một trăm trứng, mỗi trứng là một con (trai), bà đem về nuôi, không phải cho ăn, cho uống, cho bú, mà tự nhiên trường đại, trí dũng song toàn, ai cũng ứ phục, bảo nhau đó là những anh em phi thường.

Long Quân ở lâu dưới Thủy Phủ, mẹ con ở một mình, nhớ về Bắc quốc liền đi lên biên cảnh; Hoàng Đế nghe tin lấy làm sợ mới phân binh trấn ngự quan tái; mẹ con không về Bắc được, đêm ngày gọi Long Quân: **Bố ở phương nào, làm cho mẹ con ta thương nhớ!** Long Quân **hốt nhiên lại đến, gặp mẹ con ở Tương Dã**, Âu Cơ nói: Thiếp vốn người Bắc, cùng ở một nơi với quân, sinh được 100 con (trai), (2) mà không có gì cúc dưỡng, xin cùng theo nhau, chớ nên xa bỏ, khiến cho ta là người không chồng không vợ, một mình vô võ.

Long Quân bảo: Ta là loài Rồng, sinh trưởng ở thủy tộc, nàng là giống Tiên, người ở trên đất, vốn chẳng như nhau, tuy rằng khí Âm Dương hợp lại mà có con, nhưng Phương / Viên bất đồng, Thủy / Hoả tương khắc, khó mà ở cùng nhau trường cửu.

Bây giờ phải ly biệt, ta đem 50 con (trai) về Thủy Phủ, phân trị các xứ, 50 con (trai) theo nàng ở trên đất, chia nước mà cai trị, dù lên núi xuống nước nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau.

Trăm con (trai) đều nghe mệnh, rồi mới từ giả ra đi. Âu Cơ cùng với 50 người con (trai) ở tại Phong Châu (Bây giờ là huyện Bạch Hạc), suy tôn người hùng trưởng lên làm vua,

hiệu là **Hùng Vương**, họ là **Hùng Bàng**, quốc hiệu là **Văn Lang** hay nước **Xích Quỷ** (tình hoa của miền Nam). Ranh giới nước **Xích Quỷ** thời bấy giờ như sau : Bắc giáp **Động Đình Hồ**, tức **Hồ Nam** (Trung Quốc), Nam giáp **Hồ Tôn** (tức **Chiêm Thành**), Tây giáp **Ba Thục**, Đông giáp **biển Nam Hải** . ”

(Lĩnh Nam chích quái: Trần Thế Pháp, bản dịch của Lê Hữu Mục, trang 43-44.Trăm Việt xuất bản)

Lạc Long lại sánh Âu Cơ (Cơ)

100 con điềm ứng, hùng bi lạ đường (1)

Noãn bào (2) dù chuyện hoang đường,

Vì xem huyền diệu (3) sinh Thương khác gì

Đến điều tan hợp cũng kỳ

Há vì Thủy Hỏa sinh ly như lời, (Nhất Nguyên lưỡng cực)

Chia con cũng sự lạ đời ,

Quy Sơn quy Hải khác người biệt ly, (Phân cực)

Lạc Long về chôn Nam thù (4) [**Luyện Trí**]

Âu Cơ sang nẻo Ba Vì Tản Viên, [**Tu Nhân**]

Chủ trương chọn một con Hiền, [**Hùng Vương : Nhân / Trí Hùng / Dũng**]

Sửa sang việc nước, nổi lên ngôi **Rồng** “

(Việt Nam Quốc sử diễn ca)

(1) : Các giống gấu: nằm mộng thấy con gấu là điềm đẻ con trai.

(2) : Noãn bào : bọc trứng . Tục truyền rằng Bà Âu Cơ đẻ ra 100 trứng nở ra 100 con.

(3) : Chim yến. Tục truyền, bà tổ nhà Thương bên Tàu, nằm mơ thấy chim huyền diệu , sau con cháu ra làm vua .

(4) Nam thù: miền Nam, tức là miền biển .

Kinh Tiên Rồng

“ Giống dân Việt khởi nguồn từ khi một bà Tiên và một ông Rồng phối hiệp nhau và bà Tiên sinh ra cái bọc trăm trứng nở ra 100 người con. Sau đó ông Rồng nói với bà Tiên: Ta là giống Rồng, nàng thuộc dòng Tiên, không ở với nhau lâu dài được, nên nàng đem 50 con lên núi, ta đem 50 con xuống biển. Khi cần thì gọi, ta về ngay. Từ đó dòng giống Việt ngày một phát triển.”

(Nam Thiên : Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng, trang 21)



Biểu tượng Âu Cơ / Lạc Long Phân cực để phát triển Bản sắc **Tình Nghĩa Nữ / Nam.**

[Mẹ Âu Cơ: Tu dưỡng **Tình** (**Cha Lạc Long** trau dồi :**Nghĩa**)
Chữ Tiên / Rồng không có Ly Thân hay Ly dị.

Mẹ lên Non tu Nhân , Cha xuống Biển luyện Trí, nhưng vẫn hẹn hò gặp nhau trên cánh đồng Tương để cho “ Tình / Lý tương tham “ mà đạt đức Hùng / Dũng.

Khai triển

1.- Tiên, Rồng: Vật biểu kép của Việt Nam

Bất cứ nước nào trên thế giới đều cũng chọn cho nước mình một vật biểu: Pháp chọn Gà cồ, Đức chọn Gấu, Mỹ Chim Ưng, Tàu đời Hiên Viên là chim Cú, đến Bạch mã, sau mới chọn Rồng. Trên thế giới chỉ có Việt Nam mới chọn hai vật biểu : Tiên và Rồng.

*Ban đầu thì chọn **Chim và (Rắn) cá Sấu** . Về Chim thì lúc thờ Mặt Trời là **Chim Trĩ** - dương điệu - rồi đến **chim Hồng** được đặt tên cho họ Hồng Bàng, rồi **chim Vũ tiên** là vịt trời, được đặt làm tên cho vợ **Lộc Tục, Lộ bàn** là cò trắng, rồi **Hải Âu** được đặt tên cho Mẹ Âu Cơ, có khi còn chim **Thiên nga** nữa. Các loại chim về sau là **loài Lương thê**, có thể sống trên đất trên đất và ngay cả dưới nước nữa, để có thể liên lạc với Rồng, hầu giữ vững mối tương quan với Rồng.*

Còn vật biểu thứ hai trước hết là rắn, rồi đến cá sấu, là loại vật sống dũng mãnh và sống dai dẳng nhất, sau 2 loại Giao Long và Xà Long thăng hoa thành Rồng, Rồng là vật tượng trưng có thể sống sâu tận dưới đáy biển, mà cũng có thể tung lên không trung làm mưa làm gió, cũng là vật lương thê, nên vẫn giữ được tương quan với chim Tiên. Vì được thăng hoa lên, nên Tiên và Rồng không phải là hai vật có thực, mà chỉ là vật tiêu biểu thôi.

“ Tiên là hình ảnh của một nàng Tiên ở trên núi cao, xinh đẹp vô ngần, dịu hiền tuyệt đỉnh, khoan nhân vô lượng, từ ái vô song, siêu phàm thoát tục. Rồng là loài sống ngoài biển khơi, khi thì tung mình lên trời cao làm mây mưa gió bão, khi thì ẩn sâu dưới đáy biển, ẩn nấp chờ thời cơ, nên Rồng tượng trưng cho sự dũng mãnh vô song, sự ẩn nấp khôn tả, sự biến hoá khôn lường “ (Nam Thiên: Kinh Tiên Rồng)

Tổ tiên chúng ta nhận Tiên Rồng làm vật biểu để nhắc nhở cho cháu con, rằng dân Việt là nòi của trai hùng, gái đảm: hùng dũng, quyền biến như Rồng, và đảm đang và cao đẹp như Tiên.

Có lẽ, những chặng đường lịch sử đấu tranh để tồn tại đã đem lại cho Cha ông những tư tưởng siêu phàm đó. Do đó mà có tên Việt: Việt nghĩa là siêu việt, là vươn lên, những giá trị cao đẹp, lúc này chữ Việt còn viết với bộ mễ (chữ Nho), đến sau vì bị lấn chiếm không chống cự nổi, nên đổi chữ Việt viết theo bộ tẩu, nghĩa là chạy, là vượt thoát, thiên di về Nam.

Ông Lê văn Ẩn nhà khảo cổ học ở Úc có ý kiến cho rằng bộ tẩu (chạy) là hình ảnh của cái qua (can qua), là cái dáo dáo có nhiều móc ngang, Tổ tiên người Việt xưa dùng để đánh nhau (móc) với quân du mục ngồi trên mình ngựa, họ vừa chạy vừa đánh, dùng mũi nhọn để đâm, dùng móc để móc quân thù trên lưng ngựa xuống, nên chữ Việt gồm có bộ tẩu và qua.

(越 : Việt = 走 : tẩu + 戌 : qua)

2.- Gương Mẹ Tiên Âu Cơ và Cha Rồng Lạc Long

Mẹ Tiên Âu Cơ khi nào cũng được để trước Rồng, vì được coi là trọng thể hơn, hình ảnh Tiên của Mẹ được đặt nặng hơn, nguyên lý Mẹ được coi trọng, tình yêu của người mẹ rất bao la, nên đây là một xã hội Tình được coi trọng hơn Lý. Mẹ Âu Cơ là chim, nên đẻ ra một bọc trứng lớn, đẻ bọc giống như chim, nhưng khác là bọc trứng chứa những 100 trăm trứng nhỏ, được nở ra trăm con (có nơi ghi là 100 trai: có lẽ để nhấn mạnh là vào thời kỳ chuyển sang phụ hệ) Thời Âu Cơ, Lạc Long Quân là thời xã hội sơ nguyên của dòng Việt, Tiên Rồng là giống cao trọng, nên muốn xã hội của con cháu mình về sau cũng xử sự với nhau một cách tốt đẹp như thế. 100 con đây chắc không phải là con số toán học, một lượng số nhất định, mà chỉ có ý là nhiều, như là trăm họ. Lời nhấn nhủ là:

Trong xã hội, tuy có sự khác biệt, nhưng con cháu đã được cha mẹ áp ủ trong cùng một bọc ái ân, nên luôn ghi nhớ là:

Các con hãy Yêu thương nhau tận tình.

Khi nở ra mọi con đều giống nhau y hệt, và lúc chia con cũng cho một nửa theo Mẹ, nửa kia theo Cha, nên hết sức công bằng. Đó là lời căn dặn con cháu ngàn đời về sau rằng:

Các con hãy cư xử Bình đẳng và Công bằng với nhau.

Vì Mẹ Tiên yếu đuối hơn, được cha Rồng ưu ái nâng đỡ, **nghĩa là phù yểu**, để cho cuộc sống Mẹ Cha được cân bằng, các con cũng cư xử với anh chị em như vậy. Tuy Nam Nữ bình quyền, nhưng người nữ liễu yếu đào tơ, nên cần được nâng đỡ hơn.

Các con của Âu Cơ và Lạc Long được sinh ra trong một cái bọc kỳ dị quá, “ bị vớt ra ngoài đồng, khi nở ra không phải cho ăn, cho bú, mà tự nhiên trưởng đại, trí dũng song toàn ”.

Đây chính là con cháu của nòi Bàn Cổ rồi, là những con người Nhân chủ, luôn biết tự lực tự cường để vượt qua mọi khó khăn, biết sống hiên ngang trong Trời Đất.

Mẹ Tiên thuộc Âm, cha Rồng thuộc Dương, phương viên bất đồng, thủy hỏa tương khắc, hai bản chất trái ngược nhau, nên khó hoà hợp với nhau, đành phải chia tay để làm tròn chức phận của mình : 50 con theo Mẹ lên núi là lãnh vực phát triển của Mẹ, mọi người phải **phát triển hết bản sắc nguồn Tình** của mình để mà xây dựng nông nghiệp, làm cho đất nước hùng mạnh, dân tộc hùng cường . Nho giáo gọi đây là **hoạt động phối Thiên để thăng hoa đời sống**.

Cũng vậy, 50 con theo cha xuống biển, biển là môi trường vẫy vùng thuận lợi của cha, cũng có nghĩa là vùng đồng bằng, là miền xuôi, hay miền hải đảo, để **phát triển Lý trí sâu thẳm như lòng đại dương** chứ không phải người cha bỏ đi xuống biển mất tích, để phát triển công thương nghiệp. Đây Nho giáo gọi là **hoạt động phối Địa**.

Trước khi chia tay, Lạc Long đã căn dặn : “ **dù lên núi xuống nước, nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau** “, và khi được Âu Cơ gọi thì Long Quân đột nhiên xuất hiện gặp mẹ con ở Tương Dã. mà ta gọi là **cánh đồng Tương**. Tuy kẻ lên non, người xuống biển, nhưng phải gặp nhau

để tương giao để cho Tình Lý tương tham, khi đó thì con người mới phát triển toàn diện được . Mẹ Âu Cơ chú tâm vào nguồn Tâm linh là nguồn Tình Nhân ái, cha Long Quan chú về Thế sự là nguồn của Lý Công chính.

Vậy sự chia tay giữa Âu Cơ và Lạc Long là một sự phân công, một sự sắp xếp để làm phát triển toàn diện cá nhân cũng như xã hội, và sự căn dặn lúc chia tay là để giữ cho mối Tương quan giữa cá nhân và xã hội được bền chặt và cân bằng, để mọi sự được vuông tròn .

**“ Trăm năm tính cuộc vòng tròn,
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông “**

Ngọn nguồn: Lãnh vực hoạt động của Tiên), lạch Sông: Lãnh vực hoạt động của Rồng.

**“Ai về nấu với nẫu (1) nguồn,
Măng le (2) gỏi xuống, cá chuồn gỏi lên (3)”**

Nẫu hay Nậu : là họ, kẻ, những kẻ. Nẫu nguồn là những kẻ sống trên nguồn của suối, tức là trên núi, quê hương của Mẹ Tiên. Măng le : loại măng vôi, nhỏ. Măng le là loại măng mọc ở trên nguồn, trên rừng, là thực phẩm Mẹ Tiên hay dùng. Cá chuồn là loại cá ngoài biển, cá sống từng đàn, bay được, có khi bay vào thuyền đánh cá làm chìm thuyền luôn. Cá chuồn là sản phẩm nơi cha Rồng . Măng le nấu với cá chuồn là thức ăn bình dân của dân Việt, chắc là hai thứ nấu chung thành món kho ngon. Bao giờ Mẹ Tiên cũng tìm cách dùng miếng trầu đưa duyên mời cha Rồng trước, để dúi nhau về cánh đồng Tương, sự chia tay lên non xuống biển không là sự ly dị.

3.- Những bài học của Mẹ Tiên, Cha Rồng

Là con dân một nước, chúng ta coi nhau như anh em ruột thịt, hãy yêu thương nhau, giúp đỡ nhau hết lòng trong mọi nơi và mọi lúc. Con dân trong một nước không kể người khôn kẻ tối, kẻ giàu người nghèo, không kể sang hèn, thứ bậc, tuổi tác . . . , hãy luôn luôn đối xử bình đẳng và công bằng với nhau. Nhớ phù yểu, nghĩa là phải nâng đỡ người nữ, và trong lối ăn ở phải coi trọng Tình hơn Lý, tuy ngoài là Lý nhưng trong là Tình. Mọi người mọi giới phải tìm cách phát triển hết bản sắc của mình để xây dựng con người trai hùng gái đảm, một gia đình thuận vợ thuận chồng, một xã hội bình đẳng và tương thân tương ái. Phải nhận biết những xung khắc của những thực thể đối kháng trong con người và cuộc đời để Tương dung, để giữ mối tương quan cho được cân bằng, hầu tránh cảnh phân hoá.

4.- Những áp dụng trong thực tế của cuộc sống

Con dân trong một nước, có cội nguồn từ bọc Ấu Cơ Tổ mẫu, nên phải yêu thương, nâng đỡ nhau. Gọi nhau là Đồng bào (được sinh ra cùng trong một bọc) để nhắc nhở bài học yêu thương nhau. Hai tiếng Đồng bào đã nằm trên cửa miệng của con dân Việt ít nhất là 5.000 năm . Không những bà con mới được gọi bằng những tiếng thân tình như Dì / Dượng, Cô / Chú, Cô / Bác . . . , mà bất cứ ai là người Việt, hễ tuổi ngang hay hơn vai Cha mình thì gọi bằng Bác, dưới hơn thì gọi bằng Chú, người nào cùng lứa với Mẹ mình thì gọi là Cô hay Dì, người nào vào lứa con cháu mình thì được gọi là con là cháu. Trong xã hội Việt Nam, mọi người đều được đối xử với nhau như là bà con thân thuộc.

Ngày nay đang có khuynh hướng gọi nhau là Đồng hương, mỗi người chúng ta nên tự vấn tại sao? Có phải đã ăn ở tệ với nhau quá, nên nhìn mặt nhau không đặng, gọi nhau bằng đồng bào không đặng!

Từ cặp đôi Âm Dương, Tiên Rồng, dân tộc ta thường nói theo nhịp đôi, và coi trọng nguyên lý Mẹ, nên luôn luôn nói : Tiên / Rồng, vợ / chồng, mẹ /cha, cô / chú, dì / dượng, tâm / vật , tình / lý, trên / dưới, trong / ngoài, trước / sau, không gian/ thời gian, học / hành, sống /chết Và từ đó mới tìm

phương cách làm cân bằng hai thực thể trái ngược đó, hầu thăng hoa cuộc sống, đây là nguồn gốc từ Âm Dương, Thái Cực. Thế quân bình giữa hai thực thể đối nghịch, gọi là thế Lương hợp.

5.- Lý do hai chữ Việt Nho

(*Pho tượng đẹp nhất của Việt tộc: Nội dung: Mục 3. Kim Định*)

“ Nền triết lý mới của Việt được gọi là An Vi, nhưng khi xét về nguồn gốc sử trình thì gọi là Việt Nho.

Hai chữ Việt Nho nghe suôn sẻ mà sự thực nói lên một cuộc cách mạng hết cỡ: xưa rày liên hệ Tàu Việt vẫn đi theo lối Tàu trước Việt sau, như ta quen nói Hán Việt, trong tương quan đó thì Việt học với Tàu từ chữ viết cho đến guồng máy cai trị, binh bị, học thuật không sót cái chi.

6.- Tàu học Việt

Đến nay đột nhiên có người dám đưa ra thuyết Việt Nho đặt ngược lại thứ tự tôn Việt lên “ làm Thầy ”, hạ Tàu xuống làm Trò có phải điên chăng ? Cả một rừng sách vở, cả một ngàn năm đô hộ với cái dĩ vãng như kia sao lại có thể đùa dai như thế được !

Thưa rằng không đùa dai chi cả, mà chỉ là lật lại một trang sử cũ, nhưng đã bị cả Tàu lẫn Việt quên bẵng. Xưa nay ai cũng cho sử Tàu là Việt đều khởi từ đầu, nhưng kỳ thực mới chỉ là khởi từ khúc giữa: nước Tàu thì trước Tần Hán một chút, còn Việt thì nhiều lắm cũng mới tới từ hai Bà Trưng, trước nữa mới là một mớ truyền thuyết. Vậy mà chính thời xa xưa đó mới là thời đích thực của Văn hoá, chứ từ Tần Hán cũng như Trung Triệu chỉ là Văn minh vòng ngoài. Nói theo Triết Việt Nho thì các sử gia tới nay mới biết có Hình mà chưa hiểu Tượng theo câu Kinh Dịch:

**Tại Thiên thành Tượng
Tại Địa thành Hình.**

Biết Hình tức là những cái hiện ra hình tích cụ thể như các Biến cố có ghi chép, nhưng còn cái Tượng, tức là cái Ý tưởng dẫn đạo, cái dạng thức chỉ huy Văn hoá thì chưa ngó tới. Như vậy là mới biết có Ngon mà chưa biết đến Gốc, nói theo Việt Nho là mới biết Lịch sử mà chưa biết Huyền sử, mà Huyền sử mới quan trọng cho Văn hoá. Vì không biết Huyền sử thành ra cho là tất nhiên những cái chẳng có tất nhiên chút nào .

Hãy lấy một vài thí dụ cụ thể:

a.- Trước hết là Rồng

Có phải đó là vật biểu của Tàu từ đầu như vậy chăng ?

Vì cho là tất nhiên nên xưa nay chẳng ai đặt vấn đề chứ đừng nói đến giải đáp. Nhưng nếu ta đi một đường ngoi ngược về nguồn sẽ thấy: **Vật Tổ của Tàu trước là chim Cú, rồi Hồ (bạch hồ) rồi Cá hay gì nữa, mãi tới quãng nào đó đời Hán mới nhận Rồng**. Trái lại Việt tộc đã nhận Rồng ngay từ đầu, nên có câu “ **mẹ Tiên cha Rồng** ” (Tiên mẫu Long phụ). Tuy nhiên Rồng lúc ấy mới là Tượng như Rắn, **Xà long** hoặc **Giao long** tức là một loài cá sấu sau biến dần qua các hình thái như **Ly, Bàn, Quỳ**, cuối cùng mới ra **Rồng**. Vậy **Rồng, xét như hình ảnh rõ ràng như nay thì là của chung Tàu và Việt, còn Giao long, Xà long mới là Tượng: cái Tượng mập mờ thấp thoáng thì của riêng Việt**.

b.- Chữ viết

Chữ Nho hiện nay là chữ Lệ đã hiện ra hình thể rõ rệt từ đời Tần, nhưng trước đó mới là tượng gọi là **chữ Con Quăng** (Khoa đầu) và trước nữa là **chữ Chân Chim** (Điều tích) và rất nhiều loại chữ gọi là **chữ kỳ dị** (kỳ tự) hoặc **phép Kết thặng**: những loại chữ này mới là tượng theo nghĩa khá sát là biểu tượng hay Vật Tổ của Bách Việt là Tiên Rồng (**Tiên liên hệ với chữ**

Chân Chim, Ròng liên hệ với chữ Con Quăng), những loại chữ này có lâu đời trước thuộc chi tộc này hay chi tộc khác trong toàn khối Bách Việt, **còn chữ Lệ mới có về sau như hậu thân của nhiều đợt sửa đổi và thống nhất, mà đợt cuối cùng xảy ra đời Tần với Lý Tư, và đã bắt buộc mọi nơi phải theo, cấm các chữ khác của Bách Việt.** Có thể vì vậy mà chữ Việt Nam biến mất, và sau này lập lại thì không dám đọc rõ mà phải đọc trại ta Nôm. Chữ Nôm là chữ Nam đó.

c .- Kinh Dịch

Thí dụ thứ ba có liên hệ tới văn tự là **Kinh Dịch**. Ai cũng cho Kinh Dịch là của Tàu, nhưng nếu xét tới ngọn nguồn thì không phải như vậy, vì Dịch có 5 giai đoạn:

- a.- Đạo Dịch của Trời Đất
- b.- Đạo Dịch của Phục Hy
- c.- Đạo Dịch của Ông Đại Vũ
- d.- Đạo Dịch của Văn Vương
- e.- Đạo Dịch của Khổng Tử.

Vậy Dịch của Tàu chỉ ở 2 giai đoạn sau (d và e) gọi được là hình tức là đã có chữ nghĩa, **nhưng chỉ gọi là Hệ từ** nghĩa là chữ buộc về sau. Tức là sau khi sách đã có rồi, nhưng mới ở thể tượng nghĩa là ở giai đoạn 2 (b) mới có quẻ với Phục Hy, còn trước nữa ở giai đoạn 1 (a) còn lờ mờ hơn nữa gọi là **đạo Dịch của Trời Đất** thì mới có những **Huyền thoại cặp đôi như Trời / Đất, Núi / Sông, Tiên / Rồng, Đực / Cái, ông Cò / bà Cộc, ông Đùng / bà Đà, bà Nữ Oa / ông Tứ Tượng . . .**

Đó là những cặp đôi tuy lơ mơ, nhưng với Kinh Dịch lại là nền tảng vì làm nên cái gọi là **Lưỡng Hợp tính hay nét Song trùng**. Vậy nét Lưỡng Hợp này (*Dual unit*) thấy nhiều nhất ở Đông Nam Á, nên các học giả đều cho là nét đặc trưng của khu vực này mà trong đó Việt Nam là trung tâm, nên nói **Kinh Dịch là của Việt Nho** theo nghĩa đó.

Cũng phải nói như vậy về giai đoạn **Phục Hy**, vì Tô này ở miền Đông là miền thuộc Di Việt. Lưu truyền nói Phục Hy là người Tàu là nói theo sự chiếm đoạt của Hán Nho.

Chứ vào thời Phục Hy đã có Tàu đâu mà bảo Ông là người Tàu! Tàu chỉ xuất hiện dù chỉ trong **Huyền thoại mới từ Hoàng Đế (sau cả họ Hồng Bàng)**, còn chính thức mới từ nhà Hạ lồi vài chục thế kỷ trước kỷ nguyên. Khoa khảo cổ mới tìm được dấu tích có đến **nhà Thương Ân tức là vào lối thế kỷ 15 tr. c. n**, còn trước đó toàn cõi nước Tàu còn như nhau, mà Văn hoá nổi lại thuộc Việt tộc, mãi đến **thời Xuân Thu** thì những chữ **Nhung, Dịch, Man, Di** mới đèo theo nghĩa kỳ thị. Chứ trước kia thì “ **Bái Nhung bất hạ** ” nghĩa là Tàu học với Nhung (cũng là Di) không có gì là xấu hổ như sách Tả truyện thuật lại.

d.- Mái nhà cong

Đền Thờ mái cong của Tổ Mẫu Âu Cơ



Nhà mái thẳng Tử Cấm thành của Trung Hoa

Ai cũng bảo mái nhà cong là của Tàu, nhưng đó là đợt Hình mà **đợt này mới có tự đời Đường gì đó**, còn **trước nữa thì mái nhà của Tàu thẳng băng**, như thấy trong các nhà được khảo cổ khai quật lên. Cả những nhà tùy táng gặp trong các mộ người Tàu tìm được ở Lạc Trường cũng mái thẳng, đang khi đó thì **những nhà ở Đông Sơn đã cong mái từ lâu rồi**, như thấy được trong hình Trống Đông mà luôn cả những di hình của nhà hoá thạch đào được ở Đông Sơn. Vậy đó quả là **tại Thiên thành Tượng**, rồi sau Tàu tô điểm cho thành ra Hình như ngày nay. Trên đây là vài ba thí dụ, tuy ít nhưng toàn là nền móng.

Vì thế, đứng về Văn hoá không nên nói Hán Việt, mà phải nói Việt Nho để ghi lại thứ tự sinh thành đích thực của Văn hoá Viễn Đông. Nói Nho để đặt nổi khía cạnh Văn hoá, còn chữ Hán là tên một triều đại đã là Tàu rõ rệt, nên chỉ là tên chính trị, không hợp với việc tìm về nguồn gốc Văn hoá. Về Văn hoá thì Việt có trước Tàu nên nói Việt Nho mới ổn.

7.- Lý chứng khảo cổ và lịch sử : Di chỉ Long Sơn, Ngưỡng Thiều, Gạo, ngọc Long Toại

Mấy thí dụ trên đây tuy rất nền tảng nhưng có thể nói mới là tiên thiên thuộc lý thuyết, nên sau đây xin thêm mấy thí dụ về lịch sử và khảo cổ và chỉ xin đan cử một **thí dụ về Di Việt**.

Ta biết người Tàu chỉ “ rợ ” mạn Tây và Bắc bằng “ Nhung, Địch ”, còn mạn Nam và Đông là **“ Man, Di ” tức là ngành tiến mạnh nhất trong Văn hoá mà sau này Tàu theo học**, nên sách Xuân Thu Tả truyện có câu **“Hoa Hạ diệt tân Di Địch”**, nghĩa là dân Trung Hoa (Hoa Hạ) cũng chính là dân Di Địch mới. Đó là câu sách thoáng qua, nhưng lại phản ảnh một lưu truyền xa xưa mà ta có thể xác định vào **đời Thương Ân lúc xâm chiếm Văn hoá Di Việt xảy ra ở vùng Sơn Đông, Hà Nam, Hồ Bắc miền Dương Tử giang, An Huy, Giang Tô miền Bắc sông Hoài . . .** mà ẩn tích là di chỉ Long Sơn rất nổi tiếng (xem Cradle tr. 188 và 313). Việc này xảy ra vào những thế kỷ 15 – 12 tr. c. n.

Nhà Thương lúc chiếm Long Sơn mới chỉ là một bộ lạc nổi hơn về binh bị, chứ về Văn hoá thì thua Di Việt rất xa. Chính nhờ cuộc chiếm Long Sơn mà “ nước Tàu ” mới nhô lên bật ra khỏi tình trạng bộ lạc (xem The birth of China của H. G. Creel). Xin nhắc lại **Long Sơn là một di chỉ danh tiếng do ông Anderson khai quật năm 1923, với 3 cái lịch, (nổi 3 chân rồng) rất thời danh cũng như đồ sứ đen, Long Sơn đã có làng xã, có thờ cúng Tổ tiên, cũng như vòng xoáy ốc tả nhậm (ngược kim đồng hồ), cùng riu có vai và đồ gốm có hoa văn y như Văn hoá Đông Sơn.**

Khi mới khám phá ra ai cũng cho là của Tàu và từ đó tỏa ảnh hưởng xuống phía Nam, nhưng dần dần các cuộc khai quật kế tiếp chứng tỏ ngược lại, như được đúc kết vào quyển The cradle of the East của ông Bình Thế Hà mới xuất bản năm 1975 với **câu kết thúc đại khái của sách là nước Tàu được làm nên do những người không phải là Tàu.**

Thế không phải là Việt, thì ai vào đây ? **Việt tộc đã để lại dấu Văn hoá mãi từ giai đoạn Hoà Bình ít nhất trước đây 8000 năm.** Đây là về phía Đông, còn phía Tây thì phải kể **di chỉ danh tiếng Ngưỡng Thiều trong tỉnh Thiểm Tây.** Thoạt tìm ra ai cũng tưởng là của Tàu, nhiều học giả Tây Âu còn cho là cho có chịu ảnh hưởng của Tây Âu, nhưng đến nay thì dần dần nhận ra là do phía Nam. Nói vậy có nghĩa là **trước đây lối 6, 7 ngàn năm, Ngưỡng Thiều và Long Sơn là chưa phải là của Tàu, thế mà đó là 2 di chỉ then chốt đã được nghiên cứu thấu triệt, thì đủ biết hai chữ Việt Nho có đầy đủ lý chứng không những trong huyền sử mà luôn cả trong khảo cổ.** Thí dụ **Gạo** mới có ở Long Sơn trước đây lối 6000 năm và rất hiếm, chỉ hàng quyền quý mới được ăn. Đang khi đó **gạo** đã có ở Việt ngay từ đợt Văn hoá Hoà Bình, ít nhất trước đây lối 8000 năm. Ông Solheim cho rằng **Gạo** đã có ở **hang Thần và Non Nok Tha (cùng thuộc Văn hoá Hoà Bình)** lâu trước bên Tàu.

Xin kết luận bằng câu **chuyện Thánh Gióng** đánh đuổi giặc Ân có ghi trong Huyền sử nước ta, mà trước đây sử cũ coi như truyện hoang đường, nhưng nếu đọc theo lối Huyền sử dưới ánh sáng của khảo cổ thì sẽ thấy nó không phải hoang đường, vì nhà Thương cũng gọi là nhà Ân, sau khi đã chiếm Long Sơn còn tiếp tục mở mang bờ cõi thêm mãi xuống vùng Giang Tô, Chiết Giang, Kinh Sở . . . (xem Cradle tr.344) . Trong quyển **State Craft (tr.198)** học giả **Creel** có nhận xét là từ **đấy Tàu mới khởi đầu kinh thị Di vì hay bị Di đánh bại.** **Vậy sự đánh bại này**

phản ảnh truyện Thánh Gióng, phản ảnh luôn cả vụ nhà Ân hợp nhập Văn hoá Di Việt. \Truyện kể rằng vua nhà Ân bại trận nên ôm ngọc Long Toại mà chết vùi ở đất Việt.

Đó là huyền sử không có thật ở cái Hình, tức là vua nhà Ân không có chôn ở đất Việt, nhưng có thật ở cái Tượng tức là **vua nhà Ân đã học được với Việt tộc tính chất Lương hợp mà ở đây kêu là ngọc Long Toại.**

Huyền sử nói là thứ ngọc châu từ thuở Trời Đất mới khai tích đã có một cặp Trống Mái từ đời Hoàng Đế trải đến đời Ân làm của thế bảo, cho đến lúc nhà Ân sang xâm lăng đất Việt bị Thánh Gióng đánh toi bồi bỏ thân và ngọc lại bên đất Việt. Vậy ngọc Long Toại là chi?

Thưa chính là đạo Dịch của Trời Đất cũng như đạo Dịch của Phục Hy mà vua nhà Ân học được, nhưng chưa trút hết máu Du mục nên còn ham đi chinh phục, thành thử phải chết và ôm ngọc đó trả lại cho chủ cũ có họ Ròng (Long Toại là hạt ngọc có đóng con chám của chủ là Tiên Ròng nằm trong chữ Long Toại đó. Toại có nghĩa là làm ra lửa, hàm ngụ trong chữ Viêm Việt, nhận Hoá đức làm nền). Vì vậy mà Huyền sử nói vua Ân chết chôn ở đất Việt, còn Kinh Dịch nhà Ân gọi là **Dịch Quy tàng**, tức Dịch âm tàng trong đất, **liên hệ với ngọc Long Toại bị chôn.**

Nhưng vì Long Toại bị chôn nên chính chủ là Việt tộc cũng chẳng còn biết đâu mà lần, hoá nên truyện kết bằng một câu rất bí ẩn là “ **giếng bị bỏ dơ** ”, tức không ai còn biết mức nước cam tuyền từ giếng Việt nữa (Việt tinh cương) nghĩa là không ai thấy cái Tượng hay nền móng của **Kinh Dịch là nền Minh triết có nét lương hợp** nữa, thành ra phải đi ăn nhờ của Hình hiện của người là 64 quẻ dùng vào việc bói toán vậy thôi.

8.- Kết luận

Việt Nho muốn điều chỉnh lại một số điểm thuộc lịch sử của cả Tàu lẫn Việt, do cả người Tàu lẫn người Việt, đồng thời thức tỉnh học giả Việt muốn biết Văn hoá dân tộc một cách đích thực thì phải ngoi ngược về quá khứ rất xa xưa, chữ Nho gọi là Tổ nguyên. Và đây là tên sách đã khai mạc thuyết Việt Nho với cái tựa đề mập mờ thấp thoáng” Việt Lý Tổ Nguyên ” để vẽ lại hình ảnh lung linh về nguồn gốc Văn hoá Việt tộc cũng như về nguồn gốc Nho.

a.- Việt Nho: nguồn gốc đích xác của Văn hoá Dân tộc

Chính vì thế mà chúng tôi đưa ra danh xưng mới, vừa để chỉ rõ cái nguồn gốc đích xác của Văn hoá Dân tộc, vừa để gột rửa Nho giáo, một nền Nhân bản trung thực, nhưng đã bị xuyên tạc đến độ lu mờ, nhờ vậy chúng tôi nghĩ là đã khám phá ra một nền Triết lý hợp cảm quan thời đại về hình thức lẫn nội dung. Về hình thức là dùng rất nhiều Huyền số, **Huyền thoại cũng như Nghi lễ Thối tục.**

Đó là nền Triết lý đang được thế giới mong cầu đến độ triết gia người Đức ông Ernest Cassirer đã muốn định nghĩa là **con vật có khả năng biểu tượng** (symbolicum). Điều này được quảng diễn khá đầy đủ trong quyển Philosophy in a new key (A study in the symbolism of reason, rite and art của Suzanne K. Langer , Havard university press 1942). Đó là một sự phản đối lại nền triết học cổ điển Tây phương quá khô khan trừu tượng, nên phải **mở một hướng mới cho Triết xuyên qua nghệ thuật và biểu tượng.** Trong chiều hướng đó Việt Nho sẽ là tay quán quân phong phú vì cái rừng Huyền thoại mênh mông của Việt lẫn Nho, tha hồ khai thác .

b.- Nội dung: Triết lý gắn liền với đời Sống

Về Nội dung, người ta mong cầu một nền Triết lý gắn liền với cuộc sống, với tác hành, và hơn nữa một nền cho Triết lý cho thế giới đệ tam theo nghĩa không Cộng sản cũng không Tư bản, nhưng một nền Triết Nhân bản có tính chất phổ biến bao la.

Cho tới nay biết bao thử thách đã được hiện thực nhưng có thể nói chung là chỉ đạt được những thành quả vụn mảnh phần mớ, ngoài ra chưa thấy xuất hiện được một nền Triết nào có tính cách bao quát được như lòng mong cầu kia . Vậy đó là việc mà Việt Nho đã cố gắng đi theo từ hơn hai mươi năm. Thế giới con người không có cái gì tuyệt đối và hoàn bị, mà chỉ có cái tương đối cao thấp khác nhau.

Trong cái thang giá trị đó, Việt Nho hẳn phải có một chỗ đứng, cũng như có khả năng đặt tận cùng cho một sự tũn hủ của người Việt tới nay khi phải tiếp xúc với các nền Văn hoá thế giới, là Việt không có nền Triết lý nào cả. Từ nay bắt đầu trám lỗ hổng đó và sẽ tiếp tục trám mãi trong các thế hệ nối tiếp. “

BẢN CHẤT TRIẾT VIỆT

(*Pho tượng đẹp nhất của Việt tộc: Nội dung: Mục 4. Kim Định*)

“ Để nói Việt với Nho cho thành Việt Nho thì cần một điểm móc nối rất đích đáng có thể gọi là phương trình : **Việt = Nho** hoặc **Nho = Việt**. Nói khác đi cần phải biết **bản chất Việt là gì, bản chất Nho ra sao mới nối được**. Ta hãy bàn về **bản chất Việt**:

I.- Họ Mẹ Tiên

Nói đến bản chất là nói đến cái **Tượng vòng trong** hay là đức tính trôi vượt, mà không nói tới vòng ngoài như chủng tộc, đất đai. Như vậy là có nghĩa trong cụ thể phải vượt sự địa để đi vào miền sử mệnh của **Huyền sử với các di vật khảo cổ** làm điểm tựa, thí dụ nếu hỏi đức tính Việt là chi, ta có thể căn cứ trên các **sách Kinh Hùng, Sơn Hải Kinh với các Huyền thoại cổ xưa** đã biến thể và hiện còn nằm rải rác đó đây. Còn **khảo cổ** thì như **Trống Đồng, các đồ gốm ở Đông Sơn, Ngưỡng Thiều, Long Sơn, Hang Thần ở Miền Điện, Non Nok Tha ở Bắc Thái Lào. . . căn cứ trên những tài liệu như thế để tìm ra bản chất người Việt lúc chưa chịu ảnh hưởng Tàu** . Vậy xin hỏi bản chất đó là gì ? Từ xa xưa cho tới tận nay người Việt nào cũng xưng mình là con cháu của **Mẹ Tiên / Cha Rồng**. Nói thế vì quen miệng cũng có, vì tin tưởng là thật cũng có, mà để chế nhạo cũng có. Ai trong ba loại ấy là đúng? Thưa chẳng ai đúng hết, tuy rằng những người tin tưởng là có thực bớt sai hơn nhưng chưa đúng hẳn.

Muốn **đúng sự thực phải đi theo lối Cơ cấu**, tức là so đo với bao chuyện cổ khác, của các chi tộc khác trong Bách Việt, và trước hết là xem vào khảo cổ mà **Trống Đồng Ngọc Lũ** là một lâu đài rực rỡ. Vậy xin hỏi trong **Trống Đồng có dấu vết chi về Tiên Rồng chẳng**. Và lúc ấy chúng ta mới kinh ngạc mà nhận ra rằng toàn diện Trống Đồng chỉ nói lên nguyên có chuyện Tiên Rồng mà thôi. **Cái mặt nói truyện Tiên, cái tang nói truyện Rồng**.

Tuy nhiên vì lối nói quặt quẹo đó là lấy Chim thay cho Tiên, muốn vẽ Tiên thì người xưa vẽ Chim. Người nào tu **đắc đạo thành tiên** thì **huyền thoại** nói là **hoá ra con Bạch Hạc**, có khi nói vắn tắt là **mọc cánh Chim**: “ **vũ hoá** ” và nhiều hình Tiên tìm được trong di tích cổ đều là **người có đeo lông Chim**. Theo đó, thì những người mang lông Chim đang múa trên Trống Đồng có thể gọi là Tiên theo nghĩa rộng. Tại sao lại như vậy?

Thưa vì **Việt tộc nhận Chim làm vật biểu**. Nói **vật biểu** (heraldic animal) mà **không nói vật Tổ** (totem), vì vật Tổ là của riêng một bộ lạc, còn Bách Việt gồm nhiều bộ tộc, mỗi bộ tộc gồm

hàng trăm bộ lạc. Học giả ngày nay dùng chữ liên bang các dân để chỉ Cửu Lê và Tam Miêu, một danh xưng xưa nhất của Bách Việt (confraternities of people , Needham II , 117).

Nói vật biểu thì phải hiểu là Bách Việt, ít ra những chi tiên bộ nhất đã vượt qua giai đoạn vật Tổ để lên đọt trên. Đọt trên đó có thể là **ý hệ**, có thể là **tâm linh**. Ý hệ thì như các dân tộc Tây Âu từ bỏ dứt khoát thần thoại (hơn kém cùng bản chất với đọt vật tổ) để bước lên đọt lý trí suy luận khách quan, nhưng vì **Lý trí độc tôn độc ra Duy Lý**, nên ý hướng là ý thức hệ lại độc ra ý hệ, tức là tư tưởng bí kín, độc chiếm, thí dụ **Mác Xít không là ý thức hệ, mà là một ý hệ**.

Việt tộc trái lại đã vượt cả giai đoạn Lý trí để lên đọt Tâm linh, nên không mắc kẹt lại ở Ý hệ mà vươn lên đọt Nhân chủ. Đó là lối tiến hoá (evolution) nhẹ nhàng không đoạn giao với giai đoạn trước, dấu hiệu cụ thể đã lên Tiên mà vẫn giữ Chim, còn Tiên là tiếng rất hàm hồ vừa là Tiên vừa là Tiên (trước) nên quen gọi là Tiên hiền, Tiên thánh, Tiên nhân , Tiên nhân. Vì thế có thể vẽ lại đường tiến hoá như sau: **Chim → Tiên = Tiên nhân = Tiên nhân = Tiên hiền = Tiên thánh.** Nói khác đi **Tiên cũng là Người, nhưng là người đã đạt Nhân, đã đạt Nhân chủ**, nói đơn sơ là **người khôn ngoan, hiền triết, thánh nhân** mà ta có thể biểu thị bằng vật bay cao là chim. Do đó trong truyện cổ hễ thấy Chim thì cũng hiểu là Tiên, Tiên nhân, Tiên nhân. Các nghi mẫu ta mang tên chim là do vậy: **Âu Cơ là con Hải âu, Vụ Tiên là Ngỗng hay Vịt trời, Lộ là Cò trắng, Lạc cũng như Việt đều là Chim, và nổi hơn hết là chim Trĩ là lông chim Trĩ của Lạc Việt.** Đó là lông ngũ sắc mà Tổ tiên xưa quen mang trong mình mỗi khi ca vũ. Phụ nữ Việt xưa quen mặc áo vẽ hình chim Trĩ, hoặc mang đồ trang sức bằng lông ngỗng là tục phổ thông. **Mẹ Âu Cơ còn đi xa hơn nữa khi để con theo lối Chim** (tục điều) là thể hiện Văn hoá Chim đến cùng cực. Tạc tượng có ngón chân xoè ra như chân Chim là để nói lên sự giống Chim từ đầu đến chân. **Nên nhớ 4 chân con Rồng là 4 chân Chim Phượng Hoàng thường được vẽ như Chim Trĩ** (đã bàn trong Triết lý cái Đình , tr. 174)

Nhờ Cơ cấu để móc nối Tiên với Chim rồi, bây giờ hãy xem vào mặt Trống Đồng Ngọc Lũ mới kinh ngạc nhận ra không những cả Tiên lẫn Rồng, mà còn hơn thế nữa là cả hai đang trong thế giao thoa thâm sâu và chói chang hơn hết: đó là Chim đang lao đầu vào miệng Rồng đã ngửa mặt sẵn sàng đón nhận cái hôn của Tiên.

Đó là cái hôn Giao chỉ của mẹ Tiên đến với cha Rồng.

Cụ thể là những người đội lông chim đang đứng trên thuyền Rồng.

Đội lông Chim là giòng máu Mẹ, Mẹ Tiên.

Đứng trên thuyền Rồng là giòng máu Cha, Cha Rồng.

Tất cả hiện đang sống đúng “ điều tục ” tức là ca múa.

Chim thì hát, người thì hát. Hát mà chưa thoả hết tâm tình thì phải múa, múa điệu múa đầy hoạt lực nhất thì phải gồm miệng ca, chân nhún nhảy, tay vung xoè. Các luồng cảm hứng sơ nguyên tạo nên những bức tranh Rồng bay Phượng múa đều phát xuất từ hai chữ Tiên Rồng này đây.

Thế là ta nắm được bản chất Việt hiện hình ra trong hai chữ Tiên Rồng ở Huyền sử, nay lại được kiện chứng bằng nghệ thuật khảo cổ.

Bản chất Văn hoá hay đức tính căn bản nằm trong cặp đôi nọ. Đó là nét đặc trưng của miền Đông Á mà Việt Nam là ngã ba hội tụ, nên ở Việt Nam cặp đôi nọ xuất hiện cách rất thi vị và nhân chủ dưới hai chữ Tiên Rồng.

Tiên hay Chim đều nói lên đức tính siêu việt, còn Rồng nói lên sự biến hoá phi thường. Đó cũng là câu định nghĩa của con người Đại Ngã của Việt Nho là “ Nhân giả, kỳ Thiên Địa chi đức ”, còn ở đây nói cách thi vị là Tiên Rồng. Đó là nét “ Song trùng sơ thủy ” sẽ để ra

các đức tính khác rất nhiều nhưng quy vào một mối lưỡng hợp tính để diễn tả đức tính uyển chuyển lưỡng thể là đức tính căn bản, mà hễ nền Văn hoá nào thiếu nó thì sẽ nghiêng ngã trước khi gieo vô vàn tai hoạ như Duy vật là thí dụ.

Thế là ta đã nắm được đức tính dân tộc rồi đó, cả trong Hình trong Tượng lẫn trong Bản chất sâu xa.

Bây giờ ta dùng nó làm thước soi vào nhiều Truyện cổ sẽ lần ra ý nghĩa ở những chỗ mà cho tới nay không ai hiểu được, thí dụ tại sao mẹ Âu Cơ dẫn con lên núi ? Thưa vì núi là nơi ở của Tiên, của chim. Tại sao lại ở Bạch Hạc thì xin hiểu theo liên hệ “ Vũ hoá ” nói trên; tu Tiên đắc đạo hoá ra chim Hạc trắng, nên Bạch Hạc là cứu cánh. Tại sao sách Sơn Hải Kinh nói dân nước Kinh (Kinh Việt) có chân chim là do vậy. Tại sao lại nói ông Cao Dao Bá Ích có họ Việt ? Thưa vì ông Cao Dao có mỏ chim, còn ông Bá Ích được mẹ sinh ra kiểu điều tục (D 372). Tại sao có thành ngữ “ Việt điều ”, tại sao Việt Nho có câu ngạn ngữ : “ Tuỳ dương Việt Trĩ ” (con Trĩ của Việt tộc theo hướng mặt trời) cũng là đó.

Thế là ta biết Chim là giòng máu Việt. Hễ đâu có Chim là thuộc Văn hoá Việt tộc dù sách có nói là của nhà Hán hay nhà Chu cũng biết vậy. Cần thử máu mới biết đích xác mới biết của Việt hay của Tàu, và lúc ấy sẽ thấy dễ dàng chỗ xuyên tạc, vì Tàu khởi đầu không có chi, trừ chim Cú được kính trọng lắm, người ta ngỡ là vật tổ của Hoàng Đế và còn truyền đến nhà Thương, nhưng về sau thì bị khinh rẻ và ai bị chửi là chim Cú (Kiêu Dương) thì cảm thấy bị nhục không thể tả. Vì cuối cùng Cú bị mang tiếng như loại chim có tên là Phá Kinh cũng giống Cú, cả hai có tội quay lại ăn thịt bố mẹ. Từ địa vị Vật tổ mà bị trụt xuống đó hẳn là phải có căn nguyên, và căn nguyên đó nằm trong cái toàn thể là “ Văn hoá Hiên Viên Đế ” thuộc Du mục đã thua Văn hoá Nông nghiệp Việt tộc.

Chim của Việt tộc nếu không là Thiên Địch tức là “ chim mặt Trời ”, loại “ tuỳ dương Việt trĩ ” thì loại chim nước nói lên nét song trùng: bay lên trời mà vẫn có thể ẩn dưới nước nên có thể giao chỉ với Rồng cách thâm tình nhất. Đàng này chim của Hoàng Đế thuộc loại duy dương (cú ngày tinh đêm) chẳng có nét song trùng chi hết, nên bị giết bằng tên cong ở trực chí. Đó là nói kiểu Huyền sử: tên cong là của Việt tộc, còn trực Chí (Hạ chí, Đông chí) thường chỉ bái vật hay ý hệ thiên về một bên, không phải trực Phân (Xuân phân, Thu phân) chỉ nét thiên quân của con người Đại ngã với ngầm ý là triết lý trực vật Du mục của Hoàng Đế bị loại trừ do triết lý Nhân chủ của nông nghiệp. Nông nghiệp lúc ấy kêu là họ Hữu Miêu (nghĩa đen là người có ruộng nước) tức cũng là Tam Miêu cùng “ họ máu ” hàng dọc với Việt tộc vì cùng sinh ra bởi Tiên Rồng. Điều này không được nhận ra vì sách nói sinh ra bởi ông Quỷ Và bà Huyền Thê. Thế nhưng đọc theo lối cơ cấu sẽ nhận ra Huyền Thê cùng họ Huyền với Huyền điều, với bà “ Cửu Thiên Huyền Nữ ” tức là Tiên đó. Còn Quỷ cũng là Rồng đang trong quá trình biến thể, nên có đầu người mà mình lại là mình rắn. Họ hàng thực xa mà hoá ra gần là vậy. Tam Miêu cũng có tên là Cửu Lê vì căn số hai của cửu (9) là tam (ba) . Tam Miêu và Cửu Lê ăn với nhau theo số cơ cấu là thế. Nhà lãnh đạo của Tam Miêu là Si Vuu, sau này bị Tàu khinh rẻ, y như khinh rẻ Man Di, nhưng ban đầu Si Vuu là thủ lĩnh rất nổi tiếng, nên chữ Vuu cũng có nghĩa là người đệ nhất phi thường (le premier extraordinaire) vì thế đáng mặt làm thầy của Hoàng Đế và Hoàng Đế là sinh viên du học tiên khởi đến học trường Si Vuu, mà khóa trình là Thiên đạo. (Tích nhật Hoàng Đế đắc Si Vuu nhi minh ư Thiên đạo), ngày xưa Hoàng Đế học với Si Vuu thì sáng trí ra về đạo Trời. Nói thế có nghĩa là trước khi gặp được Si Vuu thì Hoàng Đế hoàn toàn Duy vật, có tiền lắm cũng quanh quẩn ở đọt Bái vật, Pháp môn, mãi sau

tiếp xúc với Si Vưu mới thêm nhập thêm “ nhiều sàng khôn ” trong đó đáng kể nhất là sáng mắt ra về Thiên Đạo **Thế là bàn xong về họ Mẹ.**

II.- Họ Cha Rồng

Bây giờ bàn thêm ít lời về họ Cha là Rồng. Rồng có hai loại: loại miền Nam là Giao long (thường luồng) có 4 chân, con loại không chân kêu là Xà long thuộc Việt miền Bắc từ Sơn Đông toả xuống Sở Ngô Việt (cả 3 nước này hồi xưa có một thời gọi là Kinh và Dương) về sau cộng cả Thường luồng lại với Rắn để làm nên Rồng, nên Rồng vừa có mình dài như rắn, vừa có 4 chân của thường luồng nhưng móng là móng của phượng hoàng.

Còn một loại Rồng nữa ở biển gọi là Ly. Loại ở đầm hồ và sông gọi là Quỳ. Loại này hòa hợp với chim quá nhiều hoá ra văn Quỳ long, một hợp loại chim Rồng, nhưng Chim nổi hơn nhiều . Còn một loại chim rồng nữa gọi là Phi Liên cũng thuộc loại chim Rồng giao thoa nên có chỗ kêu là Long Tước (rồng có mỏ chim sẻ). Hình dáng và tên gọi thì nhiều nhưng tất cả đều thuộc Tiên Rồng, tên gọi và thể thái khác nhau là do địa vực rất rộng, với thời gian lâu hàng nhiều chục ngàn năm không thể nào quy định được niên đại và bờ cõi, chỉ biết là của Việt tộc nên câu “ nhất điều nhì xà ” phải hiểu theo đồng văn lớn này.

Tục quen nói “ nhất điều nhì ngư ” chưa biết căn cứ vào đâu, không thể căn cứ vào cá Côn, chim Bằng trong sách Trang Tử vì đó hoàn toàn là dụ ngôn, cả cá lẫn chim đều dài mấy ngàn dặm. Ngư là thứ hoa văn nhà Hán dùng rất nhiều vì một thời cá là vật Tổ của Tàu, rõ nhất là đời nhà Tần.

Tàu mới có Rồng từ nhà Hán, có lẽ từ đó có câu “ Cá hoá Long ”, cá có học với Si Vưu để ra Long, nhưng xem ra không đủ điểm, nên hoá lưng chừng không ra Rồng mà chỉ đủ vây cánh để chở Táo Quân vào cuối năm, còn quanh năm thất nghiệp.

Nói tóm lại khởi nguyên Tàu không có Rồng, nhưng vụ sách nói có Rồng chỉ là nguy tao từ đời Hán, mà nhiều vụ không ổn rõ ràng.

Hoàng Đế bắt Rồng quỳ lột da bung trống, lột tí da thì ăn nhằm chi, còn trống bịt da mà bung cả hai đầu là kín chứ có trống đầu. Vì thế trống đó gọi là cái Cao để nằm ngang và chỉ dùng cho việc kiện tụng hoặc đánh trận. Khác hẳn trống Lạc Việt để trống một đầu, đặt dựng đứng để biểu thị đức trung ương tông quát. Nhà Chu dùng khẩu hiệu quân sự là “ hùm, beo, sói, rồng ”. Có một rồng giữa 3 con kia toàn du mục, tức mới học được ¼ bài học nông nghiệp về Tiên Rồng. Vậy toàn thể Rồng xưa kia là của Việt tức là toàn cõi nước Tàu.

Việt tộc có rất nhiều tên như Cửu Lê, Tam Miêu, Di, Tứ Di, Cửu Di, Nhung, Địch, Man, Di, Bách Việt và bao nhiêu chi tộc khác nhau với những nền nghệ thuật khác nhau. Nhưng đứng về triết học Văn hoá tổng quát thì có thể quy về một nền Văn hoá Nông nghiệp và do đó trong nhiều tên chỉ Việt Tộc, tôi gọi tên là Bách Việt, vì xét về cơ cấu thì không số nào lớn hơn số trăm (100 : Bách Việt).

Còn chữ Việt cổ (粵) viết với bộ mễ nói lên nền Nông nghiệp lúa Mễ, (米) nên bao trùm được cả Tam Miêu (苗 : miêu là mạ), còn tên Di theo tự dạng là người có nỏ, mà nỏ là môn sở trường của Lạc Việt (nhớ truyện cái nỏ của thần Kim Quy), và cũng hay đi liền với Việt gọi là Di Việt, cũng như Man thành Man Di : tất cả đều tham dự vào nét chung như “ Cắt tóc, xâm mình, tả nhậm nhất là hoá trang chim khi múa. Những nét đó là dấu bên ngoài của đại chủng Việt mà ban đầu đã cư ngụ khắp cõi nước Tàu, sau rồi dân tộc Tàu cũng là một hai chi tộc trong đại khối Việt nhờ một hai thuận lợi mà nổi lên và dần dần Tàu hội nhập và hoàn

chính Văn hoá Chim Rồng, rồi đẩy Việt ra tứ phía gọi là tứ hải. Nhưng “ tứ hải giai huynh đệ ” tức cùng một gia đình Văn hoá, nên đều là anh em cùng giòng máu huynh đệ là Tiên Rồng.

III.- Tàu đuôi Việt ra bốn bên: Tứ Di

Sau đây xin phác lại lại những đợt Tàu đẩy Việt tộc ra ngoài bốn bên :

a .- Đợt đầu Hoàng Đế chiến Si Vuu.

b.- Ông Vũ tiến xuống mạn Nam

Ông Vũ tiến xuống miền Nam sông Hoàng Hà lập ra nhà Hạ giữa đất đai cũng như văn hoá Việt .

c.- Nhà Thương tiến chiếm Di Việt

Bao gồm Sơn Đông, Hà Nam, Hồ Bắc, Giang Tô, Chiết Giang v . v . . .

d.- Đòi Chiến Quốc nhà Tần nuốt Sở, Ngô, Việt.

e.- Đợt năm là cuộc chiến Nam Chiếu, Dạ Lang, nước Điền.

g.-Cuối cùng chiếm cả Lạc Việt

Gồm hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, trước kêu là Lưỡng Việt, nay đổi ra Lưỡng Quảng .

Về đàng khảo cổ, ta có thể lấy Ngưỡng Thiều làm như **ngành Tiên**, từ tỉnh Thiểm Tây đổ xuống Thái Bình Dương gồm những chi Chàm, Indônê, Mã Lai, Thái, Miến, Assam, các nhà khảo cổ chỉ bằng rìu chữ nhật.

Ngành Rồng chỉ bằng rìu có vai tạm lấy Long Sơn làm điểm khởi kéo xuống qua Ngô, Việt, Quảng Đông và Việt Nam (1).

Cả hai dòng Văn hoá Tiên Rồng đó hội tụ lại nơi Việt Nam vì thế Việt Nam được gọi là một nước hợp chủng (hiện nay có gần 60 sắc dân thiểu số (có thể coi như đại diện cho những người đã bị đuôi ra khỏi địa bàn Tổ của mình và trở nên những di dân đòi đòi đại diện cho tứ hải, tứ Di, Bách Việt.

Nói là đại diện vì phần lớn ở lại đất cũ và bị đồng hoá để trở nên Tàu. thí dụ rõ nhất vì muôn nhất là Tần, Sở, Ngô, Việt. Họ đã trở nên Tàu đến độ vài ngàn năm sau không ai dám gọi họ là Việt hay đúng hơn là Tàu gốc Việt, chỉ đến nay khi ta đi theo lối cơ Cầu và đo máu Văn hoá mới nhận ra họ hàng Văn hoá thực rõ ràng.

(1) .- Chỗ này viết theo cuốn *The making of South East Asia* của ông Coedes, được dịch sang tiếng Anh do ông H. M. Wright Berkeley and L. A 1966.

Đó là mấy sự kiện thuộc lịch sử nhưng đã bị quên nên cần ôn lại dưới ánh sáng của những cuộc nghiên cứu mới ngày nay.

Theo đó nước Tàu mới ra khỏi trạng thái bộ lạc từ nhà Thương và nhà Thương rất nhỏ. Mãi cho tới Tần Hán mới chính là hình ảnh Tàu như nay do nuốt được Sở, tức cũng là nuốt được Ngô Việt, cả ba là do Đông Di miền sông Hoài và mạn Nam miền đồng bằng Dương Tử.

Hầu hết học giả phải nhận Sở là khu nữ (The world axis) là cuống họng (The throat of the world) của Tàu. Vậy mà **đó chính là địa bàn tổ của Man Di tức Bách Việt**. Khi nói là thủ chí và là đại diện cuối cùng của nền Văn hoá Tiên Rồng là nói theo toàn bích siêu hình, nhưng cũng có thể thật cho tới hai ngành chủng tộc:

Một Tiên từ phía Ngưỡng Thiều (Thiểm Tây), một Rồng từ Long Sơn (Thái Sơn), cả hai đổ xuống gặp nhau nơi Việt Nam.

Theo đó thì ngoài Việt Nam không còn chi nào nữa, vì hầu hết đã bị đồng hoá, còn lại thì không đủ điều kiện, **Hàn, Nhật thì xem ra có Rồng mà không có Tiên** và dấu sao thì cũng quá cô lập vì đã bật ra ngoài những dòng sông của địa bàn Tổ, không tiện lãnh đạo. **Các nước miền Tiên thì đã bị hút quá mạnh vào quỹ đạo của Ấn Độ là loại có cơ cấu Du mục nên bề quạt Văn hoá Tiên Rồng.**

Còn lại có Việt Nam tuy chịu ảnh hưởng của Tàu, nhưng Tàu đã hội nhập của Việt trước, nên tuy dạng thức Văn hoá có biến đổi nhưng bản chất không bị bề quạt nhiều, mà chính ra là giúp Việt đi hết đường công thức hoá nền Văn hoá chung mà **trước kia Việt là chủ, Tàu là khách**, nhưng khi xét toàn bộ thì phải nói Việt Nam là bộ tộc duy nhất trong Bách Việt có khả năng cũng như sứ mạng trùng tu lại nền Văn hoá cao cả nọ. Bàn về con chấm chủ quyền có khắc hai chữ Tiên Rồng như vậy kể là tạm xong, chúng ta sẽ dùng con chấm đó đi nhận diện những di sản nào là của nhà, nhưng trước hết chúng ta cần phải xem về nguồn gốc Nho là chi mà lại nói đồng bản tính với Việt trong thành ngữ Việt Nho.”

Nguồn gốc Việt Dịch được kết tinh từ hai Huyền thoại:

C.- NGUỒN GỐC CỦA VIỆT DỊCH

Qua hai Huyền thoại trên chúng ta có thể nhận ra nền tảng của Dịch Việt trong hai Huyền thoại:

1.- Viên Ngọc Long Toại với cặp Trông / Mái trong Truyện Việt Tĩnh .

2, Truyện Tiên / Rồng cũng là cặp Vợ / Chồng.

Trong ngôn ngữ Việt thì còn có vô số tiếng nói nhịp đôi hay nét “ Gấp đôi Song trùng lưỡng hợp “ như Trời / Đất, Núi / Sông, Ông Đùng / Bà Đà, Ông Cồ / Bà Cộc , Bà Nữ Oa / Ông Tứ Tượng, Vợ /Chồng, Đực / Cái, Trông /Mái, Nhụy Cái /nhụy Đực, Ăn /Nói, Đi / Đứng, Học / Hành. . Đây là nét Gấp đôi (two foldness) , nét đặc trưng của Văn Hóa Việt .

Đó là những cặp đối cực mang tính chất Lưỡng hợp hay Lưỡng nhất tương tự như Thái cực Âm / Dương Hòa . Âm / Dương hòa là Lưỡng cực nhất nguyên.

Có một số vị viết về Dịch cho cặp đối cực Dịch là Nhị nguyên đối kháng thuộc Mâu thuẫn thống nhất thuộc Triết lý Triệt Tam (Tiers exclu, non contradiction) của Tây phương (nhất là CS)!, đây là sự nhầm lẫn giữa Lưỡng cực Nhất nguyên (A/ B : Dual unit: 2 →1) với Nhị nguyên (A ≠ B).

Những cặp đối cực rất phổ biến và được Nho tổng quát thành cặp Âm / Dương .Khi Âm / Dương lưỡng nhất (Dual unit: 2 →1) thì đạt trạng thái Âm / Dương Hòa.

Những bảo chứng trên chứng tỏ Kinh Dịch đã được Tổ Tiên Việt kết tinh từ thuở xa xưa, Việt Dịch tuy chưa được viết thành Kinh điển nhưng đã được hiện thực trong nhiều lãnh vực của cuộc sống dân Việt ,

I.- Nguồn Gốc của Dịch Việt và Dịch Tàu

Dịch Việt được kết tinh từ **Viên Ngọc Long Toại**, Theo T. G. Kim Định thì Vật biểu kép **Tiên Rồng** của Việt Nam đã được thai nghén từ nền Văn Hóa Hòa bình cách nay từ 12 ngàn năm tới 30 ngàn năm, vết tích được tìm thấy nơi **Thao thiết Văn Quỳ Long** (Đồ cổ đời nhà Thương)



Hình Thao thiết đã biến ra Rồng. Hình Văn Quỳ Long biến ra từ Thao thiết **Rồng Tiên** (Chim)

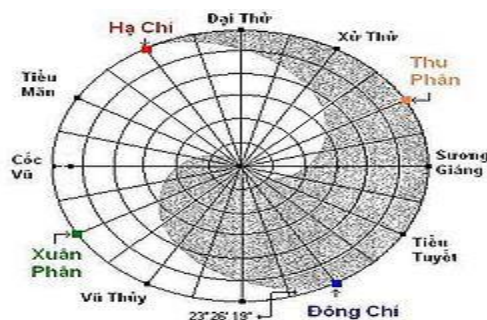
Tàu có vật **Tổ đơn** là **chim Cú** đời Hiên Viên Hoàng Đế, tới **Bạch mã** đời nhà Thương rồi nhận vật biểu **Rồng** của Việt vào đời nhà Hán. Lại nữa, **Rồng “ Cô Dương bất sinh ”**, nên làm gì mà có **Dịch**, tuy nhiên Tàu vẫn có Dịch với 64 Quẻ để bói phệ rất đồ sộ!

Dịch có 4 mục tiêu:

- 1.- « Là **Ngôn từ** để dạy **Minh Triết**
- 2.- Là **Linh động** để dạy biết **Tiến hoá**
- 3.- Là **Tượng** để dạy cách chế **Khí cụ**
- 4.- Là **Bốc phệ** để **Chiêm nghiệm** từng trường hợp «

Dịch 64 Quẻ đồ sộ của Tàu chỉ có mục tiêu cuối cùng là **Bốc phệ** (Bói toán), còn Việt Nam từ xưa chưa dám nhận mình là có Dịch, nhưng theo sự khai quật của T. G. Kim Định thì Việt Nam không những có Dịch mà Dịch còn mang nặng mục tiêu quan trọng nhất là **Minh Triết** .

Hình Thái cực (Ultimate Supreme }



“ Có giả thuyết cho rằng hình ảnh của Thái Cực đồ được tạo lập từ quan sát thiên văn thông qua đo bóng nắng mặt trời. Khi cắm một chiếc que thẳng trên mặt đất và đánh dấu tất cả khu vực mà bóng của que quét trong một năm, sẽ có một đồ hình Thái Cực đồ . (Từ internet) “.

Chúng ta có thể kiểm chứng sự xác thực của hình trên qua thời tiết qua 24 Tiết của một Năm và thời Tiết của các mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông

Hình trên được chia ra làm 24 phần gồm 360 độ, mỗi phần có 15 độ, mỗi phần được gọi là một Tiết 15 ngày, như vậy một năm có 24 Tiết, khi qua một Tiết hay qua một mùa 3 tháng thì khí hậu thay đổi rõ ràng.

Có ý kiến cho rằng Thái Cực đồ của Đạo gia cũng như đồ hình chữ Vạn của Phật gia là có chung một nguồn gốc. Đó chính là các biểu tượng của các dạng Thiên Hà khác nhau trong vũ trụ.

II.- Tính chất của Âm / Dương

Âm Dương đối lập: Cặp đối cực (opposite term)

Khi quan sát các hiện tượng, luôn thấy từng cặp đối nghịch nhưng gắn bó nhau : Sáng / Tối - Động / Tĩnh... **Tuy đối nghịch nhưng luôn gắn bó nhau, do đó, đây chỉ là 2 mặt của 1 quá trình thống nhất.**

Người xưa đã biểu thị quan niệm trên bằng đồ hình **Thái Cực** : Một Âm (màu đen) và 1 Dương (màu đỏ hoặc trắng) trong 1 vòng tròn không bao giờ tách rời nhau. Thiếu 1 trong 2 yếu tố Âm Dương, không thể hình thành sự vật.

Thí dụ : Vấn đề dinh dưỡng trong cơ thể.

Cơ thể cần dinh dưỡng (Âm) và hoạt động (Dương). Muốn có chất dinh dưỡng (Âm), cần tiêu hao 1 số năng lượng (Dương). Ngược lại, để có năng lượng cung cấp cho hoạt động (Dương) cần tiêu hao 1 số chất dinh dưỡng (Âm)...

Trong Âm có Dương, trong Dương có Âm



Hình Thái cực với Thái Âm (màu đen) và Thái Dương (màu trắng)

Thái Âm màu đen có **Thiếu Dương** màu trắng: **Âm trung hữu dương căn**: “ The principle masculine within the Woman. Carl Jung: Deep psychology)

Thái Dương màu trắng có *Thiếu Âm* màu đen: **Dương trung hữu Âm căn**: “The principle feminine within the Man. Carl Jung)

” Đào sâu vào từng hiện tượng, từng vật, người ta thấy : Mỗi mặt Âm hay Dương lại có mặt đối lập ở trong, người xưa gọi là **trong Âm có Dương và trong Dương có Âm**.

Nhờ vậy, vũ trụ chia nhỏ dần thành 1 chuỗi 2 mặt Âm Dương vô cùng tận.

Có thể lấy thời gian 1 ngày 1 đêm làm thí dụ :

- Thiên "**Kim Quy Chân Ngôn Luận**" ghi : "**Bình đán chi Nhật trung, Dương trung chi Dương giả, Nhật trung chi hoàng hôn, Thiên chi Dương, Dương trung chi Âm giả, Hợp dạ chí kê minh, Thiên chi Âm, Âm trung chi Dương giả, Kê minh chi bình Đán, Thiên chi Âm, Âm trung chi Dương giả**" (: Từ sáng sớm đến giữa trưa là Dương trong ngày, **Dương trong Dương**, từ giữa Trưa đến sẩm Tối, là Dương trong ngày, **Âm trong Dương**; từ chập Tối đến gà Gáy là Âm trong ngày. **Âm trong Âm**, từ gà Gáy đến Sáng sớm là Âm trong ngày, **Âm trong Dương**) (T. Vấn 4)” (Nguồn internet)

III.- Âm / Dương Hòa

Nho bảo : *Khi Cặp đối cực “Âm / Dương “ tương thối “ với nhau để đạt trạng thái Âm Dương Hòa. Tương thối nghĩa là cùng nhau thúc đẩy, chống đối nhau, lựa chọn, nhường nhau, tìm tòi (Tương tranh / tương hỗ) để đạt được thoả thuận hài hoà với nhau ở từng thời điểm một, đó là trạng thái Quân bình động, được gọi là Âm Dương Hòa.*

Đây cũng là luật Bù (+) / Trừ (-): Law of Receiving and Giving .

Theo Nho thì Âm Dương Hòa là khi cặp đối cực được lưỡng nhất (Dual unit : 2→1)

Lão Tử có nói:

“ **Họa hề Phúc chi sở ỷ. Phúc hề Họa chi sở phục (Lão)**: *Họa là nơi Phúc cậy dựa . Phúc là nơi Họa ẩn náu “ . Phúc / Họa Thiện / Ác, Phải / Trái liên kết với nhau như hai mặt của một đồng tiền, nên khi hai bên muốn Hòa giải với nhau thì mỗi bên trước tiên phải có cái Tâm muốn hòa với nhau, phải có nhận thức chỉ có hòa với nhau thì hai bên mới sống yên ổn được, nên đừng quá cố chấp vào lập trường của mình mà phải uyển chuyển **nhường qua nhận lại với nhau theo lẽ Chính trung tức là tinh thần Dân tộc**, hai bên bù trừ Phúc Họa cho nhau, với lòng Bao dung, hai bên phải vượt lên trên Phúc Họa mới mong tìm ra được giải pháp ổn thỏa, nên nhớ rõ điều này khi có nhận rõ phải có cả **Phúc Họa lưỡng nhất**, nghĩa là hai bên đều phải chia sẻ Phúc Họa tương đối Công bằng với nhau thì mới hòa được , chứ chỉ có một bên Phúc hay Họa thì vẫn luôn bị bất Hòa, do đó chúng ta mới hiểu **Âm Dương Hòa là Vi Ngôn Đại Nghĩa** và cũng mới hiểu rõ; **Khi làm thương tổn nhau mà Tha thứ cho nhau được là rất khó còn như hành động Bao dung lại khó khăn và cao quý biết dường nào ! Cái Bọc của Tổ Mẫu Âu Cơ là Bọc Vũ trụ, nên có sức Chứa sâu rộng mênh mông!***

Trong chế độ Dân chủ khi có vấn đề bất đồng thì hai bên phải dựa trên tinh thần Hiến pháp mà đối thoại với nhau để tìm ra giải pháp Hòa. Tinh thần Hiến pháp của Việt Nam là **Nhân Nghĩa, Bao dung**, còn tinh thần Hiến pháp Hoa Kỳ là **Bác ái, Công bằng và Tha thứ**.

Do đó mà cuộc hòa giải giữa người Hữu thần và Vô thần thì khó mà thực hiện vì hai bên không có tiêu chuẩn chung để y cứ mà phân giải.

Trên trường Quốc tế khi các nước đối thoại để hòa giải với nhau thì dựa trên những tiêu điểm: **Nhân quyền, Dân chủ và Tự do**.

Cũng do đó mà chúng ta mới nhận rõ Hoà bình thế giới là vấn đề phức tạp và khó khăn dường nào, nhất là khi nhân loại chưa cùng nhau quay về **nguồn Tâm linh** hay cách khác là tìm về **Tiềm thức cộng đồng của Nhân loại** (collective unconscious) để thông cảm nhau mà sống chung an bình với nhau.

IV.- Âm Dương biến đổi ngược chiều và tuần hoàn

Nếu ta lấy x là Âm và y là Dương thì $\text{Âm} / \text{Dương} = xy = \text{Âm} \times \text{Dương} = 1 \rightarrow y = 1 / x$

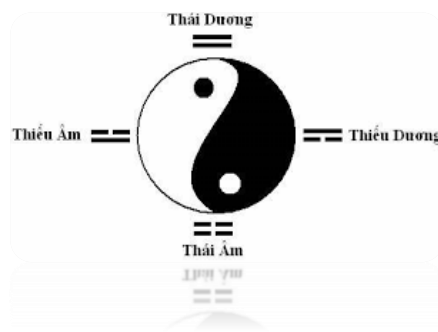
$\text{Âm} = 1 / \text{Dương}$ (Hàm số ngược Hyperbol : nên Âm tăng Dương giảm; Âm thịnh Dương suy và ngược lại .

Nho bảo: “**Vật cùng tắc biến**”, “**Vật cực tắc phản**”, ý nói một vật hoặc một sự việc biến đổi đến điểm cực độ tất sẽ quay trở lại.

Lão tử bảo : “**Phản giả Đạo chi động** “ : *Biến hoá quay ngược lại là cái động của Đạo là luật quan trọng nhất, đây là luật Tuần hoàn, khi hoạt động thì làm tiêu hao năng lượng nên phải quay về nguồn (Tâm linh) để “ sạc “ lại năng lượng . Đây là nguồn của luật Tuần hoàn.*

V.- Tỷ lệ Âm / Dương Hòa

Ta dùng hình Thái Âm và Thái Dương để làm rõ:



Theo Nho thì “ **Thể / Dụng nhất nguyên, Hiền / Vi vô gián** “ : *Cái Thể bên Trong và cái Dụng bên Ngoài có cùng một gốc, cái hiện ra và cái bị che khuất không có cách biệt (Nhất nguyên lưỡng cực : bipolar)*

Dụng (bề Ngoài) của **Thái Dương** màu trắng (3), nhưng **Thể** (mặt Trong) của **Thái Dương** là **Thiếu Âm** màu đen (2) .**Nho bảo : Dương trung hữu Âm căn**”: Trong **Thái Dương** có **Gốc Âm**, Tây phương bảo: The feminine principle within the Man (Carl Jung)

Dụng của **Thái Âm** màu đen (2), nhưng **Thể** của **Thái Âm** là **Thiếu Dương** màu trắng (3) . **Nho bảo Âm trung hữu Dương căn**: Trong **Thái Âm** có **Gốc Dương**, Carl Jung bảo: The masculine principle within the Woman (Carl Jung)

Theo Nho thì “ **Thể / Dụng nhất nguyên, Hiên / Vi vô gián** “ : **Cái Thể** bên Trong và **cái Dụng** bên Ngoài có cùng một gốc, cái hiện ra và cái bị che khuất không có cách biệt (**Nhất nguyên lưỡng cực** : bipolar)

Theo **Thái Âm** tuy **Dụng** là **Âm** (Đen: 2) nhưng **Thể** là **Dương** (Trắng : 3) .

Còn **Thái Dương** tuy **Dụng** là **Dương** (Trắng: 3) nhưng **Thể** là **Âm** (Đen: 2) .

Theo **Thái Âm** thì **Thể / Dụng** / = **Dương / Âm** = **3 / 2** (**Nguyên lý Mẹ**), **Âm / Dương** = **Tình / Lý** = **3 / 2**. **Trọng Tình hơn Lý**. **Bên Ngoài (xã hội) là Lý** (chiếm 2 phần , Lý : 2), **nhưng Trong (mỗi Cá nhân) là Tình** (Tình chiếm 3 phần) (Nguyễn Du)

Trong Xã hội Việt Nho thuộc Nguyên lý Mẹ thì Con Người trọng Tình hơn Lý

Theo **Thái Dương** thì **Thể / Dụng** = **Âm / Dương** = **2 / 3** (**Nguyên lý Cha**) : **Dương / Âm** = **Lý / Tình** = **3 / 2** .

Kiểu có câu: “ **Tuy Ngoài (cách hành xử ngoài Xã hội theo Lý Công bằng : Dụng: 2) là Lý**, **nhưng Trong (Tâm hồn cá nhân: Thể : 3) là Tình** (Nguyễn Du),

Trong Xã hội Tàu theo Nguyên lý Cha thì tỷ lệ **Âm / Dương** = **2 / 3** → 2 Tình 3 lý, nên **trọng Lý hơn Tình**, nên hành động dùng bạo lực gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng .

VI.- Giải pháp Hòa theo tinh thần Trung Dung

Theo T.G.Kim Định thì tỷ lệ Hoà giữa Âm Dương phải y cứ theo hai Tiêu chuẩn:

1.- Chấp kỳ lưỡng đoan: (Trung dung. Thiên 6. Câu 4)

Phải giữ lấy hai đầu mối, nghĩa là khi hai bên có điều bất đồng, xích mích, mâu thuẫn với nhau thì tiên quyết là hai bên không phủ nhận nhau, chấp nhận ngồi lại đối thoại với nhau mà tìm giải pháp Công chính mà Hòa giải với nhau.

2.- Doãn chấp quyết Trung (Thư. Đại vũ mô. 15)

Hai bên bằng lòng cùng nhau tìm cho ra giải pháp “ Công chính “ (theo Tinh thần Dân tộc) làm thoả mãn tình trạng của hai bên gọi là **giải pháp Hòa giải**, nói cụ thể là hai bên phải dựa theo **Tinh thần Dân tộc** ”**Nhân Nghĩa Bao dung** < con dân nào của nước cũng công nhận và

phải noi theo > “ mà tìm ra giải pháp thích hợp cho cả hai bên, bên nào gần với tinh thần đó tức là lẽ Công chính thì có được phần lợi hơn, nhưng không ai thất bại hoàn toàn, vì trong hai bên chẳng ai có được hoàn toàn trong cách hành xử của mình , đó là **giải pháp lưỡng lợi** (win – win solution).

Vấn đề đối thoại theo cách này có hai cái khó: Mỗi người phải có **tinh thần Dân tộc** để tìm cách Giải Hòa với nhau chứ không dùng Lý cực đoan để dành Hòn Thua với nhau. Khi Hòa với nhau thì hai bên không ai bị thiệt hoàn toàn, chỉ có những người có tinh thần Hùng Dũng mới vượt qua được, còn khi hai bên cố ăn thua với nhau thì cả hai bên chỉ đem nhau tới bể tắc lớn hơn ! Đó là cái nạn mà Cha ông chúng ta đã bảo : “ **Khôn Độc Đại Đàn và Tham Địa Bỏ Mâm** “ mà không ai có lợi hết, chỉ khiến cho Dân tộc mang thêm cái Đại cá nhân, cái Họa Dân tộc bị phân hóa ! Cái lối sống Anh hùng một cõi này đang vây khốn Dân tộc chúng ta trong giấc Mê vong Nhân, vong Quốc!.

Còn khi hai bên không chấp nhận nhau không có tiêu chuẩn y cứ chung của Dân tộc thì có tiêu chuẩn **Nhân quyền và phương pháp đấu tranh Bất bạo động** để hai bên đấu tranh với nhau, gương Thánh Gandhi đang còn đó.

CSVN đang kêu gọi Thành phần Quốc gia Hoà giải Dân tộc thì xin y cứ theo cách Hòa giải Âm Dương Hoà trên mà tiến hành, chứ không đem tinh thần “mâu thuẫn thống nhất” Mao Mác ra tranh biện thì không những không bao giờ đạt tới mối Hòa mà chỉ làm tăng thêm cường độ đấu tranh bạo động.

VII.-Tinh thần Âm Dương Hoà theo Tỷ lệ : 3 / 2

Tỷ lệ **Tình /Lý 3 / 2** là tỷ lệ 3 Tình 2 Lý. Tình Lý là trừu tượng không có đơn vị nào để cân lường đong đếm được,mà là con số rất cơ bản. Khi hai bên mâu thuẫn với nhau thì phải nên dùng Tình BAO DUNG ngòai lại với nhau tìm giải pháp Hoà “ **một vừa hai phải** “ để sống yên vui với nhau là thượng sách, chứ cứ tìm cách cực đoan để Hòn Thua với nhau thì chỉ dất nhau xuống hố cả hai, nên nhớ **Văn hóa của Tổ Tiên chúng ta là “ Dĩ Hoà vi quý “**, muốn Hoà theo Lý công chính thì phải mỗi bên phải có **tinh thần Hùng Dũng** mới đạt được, có Hùng thì không để đối phương dùng Lực bấp thịt để hiếp đáp, có Dũng thì hi bên không dùng sự bất công để thủ thắng, nên hiếu hòa không là khiếp nhược.

VIII.- Vi Ngôn Đại Nghĩa

Vi Ngôn Đại Nghĩa là lời nói có 4 chữ nhưng rất vi diệu và kín nhiệm, phải có trí óc tinh tế mới nhận ra được ý nghĩa của **Đại Nghĩa Âm Dương Hoà**, mọi người phải hiểu rõ Dịch lý Âm Dương Hoà mới có thể hiện thực được đại Nghĩa .

Đại Nghĩa là trách nhiệm hai chiều của “ **mọi người có Lòng Nhân** “ để thực hiện Công bằng trong Gia đình và ngoài Xã hội. Có thiết lập được công bình Xã hội thì Xã hội mới có Hoà bình. Xã hội ngày nay càng ngày càng chông chát Bất công do con Người **bất Nhân** thiếu tinh thần “ **Hiếu hòa của Nhân Nghĩa, Bao dung** “ nên mới làm ra những chuyện Bất công . Muốn sửa Xã hội thì trước tiên phải **canh Tân con người cho có Tư cách và khả năng**, nên cần phải có một “ **nền Văn Hóa Thái hòa** “ để toàn dân y cứ vào đó mà Tu dưỡng để ăn ở công bằng với nhau, mới đoàn kết với nhau mà xây dựng và bảo vệ nước.

Khi Xã hội đã loạn thì phải sửa cái Gốc Văn Hóa, Văn Hóa là kho Minh triết giúp mọi người trau dồi Tư cách và Khả năng rất cần cho các Vị làm Chính trị và Truyền thông. Làm Chính trị không thể chỉ sửa cái Ngọn nơi các Cơ chế xã hội rối ren mà Xã hội yên bình được. Các nhà làm Chính trị không quan tâm đến Tư cách và Khả năng của con người Dân tức là làm Chính trị bỏ Gốc Công chính mà ôm Ngọn Bất công - nguồn rối ren Gia đình và Xã hội-, họ còn cao rao thực hiện Dân chủ Tự do và Nhân quyền, rõ là Bất Chính rồi, thì làm sao mà giúp Quốc gia được Yên Trị ?!.

IX.- Tình thần Dịch lý (Âm Dương Hòa) nơi Con Người

Chúng ta hãy nhìn Thiên lý hay Dịch lý nơi Cơ cấu của con Người: Cơ thể con Người được cấu tạo bởi nhiều cặp đối cực : Não với hai Bán cầu não: Não Phải / Não Trái, Mắt Phải / Mắt Trái., Thân Phải / Thân Trái, Tay phải / Tay Trái., Chân Phải / Chân Trái.. .

Não Phải < chủ Tình > / **Não Trái** < Chủ Lý > phải trao đổi với nhau qua Corpus collosum để sao cho **Tinh Lý tương tham** mà Hòa với nhau.

Hệ Thần kinh cũng có **Thần Kinh cảm giác** và **Thần kinh vận động** giúp các Cơ có thể co duỗi để cho con Người Vận động được ăn khớp nhịp nhàng .

Cơ quan Hô hấp trong mỗi con người cứ tuần tự đưa khí Oxy vào máu và khí carbonic được thải ra đều qua phổi giúp duy trì sự Sống.

Nhờ **Quả Tim** co bóp nhịp nhàng mà Máu được lưu chuyển trong Động và Tĩnh mạch giúp cho hệ thống **Tuần hoàn** được điều hòa.

Nhờ Cơ quan **Tiêu hóa** qua Miệng, Dạ dày và Ruột mà chất dinh dưỡng của Thực phẩm được hấp thụ vào mạch máu mà nuôi cơ thể, và thải ra ngoài những chất không cần cho Cơ thể giúp cho Cơ thể sinh tồn và mạnh khỏe.

Các hệ **Hô hấp** ,**Thần kinh**, **Tuần hoàn**, **Tiêu hoá**, **Bài Tiết** đều được hoạt động theo Chu kỳ.

Mắt Phải / Mắt Trái: Khi nhìn một vật thì mỗi mắt cho một hình 2 chiều, khi hai hình của hai mắt có giao thoa với nhau thì mới có một hình nổi ba chiều.

Thân phải / Thân Trái có kết hợp với nhau mới che chở được các Cơ quan.

Tay phải / Tay Trái tuy có chức năng riêng nhưng hai tay phải phối hợp với nhau theo nhiều cách mới làm được nhiều việc khác nhau.

Chân phải / Chân Trái. Khi một chân có đứng yên (Tĩnh) thì chân kia mới có điểm tựa mà bước tới (Động), hai chân có thay đổi cách Tĩnh / Động nhịp nhàng mới Đi, Bò, Chạy, Nhảy, Leo trèo được, nhưng có Động được là nhờ có Tĩnh và ngược lại, điều này giúp chúng hiểu lời **Hữu sinh ư Vô**.

Tiểu Diễn (bài tiết) / **Đại Diễn** (Sinh thực khí: Tinh trùng / Noãn sào) nơi con Người được điều hòa giúp loài người sinh tồn và tiếp tục tồn tại lâu dài.

X.- Tinh thần Dịch lý trong thế giới Hiện tượng

Nhờ sức **Ly tâm** và **Quy tâm** được quân bình mà **Quả đất** vừa tự xoay quanh và vừa xoay quanh **Mặt Trời** mà ngày, đêm, năm, tháng và 4 mùa cứ thế mà được chuyển vận theo chu kỳ rất chính xác .và thời tiết nóng lạnh bốn mùa cũng thay đổi điều hòa .

Mọi chuyển động trong Vũ trụ đều do sự biến đổi của các dạng năng lượng từ công thức: $E = mc^2$: Nguồn Năng lượng Tình yêu từ Thiên Chúa.

Năng lượng này - nguồn sống của vạn vật - được tỏa ra từ Mặt Trời tạo ra mọi vật và điều phối mọi sinh hoạt trong Vũ trụ. Viêm Đế của Việt Nam đã thờ Mặt Trời, một trong hàng tỷ Ngôi sao như mặt Trời , thờ Mặt Trời của những Mặt Trời là thờ Trời để giúp giòng dõi con cháu biết cách bám vào nguồn Tâm linh mà sống còn và phát triển.

Mặt Trời đã tỏa ra năng lượng với nhiều làn sóng có tần số cao thấp khác nhau, làn sóng có tần số cao thuộc Tinh thần và làn sóng có tần số thấp thuộc Vật chất. Khi Suy tư Não bộ phát ra nhiều làn sóng tạo nên những Tần số khác nhau, nhờ có cùng tần số Tư tưởng mà con Người hiểu nhau, thông cảm nhau.

Nếu chúng ta thực sự sống theo Nhân Nghĩa Bao dung, chắc chúng sẽ bắt gặp được **Hồn Thiêng Sông (Nghĩa) Núi (Nhân) của Tổ Tiên!** [1]

Đấng tạo ra năng lượng để sáng tạo ra hàng tỷ thiên hà trong Vũ trụ và vạn vật và điều phối các dạng năng lượng vận hành trong Vũ trụ được điều hòa chính là **Thượng Đế toàn Năng, toàn Thiện, toàn Mỹ!** Nguồn Năng lượng từ Mặt Trời chính là **Nguồn gốc của Ba luật lớn về Tâm linh và những Định luật Khoa học trong Vũ trụ. Ba luật lớn về Tâm linh là:**

- a.-Luật **Biến động bất biến của Âm Dương**, (Law of Ying / Yang's Change)
- b.- Luật **Giá sắc** (Law of Sow and Reap)
- c.- Luật **Loại tụ** (Law of Classification)

D.- TINH THẦN DỊCH LÝ NƠI VĂN HÓA VIỆT

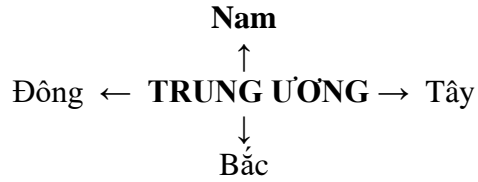
I.- VŨ TRỤ QUAN

Vũ : Tứ phương Thượng Hạ vị chi **Vũ** : không gian.

Trụ : Vãng cổ lai kim vị chi **Trụ**: Thời gian

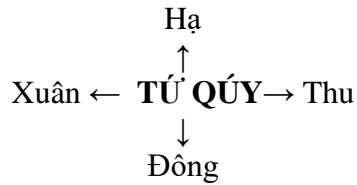
Vũ / Trụ lưỡng nhất $\rightarrow 1$ (Dual unit) \sim **Time = Space – Continuum** (Einstein)

1.- Không gian



Vũ : Nam / Bắc + Đông / Tây →1

2.- Thời gian



Tru: Xuân / Hạ + Thu / Đông →1

Thời gian /gian lưỡng nhất →1 : **Vũ / Tru**

II.- NHÂN SINH QUAN

Thiên / Địa lưỡng nhất →1= Nhân (Trinity)

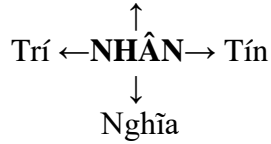
Thiên Hoàng / Địa Hoàng →1: Nhân Hoàng

III.- LỘ ĐỒ TU, TỀ, TRỊ, BÌNH

1.- TU

Ngũ Thường

Lễ



Nghĩa / Lễ - NHÂN - + Trí / Tín lưỡng nhất → 1 : Hùng / Dũng: Bao dung

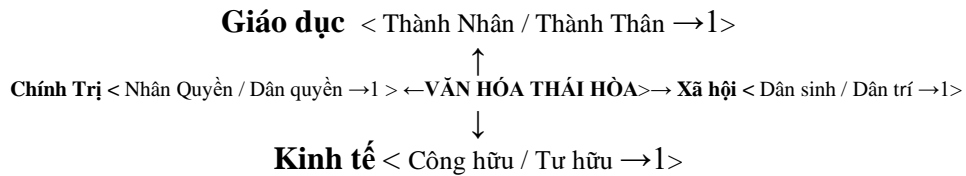
2.- TỀ

Ngũ luân



Cha Mẹ / Con cái – VỢ CHỒNG – Anh Em / Đồng bào lưỡng nhất → 1: HÒA

3.- TRỊ BÌNH



Kinh tế/ Giáo dục – VĂN HOÁ THÁI HÒA - Chính trị / Xã hội → 1: Cơ chế Xã hội Tiến bộ, ổn định .

4.- ĐẠT QUAN

Phong (Trời) / Lưu (Đất) → 1 : AN VI (Không Lợi hành & Cường hành mà An hành)

E.- TRIẾT LÝ AN VI

Ngũ hành là Cơ cấu (Xác) của Việt Nho

Triết lý An vi là Hồn của Việt Nho

Việt Nho : Confucéisme (: Tiếng Pháp do T.G. Kim Định đặt ra)

Âm Dương Hòa là nền tảng của Triết lý An vi (Philosophy of Harmony)

Hữu vi là Triết lý Hữu thể (Ontology) của Tây phương

Vô vi là Triết lý Vô thể (Neti neti) của Ấn Độ

Hữu vi / Vô vi lưỡng nhất →1: An vi : Triết lý An vi của Việt Nho

I.- AN VI LUẬN

(Văn Lang vũ bộ: Mục 14. Kim Định)

1.- Thế nào là An vi

“ Nhiều người hiểu An vi là thanh nhàn không phải làm gì, khỏi bận tâm đi kiếm tiền kiếm của: thế gọi là An vi. Nếu An vi là vậy thì cần chi đến Triết lý chỉ việc gõ cửa mấy ông nhà giàu bự là đủ. Có người lại nghĩ rằng An vi là không nóng giận, cả không vui mừng nữa; sống bình thản trước mọi cảnh đời: éo le cũng như đắc ý, không dây mình vào việc chi, đời sao mặc đời. Nếu An vi là thế thì có khác chi mấy kẻ ù lì, việc chi phải đặt ra Triết lý An vi. Ngược lại Triết lý An vi cần:

Cho những Người Dấn thân vào Đời

Cho những Người phải Chiến đấu

Cho những ai Gặp bước Gian truân

Cho những ai Gặp cảnh Bần hàn

Cho những ai Muốn Cải tạo Xã hội.

Như thế thì An vi không có nghĩa là hưởng nhàn mà là làm việc hăng say mà vẫn thanh thản. An vi cũng không phải là vô cầu, nhưng cầu mà như không: không cầu mà cầu; nhắm thành quả mà quan trọng nhưng không đặt ở thành quả, nên không lấy thành quả để luận anh hùng. Bởi vậy với người đời đó là thứ Triết lý rắc rối ồm ờ, nhưng với người thấu hiểu thì lại nhận ra thứ Triết lý vi diệu rất khó đạt được. Tuy nhiên nếu hiểu đúng, đặt nền tảng cho ỏn thì hy vọng đạt được không phải là diệu vợi. Bởi vậy sau đây chúng ta sẽ bàn đến ít điểm cần cho sự hiểu Triết lý An vi mong có thể hiện thực được vào bản thân cũng như đời sống xã hội.

2.- Cần đặt vị trí cho An vi

An Vi nằm đâu đó giữa Hữu vi và Vô vi, hay đúng hơn bên trên hoặc bao quanh lấy cả Hữu vi lẫn Vô vi. Chữ An có nghĩa thông thường là "yêu hòa giải không tranh chấp" (**hiếu hòa bất tranh viết An**). Nghĩa đó đúng nhưng chỉ ở vòng ngoài trong lối sống thường nhật, chưa phải là nghĩa Siêu hình của chữ An vi. Muốn hiểu được An vi cần phải hiểu đến tận gốc rễ, mà cho được thế cần phải hiểu thế nào là Hữu vi và Vô vi và cái cạm bẫy đầy nguy cơ nấp sau hai Triết thuyết đó. Vậy **Hữu vi là Có Làm. Có làm thì phải rồi tại sao lại bảo là chứa chấp nguy hiểm**. Thừa rằng, cái đó rất tế vi nên không dễ nhìn ra được, cần phải phân tích thấu triệt.”

“Ta quen hỏi bạn đang làm gì đấy? Và câu thưa sẽ là tôi đang uốn cảnh hay ngắm hoa, đọc sách, biên thư. Bạn có thể thưa cả hàng ngàn câu, nhưng khi phân tích ra thì câu nào cũng có một **động tự** (uốn) và một **đối tượng** (cảnh). Ngay trong câu hỏi làm gì cũng đã có đối tượng rồi: nằm trong chữ Gì? Gì là Đối tượng của Làm. Vậy mà cạm bẫy trong chữ Gì, nghĩa là nằm trong Đối tượng. **Cái hại là Đối tượng sẽ thu hút hết nghị lực của con Người, khiến cho trong hành động tác nhân sẽ trút hết tinh anh vào Đối tượng.**

Người thường không thấy nguy cơ đâu cả, nhưng hiền triết nhận ra đó là **đầu mối của nạn vong Thân**, nó ở chỗ bắt con người đầu tư trọn vẹn tâm thần ý chí vào **Đối tượng của việc làm**, khiến cho dần dần **Đối tượng** trở nên **Chủ** và sẽ **Đối tượng hóa** luôn con Người (objectiver l’homme) mà nghĩa thông thường là "Nhân hóa Vật": Người hóa ra như Vật, nghĩa là người cư xử và **động ứng theo cung cách Vật thể**. Điều đó sẽ dẫn tới chỗ Người xử với Người như với **Vật (chosifier)**.

Từ đây bất cứ cái chi đâu là linh thiêng nhất cũng quan niệm theo lối sự Vật tức có hình thể. Thí dụ như Siêu hình cũng bị quan niệm kiểu những Vật hữu hình, tức như cái gì đứng bên ngoài mình, kiểu một **Đối tượng**, nghĩa là cái Tượng hình đứng đối diện với mình, mình phải đi tới nó để chống lại hoặc chiếm hữu lấy: avoir.

Đó là hậu quả đầu tiên làm tiêu tan mất cái linh thiêng vị tế trong Tâm hồn mình mà chính nó mới là Bản gốc của Người, vì thế gọi là vong Bản.

Từ đó sẽ dẫn đến nhiều ác quả mà trước hết là sự đề cao những tác hành có đối tượng bên ngoài mình và thế là dẫn tới **Lợi hành**: làm hoàn toàn vì lợi. Mà lợi đi với Địa (Thiên lợi, Địa lợi) tức là đi với cái gì bé nhỏ, có cục hạn như mọi sự vật: vì thế **Lợi hành là con đường thẳng đưa người ta đến Duy Vật**. Một khi đã **Duy Vật** thì sẽ coi là vô giá trị mọi việc gì không có lợi, không sản xuất ra cái gì cầm nắm được và như vậy sẽ đi đến chỗ **phế bỏ mọi việc Tinh thần, Tâm linh**.

Hậu quả việc đó là cột chặt con người vào Đất, khiến nó bị tước đoạt hết những khả thể thanh thoát bay bổng, như thấy rõ trong lối hành xử của người cộng sản: chỉ gọi là làm việc khi có sản xuất ra cái chi cụ thể. Đó là tai họa lớn lao hơn hết trong kiếp người.

Vì thế có một **thái độ đi ngược lại là không làm: Vô vi**. Ở đây không nói đến chữ Vô vi của Lão Tử (đã bàn rồi trong Định Hướng Văn Học) nhưng có ý nói Vô vi là không làm gì, vì coi sự làm chừa đây cạm bẫy giam hãm con người lại, không cho tung cánh bay cao. Nói theo kiểu triết Án Độ là **hễ làm thì có Quả mà có Quả là có giây trói buộc do luật khắt khe Nhân Quả không cho con người giải thoát. Vậy tốt hơn hết là đừng có làm: Vô vi**.

Nhưng Vô vi cũng đặt ra đây khó khăn như không làm thì sống sao đây? Muốn Sống thì phải có Làm, mà có Làm thì lại bị trói buộc. Đàng nào cũng chết.

Đại để đó là gọng kìm nan giải đặt ra trước những Lương tâm bén nhạy cao độ để thấy nguy hại trong cái Hữu vi, nên chạy ùa sang Vô vi, vì chưa đủ tinh anh để đặt một lối thoát khác. Và lối đó chính là An vi được đề ra để hòa giải khó khăn gặp trên hai con đường Hữu vi và Vô vi.

Chủ trương của An vi là làm nhưng không đặt trên cái Có của Hữu vi: nói khác, không đặt quan trọng trên Đối tượng hay Hậu quả, nhưng đặt vào Tác động, và nhờ đó tuy có làm mà vẫn không bị đối tượng trăn trói, tức không bị lệ thuộc vào thành quả. Nhờ đó thành tựu hay thất bại không phá vỡ nổi Tâm trạng an nhiên thư thái của tác nhân.

Đó là bí quyết của Triết lý An vi, nó nằm bên trên Hữu vi (có làm) và Vô vi (không làm). Nó vừa giống Hữu vi vì có làm, nhưng cũng giống Vô vi vì không đặt trọn sinh lực vào đối tượng (gọi khác là thành công) nhưng phần lớn được đặt vào tác Nhân hay thành Nhân.

Câu nói của nhà cách mạng Nguyễn Thái Học "**không thành Công thì thành Nhân**" là hậu quả của Triết lý An vi. Y như Triết lý An vi là hiện thân của đạo Ba, là đạo đặt trọng tâm vào con Người.

Đang khi các Triết lý khác, không Hữu vi thì cũng Vô vi, và cả hai gặp nhau ở chỗ đặt quan trọng vào Đối tượng, tức là những mục tiêu nằm bên ngoài con Người.

Đây là điều rất tế vi đã được minh chứng tỉ mỉ trong cuốn Chữ Thời. Ở đây chỉ có thể nói vắn tắt rằng nền Siêu hình của các Triết học đó đều sai lầm, nói là Siêu hình mà kỳ thực là Hữu hình hay ít ra Hữu tượng như thí dụ Lý giới của Platon hay thế giới Bản thể của Aristote đều là Hữu hình.

Cho nên sau này Kant mới phê bình là Siêu giả tạo (illusion transcendantale), nó gieo tai hại vô biên vì làm cho con Người vong Thân mà không hay biết.

Cứ tưởng để lòng trí vào Siêu hình là trở nên cao thượng, có biết đâu rằng đó mới là Siêu hình mà chưa Siêu tượng nên là lối vong Thân tế vi, chính nó giam cầm con Người trong gông cùm của Trục vật (chạy theo sự Vật mà quên Bản thân).

Dần dần đi đến chỗ cùng cực là chỉ biết trọng những việc gì có công hiệu cụ thể hữu hình v.v. hoặc chỉ biết trọng những việc có Đối tượng cao cả, mà chưa sao đạt được thái độ coi trọng việc xét là việc, không cần đối tượng cao hay thấp, vì thế ở đây xin nói tới khía cạnh ấy của Triết An vi, đó là:”

3.- Tìm hoàn bị trong mỗi việc bất kể To / Nhỏ

“ Đó là hậu quả của Siêu hình đích thực. Người thực sự đạt Siêu hình thì không còn lệ thuộc vào những cái Hữu hình (tức đối tượng) nên không đặt quan trọng ở Đối tượng, nhưng đặt ngay ở nơi Tác nhân, đặt ở thành Nhân, còn thành Công chỉ được coi như phương tiện, như những chặng trung gian mà không là tối hậu: nên coi mỗi thành Công là khởi điểm cho chặng tiến khác. Do đó khi thành tựu không tự mãn, khi thất bại không nản lòng. Bởi chung kỳ vọng là thành Nhân, thành Thân, có tính cách vô biên tức quá cao chẳng bao giờ gặp giới mốc nên không thể tự mãn, vì trước mặt đường tiến vẫn còn rộng mở. Có thất bại cũng chỉ là lật vạt thuộc đối tượng, không hỏng đến đại cuộc là thành Nhân, vì thế mà không nản.

Nói thành Nhân không có nghĩa là coi thường thành Công. Thực ra không thể thái bỏ thành Công vì thành Công đã nằm trong thành Nhân như Thành phần nằm trong Toàn thể. Toàn thể là Nhân, vì Nhân được định nghĩa là "Thiên Địa chi đức" nên đương nhiên Nhân bao gồm mọi đối tượng. Vì không một đối tượng nào dù to hay nhỏ có thể ra khỏi vòng Thiên hay Địa, còn thiếu chi đâu!

Đó là một tâm trạng coi như vu vơ, mà ai đạt được lại thấy hậu quả tràn ngập toàn thể Thân Tâm mình. Vì thế hậu quả đầu tiên khi đạt tâm trạng đó là sẽ làm rất hăng say bất cứ công việc nào vì lúc ấy to nhỏ không được đánh giá quan trọng như trước, bởi to nhỏ do đối tượng, nhưng bây giờ vì không đặt nặng đối tượng, nên việc nào cũng đáng làm với cả Tâm hồn Thể xác. Người ta nói về Thượng Đế là đáng tỏ ra "rất cao cả trong những việc hết sức bé nhỏ" (maximus in minimis) là vì quan trọng đặt ở Tác động, tức là đặt ở tác Nhân là Thượng Đế, mà vì Thượng Đế có khả năng vô biên nên dù làm một việc rất nhỏ, như một con muỗi thí dụ, cũng làm đến độ cực kỳ vi tế đến độ đủ biểu lộ được quyền lực vô biên. Họa sĩ có thiên tài không cần phải vẽ cái chi cao cả mà chỉ vẽ vài quả táo thối như Mục Khê đã làm cũng đủ biểu lộ thiên tài, khỏi cần đối tượng to.

Người sao chiêm bao vậy: không cần chiêm bao to hay nhỏ, nhưng cần người chiêm bao phải To. Làm như thế để cho con Người nên To, đó là ý nghĩa sâu xa của nền Minh triết Tam tài đặt

con Người ngang cùng Trời Đất như được bàn nơi khác (Chữ Thời, Nhân Bản). Ở đây chỉ đề cập đến một khía cạnh cụ thể là nền Giáo dục.

Giáo dục muốn đạt An vi phải là nền Giáo dục làm to con Người, gọi tắt là Vi Nhân. “

4.- Giáo dục “ Vi Nhân “

“ Nghĩa là **nền Giáo dục** trước hết **nhằm đào luyện ra Người to**, người to rồi việc mới to, việc nhỏ cũng sẽ hóa ra to, người nhỏ thì việc to rồi cũng hóa ra nhỏ. Nói khác, không phải hễ chương trình hay thì rồi mọi việc sẽ hay khi thiếu người hay, nhưng nếu **muốn cho mọi việc hay thì cần trước hết phải có Người hay**.

Bất cứ Chính trị, Xã hội, Kinh tế chi chi cũng không thoát luật chung đó. Vậy mà **Giáo dục hiện nay lại hướng hết vào Đối tượng, mà bỏ bê con Người, vậy là bỏ Gốc ôm Ngọn. Dấu hiệu rõ nhất của sự vụ là Giáo dục hướng trọn vẹn vào Lợi hành.**

Các nhà giáo dục tận tâm khuyến khích thành Công: luôn luôn tập rèn cho trẻ biết đánh giá theo thành Công, đến nỗi coi đó như Cứu cánh cuộc đời. Đây là một việc thừa để khởi nói là có hại. Thừa là vì thành Công thuộc Tiểu ngã không cần khuyến khích thì con Người cũng đã chạy theo rồi, nhất là khi còn bé nhỏ chưa thể thấy gì khác hơn là thi đua. Lẽ ra Giáo dục phải biết tiết chế chiều hướng đó lại, để nuôi dưỡng lòng hướng Thượng, lòng ham muốn thành Nhân, vì đó mới là sứ mạng của nền Giáo dục chân chính tức là nuôi dưỡng (dục) cái Nhân tính (giáo) chứ không phải là Giáo dục con người để chạy theo sự Vật đến độ quên Minh như nay.

Con người hiện đại chỉ biết trục Vật là lỗi do nơi nền Giáo dục chỉ biết đề cao thành Công là làm nhỏ Tâm hồn con người lại, không còn chỗ trống cho sự nảy nở những mối Tình cao thượng vị tha. Chỉ khi nào biết đề cao Chủ thể hay tác Nhân, thì mới là vun tưới Đại ngã man mác. Tổ tiên ta được tiếng là: "Thắng không kiêu, Bại không nản".

Chính vì đã được tôi luyện trong nền Giáo dục An vi vậy. Để chứng minh xin trưng ra đây hai việc rất linh thiêng đã được in dấu của nền Giáo dục Vi Nhân như thế nào. Đó là hai Lễ Gia Tiên và Tế Thiên.

Tại sao Việt Nho đã biến việc thờ Tổ tiên ra lễ Gia tiên, biến việc thờ Thượng Đế ra lễ tế Thiên? Thừa vì thờ Tổ tiên là tin có linh hồn về hưởng của dâng, rồi xin ơn này nọ, vậy là bám vào những cái tư riêng hữu hình bé nhỏ. Điều đó sẽ gây tai họa sâu xa vì dùng những giờ phút trang trọng nhất để vun tưới cho lòng tham, khiến cho những giờ phút linh thiêng nhất được dùng vào việc tài bồi óc ham muốn. Vậy là bó chặt thêm mãi tâm hồn vào những cái bé nhỏ hữu hình, cho nên tiên Nho nói: "tự cầu đa phúc" là vì vậy, tự cầu là không xin gì ngoài mình thì rồi lòng sẽ được thả buông dần và siêu lên đến chỗ thanh thoát an nhiên. Vì thế mà tục thờ Ông Bà đã thăng hoa thành lễ Gia tiên. Nơi đây chỉ biết tế dâng là tế dâng, không để cầu cạnh cái chi hết, chỉ cốt dùng việc tế dâng để đi vào tới tận thâm Tâm lòng mình, đặng hội thông cùng Trời Đất vạn vật hầu làm nên nhất thể (đọc lại quyển Hồn Nước với Lễ Gia Tiên, chương II, Phúc giả bị dã.)

Tế Thiên cũng vậy. Thiên ở đây không còn là Thượng Đế nhân hình nữa, nhưng chỉ còn là luật Trời Đất huyền vi. Người không hiểu cho là lờ mờ, nhưng với người hiểu thì biết đây mới chính là siêu hình: vì Thiên không còn Nhân hình nữa nhưng chỉ là khối linh quang u linh bàng bạc cùng khắp, khiến cho Tâm hồn quen thờ trong bầu không khí man mác đó sẽ lợi dần khỏi đối tượng bé nhỏ để bay lên thanh thoát nhẹ nhàng theo Tiết điệu uyên nguyên của Vũ trụ, tiên Nho kêu đó là "đại thuận đại hóa".

Đại thuận là thuận theo thời Trời, gọi là đại vì không gì lớn lao hơn Trời Đất, nên cũng là đại hóa tức vươn ra mệnh mông như Vũ trụ "ngô tâm tiện thị vũ trụ" là vậy. Vì thế An hành,

An vi được nhắm như lý tưởng tối hậu của nền giáo dục đặt xa bên trên hai đợt Cường hành và Lợi hành.

Cường hành đặt móng trên sự sợ hãi: sợ Trời đánh Thánh vật, tức chưa đi vào đến Lý trí nên là thấp nhất.

Đến Lợi hành tuy đặt trên Lý trí nhưng đối tượng chỉ mới là thành Công, chưa đạt Tâm linh.

Chỉ còn An hành mới đạt Tâm linh trọn vẹn, mới có sức phát huy Nhân phẩm, Nhân cách.

Người ta sẽ dễ nhận ra điều đó khi thấy Việt Nho đã đào tạo ra được nhiều nhân sĩ hơn hết với một tâm hồn thanh thản, cái thanh thản kiên cường không cần chắn gió che sương nhưng dám đi giữa bụi đời xoáy lốc mà vẫn thanh thoát tự tại “.

5.- Những Phạm trù chính trong Triết Lý An Vi

(Hoa Kỳ với thể chiến lược hoàn cầu: Chương V. Kim Định)

“ An Vi chính là triết lý Việt Nho nhưng được đào sâu và quảng diễn hợp với cảm quan thời đại nên cần đặt cho tên mới để dễ nhận diện. Nền triết lý này chia sử trình Tâm thức con Người làm 3 nấc: Bái Vật, Ý Hệ và Tâm Linh.

a.- Bộ phạm trù đầu tiên

A.- Bái vật

Là thời mông muội, Lý trí con Người chưa phát triển đủ nên dễ nghe sao tin vậy: Bất cứ vật nào hễ xem ra có mùi quyền phép đều được coi như thần linh, được tôn thờ bái lạy, nên gọi là Bái Vật (animistic totemic). Con Người thờ đủ thứ vật từ con to như hổ, báo, voi, hùm, sư tử cho đến con nhỏ như cóc, ngoé, bọ cạp, gà, chó, mèo heo. . .

Cao lên một bậc là ma thuật: Khi thấy van xin không được thì tìm cách sai khiến Quỷ Thần, đó gọi là ma thuật; ma thuật kẻ như nghi lễ của Bái vật. Như vậy Bái vật là tên rất chung chỉ mọi thứ dị đoan tràn ngập đời sống lúc con Người chưa bước vào tuổi dùng Lý trí, còn y cứ trên những định đề của Bái vật, những đế quốc cổ xưa như Babylon, Assyria, Egypte, Perse, Ấn Độ thuộc vào thời này, thời “ Nhĩ bất thuận tâm “ nên rất hoặc.

B.- Ý hệ

Là giai đoạn chống lại Bái vật. Con Người không tin nữa mà chỉ muốn “ nhìn tận mắt, bắt tận tay “ , quay ra phê bình chỉ trích những niềm tin trước, lấy sự vật thực tế làm nền tảng. Đây là thời kỳ sẽ mở vào Khoa học xán lạn, mang lại ơn ích lớn cho loài Người. Nhưng trong phạm vi Triết, vì cũng muốn theo kiểu khoa học chỉ bằng vào có tai mắt, nên hẹp hòi: tai mắt chỉ có thể thấu nhận những hình ảnh của vật trừ hình, gọi là ý niệm.

Nếu xây Triết trên ý niệm suông sẽ gẫy ra ngoài biết bao cái tế vi, vô hình, thí dụ những gì Linh thiêng hoặc Tình cảm con Người, Tình nhà, Tình nước đều kẻ như không có.

Chỉ phát triển có Lý trí nên gọi là Duy Lý một chiều, rồi hệ thống hoá các ý niệm cách chặt chẽ nên gọi vắn tắt là Ý hệ.

Ý hệ là Triết làm bằng Ý niệm suông rất khô khan, người ta gọi đó là Triết lý vô hồn: không có niềm hy vọng lớn lai để thổi căng cánh buồm nghị lực. Các đế quốc được thiết lập theo Ý hệ thì như Tây Âu nhất là thời chiếm thuộc địa, hoặc Nga Xô nay.. Còn La Hy có thể coi như ngồi dang chân lên cả hai: Cả Bái vật lẫn Ý hệ.

C.- Tâm linh

Là giai đoạn của Lý trí được mở rộng để bao gồm cả Tình, cả Chí, cả Thiên năng, Tiềm thức, Siêu thức, gọi chung là Tâm, nên chữ Tâm rất rộng nghĩa.

Ta có thể tạm dùng chữ Thiên năng, Siêu thức để chỉ tỏ cửa ngõ của Tâm đang có một ý niệm sơ sài.

Vì tính cách bao trùm đó, nên Triết lý xây trên nền Tâm cũng gọi là Triết lý Toàn thể , bao trùm cả Vũ trụ, gọi là “ vũ trụ chi tâm “. Tâm biểu lộ ra bằng Tình.

Tình ở đợt Bái vật là thứ Tình bị tràn ngập chưa được Lý trí kiểm soát.

Ý hệ thì đẩy Tình ra để Lý trí chiếm trọn.

Đến Tâm linh mới hội nhập cả Tình cả Lý, cả Thiên năng, Tiềm thức, nên rất hiệu nghiệm, gọi vắn tắt là Linh. Linh với Thần như nhau, đều không ở nơi nào nhất định, mà ở khắp chốn, nói Tâm linh cũng là nói lên sự hiệu nghiệm bao trùm vì có mặt khắp nơi, không gì không tiếp cận. Các nước y cứ trên Tâm linh xưa có Tàu, Việt, Đại Hàn, Nhật Bản, gọi chung là Việt Nho.

b.- Bộ phạm trù thứ hai

Để nhận rõ hơn tính chất của 3 đợt Tâm thức trên, triết lý An Vi đưa ra bộ phạm trù thứ hai: Dụng, Từ, Ý, Cơ làm thước đo sự sâu rộng của một nền triết. Triết nào khởi từ Cơ thì đi xuyên qua Ý và Từ để xuống mãi tới Dụng:

A.- Cơ

Là Nguyên lý cùng tột.

B.- Ý

Là Tư tưởng, là Triết học (hệ thống của ý)

C.- Từ

Là Lời Nói, Văn học.

D.- Dụng.

Là việc Làm, Định chế, Thói tục.

Triết nào khởi từ Cơ đi qua Ý, Từ rồi thấu đến Dụng là triết sâu và rộng nhất.

Nói Dụng, Từ, Ý, Cơ là bắt đầu ở chỗ cụ thể hiện hình mà lần lên cũng thấy hợp với Từ và Ý rồi đến Cơ thì cũng vậy. **Triết học Lý niệm** khởi từ Ý, tận cùng ở Từ hầu không tới được việc làm cụ thể, hậu quả chỉ là những thuyết lý trừu tượng hoặc không tưởng (utopie) chẳng có chân nào trên mặt đất, như Cộng hòa của Plato hay các thuyết trong triết học cổ điển Tây Âu, mà nền tảng Siêu hình xây trên ý niệm hữu thể rất trừu tượng thuộc Lý trí rỗng đến độ đầy lui Tình và Chí là những cái có sức huy động nghị lực con Người, nên triết trở thành trừu tượng son đẹt.

Triết (Lý niệm) làm ra là để bàn luận trong trường ốc, chứ không thực thi vào đời sống được. Nếu chẳng may người ta Cường thi hành như Cộng sản cố tình làm với triết học Karl Marx thì phải bù bằng đủ thứ công an mật vụ để ép buộc, khủng bố mới có Làm, vì cái Làm đó không do tự trong phát xuất thường trái với bản tính con người, nên chỉ có Làm bao lâu còn có sự khủng bố, ép buộc. Ngược lại, Triết lý đặt trên Cơ tức trên nhu yếu thâm sâu của con Người, tất nhiên có Dụng theo, khởi cần phải thúc đẩy từ ngoài. . . Vì thế nó khác với Ý hệ ở chỗ không đưa ra Utopia hoặc nên ý tưởng rất cao cũng vẫn còn làm được. Thứ đến, nó cũng khác Ý hệ, nhất là khác Bái vật ở chỗ không dùng “ Mưu Gian Đạo Đức “ (vì Đạo Đức mà đánh lừa, pia fraud), thí dụ Mặc Dịch hứa tìm việc cho môn đệ, nhưng khi học xong ông nói có việc đâu, đó chỉ là đánh lừa môn sinh để chịu khó học. Bái vật dùng tràn ngập pia fraud đã đành, cả đến Triết lý nhiều khi cũng không chừa, thí dụ ông Tổ triết Tây là Plato cũng dùng bịp. Còn Cộng sản thì khởi nói: luôn luôn sống trên những lời hứa cuội (lợi hành) kèm theo khủng bố (Cường hành),

tại Ý hệ là triết học xây trên Ý niệm, không đủ sâu để khơi động nguồn nghị lực tâm hồn, đành phải dùng những trợ lực ngoại khởi như pía fraus.

C.- Bộ Phạm trù của Việt Nho

Hãy so sánh các xã hội cổ sơ vừa nhắc đến, để có sự minh hoạ. Đang khi các xã hội theo Việt Nho đều có cả 4 đọt: Dụng, Tù, Ý, Cơ:

A.- Cơ

Là Đạo Nghĩa.

B.- Ý

Là Triết lý, Đạo học.

C.- Tù

Là văn học nghệ thuật, cũng tuân theo Đạo lý.

D.- Dụng

Là sự áp dụng Triết học vào đời sống gọi là **Định chế, là Thói tục**, mà từ Vua tới Dân đều có theo.

Vì thế tất cả 4 chặng đều ăn chịu với nhau như một Cơ thể, nên có hiện tượng này là dù Triết đưa ra lý tưởng hết sức cao (Cơ), nhưng vẫn hiện thực (Dụng) được, không những thấm nhập vào Triết học (Ý), Văn học (Tù), nhưng còn thấu tới Thân Tâm con Người. Lịch sử văn minh đã phải khen là “ nền luân lý hiệu nghiệm hơn hết gặp được trong các dân ở bất cứ thời nào “ (W. Durant. Story of Civ. Vol. I 6- 40). **Một xã hội đông người nhất, với phương thức cai trị bền bỉ nhất, vào tạo được hạnh phúc hơn hết cho con Người : Không có chế độ Nô lệ hay nếu có cũng đã được bãi bỏ sớm. Tuy có chuyên chế nhưng là chuyện từng giai đoạn với từng ông vua, chứ nói chung thì không. Người ta không thấy chỗ đó vì lẫn lộn với độc tài, độc chuyên với chuyên chế .**

Độc tài (authoritrianism) thì nhất định các vua xưa đều độc tài, nhưng không hẳn chuyên chế theo nghĩa mạnh của từ Tyranny hay là Totalitarianism, nó đòi kiểm soát hết mọi chuyện không những chính trị, mà hết cả đời sống, nó định đoạt tiêu chuẩn cho mọi giá trị, từ kinh tế, nghệ thuật, văn học đến bản thân, tư tưởng, cảm tình, tôn giáo như ta thấy thực thi trong các xã hội cộng sản: người dân mất hết mọi Tự do. Trong chế độ Quân chủ xưa mà ta gọi là độc tài, người dân còn hưởng rất nhiều tự do, từ tôn giáo, tư tưởng, nghệ thuật đến kinh tế, đi lại, cả đến tài sản. . .

Có thể so với Dân chủ ngày nay tuy đời sống thấp hơn nhiều, nhưng về Tự do không thua bao lắm, thường chỉ trong chính trị, ngoại trừ một số người sống bên cạnh Vua bị ràng buộc nhiều hơn, còn toàn dân sống trong thôn làng vẫn có thể nói mà không sợ bị cải chính, là “ phép Vua thua Lệ làng “

Ngược lại trong các nền Văn minh khác như Babylon, Perse (Ba Tư) , Egypte (Ai cập) phải gọi là Đế quốc vì thường có những điếm đi cùng, như chuyện bóc lột hết mọi Tự do. Đây là những cái diệt hạnh phúc con Người, các xã hội đó đều có cả bấy nhiêu một cách nền móng. Đó là kết quả của sự xây trên Ý hệ cũng như Bái vật, đã bao gồm một vài Giai cấp được hưởng Tự do như Quý tộc trong xã hội La Hy. Nhưng nói chung, Định chế vẫn đặt trên liên hệ Chủ Nô kéo theo sự Giàu Nghèo chênh lệch quá đáng. Đây là lý do căn để để gây nên sự suy sụp các Đế quốc nọ.

Ngoại trừ Ấn Độ, không một Đế quốc nào sống được một phần ba tuổi của các xã hội Việt Nho. Là vì Bái vật và Ý hệ không có sự hiệu nghiệm phát xuất từ Cơ, nên không bao được Dụng, Từ, Ý, Cơ mà trở ra chỉ có Từ và Ý, thì Từ đầu óc sản xuất, rồi phát biểu ra miệng, không đủ sức huy động Tâm Tinh. Trái lại Cơ phát xuất từ Tâm Tinh nên huy động toàn thân, tự nhiên thi hành ra, và khi thi hành thì sinh ơn ích, gây hạnh phúc cho con Người.

Các xã hội Dân chủ Tây Âu nay dù đã bỏ được chuyên chế, không phải do Cơ, mà hầu hết là do Lương tri như tranh đấu, do Kinh tế phồn thịnh, do Tâm thức con Người đã phát triển đủ. . . Vì không do Cơ, nên xã hội chỉ có luật pháp, trên nữa không có Đạo Nghĩa, dưới không có gì hướng dẫn việc tu Thân, tề Gia và các Liên hệ tinh tế của con Người. Đây là chỗ cần nói đến sự khác biệt giữa Cơ cấu học hiện nay và cơ cấu An Vi. Tuy cả hai cùng dùng phương pháp như nhau: cùng số độ, đồ hình, huyền thoại, huyền sử, cũng đối chiếu với các Văn minh, cũng nhìn bao trùm. . . Nhưng cái khác là Cơ cấu hiện này còn mang nhiều tính chất Lý trí, phần lớn được Lý trí kiên tạo ra (construit) để tìm Hiểu các Văn hoá cổ sơ hay giải nghĩa các tác phẩm Văn học, chứ không chủ chốt nhằm vào hướng dẫn đời Sống. Vì vậy bộ phạm trù **Dụng, Từ, Ý, Cơ** chỉ áp dụng riêng cho Việt Nho, ít ra cách trung thực hơn cả.

d.- Ba Nguyên lý

Để thấy điều đó ta hãy phân tích cái **Cơ của Việt Nho về phương diện triết**. Vậy Cơ ở đây được biểu diễn ra 3 nguyên lý tối cao, nên đứng ra gọi là Định đề (premises), đó là:

Nguyên lý Lương hợp

Nguyên lý Nhân chủ

Nguyên lý An vi.

Ba nguyên lý này thuộc Cơ, vì nó không còn ở trong tầm tay lý lẽ để chứng minh, mà lý luận nữa, nó đã ăn sâu vào Tiềm thức phần lớn rồi.

A.- Nguyên lý Lương hợp

Hai mà một, một mà hai, có mà như không, không mà lại có, đó là một, không thể nhập nhằng nước đôi, vậy đó là định đề căn bản của Triết lý An vi. Nhờ đó, nó đưa ra được Vũ trụ quan Động, ngược hẳn với nguyên lý Tĩnh của Ý hệ, gọi là nguyên lý Đồng nhất: A là A, Động là Động, Tĩnh là Tĩnh.

Đã Động thôi Tĩnh, đã Tĩnh thôi Động. Nó rất hợp với Lý trí, nên làm nền móng cho Logic.

Trái lại, Việt Nho thì Động mà Tĩnh, Tĩnh mà lại Động. Đó là Nguyên lý Đồng Thời.

Trong A đồng thời có B, trong B đồng thời có A, một mà hai, hai mà một, các học giả kêu là Dual Unit (Hai mà Một), nó bao gồm cả hai bên.

Đợt cao nhất của nó thuộc siêu hình là Có Không, Không mà lại Có. Có nương Không mà sinh, Không nương Có mà xuất hiện.

Đợt hai thuộc thực tế cụ thể hơn, nên nói Trời / Đất, Núi / Sông, Mưa / Nắng. . . Những chữ đối đáp này chỉ thị hai hạn từ đối lập nên là phạm trù tổng quát chỉ các cặp đối lập như Sáng / Tối, Cứng / Mềm, Ngày / Đêm, Nam / Nữ. Triết học Lý niệm chỉ có một bên, quen gọi là Duy: một là một, A là A, đã A thì không B, không thể có trường hợp thứ ba được: tertium non datur, excluded middle.

Triết lý An vi không những nhận có trường hợp thứ ba, còn tôn lên gọi là Tam tài và lấy làm nền tảng. **Tam tài là Trời, Đất, Người.**

Đó cũng là điều nghịch lý, hay siêu lý vì con Người bé nhỏ đặt ngang hàng với Trời cùng Đất sao được: không thấy vô lý sao? Nhưng vậy mới nói là nó vượt khỏi phạm vi Lý trí để ăn sâu vào Tiềm thức và thuộc về Cơ .

Cơ chú ý tới mọi liên hệ giữa hai Thái cực, nói trong Tam tài có Người giữa Trời cùng Đất cũng là nói Người là liên hệ giữa Trời và Đất.

Triết học cổ điển chỉ chú ý đến từng hạn từ (term) hoặc Trời hoặc Đất, hoặc Có hoặc Không. Do vậy hoặc Duy Vật hoặc Duy Tâm mà không chú ý đến mối Tương quan của nó như triết Việt Nho chú ý đến cả hai: Cả Âm lẫn Dương, “Âm Dương tương thai “.

Huyền sử nói Mẹ Âu Cơ gặp bố Lạc Long trên cánh đồng Tương là hàm ngụ ý đó. Nói cụ thể là không đặt ưu tiên vào Trời với Đất, mà đặt vào Người được quan niệm là mối Liên Hệ giữa Trời cùng Đất.

Do việc đặt đề này mà Việt Nho chính là Tổ sư Cơ cấu: vì Cơ cấu không quan tâm đến Hạn từ, nhưng đặt nặng trên Tương quan của Hạn từ. Tương quan là cái gì năng động. Nói Người là Tài cũng nói Người là Tác năng, là “ tạo hoá Con “ , (không tạo hóa viết hoa) là do vậy. Hậu quả của sự nói Cơ với Dụng là thế. Đó là nguyên lý đầu tiên có thể gọi là Vũ trụ quan động.

B.- Nguyên lý Nhân chủ

Nguyên lý thứ hai thuộc Nhân sinh quan cũng thuận theo thể Động của Vũ trụ quan gọi là Nhân chủ theo nghĩa người là Chủ nhân ông. Chủ là cái gì ? Thừa là Chủ Trời cùng Đất, nói đúng ra chủ Thân Tâm mình bao gồm Trời Đất ở trong, ngược với Vật chủ ở hai đọt Bái vật và Ý hệ, nơi ấy con Người vong Thân bị sự vật sai sử nên gọi là Vật chủ (chosisme), Mỹ gọi là Reified man hoặc thingified man). Đó là Nhân sinh quan Nhân chủ.

C.- Nguyên lý An vi

Đây là nguyên lý khó hiểu nên cần bộ phạm trù thứ ba gồm: Cường hành, Lợi hành và An hành.

1.- Cường hành

Chỉ những việc mà động cơ ở ngoài con Người như làm vì sợ Trời đánh Thánh vật, làm vì bị bắt buộc như Tù nhân phải lao động, mất hết Tự do, Tự lực.

2.- Lợi hành

Thì động cơ là Lợi lộc, tuy ở ngoài nhưng còn để cho con Người ít Tự lực, được Tự do khỏi cưỡng buộc, chỉ mất Tự do Luân lý.

3.- An hành

Không còn tìm động cơ từ ngoài nhưng tìm ngay trong mình, thấy đáng làm thì làm, thành bại là thứ yếu. Loại này hợp cho con Người được quan niệm như Nhân chủ, nó không phạm đến Tự do Tâm lý con Người, con Người vẫn là Chủ cả ngoài lẫn trong, tâm lý vẫn đủ sức tự Cường, tự Lực, khỏi cần sự thúc đẩy từ ngoài. Nó là việc cốt cán cho triết lý xây trên Nhân chủ gọi là An vi. Gọi thế để đặt vị trí giữa hai khuynh hướng triết ở hai Thái cực là Hữu vi và Vô vi.

Hữu vi là có làm hiểu là sự làm gắn liền với Đối tượng, nô lệ cho Đối tượng. Điều đó kéo theo sự nguy hiểm rất vi tế dẫn con Người đến tai họa bị Vật Hóa (thingification) vì thế đã có sự phản động lại để tránh tiếp xúc với sự vật để khỏi bị Vật Hoá (một thứ chính sách Monroe trong triết cũng gọi là chính sách đả điều). Nhưng không làm thì sống sai, nhả tiền là không có ăn: theo nguyên tắc tay có Làm thì hàm mới có Nhai.

Thế là Vô vi cũng mắc kẹt như Hữu vi. Đàng nào cũng chết: Làm thì bị Vật Hoá, không Làm thì làm sao sống. Vậy phải tìm lối nào đây để thoát khỏi gọng kìm một bên là Hữu, một bên là Vô. Và câu thưa là An vi.

Triết lý An vi lấy An hành làm lý tưởng, nhưng không gầy bỏ Lợi hành và Cường hành.

Nhưng cái đó thuộc Tiểu ngã, thuộc vòng hiện tượng không dễ gì bỏ được, lý tưởng là phải có thêm nhiều tác động ở đọt An hành, để nó làm Chủ, để nó bao phủ lấy việc hai đọt dưới hầu làm

cho chúng trở nên thanh thoát lấy. Còn chính chủ tịch của của Thanh thoát phải là các việc thuộc đợt An hành: Chính những việc này mới giúp vào công cuộc thanh nhân hơn cả.

Vì thế Tiên hiền Việt Nho đã đưa ra định chế Tứ Quý để giúp thực thi. Tứ Quý là bốn tuần cuối bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông Hay tuần cuối của tháng 3, 6, 9, 12.

Đó là bốn tuần mà Tứ Quý mượn của bốn tháng nọ. Mượn để làm gì ? Thừa để không làm chi hết, mà chỉ Ngồi Không, chữ Nho nói về vua là “ **Thùy Y thường** “ : thả lỏng áo quần xuống như Người không phải đi làm. Nếu muốn nói “ có Làm “ thì là làm cái “ Không làm “, vì việc chính của Tứ Quý là trút sạch những cái Có trong lòng mình ra, những cái đó thuộc Hữu vi đầy sức ngáng trở Tâm hồn, không để cho cái Có trôi lên mặt Tâm thức để nói lên tiếng nói Thiên mệnh, tức là những nhu yếu thâm sâu của bản tính con Người.

Thành thử con Người chỉ nghe được lệnh truyền của Bái vật hoặc Ý hệ hoàn toàn ngoại khởi, không nghe được nguyên ngôn là mệnh lệnh của Nhân tính Tâm linh. Những ngáng trở đó có nhiều nhưng được quy vào hai cặp danh từ Bái vật và Ý hệ. Đó là những động cơ từ ngoài, có sức Vật Hoá Người nên lâu lâu cần thì giờ không làm gì mà chỉ lo xả bỏ.

Khi xả hết rồi sự làm sẽ thông dong, để trở nên An vi, làm vì đáng làm là làm, không phải làm vì bị trời đánh thánh vật, hoặc vì bôn ba lợi danh nữa. Những thứ làm đó đều bắt con Người nô lệ cho Đối tượng, nô lệ cho sự thúc đẩy bên ngoài, nó làm sa sút Nhân chủ tính, chỉ có an hành mới xứng là việc của con Người Nhân chủ.

Đó là đại để cái khung của triết lý An vi đặt trên cơ cầu ba nguyên lý Lương hợp, Nhân chủ và An hành. Đó là cơ cấu thượng thặng ta có thể diễn tả bằng Hình vẽ, bằng Huyền số, bằng Huyền thoại.

Xem lại lịch sử cũng như quan sát con Người sẽ dễ dàng nhận ra cả ba loại việc kể trên Cường hành, Lợi hành, An hành. Nhưng nhiều khi có An hành mà không có An vi. Đó là những bậc “ sinh nhi tri chi “ tức là bẩm sinh được như thế : rất cao thượng, không màng công danh. Nhưng đó là những đoá hoa vĩ đại không được vun tưới mà tự nhiên mọc lên được giữa rừng hoang. Triết lý An vi muốn phân tích hành vi của những bậc cao cả nọ để rút lấy cái cơ cấu đặng thiết lập ra một nền triết hản hoi để giúp nhận thức ra hiện thực.

Điều đó Việt Nho đã làm rồi nhưng chỉ đủ cho đợt tiến trước, không còn hợp cho cảm quan đợt tiến mới có thêm khoa học thuộc cả Sinh (Sống) lẫn Tâm (Linh) : Sinh như kỹ thuật cơ khí nâng cao mức sống, Tâm như các khoa học Tân Nhân văn: xã hội, khảo cổ, Nhân học, uyên tâm, cơ cấu. . . Các khoa học đó sẽ giúp con Người có thêm rất nhiều những xác định cận kẽ hơn, những cái nhìn thấu triệt mới lạ. Vì thế cần một Triết lý hội nhập tất cả các sở đắc mới nọ.

Đó là nền Triết lý mà nước Mỹ, dân Mỹ phải làm và rồi họ sẽ làm được. Khi nào làm được thì Mỹ sẽ dẫn đầu cuộc cách mạng Tâm linh đang thiếu đường hướng. Hiện nay Mỹ đang ở tuổi Ý hệ, Lợi hành. Chỉ cần đặt trên Lợi hành một đợt An hành nữa là xong. Muốn được thế cần

mạnh dạn đi vào cuộc cách mạng Tâm linh mà việc đầu phải là xây đắp nền Triết mới trên Cơ cấu, rồi bắt toàn dân học biết như biết Hiến pháp vậy.

Nói đến đây có người sẽ la ó cho là phạm đến Tự do, phạm đến Hiến pháp xây trên Tự do, nên phải để mọi người Tự do! Mỹ phải theo chế độ đa phương nghĩa là nhiều Triết.

Nhưng bạn có biết đa phương thực sự là chi chằng ? Thừa là chần che sự ngu dốt, sự bất lực. Nói rõ ra cả Mỹ cũng như Tây Âu không sao thiết lập nổi một nền Triết Nhân sinh có đủ sức làm lãnh chúa, phải ở lì lại trong Ý hệ, tất nhiên mắc cảnh “Thập nhị sứ quân“, cá đối bằng đầu, nên phải lấy đa phương làm tôn chỉ, cốt để tránh cái họa chuyên chế độc hữu vốn là đặc tính của Ý hệ. Tưởng như vậy là trọng kính Tự do, có ngờ đâu rằng nước thiếu một nền Triết của quốc gia cũng y không có một nền Hiến pháp. Nếu ở đợt Hiến pháp không thể “đa phương“ thì ở đợt Triết cũng vậy. Sở dĩ người ta không nhận ra điều đó vì không biết đến thứ Triết lý đặt trên Cơ có tính cách bao dung nên thường không xuất hiện như nền Triết lý độc nhất, nhưng như Triết lý ưu thắng, nghĩa là vẫn dung chứa các nền Triết lý khác, nhưng thường những Triết lý này chỉ có để làm cảnh, người nào thích thì đem ra bàn cãi vậy thôi, chứ giả có trao cho tay lái con thuyền đời sống chẳng biết đâu mà rờ.

Thí dụ cụ thể trong lịch sử Tàu, đời Hán ban đầu rất trọng Lão Trang, đã đem quyền hành đặt vào tay Đạo giáo, nhưng chỉ ít lâu tỏ ra bất lực lại phải mời Nho lên đặt trên Cơ. Cái phiên của Âu Mỹ là chỉ có loại Triết lý làm cảnh, chứ không có Triết lý xây trên Cơ.

Triết lý đặt trên Cơ phải đi sát đời Sống, nhưng đi sát mà lại không đi vào những xác định chi li, nên vẫn giữ được tính chất Bao dung. Vì mỗi xác định là mỗi bám sát vào biến cố, một sự việc. Thí dụ nói về Chính trị, triết lý An vi chỉ đưa ra những Nguyên lý ở đợt đầu gọi là Chính lược, không xuống đến đợt Chiến lược, càng không đến đợt Chiến thuật. Vì càng xuống càng cá thể hoá cho hợp sự việc phải làm, việc nào cũng có một Không điểm, một Thời điểm nhất định, nên chỉ có một không thể hai, là những cái phải quyết định tùy hoàn cảnh mỗi lúc mỗi khác.

Triết học Duy Lý y cứ trên Ý niệm là cái đã xác định nhiều, khó có thể xuống tới Dụng là việc làm. Việc làm nào cũng là một cá thể có một không hai, phải luôn luôn quy định riêng cho nó. Muốn tổng quát hóa ở đợt này sẽ dễ dàng đi vào độc đoán và chuyên chế. Đây là lý do khi theo Triết học lý niệm để câu nệ chấp một, thiếu sự mềm dẻo quên đi với Triết học xây trên Cơ. Cơ không có hệ thống nên không kèn càng, dễ thể nhập vào bất cứ đâu, vào bất cứ tổng hợp mới nào. Triết học Ý hệ rất khó lột xác để đi vào tổng hợp mới, do cái hệ thống kèn coi của nó với những xác định chi li, vì thế mà nó thất bại và chịu để thế giới hiện đại như thuyền không lái: bới thiếu một Triết lý đặt trên Cơ. Ấy là nền Triết lý con Người đang mặc nhiên mong đợi, vì chỉ có nền Triết lý đầy Tâm Tình nó mới ứng hợp cho con Người thời hậu kỹ nghệ, nó sửa soạn bước vào giai đoạn phong lưu, làm ít chơi nhiều, sống thanh thoi như chim trời cá nước.”

(Trên đây là một mẫu thử áp dụng triết lý An vi vào chính trị Mỹ. Kim Định).”

G.- TRIẾT LÝ AN VI VỚI NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC

Khi đọc T. G. Kim Định chúng ta mới thấy mở ra một chân trời mới, một lộ đồ có thể đáp ứng được Quốc nạn và Quốc nhục của Dân tộc. Cái thất bại lớn lao nhất của lớp đàn anh là không thấy nan đề là nằm trong phạm vi Triết học, không có cái nhìn Triết học thì không có cái nhìn toàn triết vấn đề mới sinh ra rắc rối. Triết đây không phải Triết Tây phương, mà là Triết lý Đông phương.

Theo Đông phương thì triết được Định nghĩa: Triết : Triệt Dã (Triết là phải đi cho tới cùng triết của mọi vấn đề để có cái nhìn Chu tri (holistic knowledge), do đó mà phải Triệt Thượng và Triệt Hạ.

Triệt Thượng là “ **Cao minh phối Thiên:** Phải lên tới lãnh vực cao rộng sáng láng để kết hợp với Trời (thuộc lãnh vực Tinh thần, Tâm linh) để đôn hậu Tinh Người và đồng thời cũng phải Triệt Hạ để “ **Bác hậu phối Địa** “ nghĩa là phải lặn lộn khắp mặt Đất để khám phá thế giới vật chất (thuộc lãnh vực Khoa học) để phát triển Lý trí hầu được Chu tri. Như vậy Triệt Thượng là để un đúc nguồn Tinh, **Triệt Hạ** là trau dồi Nguồn lý, mặt khác Tinh / lý là cặp đối cực (opposite term), nhưng cần phải làm sao kết thành nét lưỡng nhất (dual unit) để trở nên Hùng / Dũng mới đạt tới trạng Thái hòa nhờ gọi là ” **Âm / Dương hoà** “.

Để sống cho được Âm / Dương hoà là điều khó khăn bậc nhất, nên **Âm / Dương hoà** được tôn lên là **Đại Đạo (Đạo lý Nhân sinh)**.

Cuộc sống Vợ Chồng là khó khăn nhất, vì gia đình có là Tổ ấm để Vợ Chồng sống hoà hảo hạnh phúc bên nhau, sinh ra và nuôi dưỡng con cái thành Trai hùng Gái đảm, Gia đình được dùng làm nền tảng cho Xã hội.

Muốn Sống Hoà với nhau thì Vợ Chồng một mặt phải tôn kính nhau, Yêu thương và bao dung nhau để không xa rời nhau, mặt khác khi khi sống bên nhau hàng ngày thì phải biết kính trọng nhau và hành xử công bằng với nhau thì mới hoà với nhau được. Đừng xem thường đời sống Vợ Chồng trong Gia đình, nếu thất bại ở đây thì mọi lãnh vực khác cũng sẽ không ổn. Vậy ai có thể sống được như vậy, thừa mọi người.

Do đó vấn đề con Người được đặt lên vị trí hàng đầu, đó là con Người có Tư cách và khả năng. Có Tư cách thì mới biết tự chế để sống hoà với người khác. Muốn có khả năng Tự chế thì mỗi người phải có Lòng Tha thứ như Kitô giáo, Hỷ xả như Phật giáo, Hùng / Dũng như Nho giáo, vì khi sinh ra và lớn lên mọi người đều bắt toàn nên phải tu Thân, nghĩa là Làm Người, mà Làm Người thì khó lắm, ngày nay nói đến chuyện làm Người thì người ta cười cho, vì cho rằng đã là người thì còn Làm Người làm gì nữa, người ta không nhận ra mình vẫn là con Người bắt toàn và tin tưởng là khoa học có thể giải quyết được mọi nan đề, nhưng Khoa học mà thiếu Lương tâm thì chỉ là sự hủy hoại của Tâm hồn.

Khoa học như con dao hai lưỡi, Lưỡi bên này giúp Ăn nên Làm ra, còn Lưỡi kia thì khi đem mồ hôi nước mắt của Nhân dân ra chế bom Nguyên tử chỉ để dọa nhau mà đâu có dám dùng, làm ra nhiều rồi lại hô nhau tài giảm, nhưng vẫn luôn tìm ra thứ mới để hù dọa nhau, trong khi đó cuộc sống của người dân còn nhiều khó khăn chưa thể giải quyết. Tuy khoa học rất cần cho đời sống Vật chất, thiếu khoa học thì không thể Ăn nên Làm ra để nâng cao đời sống Vật chất, nhưng đời sống Tinh thần Tâm linh thì quan trọng hơn nhiều, do đó là cần phải làm sao cho đời Sống Tâm linh và Khoa học được Lương nhất theo kiểu Âm / Dương hoà thì nhân loại mới sống yên ổn bên nhau được. Sống như vậy là sống theo Dịch lý Việt, cũng là khởi đầu cho Triết lý An vi, nghĩa là làm sao cho Triết Hữu vi (Tây phương) / và Triết Vô vi (Đông phương) được Lương nhất tạo nên Triết lý An vi.

Một điều mà chúng ta phải quan tâm là khi tìm về nếp sống Tổ tiên xưa, thì mới nhận ra Tổ tiên xưa luôn đi trên con đường mòn từ Gần (Nội) tới Xa (Ngoại) từ Nhỏ tới Lớn, từ Đơn giản tới Phức tạp, từ Tầm thường tới Phi thường, từ Tinh vi tới Vĩ đại, . . . và đặc biệt phải làm sao cho Triết Thượng và Triết Hạ được giao hoà (Lương nhất), có khởi từ gần thì mới tiến tới Xa, có khởi từ Nhỏ thì mới tới cái lớn được . . . , vì Gần / Xa, Nhỏ / To, Đơn giản / Phức tạp, tầm thường / Phi thường, Tinh vi / Vĩ đại. . . đều là các cặp đối cực theo Dịch lý cần được Lương nhất mới ổn, mà Dịch lý là Thiên lý mà chúng ta phải tuân theo mới sinh tồn và phát triển được.

Khi đi vào Việt Nho, chúng ta không thể không bàn về nét Lương nhất trong Văn hoá Việt hay Việt Nho, nét Lương nhất là nền tảng của Dịch hay rộng hơn là của Triết lý An vi, Triết lý An vi là Hồn của Việt Nho có Bản chất Hoà, nhờ luôn đạt thế Quân bình động, nên Việt Nho là nền Văn hoá Thái hoà.

Nay chúng ta bàn về Việt Nho là bàn về phần Xác của Triết lý An vi, Xác Việt Nho lại có Cơ cấu là Đồ hình và Số độ của Ngũ hành .

Đồ hình tượng trưng cho Floor plan hay cái Khung của ngôi nhà Việt Nho, còn Số độ tượng trưng cho những bảo vật trang trí quý giá trong ngôi nhà, cả hai có mục đích giúp cho đời sống Vật chất và Tinh thần con Người được nâng cao .

Có lẽ vào thời xa xưa, Lý trí của Tổ tiên chúng ta chưa được phát triển, chưa đủ Văn tự để diễn đạt Tư tưởng cho rõ ràng (mang tính chất Phân tích), nhất là mặt Tình cảm lại u linh man mác (mang tính chất Tổng hợp), nên phải dùng tới các Đồ hình và Số độ để vừa Hội Ý (về Tình cảm) và vừa Ngôn truyền (về Lý trí). Đồ hình là hình tượng (cụ thể) được dùng làm Biểu tượng như bàn nhún để vươn từ Hình tượng lên các Linh tượng (trừu tượng).

Ví dụ: Khi nhìn bức tượng của Đức bà Quan Thế Âm hay Đức Bà Maria thì ta nhận ra đó là các Biểu tượng cho nguồn Tình bao la của các Ngài, của các bà Mẹ.

Khi nhìn hình người đàn bà bị bịt mắt cầm cân cân (để khỏi thiên vị) giữ cho hai đĩa thăng bằng với nhau nơi các Toà Án thì Người đàn bà là Biểu tượng của nguồn Tình bao la nơi nguồn Tâm linh, chỉ có nguồn Tình mới có khả năng giữ cho hai đĩa cân được thăng bằng hầu thực thi lẽ Công bằng hay Công lý xã hội.

Nhìn hình Chúa Giê su thì chúng ta nhận ra Ngài là sứ giả Tình yêu của Đức Chúa Cha, Ngài có sứ mạng đem Tình Yêu để thực thi Công lý Xã hội hầu kiến tạo Hòa bình, vì chỉ có Tình yêu mới có khả năng thực thi lẽ Công bình, hay Tình yêu là cái La bàn giúp cho nền Công chính xã hội được thực hiện. Đây là sự sinh hoạt sao cho “ Tình / Lý tương tham”

Còn các số độ là những con số thuộc Cơ số 10 được phân ra số Lẻ và số Chẵn, mỗi số đều mang theo một ý nghĩa linh thiêng hay Huyền niệm (Mystical numbers). Số Lẻ tượng trưng cho Vô, số Chẵn tượng trưng cho Hữu.

Phân tích / Tổng hợp cũng như Ngôn truyền / Hội ý hay Hữu / Vô đều là các cặp theo Dịch lý cũng cần đạt trạng thái lưỡng nhất. Các Đồ hình thì dùng Hình Tròn và hình Vuông, hình Tròn tượng trưng cho Vô, hình Vuông tượng trưng cho Hữu, Tròn / Vuông cũng phải đạt nét lưỡng nhất. Hình Tròn / Hình Vuông được lưỡng nhất qua hình Hình học thành Hình Vuông ngoại tiếp, Cha ông chúng ta gọi là Mẹ Tròn / Con Vuông.

Chúng ta sẽ lần theo nền tảng của Văn hoá Dân tộc để làm sáng tỏ một số vấn đề căn bản:

I.-Viết tộc có Bộ sách Dân tộc không ?

(Kinh Hùng hải Triết 6. Kim Định)

“ Thừa là : Không mà lại Có :

1.- Không

Vì chưa có Văn tự riêng , không có chữ Viết thì hẳn là không có sách .

2.- Có

Là vì có Kinh Vô tự tức là những Văn kiện được biểu hiện bằng dăm ba bộ Số, với một mớ Huyền thoại và vô số Tục ngữ Ca dao. Các Số này được gọi là Huyền số, nó không dùng để đo đếm, nhưng để biểu thị cái khác, vì thế chúng làm nên những tiêu điểm khách quan nhưng cam nín, nên cần đến Huyền thoại làm như những lời nói lên có ý nghĩa. Tuy không có chữ, nhưng còn có Truyền khẩu mà Nội dung là Huyền thoại, nên kể là có.

3.- Huyền số

Những số đó (huyền số) có đủ giá trị chăng ? Thừa là quá đủ, vì đây là đang nói về giá trị Văn hoá thuộc Tinh thần, mà Tinh thần đi ngược với Vật chất. Với vật chất càng To càng hay, còn Tinh thần càng Bé lại càng quý : Bé cho đến số Không thì quý vô cùng. Vì tất cả triết lý Đông

phương đều đặt trên số Không : Âm Độ là Thái Hư, Lão Tử là Cốc Thần (hang trống) Nho là vô Thanh vô Xú , Việt là Trống (trong chữ Trống Đồng), muốn nói theo Nho thì đó là Hư Tâm, Hư Linh, tức cái Tâm có trống rỗng thì đạt được linh thiêng . Đó là bí quyết làm cho nước nên Văn hiến tức là có nền Văn hoá giàu chất Tâm linh.

II.- Những sách nào

Có bao nhiêu sách Dân tộc và những sách nào ? Sách Dân tộc Việt toàn là những Kinh không có chữ chỉ biểu hiện bằng bộ Số Vài Ba. Sau khi đã nghiên cứu mới thấy bộ Số đó quả là con Chấm Chủ quyền đã đóng vào vô số Văn kiện , Điển chương, Lược đồ, Di vật, Hiện vật, nên có thể nói đó là bấy nhiêu Sách Dân tộc. Tuy nhiên con Chấm đóng hẳn xuống đã biến dạng nhiều cách nên khó nhận diện, chỉ sau khi đọc toàn bộ mới thấy rõ .

1.- Sách có tên: Kinh Hữu tự

Ở đây xin kể tạm vài ba quyển thôi:

a.- Sách Ước, gậy Thần của Hùng Vương.

b.- Sách Tản Viên, Ba Vì.

c.- Lạc Thư.

2.- Sách không tên: Kinh Vô tự

Sách không tên thì vô số , như : Cái Trống, cái Đình, cái Nhà sàn, cái gGềng và vô số Vật dụng khác đều hàm tàng các số 2 , 3 đôi khi cả 5 , 9 nữa . Cũng phải kể đến Huyền thoại mà nét đặc trưng là vẫn tắt hết sức chỉ một vài dòng như chuyện “ Nữ thần Mộc dạy anh em Lộ Bàn , Lộ Bộc biết làm nhà chữ Đinh ” , vẫn tắt như thế nhưng ý nghĩa lại bao la vô tận . Quả đúng như câu châm ngôn triết : “ Nội hàm càng nhỏ Ngoại hàm càng to” . Nội hàm rút vào cùng cực thì toả ra cũng cùng cực . Nội hàm rút vào còn có một chữ Trống thì toả ta muôn vàn. Trong các Kinh Vô tự, phải kể đến Kinh Dịch. Nó có một địa vị đặc biệt ở chỗ có chân trên cả hai bình diện Văn và Tự, tức là không có chữ mà chỉ có Số, vì thế gọi là Văn, vừa có chữ , nên gọi là Tự (tức là các Hệ từ). Truy tầm theo lối Sinh thành thí thấy Kinh Dịch có 5 giai đoạn (theo Tam phần thư) :

a.- Giai đoạn I

Dịch thiên nhiên hay Đạo Dịch của Trời Đất.

Tức hồn Dịch gặp được trong các Huyền thoại đầy chất Lương Hợp như truyện Ông Cò / Bà Cộc , Núi / Sông, Nước / Lửa, Tiên / Rồng . . .

b.- Giai đoạn II

Dịch Của Phục Hy.

Thành bởi nét Đứt (- -) nét Liên (—) ghép thành 8 quẻ đơn , mỗi quẻ có 3 nét . Đó là bộ số 2 , 3 , 5

c.- Giai đoạn III

Dịch Của Ông Đại Vũ đúc 9 đỉnh.

Tức là thêm vào vòng Trong 5 số, Sinh 4 số Thành nữa là 9 , cũng gọi là Cửu Lạc (số 9 của dân Lạc) .

d.- Giai đoạn IV

Dịch của Văn Vương.

Bắt đầu có Văn tự, đó là những lời giải nghĩa 64 quẻ gọi là Hào từ.

e.- Giai đoạn V

Khổng Tử có thêm Thập Dục.

Nổi nhất trong đó là Hệ từ đại truyện có giá trị Triết lý siêu hình . Xưa nay người ta chỉ biết có giai đoạn IV và hầu hết nó đã trở thành sách bói toán và tán nhảm .

Giai đoạn V được chú ý chút ít . Chỉ như 3 giai đoạn trước thì hầu như không có ai nói gì tới và đây là chỗ cắt nghĩa sự sa đoạ của Nho là vì Đạo là cái gì linh thiêng siêu việt không thể dùng ngôn từ hữu hạn mà nói được, “ nói được thì không phải Đạo thường hằng nữa ”, mà chỉ là Đạo phù phiếm thuộc xã hội . Vì thế “ Tri giả bất ngôn ” người biết Đạo không nói mà chỉ dùng một hai dấu hiệu, vài ba con số để chỉ thị rồi yên lặng .

Đó là lý do tại sao các ạo lý Đông phương quý chữ Trống rỗng, Hư tâm, Vô thể. Vì thế Kinh Dịch khởi đầu chỉ có số 2 và 3 , đến sau mới thêm lời vào . Vậy mà các thế hệ sau lại chú ý nhiều về lời thành ra chỉ chuyên Ngành mà bỏ Gốc . Nay muốn tìm lại Đạo Uyên Nguyên thì phải học về các số trong Kinh Dịch.

3.- Ý nghĩa các Huyền số

Muốn tìm ý nghĩa các số ta hãy căn cứ trên Kinh Dịch . Kinh Dịch chia các số theo những lời cần phải biết để sau đoán ý .

a.- Số Đất

Chỉ bằng các số chẵn là 2 , 4 , 6 , 8 , nếu vẽ ra hình sẽ là nét Ngang — hoặc hình vuông □ .

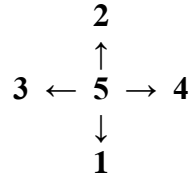
b.- Số Trời

Chỉ bằng các số lẻ 1 , 3 , 5 , 7 , 9 . Vẽ ra là hình nét Dọc | , hoặc hình tròn ○ .

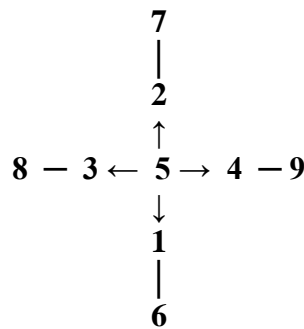
c.- Vòng Trong, vòng Ngoài (Hợp Nội / Ngoại chi đạo)

Các số trên được chia ra vòng Trong và vòng Ngoài:

Vòng trong (xếp theo Ngũ hành): gồm 5 số từ 1 – 5 , được gọi là số Sinh.



Vòng ngoài : gồm 4 số từ 6 – 9 được gọi là số Thành.



(5+1 = 6 ; 5+2 = 7; 5+3 = 8 ; 5+4 = 9 : Số Thành)

Văn hoá nào có nhiều số 4 là thiên về Địa, có thể gọi là Duy vật với hình Ngang hay Vuông . Chính trị đặt trên mẫu Du mục: có Giai cấp, liên hệ người là Chủ / Nô. Còn thiên về số 1 là nghiêng về Thiên có thể gọi là duy Tâm linh, hình là nét Dọc hay Tròn. Đây chỉ là sự phân loại Tiên thiên chưa được áp dụng. Đó sẽ là việc được bàn trong toàn sách, chỉ cần nói rằng trong thực tế Văn hoá nào cũng có rất nhiều sửa sai nên nó làm cho khó nhận diện. Lại theo luật hai Thái cực ở liền ngõ (les extrêmes se touchent), nên Văn hoá ưa dùng số 4 cũng dùng số 1 (nguyên lý Đồng nhất), còn Văn hoá ưa dùng số 1 cũng lại dùng số Đất như số 4. Vì thế có những bộ số: 1 – 4 hay 4 – 1.

Việt Nho thì dùng bộ số 2 - 3. Việt nói Vài Ba (2 – 3); Tàu nói Tham Lương (3 – 2) . Hai số cộng với nhau thành 5 , số Ngũ hành. Đó là bộ số chỉ trở sự Quân bình vũ trụ: Trời 3 , Đất 2 .

Vẽ ra là hình Thập tự nhai \perp gồm nét Ngang là 2 Đất, cộng với nét Dọc là 3 Trời thành Ngũ hành là số 5. Hoặc cùng vẽ là hình Tròn trên Vuông hay Tròn bao lấy Vuông.(Vòng Tròn ngoài tiếp của hình Vuông)

Xã hội theo quy chế Bình sản không có chế độ Nô lệ. Hỏi ai là chủ bộ số 2 – 3 này trước thì đó là Việt. Vì cả Khảo cổ (nét song trùng lưỡng hợp hay Lưỡng nhất : dual unit) lẫn Huyền thoại (Tiên / Rồng) đều nói lên điều đó. Đây chỉ nói có số 2, vì nó là đầu mối cho các số nền tảng sau:

Thí dụ :

$$\text{Số 3} = 1 + 2$$

$$\text{Số 5} = 2 + 3$$

$$\text{Số 9} = 5 + 4$$

Các bộ số cứ đi đôi (2) như vậy vừa Căn bản lại vừa Đặc trưng để nhận diện. Trong thực tế thì phải nói cả Việt lẫn Tàu đều là chủ. **Việt chủ ở đợt số Sinh gọi là Văn hoá; Tàu chủ ở đợt số Thành gọi là Văn minh.** Nói khác đi Việt thai nghén ra những tượng ý, thí dụ **bánh Dày bánh Chung.** Còn Tàu thì hoàn chỉnh tượng ý đó bằng đồ khuôn lời gọi là công thức hoá Bánh dày Bánh chung Việt trở thành câu “ **Thiên viên Địa phương** ” của Nho.

Còn Rắn với Thuồng luồng của Việt trở thành con Long của Tàu, Nhà sàn trở thành Tam tài. Do đó mà đặt thứ tự Việt Nho tức là Việt trước Nho (khi hiểu Nho là Tàu). Đây là vấn đề rắc rối sẽ phải nhờ đến sự trợ lực của các khoa Tân nhân văn như Khảo cổ, Dân tộc học, Cổ sử để phân xử. Để đi đến hệ quả là muốn tìm ra đâu là Nho trung thực tức là Nho chưa xa lìa số Sinh của nó thì phải kể đến yếu tố Việt. Nói cụ thể là phải kể đến Huyền thoại và Huyền số nữa, nếu không dễ trật đường. Trên đây ta đã nói bộ số nền tảng của Việt Nho là Vài (2) Ba (3). Sau đây là vài thí dụ đi trật đường:

1 .- Trong thời gian thai nghén Văn tự thời còn là chữ chân Chim (điều tích tự) hay **chữ con Quăng (khoa đầu)** thì số 2 Đất được biểu thị bằng 2 nét ngang 二, còn số 3 Trời được biểu thị bằng 3 gạch thẳng $\parallel \parallel$, cả hai hợp lại thành chữ Kỳ (căn = radial) : 示 (5 nét). Vì hai bộ số này là linh thiêng nên dùng căn kỳ đi với các chữ gì thì linh thiêng như:

Chữ tế: 祭 Chữ lễ: 禮 Chữ thân: 神 Chữ thiên: 禪 Chữ kỳ: 祈 ..

Nhưng về sau người ta quen viết Tháo (chữ viết cho nhanh) thì chữ kỳ 示 (Căn : radical : 5 nét) chỉ còn 4 nét (禿).

Vậy là từ số Trời 5 nét đọa ra số Đất 4 nét lúc nào rồi mà không một ai ý thức điều đó.

2 .- Hủ Nho bỏ số Sinh mà chuyên nhiều về số Thành là bát quái và 64 quẻ. Do thế Nho là một Đạo quân bình siêu đẳng đi lẩn vào chỗ suy vi bị bẻ quặt.

Nay muốn tìm ra mối Đạo Uyên nguyên, thì đó là cả một công trình bao la đòi phải có sự đóng góp nhiều ngành chuyên môn. Về phía Triết chúng tôi cố gắng tìm lại phần nào bằng chú tâm đến bộ số “ **Vài Ba, Tham Lương** ” như (2 – 3) và (5 – 9). **Cái bí quyết thành “ Văn hoá chi bang ” nằm trong mấy con Huyền số nọ.** Nói khác đi đây là nhằm khai quật phần Tâm linh trong nền Văn hoá nước nhà. Riêng về Tàu và Việt khi nói tới Việt Nho thì chỉ xin hiểu là 2 thực thể hoàn toàn Văn hóa, xin gầy ra ngoài mọi suy luận thuộc Chủng tộc hay Chính trị, để chỉ chú ý đến Văn hoá mà thôi.

Theo đó, **thì Việt chỉ tất cả các dân đã cư ngụ trong nước Tàu trước khi có Dân tộc Tàu, Việt Nam chỉ là một chi trong cái khối lớn lao đó,** Có chăng Việt là chi được coi như kế thừa nền Văn hoá của khối Đại Việt, đối với Tàu xuất hiện về sau. Cả hai nơi đều tổ chức xã hội theo mẫu Nông nghiệp, Việt thì còn giữ nguyên chất nhiều hơn, hãy tạm gọi là 9 nông 1 du, còn Tàu thì 6 nông 4 du. Do đó có một số nét khác biệt làm cho Tàu nói chung không quân bình bằng Việt.

Thí dụ về Vật biểu Tàu chỉ có Rõng (độc Dương) , đang khi Việt có cả Rõng lẫn Tiên, nhân đó **Việt trọng bên Tả, nổi về Văn hoá tinh thần, Tàu trọng bên Hữu nổi về Văn minh (vật chất)**. Còn rất nhiều chi tiết sẽ đề cập sau. “

(Kim Định)

Việt Nhân

Tham khảo

[1]- Frequencies of Matter

Is it theoretically possible for physical solid matter to vibrate

Solid matter continually vibrates, and the vibrations are perceived macroscopically as temperature. It is the rotational and vibrational motion of the atoms and molecules which are bound together at a high enough frequency

The temperature of a solid comes with a [black body radiation](#) connected to it, and thus there exists a spectrum of characteristic frequencies, related to the frequencies of the vibrational and rotational levels of the atoms and molecules in the solid. **The higher the temperature the higher the frequency, and the higher the frequency the higher the temperature.**

to become imperceptible to vision and move through other solid matter?

If the frequency gets high enough the solid will either burn, or melt, depending on the atoms and molecules involved. The result of high frequencies of vibration do not lead to metaphysical conditions.

The level of energy is highest in gases, medium in liquid and lowest in solids. The speed of sound is highest in solids, while the speed is a bit slower in liquids and minimum in gases.

Key Differences Between Solid, Liquid and Gas

The difference between **solid, liquid and gas** can be drawn clearly on the following grounds:

12. A substance having structural rigidity and has a firm shape which cannot be changed easily is called solid. A water-like fluid, that flows freely, having a definite volume but no permanent shape, is called liquid. Gas refers to a state of matter, do not have any shape but conform to the shape of the container, completely, in which it is put in.
13. While solids have certain shape and volume, liquids only have definite volume but not shape, gases neither have shape nor volume.
14. The level of energy is highest in gases, medium in liquid and lowest in solids.
15. The compression of solids is difficult, liquids are nearly incompressible, but gases can be easily compressed.
16. Molecular arrangement of solids is regular and close, but liquids have irregular and sparse molecular arrangement and gases, too have random and more sparse arrangement of molecules.
17. The molecular arrangement in solids is well organised. However, the layers of molecules slip and slide over one another, in the case of liquids. In contrast, the particles in gases are not at all organised, due to which the particles move randomly.
18. When it comes to fluidity, solids cannot flow, however, liquids can flow and that also from the higher level to lower level. As against this gases flows in all directions.
19. The spaces between the molecules and the kinetic energy are minimum in solids, medium in liquid and maximum in gases. So, the motion of molecules is negligible in solids, whereas in liquids, the erratic, random motion of molecules can be seen. Unlike gases, which have the free, constant and random motion of molecules.
20. In solids, the particles are held tightly by strong intermolecular attraction, although in liquids the attraction between particles is intermediate. As against this, the particles are loosely held, because the intermolecular attraction is weak.
21. The speed of sound is highest in solids, while the speed is a bit slower in liquids and minimum in gases.
22. As solid have a definite shape and size, they do not require a container for storage. Liquids cannot be stored without a container. Conversely, for storing gases, a closed container is required.

(Đây là ba trạng thái biến đổi của Vật chất mà nhà Phật gọi là tuồng Ảo hóa đã bày ra đó)

Changing the Frequencies of Our Thoughts



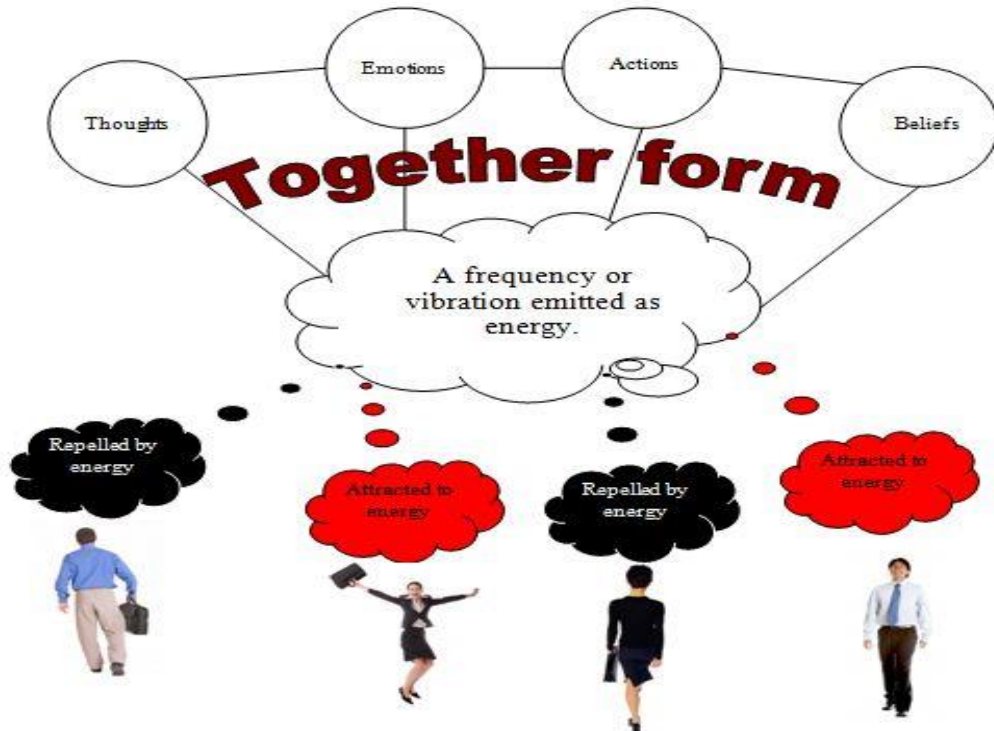
Is it possible that different types of thoughts have different frequencies, just like a radio station? I believe the answer to that is that to a degree they do, however it's not the thoughts that emit a frequency **it's the brainwaves, which are directly controlled by thoughts and emotions.** That brainwave frequency is then transmitted into the world, so to speak. Others pick up on the frequency, or vibration, and are attracted to it or repelled by it depending on their frequency at a particular time.

For example when you are in a bad mood, for whatever reason, your thoughts are generally negative, you might not want to be around people. Your thoughts are creating emotions of "go away" to everyone around you, your behaviour is then affected by your thoughts and emotions. Your body language will tell people to stay away from you or to leave you alone for a bit. Others will pick up on your brainwave frequency, vibration, subconsciously, and stay away or they will talk to you, trying to give you some of their energy and lift your energy.

If we can manage to control our thoughts, we are effectively controlling our emotions, which in turn is controlling our behaviour. If we control our thoughts and behaviours we are effectively controlling our mind energy and the frequencies of the brainwaves we are sending out to the world.

Thoughts and attraction

We've heard a lot about the law of attraction. I think the use of the term has become overused and therefore misunderstood, subsequently it has not been taken that seriously. However if we use the model below to show how our thoughts can attract like minded people and events into our lives, I think we can take it a little more seriously:



From the above model we see that your mind energy attracts others with the same mind energy, or close to it. I believe your mind energy is literally touching others, a little tap on the shoulder saying "hey, there's this guy over there who has the same energy as yours, maybe worth speaking to him.' Or "there's a woman in the room who is thinking a lot about her financial situation, you might be able to help her.'

What we are thinking a lot about will produce different brainwave frequencies. So, if you're thinking a lot about your financial situation with a positive frame of mind, that frequency will touch others who may be able to help you in some way. If, on the other hand, you are thinking about your financial situation in a negative way, those thoughts will produce a different frequency and you will touch others who could make your financial situation worse.

The ladder of vibration



Other Solar Systems

Our **Milky Way Galaxy** is just one of billions of galaxies in the universe. Within it, there are at **least 100 billion stars**, and on average, each star has at least one planet orbiting it. This means there are potentially thousands of planetary systems like our solar system within the galaxy!

Our **Sun is one of at least 100 billion stars in the Milky Way**, a spiral galaxy about 100,000 light-years across.



[Telescope Named For ‘Mother of Hubble’](#)

How many Suns in the Universe

The stars are arranged in a pinwheel pattern with four major arms, and we live in one of them, about two-thirds of the way outward from the center. Most of the stars in our galaxy are thought to host **their own families of planets**.

The Milky Way galaxy is just one of **billion of galaxies** in the universe.

The universe is a vast expanse of space which contains all of everything in existence. The universe contains all of the galaxies, stars, and planets. The exact size of the universe is unknown. **Scientists believe the universe is still expanding outward**.

Go farther. [Explore Beyond Our Solar System In Depth >](#)

Like early explorers mapping the continents of our globe, astronomers are busy charting the spiral structure of our galaxy, the Milky Way. [More >](#)

How many Suns in the Universe?

Hey cool cats, I’m Dr. Universe, here to answer your baffling science questions like this one. How many suns are in the universe? **The sun is actually a star**, our nearest star, but there are lots of stars out there. Maybe you’ve tried counting them before. One, two, three, four, five, six, seven stars make up the big dipper. Astronomers estimate that **the human eye could spot about 9,000 stars**. Of course, the Earth blocks our vision so we only see about half of those in the night

sky. If **we use binoculars, we could see** even more stars, about **200,000 of them**. A **small telescope** can help us see more than **15 million stars** and even more powerful telescopes can help us look for other galaxies which are home to even more stars. Have you ever been stargazing? What did you see in the night sky? Tell us about it sometime at Dr.Universe@wsu.edu.

Do stars emit energy?



slideshare.net

The majority of stars emit most of their electromagnetic energy as visible light, the tiny portion of the spectrum to which our eyes are sensitive. Because **wavelength correlates with energy, the color of a star tells us how hot it is: red stars are coolest, blue are hottest.**

The main difference between the sun and any other star is the distance each are from Earth. The sun is closer to this planet than all of the other stars.

Size is another major difference between the sun and other stars. **The sun is the biggest star in this solar system.** Within the whole universe, the sun is quite small compared to the enormous stars that exist beyond our solar system. **The largest star** that scientists have discovered is called **Mu Cephei. Over one billion of Earth's suns could fit inside of Mu Cephei.** This massive star is considered to be a giant in the universe.

Stars also differ in temperature. Temperature differences can be interpreted using color changes. Stars that burn red and orange are much cooler in temperature than the sun. Stars that burn white or blue-white are much hotter than the sun.

As well as mass and temperature, all of the stars also differ in age. The sun in this solar system is approximately five billion years old, making it a middle-aged star. As the stars grow older, they are subject to changes in mass, size and temperature. Sometimes, stars can even lose mass as they age.

CHƯƠNG BA

THUYẾT TAM TÀI CỦA VIỆT NHO

TAM TÀI

Tam Tự Kinh có câu: **Tam Tài giả:**” **Thiên Địa Nhân** : Ba Tài là **Trời Đất và Người**.

Theo Dịch lý thì : **Thiên / Địa lưỡng nhất** (dual unit) = “ **Nhân: Nhân giả kỳ Thiên Địa chi Đức**” : Con Người là tinh hoa của Trời Đất “ : Đó là **Tam Vị nhất Thể** (**Trinity**): trong Văn Hóa Việt , nên:

Con Người có mối Liên hệ nhất Thể với Trời Đất

Hỏa (**THIÊN: Tinh thần**)



THỔ : **NHÂN** (**Nguồn Năng lượng Tình Thương**)



Thủy (**ĐỊA: Vật chất**)

I.-Mối Liên hệ Nhất thể (bằng Thơ) giữa Tam Tài:Trời - Đất -Người (Ta)

Theo Nho thì: “ **Vạn vật đồng nhất Thể, vạn vật tương liên:** Mọi vật đều có cùng bản thể: Vật chất và năng lượng, nên mọi vật đều có liên hệ mật thiết với nhau.”

Bài thơ dưới đây diễn tả mối liên hệ khăng khít giữa Tam tài:

**Trời -Đất sinh Ta có ý không
Chưa sinh Trời -Đất có Ta trong
Ta cùng Trời -Đất ba ngôi sánh
Trời Đất in Ta một chữ đồng
Đất nứt Ta ra Trời chuyển động
Ta thay Trời mở Đất mênh mông
Trời che Đất chỡ Ta thông thả
Trời - Đất Ta đầy đủ Hoá công.**

(*Vịnh Tam Tài. Trần Cao Vân*)

II.- Mối liên hệ bất biến (theo Khoa học) giữa Tàn tài

Theo thuyết Big Bang thì từ một điểm “ **Tinh chất bị dồn nén cực nhỏ** “ (singularity) dẫn nở ra (Tán) qua Vụ Nổ lớn (Big Bang) làm văng ra những đám tinh vân nóng đỏ mà tạo ra hằng hà sa số **giải Thiên hà**, một trong số đó có **giải Ngân hà** của chúng ta.

.Trong giải Ngân Hà có **Thái dương hệ** gồm Mặt Trời và 9 Hành tinh, trong đó có **Quả Đất** của chúng ta.

Chúng ta biết khi một vật được ném ra quanh một vật cố định thì tạo ra **lực Ly Tâm** (centrifugal force) < như ném gũ > giúp vật di chuyển theo đường cong và đồng thời cũng tạo ra **lực Hướng Tâm** (centripetal force) làm đối cực, hai **lực Ly tâm và Hướng tâm** kết thành **Nhất nguyên lưỡng cực** (bipolar) như **Thái cực** (Ultimate Supreme) **Âm Dương hòa** (Ying Yang harmony) .

Lực Ly tâm và lực Quy tâm là cặp đối cực (Opposite term) của Dịch lý luôn được lưỡng nhất (Dual unit) như hai mặt của một Đồng tiền. Lực Ly tâm và Quy tâm nối kết một vật cố định với một vật chuyển động, Khối lượng và khoảng cách giữa hai vật càng gần thì lực Vũ trụ (Tán / Tụ) hấp dẫn tác dụng lên nhau càng lớn.

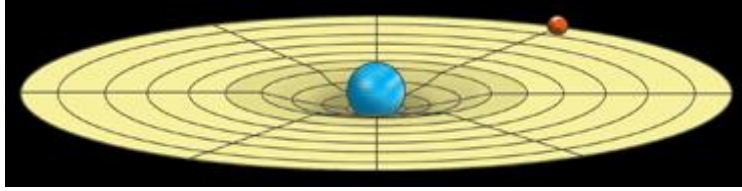
The **Big Bang Theory** is the leading explanation about how the universe began. At its simplest, it says the universe as we know it started with a small singularity, then inflated over the next 13.8 billion years to the cosmos that we know today. Nov 7, 2010, the closer objects are to each other, the stronger their gravitational pull is. **Earth's gravity** comes from all its mass. All its mass makes a combined gravitational pull on all the mass in your body. ... You exert the same gravitational force on **Earth** that it does on you.

We know from Isaac Newton and his law of gravitation that any two objects in the Universe exert a force of attraction on each other. This relationship is based on the mass of the two objects and the distance between them. The greater the mass of the two objects and the shorter the distance between them, the stronger the pull of the gravitational forces they exert on each other.

We also know that gravity can work in a complex system with several objects. For example, **in our own Solar System, not only does the Sun exert gravity on all the planets, keeping them in their orbits, but each planet exerts a force of gravity on the Sun, as well as all the other planets, too, all to varying degrees based on the mass and distance between the bodies. And it goes beyond just our Solar System, as actually, every object that has mass in the Universe attracts every other object that has mass — again, all to varying degrees based on mass and distance**

With his theory of relativity, Albert Einstein explained how gravity is more than just a force: it is a curvature in the space-time continuum. That sounds like something straight out of science fiction, but simply put, the mass of an object causes the space around it to essentially bend and curve. This is often portrayed as a heavy ball sitting on a rubber sheet, and other smaller balls fall in towards the heavier object because the rubber sheet is warped from the heavy ball's weight.

In reality, we can't see curvature of space directly, but we can detect it in the motions of objects. Any object 'caught' in another celestial body's gravity is affected because the space it is moving through is curved toward that object. It is similar to the way a coin would spiral down one of those penny slot cyclone machines you see at tourist shops, or the way bicycles spiral around a velodrome.



A 2-dimensional animation of how gravity works. Via NASA's Space Place..

We can also see the effects of gravity on light in a phenomenon called gravitational lensing. If an object in space is massive enough – such as a large galaxy or cluster of galaxies — it can cause an otherwise straight beam of light to curve around it, creating a lensing effect.

[What is a centripetal force? \(article\) | Khan Academy](https://www.khanacademy.org/physics/centripetal-forces/a/what-is-a-centripetal-force/a)
[www.khanacademy.org > ... > Centripetal forces](https://www.khanacademy.org/physics/centripetal-forces/a/what-is-a-centripetal-force/a)

Centripetal force is defined as, “the force that is necessary to keep an object moving in a curved path and that is directed inward toward the center of rotation,” while **centrifugal force** is defined as “the apparent force that is felt by an object moving in a curved path that acts outwardly away from the center of rotation,” according to Merriam Webster Dictionary.

A centripetal force is a net force that acts on an object to keep it moving along a circular path. ... Newton's 1st law tells us that an object will continue moving along a straight path unless acted on by an external force. The external force here is the centripetal force.

Gravity. The average person probably doesn't think about it on a daily basis, but yet gravity affects our every move. Because of gravity, we fall down (not up), objects crash to the floor, and we don't go flying off into space when we jump in the air. The old adage, “everything that goes up must come down” makes perfect sense to everyone because from the day we are born, we are seemingly bound to Earth's surface due to this all-pervasive invisible force.

But physicists think about gravity all the time. To them, gravity is one of the mysteries to be solved in order to get a complete understanding of how the Universe works. So, what is gravity and where does it come from.

Chúng ta hãy tìm xem mối liên kết giữa con Người (Nhân) và Trời Đất (Thiên Địa) ra sao?

Chúng ta biết lực Hấp dẫn (gravity) nối kết chúng ta với quả Đất, mọi vật trên mặt Đất đều rơi xuống chứ không thể bay lên, mọi sự vận động của chúng ta đều liên quan đến lực Hấp dẫn.

III.- Điểm tựa giúp con Người liên kết được với Quả Đất (Địa)

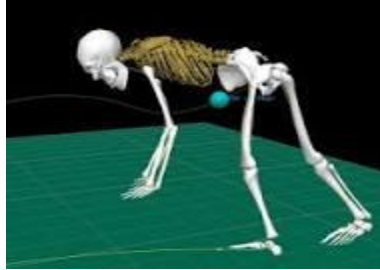
Con người được nối kết với quả Đất qua Trọng tâm (center of Gravity) của Quả Đất và Trọng tâm của con Người . Trọng tâm của con Người ở dưới Rốn, có thể tìm được bằng khoảng cách 3 chiều rộng của ngón tay Trỏ ở dưới Rốn. Theo các nhà hành Thiên, đó là huyết **Đan Điền hạ** còn gọi là **Đan Điền tinh** hay **the lower Cinnabar field**.

Con Người được nối kết với quả Đất qua Trọng tâm của nhau. Trọng tâm là điểm tựa (point d'appui, strong point) của lực hấp dẫn Vũ trụ tác dụng lên các vật thể và giữa các vật thể với nhau. (universal attraction)

Ta có thể bảo huyết Đan Điền hạ là nơi con Người (Nhân) được liên kết với quả Đất (Địa) qua trọng tâm của nhau.

Center of Gravity Defined

The **center of gravity** (CG) of an object is the point at which weight is evenly dispersed and all sides are in balance. A human's **center of gravity** can change as he takes on different positions, but in many other objects, it's a fixed location. Dec 31, 2015



Centre of Gravity in the Human Body

In the anatomical position, **the COG lies approximately anterior to the second sacral vertebra**. However, since **human beings** do not remain fixed in the anatomical position, the precise location of the COG changes constantly with every new position of the **body** and limbs.

How do you find the center of gravity of a person?

To locate it, start by placing an index finger three finger widths below your navel to locate the height of your center of gravity. Then, trace lines around your torso at the same level to your left and right sides and imagine a line going sideways through your body which connects those two points.

Trọng Tâm của con Người ở dưới Rốn cách Rốn bằng 3 chiều rộng của ngón tay Trỏ, như vậy Huyết Đan Điền cũng ở đó.

IV.-Điểm tựa giúp con Người (Nhân) liên kết được với Trời (Thiên) qua Huyết Đan Điền thượng: Huệ Nhãn : The upper Field.

HUỆ NHÃN

Não bộ con người

Não bộ con người gồm hai Bán cầu não Phải và Trái. Bán cầu não Phải chủ Tình, Bán cầu não Trái chủ Lý, hai Bán cầu được nối kết bởi cầu nối corpus Collosum. Cầu nối Corpus Collosum như là xa lộ giúp hai bán cầu trao đổi Tình Lý với nhau sau cho Tình Lý tương tham hay Tình Lý lưỡng nhất hậu Thân Tâm lưỡng nhất để cho Thân an Tâm lạc.

Tuyến Tàng (Pineal gland) nằm phía sau Corpus Colloum, phải chăng Tuyến Tàng đóng vai trò điều phối hai bán cầu não ?.

Xưa nay người ta lầm tưởng Tâm của con Người ở nơi quả Tim, nhưng **Tâm con Người chính là ở Não bộ**. Huệ nhãn nằm trước Não bộ, trong não bộ gồm có tuyến Tàng và tuyến Yên điều hòa mọi chức năng của con Người, Huệ nhãn là cửa ngõ giúp con người tiếp cận với nguồn Tâm linh.

Huệ nhãn (The Third Eye)



Huyệt Đan Điền thượng hay Huệ Nhãn ở trong miền của Não bộ và là huyệt đạo của Tâm linh (seat of Spirit. Shen) được quy chiếu tới trigram đại diện cho Thuần Dương (pure Yang: Mặt Trời). Văn Hóa Việt Nam từ thời Tị Tổ Viêm Đế có tục thờ Mặt Trời tức là thờ Trời .

Hệ Mặt Trời là biểu hiện thể lý của đời sống Hiện hữu bao la và Tâm linh mà chúng ta gọi là **Thái dương Thần đạo** (Solar Logos) Ánh sáng mặt Trời là sinh lực của thảo mộc, vậy bức xạ từ Tâm mặt Trời cung cấp sinh lực cho nguồn **Tâm linh của chúng ta: nguồn Tình Thương, hoan lạc và hòa hợp**.

Vậy Con Người được liên kết với Trời (Mặt Trời) qua huyệt Đan Điền thượng hay Huệ nhãn nơi Não con Người, nơi tuyến Tàng ở mặt sau của Corpus collosum (?). Corpus Collosum là cầu nối giữa **hai Bán Cầu não - Tâm của con Người** -, xưa nay người ta lầm tưởng Tâm con Người là ở nơi Quả Tim.

Vậy Huệ Nhãn của con Người là điểm tựa nơi con Người được liên kết với Trời - Nguồn Tâm linh -.

“ Sun a spirit?

The solar system is the physical manifestation of a vast Life, Being, and Spirit which we call a **Solar Logos**. ... Just as the light of the sun is vitality to plants, so **the radiance of the subjective Heart of the Sun provides vitality to our own spiritual nature, filling it with love, joy, and harmony**.

Logos: the Word of God, or principle of divine reason and creative order, identified in the Gospel of John with the second person of the Trinity incarnate in Jesus Christ.

(Jungian psychology) the principle of reason and judgment, associated with the **animus** (*unconscious masculine side of a woman*) “

V.- Cách sống thuận Thiên của con Người

Nho có câu:**Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong** : Sống hợp với Trời, tức là Dịch lý (cũng là Thiên lý) thì tồn tại và phát triển, còn hành động ngược lại là tiêu vong.

Mọi người khi mới sinh ra chào đời, nhờ tiếng khóc Oa oa giúp cho nhịp thở điều hòa thì mới sống được.

Chúng ta biết khi thở vào thì thần kinh Giao cảm làm cho nhịp Tim đập nhanh hơn, còn khi thở ra thì thần kinh đối Giao cảm làm cho quả Tim đập chậm lại, khi Thở vào / Thở ra được điều hòa thì nhịp đập quả Tim được ổn định mà sống khỏe mạnh.

Tuy nhiên khi sinh hoạt hàng ngày, con người bị tiêu hao năng lượng, nên lắm khi mắt quân bình làm cho con Người ốm đau. Người Đông phương xưa tuy trình độ Khoa học còn thấp kém, nhưng cũng đã biết cách sống thuận Thiên để cho Thân an Tâm lạc.

Các nhà hành Thiền tuy chưa biết rõ về Khoa học, nhưng đã nhận ra hai điểm tựa với Trời Đất : **Điểm tựa nơi Trời là Huệ nhãn, điểm tựa nơi Đất là huyết Đan Điền hạ** và tìm cách ngồi Thiền để điều hòa hơi Thở vào và hơi Thở ra luân lưu qua hai huyết để nối liên kết Nhân với Thiên Địa sao cho **Thân** (Huyết Đan Điền), **Tâm** (Huệ nhãn) được lưỡng nhất hầu **Thân an Tâm lạc**.

Nhờ cách tu thân này mà con Người có thể thực hiện được cuộc sống Hòa giữa Tam tài.:

Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa

I.- **Thiên sinh** là nguồn sinh sinh hóa hóa của Vũ trụ, đó là 3 luật lớn trong Vũ trụ:

1.-Luật Biến động tức là Dịch lý,

Cũng là thuật Quyên biến. Dịch lý là **Tinh thần Triết lý An vi** của Việt Nho – Văn Hóa Thái hòa Việt Nam .-

Hướng động của kinh Dịch đã được gói ghém trong chữ Dịch kép bởi nhật và nguyệt: 易 : (日 + 月) (nguyệt biến thể)

Bất biến (tĩnh chỉ): non change.

Biến hóa (xoáy ốc): sequent change.

Biến động (duy biến): cyclic change

2.- Luật Giá sắc (Sow And Reap) là luật Gieo (giá) Gặt (Sắc)

Ai gieo thì nấy gặt

Gieo gì thì Gặt nấy

Gieo một thì Gặt trăm

Luật này có phần giống **Luật Nhân quả** của nhà Phật.

3.- **Luật Loại tụ** là luật **Tuồng nào theo tập nấy** (Vân tông Long, phong tông Hồ: Ce qui resemble s'assemble)

II.- Địa dưỡng là công trình khai thác và bảo vệ nguồn tài nguyên Thiên nhiên nơi các môi trường : Không khí, Đất, Nước., bằng cách khám phá ra các Định luật Khoa học giúp phục vụ đời sống.

III.-Nhân hòa. Mọi người trong Dân tộc phải hành xử với nhau theo **tinh thần chung: Nhân Nghĩa và Bao dung** của Dân tộc để hòa với nhau, hầu chung vai đấu cật với nhau mà xây dựng Gia đình và Xã hội.

Khi hai bên có sự bất đồng mâu thuẫn với nhau, thì dựa theo Tinh thần chung của Dân tộc mà bao dung nhau, ngồi lại với nhau trong tinh thần kính trọng yêu thương, (**Nhân**) tìm cách hoà giải với nhau theo đức **Nghĩa** tức là lẽ công bằng “**Phải Người phải Ta**“, để đạt tới giải pháp “**một Vừa hai Phải**“ mà Hoà với nhau, chứ không có tìm cách Hòn Thua đủ với nhau, khiến xé nát tinh thần Đồng bào, làm phân hóa Dân tộc!

Đây là lối sống theo **Dịch lý Âm Dương hòa** hay **Tình / Lý tương tham** cũng như **Nhân / Nghĩa lưỡng nhất**, cách hành xử ở đời này dựa theo hai tiêu chuẩn:

Chấp kỳ lưỡng đoan (Thiên 6 câu 4, T.D) .: Nhờ tinh thần Bao dung mà hai bên chịu ngồi lại hoà giải với nhau.

Doãn chấp kỳ trung (Thư. Đại Vũ mô 15): Hai bên đều lấy tiêu chuẩn **Nghĩa** < Lẽ công bằng tương đối > mà hoà giải với nhau. Đây là giải pháp lưỡng lợi (win – win solution), không ai thắng hay thua hoàn toàn, bên nào mà gần với **Lẽ phải chung của Dân tộc (Nhân Nghĩa Bao dung)** hơn thì đạt được phần hơn. Đây là giải pháp khó nhất, nhưng lại mang tính chất xây dựng nhất cho mỗi bên và cả Quốc gia Dân tộc nữa.

Khi hai bên có sự bất đồng, sự xích mích, không thể dùng bạo lực mà giải quyết cho êm đẹp được, mà kết quả là một Hòn một Thua, gây ra mối hiềm khích, làm phân hóa xã hội.

Âm Dương Hòa là **Vi ngôn đại Nghĩa** rất tế nhị, và khó thực hiện . Âm Dương là ngược nhau, làm sao mà HÒA được. Muốn Hòa thì trước tiên hai bên phải nhìn nhận với nhau là hai bên còn phiến diện, do bên nào cũng có khuyết điểm để cho bên kia có cơ khích bác nhau, không bên nào đúng hoàn toàn, nên tạm thời phải nói lỏng (bỏ lời) Lập trường riêng của mình, mà theo Tiêu chuẩn Công chính chung là **Tinh thần Dân Tộc: Nhân Nghĩa Bao dung** , đối thoại với nhau, tìm giải pháp Dung hòa “**Một vừa hai Phải**“ thì mới Hòa với nhau được. Có thực sự yêu Dân tộc, yêu Đồng bào, bỏ cái quá yêu Mình mà chân thành đối thoại với nhau thì mới thực hiện nổi. Nếu cứ mang tâm trạng Phe phái cực đoan, nhằm tranh dành mục tiêu: Đúng / Sai Hòn /Thua với nhau thì không Hòa giải với nhau được. Nếu không vượt qua được chính Mình, vươn lên trên những thứ cố chấp nhỏ hẹp (cứ tưởng lập trường mình là đúng đắn hoàn toàn, mà

không có cái nhìn tổng quát về tương lai của Dân tộc) thì cứ giam hãm nhau trong bế tắc mà làm cho Dân tộc ngày càng phân hóa mà suy yếu đi!

Do đó mà những người Duy Lý, không có **Lòng rộng** (phải thật sự Nhân ái, mà bỏ Hận thù, đức Trần Hưng Đạo là gương sáng của Dân tộc) **Trí sâu** (không Phiến diện, cố chấp), biết lấy quyền lợi Quốc gia Dân tộc làm trọng hơn hết, mà tha thứ cho nhau, bỏ mưu mẹo vặt, bao dung lấy nhau thì mới có thể Hòa giải với nhau được. Đây là tiến trình đầy khó khăn và lâu dài mới thực hiện từng bước được. Đặc biệt chúng ta có **Tam giáo có cái Tâm bao la**, Nho giáo với tinh thần **Bao dung**, Phật giáo với tấm **Lòng Hỷ xả**, Kitô giáo thì **Tha thứ cho nhau đến 70 lần 7**, mỗi chúng ta thì sao, đa số chúng ta không chịu **Dại đàn mà lại Khôn độc!**

Đây chính là mối liên hệ Hòa của nền Văn Hóa Nông nghiệp Việt Nam, còn nền Văn Hoá Du mục của Tàu thì chuyên gây bất hòa.

Trở lại với nền Văn Hóa Du mục. Chúng ta đừng **quên chế độ Nô lệ, Đế quốc thực dân, chế độ Phong kiến chuyên chế và Chế độ CS** có nguồn gốc từ nền Văn Hoá Du mục bạo động!.

VI.- Cuộc sống nghịch Thiên (Thiên Lý: Dịch lý): Nạn Duy Lý với hành động bạo tàn (thuộc Văn Hóa Du mục)

Cuộc sống nghịch thiên là cuộc sống **trái với Dịch lý Âm Dương hoà** hay **Âm Dương bất hòa** hay **Tình Lý bất tương tham**. Đây là “ **cuộc sống một chiều Duy Tình hay Duy lý** “.

Khi **Duy Tình** thì việc hành xử coi trọng bên này mà coi nhẹ bên kia, cách cư xử này “trái với lý Công chính, nên bị thiên lệch, gây ra sự xích mích trong Gia đình và ngoài Xã hội.

Còn **Duy Lý** mà **quên Tình** thì hành xử bất công theo lối cực đoan đầy gian ác của độc tài, gây khổ đau cho con Người, gia đình và xã hội. Duy Lý khơi nguồn cho cuộc sống Gia đình và Xã hội rối ren, lối sống Duy lý là nguồn cho những cuộc chiến tranh “ **Cá Lớn nuốt cá Bé** “, “ **Mạnh được Yếu thua** “ hay “ **Dĩ Cường lãng nhược** “ suốt dòng Lịch sử nhân loại.

Đây là **cuộc chiến suốt dòng Lịch sử nhân loại giữa hai nền Văn Hóa Du mục và Nông nghiệp.**

Trên thế giới có **3 trung tâm Nông nghiệp**, trung tâm ở **giữa hai con sông Nile và Euphrate** bên Trung Đông , cũng như nền Nông nghiệp **Aztec** ở miền Bắc Mexico (northern Mexican), cả hai trung tâm này đã bị quân Du mục tiêu diệt, còn nền Nông nghiệp giữa **hai dòng sông Hoàng Hà và Dương Tử** của đại chủng Việt cũng đã bị Du mục Hoa Hán thanh toán, tuy không bị tiêu diệt, nhưng đã bị thương tổn và hao mòn.

Đặc biệt trên thế giới chỉ có nền nông nghiệp **châu châu Việt Nam (Cá bé)** nhiều lần đã đá cho **Xe Du mục đại Hán (Cá lớn)** ngã nghiêng, đó là nhờ tinh thần Bất khuất của Văn Hóa Việt Nam.

“ Nực cười Châu châu đá xe,

Tưởng rằng cháu đỗ, ai dè Xe nghiêng! “

“ Sa cơ nên phải lụy Tào

So bề Tài Sức thì Tao kém gì !”

(Ca dao)

Nền Văn Hóa Dân tộc của chúng ta có đủ hai chiều, dựa tên nền tảng **Nhân Bản:**

Trai mà chi, Gái mà chi

Sao cho ăn ở Nhân Nghĩa (Nghĩa) mới nên (Ca dao)

Khi hành xử với nhau sao cho hai chiều **Nhân / Nghĩa lưỡng nhất hay Tình / Lý tương tham** thì đạt đức **Bao dung**, giúp con người có khả năng tự chế mà sống với nhau đúng theo tinh thần Văn Hóa Thái Hòa của Dân tộc.

Chúng ta nên nhớ trên thế giới đại loại có hai nền Văn Hóa:

1.- Nền Văn hoá “ **khoan hoà nhu thuận** “ Nông nghiệp của Việt Nam được xây dựng trên **nguyên lý Mẹ, (Tổ Mẫu Âu Cơ)** nên **nặng Tình hơn Lý, mang bản chất Hòa bình :** ” **Tuy ngoài (Xã hội) là Lý, nhưng trong (Cá nhân) là Tình.** (Nguyễn Du) “.

2.- Nền Văn Hóa bạo động Du mục của đại Hán được xây dựng trên nguyên lý Cha (Tổ Phụ của Trung Hoa là Hiên Viên, lãnh tụ Du mục từ Tây Bắc tràn qua miền Bắc nước Tàu), họ trọng Lý hơn Tình, đúng hơn là Duy lý, nên **luôn gây chiến tranh cướp bóc và bành trướng.**

3.- Nan đề của cuộc sống Duy Lý một chiều trên dòng lịch sử nhân loại:

a.- Trong mỗi **cá nhân** là “ **Tình Lý bất tương tham** “ do **duy Tình** và nhất là **Duy Lý: Mạnh được yếu thua** “ gây ra trăm ngàn Bất công .

b.- Trong **Gia đình** là “ **Trọng Nam khinh Nữ** ” hay “ **Trong Nữ khinh Nam** “

Theo Việt Nho thì người Nam phải “ **phù yếu trọng Nữ** “ cho đời sống Nam Nữ được quân bình. Trai Gái đều phải ăn ở theo **Nhân Nghĩa Bao dung** .

Trong **Hôn nhân** khi **Gái /Trai kết đôi Vợ Chồng** thì tổ chức hai cuộc Lễ, một là **lễ Thành hôn** trọng thể dành cho Gia đình và bạn bè, hai là **Lễ Giao bái** cho cặp đôi Vợ chồng ,trong Lễ Giao bái hai Vợ Chồng cùng bái nhau và cùng uống chung một chén Rượu thề giao ước tôn trọng nhau, ăn ở công bằng với nhau cho tới khi **cốt rủ xương mòn, đầu bạc răng long**, có lẽ không hiểu rõ nên bỏ đi . **Lễ Thành hôn cho Tình, Lễ Giao bái cho Lý**, giúp hai Vợ chồng ăn ở với nhau theo “**Tình Lý tương tham** “ sao cho “ **Thuận Vợ thuận Chồng tát bể Đông cũng cạn** “.

Còn trong **Văn Hóa Trung Hoa**, do **Trọng Nam khinh Nữ**, đàn bà được xem như tài sản của Đàn ông, nên sinh ra cảnh **Chồng Chúa Vợ Tôi**.

c- **Trong Quốc gia** thì Tôn Quân làm Thiên tử, trọng Vua khinh Dân . Chính quyền thì độc tài khuynh loát nhân dân, thay vì phục vụ nhân dân lại bắt nhân dân phục vụ chính quyền, còn các đảng phái thì thay vì “ **Quần nhi bất đảng**” mà lại “ **Đảng nhi bất Quần** “, nghĩa là các đảng phải cùng nhau đoàn kết theo tinh thần Hiến pháp mà hợp lực phục vụ nhân dân, chứ không thể vì quyền lợi riêng của đảng mà xâu xé nhau làm thương tổn đến quyền lợi chung.

Xem ra, **hai đảng Dân chủ và Cộng hòa của Hoa Kỳ** “ **đang mập mé** “ ở trong tình trạng “ **Đảng nhi Bất quần** “ thay vì hợp tác với nhau theo tinh thần Hiến pháp mà lo việc chung, đảng này khi đảng này làm gì, thì đảng kia tìm cách chống đối và tìm cách mỹ dân để kiếm phiếu cho đảng, điều này trái với Tinh thần Hiến pháp: **Bác ái /Công bằng lương nhất** !.

d.- Trên **trường Quốc tế** thì “ **Dân túy là Gốc** “, còn “ **Thị trường chung là Ngọn** “, mà không ngược lại, chứ không **như CS** thì phá Gia đình và Quốc gia cho là chật hẹp mà xây Quốc tế bao la không tưởng, trước đây **các tư bản Hoa kỳ** cũng đã đem vốn vào Trung Hoa để xây nên “ **công xưởng thế giới** “ bên Trung Hoa mà kiếm lợi nhiều, đó cũng là cách **ôm Ngọn bỏ Gốc**, làm suy yếu **nội lực Quốc gia**. Mọi liên hệ giữa “**Quốc gia**” và “**Quốc tế** “ **phải được điều hòa hay Lương nhất**.

Dân túy (Gốc) / Thị trường chung (Ngọn) cần được lương nhất.

e.- Trong việc giao thương làm ăn với nhau thì phải dựa trên tiêu chuẩn công bằng tương đối chung: Hai bên cùng có lợi.

Trong cuộc **xây dựng Quốc gia** và **giao thương với thế giới** Tổng Thống Donald Trump đã đề ra 3 điểm:

1.- **Make America great** “ để xây dựng **Nội lực Dân tộc** (Gốc: **Nội**)

2.- **Chiến lược chống chính sách** “ **Mạnh được Yếu thua** “ của **Trung Cộng** để **bắt nạt các nước nhỏ ở Á Đông** (Gốc Ngoại)

3.- Trong việc làm ăn, **Giao thương với Trung Cộng** và các đối tác khác thì lấy việc **trao đổi Xuất / Nhập** theo tiêu chuẩn **Công bằng**.

Nếu Khi điều hành sao cho **Gốc / Ngọn** được điều hòa để **Quốc gia** trở nên **phồn vinh và ổn định** thì đó mới là **Chính Nghĩa**, vì đã **kết hợp được “ Hợp Nội Ngoại chi đạo”** .

e. **Trên cấp nhân loại** thì phải sao cho **Thù đồ / Đồng quy lương nhất** .

Đồng quy nhi Thù đồ: Nhân loại từ gốc Đông phi (Đồng quy) theo những bước đường khác nhau (Thù đồ) phân bố ra năm Châu bốn biển, nên có tiếng nói khác nhau, Văn Hoá Tôn giáo, chế độ chính trị xã hội khác nhau, tập quán khác nhau, do ở cách xa nhau ,không hiểu nhau mà gây rắc rối cho nhau qua nhiều hình thức, nhất là chiến tranh. Tổ Tiên chúng ta

cho đây là do “ **Tập tương viễn** “, do tập quán khác nhau , không hiểu nhau, gây xích mích mà dân các nước xa nhau .

Thù đồ nhi Đồng quy: Nhờ phương tiện giao thông và truyền thông nhanh chóng, **thế giới ngày nay đã trở thành cái Làng**, nhân dân các nước có cơ hội tiếp xúc với nhau, tìm hiểu nhau, thông cảm với nhau, qua **Thị trường chung**, các bên tìm ra lối sống tương đối công bằng mà sống Hoà với nhau mà tồn tại và phát triển, đây là **bước đường Đồng quy thuộc “Tính tương cận”** , dấu cho bước Thù đồ làm cho nhân loại không hiểu nhau mà xa nhau, nhưng **tất cả biết quay về bản tính con Người là Nhân Tình, Nhân Tính hay Tình Nghĩa**, đây là tiêu chuẩn sống chung, nếu Nhân loại thực sự sống với nhau theo Tình Nghĩa thì mới hoà với nhau được, đó là **vấn đề nội khởi thuộc cá nhân**, còn **vấn đề ngoại khởi thuộc Quốc tế là vấn đề Tư bản và Cộng sản**.

Nếu không tìm ra đường lối sống Hoà với nhau, thì hai bên Tư bản và Cộng sản sẽ huỷ diệt nhau bằng vũ khí sát thương hàng loạt, đó là lối hành xử mà Tổ Tiên Việt gọi là **Khôn độc Đại Đàn**.

VII.- Đây là cốt tuỷ của nan đề Quốc tế

Nền tảng của **Chế độ Tư bản** thì Chủ trương thực hiện quyền **Tư hữu và Tự do**

Nền tảng của **Chế độ cộng sản** là Chủ trương thực hiện quyền **Công hữu (và Nô lệ)**

Theo Dịch lý **Âm Dương Hoà** của Việt Nho thì: **Tư hữu / Công hữu** và **Tự do / Nô lệ** là cặp đối cực (opposite term) , muốn đạt trạng thái hòa thì phải làm sao cho:

Công hữu / Tư hữu lưỡng nhất (dual unit) < Hòa >.

Tự do / Nô lệ lưỡng nhất < Hòa >

Tự do hàng Dọc (Thiên Địa) / Tự do hàng Ngang (Tha nhân) lưỡng nhất < Hòa >

1.- Cách giải quyết vấn đề Công hữu /Tư hữu lưỡng nhất

Nan đề của Xã hội xưa nay là vấn đề **công bằng Xã hội**, công bằng xã hội có liên quan đến vấn đề **Thiên bẩm** < innate > (Tư cách và khả năng phú bẩm của từng người trong việc tạo ra Tư hữu chênh lệch nhau) và **Nhân vi** < artificial >.

Nhờ **Thiên bẩm** về tư cách và khả năng cao thấp khác nhau mà có Người làm trong một giờ có được hàng trăm hàng ngàn đồng, còn người khác chỉ có vài chục vài đồng, thậm chí có người không làm ra đồng nào, do đó mà trong xã hội có một ít “ **kẻ ăn không hết, người lần không ra** “ Vậy sự khác biệt về tài sản trong xã hội có bất công không, rõ ràng là không, có bất công là do

con người được sinh ra không công bằng về bản chất, nhưng con người không thể đòi hỏi Trời hay bất cứ ai về chuyện Thiên bảm cao thấp này, chấp nhận hay không thì tùy ý.

Về Nhân vi . Nhờ Thiên phú mà một số ít người làm ăn giỏi trở nên giàu có lớn (Đại phú do Thiên) ,trong đó có một số người giàu có đó lại dùng thế lực đồng tiền của mình để áp bức bóc lột người khác, khiến cuộc sống họ nghèo khó, đây mới chính là nguồn bất công xã hội, nhưng làm sao mà tách biệt ra phần bất công do Thiên bảm và Nhân vi. Ở Hoa kỳ có nhiều tỷ phú, tiêu biểu như Bill Gate, Elon Musk, Steve Job. .và còn có nhiều người vô gia cư (Homeless) sống ngoài đường phố văn minh. (tuy được chính phủ trợ cấp nhưng người vô gia cư không thích sống khuôn khổ như mọi người, mà họ chỉ thích sống tự do theo ý thích riêng ở ngoài đường!)

Trong một xã hội có **một số ít người giàu có lớn** và **vô số người nghèo khó** , thậm chí có nhiều người vô cùng cơ cực khổ đau, do đó mà nảy sinh ra **nạn Hồng thủy CS**, nạn này là một đáp ứng gây thê thảm khốn cùng cho nhân loại, đã gây ra không biết bao nhiêu đổ vỡ về mọi mặt, nhất là tiêu diệt hàng trăm triệu nhân mạng, tuy trước đó đã có giải pháp giải quyết nan đề công bằng xã hội này.

Ngày xưa ở **phương Đông, trong chế độ Nông nghiệp**, Tỏ Tiên Việt đã thiết lập **Chế độ Bình sản** bằng cách lấy **Công điền Công thổ** cấp phát cho **người nghèo khó, cô nhi quả phụ**, những người tật nguyền, mỗi nhân khẩu được cấp phát một sào ruộng để họ tự canh tác lấy hoa lợi mà sống, còn **người tật nguyền** thì cho Rong canh, tức cho người khác canh tác lấy hoa màu mà sống, tuy rất ít ỏi nhưng không ai phải đi ăn xin hay chết đói, nên không ai dùng miếng ăn để áp bức bóc lột họ như kiểu tem phiếu của CSVN trước đây .

Còn trong **chế độ Công nghiệp Tây phương** thì đánh thuế Lũy tiến lập ra **quỹ An sinh xã hội**, giúp cho những người tàn tật, những gia đình có lợi tức thấp để **chợ họ sống hàng ngày** và còn **huấn nghề giúp chợ họ có một nghề để sống tự lập**.

Còn Ông Tỏ Marx vô cùng nhân hậu, vì không nhận ra yếu tố Thiên bảm, đổ mọi bất công cho yếu tố Nhân vi nên ông đề ra giải pháp Cách mạng vô sản, kích động số đông thành phần nghèo Công Nông dễ bị lừa, đem lòng Hận thù cào bằng Thượng tầng kiến trúc và Hạ tầng Cở sở xã hội để lập Thiên đường trần gian , với lời hứa nơi đó mọi người ai ai cũng có đủ nhu cầu sống và làm việc theo khả năng (**Các tận sở năng, các thụ sở nhu**). Khôn thay, khi CM vô sản đã giáng cấp con Người, phá tan gia đình, cào bằng xã hội để cướp chính Quyền và Tài sản Quốc gia, thì đảng CS nào cũng càng làm cho sự Bất công tràn ngập, khi đó người ta mới nhận ra rằng, ngoài những Nhân danh tốt đẹp những lời kích động sất máu, thế giới mới nhận ra thực chất thì đảng CS nào cũng là đảng Cướp bằng con đường Khủng bố tàn bạo.

Qua đó , người ta mới nhận ra **không thể có công bằng xã hội tuyệt đối**, để ai ai cũng giống nhau như hệt, giống như **Cỏ cụ Hồ hay hoa cú Lợn**, (danh từ của Cụ Phan Khôi) tất cả đều đồng nhất, trong thế giới chỉ có một loại hoa cú Lợn, cỏ cụ Hồ, chỉ rắc một loại hoa cùng một màu, cái gì cũng đồng nhất như “ **Mâu thuẫn Thống nhất !!**

Hai mẫu giải quyết công bằng Xã hội theo Đông và Tây phương trên là giải pháp theo Dịch lý.

Dịch lý là luật biến hoá trong Vũ trụ: Chỗ nào Nước cũng chảy từ trên cao xuống thấp, Không khí cũng từ áp suất cao tràn xuống nơi áp suất thấp, dòng Điện cũng truyền từ điện thế cao xuống điện thế thấp, nhờ sự cách biệt đó mới có sự biến hoá trong Vũ trụ., một khi mọi sự cách biệt được san bằng thì hết biến hoá, khi đó quả đất của chúng ta sẽ hết sinh linh cũng như hết biến hoá mà Quả Đất biến thành một bãi sa mạc khô cằn bất động.

Do đó mà cách thiết lập Công bằng xã hội chỉ theo cách **lấy Nhiều bù Ít, lấy Cao bù Thấp, lấy Mạnh giúp Yếu một cách tương đối**, nhưng rất cần có sự cách biệt cần thiết giúp cho sự biến hoá trong Vũ trụ vẫn được duy trì ở trạng thái quân bình động, sao cho mọi hiện tượng đều được ổn định, chứ không thể cào bằng như CS. Ở trong thế giới hiện tượng hữu hạn, **việc gì cũng một Vừa hai Phải** là được, xin đừng cực đoan, mê say lý tưởng tuyệt đối xa vời mà sát phạt nhau!

Nên nhớ trong thế giới hiện tượng này mọi sự đều tương đối, chỉ có sự biến hoá mới là bất biến, nên mới tuyệt đối, còn trong cách hành xử hàng ngày, xin **đừng đem tư tưởng cực đoan của mình mà lấn áp nhau, đừng mặc nhiên coi mình là hoàn thiện, còn người khác thì không**, để tìm cách tiêu diệt nhau cho mục tiêu Hơn Thua, kết quả hai bên cùng bị tổn thương, hoặc kìm nhau trong cảnh bế tắc không lối thoát, rõ là “ **Khôn quá hoá Đại** “ !

2.- Vấn đề Tự do

Theo **Việt Nho** thì có **hai thứ Tự do** : Tự do **hàng Dọc** và Tự do **hàng Ngang**

Tự do hàng Dọc với **Thiên Địa** là nguồn Tự do vô biên, có vô biên thì mới đi vào nguồn Tâm linh vô cùng được mà tu Thân, **Tự do hàng Ngang** với **Tha nhân** thì hữu hạn, giúp mọi người cư xử Công bằng mà Hoà với nhau.

Muốn đi vào nguồn Tâm linh thì trong Xã hội phải có **Tự do Văn Hoá** và **Tự do Tôn giáo** để giúp mọi người có Cơ hội và phương tiện tiếp cận với nguồn Tâm linh để giúp phát triển toàn diện con Người hầu có Tư cách và Khả năng.

Tư cách giúp con người biết cách làm việc theo Lương tâm và biết xử hoà mà sống yên vui với nhau, còn **Khả năng** giúp con Người biết cách ăn nên làm ra, ai ai cũng có thể sống Tự do bằng cách sống Tự lập, chẳng cần mưu mẹo cướp bóc nhau.

Còn **Tự do hàng Ngang** trong Xã hội thì con người có quyền Tự do lựa chọn là quyền thiêng liêng nhất, nhưng ai ai cũng cần Tự do, nên quyền Tự do giữa mọi người bị hạn chế. Muốn xây dựng xã hội được ổn định và tiến bộ thì phải có hai Tiêu chuẩn về **Tự do tập thể**.

Một là **Thiểu số phục tùng Đa số**, nhờ vậy mà công việc chung mới được tiến hành. Hai là **Đa số phục tùng Thiểu số**. Thiểu số là thành phần có Lòng rộng Trí sâu, thông thạo về việc kinh bang tế thế, nên trong việc điều hành đất nước toàn dân phải phục tùng thiểu số, nhờ vậy mà Đất nước được tiến bộ, giúp cho Dân sinh Dân trí ngày càng được nâng cao.

3.- Vấn đề Tự do / Nô lệ

Tự do và Nô lệ là cặp đối Cực theo Dịch lý cần được lưỡng nhất.

Trong **chế độ Dân chủ** thì cần phải **tôn trọng Nhân quyền** để bảo đảm Tự do cho mọi người, con Người có được Tự do thì việc làm mới có hiệu năng, nhất là có sáng kiến để tiến bộ, khi có sáng kiến thì càng giúp con Người làm việc có nguồn vui và làm cho công việc ngày một tăng tiến hơn. Khi công việc được tăng tiến hơn thì đem lại **nguồn Tư hữu nhiều hơn. Tư hữu là mồ hôi nước mắt của mình thì không ai có quyền gì để tước đoạt!** Nhưng khi sống trong Xã hội, mỗi người dân phải thực hiện **nghĩa vụ Dân quyền**, đó là **nghĩa vụ đóng thuế** để xây dựng công ích Quốc gia và **nghĩa vụ quân sự** để bảo vệ Quốc gia .

Còn trong Chế độ Nô lệ hay Độc tài, công nhân không có quyền Tự do, lại không được hưởng trọn vẹn công lao mồ hôi nước mắt của mình tức là quyền Tư hữu, nên việc làm thiếu hiệu năng và không có sáng kiến. Công hữu đã cướp mất động cơ làm việc của công nhân, nên trong chế độ CS người dân cứ bị đối đãi dài, **chính là họ đối Tự do.**

4.- Chế độ Bình sản

Chế độ Chính trị của Tổ tiên Việt thì gồm cả Dân chủ / Độc tài, cũng như Tư bản / Cộng sản, vì các cặp đối cực Dân chủ / Độc tài, Tư bản / Cộng sản đã được lưỡng nhất trong chế độ Nhân trị. Chế độ Nhân trị gồm Lễ trị và Pháp trị’.

a.- Lễ trị có nghĩa là cai trị dân bằng đường lối “ **cung Kỹ kính Tha: Trọng Minh và trọng Người** “ tức là **tôn trọng Nhân quyền**, nên chế độ phải giúp mọi người có cơ hội phương tiện **trau dồi Văn Hoá cũng như Tôn giáo** để mọi người được phát triển toàn diện, nghĩa là **mọi người phải tu Thân hầu trau dồi Tư cách và Khả năng**, như vậy là Dân tộc cần phải có **nền Văn Hóa Nhân bản** cùng với **công trình Khoa học tiên bộ**. Đây là **hàng rào cản bên Trong** giúp mọi cá nhân biết **tôn trọng Nhân quyền** mà sống hoà nhau, đoàn kết với nhau mà lo việc chung.

Lễ trị là hàng rào cản bên Trong là do sự đóng góp của toàn dân.

b.- Pháp Trị là **nền Pháp luật công minh** ngăn cản những người không tự chế được mà phạm pháp làm rối loạn trật tự xã hội.

Pháp Trị là hàng rào cản bên Ngoài do chính quyền điều hành.

Khi điều hành làm sao cho **hàng rào cản bên Trong và bên Ngoài được lưỡng nhất** thì chắc chắn là mọi Người được hòa vui, gia đình ấm êm và đất nước được thịnh trị,

Thiên nghi **mỗi chúng ta** nên hành xử với nhau theo tiêu chuẩn **Dịch lý Âm Dương Hòa**, của Tổ Tiên Việt, chúng ta phải vượt lên trên **nguyên lý Nhị nguyên** (non contradiction, Tiers exclu : **Duy lý: Độc tài**) : **Tốt / Xấu, Phải / Trái, Được / Thua, Mạnh / Yếu . . .** mỗi người phải vượt lên trên chính Minh, vượt lên trên **Đối cực Xấu / Tốt** ., đừng căn cứ vào Xấu / Tốt mà xâu xé

nhau, hỷ xả cái Ý nghĩ Hôn / Thua đó mà tìm cách hành xử HÒA với nhau theo **Nhất nguyên lưỡng cực** “ Âm Dương hoà “, tức là **Tinh thần chung của Dân tộc: Nhân / Nghĩa . Bao Dung (Hùng / Dũng: Bao dung)**, Không riêng cho Phe phái nào để lấy có Phải / Trái nhằm Hôn / Thua mà xâu xé nhau **mới tháo gỡ được bế tắc**, hầu giúp cho nhà êm nước ấm để mọi người được sống yên vui với nhau, tranh dành Hôn Thua với nhau chỉ đem đến cái cảnh “ **Khôn Độc Đại Đàn** “ rớt cuộc cả hai cùng đại, **kẻ Đại nhất là cả Dân tộc điêu linh!**

Xin đừng lầm vì chính Mình không hành xử nổi theo Nhân Nghĩa, mà lại khinh bỉ Nhân Nghĩa mà xa lánh Văn Hóa Dân tộc!

Do đó mà “ Ở đời có Đại mới nên Khôn “!,chứ đừng nên : “ Khôn quá hóa Đại “

Nạn đề hiện nay là **nạn Duy Lý đang phổ biến khắp nơi**, vì con người quá mê mải khoa học, tưởng rằng Khoa học là vạn năng, có thể giải quyết được mọi vấn đề, mà quên lãng đời sống **Tâm linh . Khoa học mà thiếu đời sống Tâm linh thì đánh mất Lương tâm, Khoa học mà thiếu Lương tâm thì chỉ làm hủy hoại Tâm hồn** (Science sans conscience, c'est que ruine de l'âme “ ,”

Khoa học rất là cần cho cuộc sống Vật chất , nhưng là con dao hai lưỡi, **người có Lương tâm thì dùng Khoa học để phục nhân loại, còn nhà Khoa học thiếu Lương tâm thì dùng Khoa học để răn đe địch thủ, thậm chí còn đưa tới cảnh tiêu diệt nhân loại để tranh dành Hôn Thua với nhau.** Nhân loại đang còn ở trong tư thế đấu kiếm dang co nhau, hai bên đều muốn hòa, nhưng bên nào cũng thủ thế, không bên nào có can đảm hạ kiếm trước, và không ai có khả năng tước kiếm hai bên, hai bên cứ thủ thế với nhau, **khí sống thì cứ kìm hãm nhau, và có chết thì chết cả đôi, đó là trí khôn của nhân loại!**

Vô số bom nguyên tử và hoả tiễn đang treo bằng sợi chỉ mảnh trên đầu nhân loại và đang nằm chờ phút giây cảm tức mất kiểm soát để được kích hoạt và phóng đi, để Khoa học làm trọn chức năng được tôn làm vạn năng của mình ! Hai quả bom nguyên tử được thả ở hai thành phố ở Nhật vào tháng 8 năm 1945 tới nay còn chưa hết kinh hoàng!

Xem ra nhân loại đang gậm nhấm bài học: “ **Tham Địa bỏ Mâm** “ và “**Khôn Độc Đại Đàn** “ mà Tổ Tiên Việt đã cảnh báo con cháu từ khuya!

VIII.- Thảm họa của nhân loại do Lối sống nghịch Thiên lý hay Dịch lý

Chúng ta có thể kể đến một số biến cố đau thương trong Lịch sử Nhân loại:

1.- Về Tôn giáo

1.- Trong **Cựu Ước**, vào thời Ông Abraham và Ông Lot có **hai thành Sodom và Gomorah** bị thiêu rụi bởi mưa lửa và Lưu huỳnh, vì nạn con người hủ bại, ăn chơi trác táng.

2.- **Nạn Hồng thủy** cuốn trôi thế giới tội lỗi, Ông Noê phải đã đóng tàu di chuyển những cặp người và vật còn tinh tuyền để lập nên một **thế giới mới tốt lành hơn**. Nhưng sau đó thế giới vẫn còn không khá hơn.

3.- **Chúa Cha lại sai Chúa Con Giê-su từ Trời mới xuống Đất mới** để đem lý Công chính **hầu lập lại Hòa bình thế giới**, nhưng Ngài đã bị **thành phần giả hình đóng đinh trên cây Thánh giá**, chúng ta không rõ God plan như thế nào, nhưng tới nay tình hình thế giới vẫn ngày càng rối ren!

2.- Về Xã hội thì Nhân loại đã trải qua hai cuộc thế chiến I và II và nạn Cộng sản.

a.- Thế chiến thứ nhất (1914 – 1918) giữa Đức và Pháp

Quân của Pháp tử trận: 27,000.00

Quân Đức có 19, 218 trong đó có 7,500.00 chết và mất tích, 11, 678.00 bị thương

b.- Thế chiến thứ hai giữa :

Đồng minh gồm Mỹ, Anh và Liên Xô

Phe Trục: Đức và Chư hầu cùng Ý và Nhật.

Thống kê năm 1965 của Liên Hợp Quốc cho biết chỉ riêng số người thiệt mạng do chiến tranh ở châu Âu đã lên đến 49.257.000 người. Những nước chịu thiệt hại lớn nhất gồm:

Liên Xô: 21.000.000 người (theo tài liệu nghiên cứu của Krivosheev năm 2005, con số này có thể lên tới 26.600.000 người, bao gồm 8,7 triệu quân nhân và hơn 18 triệu thường dân^[138])

Đức: 9.700.000 người (theo tài liệu nghiên cứu năm 2000 của tiến sĩ Rüdiger Overmans, con số này bao gồm 5.300.000 quân nhân, 3.170.000 thường dân và 1.400.000 người Đức ở các quốc gia khác)

Ba Lan: 6.028.000 người (theo tài liệu của Viện IPN - Ba Lan năm 2000, con số này là 5.600.000 đến 5.800.000 người, trong đó có khoảng 3.000.000 người Do Thái)

Nam Tư: 1.600.000 người

Pháp: 620.000 người

Italia: 890.000 người ^[139]

Tiệp Khắc: 364.000 người

Hoa Kỳ: 325.000 người

Anh: 320.000 người.

Tại châu Á - Thái Bình Dương

Hoa Kỳ: khoảng 300.000 người

Nhật Bản: khoảng 2.200.000 người

Trung Quốc: ước tính 15-20.000.000 người^[140]

Hai miền Triều Tiên: khoảng 1.000.000 người

Ấn Độ: 2.587.000 người, chưa kể 5 triệu người chết do [Nạn đói Bengal năm 1943](#)

Việt Nam: gần 2.000.000 người (chủ yếu do Nạn đói năm Ất Dậu, năm 1944-1945)

Indonesia: khoảng 3.000.000 đến 4.000.000 người.

c.- Nạn Hồng thủy Cộng sản

Các quốc gia theo chế độ cộng sản năm 1979–83, giai đoạn mà số lượng quốc gia cộng sản đạt mức cao nhất, tuy sau này đã bị suy thoái.

Các quốc gia theo **chế độ cộng sản** trong lịch sử là những quốc gia được định nghĩa đi theo đường lối **xã hội chủ nghĩa** theo các quan điểm chính trị của **Karl Marx** và **Lenin** (chủ nghĩa Marx-Lenin), **Stalin** (chủ nghĩa Stalin) hay **Mao Trạch Đông** (chủ nghĩa Mao).

Những vụ giết người có chủ đích mà không phải do **chiến tranh** dưới chế độ cộng sản đã được ghi nhận lại.^{[8][9]} **Nhiều thuật ngữ đã được sử dụng để mô tả những vụ giết người trên**, cụ thể bao gồm:

Diệt chủng (*Genocide*)

Thanh trừng chính trị (*Politicide*)

Giết người thăm sát (*Democide*)

Tội ác chống lại nhân loại (*Crime against humanity*)

Thanh trừng giai cấp (*Classicide*)

Khủng bố (*Terror*)

Giết người hàng loạt (*Mass killings*)

Communist Holocaust hay **Red Holocaust** — nôm na có nghĩa là “*Thảm họa Cộng sản*”, lấy cảm hứng từ **Holocaust** — vụ tàn sát người Do Thái trên lãnh thổ **Phát xít Đức**.

(Từ internet)

KẾT LUẬN

Từ đầu chí cuối chúng tôi bàn đến con Người của hai nền Văn Hóa Nông nghiệp và Du mục.

Chúng ta biết rằng mọi sự tốt xấu trên đời đều do con người làm ra, mọi cuộc cướp bóc và Chiến tranh gây xáo trộn xã hội và khổ đau cho con Người cũng đều do con Người Duy Lý cực đoan làm ra, nên vấn đề trước tiên là nan đề về con Người: Con người vong Nhân, vong Thân, vong Gia, vong Quốc, vong Nô, để thấy rõ nguyên nhân, chúng ta hãy xét về nguồn gốc Văn hóa (nếp sống) của con Người:

Những người sống bằng nghề nông khi nào cũng bám sát với Thời tiết và sống hòa với Thiên nhiên, được sống gần thiên nhiên, lại ăn nhiều rau quả, trong cuộc sống tuy mệt nhọc nhưng không phải mưu toan nhiều, lý trí còn thuần cần, nên **con người trở nên khoan hòa nhu thuận**, cuộc sống của họ đượm Tình cảm, khi có tình cảm với Thiên nhiên và con Người thì không nỡ làm điều gì có hại cho đối nhân, đối vật mà sống hòa với nhau, do đó mà **nền Văn Hóa Nông nghiệp mang bản chất Hòa bình**.

Còn những người Du mục sống bằng nghề chăn nuôi đàn súc vật (khác với mục súc của nông nghiệp) hàng ngày họ ngồi trên lưng ngựa chăn súc vật, họ chuyên ăn thịt, cơ thể rất cường tráng, họ chuyên giết súc vật, nhiều khi rất tàn nhẫn, khi giết súc vật còn cắm que vào đít con vật làm cho nó chết lần mới khoai, dần dần quen thói cường bạo, họ di cư luôn luôn, họ ở trong lều, họ phải luôn chiếm đồng cỏ từ Tây qua Đông để chăn súc vật, **nên rất thiện chiến**, Hiên Viên Hoàng đế (lãnh tụ Du mục là thủy Tổ của Tàu). đã đánh chiếm và tiêu diệt các chủng Việt mà lập nên nước Trung Hoa sau họ Hồng Bàng 182 năm.

Quân Du mục Mông Cổ đã cày nát thế giới từ Đông qua Tây, đoàn quân kỹ mã của họ tràn tới đâu là cày nát tan hoang tới đó, khi đoàn ngựa của họ lướt qua là cỏ không thể mọc, gà không dám gáy, chó không dám sủa, **Cộng sản và quân khủng bố ngày nay là hậu duệ của quân Du mục**.

Họ đã chiếm và cai trị Trung Hoa nhiều lần qua nhiều đời, quân Mông cổ lập nên nhà Nguyên là một, trong 60 năm, họ đã qua đánh chiếm Việt Nam đến 3 lần nhưng nhà Trần đã đánh cho thảm bại.

Tiếng Pháp có câu: **Partout the delicat est toujours vaincu par le Grossier** : Hầu hết trên thế giới đâu đâu những người khoan nhu (nông nghiệp) đều bị đánh bại bởi người Du mục thô bạo, đây là lý do cho chúng ta biết Lịch sử của nhân loại là Lịch sử của **Cá lớn nuốt Cá bé**, của **Mạnh được Yếu thua** hay **Đĩ Cường lẳng Nhược**, mọi cuộc chiến đều do phe Du mục gây ra.

Ngày nay CS cũng như quân khủng bố đều là thành phần mang giòng máu của truyền thống Văn hóa Du mục.

Khi chúng ta nhắc tới Trung Hoa ở đây, để chỉ các nhà cầm quyền Trung Hoa mà thôi, còn 70% dân Trung hoa thuộc đại chủng Việt là anh em của chúng ta.

Truyền thống Du mục của Trung Hoa bắt đầu từ **Thủy Tổ Hiên Viên Hoàng đế, tiếp đến Tàn Thủy Hoàng, Hán Vũ đế, Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình, Ôn Gia Bảo, Giang Trạch dân, Tập Cận Bình . .** họ lập nên **Chế độ Phong kiến chuyên chế** thâm ác, nay còn hợp lưu với **CS quốc tế rất tinh vi và tàn bạo, nên vô cùng hung hiểm,** các nhà cầm quyền Tàu luôn tìm cách xâm chiếm nước ta, họ đã cai trị Dân tộc chúng ta hơn 1000 năm, họ còn đem quân đánh chiếm 13 lần, nhưng đều thảm bại, nay lại dùng chiến tranh vi trùng để khuynh loát thế giới mà bành trướng, nhất là cho dễ bề nuốt chửng con mồi Việt Nam, nên nhớ **vì bị Tham, Sân, Si mê hoặc. nên CSVN tình nguyện làm Chư hầu cho giặc truyền kiếp,** họ còng Rắn vào cũi Gà nhà, gần 70 năm VC giúp Tàu cộng xâm nhập vào mọi lãnh vực của Việt Nam, nay Tàu đã bao vây bốn mặt, may nhờ nhờ Tổng thống Trump đã đánh cho Tàu cộng mấy chương điều đứng, làm chậm lại bước bành trướng, nay CSVN đang bị Tàu cộng đe dọa nặng nề nhưng lại được Hoa kỳ mời gọi kết thân, đây là cơ hội ngàn vàng cho CSVN, nếu muốn trở về với Chính Nghĩa Dân tộc, thì liệu còn có Khả năng và kịp thời nữa không ?

Châu Âu tuy là quê hương của **Chế độ Nô lệ, đế quốc Thực dân và Cộng sản,** nhưng nhờ bị bách hại và với tinh hoa của Kitô giáo mà các Tổ phụ Hoa kỳ đã thiết lập được nền Dân chủ theo Dịch lý Đông phương, xây dựng được một Quốc gia Dân chủ có nền tảng vững chắc và tân tiến nhất ngày nay!

Còn lại vấn đề quan trọng là **cuộc chiến giữa những người CSVN và những người Quốc gia.** Qua phần trình bày trên, chúng ta nhận ra cả hai phe đều là **nạn nhân của cuộc chiến giữa hai nền Văn Hoá Nông nghiệp (Dân chủ) và Du mục (Độc tài) cũng như hai khối Tư bản và Cộng sản, chúng ta đã ăn phải của độc Văn Hoá ngoại lai, mà bỏ viên Ngọc HÒA quý giá (Long Toại) của Dân tộc .**

Thực tế hiện nay là những người Quốc gia chưa thể tiêu diệt được hết người CSVN, mà những người thuộc phe CSVN cũng không thể diệt hết được người Quốc gia.

Thực tế là chưa bên nào hoàn hảo hết, nên không thể dành phần thắng hoàn toàn về phe mình, **nếu hai bên không vượt lên chính mình, vượt lên Phải / Trái của hai bên, cùng nhau quay về Chính nghĩa Quốc gia mà sống Hòa với nhau thì chỉ đưa Quốc gia Dân tộc tiến dần tới cảnh Nô lệ mà tiêu vong, không cách nào hơn là tìm cách Hoà giải với nhau theo Tinh thần: Nhân / Nghĩa Bao dung (Hùng / Dũng: Bao dung) của Dân tộc mà sống chung với nhau, cứ bám vào lý tưởng cực đoan, dành Hòn Thua với nhau, thì thiết tưởng không gì u mê bằng, hai bên phải canh tân nếp sống của mình trước, bỏ cái nã trạng Duy lý Hận thù, trau dồi nếp sống có Tình có Nghĩa vươn lên mà tìm lối thoát chung cho cả Dân tộc, xin hai bên bỏ cái lối Khôn độc đại Đàn, Tham Dĩa bỏ Mâm, đừng cam tâm làm con Tốt Quốc tế đưa cả Dân tộc vào kiếp Trầm luân ! Nếu hai bên cứ dành Hòn / Thua Phải / Trái ngụy biện với nhau, cứ yên tâm làm đầy tớ cho ý tưởng Duy Lý ngoại lai, bỏ cuộc sống Nhân Nghĩa Bao dung của Tổ Tiên thì chỉ làm như dòng máu Tiên Rồng của Tổ Tiên, mà chờ ngày xuống hố cả lũ !**

Xin nhớ chúng ta là giòng dõi của Tiên Rồng, hãy nhớ kỹ Tiên Rồng không là chuyện Hoang đường ,quê mùa lạc hậu, mà là **Tinh thần Hoà cao cả của Dân tộc** :

Là cháu Tiên thì phải biết lấy **Tinh Nhân ái bao la** từ Quốc Mẫu Âu Cơ để làm tiêu chuẩn Đoàn kết chung .

Là Con Rồng thì cũng biết lấy **Lý Công chính rạch ròi** từ Quốc Phụ Lạc Long để hành xử Hoà với nhau.

Rõ ràng Đồng bào Việt Nam nào mà bỏ Tiêu chuẩn Sống chung : “ Nhân / Nghĩa, Bao dung” thì mới Lạc Hồn Dân tộc . Vì Lạc Hồn Dân tộc nên có một số Đồng hương Việt Nam (thay vì Đồng bào) mới đối xử với nhau như kẻ Thù.

Xin hỏi mấy người CSVN, mấy vị theo lý tưởng CS , sao mà tài sản không cộng cho toàn dân, mà chỉ có mấy Ủy Viên Trung ương thu tóm hết Quyền và Tài sản của Dân tộc.

Bấy lâu đảng trưởng CS đang bày trò chống Tham nhũng, đây là **trò hề con nít**, đảng viên CSVN đâu có thèm tham nhũng, mà chỉ ngang nhiên ăn cướp ban ngày đảng hoàng trước thanh thiên bạch nhật của Thế giới bằng khủng bố, trước đây CSVN đã cướp hết tài sản Quốc gia, nay phe đảng này chỉ đang cướp lại của phe kia đã phổng tay trên mà thôi!

CSVN yêu nước một cách **cuồng nhiệt**, yêu bằng cách đè cổ nhân dân ra, nhét bo bo vào họng cho được hạnh phúc, nhưng khôn thay dạ dày của dân không tiêu hóa nổi!

Và nay CSVN không còn thể bám vào mớ dẻ rách: **Duy vật Biện chứng, Duy vật Sử quan và Kinh tế chính trị học nữa, với cái XHCN xuống Hồ cả nước, vì:**

Duy vật Biện chứng có gốc từ Góc “ **Mâu thuẫn thống nhất**”. Mâu thuẫn thống nhất là Cực này nuốt chửng Cực kia bằng gian manh và bạo lực để độc chiếm, độc trị mà Cướp : Cướp Chinh quyền để **cướp** Tài sản Quốc gia, cốt tuỷ của Mâu thuẫn thống nhất là **Duy lý cực đoan**, Duy Lý cực đoan đã đưa tới Chiến tranh thứ nhất , thứ hai và nạn hồng thủy CS, tất cả đã đem đến không biết bao nhiêu tai hoạ và khổ đau cho nhân loại.

Duy vật Sử quan là loại sử “ của “ **Chó đuổi sau “ vạch đường cho “ Chồn chạy trước!**” , Marx đã bắt sử Nhân loại chạy theo Đường vạch sẵn: CS nguyên thủy tới Tư sản, Tư bản, rồi CS, tới đây, thì CS tồn tại vĩnh viễn.

Không may, chưa đầy thế kỷ mà CS đã biến dạng thành Độc tài chuyên chính! Nga đang chuyển mình theo Chính thống giáo (?), Còn Trung cộng đang đốt Chó Rơm V.C., **Xã hội chủ nghĩa** mà V.C. đang bám đã đem cả nước xuống hố và đưa Dân tộc vào con đường **Kiệt (impass)**.

Kinh tế Chính trị học gì mà **Làm kinh tế** thì tước quyền **Tự do** và quyền **Tư hữu** của người dân, tước Khả năng và sáng tạo của con người, nên dân cứ đói dài dài, may có mấy nước Tư bản đem vốn và kỹ thuật vào giúp cứu sống lần hồi.

Làm Chính trị thì trước Nhân quyền, lạm dụng Dân quyền, giết hại thành phần tinh hoa yêu nước, giúp Tàu cộng tiêu diệt Dân tộc Việt Nam !

Đẻ rách còn có thể đem chùi dày được, còn chủ nghĩa Mác Lê thì nên dùng làm gì đây hỏi mấy “Đỉnh cao trí tuệ”?

Gần đây, có vị Luật sư gốc Nghệ An ở Houston, Texas, kêu gọi mọi người “ Move on “ mà Hoà giải Dân tộc . Ông thừa nhận Cờ đỏ búa liềm sao vàng là cờ VN , ông quên đi CS đã dùng Búa để đập đầu, dùng Liềm để cứa cổ nhân dân, ông đã mãi miết đi đêm với những người CS gốc đã hết thời (Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng) , để kết nghĩa đoàn viên, chắc là ông vẫn quyết mê theo đường lối XHCN, Ông không đề ra những ai hòa giải với phe CS nào, hòa giải theo tiêu chuẩn nào và theo tiến trình ra sao, ai đã giao cho ông làm việc quốc gia đó, chắc là một mình ông độc diễn thôi, ông quên đi rằng việc ông chủ trương Move on là CS đã và đang cố làm trước ông! Có phải ông đang đóng vai trò độc diễn nhằm giải hòa với CS theo mẫu mực Hơn / Thua như VC! Xin đừng nằm mơ, VC còn khôn ranh hơn Ông nhiều ! Trong cuộc đàm đạo với CS, thấy hai bên nói chuyện Tình Nghĩa ăn ý với nhau lắm, nhưng xem ra ông chỉ là chú Cừ non trước hàm Sói già!

Thiên nghi muốn cứu nước thì phải cứu những con Người Bất Nhân, Bất Nghĩa trong toàn dân trước, vì mọi Bất công trong Gia đình và ngoài Xã hội đều do họ làm ra, họ gây rối loạn Xã hội, nếu hai bên không cùng nhau làm cuộc Cách mạng canh tân đời sống, hầu đem lại Nguồn Động lực cho công trình xây dựng các Cơ chế xã hội công bằng, thì rốt cuộc mọi sự cũng chỉ là những chuyện ruồi bu làm nát thêm xã hội đã nát báy như Tương!

Cứ lý, cứ sự là Không có con Người thực sự Nhân ái thì không thể làm việc Công chính được !

Làm việc nước mà không có Chính lược Hoà Dân tộc để đoàn kết toàn dân , không có Chiến lược, Chiến thuật để xây dựng các Cơ chế xã hội cho tương đối công bằng thì trước sau gì cũng tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên nền Tà trị như Đỉnh cao trí tuệ!

Không biết tới khi nào thì Đồng bào chúng ta mới Tỉnh giấc Công miên mà Hú Hồn Thiêng Sông Núi về với Dân Tộc mà vươn lên vực dậy?

TÓM LẠI

THAY VÌ SỐNG THEO TINH THẦN DỊCH LÝ LƯƠNG CỰC NHẤT NGUYÊN “ ÂM DƯƠNG HÒA” CỦA ĐÔNG PHƯƠNG ĐỂ HÒA THUẬN VỚI NHAU THEO TIÊU CHUẨN “ NHÂN / NGHĨA BAO DUNG ” HAI CHIỀU, THÌ NHÂN LOẠI LẠI CHỌN LỐI SỐNG DUY LÝ “ NHỊ NGUYÊN MỘT CHIỀU “ THEO TRIẾT LÝ TÂY PHƯƠNG ĐỂ DÀNH HƠN THUA VỚI NHAU, NÊN MỚI GÂY RA ĐẠI NẠN BẤT HÒA!

MUỐN SỐNG THEO TINH THẦN HÒA THÌ PHẢI HÙNG DŨNG, HÙNG LÀ SỨC MẠNH VẬT CHẤT, DŨNG LÀ SỨC MẠNH TINH THẦN, NÊN KHÓ, CÒN VIỆC VÁC BÚA LIỀM ĐI ĐÁU TRANH ĐỂ DÀNH HƠN THUA THÌ DỄ HƠN NHIỀU, VÌ CHỈ CẦN CÓ HÙNG LÀ ĐỦ!

CẦU XIN HỒN THIÊN SÔNG NÚI SOI SÁNG VÀ ĐỘ TRÌ CHO DÂN TỘC CHÚNG TA CHỐNG THOÁT NẠN “ DĨ CƯỜNG LÃNG NHƯỢC!

Trân trọng,

Việt Nhân

Mùa đại Dịch Covid 19 (06 / 2020)

THAM KHẢO ĐAN ĐIỀN

CENTER OF GRAVITY AND THE THIRD EYE

HUYỆT VÀ HUỆ NHÃN

ĐAN ĐIỀN

Đan điền là gì?

Đan điền là thuật ngữ trong [y học](#), [võ thuật](#), [dưỡng sinh](#) dùng để chỉ một vài trung tâm khí lực hay là các [huyệt đạo](#) trên [cơ thể người](#).

Thượng đan điền: Trùng với huyệt [Án đường](#) (giữa 2 chân mày) còn gọi là “**Đan Điền thần**”. Nghiên cứu về Đan Điền được dùng ban đầu trong [Đạo giáo](#). Tuy nhiên vì có nhiều môn phái, sách vở khác nhau nên thuật ngữ “đan điền” có thể được dùng không nhất quán bởi các môn phái khác nhau. Trong cơ thể người có ba bộ vị được gọi là đan điền:

Trung đan điền: Trùng với huyệt [Đản trung](#) (chính giữa đường nối 2 đầu ti, cắt ngang đường dọc theo xương ức) còn gọi là “**Đan Điền khí**”.

Hạ đan điền: Còn gọi là “**Đan Điền tinh**”, vị trí bắt đầu ngang với huyệt [Khí hải](#) (nằm trong khoảng trên đường chính trung, dưới [rốn](#) 1,5 thốn – khoảng 3 cm) và huyệt Mệnh môn (tại cột sống, ngang với thắt lưng). Khi Đan Điền được chủ động kích hoạt, bộ vị của nó hoàn toàn nằm ở giữa và phía trên bụng dưới. Có môn phái thì nói nó nằm trên huyệt [Thần khuyết](#) (rốn).

Đan điền, [từ Hán Việt](#) có nghĩa là “ruộng trồng đan dược” (???), là nơi khí lực dễ tập trung hay có thể tập trung khí lực nhiều nhất, mạnh nhất. Vì vậy tùy theo môn phái và tùy theo mục đích sử dụng mà có các dị biệt về [huyệt đạo](#).

(Wikipedia)

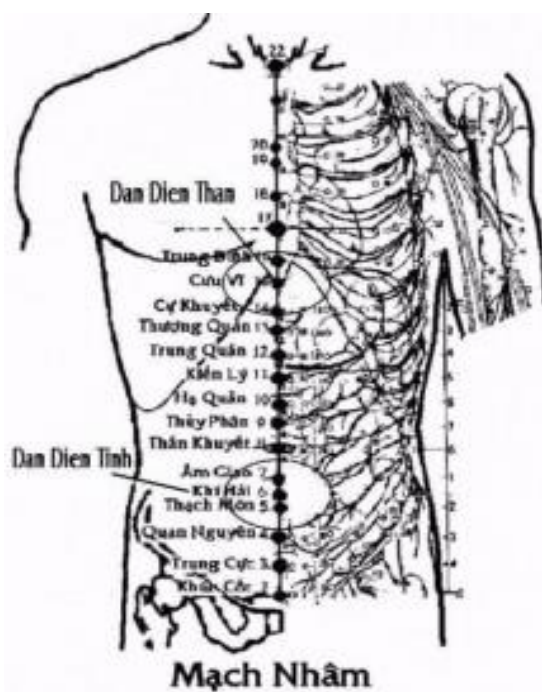
Vị trí, công dụng, cách tập thở các loại Đan Điền

Cách thứ nhất : Quân bình âm dương (hay cách thở 2 Đan Điền)

a-Điều thân :

Bàn tay dương đặt trên Đan Điền Thần dưới mỏm xương ức, bàn tay âm đặt dưới rốn 5cm nơi huyết Khí Hải, Đan Điền Tinh.

Tay dương của Nam là tay trái, nữ là tay phải. Tay âm của nam là tay phải, nữ là tay trái. Đan Điền Thần là điện dương nối với tay dương. Đan Điền Tinh là điện âm nối với tay âm, đó là cách nối mạch truyền khí và tích lũy khí vào tạng phủ để điều hòa âm dương theo nguyên tắc bảo toàn năng lượng .



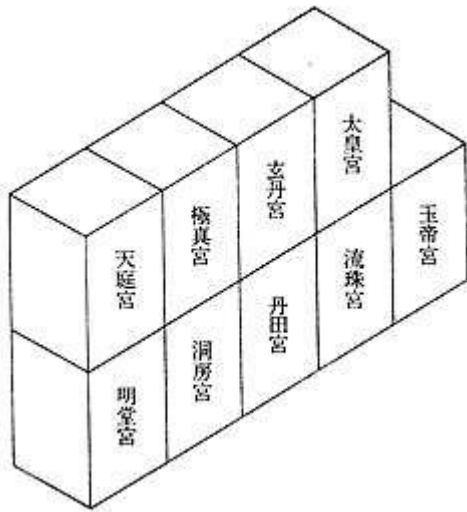
The Three Fields

1.- **The lower Cinnabar Field** (**Hạ Đan điền**) is the *dantian* proper and is the seat of essence (*jing*). Different sources place it at 1.3, 2, 2.4, 3, or 3.6 inches (*cun*) below or behind the navel, and consider it to be the same as, or closely related to, other loci in the same region of the body: the Gate of the Existence (*mingmen*), the Origin of the Barrier (*guanyuan*), and the Ocean of Breath (*qihai*). In the first stage of the Neidan process (“refining essence into breath”), circulating the essence along these two channels generates the Internal Elixir.

[**Dantian**, dan t’ian, **dan tien** or tan t’ien is loosely translated as “elixir field”, “sea of qi”, or simply “energy center”. **Dantian** are the Qi Focus Flow Centers, important focal points for meditative and exercise techniques such as qigong, martial arts such as t’ai chi ch’uan, and in traditional Chinese medicine.

Elixir: a substance, usually a liquid, with a magical power to cure, improve, or preserve something:

It's yet another health product claiming to be the elixir of life/youth (= something to make you live longer/stay young).]



The nine palaces

Ngũ Kỳ 4 <i>Lịch số</i>	Ngũ Phúc Lục Cực 9 <i>Thượng và Hạ</i>	Ngũ sự 2 <i>Điện năng mỗi giờ</i>
Bát chính 3 <i>Tổ chức quốc gia</i>	Hoàng cực 5 <i>Trang năm và trụ</i>	Kê nghi 7 <i>Chiếm nghiệm</i>
Thử trưng 8 <i>Thời tiết</i>	Ngũ hành 1 <i>Điện năng ngoài giờ</i>	Tam đức 6 <i>Xử thế, nếp vật</i>

Cửu trù Hồng phạm

*The nine palaces of the upper Cinnabar Field
(the leftmost palace in the lower row
is located between the eyebrows)*

[Hình này có liên hệ gì đến Cửu trù Hồng phạm, Đan Điền cung (丹田宮 ở giữa 5 cung bên dưới) phải chăng là Hoàng Cực ?]

2.- The middle Cinnabar Field (Trung Đan điền) is at the center of the chest according to some authors, or between the heart and the navel according to others. **It is the seat of breath** (or “energy”, *qi*) and is also called **Yellow Court** (*huangting*), **Crimson Palace** (*jiangong*), or **Mysterious Female** (*xuanpin*, an emblem of the conjunction of **Yin and Yang**). Its central position in the body also inspired the names Central Palace (*zhonggong*) and “One Opening at] the Center of the Person” (*shenzhong yiqiao*). In the second stage of the Neidan process (“refining breath into spirit”), the Internal Elixir is moved from the lower to the middle *dantian* and is nourished there.

3.- The upper Field (Thượng Đan điền) is located in the region of the brain and is **the seat of spirit** (*shen*). Also known as Muddy Pellet (*niwan*) or Palace of Qian (*qiangong*, with reference to the ☰ **trigram** representing Pure Yang), it is divided into nine palaces or chambers arranged in two rows. *Niwan* denotes both the upper *dantian* as a whole and the innermost palace

or chamber (the third one in the lower row). Moving the Internal Elixir to the upper Field marks the third and last stage of the Neidan process (“refining spirit and reverting to Emptiness”).

Cinnabar Fields and Meditation

Cinnabar Fields and Meditation

[There are three Cinnabar Fields, but] the lower Cinnabar Field is the Cinnabar Field in the strict sense. Different views exist concerning its position. The medical texts usually say that it is located 1.3 inches below the navel. According to the alchemical texts, instead, it is found 1.3 inches behind the navel.



Wang Mu, Foundations of Internal Alchemy

The Neidan tradition has inherited and developed several notions that have evolved in various contexts since Han times. The term *dantian* first occurs in two sources related to **the transformation of Laozi into a divine Being**, both dating from 165 CE: the *Inscription for Laozi* (*Laozi ming*) mentions the term in connection to the Purple Chamber (*zifang*, the gallbladder), and the *Stele to Wangzi Qiao* (*Wangzi Qiao bei*) relates it to meditation practices. One of the two main sources on early Taoist meditation, the third-century *Scripture of the Yellow Court* (*Huangting jing*), frequently refers to the three *dantian* as the Three Fields (*santian*) and the Three Chambers (*sanfang*), and also mentions the Yellow Court and the Muddy Pellet. The other main early Taoist meditation text, the *Central Scripture of Laozi* (*Laozi zhongjing*), gives the first detailed description of the lower Field, saying that it contains the whole cosmos and is the residence of the material carriers of essence (*jing*), i.e., semen for men and menstrual blood for women. The same passage shows that the appellation “cinnabar” originally derives from the red color of the innermost part of the *dantian*, with no direct relation to the mineral cinnabar or to the elixir. [\[See a translation of this passage.\]](#)

In several early descriptions, the three *dantian* also appear as residences of **inner gods** visualized by adepts in meditation practices — in particular, the One (Taiyi), who moves through the three Fields within the human body. The best-known occurrence of the term *dantian* in this context is found in the *Baopu zi*. [\[See a translation of this passage.\]](#) The **Shangqing** sources developed these meditation practices. The practice of embryonic breathing (*taixi*), also known as “breathing of the Cinnabar Field” (*dantian huxi*), further contributed to shape the Neidan view of the *dantian*.

Huyệt Đan Điền ở đâu và công dụng như thế nào?

Hai tay để vào Đan Điền Thần để hoàn toàn tăng dương tăng Sinh Hóa, chữa bệnh âm, ăn không tiêu, tiêu chảy, thiếu máu, áp huyết thấp, người lạnh, sốt rét....Tay trái nam để dưới xương ức, nơi Đan Điền Thần, tay phải chông lên trên, nữ đặt tay ngược lại.

a.-Điều thân

b-Điều ý

Cuốn lưỡi, ngậm miệng, nhắm mắt, thở bằng mũi bình thường. Nằm nghe, theo dõi bụng phồng lên và xẹp xuống tự nhiên theo hơi thở ra-vào, gọi là Quán Túc (theo dõi hơi thở)

c-Điều tức

Để ý mỗi lần thở vào, tưởng tượng khí từ ngoài vũ trụ vào từ đỉnh đầu (Thiên Môn) chạy đến tụ ở Đan Điền Thần, và khi hơi thở ra, tưởng tượng đưa khí từ Đan Điền Thần xuống tụ lại ở Đan Điền Tinh. Cứ mỗi hơi thở vào-ra như thế, trong đầu đếm nhân là 1 lần, rồi 2 lần....cho đến 10 lần, rồi trở lại đếm từ 1 đến 10 lần, gọi là 20, từ 1 đến 10 nữa gọi là 30, gọi là Sổ Túc (đếm hơi thở)....càng theo dõi hơi thở vào-ra càng lâu, càng nhiều đến mấy trăm lần càng tốt....

d.- Lợi ích

Có nhiều công dụng. Nếu thở thiên như vậy mà bị hôn trầm rơi vào giấc ngủ sâu, không theo dõi là đã đếm được bao nhiêu lần, thì đó là cách chữa bệnh mất ngủ hiệu quả nhất, vì bệnh mất ngủ do suy nghĩ lung tung, nay cột tâm lại không cho tâm viên ý mã, chỉ đếm hơi thở mà ngủ được, do đó tây phương chữa bệnh mất ngủ bằng cách đếm cừ 1 con, 2 con, 3 con.... lên đến ngàn con là ngủ được, nhưng đó chỉ là Sổ (đếm) chứ không phải thiên Sổ Túc (đếm hơi thở).

Ngược lại, nếu không bị hôn trầm, còn tỉnh táo, có thể đếm được đến mấy ngàn lần, gọi là thiên tinh thức, tần số sóng não xuống thật thấp (3 Hertz) hơn là tần số ngủ (5 Hertz), như vậy cơ thể vẫn được ngủ, nhưng trí nhớ được tăng cường, minh mẫn, phát triển tế bào não, tăng cường hệ miễn nhiễm giúp cơ thể khỏe mạnh không bệnh tật, trẻ hóa tế bào, làm chậm sự lão hóa, phát triển tâm linh, tăng thêm hồng cầu, tăng oxy trong máu, bụng nóng ấm, mềm, tiêu hóa nhanh, hấp thụ và chuyển hóa nhanh, loại bỏ độc tố nhanh tống ra ngoài cơ thể.

Giai đoạn này là đang tập ở giai đoạn Lửa Cung Ly đốt vàng cung khám.

Cách thứ hai : Tập thở Đan Điền Thần :

a-Điều thân

Hai tay để vào Đan Điền Thần để hoàn toàn tăng dương tăng Sinh Hóa, chữa bệnh âm, ăn không tiêu, tiêu chảy, thiếu máu, áp huyết thấp, người lạnh, sốt rét....Tay trái nam để dưới xương ức, nơi Đan Điền Thần, tay phải chông lên trên, nữ đặt tay ngược lại.

b-Điều ý

Cuốn lưỡi, ngậm miệng, nhắm mắt, thở bằng mũi bình thường. Nằm nghe, theo dõi bụng phồng lên và xẹp xuống tự nhiên theo hơi thở ra-vào, gọi là Quán Túc (theo dõi hơi thở)

c- Điều tức

Sổ Tức, tưởng tượng khi hơi thở vào, khí từ ngoài vũ trụ vào từ Thiên Môn (đỉnh đầu) đến tụ lại ở Đan Điền Thần, mình cảm thấy dưới bàn tay nóng ấm. Khi hơi thở ra, tưởng tượng khí nóng ấm ở bàn tay tỏa ra hâm nóng Đan Điền Thần. Cứ mỗi lần hơi thở vào-ra hâm nóng Đan Điền Thần như vậy, mình đếm 1, rồi lần thứ hai đếm 2.... đến 10, là hết vòng thứ nhất, thì quay trở lại đếm vòng thứ hai 1,2,3,4,5,6,7,8,9,20, vòng thứ ba 1,2,3,4,5,6,7,8,9,30, vòng thứ tư 1,2,3,4,5,6,7,8,9,40...

Nếu để nhiệt kế dưới bàn tay, chúng ta nhận thấy trước khi tập, nhiệt kế chỉ 30 độ, sau khi tập 30 phút, nhiệt kế chỉ trên 37 độ là tập đúng. Người ngoài theo dõi nhiệt độ càng lúc càng tăng là người tập vẫn còn tỉnh thức, nếu nhiệt độ đứng lại không tăng là người tập đã đi vào hôn trầm (ngủ say) hay nhiệt độ tụt xuống dần là người tập đã tâm viên ý mã, suy nghĩ theo tư tưởng đi chỗ khác, mà ý không còn ở Đan Điền Thần nữa.

d-Lợi ích

Nếu thở thiền ở Đan Điền Thần bị hôn trầm đi vào giấc ngủ sâu là đã chữa được bệnh mất ngủ do áp huyết thấp, người lạnh, thiếu máu não, cơ thể suy nhược, suy tim, tâm thần suy nhược, ăn không tiêu, hay bị tiêu chảy, đau nhức. Nếu còn tỉnh thức, cơ thể vẫn được ở trong trạng thái ngủ, chỉ có bộ não đang làm việc chỉnh sửa hệ thống thần kinh giác quan hoàn hảo hơn như mắt nhìn rõ, tai nghe thính, mũi thính, vị giác phân biệt rõ ràng, ăn uống ngon hơn, và tâm linh được phát triển đến trình độ cao hơn.

Tập càng nhiều ở giai đoạn này sẽ đạt đến trình độ : Vân thông khí công soi cốt tiết.

Cách thứ ba : Tập thở Đan Điền Tinh

a-Điều thân

Hai tay để vào Đan điền Tinh để tăng âm, tăng Chuyển Hóa, chữa bệnh dương, táo bón, người nóng, khát uống nước nhiều, áp huyết cao, sốt nóng...

Nam đặt bàn tay phải dưới rốn 5cm nơi huyết Khí Hải Đan Điền Tinh, tay trái đặt chông lên trên. Nữ đặt tay ngược lại.

b-Điều ý

Quán Tức theo dõi bụng phồng lên và xẹp xuống tự nhiên theo hơi thở ra-vào.

Tưởng tượng khi hơi thở vào từ đỉnh đầu Thiên Môn (cửa thông ra ngoài trời) vào thẳng đến Đan Điền Tinh tụ lại ở đó, khi hơi thở ra, tưởng tượng khí ở bàn tay lăn tỏa vào bụng dưới làm ấm Đan Điền Tinh. Khi đã có được cảm giác mỗi lần hơi thở ra làm ấm Đan Điền Tinh, bắt đầu Sổ Tức đếm hơi thở, mỗi vòng đếm từ 1 đến 10, vòng thứ hai đếm từ 1 đến 20, rồi 1 đến 30... đến hàng trăm lần, ngàn lần.

c-Lợi ích

Khi tỉnh thức tập thở là đang ở thời kỳ Sinh Hóa trong chu kỳ chuyển hóa, khi đi vào giấc ngủ sâu, tất cả biến thành chuyển hóa, chuyển chất bổ để biến thành máu chuyển thành tinh khí, sinh tinh hóa tủy mạnh thận, nuôi xương cốt.

Tập một thời gian liên tục thì lại chuyển tinh hóa khí giai đoạn hai diệt dục để hoàn tinh bổ não biến khí hóa thần, tập bài này suốt đời không có hại để chuyển thần hoàn hư có nghĩa là thay đổi tế bào não, cải lão hoàn đồng, tăng cường trí nhớ trí thông minh.

Cách thứ tư : Tập Thở Mệnh Môn.

(sau lưng, điểm giữa cột sống ngang lưng quần, đối xứng với rốn, hay tạm gọi là rốn sau)

a-Điều thân

Cuốn lưỡi, ngậm miệng, nhắm mắt, thở bằng mũi tự nhiên. Có ba cách điều thân, tùy theo mục đích :

Chuyển hỏa khí sang Mệnh Môn, hai tay đặt tại Đan Điền Thần.

Chuyển thủy khí sang Mệnh Môn, hai tay đặt tại Đan Điền Tinh.

Chuyển tinh hóa khí, tay dương tại Đan Điền Thần và khí hóa thần, tay âm đặt tại Đan Điền Tinh.

b-Điều ý

Cũng có 3 cách điều ý theo mục đích :

Chuyển hỏa khí sang Mệnh Môn : Tưởng tượng hơi thở vào từ Thiên Môn tụ ở Đan Điền Thần, hơi thở ra, chuyển hỏa khí từ Đan Điền Thần vào Mệnh Môn.

Chuyển thủy khí sang Mệnh Môn : Tưởng tượng hơi thở vào từ Thiên Môn tụ ở Đan Điền Tinh, hơi thở ra, chuyển thủy khí vào Mệnh Môn.

Chuyển tinh hóa khí, tưởng tượng hơi thở vào từ Thiên Môn tụ ở Đan Điền Thần, để chuyển hóa tinh chất của thức ăn biến thành hỏa khí, ngưng thở 1 giây dùng ý chuyển dẫn hỏa khí tụ ở Đan Điền Tinh, để chuyển hóa hỏa khí thành tinh khí một lần nữa. Hơi thở ra, chuyển tinh khí từ Đan Điền Tinh vào Mệnh Môn để khí hóa thần.

Mỗi lần xong một hơi thở, áp dụng Sổ Tức từ 1 đến 10 nhiều lần lên đến ngàn lần.

c.- Lợi ích

Khi Sổ Tức bị hôn trần sẽ rơi vào giấc ngủ ngon.

Khi Sổ Tức còn tỉnh thức, cách thứ nhất làm tăng Mệnh môn hỏa, làm tăng thận dương, chữa được bệnh thận dương hư, chữa bệnh tiểu đêm, tiểu nhiều, mất trí nhớ, áp huyết thấp, người lạnh, sốt rét, chữa bệnh thận khỏi phải lọc thận.

Cách thứ hai làm tăng thủy cho Mệnh Môn làm mạnh thận âm, nuôi dưỡng thận, tăng thận thủy, chữa áp huyết cao, tinh khí thiếu, yếu xương cốt, sinh tinh tủy, hoàn tinh bổ não, chữa thận nhiệt đi tiểu nóng rát, tiểu rất.

Cách thứ ba, chuyển tinh hóa khí, khí hóa thần, nuôi bộ não phát triển, thay tế bào não, làm chậm lão hóa, tăng cường trí nhớ trí thông minh, phát triển tâm linh. Đây là giai đoạn luyện Tinh bên khí đủ dưỡng nguyên thần.

Tại sao gọi là Đan Điền Thần ?

Vị trí của Đan điền thần được định nghĩa là một lỗ rỗng gọi là **Hư Vô Huyết Lý**, ngang dọc 1 thốn 2 phân sờ và nhìn không thấy, nhưng là nơi chuyển hoá Âm Dương, cách tim 3 thốn 6, cách thận 3 thốn 6, đo khoảng cách từ tim (Hỏa) xuống Thận (thủy) là 8 thốn 4 .**Tiểu vũ trụ của con người** liên quan đồng nhất thể với đại Vũ trụ của trời đất nên khoảng cách từ mặt trời (hỏa) xuống mặt nước biển (thủy) là tám mươi bốn muôn ngàn dặm (84 x 10000 (muôn)x1000x dặm 1,609km) đúng như khoa học đã xác định .

Điện khí Hỏa của Trời là Dương, điện khí Thủy của trái Đất là Âm, giữa lưng Trời là điểm chuyển hóa Âm Dương khi đụng nhau tạo ra sét và tiếng nổ ở đó. Ở đó là nơi nào không xác định được chính xác nên ở trong thân người được gọi là Hư Vô Huyết Lý .

Nếu muốn thường xuyên âm dương được chuyển hóa để giúp con người khỏe mạnh sống lâu con người mới tìm cách luyện đơn như Thái Thượng Lão Quân, lập một cái lò bát quái ở Đan điền Thần này gọi là lập Lư Đảnh .Chất liệu để luyện đơn là hai chất độc không bao giờ có thể hòa hợp được với nhau đó là chất dương thủy ngân (hống) và chất âm chì (diên) nung nấu trong lò ở một nhiệt độ thích hợp (gọi là luyện công phu để hống diên giao đầu) độ lửa của lò bát quái lúc đó vừa nóng bên trong vừa nóng bên ngoài gây ra một tiếng nổ cả hai thứ tan thành chất bột đồ tươi gọi là thần sa thường dùng để bao áo các viên thuốc tâu chữa bệnh tim, thần kinh, an thần , thần sa uống nhiều thì ngộ độc tâu hòa nhập ma, loại chế biến ít độc có thể uống được là chu sa, trong các triều đại Tàu dùng Chu sa bón cho con Thạch sùng ăn rồi lấy máu của Thạch sùng bôi vào cổ tay người con gái để xác nhận còn là xử nữ hay không rồi mới tiến cung, nên có điển tích của câu thơ Lấy bột chu sa bón thạch sùng.Ngày nay các nhà hàng tàu có món phở áp chảo là để lửa phùng cháy lên trên vào chảo rồi lấy ra, ăn có mùi thơm ngon đặc biệt hơn là chỉ xào bằng lửa dưới, giống như kiểu luyện tiên đơn lửa bên ngoài đủ nóng đến độ làm phùng lửa cháy bên trong lò bát quái mới thành thuốc tiên.

Khi chúng ta chọn chỗ đặt tay vào Đan Điền là chúng ta đang ở thời kỳ Lập Lư Đảnh .Khi thờ nghe bụng nóng là nóng trong, nghe bàn tay nóng chảy mồ hôi là lửa ngoài nóng, cái nóng được tăng cường theo chu kỳ khép kín để bảo toàn năng lượng, đến độ nóng nào thích hợp thì tâm hoá và thận thủy chuyển hóa gây ra một tiếng nổ đỉnh tai như sét đánh, khiến mình bàng hoàng ngơ ngác, tưởng bom ở đầu nổ, chỉ có trong đầu mình nghe được mà người ngoài không nghe được lúc đó thành tiên rồi, khó mà đạt được, nhưng để chuyển tinh hoá khí, khí hóa thần giúp sống lâu khỏe mạnh không bệnh tật thì dễ hơn mọi người đều tập được.

Các tiên gia gọi vị trí đan điền thần là Cung Huỳnh Đình, Đình là sân, Huỳnh là vàng, tức là sân rồng nơi các bá quan văn võ cùng vua họp bàn chánh sự, các nơi báo cáo tình hình trong nước và là đầu não chỉ huy điều hành việc nước. Cho nên ý tập trung tại Đan Điền Thần, ý là vua, các quan là những thần kinh chức năng cơ quan tạng phủ tụ tập ở đây để điều hòa các chức năng của cơ thể. Ngược lại nếu thiên theo các môn phái khác, ý tập trung tại bộ đầu, thì theo lý thuyết của khí công ý ở đâu khí ở đó, khí huyết sẽ dồn hết lên bộ đầu sinh tử hỏa nhập ma, bộ đầu gọi là Nê Hoàn Cung như phòng ngủ của vua. Nếu quốc gia nào mà ông vua cứ ở phòng ngủ nơi hậu cung vui chơi với tam cung lục viện thì sẽ mất nước, cho nên muốn nước giàu dân mạnh vua lúc nào cũng phải ra ngoài Huỳnh Đình Cung kiểm soát công việc làm của các bá quan văn võ (âm dương, huyết khí) của các bộ (tạng phủ) thì cơ thể luôn luôn khỏe mạnh không bệnh tật.

Mọi người nên tập bài tĩnh công đến suốt đời cũng không có biến chứng tử hỏa nhập ma, vì càng tập là càng luyện đơn để tiến hóa, luyện đơn chắc chắn thể xác khỏe mạnh không bệnh tật, nhưng về tinh thần, trí não được phát triển, kết quả đầu tiên cảm nhận được là : Vân thông khí công soi cốt tiết. Tinh bèn khí đủ dưỡng nguyên thần. Tiếp tục tập sẽ có trạng thái : Xuất thần lên cảnh thần tiên. Học thêm tâm pháp bí truyền cao siêu. Tập đến khi thần hoàn hư : Đến bực này thì chứng kim tiên. Không không không hậu không tiền,. Không lo không nghĩ không phiền lòng ai . Đến lúc đó tôi sẽ từ giả quý vị biệt tích giang hồ.

Nói như vậy để quý vị biết tôi chưa đạt được cảnh giới này, nên mới còn duyên để gặp gỡ quý vị

doducngoc

o O o

Kính gửi Đại Phu Đỗ Đức Ngọc

Tôi rất cảm ơn ngài gửi cho Đồ Hình các kinh huyết.

Tôi là người tu thiên, muốn biết đích xác huyết Đan Điền, chỉ biết đại khái dưới rốn 2 phân (2 đốt ngón tay), và thắc mắc rằng, sâu hơn huyết Đan Điền nữa là huyết gì, trên Đan Điền là huyết Âm giao có phải cũng là Đan Điền không thưa Đại phu ? Tôi quen biết một võ sư cho biết đó là huyết Khí Hải, xin đại phu xác định, chỉ giáo dùm cho chính xác vị trí.

Chúc Đại phu mọi điều như ý và càng thêm công đức, phổ độ chúng sinh.

Kính thư,

Tặng

Trả lời

Khí Hải còn gọi là **Đan Điền Tinh**, dưới huyết Khí Hải có huyết **Quan Nguyên**, nhà đạo gọi là Chơn Khí Huyết, **Âm Giao** không phải là Đan Điền. Khí công thiên có 3 đan điền, **Đan Điền Khí** từ xương ức lên đỉnh đầu, khi thở thiên chú ý hơi thở ở Thiên Môn (chỗ lõm trên đỉnh đầu do thiên mà có, không hoàn toàn đúng vào huyết Bách Hội) hay chú ý vào Ấn Đường, hai nơi này gọi là Đan Điền Khí. **Đan Điền Thần** là nơi Âm Dương gặp nhau để biến hóa, gọi là **Hư Vô Huyết Lý**, sờ và nhìn không thấy, rộng vuông vức 1 thốn 2, cách tim 3 thốn 6, cách thận 3 thốn 6 . Tổng cộng Tâm hỏa cách thận thủy 8 thốn 4, tương đương với khoảng cách từ mặt trời xuống biển là 84 muôn ngàn dặm (84x10000x1000x1,609km) điểm giữa trời với đất giao tiếp điện âm

dương tạo ra tiếng sấm sét ở thiên nhiên, thì Hư Vô Huyệt Lý cũng tạo ra chấn động âm dương, nên gọi là Đan Điền Thần, khi thở tập trung ý tại đan điền thần dưới xương ức gần huyệt Cưu Vĩ, nó nằm sâu bên trong, vô hình, Thái Thượng Lão Quân gọi cách thở này là Lập Lưu Đảnh để nấu thuốc luyện tiên đơn (lửa cung ly đốt vàng cung khảm), cung ly là tâm hỏa, cung khảm là thận thủy, khí công gọi là cách thở thai tức (bào thai trong bụng mẹ không cần thở bằng mũi để lấy oxy bên ngoài, chỉ cần theo dõi nhịp mạch đập ở Đan Điền Thần, thấy nó vẫn đập, mặc dù mình không thở mà vẫn sống), cuốn lưỡi nối vòng Nhâm Đốc để khí đi xuống 12 đốt cổ họng thì 12 đốt này nhà đạo gọi là Thập Nhị Trùng Lâu, nhưng luyện đến khi chuyển tinh hoá khí, chuyển khí hoá thần, thì khí đi lên sau lưng vòng phía sau 12 đốt cổ lên đầu vào Cung Nê Hoàn thì 12 đốt này có tên gọi khác là Thập Nhị Trùng Thiên.....

Thân

Doducngoc

Vô cùng cảm ơn Đại Phu đã giảng giải rất chi tiết về Đan Điền Tinh, Khí, Thần, khiến tiểu nhân được mở rộng tầm kiến thức.

Nhưng lại thêm các danh từ như Thốn, Cung Nê Hoàn, khiến tiểu nhân thêm mờ mịt. Xin cho biết 1 thốn tương đương với bao nhiêu cm hay inches, trong hệ thống đo lường hiện đại. Và vị trí cung Nê Hoàn ở đâu ?

Ngoài ra, cách thận 3 thốn 6 lại cách thận thủy 8 thốn 4, là sao?

Khác biệt thế nào giữa 2 Thận và Thận thủy ?

Xin cảm tạ,

Tặng

Trả lời

1-Thốn là đơn vị đo lường chiều dài của 1 đốt ngón tay của mỗi người mập ốm khác nhau theo tỷ lệ với thân hình của người ấy, nhưng theo 1 quy luật chung như khoảng cách giữa 2 núm vú là 8 thốn, khoảng cách lần chỉ nhượng tay đến lần chỉ cổ tay dài 12 thốn, thí dụ nói huyệt Nội Quan cách lần chỉ cổ tay 2 thốn, thì huyệt này trên tay một đứa nhỏ chỉ dài có 3cm, nhưng trên cổ tay người lớn 7cm... do đó đơn vị đo huyệt gọi là đồng thân thốn, lấy đốt tay người nào đo lên thân người ấy, chứ không đo trên người khác được. Thời nay giải quyết dễ dàng hơn, xem thốn là 1 đoạn, vậy huyệt Nội Quan là 2/12 (trên tổng số 12 đoạn của chiều dài cánh tay ngoài)... Từ rốn xuống xương mu dài 5 thốn, huyệt Khí Hải tính từ rốn xuống là 1 thốn rưỡi, tức là 1.5/5.

2-Nê Hoàn Cung ví như phòng ngủ của vua, nằm trong đầu nhưng vô hình không có vị trí nhất định, không phải ai cũng có, chỉ có những vị tu tiên đạt mức thượng trí (kiến thức ngoài thế gian không có). Còn Đan Điền Thần, nhà đạo gọi là Huỳnh Đình Cung (sân rồng) nơi văn võ bá quan cùng vua họp bàn việc nước, điều khiển lục bộ như ngoại giao, giáo dục, công chánh, kinh tế, nội vụ, y tế... Vì thế khi thở ý tập trung ở đây (ý là vua) theo dõi, kiểm soát, điều chỉnh sự hoạt động của lục phủ ngũ tạng lúc nào cũng được tốt thì cơ thể luôn luôn khỏe mạnh. Nếu vua (ý) ở Nê Hoàn Cung mê say với cung tần mỹ nữ thì quốc gia sẽ loạn, ví như ý tập trung ở đầu, cơ thể sẽ bị bệnh, tẩu hỏa nhập ma, áp huyết cao, mất ngủ, điên loạn... Cho nên khí công chữa bệnh

chỉ nên tập trung ý theo dõi hơi thở ở Đan Điền Thần để chuyển hóa âm dương, giúp lục phủ ngũ tạng luôn hoạt động tốt để cơ thể khỏe mạnh không bệnh tật. Đây cũng là một phương pháp thiền để tăng cường sức khỏe, không xuất hồn lên bộ đầu sẽ làm tăng áp huyết, không tập trung nhiều ở Chơn Khí Huyết (dưới Đan Điền Tinh) sẽ thành quý dâm dục...

3-Khoảng cách từ tim xuống điểm nối 2 quả thận dài 8 thốn 4, Hư Vô Huyết Lý chiếm 1 thốn 2, ở trung tâm lưng đánh ở đoạn giữa tâm-thận

4-Thận là nói chung, nhưng chức năng chứa lọc nước gọi là thận thủy để đối đãi với tim cho sức nóng ấm cho cơ thể gọi là tâm hỏa, dùng danh từ hỏa thủy là có ý nghĩa về sự biến hóa của trời đất, mặt trời nóng giao hòa với quả đất bằng cách đưa sức nóng xuống mặt biển, lúc nhiều lúc ít để nước nóng bốc hơi thành mây, nước biển cạn gọi là thủy triều xuống, mây tụ lại thành mưa trả nước về cho biển gọi là thủy triều lên, đó gọi là sự biến hóa hỏa-thủy của thiên nhiên vũ trụ, trong con người cũng do tâm hỏa và thận thủy chuyển hóa gọi là sự khí hóa làm lục phủ ngũ tạng hoạt động điều hòa.

Thân

doducngoc

Khai mở “Huệ nhãn” của Đại sư Tây Tạng

Một khi đã có Huệ nhãn thì dù ngồi tĩnh tọa trong viện, nơi núi cao hay trong rừng sâu vẫn có thể thấy những gì xảy ra ở khoảng cách xa.

Xứ Tây Tạng, được xem là “thánh địa” của những câu chuyện kỳ bí và tâm linh mà khoa học đang tìm cách lý giải. Đã có rất nhiều nhà khoa học và dân tộc học nổi tiếng “đơn phương độc mã” trèo đèo vượt núi trong tuyết lạnh để vào xứ sở của “đỉnh trời” không ngoài mục đích là tìm hiểu những gì thuộc lãnh vực siêu linh huyền bí.

Khám phá

Nhiều nhà khoa học và dân tộc học nổi tiếng như James Frazer, R. Muller, William Halse Ricers, Ions Veronica, Mbiti John, Wentz W. E, Osborne Harold... đặc biệt là một người phụ nữ, một nữ văn sĩ tên là Alexandra David Neel đã đơn phương độc mã trèo đèo vượt núi trong tuyết lạnh để vào xứ sở của “đỉnh trời” là xứ Tây Tạng không ngoài mục đích là tìm hiểu tận nơi những gì thuộc lãnh vực siêu linh huyền bí. Nhờ đó mà thế giới Tây phương mới biết được những cuộc sống lạ lùng của các vị Lạt Ma Tây Tạng, nhất là biết về những năng lực tâm linh kỳ bí của những vị sư sống trong hang động, nơi mà “Trời” và “Đất” gần như giao hòa với nhau thành một thể.

Điểm đặc biệt đáng nhắc đến là nơi đây các vị sư đều có khả năng cao về nhận thức, họ có thể hiểu nhau qua không gian hơn là biểu lộ bằng lời nói hay hành động. Nhờ khả năng đọc được tư tưởng người khác mà nhiều vị Lạt Ma Tây Tạng biết trước được những gì mà người khác đang dự tính trong đầu.

Ngoài ra, những vị này còn có khả năng phân tích vàng màu sắc tỏa ra từ đầu bất cứ ai để từ đó biết được ý tưởng tốt hay xấu mà người đó đang dự định. Đây chính là nguồn năng lực của con mắt thứ ba đã được nhiều tài liệu nhắc tới với tên gọi là “Thần nhãn” hay “Huệ nhãn”.



Trở lại vấn đề khả năng thông hiểu ý tưởng người khác cũng như thấy rõ và phân biệt vàng màu mà các vị Lạt Ma Tây Tạng có được thì đó lại là sự kiện có vẻ bình thường đối với người dân Tây Tạng.

Lý do dễ hiểu là từ tám bé, họ đã được cha mẹ kể cho nghe chuyện cổ tích về người Tây Tạng thời cổ xưa, theo chuyện cổ này thì thời xưa ấy, người Tây Tạng ai cũng có một “nhãn lực” đặc biệt, nhãn lực này không phải từ đôi mắt thông thường của con người mà là từ một con mắt thứ ba này mà người xưa gọi là Thần nhãn hay nói theo kinh điển là Huệ nhãn.

Về sau, vì con người bị lôi kéo dần vào đường vật chất, ích kỷ, tham lam, sân hận, mê mờ nên trí óc không còn trong sạch, sáng suốt. Cuối cùng như tấm gương bị bụi mờ che kín, con mắt thứ ba trở thành u tối không còn sử dụng được nữa.

Các nhà nghiên cứu về Huệ nhãn đã bắt gặp trong giới động vật hình ảnh trung thực nhất về con mắt thứ ba một cách rõ rệt không chối cãi. Tuy nhiên câu hỏi tại sao lại có sự hiện hữu và công dụng thực tế thì lại còn lấm mờ hồ. Đặc biệt lạ lùng là ngay trong giới động vật có xương sống cấp dưới thì lại thấy hiện một cấu tạo giống như cấu tạo mắt bình thường, nghĩa là cũng có dây thần kinh, thủy tinh thể và võng mạc... Ngay cả loài cá, lưỡng thê, bò sát, chim, cả động vật có vú kể cả con người cũng đều có dấu tích con mắt thứ ba.

Khi khảo sát bộ xương của loài khủng long thời tiền sử, các nhà cổ sinh vật học cũng chú ý tới một chỗ lõm nơi phần sọ của loài bò sát khổng lồ này và đã đoán nơi đây là vị trí của một cơ quan thị giác hay nói theo suy tưởng của sự kiện đang bàn là “con mắt thứ ba”. Công dụng của con mắt này có lẽ để giúp các loài động vật thời cổ không những thấy mà còn biết thêm hay cảm nhận trước được tình trạng chung quanh như mưa, gió nhất là các vật thể nằm khuất ở vị trí phía trên đầu.



Khai mở “Huệ nhãn”

Những khám phá mới đây nhất (vào năm 1996) từ một số nhà khoa học đã cho biết là trong não người có một tuyến tụy rất nhỏ, chỉ bằng hạt đậu xanh nhưng nhiệm vụ của tuyến này rất kỳ diệu, chỉ tiết ra loại nhân hóa tố đặc biệt với một lượng rất nhỏ trong trường hợp con người đang chú tâm cầu nguyện với tất cả thành tâm, hay vào các giai đoạn con người ở tình trạng nguy biến, thập tử nhất sinh.

Cái tuyến lạ lùng đó là **tuyến Tùng quả** (Pineal gland). Khi phân hóa tố của tuyến đi vào máu thì cơ thể sẽ có những phản ứng kỳ diệu bất ngờ mà lúc bình thường không có được. Các nhà sinh vật học còn khám phá ra rằng:

Tuyến Pineal gland còn có liên quan tới bộ phận mà người Tây Tạng gọi là con Mắt thứ ba.

Chỉ những ai chịu vút bỏ lòng tham luyến sân si mê mờ, quyết tâm giữ lòng trong sạch và tu trì mới có được Huệ nhãn. Chính phần lớn các vị Đại sư Tây Tạng, những người ẩn cư nơi vùng núi cao tuyết giá hay trong các Đạo viện thâm nghiêm là có thể có năng lượng “thượng thừa” ấy mà thôi. Tuy nhiên, theo các vị Đại sư thì không phải tất cả các vị chân tu Tây Tạng đều có Thần nhãn hay Huệ nhãn như ta tưởng, vì muốn có được Thần nhãn thì ngoài hội đủ các điểm cần yếu như đã nói trên, còn phải có Thần lực đặc biệt kết hợp với các pháp môn tu luyện cao siêu mới được.



Phép tu luyện cao siêu đó có mục đích là để khai mở Huệ nhãn. Một khi đã có Huệ nhãn rồi thì dù ngồi tĩnh tọa trong viện, nơi núi cao hay trong rừng sâu vẫn có thể thấy được những gì xảy ra ở khoảng cách rất xa, hay chuyển di tư tưởng đến một nơi nào đó cho ai.

Tại Tây Tạng, nhiều Đạo viện thường có những buổi thực tập về phép chuyển di tư tưởng giữa các hàng đệ tử trong giai đoạn tu luyện các phép thần thông. Phương cách thực tập rất khoa học, lúc đầu hai người đệ tử ngồi cạnh nhau để chuyển tư tưởng cho nhau. Khi bắt được tư tưởng của nhau rồi thì khoảng cách tĩnh tạo giữa hai người này sẽ ở vị trí xa hơn.

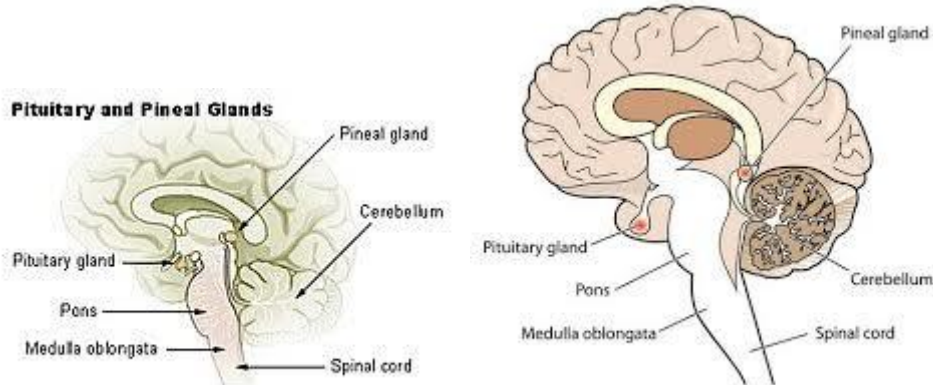
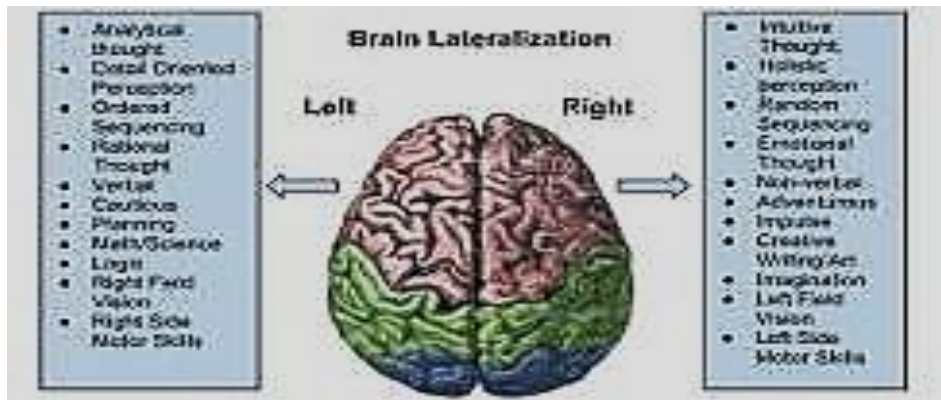
Cứ thế mà về lâu về dài họ có thể đạt tới khả năng truyền tư tưởng cho nhau qua khoảng cách rất xa: hoặc từ đạo viện này đến đạo viện khác, từ hang động này đến hang động khác. Theo bà Alexandra David Neel thì dãy Hy Mã Lạp Sơn tuyệt phủ im lìm hoang vắng nhưng lại là nơi các nguồn tư tưởng của các vị ẩn tu giảng bủa khắp nơi...

THAM KHẢO

Tuyến Tàng và tuyến Yên

The Brain

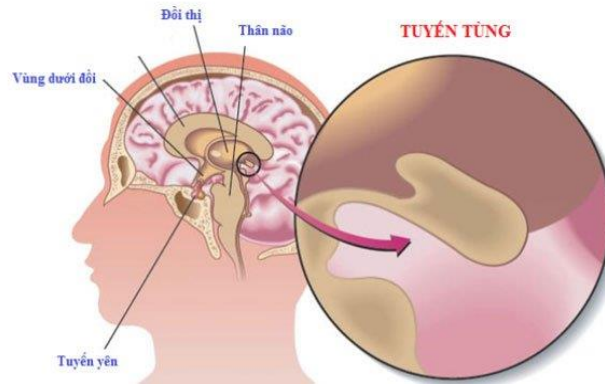
How many brains do you have - one or two? Actually, this is quite easy to answer...you have only **one brain**. However, the cerebral hemispheres are divided right down the middle into a right **hemisphere** and a **left hemisphere**. Each hemisphere appears to be specialized for some behaviors. The hemispheres communicate with each other through a thick band of 200-250 million nerve fibers called the **corpus callosum**. (A smaller band of nerve fibers called the anterior commissure also connects parts of the cerebral hemispheres.)



The pineal gland (**Tuyến Tàng**) is a small endocrine gland in the brain, situated beneath the back part of the corpus callosum, and secretes melatonin.

TUYẾN TÀNG

Cấu tạo và chức năng



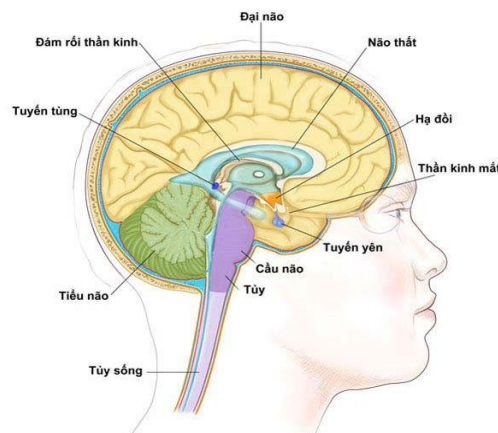
Tuyến tùng quả (pineal gland) hay còn có tên gọi khác là tuyến tùng. Tuyến tùng là bộ phận nằm ẩn nơi sâu kín của bộ óc, núp dưới cuống nối hai bán cầu não, nhỏ như hạt đậu. Vào buổi chiều xuống tuyến tùng tiết ra hormone melatonin, đưa chúng ta vào giấc ngủ.

1. Tuyến tùng là gì?

Tuyến tùng quả (pineal gland) là một tuyến nội tiết nhỏ nằm ở **hệ thần kinh**. **Tuyến tùng** là một tuyến nội tiết nhỏ nằm trong não của các loài động vật có xương sống, ở vùng biểu mô, gần trung tâm não bộ, giữa hai bán cầu và được giấu kín trong một cái rãnh, nơi mà hai mảnh của đồi thị (thalamus) gặp nhau. **Tuyến tùng** có hình dạng giống như một quả tùng nhỏ nằm gần trung tâm của não, giữa hai bán cầu chui trong rãnh chỗ gặp nhau của hai đồi não. **Tuyến tùng chứa chủ yếu là pinealocytes, là những tế bào sản xuất hormone melatonin và các tế bào thần kinh đệm-một loại tế bào não đặc biệt hỗ trợ tế bào thần kinh (các tế bào truyền thông tin đến các tế bào khác).**

2. Tuyến tùng tiết ra chất gì?

Tuyến tùng tiết ra melatonin là một loại hormone giúp điều chỉnh nhịp sinh học. **Melatonin** được sản xuất theo lượng ánh sáng mà cơ thể tiếp xúc. Tuyến tùng giải phóng một lượng melatonin lớn hơn khi trời tối khiến cơ thể có cảm giác buồn ngủ. Nhiều thực phẩm bổ sung cung cấp melatonin như một chất hỗ trợ giấc ngủ tự nhiên.



Tuyến tùng tiết ra melatonin là một loại hormone giúp điều chỉnh nhịp sinh học.

3. Chức năng của tuyến tùng

Một số chức năng của tuyến tùng bao gồm:

a.-Đồng hồ sinh học

Tuyến tùng hoạt động như một cái đồng hồ trong cơ thể con người để nhận biết mọi thay đổi lượng ánh sáng mặt trời từ ngày đến đêm hoặc giữa các mùa khác nhau qua đó điều chỉnh nhịp sinh học trong cơ thể. Khi đồng hồ báo đêm đến thì **tuyến tùng tiết ra** melatonin tạo ra cảm giác buồn ngủ.

b.- Chuyển hóa xương

Những thay đổi trong chức năng của **tuyến tùng** có thể ảnh hưởng đến chuyển hóa xương, đồng thời phụ nữ sau **mãn kinh** dễ bị **loãng xương** hơn đáng kể so với các nhóm khác. Chức năng của **tuyến tùng** có xu hướng suy giảm theo tuổi tác. Việc bổ sung melatonin theo đường uống có tác dụng tăng khối lượng xương có thể được sử dụng trong tương lai để bảo vệ chống loãng xương sau mãn kinh.



Chuyển hóa xương có sự liên quan với melatonin

c.- Sức khỏe tinh thần

Giấc ngủ và sức khỏe tinh thần có mối liên quan chặt chẽ với nhau. Một số rối loạn sức khỏe tâm thần cũng có thể làm cho bạn khó ngủ hơn. Một trạng thái tinh thần được chứng minh là có mối quan hệ chặt chẽ với ánh sáng. Trong bệnh lý rối loạn cảm xúc theo mùa là một dạng trầm cảm ảnh hưởng đến tâm trạng của một người và có xu hướng xảy ra khi mức độ ánh sáng thấp. Điều này có thể là do những thay đổi của **tuyến tùng tiết ra** melatonin. Tuy nhiên, những nghiên cứu gần đây cho thấy melatonin không có bất kỳ ảnh hưởng nào đến rối loạn tâm trạng.

d.- Chi phối chức năng tuyến yên

Tuyến yên là một tuyến ở vùng dưới đồi có chức năng điều tiết nội tiết tố, bao gồm cả sự tăng trưởng và chức năng tuyến giáp. Nghiên cứu gần đây đã cho thấy rằng **tuyến tùng** có thể ảnh hưởng thay đổi hoạt động của tuyến yên. Melatonin do **tuyến tùng tiết ra** có thể ngăn chặn

tuyến yên tiết ra các hormone đóng vai trò thiết yếu trong sự phát triển của buồng trứng và tinh hoàn và điều chỉnh các chức năng như **chu kỳ kinh nguyệt**.



Chức năng của tuyến tùng có ảnh hưởng đến chu kỳ kinh nguyệt

e.-Chuyển hóa thuốc

Một số loại thuốc bao gồm cả thuốc kích thích thần kinh và thuốc điều trị có thể làm thay đổi chức năng của **tuyến tùng** và hoạt động sản xuất melatonin của tuyến tùng.

g.-Sự lão hóa

Khi cơ thể già đi, **tuyến tùng** có xu hướng tiết ra ít melatonin hơn. Mặc dù melatonin không phải là nguyên nhân duy nhất làm xuất hiện những thay đổi liên quan đến tuổi tác, nhưng nồng độ melatonin giảm có ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình hoạt động sinh hoạt và trao đổi chất của cơ thể. Melatonin có thể là tác nhân của việc **người lớn tuổi ngủ ít hơn và có thể khó ngủ hơn**.



Chức năng của tuyến Tùng ảnh hưởng đến sự lão hóa

h.-Ý thức định hướng

Những người bị suy yếu chức năng **tuyến tùng** do tổn thương của tuyến này có ảnh hưởng tới nhận thức, định hướng không gian và thời gian của người đó.

Chủ đề: Tuyến tòng Tuyến tòng quả Gây buồn ngủ Tuyến tòng trong não Chức năng của tuyến tòng Buồn ngủ

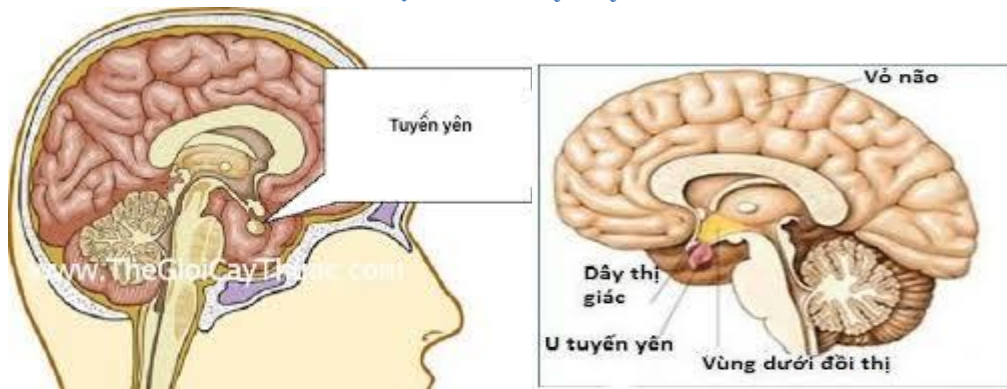
Guide To Understanding The Pituitary Gland

The pituitary gland is a structure located at the base of the brain, which dictates and manages the functions of the majority of other endocrine glands throughout the body. The pituitary gland has been coined as the master gland because of its management abilities. The pituitary gland is protected and housed by the sella turcica or bony structure that does not leave much room for any expansion. The hypothalamus, the part of the brain that sits just above the pituitary gland, is what controls its function. The hypothalamus works similar to a meter or monitor to detect abnormalities the levels of the hormones the pituitary gland produces. The hypothalamus is physically connected to the pituitary gland by a strong bundle of nerve projections and blood vessels. The hypothalamus communicates with the pituitary gland by sending hormones into connecting blood vessels, and through nerve impulses that bridge the structures together.

Learn all about the pituitary gland now.

TUYẾN YÊN (Pituitary Gland)

Vị trí của Tuyến yên



Tuyến yên hay còn gọi là **tuyến não thùy** là một tuyến nội tiết có kích thước bằng hạt đậu và khối lượng 0.5g (0.018 oz) nằm ở sàn não thất ba, trong hố yên của thân xương bướm. Đây là một tuyến quan trọng giữ vai trò chỉ đạo hoạt động của hầu hết các tuyến nội tiết khác.

Cấu tạo của Tuyến yên

Dựa vào hình thể, nguồn gốc thai và chức năng, người ta chia tuyến yên làm ba thùy: thùy trước, thùy giữa và thùy sau.

1.- Thùy trước tuyến yên (tuyến yên bạch)

Thùy trước được chia làm 3 phần: phần trước, phần trung gian, và phần xa (hay phần hậu). Thùy trước tuyến yên có tính chất là một tuyến nội tiết thật sự, nó gồm hai loại tế bào: tế bào ưa acid tiết ra hormon GH và Prolactin, tế bào ưa kiềm tiết ra ACTH, TSH, FSH, LH, Lipoprotein...

Chức năng: các hormon này tham gia vào rất nhiều hoạt động quan trọng của cơ thể như: quyết định sự tăng trưởng của cơ thể (GH), sự tăng trưởng và phát triển các tuyến sinh dục (LH, FSH). Đặc biệt các hormon tiền yên còn có tác động điều hòa hầu hết các tuyến nội tiết khác, nên người ta gọi tuyến yên là đầu đàn trong các tuyến hệ nội tiết.

2.- Thùy sau tuyến yên

Gồm các tế bào giống như các tế bào mô thần kinh đệm, các tế bào này không có khả năng bài tiết hormon. Chúng chứa các hormon do vùng dưới đồi bài tiết ra đó là Vasopressin và Oxytocin. Chức năng của Vasopressin (ADH): hay còn gọi là hormon làm tăng hấp thu nước ở ống lượn xa và ống góp. Nếu thiếu hormon này thì nước không thể tái hấp thu ở thận gây bệnh đái tháo nhạt. Oxytocin: đây là hormone làm tăng co bóp cơ tử cung. Phụ nữ có thai thường có nồng độ hormone này tăng cao trong máu. Đến giai đoạn sinh, tác dụng của oxytocin làm co bóp mạnh cơ tử cung và đẩy thai nhi ra ngoài

3.- Thùy giữa tuyến yên

Thường phát triển mạnh ở động vật cấp thấp, ở người chỉ phát triển ở trẻ nhỏ. Thùy giữa tuyến yên tiết ra MSH có tác dụng phân bố sắc tố da. Động mạch cung cấp máu cho tuyến yên là hai nhánh: động mạch tuyến yên trên và động mạch tuyến yên dưới, cả hai đều xuất phát từ động mạch cảnh trong.

Chức năng của Tuyến yên

1.- Tuyến yên tiết ra hormone gì?

Tuyến yên tiết ra nhiều loại hormon khác nhau, tác động đến các bộ phận khác nhau của cơ thể.

Thùy trước tuyến yên

Thùy trước gồm ba phần là phần trước, phần trung gian và phần xa. Về cấu tạo được hình thành từ hai loại tế bào là tế bào ưa acid và tế bào ưa kiềm.

Thùy trước có thể xem là một tuyến nội tiết thật sự, nó tiết ra nhiều loại hormone có phạm vi tác động rất rộng từ tăng trưởng, chuyển hóa đến sinh sản,... Có thể kể đến như:

Hormon Adrenocorticotrophic hormone (ACTH) có chức năng kích thích tuyến thượng thận sản xuất cortisol. Cortisol có vai trò quan trọng trong trao đổi chất, kiểm soát lượng đường, điều hòa huyết áp và là yếu tố chống viêm.

Hormone tăng trưởng (Growth hormone -GH) tác động đến nhiều tế bào khác nhau, giúp tăng chiều cao ở trẻ em, kiểm soát khối lượng cơ bắp, và lượng mỡ trong cơ thể.

Hormon Prolactin kích thích tuyến vú sản xuất sữa.

Hormon kích thích tuyến giáp TSH kích thích tuyến giáp sản xuất hormon tuyến giáp là triiodothyronine (T3) và thyroxin (T4), giúp kiểm soát nhiều chức năng của cơ thể như nhịp tim, nhiệt độ và trao đổi chất.

Hormone kích thích nang trứng (Follicle-stimulating hormone – FSH) giúp kích thích buồng trứng sinh nang trứng và tinh hoàn sinh tinh trùng.

Trong khi đó, **hormone Luteinising hormone (LH)** kích thích sự rụng trứng và kích thích các tế bào trong tinh hoàn sản xuất testosterone

2.- Thùy sau tuyến yên

Là nơi tập trung khoảng 50.000 đầu mỗi thần kinh liên lạc khắp cơ thể, thùy sau sản xuất hai hormone đó là:

Hormone Oxytocin là kích thích sự co bóp của tử cung lúc phụ nữ chuyển dạ và giúp vú tiết sữa.

Hormone chống bài niệu (ADH) tác động lên thận, giúp cơ thể hấp thu lại nước từ ống lượn xa và ống góp. Nếu thiếu hormone này sẽ gây nên bệnh đái tháo nhạt, là tình trạng nước không thể tái hấp thu tại thận.

Hormon ADH cũng gây tăng huyết áp.

3.- Tuyến yên hoạt động như thế nào?

Vùng dưới đồi và tuyến yên có mối quan hệ mật thiết, thống nhất với nhau giúp cơ thể khôi phục lại sự cân bằng, đáp ứng lại những sự thay đổi của cơ thể đối với môi trường xung quanh.

Khi các hormone trong cơ thể giảm hay tăng đến một mức nhất định, các bộ phận trong cơ thể sẽ phát các tín hiệu báo đến vùng dưới đồi. Vùng dưới đồi sẽ sử dụng các hormone riêng của mình liên lạc với tuyến yên, kích thích tuyến yên sản xuất các hormone phù hợp. Các hormone của tuyến yên phóng thích vào máu, tác động đến các cơ quan đích (như thận, tuyến giáp, cơ quan sinh sản,...) và giúp các cơ quan đích này sản xuất ra các hormone riêng của nó. Các hormone được sản xuất tại cơ quan đích này sẽ điều hòa cơ thể, giúp cơ thể lập lại sự cân bằng. Ví dụ như khi nồng độ hormone T3, T4 trong máu quá cao làm tăng nhịp tim và tốc độ chuyển hóa trong cơ

thể, tuyến giáp sẽ gửi tín hiệu về vùng dưới đồi, vùng dưới đồi điều khiển tuyến yên giảm sản xuất hormone TSH làm tuyến giáp giảm sản xuất hormone T3, T4.

4.-Những vấn đề cần lưu ý

Trong đó suy chức năng tuyến yên tương đối phổ biến. Đây là tình trạng thiếu hụt một hoặc nhiều hormone tuyến yên. Bệnh gây nên bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, có thể là do sự thiếu hụt bẩm sinh, do khối u tuyến yên, do viêm, do chấn thương, xâm nhiễm hoặc bệnh không rõ nguyên nhân. Bệnh thường khởi phát từ từ, dấu hiệu bệnh không rõ rệt, bệnh nhân có một số triệu chứng chung như: mệt mỏi, ăn kém ngon miệng, co cứng bụng, nôn ói, da xanh tái, rụng lông và tóc, nhiều vết nhăn ở da, hạ huyết áp tư thế đứng, nhịp tim chậm, mắt kính, teo tinh hoàn,... Sự suy giảm chức năng tuyến yên sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến các cơ quan chịu sự tác động của hormone tuyến yên như tuyến giáp, tuyến thượng thận, cơ quan sinh dục. Trong một số trường hợp suy tuyến yên cấp có thể đe dọa mạng sống người bệnh. Khi có những bất thường về sức khỏe và các triệu chứng cảnh báo về suy tuyến yên, bệnh nhân nên đến các cơ sở y tế uy tín để được thăm khám và điều trị.

CẬP ĐỐI CỰC: TÙNG / YÊN

Theo Việt Nhân thì Có lẽ tuyến Tùng tiết ra Melatonin giúp điều hòa giấc ngủ Ban đêm để nạp Năng lượng, còn Tuyến Yên thì tiết ra các loại hormone để dùng năng lượng mà điều hòa sinh hoạt cơ thể lúc ban ngày, nên Tùng / Yên cần phải lưỡng nhất để cho sinh hoạt ngày đêm của con Người được quân bình.

HỒNG PHẠM CỬU TRÙ. 洪範九疇

Hồng: To lớn. *Phạm:* khuôn mẫu. *Cửu:* 9. *Trù:* loài.

Hồng phạm là cái khuôn mẫu của Trời Đất.

Hồng phạm cửu trừ là cái khuôn mẫu của Trời Đất gồm có chín trừ.

Tương truyền, Hồng phạm cửu trừ do vua Hạ Vũ (2205-2197 tr.TL) làm ra khi Hạ Vũ trị thủy ở sông Lạc, bắt được một con linh qui mà trên lưng của nó có một bức đồ, gọi là Lạc Thư.

Trong Kinh Thư có câu: “*Thiên nãi tích Vũ hồng phạm cửu trừ, di luân du tự*”. Nghĩa là: Trời bèn cho vua Vũ hồng phạm cửu trừ, luân thường vì thế mà bày ra có thứ tự.

Điểm xuất phát của Hồng phạm là thừa nhận một vị Thần Linh duy nhất gọi là Thiên hay Đế, vừa khách quan vừa chủ quan.

Hồng phạm cử trù là một quan niệm đại qui mô về Tâm lý, Sinh lý, Xã hội, Chánh trị, về Vũ trụ vạn vật, tức là một **Vũ trụ quan tiêu chuẩn, một Nhân sinh quan lý tưởng**, căn cứ vào sự quan sát thực nghiệm mà kết cấu ra.

Thiên Hồng phạm cử trù trong Kinh Thư mở đầu:

Sơ nhất viết Ngũ Hành,

Thứ nhị viết kính dụng Ngũ Sự,

Thứ tam viết nông dụng Bát Chánh,

Thứ tứ viết hiệp dụng Ngũ Kỹ,

Thứ ngũ viết kiến dụng Hoàng Cực,

Thứ lục viết nghệ dụng Tam Đức,

Thứ thất viết minh dụng Kê Nghi,

Thứ bát viết niệm dụng Thứ Trung,

Thứ cửu viết hưởng dụng Ngũ Phúc, uy dụng Lục Cực.

Nghĩa

- 1.- Trù thứ nhất gọi là **Ngũ Hành**,
- 2.- Trù thứ hai gọi là kính dùng **Ngũ Sự** (năm việc),
- 3.- Trù thứ ba là dùng cho đầy đủ **Bát chánh** (8 điều chánh),
- 4.- Trù thứ tư là hiệp dùng **Ngũ Kỹ**,
- 5.- Trù thứ năm là kiến thiết dùng **Hoàng Cực**,
- 6.- Trù thứ sáu là cai trị dùng **Tam Đức**,
- 7.- Trù thứ bảy là sáng suốt dùng **Kê Nghi** (xét việc nghi ngờ),
- 8.- Trù thứ tám là xét dùng **Thứ Trung**,
- 9.- Trù thứ chín là khuyên dùng **Ngũ Phúc**, ra oai dùng Lục Cực.

Ngũ Kỳ 4 <i>Lịch số</i>	Ngũ Phúc Lục Cực 9 <i>Thượng và Phạ</i>	Ngũ sự 2 <i>Hiện tượng nội giới</i>
Bát chính 3 <i>Tổ chức quốc gia</i>	Hoàng cực 5 <i>Trung tâm vũ trụ</i>	Kê nghi 7 <i>Chiêm nghiệm</i>
Thứ trung 8 <i>Thời tiết</i>	Ngũ hành 1 <i>Hiện tượng ngoại giới</i>	Tam đức 6 <i>Xử thế, tiếp vật</i>

ĐỒ BIỂU HỒNG PHẠM CỬU TRÙ

1.- **NGŨ HÀNH:** Hiện tượng Ngoại giới 2.- **NGŨ SỰ:** Hiện tượng Nội giới

3.- **BÁT CHÁNH:** Tổ chức quốc gia 4.- **NGŨ KỶ:** Lịch số

5.- **HOÀNG CỰC:** Trung tâm Vũ trụ

6.- **TAM ĐỨC:** Xử thế Tiếp vật 7.- **KÊ NGHI:** Chiêm nghiệm

8.- **THỨ TRUNG:** Thời tiết, thảo mộc 9.- **NGŨ PHÚC LỤC CỰC:** Thưởng phạt

1.- **Ngũ Hành:** Thủy/ Hỏa-THỔ - Mộc/ Kim,

2. **Ngũ Sự:** (Diện mạo, lời nói, thấy, nghe, suy nghĩ).

3. **Bát Chánh:** Thực, Hóa, Tụ, Tư Không, Tư Đồ, Tư Khẩu, Tân, Sur. (Ăn, của cải, cúng tế, quan Tư Không [kho tàng], quan Tư Đồ [giáo dục], quan Tư Khẩu [công an], tiếp khách, việc quân).

4. **Ngũ Kỷ:** Tuế, Nguyệt, Nhật, Tinh thần, Lịch số. (năm, tháng, ngày, các vì sao, lịch số).

5. **Hoàng Cực:** Làm Vua dựng nên mục thước cho Dân bắt chước, thì hưởng được 5 phúc lành, dùng để ban khắp cho thứ dân; các thứ dân theo mục thước của vua, giúp vua giữ mãi được mục thước ấy.

6. **Tam Đức:** Chánh trực, Cương khắc, Nhu khắc. (ngay thẳng, cứng rắn, mềm dẻo).

7. **Kê Nghi:** Xét những chỗ nghi hoặc bằng phép bói: **Bốc** là bói bằng mai rùa, **Phệ** là bói bằng cỏ thi.

8. **Thứ Trung:** Mưa, nắng, nóng, lạnh, gió, đều hợp thời, đúng khí hậu, cây cối tốt tươi.

9. **Ngũ Phúc, Lục Cực:** *Ngũ phúc* là: Thọ, Phú, Khang ninh, Hiếu đức, Chung mệnh. (sống lâu, giàu có, mạnh khỏe bình yên, yêu chuộng đạo đức, già được trọn đời). *Lục Cực:* Hung đoản chiết, Tật, Ưu, Bần, Ác, Nhược. (hung họa chết non, tật bệnh, lo buồn, nghèo nàn, ác nghiệt, nhu nhược).

Lực Hướng Tâm & Lực Ly Tâm

(Centripetal & centrifugal)

A centripetal force is a net force that acts on an object to keep it moving along a circular path.

In our article on [centripetal acceleration](#), we learned that any object traveling along a circular path of radius r with velocity v experiences an acceleration directed toward the center of its path,

$a = \frac{v^2}{r}$ $a = rv^2$, equals, start fraction, v, squared, divided by, r, end fraction.

However, we should discuss **how** the object came to be moving along the circular path in the first place. [Newton's 1st law](#) tells us that an object will continue moving along a straight path unless acted on by an external force. The external force here is the centripetal force.

It is important to understand that the centripetal force is not a [fundamental force](#), but just a label given to the **net force** which causes an object to move in a circular path. The tension force in the string of a swinging tethered ball and the gravitational force keeping a satellite in orbit are both examples of centripetal forces. Multiple individual forces can even be involved as long as they add up (by vector addition) to give a net force towards the center of the circular path

What is a centripetal force? (article) | Khan Academy

www.khanacademy.org > ... > Centripetal forces

Centripetal force is defined as, “the force that is necessary to keep an object moving in a curved path and that is directed inward toward the center of rotation,” while **centrifugal force** is defined as “the apparent force that is felt by an object moving in a curved path that acts outwardly away from the center of rotation,” according to Merriam Webster Dictionary.

A **centripetal force** is a net force that acts on an object to keep it moving along a circular path. ... Newton's 1st law tells us that an object will continue moving along a straight path unless acted on by an external force. The external force here is the **centripetal force**.

Lực Hướng tâm là một lực quán tính xuất hiện trên mọi vật nằm yên trong hệ quy chiếu quay so với một hệ quy chiếu quán tính. Nó là hệ quả của trường gia tốc, xuất hiện trong hệ quy chiếu phi quán tính mà trong trường hợp này là hệ quy chiếu quay. Cũng có thể hiểu lực ly tâm là phản lực của lực hướng tâm tác động vào vật đang chuyển động theo một

đường cong (thành phần lực vuông góc với vận tốc và làm đổi hướng vận tốc), để giữ cho vật nằm cân bằng trong hệ quy chiếu quay.

PHÂN BIỆT KHÁI NIỆM TRỌNG LỰC VÀ TRỌNG LƯỢNG

Trọng lực là lực hút của trái đất tác động lên mọi vật để hút vật về hướng Trái đất. (Hay nói cách khác trọng lực là lực hấp dẫn của trái đất đối với các vật xung quanh nó). Phương và chiều của trọng lực luôn hướng về tâm của trái đất. Trọng lực tác dụng lên các vật khác nhau thì khác nhau, phụ thuộc vào khối lượng của các vật và khoảng cách từ vật đó đến tâm của trái đất. Đơn vị tính là N (newton - tên nhà Vật lý người Anh quốc)

Trọng lượng của một vật là trọng lực tác động lên vật cụ thể.

Ví dụ: Trọng lực hàm ý lực hút của trái đất lên mọi vật nói chung, trọng lượng phải gắn với một vật cụ thể như trọng lượng của người đàn ông là 600 N, trọng lượng của bịch đường là 10 N...nghĩa là lực hút trái đất tác dụng lên người đàn ông là 600 N và bịch đường là 10 N. Người đàn ông và bịch đường đều bị hút về trái đất bởi trọng lực.

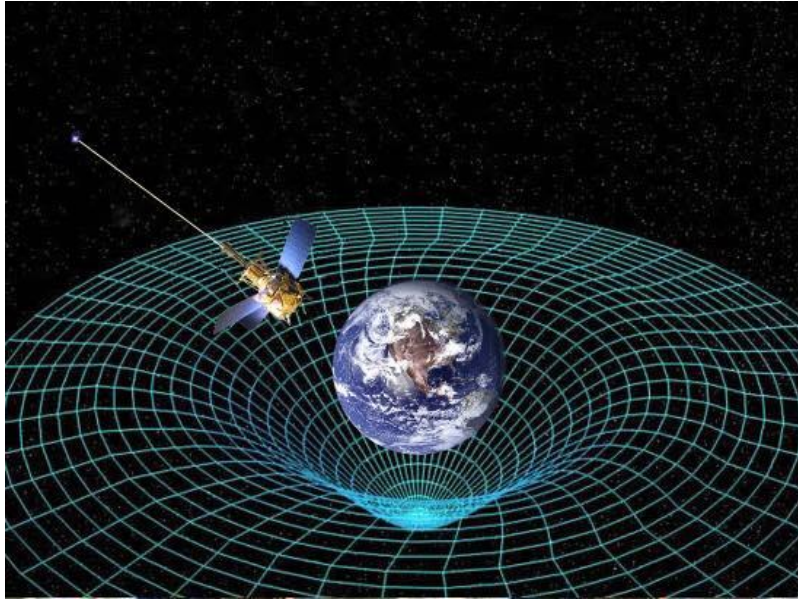
Công thức liên hệ giữa trọng lượng và khối lượng thường gặp ở bậc học THCS là “ $P=10.m$ ” (với m là khối lượng, đơn vị là kg. Còn P là trọng lượng, đơn vị là N)

Trong thực tế, khối lượng của 1 vật cụ thể là đại lượng không thay đổi nhưng trọng lượng của nó sẽ thay đổi tùy thuộc vào độ cao và vĩ độ địa lý của vật trên trái đất. (Lớp 10 bậc THPT các em sẽ hiểu rõ hơn khi học về lực hấp dẫn)

Hình: warping Time and Space (SPACE.com)

Time – Space – Continuum (Einstein)

Black Hole làm cho Time biến thành sợi dọc và Space biến thành sợi ngang, hai mô căn bản này đan kết với nhau mà sinh ra Vạn vật.



Black Hole

Cách Ngồi Thiên sao cho Thân / Tâm lưỡng nhất

Dùng Hơi thở luân lưu giữa Đan điền thượng (Huệ nhãn: **TÂM**) và Đan điền hạ (**THÂN**) sao cho được điều hòa, Khi **Tâm / Thân lưỡng nhất** hay điều hòa thì **Thân an / Tâm lạc**.

In mechanics: Circular orbits

Sun is an inward (centripetal) force acting on Earth. This force produces the centripetal acceleration of the orbital motion.

As the centripetal force acts upon an object moving in a circle at constant speed, the force always acts inward as the velocity of the object is directed tangent to the circle. This would mean that the force is always directed perpendicular to the direction that the object is being displaced.

What force does the sun exert on the earth?

On average, the Sun pulls on the Earth with a force of $3.5 \cdot 10^{22}$ Newtons, but the Earth is exerting an inertial force in the opposite direction of exactly the same amount, so, just like an astronaut in orbit, the net force is zero. Feb 4, 2018

On average, the Sun pulls on the Earth with a force of $3.5 \cdot 10^{22}$ Newtons, but the Earth is exerting an inertial force in the opposite direction of exactly the same amount, so, just like an astronaut in orbit, the net force is zero. Feb 4, 2018

August 2, 2001: Gravity hurts: you can feel it hoisting a loaded backpack or pushing a bike up a hill. But lack of gravity hurts, too: when astronauts return from long-term stints in space, they sometimes need to be carried away in stretchers.

Gravity is not just a force, it's also a signal—a signal that tells the body how to act. For one thing, it tells muscles and bones how strong they must be. In zero-G, muscles atrophy quickly, because the body perceives it does not need them. The muscles used to fight gravity—like those in the calves and spine, which maintain posture—can lose around 20 per cent of their mass if you don't use them. Muscle mass can vanish at a rate as high as 5% a week.

Above: Astronaut Bill Shepherd prepares for a long stay on the International Space Station with muscle-building exercises on Earth. [more]

For bones, the loss can be even more extreme. Bones in space atrophy at a rate of about 1% a month, and models suggest that the total loss could reach 40 to 60 per cent.

Human Limits

Based on an average mammal bone, they estimated that a human skeleton could support a gravitational force more than 90 times Earth gravity. But this is its strength when standing still. Once we start running, the stress on our bones – as they flex and bend – increases by a factor of ten. Sep 20, 2018.

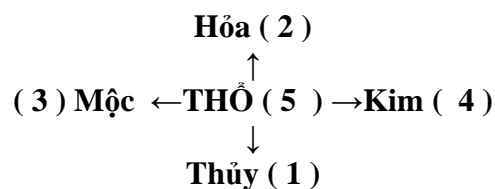
CHƯƠNG BỐN

NGŨ HÀNH

Ngũ hành là 2 biểu tượng của Việt Nho

1.- Biểu tượng Đồ Hình

Thủy/ Hỏa – THỔ - Mộc / Kim



2.- Biểu tượng Số độ

1 / 2 – 5 – 3 / 4

NGŨ HÀNH (FIVE AGENTS): TẠO HÓA LƯ: KHUÔN ĐỨC VŨ TRỤ



Hỏa (Tinh thần)



Năng lượng Tinh Thương: THỔ: $E = mc^2$. Vector equilibrium : THƯỢNG ĐẾ/CON NGƯỜI

(INFINITY  → Ultimate Supreme  : Bipolarization) [:VÔ CỰC nhi THÁI CỰC]

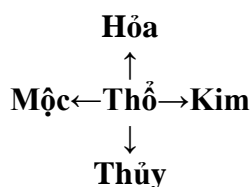


Thủy (Vật chất)

A.- HÌNH NGŨ HÀNH TRONG NHO

Theo Triết gia Kim Định thì xưa nay người ta giải thích Ngũ hành theo lối ma thuật, do đó mà Khổng giáo bị thất truyền, lý do là đã đánh mất “ **Vi ngôn đại Nghĩa** “ tức là Dịch lý **Âm / Dương hòa** “. Theo sự gợi ý của T.G. Kim Định, chúng tôi xin được góp một số ý kiến về Cơ cấu và Ý nghĩa Ngũ hành.

Như một bức tranh, Ngũ hành là **Khung** (của Bức tranh) tựa như **Cơ cấu** (nền tảng) của Nho và Số độ Ngũ hành là **Khâm** (Thần thái của Bức Tranh) tựa như **Nội dung cô đọng** của Nho. Cái Khung giữ cho Nội dung cái Khâm không bị xâm phạm làm sai lạc ý nghĩa của cái Khâm.



Đồ hình Ngũ hành

Xem hình trên ta thấy:

Cặp đối cực **Thủy** (vật chất) / **Hỏa** (năng lượng) đối xứng qua **Tâm Thổ**.

Cặp đối cực **Mộc** (Nhu, Sinh vật) / **Kim** (Cương, Khoáng chất) đối xứng qua **Tâm Thổ**.

Các cặp đối cực **Thủy / Hỏa, Mộc / Kim** khi được Lương nhất theo Dịch lý thì trở thành **nguồn Biến hoá Bất biến trong Vũ trụ**, hay là **nguồn Sinh Sinh Hóa Hóa của Vũ trụ**.

Các cặp đối cực đều được xếp đối xứng qua **Tâm Hành Thổ**, cặp đối cực còn được gọi là nét Gấp đôi (Twofold) trong Văn hoá Việt, khi các cặp Đối cực mất đối xứng thì không còn là Dịch lý nữa .

Hành Thổ. Hành Thổ được định nghĩa: **Hành Vô Hành, Địa vô Địa**: Tuy gọi là Hành nhưng chức năng của Thổ không giống 4 Hành kia và Thổ cũng không là Đất. Thổ phần nào giống như chất xúc tác giúp cho cặp đối cực tương tác với nhau để đạt tới trạng thái Quân bình động như trong các **phản ứng Hóa học thuận nghịch**.

Thổ có chức năng điều phối sao cho cặp đối cực “ **Tương thời**: Có kẻ bớt một thêm hai “ với nhau để đạt trạng thái **Quân bình động**, gọi là **Âm Dương hoà**



Xin lấy ví dụ đơn sơ về hai phe kéo dây

Điểm dây nói Di động ở giữa là điểm Chính Trung luôn ở trạng thái Quân bình động, nghĩa là biến đổi trong trạng thái quân bình, nên vừa Tiến bộ vừa cân bằng.

“ Âm / Dương tương thối “theo hai nguyên tắc: “ Chấp kỳ Lương đoan “ và “ Đoãn chấp quyết Trung” thì đạt thể Quân bình động mà Hoà với nhau .

Nói cách khác khi hai người hành xử với nhau cũng như khi có **Bất đồng** thì việc đầu tiên là “ hai bên phải chấp nhận đối phương, không phủ nhận nhau (Chấp kỳ lương đoan) “ và khi giải quyết sự **Bất đồng** thì “ hai bên phải vượt lên trên lập trường của mình bằng cách hai bên dựa trên **Tiêu chuẩn Lòng Nhân ái và Lễ công chính** mà đối thoại với nhau để đạt tới giải pháp mà hai bên khả chấp (**Đoãn chấp quyết trung**) “, kết quả không bên nào Hòn và bên nào Thiệt hoàn toàn, đường lối này gọi là **Chính Trung hay Trung Đạo**.

Tình trạng Hoà tạm thời này gọi là **Trạng thái Quân bình động**, khi đó hai bên đều Tiến bộ và ở trong trạng thái ổn định, Nho gọi là **Âm Dương Hòa** .

Nói cách khác **Âm Dương Hòa** là **Dịch lý** tuy cứ biến đổi trong tạm thời nhưng bất biến đưa tới sự luôn Tiến bộ và Ổn định.

Lấy vài ví dụ cho dễ hiểu:

Hai toán kéo dây mà sức kéo không quá chênh lệch, nếu ta lấy **Trung điểm** của dây làm căn cứ thì điểm đó khi dịch về bên này khi dịch về bên kia, sự Di dịch tạo ra sự biến đổi, sự tiến bộ, hai bên cứ dằng co trong trạng thái **Quân bình động** như thế gọi là **Hoà** (Hoà tạm thời theo từng thời điểm), tuy có Hòn Thua, nhưng không có bên nào Thắng hay Thua hoàn toàn.

Để giúp hiểu rõ trạng thái Âm / Dương hòa, chúng tôi nêu lên các ví dụ:

Trong **Toán học** khi ta cộng bất cứ số Âm và số Dương nào có trị số tuyệt đối bằng nhau thì **Tổng số bằng 0** (Hoà).

Trong **Vật lý**, Khi **Động lực** và **Phản lực** có cường độ bằng nhau thì **Hợp lực bằng 0**.(Hoà)

Trong **Điện học** khi ion – và ion +chạy ngược chiều, gặp nhau thì sinh ra **Dòng Điện**: **Dững lực** của sự Hoà .

Khi để một **Nam châm** lên mụn sắt thì từ trường của Cực Nam và cực Bắc hút mụn sắt tạo ra **Từ phổ**, mọi mụn sắt được sắp xếp thành **Từ phổ** thành lớp lang với hình ảnh đẹp đẽ.

Khi hai **Hóa chất** có tính chất **Acid và Base** có thể không tác dụng với nhau, nhưng nhờ một chất xúc tác thích ứng thì hai hoá chất lại tạo ra Phản ứng Thuận Nghịch (Hòa ở trạng thái Quân bình động)

Khi hai **Âm thanh** có hàm số hình Sin với biên độ (amplitude) thích hợp thì tạo nên đồ hình có Nút và Bụng, làm thành tiếng Trầm tiếng Bổng.

Khi hai **Gái** (ion +)/**Trai** (ion -) gặp nhau tạo ra Dòng Điện, nếu có Tần số thích hợp thì bị sét đánh ngay (coup de foudre) .

Khi con người hành xử **Tình / Nghĩa** với nhau một cách hài hòa hay Lưỡng nhất thì **Nhân / Nghĩa lưỡng nhất** hay **Nhân / Nghĩa nhập Thần** mà trở nên **Hùng / Dũng** (**Tình / Lý** hay “ **Tình / Nghĩa tương tham** “ hay **Lưỡng nhất** cũng thế) . . .

Qua các thí dụ trên, chúng ta có thể nghĩ rằng chính Hành Thổ là Hành có khả năng điều phối các cặp đối cực Lưỡng nhất qua nhiều tác dụng khác nhau.

B.- Các cặp đối cực là cấu trúc nền tảng của Vũ trụ và Nhân sinh

Các cặp đối cực là phổ biến trong Vũ trụ như: Gần / Xa, Trong / Ngoài, Trên / Dưới, Phải / Trái, Trước / Sau., Cũ / Mới, Thời gian / Không gian, Sức Quy tâm / Sức Ly tâm, Động lực / Phản lực, Quá / khứ / Tương lai, Gái / Trai, Mái / Trống, Cái / Đực, Nhụy Cái / Nhụy Đực, Huyền sử / Lịch sử, Tổng hợp / Phân tích, Số Dương số Âm, Số Lẻ / số Chẵn, Tích phân /Vi phân, Ion +/ ion -. Cực Bắc / Cực Nam, Base / Acid, Tâm linh / Khoa học, Tình / Lý, Nhân ái / Lý công chính, Nhân / Nghĩa, Từ bi / Trí tuệ, Bác ái / Công bằng, Tâm Tình / Tâm Trí, Quy tư / Suy Tư, Vũ / Trụ, Năng lượng tối / Năng lượng sáng . . . , trong đó **cặp Gái / Trai, Mái / Trống, Cái / Đực, Nhụy Cái / Nhụy Đực** kết hợp với nhau làm Một (Hay Lưỡng nhất hay Giao thoa) thì trở thành **Nguồn Sinh Sinh Hoá Hóa của Vũ trụ.**

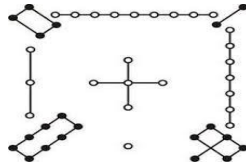
Tất cả các cặp đối cực được tổng quát hoá thành Âm / Dương.

Qua Đồ hình Ngũ hành và bảng Nguyệt lệnh ta thấy tất cả các cặp đối cực đều được sắp xếp đối xứng với hai Trụ: Tung / Hoàn. Qua trục Tung Hoàn, trong đó ta có **Cơ cấu của Không gian và Thời gian** tức là Khung hay **Cơ cấu của Vũ trụ**, còn **Tác dụng** của 5 Giác quan là khung Cơ cấu của con Người.

(Xin xem **Bảng Nguyệt lệnh** ở dưới và cuốn “ **Việt Nho trở về với Dân tộc Việt Nam với Minh Triết An vi** “ về cách sắp xếp các Quẻ Dịch trên vietnamvanhien.net.index)

Điều quan trọng là chúng ta phải tìm hiểu cách suy nghĩ của Tổ Tiên xưa để hiểu các Ngài, vì vào thời đó, Lý trí con Người chưa phát triển, phần Trực giác còn mạnh, nên các Ngài Trực thị được những Vấn đề cốt tuỷ của Vũ trụ và Nhân sinh, nay là thời Lý trí chúng ta đã phát triển, nhưng Trực giác lại yếu hơn, đó là **Lý do phải trở về Nguồn, tìm lại những thứ Tinh hoa của Tổ Tiên đã bị Giặc gần, Giặc xa làm cho băng hoại, chúng ta cần phục hoạt lại mà cứu Dân dụng Nước**, chứ không phải là chúng ta cố bám vào những cái đã cho là cổ hủ hay đi tìm cái Minh Thích và Không Thích.

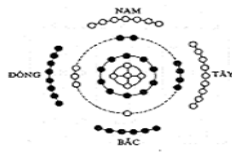
Một điều quan trọng khác là trong các đồ hình và số độ kết hợp thì các số được xếp theo hình Thập tự nhai vuông góc \perp (Số Lẻ) và Thập tự nhai chéo góc \times (số chẵn).



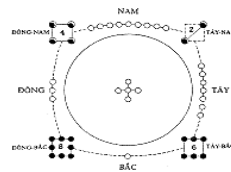
4 - 9 - 2
 3 - 5 - 7
 8 - 1 - 6

Hình Lạc Thư

Khi sắp xếp các cặp đối cực làm “mắt đối xứng” qua Tâm, qua trục Tung, trục hoành và qua hai trục chéo góc, thì đánh mất tính chất Biến dịch của Dịch tức là không còn là Việt Nho nữa, vì thiếu vắng sự tác hành hay là sự Linh phối của hành Thổ !



Hình Hà Đồ



Hình Lạc Thư

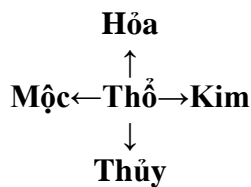
Trong hình Hà đồ thì các số Lẽ / Chẵn đều được xếp đối xứng qua Tâm: > Vòng trong >: 1 / 2, 3 / 4, < Vòng ngoài > : 6 / 7, 8 / 9

Còn Trong Lạc Thư thì các Số được xếp theo Ma phương (Matrix trong Toán học). Tổng số 3 số theo chiều nào (Hình chữ Thập thẳng đứng và Hình chữ Thập chéo) cũng là 15, từ đó mà Nước Văn Lang xưa có 15 Bộ.

C.- NHỮNG BIỂU TƯỢNG CỦA NGŨ HÀNH VỀ:

I.- CẤU TẠO CỦA VŨ TRỤ

1.- Đồ hình Ngũ hành



Thủy / Hỏa - THỔ - Mộc / Kim

2.- Ý nghĩa của các Hành trong Ngũ hành

Thủy được định nghĩa là “ **Vạn vật chi Nguyên**: Nước là Nguồn sống của vạn vật, nên tượng trưng cho **Vật chất**

Hỏa là Lửa, là Quang năng tức là Năng lượng, tượng trưng cho **Tinh thần**

Mộc là Cây cối tượng trưng cho **Sinh vật**.

Kim là Kim khi tức là **Khoáng chất**

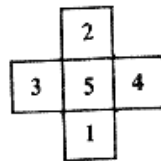
Hai cặp Đối cực **Thủy / Hỏa, Mộc / Kim** được biến hoá thành **Thế giới Hiện tượng**, nên 4 hành xung quanh tượng trưng cho **Hữu**.

Thổ ở *Trung cung* là “ **Hành vô Hành Địa vô Địa** “, nên tượng trưng cho **Vô: Nguồn Tâm linh**.

Vô / Hữu lưỡng nhất thành Thái cực.

Vô đây là Vô đối đãi với Hữu, còn **VÔ** (viết hoa) là **VÔ CỰC** tức là **Trống Không** (Đạo Trống) theo Nho, **Chân Không diệu hữu** theo Phật và **Miền Lân hư** theo Lão.

Hành Thổ tượng trưng cho Vô



Hình Số độ Ngũ hành

Để thấy rõ hành Thổ mang số 5, nằm ở vị trí của Vô Thế, trong Hình trên nếu ta tách 4 ô vuông 1, 2, 3, 4 ra thì ô 5 trống không, nên ô 5 tương trưng cho Vô đối đãi với 4 ô xung quanh tương trưng cho Hữu, nên Vô cũng là nguồn Tâm linh: Thái cực.

Vậy Ngũ hành tượng trưng cho **Nguồn sinh sinh hóa hoá của Vũ trụ**, Tổ Tiên Việt gọi là **Tạo Hóa** hư hay **Lò Cừ**:

“ **Lò Cừ nung nấu sự đời**

“ **Bức tranh Vân cầu vẽ người tang thương !**

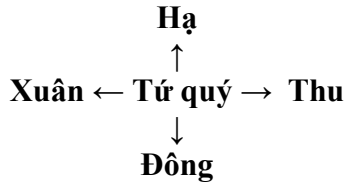
(*Cung Oán ngâm khúc. Nguyễn Gia Thiều*)

II. CƠ CẤU VŨ TRỤ

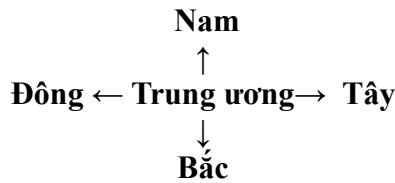
Ngũ hành chẳng qua là chi tiết hóa Thái cực thành ra:

Cơ cấu Không gian với 4 phương: Bắc / Nam, Đông / Tây và Trung ương.

Cơ cấu Thời gian với 4 mùa: Xuân / Hạ, Thu / Đông với Trung cung Tứ quý.

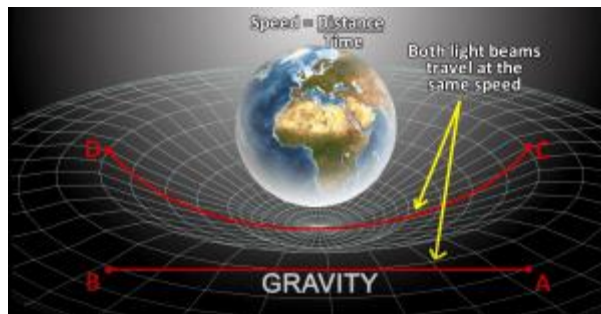


Cơ cấu Thời gian



Cơ cấu Không gian

Vào thế kỷ thứ 19, Eintein đã phát minh ra **Không gian và Thời gian** là hai mô căn bản tạo thành **Thời - Không - Liên** (Time – Space – Continuum). Black Hole (Lỗ đen) đã biến hai mô căn bản thành những Sợi Ngang và sợi Dọc đan kết với nhau mà tạo ra Vạn vật,

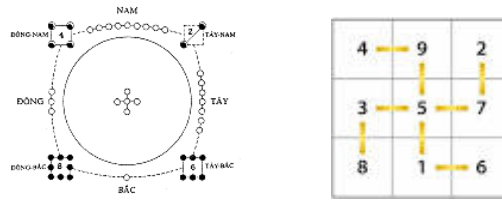


(Xem SPACE.com. *Warping Time and Space*)

Còn vào thời xa xưa, Tổ Tiên Lạc Việt xưa đã có đồ hình Lạc Thư, trong đó các số Lẻ được sắp xếp theo khung Thập tự nhai thẳng đứng, còn các số Chẵn lại xếp theo hình Thập tự nhai chéo , tất cả đều đều đối xứng qua Tâm (Hành Thổ)

Các Số Lễ và Chấn có mạch nối theo hai hình chữ Vãn và chữ Vạn dưới đây:

(xem Lạc Thư Minh triết . Kim Định)



Hình Lạc Thư của Lạc Việt

(Matrix có Tổng số 15)

Chữ Viên = Chữ Vãn + Chữ Vạn

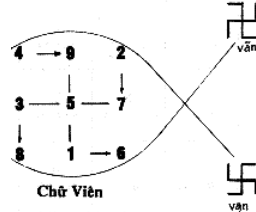
Chữ Viên chỉ cuộc sống viên mãn tròn đầy, gồm cả Vãn lẫn Vạn.

4 — 9 2
 | |
 3 — 5 — 7
 | |
 8 1 — 6

Mạch nối hình chữ Vãn: *Ngược Kim Đồng hồ* : *Tả nhậm* (Thuận Thiên)

4 9 — 2
| |
3 — 5 — 7
| |
8 — 1 6

Mạch nối Hình chữ Vạn: *Cùng chiều Kim Đồng hồ* : *Hữu nhậm* (Nghịch Thiên)



Chữ Viên = Chữ Văn + Chữ Vạn

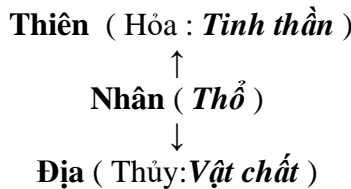
Khi các số Lẻ / số Chẵn được quay theo chiều Chữ Văn (Tả nhậm) và chữ Vạn (Hưu nhậm), các cặp đối cực Số Lẻ / số Chẵn đan kết với nhau cá biệt hóa mà sinh ra Vạn vật. Chữ Viên cũng như Ngũ hành đều là nguồn Sinh Sinh Hoá Hóa của Vũ trụ, cũng tương đương với Time (số Lẻ) / Space (số Chẵn) Continuum của Einstein.

Văn là Tu thân cho đến độ coi sống chết như nhau (tức đắc Đạo). **Vạn** là toả ra cùng khắp hết đến độ “ Tế thể An bang “, tức là việc Thiện việc Nghĩa lớn lao hơn hết có thể có ở Đời. Chữ Viên chỉ có ở Việt Nho cũng như ý tưởng Tế thể An bang vậy .

III.- VỊ TRÍ CON NGƯỜI TRONG VŨ TRỤ HAY THIÊN ĐỊA

1.- Thuyết Tam Tài định vị con Người trong Không gian.

(Con Người đội Trời đạp Đất ở Đời)



Nhân = Thiên + Địa (Con Người là Tinh hoa của Trời Đất)

Nhân (Thổ) = Thiên (Hỏa) + Địa (Thủy)

Nên mới có câu :

Nhân giả kỳ Thiên / Địa chi Đức

(Con Người là Tinh hoa của Trời Đất)

“ Nhân linh ư Vạn vật “

“ Thiên lý (Thổ là Nguồn Tâm linh) tại Nhân Tâm “

(Nhân ở vị trí hành Thổ là Nguồn Tâm linh)

(Thiên lý là Dịch lý, Thổ có chức năng điều phối cho các cặp Đối cực Lương nhất, tức là Hòa theo Dịch lý Âm / Dương hòa)

Vì “ Thiên Địa Vạn vật đồng nhất Thể, Vạn vật tương Liên “ nên con người có Thiên Lý nhân (Third eye: Eye of Providence nối với Trời (Thiên: Nguồn Tâm linh) và Trọng Tâm (Center of Gravity gọi là huyết Đan Điền (Dantien) nối với Đất (Địa :nguồn của Khoa học.)

Người và Trời Đất xoắn xít với nhau trong một Thể, Cụ Trần Cao Vân đã quảng diễn tài tình trong bài” Vịnh Tam Tài:

**Trời Đất sinh Ta có ý không
Chưa sinh Trời Đất có Ta trong
Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh
Trời Đất in Ta một chữ ĐỒNG
Đất nứt Ta ra Trời Chuyển động
Ta thay Trời mở Đất Mênh mông
Trời che Đất chở Ta thông thả
Trời Đất Ta đầy đủ Hóa công.**

2. - Thuyết Tam tài đã định vị con người trong Thời gian

Quá khứ (Tổ Tiên)
↑
Hiện tại (Mình)
↓
Tương lai (Con cháu)

Quá khứ thuộc về thời gian của Tổ Tiên, Tương lai là của Con Cháu, con Người Mình luôn ở vị trí Hiện tại, từ nơi đó mới có câu : **Hiện tại miên trường** : ever present , nên Mình phải nhớ giây phút nào trong đời cũng là Hiện tại để Vi Nhân..

Con Người thường cứ ôm lấy Quá khứ về vang hay đau buồn mà tự tôn hay tự ty hoặc mơ tưởng về Tương lai huy hoàng để hy vọng hảo, mà quên đi từng phút giây quan trọng trong Hiện tại để Vi Nhân mà xây nên sự nghiệp!

“ Hy sinh đời Bố “ chỉ “ để lại cực khổ cho đời Con “ là do không nhận biết cách Vi Nhân trong Hiện tại miên trường , do đó con Người không phát triển toàn diện được.

IV.- CƠ CẤU VÀ NỘI DUNG CỦA NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC

Đồ hình và Số độ Ngũ hành

Hỏa: 2
↑
Mộc : 3 ← Thổ: 5 → 4

↓
1
Thủy

(Cách ghi các Hành và các số: **Chỗ đứng của mình ở phương Bắc** (**Chỗ ở của người Việt phương Nam < trước kia ở phương Bắc > ghi phương Bắc và số 1, mặt hướng về Nam phương tức Viêm phương (Hành Hỏa) của Tổ Viêm Đế, ghi số 2, quay sang bên Trái (Tả nhiệm: hướng Thuận Thiên, ghi phương Đông và số 3, quay sang bên Hữu ghi phương Tây và số 4, còn Trung tâm ghi số 5**).

Cơ cấu và Nội dung của nền Văn hoá Việt nằm trong Đồ hình và Số độ Ngũ hành. Để hiểu Ngũ hành chúng ta phải tìm hiểu sách Ước – Thánh Kinh của Dân tộc -

Sách Ước

(Góc rẽ Triết Việt . Kim Định)

1. Sách ước chính là Thánh Kinh của Việt Nam - một kinh vô tự -:

Không có chữ, chỉ có **ba trang trống trơn**, nhưng hai trang đọc được có tên là **Hỏa và Mộc**. Sách được ban cho Thần Tản Viên khi xuống thăm Lạc Long Quân dưới thủy phủ. Đây là quyển sách gia truyền **được ông cha trao lại cho con cháu, trao dưới đáy biển** tức chỉ những điều chép trong sách nằm trong vùng **Tiền thức cộng thông của đại chúng**.

Truyền thống tâm linh nhân loại thường dùng lòng biển để chỉ những chân lý thâm sâu cao cả. **Những chân lý trong sách Ước được diễn tả bằng ba ẩn ngữ: tiên rồng, ẩn số 2-3 và nét cong.**

Sách Ước nói lên nguồn gốc văn hóa Việt phát xuất từ Thái Bình Dương như được kiện chứng bằng truyện **hiền triết Tanê lên thăm kho trời được ban cho 2 hòn đá Quyền lực và 3 thúng Khôn tức cũng cùng dùng hai bộ số 2-3 như sách ước (2 trang Hỏa Mộc: Hỏa số 2, Mộc số 3).**

Hiền triết Tanê ở đảo Đanê tức giữa lòng Thái Bình Dương y như Lạc Long Quân. Chắc vì nguồn gốc biển cả này mà Việt Nam gọi quê hương là nước. Nước Việt Nam: "Water Việt Nam" nói lên liên hệ với biển rõ ràng. Để hiểu được **nội dung sách Ước cần phải hiểu hai trang Hỏa Mộc là gì tức là phải hiểu Ngũ hành ra sao**, vì Ngũ hành thành bởi hai bộ số 2-3 làm gốc.

2. Hãy xem Cơ cấu Ngũ hành (hình) sẽ thấy xương sống của toàn bộ Văn hóa Việt mà

cũng là của Đạo Nho nằm trong ba số 2-3-5 nên muốn hiểu Việt Nho cách thấu triệt thì phải hiểu về Ngũ hành, đó cũng là bí quyết của gia tộc. Như vậy phân tích Ngũ hành có nghĩa là phân tích Việt Nho trong đọt tinh hoa nhất và sở dĩ sau Khổng Tử, Nho bị cho là thất truyền, thì một phần cũng tại Ngũ hành không được khởi công nghiên cứu về mặt Cơ cấu.

3. Tuy Nho có nói nhiều nhưng toàn theo lối ma thuật kiểu Âm Dương gia tức trật đường rõ rệt. Vậy nét nổi bật trong **Ngũ hành của Việt khác với "Ngũ hành" các nơi ở chỗ có Vô thể nằm vùng ngay trong giữa gọi là Hành Thổ, đó là điều không mấy ai để ý tới vì nó diễn tả bằng số và hình cái nét đặc trưng của Đông Nam Á là Lương nhất (dual-unit) hai mà một: nếu hai là hai, một là một thì dễ, là sự thường. Đàng này oái oăm ở chỗ hai mà một, một mà ba. Hai đây cũng là có với không một trật, có với không khác nhau như trời với đất, nước với lửa. Vậy mà Việt Nho bảo là một, khác biết bao với duy Vật chỉ có Hữu, duy Tâm chỉ có Vô, Việt thì cả Hữu cả Vô một trật.** “ (Thủy/ Hỏa. Mộc / Kim : Hữu, Thổ: Vô, do người trích đưa vào)

....

“ 1. Là sách **Lạc Long Quân** ban cho **Thần Tản Viên** khi xuống thăm thủy phủ. Sách có 3 trang không chữ. Thần đọc **hai trang Mộc và Hỏa**. Lại ban cho **Gậy Thần 9 đốt** để làm nhiều việc ơn ích cho đời, gọi là phép cai trị Cửu Lạc mà Trang Tử khen rằng "Cửu Lạc chi sự trị thành đức bị". **Ai cầm vào được đốt 5 thì coi sống chết như nhau**".

“ 2. Để hiểu truyện Sách Ước ta hãy phân ra số **2, 3, 5**.

Số 2 ẩn trong trang hỏa chỉ Hỏa lực, sức mạnh. Đây là con số đã xuất hiện đầu trước hết với Tiên Rồng, rồi thăng hoa nhiều cách, cuối cùng thành nét song trùng ở Bắc Sơn, gọi là số lưỡng hợp hay lưỡng nhất dual-unit không một dân nào khác có cả.

3. Kể tới là **số 3** cũng được quan trọng hóa như thấy nơi cái chạc (đồ tùy táng giống cái ly uống nước) bao giờ cũng tìm được đi bộ ba, đi theo tục đốt 3 nén hương, rót 3 chén rượu, ba cấp bần thờ.

4. Con số 3 quan trọng đến độ định tính sự vật nên biến thể nhiều vật như cóc và chim tìm được ở Đông Sơn có miệng nhọn (tức ba góc) gà ba chân, cóc cũng ba chân để lên chức cạu ông trời (phải rụng một chân).

5. **Ngũ hành** là số 5 đặc biệt được xếp theo **khung Việt tinh** (giếng Việt) gọi là Giếng Việt vì có 4 thanh gỗ đặt quanh miệng giếng tròn, mức không bao giờ cạn. Việt đi với tinh đã được ghi trên trời trong chòm 7 sao phương Nam là Tinh, Quí, Liễu, Tinh (điều), Trương, Dực, Chấn.”.



Giếng nước (ở miền Nam)

Khung Giếng Việt gồm 2 thanh gỗ Dọc được ghép với 2 thanh gỗ Ngang kết thành Khung chữ Tĩnh, khung này nằm ngang được lắp lên trên 4 trụ đứng quanh miệng giếng, Khung có trục quay để quay các thùng nước. Khung giếng này còn có nhiều ở miền Nam, Khung Giếng Việt chính là : **Di chỉ của khung Ngũ hành.**

Tóm lại, Bộ sách của Dân tộc có Cơ cấu hay nền tảng là Bộ số Huyền niệ: 2-3. 5. số 5 liên hệ tới trang trống trơn tức là hành Thổ mang số 5, do đó ta có :

V.- VIỆT NHO

1.- Cơ cấu của Việt Nho

Cơ cấu của nền Văn hóa là Bộ số 2-3, 5

2.- Nội dung của Việt Nho

Nội dung của nền Văn hoá là Ý nghĩa của Bộ số Huyền niệ: 2-3, 5

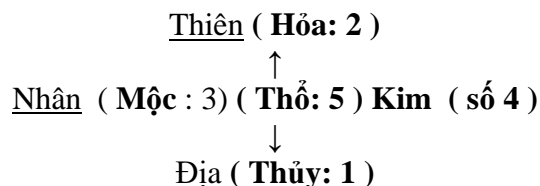
a.- Số 2: Vũ trụ quan động

Là Dịch lý tức cặp đối cực Âm / Dương hoà, Dịch lý là luật Biến dịch bất biến trong Vũ trụ mang tính chất luôn Tiến bộ và Ổn định tức là ở trạng thái Quân bình động (Dynamic equilibrium)

b.- Số 3: Nhân sinh quan Nhân chủ

Con Người không duy Tâm để bị rơi vào tình trạng Mê tín dị đoan, không duy Vật để làm nô lệ Vật chất, mà là sống sao cho Tâm / Vật lưỡng nhất mà làm con người Nhân chủ gồm ba đức tính : **tự Chủ, tự Lực, tự Cường.**

c.- Số 5: Tâm linh sử quan: Nguồn Sống và nguồn Sáng



Số 5 Thuộc hành Thổ, tượng trưng cho Vô tức là nguồn Tâm linh tức là nguồn Sống và nguồn Sáng.

Nguồn Sống (Hành Thủy) là Vật chất. (Thủy: Vạn vật chi Nguyên: Nước là nguồn Sống của Vạn vật tượng trưng cho Vật chất)

Nguồn Sáng (Hành Hỏa) là Tinh thần tức là Lòng Nhân ái và Lý công chính hay Nhân Nghĩa , (wave particle duality)

Tóm lại nền Văn hoá Việt (Nho) có:

I.- Cơ cấu: Bộ Huyền số: 2-3, 5

II.- Nội dung:

- 1.- Vũ trụ quan Động với số 2
- 2.- Nhân sinh quan Nhân chủ với số 3
- 3.- Tâm linh sử quan với số 5 : Vật chất và Tinh thần
- 4.- Lộ đồ: Tu, Tề, Trị , Bình để đem Công lý vào Xã hội mà mưu ích chung
- 5.- Đạt quan : Phong / Lư (Gió Trời / Nước Đất lưỡng nhất)

VI.- Vị trí con Người trong Vũ trụ

Như vậy Hành Thổ là nguồn Tâm linh, con Người lại ở vị trí Hành Thổ giữa Thiên / Địa, nên:

Nhân (Thổ) = Thiên (Hỏa) + Địa (Thủy)

Thiên (*Hỏa* : Tinh thần)

↑

Nhân (Thổ)

↓

Địa (*Thủy* : Vật chất)

Nhân = Thiên + Địa

nên mới có câu :

Nhân giả kỳ Thiên / Địa chi Đưc

“ Nhân linh ư Vạn vật “ và

“ Thiên lý (Thổ là Nguồn Tâm linh) tại Nhân Tâm “

Ngoài ra chúng ta có thể xem Trục Tung: Thủy / Hỏa là Trục tượng trưng cho nguồn Tâm linh hay Time

Còn Trục Hoành Mộc / Kim tượng trưng cho Thế giới Khoa học hay Space.

Theo Einstein thì chúng ta có thể Liên hệ:

Trục Tung : **Thủy / Hoả** với **Time**,

Trục Hoành : **Mộc / Kim** với **Space**,

Còn **Thổ** với **Black Hole**.

Nhờ Black Hole mà **Time / Space** có thể **Lưỡng nhất** mà thành **Time - Space – Continuum**.
Như vậy **Thổ** tương tự như **Black Hole**.

(Xem SPACE.com. **Warping Time and Space**: *Time và Space là hai mô căn bản (Tissue fundamental). Black Hole làm cho Time biến thành sợi Dọc, Space biến thành sợi Ngang, hai mô căn bản đan kết với nhau mà sinh ra Vạn vật).*

VII.- Cơ cấu Vũ trụ & Nhân sinh trong Bảng Nguyệt lệnh

Ngũ Hành	Thủy	Hỏa	Mộc	Kim	Thổ
Thời Tiết	Đông	Hạ	<i>Xuân</i>	<i>Thu</i>	Tứ quý
Ngũ Phương	Bắc	Nam	<i>Đông</i>	<i>Tây</i>	Trung ương
Ngũ Tạng	Thận	Tâm	<i>Can</i>	<i>Phế</i>	Tỳ
Tác Dụng	Thị giác	Thính giác	<i>Cử chỉ</i>	<i>Ngôn ngữ</i>	Tư duy
Ngũ Sắc	Đen	Đỏ	<i>Xanh</i>	<i>Trắng</i>	Vàng
Ngũ Vị	Mặn	Đắng	<i>Chua</i>	<i>Cay</i>	Ngọt
Ngũ Cung	Vũ	Chủy	<i>Giốc</i>	<i>Thương</i>	Cung
5 Số	6	7	8	9	5
Thiên Can	Nhâm- Quý	Bính- Đinh	<i>Giáp- Ất</i>	<i>Canh- Thân</i>	Mậu-Kỷ

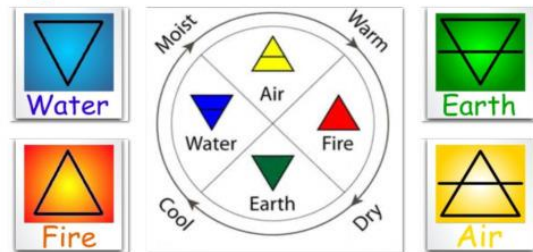
Hình Ngũ Tổ của Tây phương

I.- Tứ Tổ và Ngũ Tổ của nền Văn hoá Tây phương

Trong khi Tây Âu chỉ có Tứ Tổ (element: Nguyên tố) : Đất, Nước, Gió , Lửa, sau thêm vào Ether, nhưng ether vẫn là Tổ chất, nay đã sửa lại là Spirit.



Symbols and Colors of the Four Elements



The four elements of Western culture are: EARTH, AIR, FIRE and WATER, These four Elements were believed to be essential of life.

Meaning of five elements

EARTH: Abundance solid foundations, fertility & nurturing

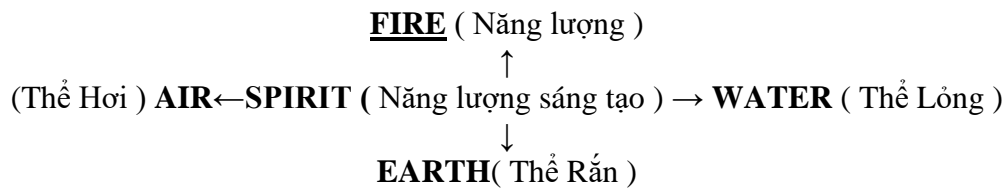
AIR: New life Power of the mind communication.

FIRE:Creation, Destruction, Transformation

WATER: Subconscious Purification, Psychic Powers

SPIRIT:Infinity, Pure energy, unlimited Potential.

Ta có thể xếp Ngũ Tố của Tây phương theo khung Ngũ hành:



4 Nguyên tố xung quanh là Vật chất ở 3 trạng thái Hơi, Lỏng, Rắn. Còn SPIRIT ở Trung cung là Nguồn năng lượng sáng tạo. Theo Einstein, thì Nguồn sáng tạo ra Vũ trụ là Nguồn Tình Yêu có Công thức: $E = mc^2$.

(E là năng lượng của vật chất có khối lượng m, m có thể biến ra Năng lượng , C2 là Bình phương của Tốc độ ánh sáng : 300,000 km/sec)

Dưới đây là cách giải thích Ngũ tố của Tây phương theo hai BS. Deepark Chopra và David Simon trong cuốn: **The seven principal Laws of Yoga** .

Seven energy centers in the Body

There are **Mantras** [1] associated with each of the **seven energy centers in the body** known as **Chakra** [2] . The Chakras are major junction points between consciousness and body, and each one is associated with a specific vibration. Envisioned by the ancient seers as wheel or vortices of life force, they sometimes have been associated with major neural networks or hormonal systems.

Chakra (Luân xa)	Neural association	Hormonal
First - Root	Sacral plexus	Adrenal Glands
Second Creativity	Lumber plexus	Reproductive glands
Third – Energy	Solar plexus	Pancreas (Insulin)
Fourth – Heart	Cardiac plexus	Thymus gland
Fith – Expression	Cervical plexus	Thyroid gland
Sixth – Intuition	Carotid plexus	Pituitary gland
Seventh- Consciousness	Celebral cortex	Pineal gland

1.- Root Chakra

The Root Chakra, known in Sankrit as Maladhara, is located at the base of the spine. It governs your most basic survival needs. When the energy is flowing freely through this center, you have confidence that you that you can meet your core needs without struggle. When there is blockage in this area , you will tend to experience anxiety and worry.

...

The first Chakra connects you with **earth**, provides essential informationas to the potential nourishment or toxicity that is available to you as a result of the action you are taking. Keep

energy open and flowing in this source Chakra is the key to both physical and emotional abundance. The color of this energy center is **red**. It is associated with **the element earth and the sense of smell**.

2.- Creativity Chakra

The second chakra, called Svadhisthana, is associated with **creativity in all its expressions**. It is located in the area of your sexual organs, and the energy of this center can be used for biological reproduction. When channeled into higher energy centers, it fuels the creative force that enables you to paint a beautiful picture, write a novel, play music, build a business, or **create a life of love and abundance**. When your vital energy is flowing through your center. Or creativity, you cocreate your life, . . .

The mantra [2] for the first Chakra is **Lam**

When you are aligned with your creative juice, the expressions that emerge effortlessly. The second Chakra utilizes the raw material of the root Chakra to create the world anew each day.

The color for the second energy is **orange**. It is associated with **the element of Water** and the **sense of taste**.

The mantra for the second chakra is **Vam**.

3.- The energy Chakra

The third Chakra, Manipura, is located in the solar plexus. It is the seat of your power in the world. When this center is open and flowing, you are capable of translating your intentions and desires into manifestation. When it is blocked, you feel frustrated and ineffectual. The seeds of intentions and desires reside in your personal soul. Nourishing your seeds you wish to germinate with your intention will lead to their full expression.

. . .

Keep the your life energy flowing freely your third Chakra and the light the heat of your intentions will radiate to the world.

The color for the third energy center is **yellow** like the sun. It is associated with **the element of Fire** and the **sense of sight**.

The Mantra to clear and enliven the third Chakra is **Ram**

4.- Heart Chakra

The fourth Chakra represents the unifying energy of love and compassion. Known as Anahata, the heart Chakra is dedicated to overcoming separation and division. When the heart

center is blocked, there is a sense of alienation from others. When the heart center is open and flowing, you feel connected at a deep level to all beings in your life.

...

Every act of giving simultaneously an act of receiving. Each time you welcome a gift into your life, you are providing the opportunity for someone to give. Just as a healthy physical heart receives blood from the periphery which it then oxygenates and pumps back out, your emotional heart stays healthy by receiving and giving love in all its forms.

The color of fourth energy center is **green**. When flowing, it is the green nourishment, when congested, it can be green with envy. It is associated with **the element of Air** and the **sense of touch**.

The Mantra that awakens the fourth Chakra is **yum**,

5.- Expression Chakra

The Throat, called Vishuddha in Sankrit, is the center of expression. When it is open and flowing. You have the confidence that you are capable of communicating your needs. When the fifth Chakra is obstructed, a person will feel that he is not being heard. To feel alive and empowered, it is important that this energy center is clear. Energy blockages in this area are often associated with thyroid problems or chronic neck pain.

...

When your intentions are clear and your heart is open, you will spontaneously demonstrate right speech, trusting that the universe will handle the details.

The color of the fifth energy is **blue**. It is associated with the **element of ether** or **space** and the **sense of hearing**.

The Mantra to open the fifth Mantra is **Hum**.

6.- Intuition Chakra

The sixth energy center is sometimes known as the **third eye**. Located in the forehead. Ajina, as it is known in Sankrit, is the center of insight and intuition. When this center is open, you have a deep sense of connection to your inner voice and feel guided in your choice. When it is blocked. There is a sense of self doubt and distrust. The opening of this Chakra is usually associated with a clear sense of connection to one's dharma or purpose of life. ...

The color of the sixth energy center is **indigo**. It is associated with **extrasensory perceptual abilities** such as clairvoyance, clairaudience and **remote viewing**. The sense is **inner sound, independent and outside vibrations**.

The Mantra to awaken the sixth Chakra is **Sham**.

7.- Consciousness Chakra

This center, known as Sahaswara, is visualized as a Lotus flower at the crown of the head. When the Lotus unfolds its petals, the memory of wholeness is restored. You remember that your essential nature is unbounded and that **you are spirit in disguise as a person..** This is the full expression of yoga –the unification of being with action, of universality with individuality.

...

The color of the seven energy center is **violet**. It is associated with the sense of compassion that comes from recognizing another as a reflection of yourself. The sense is **the inner light** that radiates from **the eternal flame of sacred wisdom**.

The Mantra to nurture the seventh Chakra is **Um**.

So Hum Meditation

Every meditation technique offers something of value **to the mind and body**. We believe that procedures that **quiet your mind** allow you to glimpse the silent space between thoughts and help expand consciousness and **heal the body**. A very simple, effective, and easily learned meditation technique uses the breath along with a **breathing mantra to quiet the mind and relax the body**. If you are unable to receive personal instruction from a Primordial Sound Meditation Teacher, the So Hum meditation described below will help take your awareness from a constricted to an expanded state of consciousness, aligning joy with **the Law of Pure Potentiality**. [3].

We recommend that you practice this technique for twenty to thirty minutes twice daily. We encourage you to perform it soon after awaking and again before dinner. Although some people find that if they meditate before bed, they may have difficulty getting to sleep, you may find that by meditating at bedtime, you are able to turn off your mental turbulence from the day's activity and fall asleep easily after you have completed your meditation practice.

- 1.- Sit comfortably where you will not be disturbed and close your eyes.
- 2.- For a few minutes simply observe the inflow and outflow of your breath.
- 3.- Now take a slow deep breath through your nose while thinking the word So.
- 4.- Exhale slowly through your nose while thinking the word Hum.
- 5.- Allow your breathing to flow easily. Silently repeating, So,. . . Hum with each inflow and outflow of your breath.

6.- Whenever your attention drifts to thoughts in your mind, sounds in your environment or sensation in your body, gently return to your breath, silently repeating, So... Hum.

7.- Continue this process for twenty to thirty minutes with an attitude of effortlessness and simplicity.

8.- When the time is up, sit with your eyes closed for a couple of minutes before resuming your daily activity.

[1] .- I.- Mantra (Thần chú)

Mantra: originally in Hinduism and Buddhism) a word or sound repeated to aid concentration in meditation. 'A **Mantra** is given to a trainee meditator when his teacher initiates him'

[2] .- II.- Chakra (Luân xa)

Chakra comes from the Sanskrit, *cakra*, which means "wheel." According to yoga traditions, a chakra is one of seven points in the human body, each responsible for a specific "spoke" of physiological function and emotional experience. Yoga and meditation are a means of keeping all of the body's chakras unrestricted and open to the circulation of spiritual energy essential for health and emotional well-being.

[3] .- Law of Pure Potentiality

The first spiritual law of success is the Law of pre potentiality, which states that at the core of your being you are pure awareness. The realm of pure awareness is the domain of all possibilities and underlies creativity in all its forms. Pure consciousness is your spiritual essence and the source of the joy in life. The realm of pure potentiality is the home of knowledge, intuition, balance, harmony and bliss. Giving rise to thoughts, feelings and actions, it remained undisturbed. This domain is the womb of silence that gives birth to all form and phenomena in life. It is your essential nature. At your core you are your pure potentiality. The silent ever-present witness is your true Self. The experience of the Self, or self – referral, means that your internal reference point is your soul rather than the objects of your experience. The opposite of self – referral is object-referral. In object referral, you are influenced by what is happening outside the Self, which includes situations, circumstances, people and things. In object – referral, you need and therefore are constantly seeking the approval of others to feel comfortable and worthy. Because in object – referral your thoughts and behavior are always in anticipation of a response, it is the fear-based state of being.

The ego is your internal reference in the state of object- referral. The ego, however, is not who you really are.

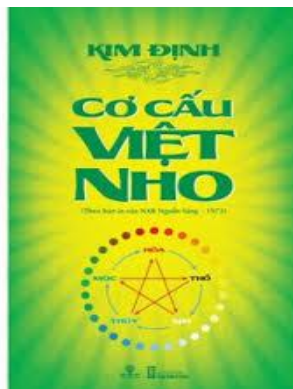
Rather, it is your social mask, the role you are playing. At one moment you play the role of friend, in the next the antagonist. You play the role of a child in the presence of your parents and the role of parent when you are with your children. You play one role when speaking with your supervisor and another with those you supervise.

Your social mask thrives on approval, strives to control and is sustained by power. The corollary of this is that your ego lives in fear of losing approval, control and power.

But your true Self, your soul, is completely free of these things. It is immune to criticism, fears no challenge, and feel neither beneath nor above anyone. Your soul recognizes at its deepest level that everyone else is the same Self in different disguises.

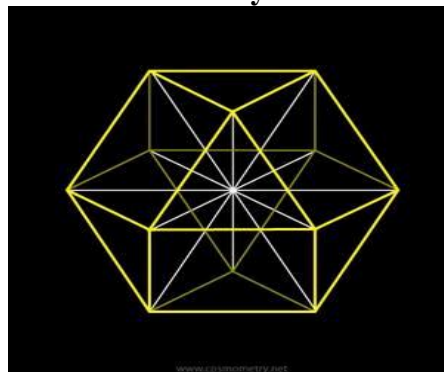
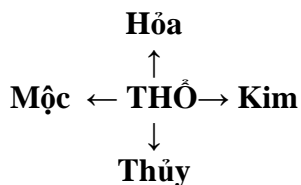
(The seven spiritual Laws of yoga by Deepak Chopra (M.D.) & David Simon (M. D.)

Hình Ngũ hành trên Bìa của cuốn Cơ cấu Việt Nho



(Do Hội Nhà Văn Việt Nam xuất bản trái Phép và phản Văn Hóa)

Ngũ hành



THỔ: Vector equilibrium

Tất cả các Hình trên Vector Quân Thiên đều đối xứng qua Tâm

THỔ ở trung tâm là Vector equilibrium đóng vai trò Tâm đối xứng để điều phối hai cặp đối cực Thủy / Hỏa, Mộc / Kim luôn ở vị trí cân bằng, khi đem Hành Thổ ra ngoài đánh mất Tâm Đối xứng, nên phá tan Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ (Cosmic Rhythm), phá tan luôn cả Vũ trụ, làm gì còn chỗ để làm Phong thủy nữa !

Xin rút những Hình Ngũ hành 5 góc đã tràn lan trên internet xuống, việc này rất hệ trọng, vì nó làm sa đọa nền Văn Hóa vương đạo (Dân chủ) thành Văn Hóa Bá đạo (Độc tài)!!!
*Ta nên nhớ ,các cặp Đối cực nhờ đối xứng qua Tâm, qua trục Tung, trục Hoành thì mới có lưỡng đoan tức là chấp nhận đối phương (**Chấp ký lưỡng đoan**) , khi hai đối phương có đồng ý Đối thoại theo tiêu chuẩn Công Chính (**Doãn chấp quyết Trung theo Nhân / Nghĩa**) để đạt tới giải pháp lưỡng lợi (win – win solution) mà hai bên có thể chấp nhận được, vì khi thoả thuận với nhau tuy phần Hòn Thua không đồng đều, mà tùy theo bên nào gần với Chính Trung hơn thì đạt nhiều hơn mà không ai Thua hoàn toàn, nên chú ý : **Dịch là Nghịch số chi lý** “, Nghịch số là cặp đối cực (opposite term), là nét Gấp đôi (Twofold) rất quan trọng trong nền Văn hoá Dân tộc .*

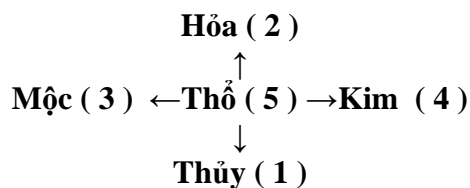
Dịch là nét Nhất quán, là Sợi Chỉ Hồng xuyên suốt nền Văn hoá Dân tộc, khi làm mất tính chất đối xứng của cặp đối cực để giúp “Âm / Dương tương thôi “ mà Biến hoá hầu đạt trạng thái Hoà , thì những Biến hoá trong Vũ trụ đều bị ngừng lại hết !

Nhu cầu cấp thiết của Nhân loại hiện nay là giúp mọi người sống theo Công lý để sống từ tôn mà Hoà với nhau, chứ không rú nhau vác gươm giáo làm anh hùng Bolchevick cùng nhau làm Cắt mạng Giết hàng trăm triệu người và phá nát bao nhiêu cơ đồ của nhân loại ! Có được cuộc sống Hoà thì mới sống an vui với nhau và cũng mới đoàn kết với nhau mà chống nổi giặc cướp Trong / Ngoài.

Vậy Hình Bìa trên, tuy mang tên “ Cơ cấu Việt Nho “, nhưng chẳng có mang Ý nghĩa gì về Cơ cấu và Nội dung của Việt Nho, xin vui lòng đừng phổ biến để gây ngộ nhận tai hại, thay vì phổ biến thì gây ra ngộ nhận về Việt Nho, việc này chẳng khác nào lối giải thích Ngũ hành theo ma thuật của Hán Nho trước kia.!

Đây là sáng kiến sai lầm của giới Phong thủy làm phá nát Thiên lý, nguồn gốc của Văn Hóa Việt.

Ý NGHĨA CÁC HÀNH VÀ CÁC SỐ TRONG NGŨ HÀNH



Đồ hình và số độ Ngũ hành

1.- Ý nghĩa các Hành

Thủy / Hỏa: Trục Tung

Mộc / Kim : Trục Hoành

Trục Tung / Trục Hoàn : Cơ cấu Vũ trụ.

2.- Ý nghĩa các Số

1 tượng trưng cho **Thái cực: Nhất nguyên lưỡng cực** .

2 tượng trưng cho Âm / Dương, cặp đôi cực của Dịch: Âm / Dương tượng trưng cho **Vũ trụ quan Động**.

3 tượng trưng cho **Nhân chủ: con Người Tự Chủ, tự lực, tự Cường : Nhân sinh quan Nhân chủ**.

4 tượng trưng cho Thời gian, (Four is the 4th dimension = time which is illusion). 4 mùa. 4 phương, 4 tuần trăng.

[4 : Four is the 4th dimension = time which is illusion . The number of order in the universe is 4—the four elements of earth, air, fire, and water; the four seasons; the four points of the compass; the four phases of the Moon (new, half-moon waxing, full, half-moon waning.)

5 Tượng trưng cho **nguồn Tâm linh: Nguồn Sống (Thủy: Vật chất), nguồn Sáng (Hỏa: Tinh thần)**

Vật chất với các Định luật Khoa học.

Tinh thần với **Tinh Nhân ái / Lý công chính (wave / Particle duality)** với **Định luật về Tâm linh**. (Bốn Định luật :**Dịch lý <: Biến dịch >, Giá sắc, Loại tự, Phản phục**)

[The number 5 represents fresh starts, adventure, excitement and freedom. It is the most dynamic and energetic of all the single digit numbers, and therefore always needing constant change.]

CƠ CẤU CỦA NHO QUA BẢNG NGUYỆT LỆNH

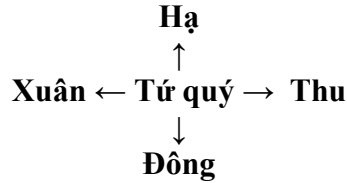
Ngũ Hành	Thủy	Hỏa	Mộc	Kim	Thổ
Thời Tiết	Đông	Hạ	Xuân	Thu	Tứ quý
Ngũ Phương	Bắc	Nam	Đông	Tây	Trung ương
Ngũ Tạng	Thận	Tâm	Can	Phế	Tỳ
Tác Dụng	Thị giác	Thính giác	Cử chỉ	Ngôn ngữ	Tư duy
Ngũ Sắc	Đen	Đỏ	Xanh	Trắng	Vàng
Ngũ Vị	Mặn	Đắng	Chua	Cay	Ngọt
Ngũ Cung	Vũ	Chủy	Giốc	Thương	Cung
5 Số	6	7	8	9	5
Thiên Can	Nhâm- Quý	Bính- Đinh	Giáp- Ất	Canh- Thân	Mậu-Kỷ

Chúng ta lần qua một “ số Cơ cấu Vũ trụ và Nhân sinh quan trọng “ của Nho trong Bảng Nguyệt lệnh để xem Hình Ngũ hành của Hình Bìa trên đưa tới kết quả nào?

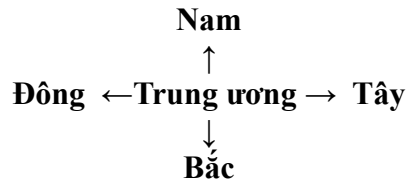
CƠ CẤU CỦA NHỎ THEO KHUNG NGŨ HÀNH

(THEO BẢNG NGUYỆT LỆNH)

A.- CƠ CẤU THỜI GIAN



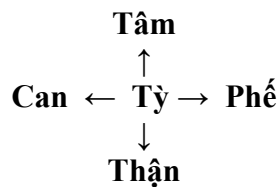
B.- CƠ CẤU KHÔNG GIAN



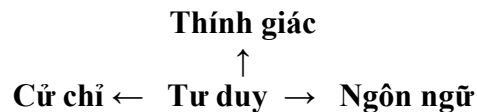
Trong hai hình về *Cơ cấu Thời gian* và *Không gian trên* ở trên, ta thấy **Tứ quý** đóng vai trò *Tâm Đối xứng* ở **Trung ương** (*Hành Thổ*) , nay đem *Thổ* ra ngoài để có 5 Góc thì *Tứ quý* ở *Trung cung* được đem ra làm một Góc thì chúng ta đã phá tan *Cơ cấu* của *Vũ trụ* và *Nhân sinh* rồi, đến đây không còn có gì để bàn thêm nữa.

Để khỏi bị ám ảnh bởi chữ “*Ngũ* “ đưa tới sai lầm 5 góc, *Tổ Tiên* chúng ta đã cảnh cáo: *Thổ* là “ **Hành Vô hành, Địa vô Địa** “ rồi, không thể đem *Thổ* ra làm 1 góc cho đủ 5 góc, thế mà chúng ta không để ý, nên sai một Ly là **phá đổ** cả *Cơ cấu* của *Vũ trụ* và *Nhân sinh* .

C.- CƠ CẤU NGŨ TANG



D.- CƠ CẤU NGŨ QUAN: (TƯ DUY)



↓
Thị giác

E.- CƠ CẤU NGŨ SẮC (HÔI HOA)

Đỏ
↑
Xanh ← Vàng ? → Trắng
↓
Đen

G.- CƠ CẤU NGŨ VI (ÂM THỰC)

Đắng
↑
Chua ← Ngọt → Cay
↓
Mặn

H.- CƠ CẤU NGŨ CUNG (NHẠC)

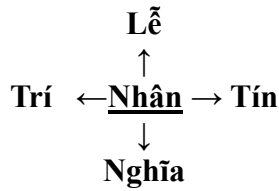
Chũy
↑
Giốc ← Cung → Thương
↓
Vũ

I.- CƠ CẤU THIÊN CAN

Bính Đinh
↑
Giáp ất ← Mậu Kỷ → Canh Thân
↓
Nhâm quý

L.- CƠ CẤU TU, TỀ

a.- Ngũ thường



b.- Ngũ luân



*Qua hai hình Ngũ Thường và Ngũ Luân, nếu ta đem (Lòng) “Nhân” trong Ngũ thường và (Tình / Nghĩa) “Vợ Chồng” trong Ngũ Luân ra khỏi **Trung cung hành Thổ** thì phá tan Cơ cấu cùng Nội dung của Ngũ thường và Ngũ Luân, tức là phá đi hai Mối Liên hệ Hòa, nền tảng của Nhân phẩm con Người.*

M.- CƠ CẤU TRI, BÌNH

HAY

CHỦ ĐẠO HÒA CỦA DÂN TỘC



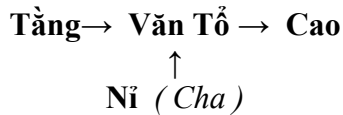
Văn Hóa Thái Hòa: Việt Nho / Triết lý An vi → I (Lương nhất).

*Trong hình về Cơ cấu Chủ Đạo Hoà, nếu ta đem nền “**Văn hoá Thái hoà**” ra khỏi Trung cung thì phá vỡ Cơ cấu và Nội dung Chủ đạo Hoà của Dân tộc, nạn phân hóa của Dân tộc hiện nay chính là Chủ đạo Hoà trong nền Văn hoá Thái hòa của Dân tộc đã bị mai một!*

N.- CƠ CẤU PHUNG VỤ: VĂN TỒ

“ Lối đặt bài vị theo Ngũ hành Chính sự xếp đặt này nói lên một cuộc cách mạng vĩ đại đã xảy ra ở miền Việt.

Tổ
↓



Ni là cha, khi còn sống thì gọi là Phụ, khi qua đời thì gọi là Khảo, khi rước vào Miếu thì gọi là Ni “.

Văn Tổ là **Perfect Ancestor** cũng là Thượng Đế, nếu đưa văn Tổ ra khỏi Trung cung thì hết còn có việc thờ Trời, thờ thượng Đế, thờ cúng Ông Bà Tổ Tiên về Nhân phẩm con Người nữa!

Xem thể Hành Thổ là Hành mang nguồn Lực năng động của Vũ trụ (Số 5 :dynamic force), Hành Thổ là Hành đa năng và đa hiệu, chúng ta lần lượt lướt qua một số trường hợp trong lãnh vực Khoa học và Nhân sinh để rõ hơn. Chúng ta hãy xét về Cấu trúc trước .

O.- Xét về Cấu trúc của nền Văn hóa

Nói chung, nền Văn hoá của Tổ Tiên chúng ta có một Cấu trúc được xếp theo thứ tự lớp lang (hierarchique): Gần / Xa, Trên / Dưới. Trong / Ngoài, Nhỏ / To, Đơn giản / Phức tạp, Thời gian / Không gian, Vũ / Trụ. . . ,tất cả đều được xếp đối xứng qua Tâm, qua trục Tung, trục Hoành, trục Chéo góc để duy trì Dịch lý trong từng Cơ cấu như chúng ta đã thấy trong Bảng Nguyệt lệnh , do đó mà Dịch lý là nét Nhất quán xuyên suốt nền Văn hóa

P.- Cấu trúc của Ngôi nhà Việt Nam mang Thiên lý (Dịch lý)

Trước hết ngôi nhà có **floor plan về 3 gian 2 chái, 5 gian 2 chái**. . .việc đem Cơ cấu của nền Văn hoá vào Tiện nghi của cuộc sống được gọi là “ **Thể Nhân đình Nghĩa: Mặc điều Nhân gắn điều Nghĩa vào mình** “.

Bây giờ xem **cấu trúc của ngôi nhà bằng gỗ** mang Thiên lý (Dịch lý)

Ngôi nhà được cấu tạo bằng cách kết hợp 3 thành phần: Cột đứng (Dọc), Xà (Ngang) và Kèo xiên (trung gian giữa Dọc Ngang).

Xà Ngang nối kết các Cột hàng Dọc, hai Kèo nối kết Xà Ngang và Cột Dọc thành khung nhà theo hàng Ngang làm khung cho bức tường của phòng. Còn Đòn Giông nối kết các khung bức tường của phòng theo hàng Dọc. Đòn Giông kết nối các bức tường hàng Ngang với nhau để giữ vững toàn ngôi nhà được vững vàng.

Để kết nối chặt chẽ các thành phần khác nhau như Cột Dọc, Xà Ngang, Kèo xiên được Chặt chẽ thì phải cần đến **cái Mộng cái Ngoàm**, Ngoàm Mộng là thành phần rất nhỏ nhưng tác dụng lại rất to, vì thiếu nó thì cả cái Khung nhà không đứng vững, mà bị sụp đổ. Cái Mộng cái Ngoàm chẳng khác nào các đinh vít nối chặt các bộ phận của máy vào nhau.

Cột Dọc, Đòn Giông Ngang, Xà Ngang, Kèo Xiên tương tự như Cơ cấu của Văn hóa, cái Ngoàm cái mộng, cái đỉnh vít tương tự như Dịch lý Âm / Dương hoà, vì nó duy trì được Tính chất biến hóa năng động của nền Văn hóa (tức Dịch lý).

Còn Ý nghĩa của ngôi nhà giống như Chủ đạo Hòa của Văn hoá vì nơi đó là Tổ Ấm Gia đình, nơi chốn con Người sống Hạnh phúc với nhau, nơi có “ An cư mới Lạc Nghiệp “ , Tổ Ấm Gia đình cũng là nền tảng của Xã hội an bình.

Q.- Cơ cấu Cơ thể con Người

*Con Người được được sinh ra nhờ sự kết hợp giữa Noãn bào của người Mẹ (**Âm**) và Tinh trùng người của người Cha (**Dương**) Khi Noãn bào và Tinh trùng được Luỡng nhất gọi là Thụ tinh thành Phôi, (**Âm / Dương hoà**). Phôi được phát triển theo trình tự (phân bào): một thành Hai, hai thành bốn thành Tám tế bào, . . .*

*Các Tế bào kết hợp với nhau thành Mô tế bào, các loại Mô khác nhau kết thành Ngoại hình là **Cơ bắp / Bộ xương** của Cơ thể và **Nội tạng** tức là Lục Phủ ngũ Tạng làm thành Cơ thể con Người.*

“ Con Người là một Cộng đồng có 50 tỷ tỷ tế bào (10 lũy thừa 18). Không có chức năng nào trong cơ thể con Người mà không hiện diện trong một tế bào.

Ví dụ; con Người được cấu tạo bởi nhiều hệ thống như Tiêu hóa, Hô hấp, Bài tiết, Cơ bắp và Xương cốt, tuyến Nội tiết, tuyến Sinh dục, hệ thống Thần kinh, hệ thống Miễn nhiễm.

Mỗi một chức năng trên đều hiện diện trong một tế bào.

Thực sự, con Người được tạo nên theo hình ảnh của một Tế bào.

(Theo Tài liệu của Bruce Lipton về **The wisdom of your cells [1]**)

*Đọc vài câu trong bài thơ **Auguries of Innocence** của William Black*

“To see a **world** in a **grain** of sand
And a **heaven** in a **wild flower**,
Hold **infinity** in the **palm of your hand**,
And **eternity** in **an hour**. “ . .

Trong Quốc Huy của Hoa kỳ (Great Seal of USA) Mỏ chim Ưng ngâm một giải lụa mang câu:

E Pleribus Unum: Out of Many One.

Cả ba trường hợp trên chúng ta đều thấy có ý: Đa - Nhất như vậy!

R.- Dịch lý với Cơ thể con Người

Tuy không chuyên về cơ thể, nhưng chúng ta có thể đem cái nhìn Dịch lý vào con Người để nhận sơ qua cấu trúc cũng như sinh hoạt của Cơ thể con cũng không ra ngoài sự vận hành của Dịch lý Âm / Dương hòa.

Ta thấy cấu trúc của bộ xương Người gồm 3 phần : Đầu, Mình và Tay Chân.

Tất các bộ phận từ Đầu, Thân mình đến Tay Chân đều được cấu tạo đối xứng và cũng sinh hoạt theo lối Âm / Dương hoà:

1.- Não

Não có hai Bán cầu đối xứng nhau. Bán cầu não Phải chủ nguồn Tình. Bán cầu não Trái chủ nguồn Lý, nhờ cầu nối corpora Callosum mà Tình / Lý được Luỡng nhất.

2.- Mắt

Mắt cũng có hai con mắt đối xứng. Mắt Phải cho một hình 2 chiều . Mắt Trái cũng cho một hình 2 chiều. Khi hai hình có giao thoa để Luỡng nhất thì mới có một hình nổi 3 chiều,

3.- Mũi

Mũi cũng có hai Hốc, chúng tôi chưa rõ Hốc nào ngửi được mùi nào, nhưng hai Hốc mũi đã giúp ngửi được nhiều mùi khác nhau.

4.- Miệng

Miệng có hai hàm Răng đối xứng. Hai hàm đều có những răng loại răng khác nhau, đối xứng nhau có chức năng khác nhau để cắt, xé và nghiền thức ăn. Khi hai Hàm có cùng làm việc (Luỡng nhất) thì việc nhai thức ăn mới được nhuyễn.

Mọi sinh hoạt của các Bộ phận trên đều sinh hoạt theo Dịch lý Âm / Dương hòa.

5.- Bộ Xương của Thân

Gồm cột xương trước ngực và xương cột sống được nối kết với nhau bởi các xương sườn, tất cả cũng đều đối xứng với nhau làm thành Lồng ngực chứa lục Phủ ngũ tạng

6.- Bộ xương Tay Chân

Xương Tay và Xương Chân đều có 3 đoạn nối kết với nhau, hai tay và hai Chân, các ngón Tay ngón Chân đều đối xứng với nhau qua Thân mình.

Khi hai tay có cử động kết hợp nhịp nhàng với nhau mới làm được nhiều việc ở nhiều Vị trí khác nhau.

Khi hai chân cứ luân phiên cử động nhịp nhàng thì mới Đi, Chạy, Nhảy được.

Khi hai Tay và hai chân có kết hợp với nhau mới bò, trườn và bơi các kiểu trong nước được.

7.- Ngũ tạng Lục phủ

a.- Ngũ tạng gồm: Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận.

1. **Tâm** là tim gồm 2 vách 4 ngăn
2. **Can** là gan gồm 2 lá
3. **Tỳ** là lá lách
4. **Phế** là phổi gồm 2 lá
5. **Thận** là hai quả thận (cật) gồm 2 quả

b.- Lục phủ là sáu bộ phận quan trọng trong vùng bụng của cơ thể con người. Lục phủ gồm: Vị, Đờm, Tam tiêu, Bàng quang, Tiểu trường, Đại trường.

1. **Vị** là bao tử (dạ dày)
. **Đờm** là mật
3. **Bàng quang** là bọng đái
4. **Tiểu trường** là ruột non
5. **Đại trường** là ruột già.
6. **Tam tiêu** là ba tiêu: **Thượng tiêu** là miệng trên của bao tử, **Trung tiêu** là khoảng giữa bao tử, **Hạ tiêu** là miệng trên của bàng quang.

8.- Hệ Thống điều hợp các Cơ quan trong Cơ thể

1.- Hệ Hô hấp thì có **Hô** và **Hấp** để **đem Oxygene vào** và **đưa Thán khí ra** và hệ **Thần kinh Giao cảm** và **Đối giao cảm** giúp **điều hoà nhịp Tim**.

2.-Hệ Tuần hoàn thì phải có **Động mạch**, **Tĩnh mạch** và **Quả Tim** để cho máu luân lưu khắp cơ thể.

3.-Hệ Thần kinh thì có **Thần kinh cảm giác** và **Thần kinh vận động** giúp cử động theo ý muốn.

4.- Hệ Tiêu hoá thì có các **Dịch** vị ở **Miệng** và **Dạ dày** để **Tiêu thức ăn** mà **Hóa ra chất bổ** nuôi cơ thể.

5.- Hệ Bài tiết thì có ăn uống vào để cung cấp **chất Bổ** cho **Cơ thể** thì phải thải **chất Bẩn** ra .

9.-Bảy Trung tâm Năng lượng (Tuyến Nội tiết)

Ngoài ra trong Cơ thể có 7 trung tâm năng lượng để điều phối sinh hoạt Cơ thể được liên tục và điều hòa . (xem seven energy centers ở trên)

Một câu hỏi được đặt ra là: Động lực nào đã chi phối sự phân bào và sự chuyên biệt của các Tế bào để tạo ra nhiều cơ quan có chức năng khác nhau, và điều phối các cơ quan sinh hoạt nhịp nhàng với nhau, phía Tôn giáo cho là Ý Thượng Đế, về Văn hoá Việt Nho có lẽ phải gán cho Trung cung Hành Thổ, có lẽ vì chúng ta mới suy đoán mà chưa thể chứng minh được, về Khoa học thì cho là do Gene điều khiển Hệ Thần kinh ?

Khoa vật lý Lượng tử tiết lộ rằng cơ thể biểu kiến của con Người không có gì hơn là năng lượng, chúng ta chỉ là sinh vật bằng năng lượng (Vật chất chứa Năng lượng < Tinh thần > nên con Người gồm một phần Vật chất và một phần Tinh thần kết hợp với nhau thành một Thực thể duy nhất (Dual unit) không thể tách rời)

Xin xem bài “ The wisdom of the cells “ ở dưới để nhận ra đâu là Tác nhân điều phối sự chuyên hoá của các tế bào. Đó là tác động của các làn sóng ba động (vibration wave) trong Trường (field) năng lượng, chứ không phải Gene của DNA hay vỏ Tế bào.

Quan niệm này cũng giống như Hành Thổ là nguồn năng lượng sinh động (số 5 : dynamic force) trong Vũ trụ. Đó là nguồn năng lượng $E = mc^2$ (Einstein), những ba động (vibration) năng lượng trong Vũ trụ có thể giao thoa (interference) với nhau để điều phối mọi sự trong tình trạng bình thường.

BS. Bruce Lipton cho biết, mọi thứ trong Vũ trụ đều là năng lượng, nên khi sống trong môi trường chúng ta vừa hấp thụ vừa phát ra năng lượng.

Người ta có thể dùng sự phát xạ năng lượng đặc biệt để làm giao thoa với năng lượng của Tế bào bị cancer, giúp tế bào cancer trở lại bình thường.

Tuy Trường năng lượng đã mở ra một môi trường sinh động mênh mông, nhưng chúng ta cũng chưa thấy được thêm những gì rõ ràng hơn.

Chúng ta lại thắc mắc đâu là Nguyên nhân sinh ra Năng lượng với Trường Năng lượng ba động (energy vibration) ?

Thì câu trả lời vẫn là: Đấng Tự Hữu và Hằng Hữu, Đấng vô Thủy, vô Chung với toàn Năng, toàn Thiện, Toàn Mỹ, Đấng Sáng tạo đó được gọi là Thiên Chúa , là Thượng Đế, hay Đấng Thượng Trí.

Như vậy, Hành Thổ chính là nguồn Lực sinh động (5: Dynamic force) sáng tạo ra Vũ trụ.

PHẦN BỐN: KẾT LUẬN

Chúng ta hãy nhớ lại những điều đã trình bày trên về Dịch lý. Khởi từ Thái cực được phân cực thành Âm / Dương, rồi từ Âm / Dương được phân ra thành ra hai cặp Đối cực Thủy / Hỏa, Mộc / Kim làm thành khung Ngũ hành với Đồ hình và Đồ hình và Số độ kết hợp, cả hai tượng trưng cho Cơ cấu Vũ trụ cùng Cơ cấu Nhân sinh hay Cơ cấu và Nội dung của Việt Nho.

Cả hai cặp đối cực trong **khung Ngũ hành** vẫn là **Nhất nguyên Lương cực** như **Thái cực**, rồi từ đó thành lập **Bảng Nguyệt lệnh** tức là bảng tóm tắt về **Cơ cấu Vũ trụ** và **Cơ cấu Nhân sinh**.

Cơ cấu Vũ trụ và **Nhân sinh** đều được cấu tạo bởi các cặp **Đối cực** tạo nên **Dịch lý Âm / Dương Hòa** trở thành sợi **Chỉ Hồng xuyên suốt Việt Nho**, sợi chỉ **Hồng** đó chính đó là các **Tiểu Thái cực**.

Do đó mà **Trung Dung** có câu:

“ Trung giả, Thiên hạ chi đại Bản

Hoà giả Thiên hạ chi đại Đạo

Thiên Địa vị yên

Vạn vật dục yên

Chí Trung hoà. “

Chúng tôi xin giải thích từng câu một:

Trung giả Thiên hạ chi đại Bản: *Trung giả là đương lối Trung dung tức là lối hành xử theo Dịch lý bằng cách dựa trên hai Tiêu chuẩn: **Chấp kỳ lưỡng đoan** và **Doãn cấp quyết Trung** hay hành xử với nhau theo **Trung đạo** hay **lối Chính Trung**, đó là cái Góc trong đường ăn lối ở của mọi người.*

Hòa giả, Thiên hạ chi đại Đạo: *Hòa với nhau là khi mọi người hành xử với nhau hợp với Trung đạo của đại Đạo Âm / Dương hoà.*

Thiên Địa vị yên: *Đó là khi mọi cặp Đối cực trong Trời Đất đều được sắp xếp đúng vị trí theo Khung Ngũ hành.*

Vạn vật dục yên: *Khi được sắp xếp đúng vị trí theo Khung Ngũ hành thì Vạn vật đều được nuôi dưỡng hầu sinh tồn và phát triển.*

Chí Trung Hòa: *Có cư xử đúng với Trung đạo nghĩa là hợp với lý Công chính theo Dịch lý (hay cách Đối thoại để Hòa giải) thì mới đạt trạng thái Quân bình động mà Hoà, gọi là **Âm / Dương hoà** hay **Thái hòa**, tức là đạt **Tiết nhịp hòa của Vũ trụ**. (cosmic rhythm) .*

*Con người ở Vị trí Trung cung hành Thổ, cũng là vị trí của nguồn Tâm linh, nên con Người cũng là một **Tiểu vũ trụ**, vì:*

Vạn vật đồng nhất thể: *Vạn vật trong Vũ trụ đều có cùng Bản thể: Vật chất và Năng lượng.*

Vạn vật tương liên: Mọi vật trong Vũ trụ đều có liên hệ chặt chẽ với nhau qua môi trường sống Vật chất và Năng lượng (Một số Vật chất có 3 trạng thái , một số Vật chất có thể biến thành năng lượng .)

Nhân Tâm, Thiên lý hồn nhiên nhất thể: Lòng Người và Lẽ Trời đương nhiên có cùng Bản thể.

Do đó mà **Việt Nho**, Văn hoá của Dân tộc được chúng tôi gọi tên là **nền Văn hóa Thái hòa**.

BA NGÔI SAO SÁNG TRÊN VÒM TRỜI VIỆT NAM

Trong “ Bình Ngô đại cáo “ Vua Lê Thái Tổ đã tuyên bố:

“ Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền Văn hiến đã lâu
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau
Song Hào kiệt thời nào cũng có. . . . “

(Nguyễn Trãi)

Trong “ thời gian cận đại “ , chúng tôi nhận ra được là nền Văn Hóa Thái Hòa Việt đã kết tinh nên 3 ngôi Sao sáng “:

1.- Ngôi Sao thứ nhất là Đại Thi Hào Tố Như Nguyễn Du

(Lúc Sinh thời, từ Huyện Nghi Xuân Cụ đã băng qua dãy Hồng Lĩnh tới Huyện Can Lộc để hát Phường vải!)

“ Ta cũng nòi Tình, thương Người đồng điệu

“ Cái kiếp không hoa lả-cắm,

“ Còn Hồn xuân-mộng bâng-khuâng.

“ Đã toan đúc sẵn Nhà vàng, chờ người Quốc sắc; ...”

Đây chính là “ Nòi Tình “ thuộc dòng dõi “ Sơ nguyên tượng “
của Huyền Tổ Mẫu Âu Cơ.

Đây là nguồn “ Tình Lý tương tham “ của Dân tộc Việt Nam

2.- Ngôi Sao Văn Hóa thứ hai là Triết gia Kim Định

Vị đã hy sinh ca cuộc đời khai quật lên công trình “ Văn hóa và Triết Việt rộng sâu tỏa khắp Đông. Tây , Kim. Cổ “, nền Văn Hóa đã bị kẻ thù truyền kiếp Hán Hoa làm cho bị chôn vùi sâu dưới lớp bụi Thời Không qua hàng ngàn thế kỷ, do đó mà nền Văn Hóa Dân tộc suy hóa tận nền.

Đây chính là “ Tinh thần Bất khuất “ của Dân tộc Việt Nam.

3.- Ngôi sao thứ Ba là Giáo sư Tiến sĩ Trần Văn Khê

Vị đã đem nền Ca nhạc vô cùng phong phú, nhuôm “ tinh thần huyền đồng cùng Vũ trụ “ của Dân tộc phổ biến khắp năm châu.

Đây chính là “ Nguồn Hòa của Văn Hóa Thái Hòa Việt Nam “

Âm nhạc là Nữ vương của Khoa học .

“ Khúc đầu đầm ấm dương hoà,
“ Ấy là Hồ điệp hay là Trang sinh
“ Khúc đàn êm ái xuân Tình
“ Ấy là Thục Đế hay mình Đỗ quyên?
“ TRONG sao Châu rõ duềnh quyên?
”ẤM sao hạt ngọc Lam điền mới đông! “

[Kiều. Nguyễn Du]

[Xin xem Hồi Ký Tàn Văn Khê trên vietnamvanhien.net]

Việt Nhân

Tham Khảo

MINH TRIẾT VIỆT

Lời Mở đầu

*Nhận được thư chuyển có tựa đề: **Mối Quan hệ giữa Minh Triết với Quyền lực và Chính trị “ của Ts. Lê Công Sự “ cùng bài phản biện của Ông Phạm Khiêm Ích (1) với lời yêu cầu Góp ý của Ông Lê An Vĩ, tiếp theo chúng tôi lại nhận thêm bài Thơ “ ĐẤT nước mình ngộ lắm phải không Anh ? của người con Gái nơi quê Mẹ của tôi cách nửa vòng trái Đất “ (2), cùng những tin đồn dập về Cá chết hàng loạt ngoài biển miền***

Trung, chúng tôi không có ý phản biện bài viết, cũng không họa thơ, mà chỉ nhận cơ hội góp vài ý về Minh triết Việt để làm sáng tỏ một vài vấn đề về Văn hoá Việt, hy vọng sẽ phân nào đáp ứng được ước vọng của những người còn thiết tha với tiền đồ của Dân tộc. Tuy với Hình thức Cũ rất Cũ, nhưng với Tinh thần Minh triết, Bài viết sẽ mang tới Nội dung rất Mới, rất hợp với thời đại Khoa học ngày nay, Bài góp ý hơi dài, Kính xin quý vị cảm phiền chịu khó đọc cho hết. Đa tạ.

(Bài này chúng tôi viết đã lâu, nay nhân có vị bàn về Triết, về Minh Triết, chúng tôi hoàn chỉnh lại một phần cũng như thêm vài đoạn tham chiếu, xin đăng lại cho rộng đường dư luận, Rất tiếc chúng tôi không còn có bài của TS..Lê Công Sự)

MINH TRIẾT VIỆT

I.- Định nghĩa: Triết: Triệt dã:

*Theo Nho thì Triết cần phải “ suy xét cho tới cùng triệt “mọi vấn đề, nên phải **Triệt Thượng và Triệt Hạ**. Triết gồm có hai lãnh vực ngược chiều:*

***Triệt Thượng** là : **Cao minh phối Thiên:** Có **vuôn Lên chỗ Cao** mới Sáng soi thấu được cõi Trời hay linh phối với Trời để tiếp cận với nguồn Tâm linh: Nguồn Sống và Nguồn Sáng .
Nguồn Sống là **Vật chất** (Thủy). **Nguồn Sáng** là **Tinh thần** (Hỏa).*

***Triệt Hạ** là: **Bác hậu phối Địa:** Có **lăn lộn Xuống khắp** chốn Rộng Sâu mới bao quát được bờ cõi mặt Đất để khai thác các định luật trong Vũ trụ cần thiết cho đời sống **Vật chất**.
Con Người là Tinh hoa của Trời Đất (**Nhân giả kỳ Thiên Địa chi Đức**), tuy Tinh hoa Trời Đất được kết tụ nơi Minh, nhưng Tinh thần và Vật chất có được kết hợp với nhau làm Một (: **Body and Mind in One**) thì mới giúp cho “ **Thân an Tâm lạc** “, nhờ đó mà con Người có “ **một Cơ thể khỏe mạnh trong một Tâm hồn minh mẫn** “, cũng nhờ đó mà con người có khả năng sống theo Tiết nhịp “ **Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa.** “. **Nói cách khác, khi có cái nhìn Cao Sáng và Sâu Rộng đủ cả Trên lẫn Dưới, cả Trong lẫn Ngoài, từ Gần tới Xa, từ Nhỏ tới To, từ nơi Rõ ràng tới chốn Sâu kín. . . thì con Người mới được Chu tri (holistic knowledge) hay có cái Nhìn viên mãn để tránh cảnh “ triết lý sò voi “ mà đưa tới cảnh bị phân hoá. Khi kết hợp được hai chiều ngược nhau của: Trên / Dưới , Cao / Thấp, Trong / Ngoài, Rộng / Sâu, Trước / Sau . . . thì con Người mới có cái nhìn toàn diện, giúp quán thông được cả ba cõi Thiên, Địa, Nhân , do đó mà Nho gia bảo : ” Thông Thiên, Địa, Nhân, Viêt Nho. “.***

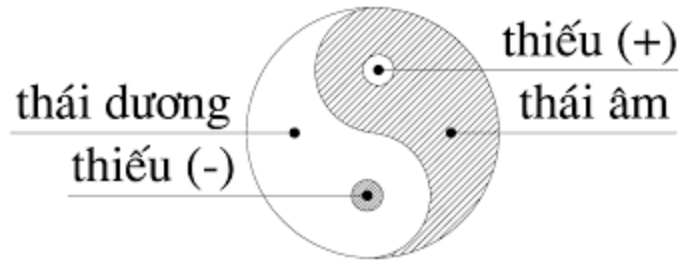
II.- Minh bằng cách nào?

*Minh là “ làm rõ ra , “ phải làm sao cho **Triệt Thượng** và **Triệt Hạ** ngược nhau như Trời cao Đất thấp, Trời rộng Đất sâu, hai bên như Nước (Thủy) và Lửa (Hỏa) mà giải thích sự giao hòa hay*

*sự kết hợp với nhau thành nét **Lưỡng nhất** (Dual unit: 2 →1), đó là điều vô cùng khó khăn mà làm sáng tỏ được , nên mới xứng đáng được gọi là **Minh Triết**.*

Chúng ta dùng hình Thái cực để giải thích về nét Lương nhất: “ Âm Dương hòa “.Triệt Hạ là Âm, triết Thượng là Dương, triết Hạ / triết Thượng lương nhất là Nhất nguyên lương cực như Thái cực Âm / Dương Hòa , như vậy cũng làm tỏ rõ được Dịch lý cũng là Thiên lý.

Thái cực gồm Âm (màu Đen) / Dương (chấm màu Trắng) kết lại làm một, gọi là “ Nhất Nguyên Lương cực: Thái Âm và Thái Dương lương nhất ”.



Thái cực được phân cực thành Thái Âm và Thái Dương với : “Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn: Trong Thái Âm gạch Đen có mầm Dương màu Trắng, trong Thái Dương màu Trắng có mầm Âm màu Đen “.

Tương tự như vậy, Nhà Tâm lý miền sâu (deep psychologist) Carl Jung có câu: “ The principle of masculine within a woman (Thái Âm) & The principle of feminine within a man (Thái Dương) “

Nho còn có câu: “ Thể / Dung nhất Nguyên, Hiên vi vô gián: Cái Thể (Bên Trong) và Diện (Bên Ngoài) có cùng một Gốc, Cái Hiện rõ (Dương) và cái Ẩn tàng (Âm) liên kết với nhau, không có chia cách “.

*Thái Âm (màu Đen): Âm trung hữu Dương căn (có chấm màu Trắng): Trong Âm có mầm Dương. Tuy Âm có Thể bên Trong màu Đen, nhưng Dung hay Diện bên Ngoài lại có chấm Trắng, nên Diện mang tính chất Dương, do đó Thái Âm (Người Nữ) trở thành ion +

*Thái Dương (màu Trắng): Dương trung hữu Âm căn (có chấm màu Đen): Trong Thái Dương có Thể màu Trắng lại có cái Diện mầm Âm màu Đen, nên cái Diện bên ngoài mang tính chất Âm, nên Thái Dương (Người Nam) trở thành ion -.

*Ion + ion - giao thoa với nhau thành dòng Điện tức là ion - và ion + đạt trạng thái Hòa ở thế Quân bình động.

Khi hai người Nam Nữ gặp nhau có tần số thích hợp thì bị dòng điện cuốn hút và yêu thương nhau mà kết nên Vợ Chồng.

Triệt Thượng liên hệ với Âm (Thái Âm: ion +), Triệt Hạ với Dương (Thái Dương : ion - , khi Thượng Hạ giao thoa thì « Âm Dương hoà ». Khi “Âm Dương hoà “thành luật phổ biến thì trở thành « Đại Đạo Âm Dương hoà « .

Mình triết cũng là cách giải thích rõ luật Biến dịch của “ Nghịch số chi Lý “ tạo thành nét lương nhất trong Vũ trụ, đó là Dịch lý cũng là Thiên lý.

Definition of wisdom

(Entry 1 of 2)

1a: ability to discern inner qualities and relationships : **INSIGHT** (**NỘI TÌNH**)

b: good sense : **JUDGMENT** (**SUY TƯ / QUY TƯ**)

c: generally accepted belief challenges what has become accepted wisdom among many historians—
Robert Darnton

d: accumulated philosophical or scientific learning : **KNOWLEDGE** (**NGỌẠI LÝ**)

2: a wise attitude, belief, or course of action

3: the teachings of the ancient wise men

(Merriam- Weber Dictionary)

Minh Triết

“ Nói về hình thức thì Minh triết chỉ sự khôn sáng của các thánh hiền đã được kết tinh vào những câu **Triết ngôn** thuộc Truyền Thống tinh thần. Các ngài là những vị siêu quần bạt chúng đã tới cái biết trí tri thể nghiệm nên những lời huấn đức của các ngài tuy vắn tắt kiểu **châm ngôn** nhưng có hiệu lực muôn đời như: **Pythagore, Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca** v.v...

Các Ngài lo sống cái Minh triết hơn là nghĩ đến viết ra sách vở.

Phương pháp các ngài là Thể nghiệm, Trực giác, không dùng đến Lý luận, Phân tích hoặc dùng rất ít như trường hợp Khổng.” (*Kim Định*)

*Đông phương thì có Minh triết « Đại Đạo Âm Dương hoà ». Tây phương cũng suy tư theo nghịch lý **Diễn dịch / Quy nạp** hay **Phân tích / Tổng hợp**, nhưng không thấy đề cập tới nét Nhất quán hay Lương nhất của Vấn đề. **Mối Liên hệ của Tây phương** theo Khoa học thuộc loại **Liên hệ Cơ khí (mécanique)** chứ không phải **mối Liên hệ Cơ thể (organique)** hai chiều theo **Dịch lý như như Đông phương**.*

*Tổ tiên chúng ta đã sống thuận theo Thiên lý bằng cách sống sao cho « **Tình Lý tương tham** », Cụ Nguyễn Du đã ví von : " **Bên Ngoài là Lý, nhưng Trong là Tình** . Khi sống ngoài Xã hội thì phải Suy tư để **phát triển Lý trí** để khám phá vũ trụ Vật chất mà nâng cao đời sống Vật chất, nhưng còn phải Quy tư về nguồn Tâm linh mà nâng cao đời sống Tinh thần bằng cách ngồi yên tĩnh và bất động, bỏ vương vấn cuộc đời mà « **Đôn hồ nhân, cố năng ái** : Đôn hậu Tình người để mà yêu thương nhau « tức là **un đức nguồn Tình** để hoàn thiện mối Liên hệ thân tình với nhau«.*

Khi sống với nhau trong Gia đình và ngoài Xã hội thì lại phải dùng Lý, nhưng Lý cần được sự hướng dẫn che chở của nguồn Tình để cho Lý được công chính mà đạt tới trạng thái Hòa

***Tình Và Lý phải tương tham** hay Lương nhất như sự truyền đi của Ánh sáng : Theo nhà vật lý Brooglie thì Ánh sáng được truyền đi vừa theo Đường Thẳng của dòng Hạt photon vừa theo làn Sóng hình Sin bao quanh dòng photon. **Làn Sóng bao bọc che chở dòng Photon tựa như nguồn Tình, dòng Photon hướng dẫn Làn sóng theo đường thẳng để đạt tới Lý Công chính.** Đây là lối sống hòa « **Hợp Nội Ngoại chi Đạo: kết hợp Trong (Tình) / Ngoài (Lý) vào nhau làm Một** « . (*Wave Particle duality*)*

Tình thôi thúc con Người tìm đến với nhau, Lý giúp con người sống « có Đi có lại cho toại lòng nhau « nghĩa là sống công bằng mà Hoà với nhau, khi hành xử Tình / Lý kết đôi thì sống hoà vui với nhau. Hoà là nguồn mạch của hạnh phúc.

*Nếp sống theo Việt lý này đã được thấm nhập vào huyết quản của Dân tộc Việt trong mọi lãnh vực qua hàng ngàn năm. **Các cặp đối cực của Dịch lý hay nét Lương nhất là sợi chỉ hồng***

xuyên suốt nền Văn hoá Việt, nét Lương nhất đã thấm nhập vào mọi sinh hoạt của dân Việt như các huyết quản chu lưu khắp thân thể con người .

Đây là nếp sống vừa Chu tri theo tinh thần Triết lý (Lý) vừa có tính chất Tế vi của Nghệ thuật (Tình) để giúp sống hòa với nhau, nên là việc không dễ làm, xin đừng lầm là nếp sống nhà quê lạc hậu.

III.- Ví dụ điển hình

Để làm sáng tỏ Vấn đề, chúng ta xét tới sự giao thoa của các cặp thành nét Lương nhất, các cặp đối cực lương nhất là phổ biến trong Vũ trụ :

1.-Trong Con Người: *Khi em bé vừa được sinh ra, bắt đầu hơi Thở Vào và hơi Thở Ra được điều hòa thì mới khóc oe oe,báo hiệu là cuộc sống bắt đầu . Hơi thở Vào do Thần Kinh Giao cảm (sympathetic) làm cho quả Tim đập nhanh, hơi Thở Ra do Thần kinh đối Giao cảm (parasympathetic) làm cho quả Tim đập chậm, do vậy mà hơi Thở Vào và Thở ra có điều hòa theo Quân bình động thì áp suất máu mới điều hoà, sức khỏe con Người mới ổn định.*

Những người có hơi thở không điều hoà thì bị bệnh Áp huyết cao hay thấp. Người ta thường ngòai Thiền tập hơi Thở Vào / Thở Ra để duy trì thể cân bằng trong Cơ thể hầu thư dãn, hầu loại trừ những ý tưởng làm vướng vắn cuộc đời cho Thân an Tâm lạc hay Thân Tâm hợp nhất (Body and Mind in One)

2.- Trong cây cối: *Rễ cây thì mọc Xuống,Thân, Cành, Lá thì mọc Lên .*

Rễ cây hút Nhựa Thô dưới Đất chuyển Lên Lá cây, ở đây nhờ năng lượng ánh sáng mặt Trời, Nhựa Thô được quang hợp thành Nhựa Luyện. Nhựa luyện lại được chuyển Xuống khắp nơi trong cây để cho cây sinh tồn và phát triển.

Nhờ Hiện tượng luân chuyển Lên Xuống để cho nhựa Thô biến thành nhựa Luyện để cây phát triển mà đơm Hoa kết Trái. Hoa Trái là hệ quả cao nhất của hoạt động Lên Xuống của nhựa cây. Hoa được kết Trái là Tinh hoa của sự Lượng hợp Lên Xuống của nhựa cây.

3.-Trong Sinh vật: *Gái / Trai, Mái / Trống, Cái / Đực , nhụy Cai / nhụy Đực là những cặp đối cực (opposite term) kết hợp với nhau mà sinh ra Con Cái . Con Cái là hệ quả của nét Lương nhất . Con cái (1) mang nhiễm thể X/Y của Cha Mẹ (2) mà thành là nét Lương nhất (2 → 1)*

4.- Trong Không gian: *Các Thiên thể di chuyển không ngừng trong không gian theo hướng vô cùng vô tận nhờ sự cân bằng động của sức Quy tâm và Ly tâm.*

5.- Trong một Nguyên tử: *Một Nguyên tử được trung tính nhờ sự cân bằng giữa sức Quy tâm của hạt Nhân (proton mang điện Dương) và sức Ly tâm (electron mang điện Âm)*

6.- Trong Điện học : *Những ion – và ion + chạy ngược chiều trong dây dẫn điện giao thoa nhau mà sinh ra dòng Điện.*

7.- Trong Từ học: *Từ lực của Cực Nam và cực Bắc của một Nam châm giao thoa nhau mà sinh ra Từ phổ.*

8.- Trong Hoá học thì có Base (pH: 7 - 14) và Acid (pH : 7 – 1) phản ứng với nhau mà có phản ứng Trung tính.

9.- Trong Âm học thì hai âm có Tần số thích hợp thì giao thoa với nhau mà sinh ra tiếng Bồng tiếng Trầm cũng như cộng hưởng với nhau,

7.- Trong Toán học thì có số Âm - và số Dương + đối xứng kết hợp với nhau thành số 0. Số 0 đã đẩy Toán học lên những bước rất cao xa. Trong toán học cũng có phép Vi phân và Tích phân.

8.-Trong Vũ trụ cũng có năng lượng Tối và năng lượng Sáng, năng lượng Tối là nguồn Sóng, nguồn Tĩnh, năng lượng sáng là Nguyên Lý ..

10.- Trong Khoa học Vật Lý hiện đại thì có Thời / Không nhất phiên (Time – Space – Continuum) của Einstein. Thời gian và không gian là hai mô căn bản (tissu fondamentale) như sợi Dọc và sợi Ngang đan kết với nhau mà sinh ra vạn vật. (Xem SPACE.com. Warping Time and Space).

11.- Trong Nho thì có Cơ cấu Ngũ hành: 2 cặp đối cực (Thủy / Hỏa, Mộc / Kim) của Tứ hành nhờ sự Dung hoá của hành Thổ mà đan kết với nhau mà sinh ra vạn vật. Ngũ hành chính là nguồn sinh sinh hóa hóa của Vũ trụ, hay Tạo hóa hư hay Lò Cừ .

13.- Trong Lạc thư của Lạc Việt thì có các cặp số Lẽ và số Chẵn thuộc vòng Trong và vòng Ngoài của số độ Ngũ hành được xếp theo mạch nối chữ Văn và chữ Vạn, quay ngược chiều nhau, đan kết với nhau cá biệt hoá mà sinh ra vạn vật, đó là Lạc thư Minh triết (xem cuốn Lạc thư Minh triết của Kim Định).

14.- Hà đồ (sách Cha) **Lạc thư** (Sách Mẹ), kết thành **Đồ Thư hợp nhất. Đồ Thư hợp nhất** có tổng số 100 chấm Đen và Trắng gồm 50 chấm Đen (Âm) và 50 chấm Trắng (Dương), hai bên Âm Dương bằng nhau, tượng trưng cho Nam Nữ Bình quyền, Bình đẳng , **Số 100 này được dùng làm nền tảng cho Huyền thoại Tiên / Rồng 100 trứng 100 Con. Huyền thoại Tiên Rồng là nền tảng cho Tổ Âm Gia đình cũng là Tinh thần Dân tộc của Việt Nam: Nhân / Nghĩa , Bao dung (Hùng / Dũng).**

Những ví dụ trên nói về sự kết hợp của những cặp đối cực làm Một để thành một hợp thể Tiến bộ mang tính chất Hòa, gọi là nét Lưỡng nhất .

IV.- Dịch lý

Tất cả các cặp đối cực được Nho tổng quát bằng Âm Dương. Cặp đối cực Âm Dương là Nghịch số của Dịch (nguồn của sự biến hoá), nên có câu: “ **Dịch : Nghịch số chi Lý** “ , **Lý Biến dịch của “ Âm Dương tương thôi** “ (Tương thôi là níu kéo và xô đẩy nhau) lập nên thể Quân bình động, nhờ trạng thái quân bình động mà thay đổi để Tiến bộ và luôn được ổn định trong trạng thái cân bằng động tức là trạng thái Hoà, do đó mà có : “ **Âm Dương hoà** “ . Đây cũng là lúc “ **Đất với Trời xe chữ Đòng** . (bài hát “ **Đêm Thánh vô cùng** của Công giáo). **Âm Dương hoà là luật phổ biến, nên trở thành “ Đại Đạo Âm Dương hoà “ hay còn gọi là Tiết nhịp của Vũ trụ (cosmic rhythm)** .

Ta có thể lấy thí dụ đơn giản để gợi ý về sự Biến dịch của “Âm Dương tương âm” như sự kéo dãn của hai phe. Hai phe là cặp đối cực mà sức Niu / Kéo của hai bên không quá cách biệt, khi hai bên kéo nhau thì Không bên nào thắng hoàn toàn, cái dây cứ dãn co, cứ liên tiếp xích bên này rồi xích bên kia, mỗi lần di chuyển rồi lại ngừng giây lát, và cứ dãn co như vậy.

Sự di chuyển tạo ra sự “Tiến bộ” và sự ngừng lại ở từng thời điểm và không điểm là Trạng thái “giao Hòa nhau” tạm thời, điểm Ngừng lại không ở một chỗ mà cứ di chuyển qua lại liên tiếp, đó là trạng thái Quân bình động.

Như vậy, sự Biến dịch theo Dịch lý tạo ra sự Tiến bộ ở Trạng thái tạm ổn định mà Hòa ở từng Thời và Không điểm gọi là Quân bình động.

Vợ Chồng là Nghịch số, là cặp đối cực. Vợ Chủ Tình, Chồng chủ Lý, khi sống sao cho Tình / Lý vẹn toàn với nhau để “Thuận Vợ thuận Chồng” là điều rất khó. Mỗi Tình giúp hai Vợ Chồng tìm đến kết đôi với nhau, Lý giúp hai Vợ Chồng hành xử công bằng với nhau mà sống Hòa với nhau để “Thuận Vợ Thuận Chồng”, sống Hạnh phúc bên nhau, Hạnh phúc là mục tiêu cao cả của con Người. Vợ Chồng là đầu mối của đời sống của người Quân tử (Quân tử cho Đạo, tạo đoàn hồ phu phụ), vì Gia đình là nếp sinh hoạt khó khăn nhất và cao trọng nhất trong Vũ trụ và cũng là nền tảng của Xã hội. Gia / đình “thuận Vợ thuận Chồng” là nguồn Hạnh phúc của con Người, của Gia đình - cũng là nền tảng Hoà bình của Xã hội -.

Xấu / Tốt, Lành/ Dữ đều là cặp đối cực. Cái Xấu, cái Dữ “tôn vinh” cái Tốt. Cái Lành, cái Tốt lại làm “nổi bật” cái Dữ cái Xấu, hai bên cần san sẻ cho nhau, Bù / Trừ cho nhau để cho bớt sai biệt, theo cách làm Hòa của Âm Dương Hòa.

Lành, Tốt thì Cho, Dữ, Xấu thì Nhận, sao cho hai bên cân bằng, khi đó hai bên sẽ giải tỏa được sự cách biệt, đó là “Luật Cho và Nhận” của Dịch lý, Thiên lý (Law of Giving & Receiving) .

Cặp đối cực Âm Dương kết thành Thái Cực. Nho lại có câu: “Nhân nhân, vật vật các hữu Thái cực”: Người nào, Vật nào cũng đều có Thái cực, vì Người nào, Vật nào cũng do cặp đối cực đã kết thành lưỡng nhất.

Do đó mới có câu: “Thể / Dụng nhất Nguyên, Hiên / Vi vô gián”: Cái Thể bên Trong và cái Dụng bên Ngoài của mỗi Vật đều có nguồn Gốc Nhất thể. Con Người chân tu có cái Thể (Lòng) Nhân ái thì mới có bộ Mặt (Diện) hiên lành, Ăn Nói từ tốn, Hành động khiêm cung.

Nhất thể của Vạn vật là Vật chất và Năng lượng. Vật chất có thể biến ra năng lượng theo công thức (của Einstein) : $E=MC^2$. M là khối lượng Vật chất được biến ra năng lượng, C là tốc độ ánh sáng: 300.000 km / giây . C^2 : bình phương của tốc độ ánh sáng. E là năng lượng phát ra từ khối lượng vật chất M được truyền đi bằng bình phương của tốc độ ánh sáng, đó là năng lượng Nguyên tử .

Con Người có Cơ thể là Vật chất. Vật chất và Tinh thần (siêu Vật chất) đều hoạt động được là nhờ năng lượng. Vật chất và Tinh thần có là Một thì con Người mới quân bình. Cùng một lẽ, Đạo và Đời cũng là Một như hai mặt của đồng tiền, không thể ly cách, nên: “Đạo bất viễn nhân: Đạo không ở xa con Người mà ở trong Tâm con Người”, muốn tu thì cứ đi vào Tâm mình bằng cách ngồi yên tĩnh và bất động, xóa bỏ màn Vô minh Tham, Sân, Si cho cõi Lòng trống rỗng mà tiếp cận với Nguồn Sống và nguồn Sáng, nên ai cũng phải Tu, mà Tu Đạo là để có Nhân Nghĩa mà sống Hoà trong Đời, ở Đời mà không Tu để tìm về Nguồn Gốc.” thì mất

Gốc Nhân Nghĩa thuộc Tâm linh mà sống xào xáo với nhau . Chữ Đạo theo Nho là đi về Nguồn (Tâm linh).

Do đó “ **Cổ lý vật cầu Đạo giả, vọng nhi dĩ hĩ: Việc Lià Xa sự Vật mà cầu Đạo là chuyện hão huyền** “ (Hồ Như Phong. Đại cương 145).

Cũng thế, những cái **Hiện rõ** (Dương) cũng như cái **Ẩn tàng** (Âm) đều không có chia cách vì cùng **Nhất thể**, do **Nhất thể, nên “ Vạn vật tương liên ”**, giữa con Người với các môi trường Không khí, Nước, Đất cũng như (môi) trường Tần số (do ba động của làn Sóng) đều có Liên hệ Cơ thể với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, một cái đỡ nắm tay của chúng ta cũng ảnh hưởng đến cả Vũ trụ, vì vật nào nặng nhẹ đều phát ra Tần số, vật nặng có Tần số Thấp, vật Nhẹ có Tần số Cao, các Tần số thích hợp có thể giao thoa và cộng hưởng với nhau, do đó mà **Tổ tiên chúng ta có câu: Hồn Thiêng Sông Núi.**

Hồn thiêng là khi nào và ở đâu Hồn cũng hiển hiện được, và hiển hiện cùng một lúc (cùng Thời gian) ở nhiều nơi trong Không gian (ubiquitous), đó là nhờ tần số của Tư tưởng. Tần số do năng lượng của các electron phát ra khắp vũ trụ. Người ta biết được **khả năng hiển hiện của Tần số do năng lượng của electron phát ra khắp nơi**, vì tổng số pin của hai electron ở gần hay cách xa vạn dặm vẫn bằng không, số pin là số vòng quay ngược chiều của hai electron. Nhờ có năng lượng mà con người Suy tư được, năng lượng gây ra ba động tạo ra tần số.

Theo Huyền thoại Việt Nam, chúng ta có Châm ngôn: **Mẹ: Non Nhân, Cha: Nước Trí, Con Hùng Vương : Hùng Dũng . Mẹ / Cha , Nhân / Trí là Nghịch số trong Thái cực. Khi mình Ẩn Ở biết yêu thương nhau (theo Tình: Nhân) và hành xử Công bằng với nhau (theo Lý: Nghĩa) thì mình bắt gặp được Tần số tư tưởng của Cha ông qua cảm nhận của Trực giác.**

Khi luôn sống theo Tình Lý kết đôi thì con Người trở nên Hùng Dũng: Hùng là sức mạnh của Cơ bắp, Dũng là sức mạnh của Tinh thần. Hùng Dũng là tinh thần Đoàn kết Dân tộc cũng là Nội lực của Dân tộc để lập Quốc Việt Nam .

Vua Hùng là Quốc Tổ Hùng / Dũng của Việt Nam.

B.- MINH TRIẾT TRONG SINH HOẠT TINH THẦN

Sinh hoạt Tinh thần của Tổ Tiên cũng đều theo lối Dịch lý: **Hợp Nội / Ngoại chi Đạo :Nội là Quy tư, Ngoại là Suy tư.**

Quy tư / Suy tư cũng là cặp đối cực triết Thượng / triết Hạ:

Một là **hướng Ngoại** thì **Suy tư** để khám phá Định luật trong thế giới Vật chất mà nâng cao đời sống. Hai là **hướng Nội** tức là **Quy tư** về Tâm mình để tiếp cận với nguồn Tâm linh: nguồn Sóng và nguồn Sáng. Nguồn Tâm linh là Động lực (Tình) giúp cho Hướng đi của nguồn Sáng (Lý) được Công chính mà Hoà với nhau.

Khi kết hợp được Nghịch số Quy tư và Suy tư theo Dịch lý “Âm Dương hòa “ thì cuộc sống con Người mới bắt nhịp được với Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ mà sinh tồn và phát triển.

Để cho đối cực **Suy Tư / Quy tư lưỡng nhất**, mỗi Tôn giáo. mỗi Văn hoá đều có lối Tu riêng :

Nho giáo thì có cách Tu theo 5 bước của Dịch: “ **Dịch: vô vi, vô Tư dã,tịch nhân bất động nhi hậu năng Định, Định nhi hậu năng Tĩnh, Tĩnh nhi hậu năng yên , Yên nhi hậu năng Lự, Lự nhi hậu năng Đắc** : Dịch là không nhân vi (vô vi) không suy tư, bỏ suy tư (no mind)

thì Tâm tư mới định được (để tránh Tâm viên ý mã), có định được mới Tĩnh, có Tĩnh được thì mới yên, có yên thì mới tư lự để thanh lọc cho sạch, có thanh sạch thì mới đắc Đạo “

Phật giáo thì có cách Tu theo **3 bước**: “ **Giới, Định, Tuệ** : Tu theo giới Răn để định, khi có định thì mới **đẹp được Tham, Sân, Si** mà đạt tới trạng thái Tuệ mà giải thoát “

Công giáo thì theo The Sate of Way: **Purgatoire, illuminative, Unitive: Thánh tẩy, nên Thánh, kết hợp với Chúa.**

Đông phương có lối Thiên giúp cho **Thân /Tâm lưỡng nhất** bằng cách Ngồi Thiên, có nhiều cách ngồi, hoặc ngồi Kết già, Bán kết già hay ngồi trên Ghế một cách một cách vừa vặn, thoải mái, cách nào cũng phải giữ cho cái Đầu và Cột sống thẳng đứng,

Con Người có **Vật chất** và **Tinh thần**, **Vật chất** được nối kết với **Đất** ở huyết **Đan điền** (Trọng Tâm của con Người) , **Tinh thần** được nối kết với **Trời** ở **Huệ Nhân** (nhờ Tuyến Tùng: Pineal gland và tuyến Yên: Pituitary gland lưỡng nhất),

HUỆ NHÂN

(The third Eye: The upper cinnabar field :Thượng Đan điền)

NÃO BỘ CON NGƯỜI

Não bộ con người gồm hai Bán cầu não Phải và Trái. Bán cầu não Phải chủ Tình, Bán cầu não Trái chủ Lý, hai Bán cầu được nối kết bởi cầu nối corpus Collosum. Cầu nối Corpus Collosum như là xa lộ giúp hai bán cầu trao đổi Tinh Lý với nhau sau cho **Tinh Lý tương tham** hay **Tinh Lý lưỡng nhất** hầu **Thân Tâm lưỡng nhất** để cho **Thân an Tâm lạc**.

Tuyến Tùng (Pineal gland) nằm phía sau Corpus Colloum, phải chăng Tuyến Tùng đóng vai trò điều phối hai bán cầu não ?.

Xưa nay người ta lầm tưởng Tâm của con Người ở nơi quả Tim, nhưng **Tâm con Người chính là ở Não bộ**. Huệ nhân nằm trước Não bộ, trong não bộ gồm có tuyến Tùng và tuyến Yên điều hòa mọi chức năng của con Người, **Huệ nhân** là cửa ngõ giúp con người tiếp cận với **nguồn Tâm linh**.

HUỆ NHÂN (The Third Eye : The upper Cinnbar field)



Huyệt Đan Điền thượng hay **Huệ Nhân** ở trong miền của Não bộ và là huyết đạo của Tâm linh (seat of Spirit. Shen) được quy chiếu tới trigram đại diện cho Thuần Dương (pure Yang: Mặt Trời). Văn Hóa Việt Nam từ thời Tị Tổ Viêm Đế có tục thờ Mặt Trời tức là thờ Trời .

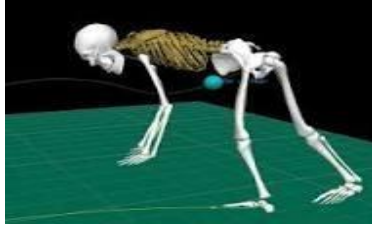
Hệ Mặt Trời là biểu hiện thể lý của đời sống Hiện hữu bao la và Tâm linh mà chúng ta gọi là **Thái dương Thần đạo** (Solar Logos) Ánh sáng mặt Trời là sinh lực của thảo mộc, vậy bức xạ từ Tâm mặt Trời cung cấp sinh lực cho nguồn **Tâm linh của chúng ta: nguồn Tình Thương, hoan lạc và hòa hợp**.

Vậy Con Người được liên kết với Trời (Mặt Trời) qua huyết Đan Điền thượng hay Huệ nhân nơi Não con Người, nơi tuyến Tùng ở mặt sau của Corpus collosum (?). Corpus Collosum là cầu nối giữa **hai Bán Cầu não - Tâm của con Người** -, xưa nay người ta lầm tưởng Tâm con Người là ở nơi Quả Tim.

Vậy **Huệ Nhân của con Người (Nhân)** là điểm tựa (Huệ nhân) nơi con Người được liên kết với **Trời (Thiên)- Nguồn Tâm linh -**.

Huyệt Đan điền hạ

Huyệt Đan điền của con Người (Nhân) là điểm tựa (Đan điền) của con Người được liên kết với Đất (Địa) - Nguồn Khoa học-



Centre of Gravity in the Human Body (Trọng Tâm của con Người)

In the anatomical position, **the COG lies approximately anterior to the second sacral vertebra**. However, since **human beings** do not remain fixed in the anatomical position, the precise location of the COG changes constantly with every new position of the **body** and limbs.

How do you find the center of gravity of a person?

To locate it, start by placing an index finger three finger widths below your navel to locate the height of your center of gravity. Then, trace lines around your torso at the same level to your left and right sides and imagine a line going sideways through your body which connects those two points.

Trong Tâm của con Người ở dưới Rốn cách Rốn bằng 3 chiều rộng của ngón tay Trỏ, như vậy Huyệt Đan Điền cũng ở đó. Phương cách ngồi Thiền giúp **triệt Thượng** (Huệ nhãn) / **triệt Hạ** (Đan điền) **Lưỡng nhất**

*Cách ngồi Thiền giúp nối con Người với Trời (Huyệt Đan điền thượng: Huệ nhãn) và Đất (Huyệt Đan điền hạ) giúp cho **Thân / Tâm hợp nhất** để được **Thân an Tâm lạc** .*

Khi đã toạ Thiền yên vị, bắt đầu tìm 1 điểm chuẩn trước mặt (trên sàn nhà bằng cách vừa để Tâm vào điểm Huệ nhãn và vừa nhìn mặt sàn nhà, thấy ở điểm nào thì làm dấu điểm đó (I)

*Để tránh khỏi **Tâm viên ý mã**, khi bắt đầu thở vào thở ra sâu và suôn sẻ, thì một mặt phải luôn nhìn vào điểm I, đồng thời bắt đầu thở vào khởi từ Lỗ mũi qua Huệ nhãn rồi vòng qua đầu theo mạch Đốc (sau lưng) đi xuống ngang huyệt **Đan điền hạ** thì ngưng lại đó (lâu mau tùy theo cách Thở nội hay ngoại công), rồi khởi từ huyệt Đan điền thở ra lần theo mạch Nhâm (trước bụng) lên tới Huệ nhãn, ngưng tại đó (như cách thở vào) , **các nhịp thở vào thở ra cứ qua lại giữa Huệ nhãn và huyệt Đan điền hạ một cách tuần tự** . Đây là cách thở để nối Tâm (từ Huệ nhãn) Thân (tới Huyệt Đan điền) giúp **Thân / Tâm lưỡng nhất** để cho **Thân an Tâm lạc***

C- MINH TRIẾT TRONG CẤU TRÚC NGÔN TỪ: NÉT GẤP ĐÔI

*Người Việt Nam có **thói quen Nói theo lối gấp đôi** (twofold) thành cặp đối cực của Dịch lý. Khi để ý tới Cơ cấu và cách Vận hành của Ngôn từ Việt thì chúng ta nhận ra được **cuộc sống nhịp theo Thiên lý Thái cực của Dân tộc Việt**.*

*Chúng ta thường nói: **Ăn / Ở, Ăn / Nói, Ăn / Uống, Ăn / Làm, Ăn / Ngủ, Làm / Lụng, Đi / Đứng, Học / Hành, Vợ / Chồng, Mẹ / Cha, Tiên / Rồng, Tinh / Lý hay Nhân / Nghĩa, Núi / Sông hay Sơn / Hà, Nhà / Nước, Thời gian / Không gian hay Vũ / Trụ . . . Ăn / Ở Ăn (vào) / Ở (ra)***

Ăn là nhu cầu đầu tiên của con Người để tồn tại và phát triển, đó là **Thiên tính**, không ai có thể Sống mà không Ăn. Đã sinh ta thì ai cũng biết Ăn, nhưng Ăn cho khỏe Xác thì thức ăn phải gồm đủ hai yếu tố ngược nhau **Ngon / Lành**. **Thức ăn Ngon** phải thoả mãn năm giác quan: Đẹp mắt (Thị giác), Ngon miệng (Vị giác), Mùi thơm (Khứu giác), Dòn tan khi nhai (Thính giác), Dễ chịu khi cầm lấy (Xúc giác), có vậy Dịch vị mới tiết ra giúp sự tiêu hóa được tốt. **Thức ăn lành** thì dễ tiêu hóa không gây bệnh. Đồ ăn Ngon thì không mấy lành, đồ Ăn Lành thì ít Ngon. Có điều hòa được hai yếu tố Ngon và Lành thì sức khỏe mới luôn ổn định, khi đó thì Cơ thể mới khỏe mạnh, làm giá đỡ cho Tinh thần minh mẫn. (Body and Mind in One).

Còn cách ăn thì ngồi chỗ chung, ăn chung, không mỗi người một đĩa như Âu Tây. Khi ăn mọi người quây quần xung quanh bàn ăn, các thực phẩm có nhiều món để chung trên mâm, chỗ ngồi cũng như thức ăn cũng được để ý về cách “**Kính già yêu trẻ**”. Khi ăn mọi người đều “**lưu tâm mà chia sẻ mọi thứ**” như về Lời Ăn tiếng Nói cùng san sẻ thực phẩm cho nhau sao cho thuận Tình hợp Lý mà sống hoà vui với nhau, đó là **cách xử Lễ với nhau**, “**Ăn xem Nồi, Ngồi xem Hướng**” là vậy.

Ăn còn là bài học Lưu tâm và Chia sẻ hàng ngày cho tuổi trẻ. Thường sau khi ăn buổi tối là những lúc cả gia đình hàn huyên với nhau về những sinh hoạt ban ngày của mỗi người trong gia đình, đây cũng là thời gian quan trọng làm cho mối dây ràng buộc mọi người trong gia đình với nhau. Do đó mới có câu: “**Có Thực mới vực được Đạo “làm Người**”.

Ăn là nhu yếu thâm sâu của con Người mang tính chất Chân, đồ ăn phải được chọn lọc pha chế ngon lành và trình bày đẹp mắt đó là Tính **Mỹ**, cách chia sẻ trong khi ăn chung là trau dồi Tính **Thiện**. Ngoài nhu cầu khẩn thiết cho **Vật chất**, thì việc Ăn còn là dịp trau dồi hàng ngày ba yếu tố: **Chân, Thiện Mỹ**, nên Cha Ông của chúng ta có câu: “**Có Thực mới vực được Đạo**”

Ở là cách hành xử với nhau hàng ngày cũng phải có hai chiều Đi / Lại, cho công bằng mà Hoà với nhau. Khi giao tiếp với nhau phải “**cần ngôn cần hành**: cần trọng trong Lời Nói, dẫn đó trong việc Làm” vì “**Bệnh tông khẩu nhập, họa do Ngôn xuất**: Bệnh do của “**ăn vào**” không lành hay tham thực, Họa do lời “**Nói ra**” sắc hơn dao gây tổn thương nhau. “**Cha ông căn dặn cách sống ở đời: “Học Ăn, Học Nói, Học Gói, Học Mở**”. Ăn Vào, Nói Ra. Ăn để cho Khỏe Xác và để “**Vực được Đạo làm Người**”

“**Nói điều Nhân Nghĩa cho vừa Lòng nhau. Gói Vào cho kín để khỏi bị rơi ra, Mở ra cho hở rộng để không còn bị che lấp, tức làm việc nào cũng đến nơi đến chốn. Tất cả đều Học và Hành theo cách sống hợp với Dịch lý.**

Có kết hợp được cả hai cách Ăn Ở được hài hoà thì mới “**Thân An Tâm Lạc**” tức là “**mạnh Hồn khỏe Xác “hay “ Một cơ thể tráng kiện trong một Tinh thần minh mẫn**”.

Ăn Ở là một nghệ thuật sống thường xuyên rất tế vi, có vậy thì cuộc sống mới được an hoà hạnh phúc. Trong bài Viết: “**Khắc kỷ phục Lễ**” đầu đó, T.G. Kim Định có câu nhại Kiều: “**Ở / Ăn thì Nết phải hay “ Nói điều “ ràng buộc “ thì Tay phải Già “ Ở Ăn phải hay là phải làm sao cho hai chiều Ngược Xuôi được êm thấm. Tay Ràng buộc phải Già là phải có nghệ thuật làm sao kết hợp được nghịch số cho vừa đủ hài hoà, chứ cứ “ già néo thì đứt dây”**”.

Ăn / Nói. Ăn / (vào) / Nói (ra) Ăn vào thì phải có thực phẩm Ngon / Lành. Nói ra điều Nhân / Nghĩa theo cách “**Lời Nói chẳng mất tiền mua, liệu Lời mà Nói cho vừa Lòng nhau**” Ăn Nói cũng đều có hai chiều vào ra, cần phải được hài hoà thì mới giúp cho cuộc sống được an vui thoải mái.

Ăn / Uống: Ăn (chất Đặc) Uống (chất lỏng) Ăn Uống sao cho hai chất Đặc / Lỏng được trộn lẫn cân bằng cho sự tiêu hóa tốt thì mới có sức Khỏe, “**Sức Khỏe là vàng**”, có **Tiền mua Tiên cũng được**”, nhưng nhiều khi có vàng cũng không mua nổi sức khỏe.

Ăn / Làm Ăn (Trong) Làm (Ngoài) Ăn để có năng lực mà làm việc, Làm việc thì tiêu hao năng lượng, nhưng có Làm thì mới có Ăn, nên: “**Tay Làm hàm Nhai, Tay quai miệng trễ.**” **Ăn Làm phải kết hợp cho vừa sức thì cuộc sống thoải mái**, có Ăn mà không làm thì miệng trễ nghĩa là không có Ăn hay cướp lấy của người khác mà Ăn, có Làm mà chẳng được Ăn thì sống kiếp Ngựa Trâu. Thái quá cũng như Bất cập cũng đều bị Lạm dụng làm cuộc sống mất quân bình, **nên cần phải sống Tiết độ (No more, no Less) trong mọi lĩnh vực.**

Ăn / Ngủ Ăn (Động) / Ngủ (Tĩnh) Ăn (Ban ngày) để có năng lực mà Làm việc để nuôi sống và phát triển, khi làm Ban Ngày thì tiêu hao năng lực, nên phải Nghỉ (Ban đêm) cho cơ thể hết mệt, nhất là giấc Ngủ ngon (sound sleep) thì hấp thụ năng lượng (năng lượng là Chi trong cách tập T'ai chi để tăng năng lượng cho sức khỏe) trong không khí được nhiều hơn thức ăn vào. Qua giấc ngủ ngon lúc sáng thức dậy tinh thần con người rất thoải mái. “**Ăn được ngủ được là Tiên, mất Ăn mất Ngủ là Tiên mất đi**”.

Làm / Lụng Làm (Thực tự: Hữu) / Lụng (Hư tự: Vô) Trong Các Lời nói Gấp đôi có nhiều cặp có tiếng đầu có nghĩa thuộc Thực tự (Hữu) và tiếng sau là Hư tự (Vô) thì vô nghĩa, cặp này cũng diễn tả Dịch lý: “**Thực nhược Hư, Hữu nhược Vô: Có mà như Không, Không mà dường như Có**”. Đây là Lời nói về sự Biến hóa bất biến của Vật chất trong Vũ trụ, có đó rồi không đó, nên trong cuộc sống không thể bám chặt vào những cái Biến đổi từng sát na như của cái Vật chất mà tranh dành sát phạt nhau làm cho xã hội rối loạn, con Người khổ đau.

Đi / Đứng Đi (Động) Đứng (Tĩnh). Khi Đi, Chân này phải Động mới bước tới được, nhưng Chân kia phải Đứng yên, để làm Điểm tựa cho chân kia Động mà bước tới. Chân Động bước tới được là nhờ Chân Tĩnh, nên “**Hữu sinh ư Vô**”: Cái Có từ cái Không mà ra. Cứ chân này Tĩnh giúp cho chân kia Động bước tới, hai chân cứ luân chuyển Tĩnh Động như thế thì bước đều nhịp nhàng mà đi được quãng đường dài. Nếu hai chân đều đứng yên thì không bước tới được, nếu hai chân cùng bước thì chỉ có thể nhảy được một số bước là đã mệt nhoài, một chân làm việc để cho chân kia nghỉ thì hai chân mới làm việc được lâu dài. Đó là sự phân công hợp lý trong mọi trường hợp.

Học / Hành Học (vào) Hành (Ra) Học để có kiến thức (information) giúp cho phát triển Khả năng) và có cả kiến thức về sự đào luyện Tư cách (formation), Hành là đem hai loại kiến thức trên thể hiện vào cuộc sống hàng ngày để trau dồi Tư cách và Khả năng để nâng cao đời sống Vật chất và Tinh thần. Học mà không Hành là cái Học vô bổ. Hành mà vô học thì làm càn, vì “**Bất học vô thuật: không học thì không biết cách làm**”, thường gây rắc rối trong xã hội, vì không kết hợp được Học và Hành hay “**Tri Hành phải hợp nhất**”.

Những nhà cầm quyền mị dân thì chỉ Nói Hay mà Làm không được Tốt vì “**Lực bất tòng Tâm**” hay Tâm nông Trí cạn.

Vợ / Chồng Vợ (Gái, Mẹ) / Chồng (Trai, Cha) Gái / Trai là cặp đối cực kết nên **Vợ Chồng.**

Vợ Chồng tìm đến với nhau bằng **Tình qua lễ Thành hôn**, sau lễ Thành hôn, trước khi vào phòng riêng trao thân gửi phận cho nhau, hai Vợ Chồng cùng uống chung với nhau một ly rượu và hai bên bái nhau gọi là lễ **Giao Bái như là Lý**: lời kết hứa tôn trọng nhau suốt đời cho đến

khi “ **cốt rủ xương mòn, răng long đầu bạc** “ với nhau. Đây là lời giao ước sống Hoà với nhau theo Lý công bằng, do đó mà có câu : **Quân tử chi Đạo tạo đoan hồ phu phụ** : Vợ Chồng là đầu mối cho người Quân tử.

Nhờ yêu nhau bằng **Tình yêu khăng khít, sống Hoà với nhau bằng Lý Công chính**, nên “ **Thuận Vợ thuận Chồng, biến gia đình thành Tổ ấm, Vợ Chồng cùng nhau xây dựng Gia đình và Xã hội mà vui sống bên nhau cùng sinh Con để Cái, đó là nguồn sinh sinh hoá hóa cao nhất trong Vũ trụ**. Sự phân công trong Gia đình thì: **Nữ Nội, Nam Ngoại**: Người **Vợ chủ Tình** được phong làm **Nội Tướng**, quán xuyến mọi việc trong nhà , người **Chồng chủ Lý** đóng vai **Ngoại Vương** lo toan xây dựng phần Ngoại thuộc Gia đình và Xã hội.

Ngày nay người ta cho lễ Giao bài là cổ hủ, nên bỏ đi Lễ sống tôn trọng và công bằng với nhau, nên bỏ luôn cuộc sống Hoà.

Liên hệ với câu chuyện **Bà Eva ăn trái Cấm** nơi vườn Địa Đàng gây ra **Tội Tổ tông** cho Nhân loại, chúng ta cũng có cách lý giải theo Dịch lý: **Số là Bà Eva là Nữ bỏ Chức Nội tướng chủ Tình, Bà đã bỏ Tình ra Ngoài là lãnh vực của Lý để ăn trái Cấm, lại còn rủ Ông Adam cùng ăn, để hai bên cùng sống theo “ Lý chay “ ở bên Ngoài. Hành động của bà Eva đã làm đảo lộn trật tự “ Tình Trong Lý Ngoài “ hay “ Âm Dương Hoà “ của Vũ trụ.**

Nạn đề của Nhân loại ngày này là quên Tình, sống theo “ **Duy Lý một chiều** “, vì đã đánh mất cái “ **Hương sống Công chính** “ từ nguồn Sống Tình thuộc Tâm linh.

Khi mất Tình thì con người trở nên Vô cảm và đánh mất luôn mối Liên đới trách nhiệm. Gia đình có là Tổ ấm thì mới là Trường học đầu đời wom Tình đơm Lý cho người con khi lớn lên biến thành Trai hùng Gái đảm. Gia đình Tổ ấm được chọn làm nền tảng cho xã hội yên vui.

Văn hóa Việt được đặt trên Nguyên lý Mẹ (Mẹ Ấu Cơ), trọng Tình hơn Lý, vì người Nữ yếu hơn nên phải “ phù yếu trọng nữ “ giúp cho cuộc sống Nữ Nam được cân bằng, do đó mà đặt Vợ trước Chồng, tục này được gọi là Tả nhậm tức là thói quen quay về phía bên tay Trái , thuận theo chiều quay ngược chiều kim đồng hồ của các tinh tú , tức là thuận Thiên, còn Tàu thì ngược lại, theo chiều Hữu nhậm , trọng Nam khinh Nữ , nên gọi là Phu phụ hay Chồng / Vợ “, Nhân (Tình) / Nghĩa (Lý) Nhân (Trong: Từng Cá nhân), Nghĩa (Ngoài: Những người trong Gia đình và Xã hội). Nhân là Lòng Yêu thương do tác động hướng Nội níu kéo mọi Người lại với nhau. Nghĩa là cách hành xử hướng Ngoại giúp mọi người hành xử Công bằng để sống hòa với nhau. Sống theo Nhân Nghĩa thì con Người có Dũng lực tự chế để không làm chuyện Bất công mà làm rối loạn Gia đình và Xã hội.

Nhân (Âm) Nghĩa (Dương), Hùng (ngoại) Dũng (Nội) kết đôi với nhau làm nên “ Âm Dương hoà “ theo Dịch lý, nên có thể **Bao dung**. Bao (Bọc ở Ngoài) / Dung (Chứa ở Trong) Bao là Bọc lại trong bao để che chở, Dung là Chứa, là chấp nhận cùng sống Công bằng trong Bao (theo Lý) nhờ được nuôi nấng bằng Tình Bao la của Mẹ. Muốn sống theo tinh thần Bao dung phải có Dũng lực của Nhân Nghĩa để **Điù Dắt nhau** . **Điù** là Niu, Nâng / **Dắt** là Kéo, lôi tới). **Điù** là Nhờ Tình yêu mà giúp đỡ ai bước đi hay làm một điều gì, mà người đó không làm nổi, **Dắt** là hướng dẫn đi cho đúng hướng để đạt mục tiêu nhờ lẽ Phái của Lý. **Có Điù mà còn phải Dắt nữa mới đạt mục tiêu**. **Điù Dắt** cũng hàm ý Tình Lý tương tham.

Bây Giờ (Thời gian) / **Nơi Đây** (Không gian) : **Vũ / Trụ**. Trong cuộc sống cũng nên nhớ kết hợp hai yếu tố : **Nơi đây** (Here : Không gian) và **Bây giờ** (Now : Thời gian) mà làm Người (Vi Nhân) bằng cách bám theo **Hiện tại miên trường** (ever present) mà « **hoàn thiện mọi việc Làm** » (perfect of things) từ Nhỏ đến Lớn và « **hoàn thiện mọi mối Liên hệ Hoà với nhau** » (perfect for being) trong Không gian đang sống, ngay đến cả việc sống Hòa vạn vật và Vũ trụ

nữa . Chứ không bám vào Quá khứ mà than khóc hay tự hào suông cũng như hy vọng hảo huyền về Tương lai mà thân nhiên tự lờ dối mình. Có Vi nhân như thế ở đời Nay mới mong có sự cứu rỗi đời Sau, chứ không thể ngồi bất động mà cầu xin được.

Những lời Nói nhip đôi ngược nhau: Núi / Sông, Non / Nước, Nước / Nhà, Tiên / Rồng, Ông Đùng / bà Đà, ông Cồ / bà Cộc. . . .Hồn thiêng Sông / Núi . . . đều là nhắc nhở về sự sống làm sao cho các cặp đối cực đó luôn được hài hòa theo Dịch lý.

Đa / Nhất cũng chỉ là Một, trong cái Vĩ đại có chứa cái Tinh vi, mà trong Tinh vi cũng có cái Vĩ đại (Xem Holograph cũng như “ The wisdom of the cells “, và cấu trúc của Nguyên tử cũng như cấu trúc của Thái Dương hệ), mọi vật liên hệ chặt chẽ với nhau, không bị chia cách phân ly, sống trong Vũ trụ mọi sự đều biến hoá không ngừng, nên hàng ngày con người phải nhớ kết hợp được hai yếu tố trái ngược (Nghịch số chi lý) đó mới tồn tại và phát triển điều hòa..

Ngày nay đa số chúng ta bị choáng ngợp bởi sự hào nhoáng của khoa học, quên đi nguồn u linh man mác của Tâm linh (Nguồn Tinh và Lý công chính) chỉ miệt mài theo Văn minh « **Duy lý cực đoan một chiều** », đánh mất phần Tâm linh - phần quan trọng của Thiên lý - gây ra bất hòa trong nhân quần xã hội. Đó là nan đề của Thời đại.

Ngày nay Khoa học đã khám phá ra không những có **năng lượng Sáng** mà còn có **năng lượng Tối**, năng lượng Tối chiếm phần lớn, trong năng lượng Sáng, Khoa học chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Nói rộng ra.

Tĩnh (Silence and stillness) là phương thế giúp **Quy tư về nguồn Tâm linh** để được Mạc Khải. « **Tĩnh lặng là sự Mạc Khải lớn lao** » . (Lão Tử) **Động** là cách **Suy tư** (hướng Ngoại) về **Khoa học. Tĩnh giúp Quy tư** (hướng Nội) về **nguồn Tâm linh. Động** (hướng Ngoại) giúp **Suy tư về Khoa học. Tâm linh / Khoa học như hai mặt của đồng tiền phải nương tựa vào nhau mới có thể biến hoá trong trạng thái cân bằng.**

Mê mãi theo ánh sáng Khoa học rõ ràng khúc chiết mà bỏ quên nguồn Tâm linh u linh man mác là mất Gốc, mất Hướng đi của Lương tâm, nên “ Khoa học không có Lương tâm “ chỉ đem lại sự hủy hoại của Tâm hồn, khiến con người Vô cảm, làm cho Tinh thần Liên đới Trách nhiệm chi cắt đứt. Đây là nguồn rối loạn của Xã hội.

Xin đừng tưởng **VÔ** (Nguồn Tâm linh) là không có gì, mà **VÔ** là nguồn cội của mọi Động lực thuộc Hữu, đừng làm **VÔ** Tuyệt đối với **Vô** tương đối. **VÔ = Thái Cực nhi VÔ CỰC** Chúng tôi thấy mấy câu về “ Sắp Thế kỷ “ trong bài **Vịnh Ông Bàn Cổ** cũng có phần tương tự như “ Sáng Thế kỷ “ trong **Cưu Ước** :

1.- **VÔ CỰC** : Vô / Hữu vị phân: Tuyệt đối .

a.- **Hỗn mang chi sơ , vị phân Thiên / Địa.** (**Vịnh Ông Bàn Cổ**) .

b.- “ Khởi thủy Thiên Chúa đã dựng nên Trời và Đất. Đất thời trống không mông quạnh, và tối tăm trên mặt uông mang và khí Thân (Hóa: Năng lượng: Nguồn Sáng) là là trên mặt Nước (Thủy: vạn vật chi nguyên: Nguồn Sống. ” (**Cưu Ước. Sách Khởi nguyên**) Những chữ **Xiên** do chúng tôi ghi vào.

“ **Hỗn mang chi sơ** “ là cái thuở hỗn độn ban đầu khi khai Thiên lập Địa chẳng khác nào “ Thời trống không mông quạnh và tối tăm trên mặt uông mang “.

2.- **Thái cực:** Vô, Hữu phân cực: Tương đối.

a.- * **Thủy phán Âm / Dương** . (**Vịnh Ông Bàn Cổ** .)

b.- * “ Và Thiên Chúa đã phán: "Hãy có Ánh sáng!" và Ánh sáng đã có. Và Thiên Chúa đã thấy rằng Ánh sáng thực tốt lành, và Thiên Chúa đã **tách Ánh sáng** (Dương) với **Tối tăm** (Âm) . Và Thiên Chúa đã gọi Ánh sáng là **Ngày** (Dương) , và Tối tăm thì Người gọi là **Đêm** (Âm) . Và đã có một **buổi Chiều** (Âm) và đã có một **buổi Mai**.(Dương) “ (Cựu Ước. Sách Khởi nguyên).

“ **Thuỷ phán Âm Dương** “ là lệnh truyền phân chia ra Âm / Dương chẳng khác nào khi Chúa phán thì có ngay các cặp Đối cực: **Khí Thần / Mặt Nước, Ánh sáng / Tối tăm, Ngày / Đêm, Chiều / Mai. Đó là phương cách diễn tả khác nhau về sự Tạo Thiên lập Địa của Đông Tây, nhưng cùng một ý, những cặp đối cực đó cũng chẳng khác Đạo / Đức, Nhân / Nghĩa** « . **Đạo / Đức, Nhân / Nghĩa cũng là Thái cực, luật Trời : nên** « **Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong** : Sống thuận với luật Trời thì tồn tại, ngược lại là tiêu vong « vì đó là « **Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu** : Lưới Trời lồng lộng, thưa mà không để cho một thứ nào chui lọt « **Cách sống tiệm tiến theo Dịch lý như trên của Cha ông là cuộc sống theo Thiên lý Thái cực hay Nhất Nguyên lưỡng Cực, cuộc sống được bắt đầu từ nơi Gần là Tâm mình tới cái Lý nơi Xa, từ cái Nhỏ nhất tới cái To, từ cái Đơn giản tới Phức tạp, từ những cái Tâm thường để hướng tới cái Phi Thường, chứ không** « **Chưa biết Đi đã lo Chạy** «, con người chưa **Thân an Tâm lạc, gia đình đang lục đục mà đã đi xây dựng xã hội hoà bình, lòng còn rặc lửa Hận thù mà hăm hờ đi xây Hòa bình thế giới, có bao giờ Lòng mình còn rặc Lửa Hận thù mà hăm hờ đi xây dựng được Xã hội Hoà bình, có bao giờ dùng Lửa mà chữa được cháy!**

Vì vậy cho nên **cái khó của chúng ta là ở ngay cái Lòng của mỗi chúng Ta, đó là cái Lòng** « **Ngại Núi** (xa Nhân) e **Sông** (rời Nghĩa), đơn giản chỉ có thể mà xem ra còn khó hơn công trình và Trời lấp Biển. . . . Trong ngôn ngữ Việt Nam, chúng ta thấy không biết có cơ man nào những **Danh từ gấp đôi như thế mang Tinh thần Biến hoá muôn màu muôn vẻ theo Dịch lý Việt.**

D.- MINH TRIẾT TRONG CÁCH ĐỊNH VỊ CON NGƯỜI

Con Người Việt Nho được Định vị trong Tam Tài : **Thiên – Nhân - Địa** như trong Cơ cấu về Đồ hình của Ngũ hành. Con Người được định nghĩa:

“ **Nhân** giữa kỳ **Thiên / Địa** chi **Đức, Âm / Dương** cho **giao, Quỷ / Thần** chi **hội, Ngũ hành** (**Thủy / Hỏa, Mộc / Kim**) chi **tú khí** “. **Trên trục Tung của Ngũ hành , ta có:**

Hỏa
↑
Thổ
↓
Thủy

Hỏa (2) : Lửa: (Năng lượng) : Tinh thần

Thổ (5) : Tâm linh: (Nguồn Sống và nguồn Sáng):

Thủy (1) : (Nước) : Vật chất

Thổ cũng là Vị trí con Người trên trục Tung của Đồ hình và Số độ trong Ngũ hành .

Vậy con Người là Tinh hoa của Trời Đất, con Người có Vật chất và Tinh thần .

1.- **Nhân giả ký Thiên / Địa chi Đức:** Con Người là Tinh hoa của Trời Đất, vị trí con Người ở Trung cung hành Thổ tức là nguồn Tâm linh: Nguồn Sống và nguồn Sáng, nhờ đó mà “ **Nhân linh ư vạn vật** “.

Nguồn Sống là **Vật chất**,

Nguồn Sáng là **Tinh thần : Đạo Nhân, Đức Nghĩa** (Lý Công chính).

Vì Ở giữa Thiên Địa, con Người không không để bị kéo Lên Thiên thành Duy Tâm mà mê tín dị đoan, cũng như không bị lôi Xuống Địa trở thành Duy vật, coi của trọng hơn Người (con Người Bolchevick, con Người CS) mà xâu xé chém giết nhau, nhờ không để bị thiên lệch mà Duy trì được vị thế ở giữa, nên phải **tự Lực, tự Cường để Tự Chủ mà làm Người Nhân Chủ**.

Theo Nho:

Trời là Thiên hoàng, Đất là Địa hoàng, thì:

Con Người sẽ là :**Thiên hoàng / Địa hoàng lưỡng nhất** → **Nhân hoàng**. Không có con người to lớn và cao cả như Bàn Cổ, như thánh Gióng - Phù Đổng Thiên vương - thì không làm nổi việc Tu thân cũng như việc to lớn “ kinh bang tế thế “. **Người Nhân chủ nhờ biết sống thuận theo Dịch lý hay Thiên lý để đạt Đạo Nhân và Đức Nghĩa nên có Dũng lực làm chủ Vạn hệ mình, Gia đình mình và Đất nước mình.**

2.- **Nhân giả kỳ Âm / Dương chi giao:** Con Người là nơi kết giao của Âm Dương hay Tình Lý. Nhờ nguồn Tình thôi thúc mà Gái Trai “**xe tơ kết tóc** “ mà **Thành hôn** với nhau làm nên **Vợ Chồng**”.

Nhờ **Lý Công chính** mà Vợ Chồng hành xử công bằng với nhau như lời giao ước trong **Lễ Giao bái** mà sống hoà với nhau cho đến lúc “ **đầu bạc răng long** “.

Nhờ “ **Phu phụ hòa gia đạo thành** “, giúp gia đình thành Tổ Ấm mà vui sống bên nhau, nhất là sinh Con (Trai) để Cái (Gái) mà **tham gia vào cuộc Sinh sinh Hóa hóa của Vũ trụ**.

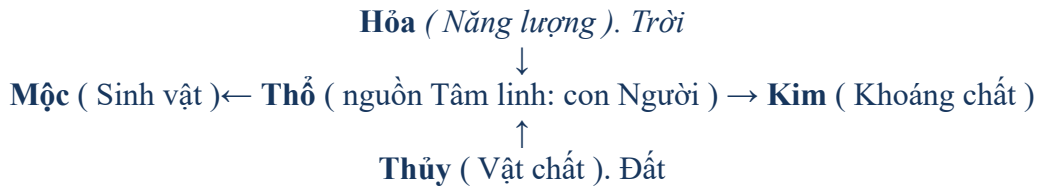
Gia đình là trường học đầu đời để Cha Mẹ giúp con cái trưởng thành theo Nhân Nghĩa, hay lò luyện Trai hùng Gái đảm cho Dân tộc. Do đó mà Gia đình được chọn làm nền tảng Hoà cho Xã hội, Xã hội làm nền tảng cho Thế giới Hoà bình.

3.- **Nhân giả kỳ Quý / Thần chi hội.** Con Người là nơi **Quý / Thần** hay **Ác / Thiện** hay **Ngọm / Người** luôn kẻ lạng xô đẩy níu kéo nhau, lúc này còn là **Thiện**, phút sau đã là **Ác**, nên **mọi người ai ai cũng phải Tu thân để lột xác Ngọm ma thành Người có Nhân phẩm..**

Nhờ có Nhân phẩm “ Nhân Nghĩa “ mới giúp con Người Thiện không cho Ác lấn át hay **vượt lên cả Thiện Ác, không những sống hòa với nhau mà còn hòa với cả vạn vật nữa**. Giá trị của con Người là Vì nhân làm sao Tu thân cho đạt Nhân Nghĩa mà sống hoà cùng mọi người và vạn vật trong Vũ trụ.

Theo luật Giá sắc thì: “ **con Người gieo Thứ nào thì gặt Thứ nấy, Ai gieo thì kẻ ấy gặt, Gieo Một thì Gặt Trăm** “, do đó mà muốn Hạnh phúc thì phải Tu Thân mà làm điều Lành, ngược lại làm điều Ác thì lãnh nhiều tai họa. Lưới Trời lồng lộng, tuy thưa mà không có thứ nào lọt qua được (**Thiên võng khô khô, sơ nhi bất lậu**), không ai lọt qua Luật Giá sắc hay Nhân quả được..

4.- **Nhân giả kỳ Ngũ hành chi tú khí:** Con Người là “ **Hoa Trái** “ của Ngũ hành. Ngũ hành gồm 2 cặp đối cực của Tứ hành (Thủy / Hỏa, Mộc / Kim) và Hành Thổ. **Tứ hành là Thế giới Hiện tượng, tượng trưng cho Hữu, Hành Thổ tượng trưng cho Vô thuộc nguồn Tâm linh, khi Hữu Vô giao thoa với nhau thành nguồn sinh sinh hóa của Vũ trụ, nên Ngũ hành được xem là Tạo Hóa lưu hay Lò Cừ** .(Hành Thổ được xem như Black hole).



Thủy / Hỏa, Mộc / Kim thuộc thế giới hiện tượng (Hữu). Thổ thuộc lãnh vực Tâm linh (Vô).

Chúng ta thấy con Người được kết cấu toàn bằng những yếu tố trái ngược nhau, nhờ biết hành xử theo Dịch lý “ Âm Dương hoà “ mà trở nên con Người Nhân chủ . Ngoài ra nhờ định vị được vị thế “ Nhân hoàng “cao cả giữa Trời “ Thiên hoàng “ và Đất “ Địa hoàng “ nên con người có Điểm tựa hay Bàn nhún nơi Địa, cũng như có Hướng siêu việt nơi Thiên mà vươn lên làm Người.

Con dân của nước không phải đôn đáo tung ra tứ phương rước độc dược về mà tàn dân hại nước! Nguy tai! Hại tai! Văn sĩ Pháp có viết cuốn sách : “ L’homme, cet inconnu « , quả thật Lòng Người khó dò, vì do con người chứa trong mình những cặp mâu thuẫn nội tại : Thân xác thì hữu hạn mà Nhân dục lại vô nhai , hai yếu tố Hữu hạn và Vô biên không giao hòa nhau được, gây ra bất Hòa nên cứ dằng xé nhau làm cho con người luôn bất ổn khổ đau !

E.- MINH TRIẾT TRONG HUYỀN THOẠI LẬP QUỐC TIÊN / RỒNG

I.- Hai Biểu tượng ngược nhau Tiên (Mẹ Âu Cơ). Rồng (Cha Lạc Long) là cặp đôi cực của Dịch lý.

Mẹ Tiên Âu Cơ là Tổ Mẫu, Cha Rồng Lạc Long là Tổ Phụ, Tổ Mẫu Tổ Phụ kết hôn sinh ra con Hùng Vương. Hùng vương là Quốc Tổ của Dân tộc Việt Nam. Huyền thoại Tiên / Rồng là Biểu tượng về Tinh thần Dựng nước của Dân tộc Việt Nam. Châm ngôn về tinh thần Dựng nước hay tinh thần Đoàn kết của Dân tộc Việt Nam:

Mẹ Tiên: Non Nhân,

Cha Rồng: Nước Trí,

Con Hùng Vương: Nhân / Trí lưỡng nhất → Hùng / Dũng.

Chúng ta nên nhớ, nền Văn hoá của Tổ tiên chúng ta là nền Văn hoá Biểu tượng xây trên Huyền thoại cũng như Đồ hình và Số độ. Ngũ hành

Huyền thoại có hai loại: **Thần thoại** là những câu chuyện về Thần linh. **Nhân thoại** là những câu chuyện về con Người. con Người to lớn như Ông Bàn Cổ, Ông Đùng / Bà Đà, Ông Cò / Bà Cộc, Phù đổng Thiên Vương hay ông Thánh Gióng, vì họ đều là con của Thượng Đế.

Con Người to nhất lớn của Việt Nam là Vua Hùng.

Huyền thoại chỉ là câu chuyện dùng Biểu tượng để diễn tả Vấn đề, khi nói nơi đây thì ý lại ở chỗ kia, nói Vật Chất để chỉ Tinh thần hay từ Hình tượng, Biểu tượng để vươn lên Linh tượng.

Lý do phải dùng Biểu tượng là vì thời xưa Lý trí chưa phát triển để diễn tả nhất là về phương diện Tâm linh u linh man mác, không thể lấy lời lẽ để “ Ngôn truyền ” theo Lý mà chỉ “ Hội ý

“được bằng Tình để cảm nhận “, lại nữa tuy là cùng một Biểu tượng nhưng mỗi người khi nhìn tới Biểu tượng thì cảm nhận được một cách sâu rộng khác nhau.

Nhìn Hình Đức Bà Maria thì liên tưởng tới lòng Bác ái, nhìn Hình Đức Quan Thế Âm Bồ tát thì liên tưởng tới lòng Từ bi. Khi nhắc Mẹ Âu Cơ thì nhớ đến Lòng Bao dung của Nhân / Nghĩa Hùng / Dũng.

Đó là Nhân phẩm của con Rồng Cháu Tiên., chú không là chuyện hoang đường, chuyện Tiên Rồng ly dị theo tinh thần Duy Lý !!!

Cũng vậy, Nho là Đạo trường chung của Đông Nam Á châu cũng là nền Văn hoá bằng Biểu tượng Đồ hình và Số độ.

Không giải mã được Ý nghĩa từ Đồ hình và Số độ thì khó mà hiểu cặn kẽ được nguồn gốc của Nho.

Đó là các Biểu tượng về Thái cực viên đồ, vòng Trong, vòng Ngoài, Ngũ hành, Bát quái, Hà Đồ, Lạc Thư, Cửu trù, Hồng phạm .

Nên nhớ nét Lương nhất theo Dịch lý là nét Nhất quán hay Mạch lạc Nội tại của Việt Nho.

II.- Phân cực để thăng hoa cuộc sống theo Dịch lý: Âm Dương hòa hay “ Thuận Vợ thuận Chồng “.

Chim Hải Âu, chim Hồng (Hồng Bàng) là Vật biểu thứ nhất tượng trưng cho Mẹ Tiên Âu Cơ. Chim Hải Âu, chim Hồng đều là loại chim Lương thể, có khả năng sống trong hai môi trường và có khả năng bay Cao. Chim Âu bay lên Núi cao, chốn yên tĩnh (silence), ngôi bất động (stillness) quên hết sự đời để thăng hoa cuộc sống bằng cách “Đôn hồ Nhân, cố năng ái: Đôn hậu Tình Người mà yêu thương nhau, đó là Lòng Nhân ái, nên” Nhân giả ái Nhân : Lòng Nhân là lòng yêu thương con Người.

Chim Âu cũng có thể kiếm ăn dưới Biển để gặp Cha Rồng. Giao long (Cá sấu) và Xà Long (Rắn) là Vật Tổ thứ hai, là Biểu tượng cho Cha Rồng Lạc Long. . Rồng cũng là loài Lương thể. Rồng có thể lặn lộn sâu dưới biển rộng để có kiến thức viên mãn để trường Trí hay Chu tri , nên đạt Đức Nghĩa . Rồng cũng có khả năng làm mưa làm gió tung lên Không Trung để gặp Mẹ Tiên.

Huyền thoại bảo Tiên Rồng gặp nhau trên cánh Đồng Tương để Tiên Rồng tương kiến, tương giao, tương hợp, tương sinh ,tương hòa, tương trợ, tương thông để sinh ra con Hùng Vương Hùng/Dũng.

Trong Cuộc Sống, Mẹ tu Nhân, Cha luyện Trí, khi sống gần nhau hai bên bù đắp Nhân Trí cho nhau cho nhau để ai ai cũng có Tình Lý vẹn toàn hầu trở nên con Người Hùng Dũng.

Vậy câu chuyện Mẹ lên Non ,Cha xuống Biển cũng chỉ là Biểu tượng diễn tả việc “ Phân công theo Giới Tính “ để trau dồi Bản Sắc của Mẹ Cha.

Tình bao la giúp Mẹ Cha sống khăng khít với nhau, Lý Công chính giúp Cha Mẹ sống Hòa với nhau . Khi sống theo Tinh Lý hài hòa với nhau thì đạt Đức Hùng Dũng: Hùng là sức mạnh Cơ bắp. Dũng là sức mạnh Tinh thần.

Chẳng có Chim nào biến thành Tiên, Chim là Biểu tượng “ bay cao “ để giúp cuộc sống bớt Lượng của Vật chất mà vươn lên Phẩm của Tinh thần, cũng như chẳng có Giao Long Xà Long nào biến thành Rồng, nhưng đó là những Biểu tượng phải học rộng nghĩ sâu như lặn dưới biển sâu rộng để trường Trí mà đạt Chu tri (holistic knowledge), tránh cảnh triết lý sờ voi, mà bị phân hoá.

Tiên là Biểu tượng của Lòng Nhân ái, hay Nhân

Rồng là biểu tượng của Trí hay Lý Công chính. hay Nghĩa.

Không tin Tiên Rồng cũng được nhưng bỏ quên Nhân Nghĩa thì hết còn là con Người Hùng Dũng.

Nhân, Trí, Dũng là Tinh thần lập Quốc cũng là Nội lực của Dân tộc Việt Nam.

Cha Lên Non, Mẹ Xuống Biển và gặp nhau để tương Hợp là quá trình rèn luyện Tinh Lý của Mẹ Cha theo Dịch lý. Đây là Biểu tượng Phân cực hay Phân Công Giới tính theo của Mẹ Cha; Mẹ chủ Tĩnh, Cha nặng về Lý. Nữ Nội được phong làm Nội tướng, quán xuyên việc Nhà, Nam Ngoại được chỉ định làm Ngoại Vương, lo việc Kinh bang tế thế.

Đây không là việc Mẹ Cha ly dị như một số người tưởng lầm, mà là sự phân công để Tu thân hầu phát triển bản sắc riêng theo Giới tính.

III.- Tinh thần Dân tộc hòa nhịp theo Dịch lý

Me Âu Cơ sinh ra trăm con trong một cái Bọc, các con sống trong Bọc Mẹ gọi là Đồng bào, trăm là nhiều, 100 không là con số toán học. Trăm con trong trăm họ đều được Yêu thương đùm bọc nhau trong lẽ sống Công chính và bao dung nhau để sống hoà với nhau.

Tình Đồng bào được Văn gia gọi là **Đạo Nhân**, Chát gia giải thích Đạo Nhân bằng những câu Ca dao Tục ngữ ngắn gọn dễ hiểu, để truyền qua cửa miệng cho nhau.

Dân Việt Nam có ba lối Tu: Thứ nhất thì Tu tại Gia, thứ nhì Tu Chợ, thứ Ba Tu Chùa. thích hợp cho mọi tầng lớp trong Đồng bào.

Tu tại Gia là lối tu cho Gia đình. **Tu Chợ** là lối tu của dân gian., **tu tại Chùa** là lối tu chuyên **Độc Thiện** kỳ thân,

Đạo Nhân hay Tình Đồng bào thì có: Lá Lành “ đùm “ Lá Rách Máu Chảy Ruột Mềm Tay Đứt Ruột Xót, Anh Em Như thể Tay Chân . . .

Lành / Rách, Máu / Ruột, Tay / Ruột, Tay / Chân là nghịch số, các động từ Đùm, Chảy, Mềm, Đứt, Xót, nói lên mối Liên hệ Cơ thể thiết tha.

Nghĩa Đồng bào được Văn gia gọi là Trí hay Đức Nghĩa.

Nghĩa là trách nhiệm hai chiều có Đi có Lại với nhau. Nghĩa còn có Định nghĩa : Nghĩa : Nghi giả : Nghĩa là phải thích nghi với từng Người từng hoàn cảnh từng sự việc mà ứng xử Hòa với nhau,

Chát gia diễn tả Đức Nghĩa bằng câu Ca dao ngắn gọn dễ nhớ, dễ hiểu về mối Liên hệ hai chiều :

Có Đi / Có Lại “ cho Toại Lòng nhau

Cục Đất “ ném Đi “ / « Hòn Chì “ ném Lại «

Ổ cho Phải Phải / Phân Phân. Cây Đa “ cây Thần “ / Thần “ cây Cây Đa “ . . . Có Đi / Có lại, Cục Đất / Hòn Chì, Cây Đa / Thần là những cặp Đối cực.

*Danh từ : Ném Đi / Ném Lại, cây Thần / cây Cây Đa, cho Toại Lòng nhau diễn tả **hành động hiện thực** mối liên hệ Công bằng. **Phải Phải / Phân Phân** diễn tả **mối Liên hệ thích nghi**.*

Những câu Ca dao trên mang đậm tinh thần Dịch lý trong Tâm hồn nhân dân Việt Nam.

Non Nhân là Biểu tượng cho Tình yêu Bao la của Người Mẹ tu Nhân trên Núi cao. (Nhân giả nhạo Sơn: Nhân thì Yêu thích Núi, do đó mà có danh từ Non Nhân để chỉ cho Tình Mẹ) .

Nước Trí là Biểu tượng cho Lý công chính hay Đức Nghĩa của Cha luyện Trí dưới Biển sâu. (Trí giả nhạo Thủy: Trí thì yêu thích Sông Nước, do đó Nước được kết đôi với Trí thành Nước Trí, chỉ cho Lý Cha) .

Hùng Dũng là Biểu tượng cho Tinh thần đoàn kết của Vua Hùng, Quốc Tổ của Dân tộc Việt Nam.

Huyền thoại Tiên Rồng là nền tảng Triết lý Nhân sinh của Việt Nam để giúp mọi người sống Hòa với nhau, chứ không là kiến thức suông, là chuyện hoang đường .

IV.- Cái Sảy nảy cái Ung

Chẳng có Chim nào biến thành Tiên, chẳng có Giao Long Xà Long nào biến thành Rồng , đó chỉ là những Biểu tượng thăng hoa cuộc sống.

Tiên là Biểu tượng của Lòng Nhân ái hay Nhân,

Rồng là Biểu tượng của Trí hay Lý Công chính hay Nghĩa.

Tiên Rồng gặp nhau trên cánh đồng Tương là Biểu tượng cho việc rèn luyện Tinh thần Nhân Nghĩa. Nhân Nghĩa là Tình thần Đoàn kết Dân tộc.

Không tin Tiên Rồng cũng được, nhưng bỏ quên Nhân Nghĩa thì hết còn là con Người Hùng Dũng. Mất con người Hùng Dũng của Vua Hùng là mất Gốc Nội lực Dân tộc, nên phải bôn ba đi tìm nhiều Gốc khác, gây ra cảnh phân hóa, nên trước sau gì Dân tộc cũng bị sa vào tròng Nó lệ .

Cứ nghĩ Tiên Rồng chia con lên Núi, xuống Biển là Ly dị cũng được, những xin đừng quên mất việc trau dồi Bản sắc của nhau, tức quên mất vai trò Nội Tướng và Ngoại Vương của Mẹ Cha, để đối xử với nhau “ với Tình cạn Lý “, đánh mất luôn Tình Nghĩa son sắt Vợ Chồng, làm tan Nhà nát Nước, nguyên do ly dị là quên đi lời căn dặn Cha ông: Nào là : Nội nào úp Vung này “ với “ Non thề Bể hẹn “, nào là “ Vợ Chồng phải sống với nhau cho đến lúc « Răng long đầu bạc, cốt rũ xương mòn « , nào là « Trai mà chi, Gái mà chi. Sao cho Ăn Ở Nhân Nghi (Nghĩa) mới nên” !

Sự quên đi này làm cho “ Nhà tan, Nước mất “!

Quả là: “ Vi Nhân nan hĩ : Làm Người khó thay! “

Ngày nay chúng ta văn minh hơn, chúng ta có thể bỏ thứ Văn hóa chi li rắc rối này, cho là cũ kỹ lạc hậu, nhưng đừng quên là chúng ta phải tìm cho ra những giá trị tốt đẹp hơn cho hợp với thời đại thay vào, hay những phương cách theo Khoa học thay thế cho Nhân Nghĩa để giúp sống Hòa với nhau, nhưng xin đừng xài Luật rừng trời buộc con người lại thành đàn mà kéo cày cho một phe phái Bất Nhân làm chuyện Bất công, chúng ta không thể lờ đi Quốc nạn và Quốc nhục mà chạy quanh, mà phải tìm cho ra đáp đề của Dân tộc, chứ không chỉ hô hào đoàn kết suông !

V.- Sự nguy hại của cái Ung mất Gốc

Đất nước của chúng ta có Đền thờ Hùng Vương ở Núi Ngũ Lĩnh (có gốc từ Ngũ hành) thuộc tỉnh Phú Thọ, ở hải ngoại nơi một vài nước cũng có Đền thờ Hùng Vương, nhưng hình như một số chúng ta chỉ nhớ ngày mùng 10 tháng 3, tới « thờ cúng Tượng Vua Hùng « , nhưng đa số con dân Việt Nam đã lờ quên « Tinh thần: Nhân / Trí, Dũng của Vua Hùng « .

Tình trạng này được gọi là “Lạc Hồn Thiêng Sông Núi “: Hồn Thiêng Sông là Trí hay Nghĩa, Hồn Thiêng Núi là Nhân. Khi lạc Hồn Nhân Trí kết đôi thì mất Tinh thần Hùng Dũng, do tình trạng mất Gốc này mà Dân tộc Việt Nam ngày nay như đàn gà con lạc Mẹ, không được còn nấp dưới cánh gà Mẹ để chống chọi với sự bắt bớ để ăn thịt của loài Diều. Ngày nay Tinh Nghĩa Đồng bào đã phai hồng nhạt thắm thành Đồng hương, có khi thành kẻ thù không đội trời chung

G.- MINH TRIẾT VỀ GỐC ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Sau thời gian sống trong Bô lạc thì con người quy tụ lại với nhau mà thành lập Quốc gia, nhu cầu đoàn kết là điểm mấu chốt để thắt chặt mọi con dân của nước lại với nhau. **Tinh thần Huyền thoại Tiên Rồng gặp nhau trên cánh đồng Tương “ là nền tảng của Tinh thần “Đoàn kết” của Dân tộc .**

Tương là Tương ái, tương Kính, tương Thân, tương Dung, tương Giao, tương Hợp, tương Hòa, tương Thông, nhờ đó mà mọi người được bao bọc, che chở, nuôi dưỡng trong bọc Trăm Trứng của Mẹ Âu Cơ với tình Mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào mà sống khăng khít với nhau, có ai nên hư, xấu, tốt gì cũng là Đồng bào với nhau, không có được Tình bao dung của người Mẹ thì không thể sống được như thế ! ngày nay người ta lại bắt Tương dung, mặc nhiên cho mình là tốt là hay, người khác là xấu là dở, nên tranh dành hơn thua, loại trừ nhau để mình được độc tôn một cõi !

Cuộc sống Duy Lý một chiều là « chẻ sợi tóc làm tư, đếm từng hạt gạo để thổi cơm, và là giai đoạn người ăn thịt Người », ai không tin thì cứ sang Trung Hoa mà kiểm chứng! Chăm ngôn dựng nước :

Mẹ Tiên: Non Nhân, Cha Rồng: Nước Trí, sinh ra con Hùng Vương Hùng Dũng. Hùng là sức mạnh của Bắp thịt, Dũng là sức mạnh của Tinh thần. Hùng Dũng là cột trụ của Tinh thần Dựng nước và Cứu nước của Vua Hùng.

Khi mọi công dân làm người sao cho Nhân Trí kết đôi hài hoà thì tạo ra Đức Hùng, Dũng để có Nội lực.

Đó là Minh triết dựng nước và cứu nước. Không có con Người Nhân chủ, không có Minh triết sống trong mọi lãnh vực theo Thiên lý “Âm Dương hoà “ thì con Người và Dân tộc không có đủ Nội lực để Dựng và Cứu nước qua hàng ngàn năm và cũng chẳng đạt Hạnh phúc vì không sống theo Quả dục của nền Văn hoá Thái hoà.

Rõ ràng Huyền thoại Tiên Rồng không phải là chuyện hoang đường cũng không là chuyện trâu ma thần rắn như Vua Tự Đức quan niệm. Chỉ vì Lòng con Dân đã “ ngại Núi (quên đi Lòng Nhân của Mẹ Âu Cơ) e Sông (bỏ Trí công chính của Cha Lạc Long) mà Dân tộc phải tan dần xẻ ghé thương đau!

H.- MINH TRIẾT TRONG NỀN VĂN HÓA THÁI HÒA VIỆT NHO

I.- Nguồn mạch của Văn hoá Việt bắt nguồn từ :

Tiềm thức cộng đồng Nhân loại Khi đi vào Khoa Tâm lý miền sâu, chúng ta bắt gặp Sơ nguyên tượng (archetype).

Sơ nguyên tượng là những ấn tượng (impression innée) được khắc ghi vào tâm khảm con người từ nhỏ đến lớn.

1.- *Sơ nguyên tượng thứ nhất là mối Tình bao la của người Mẹ, một Tình yêu không điều kiện như Tình Cha, người Con Nên Thương đã dành , mà Con Hư lại càng Thương hơn.*

2.- *Sơ nguyên tượng thứ hai là mối « Keo sơn gắn bó “ giữa đôi Gái / Trai từ lúc Hẹn hò cho đến lúc Kết hôn. (Hệ quả từ Sơ nguyên tượng thứ nhất)*

3.- Sơ nguyên tượng thứ ba là nguồn « Tinh / Lý tương tham « hay *Tinh thần* “ Dĩ Hòa vi quý ”, hay « Chín bỏ làm Mười « giúp con Người sống Hoà với nhau. . (Hệ quả từ Sơ nguyên tượng thứ nhất)

Đây là nguồn Tiềm thức cộng thông của Nhân loại cũng là nguồn gốc của Việt Nho.

Chúng ta thử đi vào Văn hoá Việt Nam tức là Việt Nho để xem có ăn nhập gì với Tiềm thức Cộng thông của Nhân loại không .

1.- 50 con theo Mẹ Âu Cơ lập nên Nước Văn Lang tức là theo Nguyên Lý Mẹ, nên nền Văn hoá trọng Tinh hơn Lý có nguồn gốc từ nếp sống Nông nghiệp, trái với nền Văn hóa đặt trên Nguyên lý Cha trọng Lý hơn Tinh có nguồn gốc từ nếp sống Du mục.

*Vì vậy mà mọi người trong Dân tộc được xem cùng chung một Mẹ, chúng ta gọi nhau là **Đồng bào**. Dầu chưa bao giờ gặp mặt nhau, nhưng khi đi ra nước ngoài hề gặp nhau là tỏ *Tinh thần* thiết.*

2.- Trong khi Xe Tơ kết Tóc thành Vợ Chồng thì phải cử hành hai Lễ: Lễ Thành hôn hai bên được nối kết nhau bằng Tinh, còn Lễ Giao bối thì hai bên hành xử với nhau theo Lễ Công bằng để sống Hoà với nhau bằng Lý cho đến lúc “ Đâu bạc Răng long, cho tới lúc Cốt rủ Xương mòn “

*Ngày nay có số người quên sống sao cho « Tinh lý vẹn toàn với nhau « nên Gia đình mới thành **Tổ Lạnh** hay **Tổ Nóng** mà chia ly.*

3.- Trong công cuộc Vi Nhân tức “ Tu Nhân, Luyện Trí “ để có Nhân phẩm, theo Nho giáo thì có hai lãnh vực trau dồi Nhân phẩm: Một cho Cá nhân, một cho Cộng đồng.

a.- Về Cá nhân thì mỗi Người phải tu sao cho có Ngũ thường, tức là thường xuyên phải cho tu cho được 5 Điều gọi là **Đạo Đức : **Đạo Nhân** (Tinh) và **Đức Nghĩa** (Lý). Nghĩa có thể chia ra thành : **Lễ, Trí, Tín**.**

Nhân là « Ái Thân ái Nhân « lòng Thương Minh, thương Người và Vạn vật trong Vũ trụ .

Nghĩa là Bản phận phải hành xử Công bằng theo hai chiều có Đi có Lại « **Đồng đồng vãng lai « . Nghĩa được chia ra làm **Lễ, Trí, Tín**.**

Lễ là « Cung Kỹ / kính Tha « tức là trọng Minh và trọng Người, có trọng Minh mới biết cách trọng Người,

Trí là « Tri Kỹ / tri Bỉ « tức là Biết Minh và biết Người, có biết Minh thì mới hiểu Người khác.

Tín là « Tín kỹ / tín Tha « : tin Minh và tin Người, mình có thủ tín với người thì Người khác mới tin Minh, vì “ **Nhất ngôn bất trúng, Vạn ngôn vô dụng: Nếu một lời đã nói không đúng thì nhiều lời khác cũng không đáng tin, hay nếu bất tín trong điều nhỏ thì làm sao thủ tín được trong những việc lớn lao.**

Tóm lại, tuy có 5 Đức như trên nhưng gộp lại cũng chỉ có hai chữ : **Tinh / Lý**

b.- Về Cộng đồng thì mối Liên hệ Hoà được lập trên Tinh thần Nhân Nghĩa mang Bản chất hòa, đó là 5 mối liên hệ gọi là Ngũ Luân. Ngũ luân là 5 mối Liên hệ Hòa giữa các thành phần trong Gia đình và Xã hội theo tiêu chuẩn **Tinh Nghĩa:**

1.- Vợ / Chồng sống Hoà theo **Tinh / Nghĩa**

2.- Cha Mẹ / Con cái: Phụ (mẫu) Tử / Tử Hiếu cũng theo **Tinh / Nghĩa. **Phụ Tử** là Cha Mẹ Yêu thương con cái theo Lễ Công chính bằng cách biến gia đình thành **Tổ ấm**, làm trường học**

đầu đời wom Tình đom Lý cho thành Trai hùng Gái đảm về sau. **Tử Hiếu** là con cái phải theo Lý mà vâng lời Cha Mẹ để trau dồi Tư cách và Khả năng gọi là **Thành Nhân và Thành Thân**, và nhất là khi Minh còn Trẻ phải **Biết ơn Cha Mẹ** bằng cách vâng lời, chăm lo xây dựng con Người mình và khi Cha Mẹ về Gia thì nhớ **Yêu thương** mà **phụng dưỡng** Cha Mẹ cho tròn chữ Hiếu, đó là cách sống Công bằng: “ **Trẻ cậy Cha, Già cậy Con** “ .

3.- **Anh Chị / Em: Huynh kính Đệ cung** : Kính là trọng Người, Cung là trọng Minh, nghĩa là Anh Chị / Em phải Kính trọng nhau và hành xử Công bằng với nhau.

4.- **Nhân dân / Chính quyền**. Chính quyền phải tôn trọng **Nhân quyền** để giúp dân phát triển Tư cách và Khả năng. Nhân dân phải thực hành **Dân quyền** để giúp Chính quyền có phương tiện để Dựng nước và Cứu nước để **cải tiến Dân Sinh và nâng cao Dân Trí**.

5.- **Đồng bào với nhau: Mọi người sống theo Nhân Nghĩa** để hòa với nhau, theo quan niệm « **Thương Người như thể thương Thân** » và **biết cách sống « Dĩ Hòa vi quý** », đoàn kết với nhau mà Dựng nước và Cứu nước.

Tuy có 5 mối liên hệ như trên nhưng rút cuộc cũng chỉ có một chữ **HÒA** Còn **Hán Nho của Tàu** được xây dựng trên Nguyên Lý Cha có bản chất **Bạo động, gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng**,

Ngũ luân theo **Hán Nho** của Tàu được xếp theo thứ tự sau :

1.- **Quân Thân**: tôn quân làm Thiên tử, trọng Bạo lực với Ngu Trung.

2.- **Phụ Tử**; Cha Mẹ với con cái : Phụ Tử Tử Hiếu với Ngu Hiếu.

3.- **Phu Phụ** : Chồng trước Vợ sau, trọng Nam khinh Nữ, Chồng Chúa Vợ Tôi.

4.- **Huynh Đệ**: Quyền Huynh thế Phụ.

5. **Bằng Hữu**: Thủ Tín: “ Nhất Ngôn bất trủng, Vạn Ngôn vô dụng.” Đây là mớ hồ lớn giữa Bá đạo và Vương đạo.

Đó là sự phân biệt nền tảng giữa Hán Nho bá đạo và Việt Nho Vương đạo. Qua sự giao lưu Văn hóa qua hàng bao ngàn năm Việt Nho cũng đã bị Hán Nho uy hiếp xem dậm trợn lẫn với nhau mà biến chất đi nhiều, hầu như bị mai một vì mất ý thức !.

II.- Nội dung Văn hóa Việt

Việt Nho Nội dụng Việt Nho nằm trong Kinh Điển và Ca dao Tục ngữ tuy rất phức tạp, nhưng theo Triết gia Kim Định thì gồm những điểm chính sau:

1.- **Vũ trụ quan Động**, Nguồn biến dịch theo Dịch lý (số 2) của các cặp đối cực thành nét lưỡng nhất (Dual unit : 2 → 1) được tổng quát bằng “ Âm / Dương hoà “ hay “Thuận Vợ thuận Chồng “. **Nét Lưỡng nhất tạo ra động lực giúp Tiến bộ trong trạng thái ổn định** (trạng thái quân bình động).

2.- **Một Nhân sinh quan Nhân chủ** (số 3: Tam tài): Sống giữa Trời Đất, con Người duy trì được vị thế **Tự Chủ, nên phải tự Lực, tự Cường**. Đó là con **người Nhân chủ**.

3.- **Nguồn Tâm linh** (số 5) là : * **Nguồn Sống** (Vật chất) : Tình * **Nguồn Sáng** (Tinh thần ; Nhân / Nghĩa, Bao dung < Hùng / Dũng >) .

4.- **Một Lộ đồ Tu, Tề, Trị , Bình** để tất cả Cơ chế thì các cặp đối cực riêng phải được vận hành “ đồng bộ “ với nhau để tiến lên mà Dựng và Cứu nước.

5.- Một Đạt quan An nhiên tự tại Nhờ sống theo **Quả dục** (Chiết trung giữa **Diệt dục** / **Đa dục** →1) và hành xử theo **An hành** (Chiết trung giữa **Cưỡng hành** / **Lợi hành**) .
Nét Lương nhất là nét Nhất quán xuyên suốt nền Văn hoá Việt có bản chất Thái Hòa. Nét Lương nhất là “ Âm Dương hoà “, là viên Ngọc Long Toại, là “ Tiên Rồng gặp nhau trên cánh đồng Tương “, là “ Thuận Vợ thuận Chồng “, giúp “ Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa

Sống thuận với Thiên sinh tức là sống thuận theo Luật Biến dịch trong vũ trụ. Có ba luật lớn: Luật Biến dịch, luật Giá sắc và luật Loại tụ.

Sống thuận với Địa dưỡng là suy tư theo Khoa học để khai thác tài nguyên thiên nhiên mà sống, nhưng không lạm dụng thứ nào làm ô nhiễm môi sinh, làm lỗi « **Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ** «.

Còn Nhân hòa thì phải làm sao khai thác và sử dụng nguồn Địa dưỡng thuận với luật Thiên sinh cũng như hành xử sao cho Tâm linh và Khoa học được Lương nhất thì mới có đủ Nội lực để mà Xây dựng nước và cứu nước. Nói gọn muốn sống được công bằng với nhau thì đòi hỏi mọi người phải tu tỉnh cho có Lòng Nhân để thực hiện lẽ Công bằng tức là đức Nghĩa vào đời sống xã hội. Đó là lối sống theo Minh triết. Minh triết là cách làm sáng tỏ Thiên lý để sống theo mà tồn tại và phát triển, chứ không ai có Minh triết.

I.- MINH TRIẾT TRONG NẾP SỐNG QUẢ DỤC

Chúng ta biết trên Thế giới đại loại có ba nếp sống: **Diệt dục, Đa dục và Quả Dục.**

Diệt dục là nếp sống **Xuất thế**, sống khắc khổ để chăm lo cho cuộc Sống đời sau, nên chưa lo sống đã lo chết, quên mất thực tại cần thiết của đời sống Nơi Đây và Bây Giờ. Đây là sự Lạm dụng thiếu, nên nhiều khi đưa tới nạn bị **Cưỡng hành**.

Đa dục là nếp sống **Nhập thế**, con Người lấn lượm vào cuộc đời, chăm lo làm cho được nhiều của cải vật chất, có thể đưa tới cuộc sống lạm dụng nhiều thứ, làm cho đảo lộn trật tự Gia đình và Xã hội, và làm ô nhiễm môi trường. Đó là nếp sống **Lợi hành**.

Quả dục là nếp sống **Xử thế**, nếp sống Chiết trung giữa **Diệt dục** và **Đa dục**.

Diệt dục / Đa dục lưỡng nhất → Quả dục

Con Người Không hoàn toàn theo Diệt dục để giúp làm phát triển toàn diện con người mà lo cho cuộc Sống Nơi đây và Bây giờ được êm xuôi thoải mái. Con Người cũng Không theo lối sống Đa dục để lạm dụng mọi thứ làm tha hóa con người, rối loạn Xã hội và làm ô nhiễm môi trường. Do đó mà con Người phải Xử thế theo lối vừa Xuất vừa Nhập, Xuất một phần theo Diệt dục và Nhập một phần theo Đa dục để cho đời sống được điều hòa Tiết độ. Muốn thế phải **An hành** nghĩa là trong cuộc sống hàng ngày, thấy sự việc hợp với Nhân Nghĩa thì cố làm cho được, còn những điều trái với Nhân Nghĩa thì nhất định không.

Tóm lại :

Diệt dục / Đa dục lưỡng nhất → Quả dục
Lợi hành / Cưỡng hành lưỡng nhất → An hành

Chỉ có con Người sống thực sự theo Nhân Nghĩa mới có Dũng lực để An hành được. Đây Không là cuộc sống ba phải mà đòi hỏi phải có tinh thần Triết học rõ ràng thấu đáo và Nghệ

thuật tế vi viễn chuyển như nét cong Duyên dáng của Việt tộc (xem sau) mới đạt được. Đây là nếp sống theo Dịch lý, thuận theo Thiên lý để Sống hòa nhịp với Tiết nhịp hòa của Vũ trụ.

K.- MINH TRIẾT VỀ CHẾ ĐỘ NHÂN TRỊ

Về Chế độ Chính trị thì chọn **Chế độ Nhân trị**, vì :

**Nhân giả An nhân,
Trí giả Lợi nhân
Úy giả Cưỡng nhân “ . (Lão) .**

Tổ Tiên chúng ta đã chọn chế độ : Nhân trị gồm Lễ trị / Pháp trị.

Lễ trị: Lễ là “ **cung Kỳ / kính Tha** “ : trọng Minh trọng Người. Không biết trọng Minh thì không thể trọng người khác. **Lễ là hàng rào cản tự nội**, giúp con người tự ý không làm chuyện bất Nhân và bất Công. Lễ trị thuộc về lãnh vực Văn hoá và Tôn giáo cùng Giáo dục.

Pháp trị là dùng Luật pháp công minh mà trị dân. Vì con người luôn bất toàn, nhiều khi không tự chế được mà làm chuyện phạm pháp, nên **pháp luật giúp con người bất toàn sống theo lẽ công bằng của Hiến pháp.**

Thiết tưởng chỉ có Pháp trị thì không thể giúp cho xã hội được luôn an vui, vì pháp luật nào cũng có kẻ hở. Phần này thuộc trách nhiệm Xã hội.

Nền tảng của chế độ Nhân trị: “ **Dân duy bang bản, bản cố bang ninh:** Dân là Gốc của nước, Gốc có được củng cố nghĩa là mỗi người dân phải được có Ăn có Học để có Tư cách và Khả năng thì Gốc nước mới được vững mạnh, Nước có được vững mạnh thì Dân mới an vui hạnh phúc. Hạnh phúc cũng đòi hỏi phá Thân an Tâm lạc: **Một tinh thần minh mẫn trong một thể xác khỏe mạnh.**

Nếu một chế độ chính trị mà tham tàn bạo ngược thì người dân phải trừ khử như giết một những tên phạm phu tục tử (**Trụ bạo quốc chi quân, nhược tru độc phu**). **Chế độ Độc tài và CS rõ là chế độ « Úy giả cưỡng nhân «**

L.- MINH TRIẾT TRONG SÁCH LƯỢC QUỐC KẾ DÂN SINH

Bất cứ một Tổ chức nào cũng đều có một Tôn chỉ và Mục đích. Để thực hiện Mục đích đã ấn định thì phải có một Tổ chức từ Gốc tới ngọn, nên phải có Tổ chức Nhân sự được phân Công phân Nhiệm để điều hành Tổ chức. Một Chế độ chính trị cũng vậy không thể thoát ra ngoài khuôn khổ đó.

1.- **Tôn chỉ hay Chính lược** thì nhằm thực hiện **cặp đối cực: Phú chi / Giáo chi** « để cải tiến Dân Sinh, nâng cao Dân Trí hầu chấn hưng Dân khí, đó là nguồn Nội lực của Dân tộc.

2.- **Mục đích để thực hiện Chính lược** gồm Chiến lược / Chiến thuật :

a.- **Chiến lược** thì : * **Thiết lập Chế độ Dân chủ với nền tảng Lễ trị/ Pháp trị với Tam quyền phân lập theo Dịch lý** : Trong Tam quyền phân lập thì : Các ngành Lập pháp, Tư pháp và Hành pháp là những cặp đối cực vừa được vận hành theo Tiêu chuẩn « **Thiểu số phục tùng đa số** « và vừa theo Tiêu chuẩn « **Đa số phục tùng thiểu số** (competency)

* b.- **Đường lối thực hiện** thì lấy **Chí Nhân / Đại Nghĩa** thay cho « **Tham tàn / Cưỡng bạo** để thực hiện Công bằng xã hội.

3.- Chiến thuật thì:

* a.- **Thiết lập các Cơ chế xã hội theo các cặp đối cực Dịch lý để giúp cho Cơ chế được tiến bộ và quân bình và đồng thời giúp các cơ chế vận hành đồng bộ với nhau :**

Chính trị với sự điều hòa giữa Nhân quyền / Dân quyền

Kinh tế với sự điều hòa giữa Công hữu / Tư hữu

Giáo dục với sự điều hòa giữa Thành Nhân / Thành Thân

Xã hội với sự điều hòa giữa Dân sinh / Dân trí.

Tất cả các cặp đối cực phải được điều hành đồng bộ với nhau.

* b.- **Nghệ thuật Cai trị** thì phải vừa quán triệt mọi vấn đề nhờ tinh thần Triết lý (**Lý**) và cũng vừa phải thực hiện uyển chuyển theo Nghệ thuật (**Tình**) giúp mọi sự được đến nơi đến chốn.

M.- MINH TRIẾT TRONG THUẬT CAI TRỊ

*Trong việc cai trị của chế độ Dân chủ thì dùng Nghệ thuật Cai trị, trong chế độ CS thì dùng xảo thuật và bạo lực để Tà trị. Để hiểu nghệ thuật cai trị của Tổ tiên ra sao, chúng ta nên truy nguyên từ cái Thuật dùng chữ Nghệ. Chữ Nghệ: (𠄎 = 丿 < nét phẩy > + ㇇ < nét Mác >) gồm nét Phẩy (cùng chiều Kim đồng hồ: Hữu nhậm) và nét Mác (Ngược chiều kim đồng hồ: Tả nhậm) giao nhau, tức là cặp đối cực Tả và Hữu nhậm giao nhau , đó là **cặp đối cực của Dịch lý “ Âm Dương hoà ”** tức là Thiên lý mang bản chất Hòa .*

Vậy Nghệ thuật Chính trị là cách cai trị thuận với Thiên lý để mưu phúc lợi cho toàn dân trong trật tự Hòa mà sống an vui với nhau.

Nghệ thuật Chính trị cũng rất tế vi vì phải chu toàn mọi góc cạnh của đời sống mới đem cả Dân tộc tới cuộc sống Hoà vui hạnh phúc. Hoà là đỉnh cao của Văn hoá Thái hòa được thể hiện vào Đời sống Chính trị.

*Để hiểu cái tế vi của Nghệ thuật chúng ta lấy ví dụ một Họa sĩ vẽ bức tranh, người Họa sĩ chỉ với mấy nét vẽ cùng với sự kết hợp màu sắc (vật chất) mà làm nổi bật lên Tinh thần của bức tranh, **bức tranh vô giá là bức tranh có Hồn**. Một bức tranh tuyệt tác là một bức tranh làm sao cho cái Xác hiện lên được cái Hồn của bức tranh. Nghệ thuật Chính trị là sự kết hợp rất uyển chuyển giữa tinh thần Triết lý (Lý) và Nghệ thuật (Tình) sao cho công trình “ **Phú chi và Giáo chi** “**được hài hòa**, giúp cho toàn dân sống sung mãn tương đối công bằng mà hòa với nhau cho được hạnh phúc.*

Còn Xảo thuật Tà trị là cách hành xử đi ngược với Thiên lý, là dâng thay Trời cướp quyền Tự do và quyền Tư hữu của Dân thuộc Thiên tính về cho đảng gây ra cảnh Bất Hòa gây ra khổ đau tang tóc cho con Người và Dân tộc.

Xảo thuật Chính trị còn là cách Nói “ Nhân Nghĩa “ mà Làm ngược lại theo lối “ Tham tàn và Cường bạo” , nghĩa là “ nói Ngược làm Xuôi “: Nói Độc lập vì đã làm Nô lệ kẻ thù, Nói Tự do là chuẩn bị tước Nhân quyền, Nói Hạnh phúc là hô cải cách để tước quyền Tư hữu hầu Ngu hóa và Bản cùng hóa nhân dân để cho dễ cai trị và trường trị, Nói Đối mới là để rước Tư bản vào làm ăn mà cùng nhau Tham nhũng,

Nói làm ăn theo kinh tế Thị trường nhưng theo định hướng XHCN là nói bừa để bảo vệ đảng trong lúc bế tắc không biết tiền thoái ra sao! Tất cả mọi sự đối trá nghịch với Thiên lý cứ lần lượt bị phơi bày vì không có gì dưới mặt trời có thể thoát khỏi cái Lưới Trời lồng lộng Nhân quả hay Giá sắc!

N.- MINH TRIẾT TRONG CÁCH XÂY DỰNG CƠ CHẾ XÃ HỘI

Theo quan niệm Nhất nguyên lưỡng cực thì mỗi Cơ chế xã hội phải làm sao cho cặp đối cực trong từng Cơ chế được điều hòa và điều hòa cùng các Cơ chế khác trong xã hội thì mới giúp cho các Cơ chế vừa Tiến bộ vừa Ổn định.

1.- Trong **Giáo dục** thì khi điều hợp được cặp đối cực **Học Lễ (formation)** và **Học Văn: ra (informtion)** thì sự Học mới trọn hảo, giúp ích cho cuộc sống.

Mục tiêu của giáo dục là **điều hòa được cặp đối cực thành Nhân (Tư cách do Lễ) và thành Thân (Khả năng do Văn)**.

Giáo dục mà chỉ đào tạo khối óc để thành Thân thì sẽ sản sinh ra nan đề Duy Lý.

Tiên học Lễ (Lễ : biết Trọng Minh để biết trọng Người) bằng cách Huấn linh, (thuộc lãnh vực đào luyện Tư cách : Formation).

Hậu học Văn bằng **Bác vấn (thuộc kiến thức để tra dồi Khả năng : Information)**, thì sự học mới giúp cho con Người phát triển toàn diện.

2.-Trong **Chinh trị** thì phải điều hòa được cặp đối cực **Nhân quyền và Dân quyền** thì Dân mới giàu nước mới mạnh.

Có **tôn trọng Nhân quyền để con Người có Tự do mà tra dồi Nhân phẩm** cho có Tư cách và Khả năng. Do đó mà đòi hỏi phải có nhu cầu Tự do Tôn giáo, Tự do Văn hóa và các quyền Tự do căn bản.

Về **Dân quyền** thì xã hội phải cung cấp cho mọi công dân Cơ hội và Phương tiện phát triển toàn diện con người, tức là giải phóng cái Tâm cái Trí của mọi công dân thành con người Nhân chủ, khi đó mọi công dân mới có đủ Tư cách và khả năng để đóng góp tương xứng vào công cuộc Cứu nước và Dựng nước.

Nhiệm vụ của chính quyền là “ Phú chi, Giáo chi “. Phú chi để nâng cao Dân Sinh, Giáo chi để nâng cao Dân Trí và Dân Khí. Đó là công trình giải phóng toàn dân để cứu nước và Dựng nước, chứ không chỉ giải phóng giai cấp nghèo đói và ngu dốt, khi giải phóng xong rồi không biết làm gì tiếp cho con Người và Dân tộc, mà chỉ theo “ phường đạo tặc luru manh truyền kiếp” mà giết người cướp của để lấp đầy túi tham không đáy theo Lý tưởng Kách mệnh vô sản!

Nhân quyền là phổ biến cho Nhân loại, còn Dân quyền mới phụ thuộc vào hoàn cảnh địa phương, nhưng khi nào cặp đối cực tương xứng này tương tranh tương hỗ để kết hợp với nhau thì mới đem lại ích lợi cho con Người và Dân tộc.

3.- Về **Xã hội** thì phải điều hoà **Dân sinh và Dân trí cho đồng bộ** thì mới phát triển điều hòa được.

Khi Dân sinh được cải tiến thì mới giúp nâng cao Dân trí để cho mỗi Công dân đều có Tư cách và Khả năng nhờ có học, có thể mới mong Dân giàu nước mạnh. Một nước giàu mạnh không chỉ ở đông binh lính và nhiều súng đạn, mà chính cốt ở Dân sinh, Dân trí và Dân khí được cao.

4.- Về **Kinh tế** thì phải điều hoà giữa **Công hữu / Tư hữu** để giúp cho hết mọi người dân có cuộc sống tối thiểu có Nhân phẩm, tức là mỗi công dân đều có cơm no áo ấm và tiện nghi tối thiểu cũng như Tự do căn bản.

Thiếu quyền Tư hữu và quyền Tự do căn bản thì con người bị giáng cấp thành súc vật .

Nói cách khác là Tự do và Bình sản là hai nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống con người. Tự do để phát triển Nhân cách và Khả năng của con Người, Bình sản để ai ai cũng có nhu cầu tối thiểu như các yếu tố “ Ăn, Mặc, Nhà ở và Việc làm “ để sống xứng với Nhân phẩm.

Chế độ điều hòa giữa Công điền Công Thổ với Tư điền gọi là Bình sản.

Nếu Xã hội cứ lơ đi cảnh “ Kẻ ăn không hết, người lười không ra “ thì đến khi Bò chết (người nghèo) thì Trâu cũng bị lột da (người Giàu). Chế độ CS là một hệ quả quá đau thương của Dân tộc do Lòng Vô cảm và thiếu tinh thần Liên đới trách nhiệm mà ra !

Do đó mà Tài sản Nhân dân không còn là Công hữu và Tư hữu của Nhân dân mà trở thành “ đảng hữu “ qua “ Mổ cướp Lý tưởng Quốc tế trá hình.

Khi bị tước mất quyền Tư hữu và quyền Tự do căn bản thì con người bị thiên hoạn mất Nhân Tính và Nhân Tính, nên trở thành súc vật.

Hai quyền này thuộc Thiên bẩm.

Mao đã dùng phương pháp Tẩy não hồng để tẩy xoá Lương tâm, xóa mất quan niệm Tư hữu trong đầu, đặng nhét quyền Công hữu vào đầu vô sản mà làm Kách mệnh triệt để, nhưng kết quả là đưa Trung hoa vào khoảng trống Văn hóa như hiện nay,

Trung Hoa đã bán đứt Lương tâm của Dân tộc qua việc sản xuất và xuất cảng hàng độc hàng giả để hồng tiêu diệt thế giới mà chiếm đoạt Không gian sinh tồn (space for life) ,cùng nhiều mưu mô bành trướng vừa trâng tráo vừa thâm độc chỉ vì bất Nhân và bất Nghĩa.! Áo tưởng “ Biển Đông là ao nhà của đại Hán “ đang đưa dân Trung Hoa vào ngõ cụt!

O.- MINH TRIẾT TRONG VẤN ĐỀ GIÁO DỤC

(Phỏng theo GS. Kim Định)

I.- Mục tiêu : Tiên học Lễ: THÀNH NHÂN.

Hậu học Văn: THÀNH THÂN

II.- Phương pháp.- Hai lối giáo dục: Đồng nhất và Khai phóng.

1.- Giáo dục đồng nhất“ Ở đây chỉ xin làm sáng tỏ vấn đề bằng so sánh đường lối giáo dục (tức sự sửa soạn xa) :

Một theo Tâm Lý đồng nhất của Hạ trí,

Một theo lối Thái hoà của Tâm Linh.

Lối Giáo dục đồng nhất có 3 nét đặc trưng sau:

a.- Trước hết là nhồi sọ : *Nhồi sọ cho thực đầy, nhét cho thực chặt, không còn để một quãng thì giờ trống nào để tâm hồn rảnh rang, hầu có thể tự suy nghĩ lấy cách tư riêng . Hết giờ học thì đến giờ làm việc, hết lao tác thì đến học tập.*

b.- Thứ đến là lối độc hữu: *Do quan niệm chân lý có một, vì thế một là cảm đoán triệt để tất cả tư tưởng khác với chân lý được chấp nhận, như ta thấy rất rõ trong chế độ cộng sản. Hai là không dành cho chút thì giờ rảnh nào, đặng nhìn ra ngoài.*

c.- Thứ ba là hệ quả của sự không để giờ cho suy nghĩ thì tất nhiên phải suy nghĩ hộ : không ai có quyền suy nghĩ nữa, đã có Đảng và Bác suy tư .

Tất cả chỉ có việc theo lý trí của người trên. Như vậy là Lý trí rỗng làm sao lý trí gặp được Tâm linh.

Biết bao người Việt Cộng đã nghĩ đến tình Đồng bào, tình Huynh đệ, cha con, muốn ngừng tay dâm chém phá hoại, nhưng Bác và Đảng đã bắt phải từ khước những ý nghĩ đó , cho đây

chỉ là những tàn tích của phong kiến, của tư bản, cần đoạn tuyệt, để được hướng trọn vẹn tại mắt, trí, ý vào chân lý của Đảng mà thôi

Vì thế nhiều đảng viên phải giả điếc trước tiếng nói của Tâm tình, của Lương tâm để tuân theo chỉ thị cấp trên, bắt phải hoạt động như con sót rét để khỏi nghe tiếng lòng . . .

2.- Giáo dục khai phóng

Bây giờ chúng ta trở về với chân lý khai phóng của Việt Nho, nó có những đặc tính sau đây :

a.-Trước hết là sự thanh thoát trong Đường lối giáo dục, được tượng trưng trong việc “Đi tắm sông Nghi, hóng mát trên đài Vu Vũ, ca hát mà trở về” .

Thật là nhẹ nhàng cởi mở, giàu tính chất Tâm linh thanh thoát (xem Tâm Tư , chương IV) .

Còn về sách vở tuyệt nhiên không bao giờ lấy nó làm tiêu chuẩn tối hậu kiểu Mặc Dịch để chúng chắn đường con người trở lại với Tâm mình.

Nếu có dùng sách thì cũng không có những sách chặt chẽ kiểu ý hệ, mà là những sách có lối văn lỏng lẻo, cởi mở như Thi , Thư , Lễ , Nhạc , không có chút chi trói buộc Tâm hồn. Đã vậy cũng không có nhịp điệu chung nào Anh này ra một ý chưa mức cạn, thì cứ mức đi; vài ba tuần dăm ba tháng mới trở lại gặp thầy cũng được.

b.-Điểm thứ hai, đối với những tư trào khác, thì nên tránh công kích : “ Công hồ dị đoan, tư hại dã dĩ đoan ” . *Vậy có nghĩa là Dung thông .*

Tất nhiên chỉ Dung thông những tư trào nào vẫn để cho mình được phép mãi mãi dung thông. Vì nếu bừa bãi chấp nhận những thuyết đầy chất độc hữu, thì ngày nào thắng thế, nó phải bắt mình cũng phải độc hữu .

Y như Việt cộng hiện nay, biết bao người chỉ đón rước cộng sản như để mở rộng đường suy tư, có ngờ đâu đến lúc nó thắng thế , thì dù muốn dù chẳng mình cũng phải trở thành một chiều như nó . Vì thế nhân danh tinh thần Trương Dung mà chấp nhận bất cứ tư trào nào là một thứ “ ba phải ” rất tai hại.

c.-Cái nét cuối cùng của Việt Nho là đề cao việc trở lại với Tâm tư mình.

Có theo ông thầy thì chẳng qua mình thấy ông nói hợp tâm trí mình chứ không phải vì là của ông. Vì thế có đi cùng một đường với ông, cũng chính là đường của mình. Đại để đó là mấy nét biểu thị nền Giáo dục của Nho giáo Nguyên thủy, tức cũng là Việt Nho.

III.- Hai nền tảng của Giáo dục: Huấn linh và Bác vấn

Để được xứng danh là một nền Giáo dục phải có hai phần Huấn linh và Bác vấn :

**1.- Huấn linh (Chỉ sự Đào luyện: formation) < THÀNH NHÂN > “
*Muốn đào luyện phải có Cơ sở tinh thần để y cứ và để tài bồi vun tưới trở lại rồi trở đi mãi mãi, có thể mới là Huấn, mới là Luyện. Chữ luyện nói lên sự đi lại nhiều lần mãi mãi cho tới độ đạt thuần thục và tinh ba, nên cũng gọi là Thần là Linh, gọi tắt là Huấn linh.***

2.- Bác vấn (Chỉ sự Quảng vấn: information) < THÀNH THÂN > Song song với Huấn linh như Hồn, thì cần phải có Bác vấn như Xác, tức là Bác học Quảng vấn (information).

Bác học là chiều Rộng, còn Huấn linh là chiều Sâu :Rộng / Sâu lưỡng nhất

Chiều Rộng càng lớn thì giúp cho chiều Sâu vào sâu hơn nữa. **Hiện nay các nền giáo dục hầu hết đều rộng quá rộng, đến độ để cho Bác vắn lắn át Huấn linh, khiến cho giáo dục thiếu mỗi Quán nhất Nội tại. Thực ra sự biết rộng (bác vắn) là một điều hay dành cho một số nhỏ có khả năng bách khoa mà không hợp cho phần đông chỉ cần một tầm học vắn thông thường, cùng lắm là hai ngành chuyên môn mà thôi.**

Nhờ có óc thiết thực, mà Mỹ Anh Nga đã dám làm cuộc Cách mạng giáo dục.

Chương trình trung học mà nặng về Bác vắn mà bỏ qua Huấn linh là nền giáo dục bì phu, bỏ Gốc ôm Ngọn, như thế thì làm sao gây nên những cán bộ Văn hoá, tạo được niềm tin tưởng để gắn bó người trong nước thành một mặt trận Tinh thần.” (Dịch Kinh Linh Thử. Kim Định)

P.- MINH TRIẾT VỀ QUYỀN HÀNH

Trong bài trên Ts. Lê Công Sự có đề cập tới **Vấn đề Minh triết và Quyền lực Chính trị**. Phần trên chúng tôi đã bàn về Minh triết qua nhiều lãnh vực trong Văn hóa Việt, còn Quyền lực Chính trị thiết tưởng phải lần tới Nguồn Gốc của Văn hóa Việt đề làm sáng tỏ.

Nền tảng Tinh thần lập quốc của Việt Nam là Hùng / Dũng hay sức mạnh Vật chất / Tinh thần của cả Dân tộc. Sức sống của mỗi cá nhân là Tình / Nghĩa . Sự phân công Giới tính hay phân công Trách nhiệm tuy là bình đẳng nhưng là Nữ Nội Nam Ngoại: « Đàn Ông là Nhà, đàn Bà là Cửa. » Mỗi liên hệ Hoà giữa mỗi người trong nước là Tình Nghĩa Đồng bào. Theo Tôn ti trật tự mà mỗi người có Nhiệm vụ và Quyền lợi tương xứng khác nhau trước hết mỗi người phải lo sao cho thành Nhân có Tư cách và thành Thân có Khả năng. Trong lãnh vực Gia đình. Nhiệm vụ của Cha mẹ đối con cái là nuôi nấng và dạy dỗ con cái cho nên người có Tư cách và Khả năng để không những người con khi trưởng thành có thể sống tự lập mà còn sống được hạnh phúc. Quyền hành của Cha Mẹ phải nằm trong lãnh vực Tình Lý, nghĩa là Yêu thương theo lẽ Công bằng để giúp con cái un đúc lòng Yêu thương và hành xử công bằng. Không ai có thể nhân danh lý do nào mà cướp quyền dạy dỗ con cái của Cha Mẹ. Tổ chức « Thiếu niên quàng khăn đỏ » và « đoàn Thanh niên CS » là Tổ chức cướp đoạt quyền Giáo dục Thành Nhân và thành Thân của Cha Mẹ, cách này ngược với Thiên lý, làm mất phẩm giá con Người và làm rối loạn Xã hội, đây là cách Nhồi sọ « của Cha Già Dân tộc « **biến Người thành Ngom. Còn Nhiệm vụ của con cái với Cha Mẹ là vâng lời Cha Mẹ để được Quyền lợi đào luyện thành Nhân (Tư cách) và thành Thân (Khả năng) để trở nên trai hùng gái đảm mà xây dựng Gia đình và đất nước, nên người con phải biết Ôn (nhờ Tình) và báo Hiếu với Cha Mẹ (theo Lý công bằng) cho phải Đạo làm con. Do đó mà có câu: “ Trẻ cậy Cha, Già cậy Con “ Còn nhiệm vụ của **Chính quyền** đối với Nhân Dân thì phải **tôn trọng Nhân quyền** để giúp người Dân phát triển Tư cách và khả năng đồng thời đòi hỏi người Dân phải thực thi Dân quyền như đóng thuế cùng những nghĩa vụ hợp hiến khác cho nhà nước để cứu nước và xây dựng nước. Muốn thực thi nhiệm vụ đó thì Chính quyền phải có Quyền: Quyền đó do toàn Dân giao cho, một là chính quyền phải là người có tư cách và khả năng do Dân bầu chọn tự do. Quyền của chính quyền cũng do người dân trao cho qua Hiến pháp do người dân soạn thảo. Hiến pháp chẳng qua lẽ Công bằng xã hội xuất phát từ Lòng Nhân ái để trị quốc an dân, chứ không là thứ luật rừng để hãm hại những người yêu nước chống kẻ thù Dân tộc. Chính quyền chẳng qua là công bộc của dân, Quyền nào thì Lợi nấy, Lợi nào thì phải Hành nấy, Hành theo luật Công chính. Như thế là **Dân lãnh đạo đảng, chứ sao đảng lại lãnh đạo Dân?**Sao có chuyện động trời “ chưa sinh Cha đã là sinh con “, ngược ngạo đến thế là cùng!?**

Các chức vị hàng đầu trong chính quyền Trung ương mới được đảng bày bản chỉ định trước khi hết nhiệm kỳ của chính phủ cũ cũng như cuộc bầu cử Quốc hội cho chính phủ mới, chỉ có Chủ

nghĩa Mác –Mao- Hồ mới có lời “ Dân chủ cuối đến thế là cùng !” Trong chế độ Dân chủ, quyền hành thuộc về Dân, chính quyền chỉ là kẻ được Dân giao cho nhiệm vụ điều hành mọi Cơ chế xã hội cho được Tiến bộ và Quân bình, quyền của chính quyền càng ít càng tốt, vì là nền Dân chủ, quyền hành có nên tản nơi toàn Dân, mọi việc đều do Dân làm, Dân xây dựng, chứ không có Dân chủ tập trung, dân chủ này là Dân chủ cuối lộn đầu trở xuống, nên thành Đảng chủ ! Nên nhớ Giai cấp là tàn tích tệ hại của chế độ Nô lệ, Đảng của Giai cấp lại càng tệ hại hơn, vì bản chất của Đảng theo Văn hoá Du mục là bạo hành, gian manh, cướp đoạt, và bành trướng. Ngày nay người ta bị áp bức quá nên cứ kêu gào đa đảng, cho được Tự do, nhưng Tự do không đủ hai chiều gồm: Tự do hàng Dọc (Vô biên về Tâm Linh: Nhân quyền) và Tự do hàng Ngang (Hữu hạn qua Thế sự, Khoa học: Dân quyền) thì trở nên hỗn loạn, vì “ lắm < thầy thiếu Lương tâm > thì rầy ma “. **Tự do vô biên** (hàng Dọc với Thiên / Địa) / **Tự do Hữu hạn** (hàng Ngang với Tha Nhân) phải lưỡng nhất

Trong một nước có thể nhiều đảng để các đảng phát triển bản sắc riêng, nhưng nên quy tụ thành hai nhóm, **một chuyên về Nội trị, một chuyên về Ngoại giao**, hai bên đóng vai trò cặp đối cực tương tranh tương hỗ để giúp cho Quốc kế Dân sinh luôn được cân bằng và tiến bộ. Theo quan niệm **Nhất nguyên lưỡng cực** như: Trên / Dưới, Trong / Ngoài, Trước / Sau, Thân / Sơ hay Gần / Xa, Già / Trẻ . . . thì mỗi người ở Vị trí khác nhau có Chức vụ hay Nhiệm vụ khác nhau, nên có **Quyền Hạn, Quyền Hành và Quyền Lợi** tương xứng khác nhau. **Nhiệm vụ kết đôi với Quyền Hạn**: Nhiệm vụ lớn thì phải có quyền hạn lớn, nhưng không thể lạm quyền làm điều trái với Luật Công bằng . **Quyền Hạn kết đôi với Quyền Thế**. **Quyền hạn lớn thì phải có cái Thế lớn tức là ảnh hưởng lớn**. **Quyền Hạn đi đôi với Quyền Lực**. **Quyền hạn nhỏ thì cần quyền lực nhỏ, quyền hạn to thì phải có quyền lực lớn** . Những người làm việc cho Quốc gia thì phải có hai Lực; **Quân đội** để bảo vệ ngoại xâm cho Đất Nước. **Công an** để bảo vệ an ninh trật tự cho nhân dân. Còn **những người làm công ích** thì tùy theo nhiệm vụ mà có nhân viên phụ tá nhiều hay ít. **Quyền Lực đi đôi với Quyền Hành**. Phải có Quyền lực (của Chí Nhân) tương xứng thì mới thi hành Nhiệm vụ (Đại Nghĩa) được. **Quyền Hành đi đôi với Quyền Lợi**. Làm được việc lớn đưa tới lợi lớn chung thì sẽ được hưởng lợi lớn tương xứng. **Hành nào đi với Lợi nấy**. **Tất cả đều là cặp đối cực tương xứng đi đôi với nhau, nếu không tương xứng là lạm dụng trái với luật Nhân quả hay Giá sắc tức là nghịch với Thiên lý**. Trong các chế độ độc tài hay CS thì sự lạm dụng tràn lan hầu hết trong mọi lãnh vực.

Q.- MINH TRIẾT TRONG CÁCH ĐIỀU HÀNH CƠ CHẾ XÃ HỘI

Đất nước Hoa kỳ có Tam quyền phân lập : **Lập pháp** (đa số) và **Hành pháp** (Thiểu số) là cặp đối cực. Trong **Lập pháp** thì **Thượng viện** chuyên về **Ngoại giao** và **Hạ viện** chuyên về **Nội trị**) cũng là cặp đối cực.

Các cặp đối cực luôn tương tranh tương hỗ « để duy trì tình trạng *check and balance*. (kiểm soát nhau để cho các Cơ chế được quân bình). Còn **Hành pháp** và **Tối cao Pháp viện** cũng như **Lập pháp** với **Tối cao Pháp viện** đều là **những cặp đối cực**, một bên là đa số như **Lập pháp** và **Hành pháp**, còn bên thiểu số là **Tối cao Pháp viện**, trong trường hợp này thì phe (Đa số) **Hành pháp**, **Lập pháp** phải phục tùng **Tối cao Pháp viện** (**Thiểu số**) vì yếu tố **thông thạo vấn đề nhờ hiểu biết sâu rộng (competency)**. Trong **Thượng** và **Hạ viện** thì **Đa số** phục tùng **Thiểu số** . Trong **Lập pháp** và **Hành pháp** thì **Đa số** phục tùng **Thiểu số** **Tối cao Pháp viện**. Đó là chính sách *check and balance* theo Dịch lý . (Xem ra Tinh thần Kitô giáo trong chế độ Dân Chủ Hoa kỳ đã gặp Tinh thần Dịch lý của Việt Nho. Xin xem thêm cuốn “ Hội

nhập Văn hoá Á Âu “ của Việt Nhân trong Bộ sách Văn hóa Dân tộc trên vietnamvanhien.net). Tóm lại, Quyền hành Chính trị bắt nguồn từ Chế độ Chính trị, mà Chính trị lại có gốc xa từ nếp sống Văn hoá: Nền Văn hoá Nông nghiệp có bản chất Hoà bình thì chế độ Chính trị đầu với Danh từ nào cũng mang bản chất Dân chủ, Còn nền Văn hoá Du mục có bản chất Chiến tranh là nguồn gốc của chế độ độc tài mang tiềm danh Dân chủ .

R.- MINH TRIẾT VỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

I.- Vấn đề Công bằng Công bằng xã hội là Vấn đề quan trọng hàng đầu của con Người trong xã hội và của cả Nhân loại. Một xã hội bất công thì Đất nước bị rối loạn, làm cho mọi người đều bị đau khổ. Chế độ Nô lệ và Đế quốc thực dân của phương Tây cũng như chế độ Phong kiến chuyên chế phương Đông đều chứa muôn vàn bất công, gây khổ đau cho con người..

Dựa vào những bất công trong các chế độ đó mà CS cũng đã giết hàng trăm triệu con người bằng cách thực thi công bằng xã hội để giải quyết bất công xã hội, nhưng xã hội càng ngày càng bất công hơn. Xã hội càng bất công thì các nước càng tìm cách thi đua vũ trang để lập Hòa bình thế giới với ý tưởng “ **muôn Hoà bình thì phải chuẩn bị Chiến tranh** “, nên đem bao nhiêu mồ hôi nước mắt của nhân dân mà sắm vũ khí giết Người hàng loạt, chứ không chuẩn bị chỉnh đốn con Người và tinh thần Dân tộc cho hợp với Thiên lý. Thực ra vì chưa có sách lược nào giải quyết nạn bất công xã hội thật ổn thỏa . **II.- Nguồn gốc của Bất công xã hội** Muốn bàn tới và giải quyết vấn đề bất công xã hội thì tìm cho ra nguồn gốc Bất công là do đâu, chứ không thể nhìn các hiện tượng bề ngoài trong Xã hội mà sửa chữa . Bất công xã hội là con bệnh trầm kha, phải chữa tận gốc chứ không thể như việc chữa bệnh nội thương, chỉ lấy dầu Cù là mà thoa sát ngoài da, mặt khác sống trong thế giới hiện tượng mọi sự đều tương đối, không thể đem cái nhìn tuyệt đối vào đây. **Do sự bất toàn của mỗi con Người mà gây ra tình trạng Bất công Xã hội. Cái bất toàn một phần là do Thiên bẩm, phần khác là do Nhân vi trong cách hành xử Lạm dụng của con Người.** 1.-Nguyên do Thiên bẩm Có người được sinh ra rất thông minh **mẫn tiệp, có người lại dốt nát tối tăm, có người thì ở mức trung bình, có người thì siêng năng, có người lại chây lười. Về thể chất người thì khỏe mạnh người thì yếu đuối người thì bất lực.**

. Nhân loại có hàng 7, 8 tỷ người, mỗi người một khác khác nhau về mọi phương diện, người kém phân này, kẻ trôi phân kia. **Quả là nhân loại muôn màu muôn vẻ, dường như Thượng Đế sáng tạo ra loài người chứa nhiều bất công, nhất là về phương diện sản xuất ra Tư hữu:** Mỗi ngày, Kẻ thì làm được hàng trăm hàng ngàn, người thì làm được vài trăm, vài chục, thậm chí có kẻ không làm ra đồng nào . 2.- Nguyên nhân do Nhân vi Trong giòng lịch sử Nhân loại thường xảy ra việc người có quyền thế áp bức bóc lột người nghèo đói, gây ra rối loạn xã hội. Những chế độ Nô lệ, Đế quốc Thực dân, chế độ Cộng sản ở phương Tây, chế độ Phong kiến chuyên chế ở phương Đông với thành phần giàu có đã gây không biết bao nhiêu khổ đau cho những người nghèo khó yếu thế. CS Liên Xô, Đông Âu, CS Trung Hoa và và CSVN . . . đã đẩy sự bất công xã hội lên đỉnh cao chói vót. Khi con Người bị tước mất quyền Tự do làm Người và tước mất quyền Tư hữu để sống thì con Người sẽ trở thành Ngợm. **Vậy Vấn đề bất công xã hội có hai nguyên nhân:** 1.- Sự bất công là do Thiên bẩm từ bản chất mỗi con Người. 2.- Do sự áp bức bóc lột là do con người Bất nhân gây ra Xã hội Bất công. **III.- Cách giải quyết Vấn đề Công bằng Xã hội** 1.- Thuộc lãnh vực Tôn giáo Trong Phúc âm đã có Dụ ngôn giúp chúng ta giải quyết vấn đề :

« Phúc Âm Thánh Máthêu “ Đoạn Máthêu 25:14-30 kể về một ông chủ sắp đi xa nhà. Trước khi đi, ông liền giao cho ba người đầy tớ trông coi một số lượng tài sản của mình. **Người thứ nhất** thì nhận được năm yến (còn gọi là 5 talent), **người thứ hai** thì hai (2) yến, người thứ ba

thì một (1) yến, tùy theo khả năng của họ. Một thời gian sau, ông chủ quay về nhà và gọi những đầy tớ này đến để tính toán sổ sách. Hai người đầy tớ đầu tiên giải trình rằng với những yến bạc được giao, họ đã làm việc và sinh lời gấp đôi cho ông chủ. Do đó, họ được ông chủ khen thưởng rằng: "**Khá lắm! hơi đầy tớ tài giỏi và trung thành!** Được giao ít mà anh đã trung thành, thì tôi sẽ giao nhiều cho anh. Hãy vào mà hưởng niềm vui của chủ anh!" Tuy nhiên, trong khoảng thời gian đó, người đầy tớ thứ ba lại đem yến mà mình nhận được chôn dưới đất rồi giải trình rằng: "Thưa ông chủ, tôi biết ông là người hà khắc, gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi. Vì thế, tôi đâm sợ, mới đem chôn giấu yến bạc của ông dưới đất. Của ông đây, ông cầm lấy!". Ông chủ nổi cơn thịnh nộ với hắn: "**Hơi đầy tớ tồi tệ và biếng nhác! Anh đã biết tôi gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi, thì đáng lý anh phải gửi số bạc của tôi vào ngân hàng, để khi tôi đến, tôi thu được cả vốn lẫn lời chứ! Vậy các ngươi hãy lấy yến bạc khỏi tay nó mà đưa cho người đã có mười yến. Vì phàm ai đã có, thì được cho thêm và sẽ có dư thừa; còn ai không có, thì ngay cái đang có, cũng sẽ bị lấy đi. Còn tên đầy tớ vô dụng kia, hãy quăng nó ra chỗ tối tăm bên ngoài: ở đó, sẽ phải khóc lóc nghiền răng."** Theo Thiên Ý, đây là *Dụ ngôn Chúa Giê-su dạy cách làm Người “Bác ái và Công bằng”*. *Thể xác và Tinh thần của con Người tuy do Cha Mẹ sinh ra, nhưng đều là tạo vật của Thiên Chúa, có được sinh ra mỗi người có Thể xác và Tinh thần không ai giống ai, thì Nhân loại mới có muôn hình muôn vẻ, trong Dụ ngôn trên Ông Chủ giao cho 3 người đầy tớ: Người thứ nhất 5 yến (lạng bạc), người thứ hai 2 yến, người thứ ba 1 yến, Yến đây tượng trưng cho Thể xác và Tinh thần mỗi người, đây là vốn liếng Chúa tặng không (free gift) cho mỗi người, Chúa bảo làm lời chẳng khác gì bảo làm người sao cho Vật chất và Tinh thần được ngày càng phát triển tốt đẹp cho xứng danh với con Chúa. Người được cấp nhiều Yến thì phải làm Lời nhiều, người được cấp ít thì làm Lời ít, người nhận Vốn mà không làm Lời là người sống trái với luật Chúa, tất cuộc sống của mình đã tự mình làm cho sa vào nơi Tối Tăm. Chúa không đánh giá vào số vốn yến nhiều ít, mà Chúa đánh giá vào tỷ lệ làm Lời (Vốn / Lời) của từng Người, tức là cách làm Người có hiệu quả với số vốn đã giao mà đánh giá Giá trị từng người. Thiên Chúa đã căn cứ vào Tỷ lệ làm Lời qua phương cách làm Người, chứ không phải số vốn đã giao cho nhiều ít. Người có Tư chất là người được giao nhiều Yến, người có Tư chất kém hơn thì được giao ít Yến, nhưng công lao của mỗi con Người là chỗ làm cho tỷ lệ Lời nhiều ít, chứ không bằng cứ vào nơi vốn mà phân biệt hơn thua, cao thấp.*

Mặt khác khi con Người được sinh ra, Chúa đã sắm sanh “Quà biếu cho Không” dư dật mọi thứ: môi trường Khí quyển bao quanh quả Đất để thở, môi trường Nước 5 Đại dương là vật chất nền tảng của sự sống, môi trường Đất với muôn ngàn tài nguyên để nuôi sống thể chất, cùng nguồn năng lượng vô biên của Mặt Trời để hoạt động, nhất là vô số Định luật bất biến trong vũ trụ để giúp con người khai thác vật chất mà đi vào Không gian vô cùng lớn cũng như đi vào thế giới vô cùng nhỏ nơi vật chất mà sống cho sung mãn. Tất cả Chúa đều “cho Không” và “cho đến muôn đời”, sau cuộc sáng tạo đến ngày thứ Sáu, mọi sự đã hoàn tất, Chúa không sáng tạo gì thêm, Chúa không nói thêm điều gì nữa (Thiên hà ngôn tai!). Và lại con người có năng Cử động chân tay thì Cơ thể mới khỏe mạnh, có biết Suy tư để Trí óc làm việc thì tinh thần mới minh mẫn, có Quy tư vào Lòng mình thì Lòng mới Động để biết Yêu thương San sẻ với nhau nhờ Lòng Bác ái và Lễ Công bằng. Con Người có Vì Nhân như thế mới xứng danh với con Trời con Chúa. Nếu không định vị được như thế và không hiểu được vai trò làm Người quan trọng của mình như thế, thì tuy là đã có xác người nhưng Tinh thần con Người vẫn chưa xứng là con Người. Quan trọng nhất là con Người nên hiểu, số Lời đó con Người chỉ có công một phần, còn phần khác là nhờ vào Vốn cho không, Chúa đâu có thu lời,(

nhưng Chúa âm thầm yêu cầu sống theo luật Chúa để Nhân loại được hạnh phúc) , do đó mà mỗi Người phải theo luật thiên nhiên trước mắt mà ứng xử công bằng với nhau mà sống cho được hạnh phúc.

Luật Thiên nhiên là khi nào Nước cũng chảy từ Cao xuống Thấp, Gió cũng thổi từ chỗ Áp suất cao xuống Thấp, nên phải tự biết lấy Cao bù Thấp, lấy Nhiều bù Ít để cho lập được thế cân bằng chung mà sống hòa với nhau, có lẽ đến khi không có Hiện tượng biến hoá nữa do vật chất hết cách biệt thì khi đó là ngày Chung thẩm, do đó mà con Người phải có Lòng Bác ái, để biết san sẻ với nhau cho tương đối Công bằng mà sống cùng nhau , nếu cứ để cho xảy ra tình trạng “ kẻ ăn không hết, người lần không ra “ thì sinh ra đại loạn mà chịu khổ nạn cùng nhau. Nếu con người không chịu sống Hoà theo Thiên lý, mà cứ quen thói “ mạnh được yếu thua” mà “ Cá Lớn cứ nuốt cá Bé “, mà cứ theo thói “ Khôn Độc Đại Đàn, Sống chết mặc bay, Tiền thầy bỏ túi “ thì Nhân loại chỉ diu nhau chết đuối trong “ vũng nước chân trâu” !. Việt Nam đang gánh chịu triển miên muôn vàn Quốc nạn và Quốc nhục do “ Thù trong giặc Ngoài CS gây ra“!. CS rõ là cây Roi của Thiên chúa để quất vào những con Người Bất nhân gây ra Xã hội Bất công ! Chúng ta nên hiểu, con Người được sinh ta dường như Bất công, đó là Thử thách của Thiên Chúa mặc nhiên buộc con người thăng hoa cuộc sống hàng ngày cho có Nhân phẩm để “ Nhân linh ư vạn vật “. Đó là tiền trình con Người thăng hoa cuộc sống cho đạt Lễ sống Công bằng theo tinh thần Bác ái.

Hiện nay ở Phương Đông thì Nước lũ lụt đang cuốn đi những sinh mạng và tài sản, nhất là ở Trung Hoa, và phương Tây thì có đến hàng trăm vụ cháy rừng (nhất là ở Hoa Kỳ), ở Châu Phi thì nạn Châu chấu phá hoại mùa màng, toàn thế giới thì có đại Dịch Covid 19, thiên nghĩ đó là lời Cảnh cáo của Mẹ Thiên nhiên về lối « Ăn Ở Bất Nhân và Bất Công của Cá nhân và Tập thể con Người », nếu cứ theo « Thói bất Nhân nào Tật Bất Nghĩa nấy » thì e rằng ngày Chung thẩm sẽ không xa !

Tóm lại Công bằng xã hội chỉ đạt được mức Tương đối mà thôi, nhờ vào Lòng Bác ái Lưu tâm và Chia sẻ cho nhau để ai ai cũng đều có phương tiện tối thiểu để sống xứng với nhân phẩm. Không có Tình Yêu điều hướng lễ Sống với nhau cho tương đối công bằng thì không bao giờ giải quyết được Vấn đề Công bằng Xã hội. Lễ đơn giản là trong thế giới Hiện tương đối này không có cái gì là Tuyệt đối. CS đã không hiểu công bằng xã hội là gì, nên hùng hục đi cứu con Người bằng cách tước quyền Tự do và quyền Tư hữu làm cho con Người mất hết Nhân phẩm!

2.- Thuộc lãnh vực Văn hóa Việt để giải quyết Vấn đề,

Theo Văn hóa Việt thì cần phải đáp ứng ba nhu yếu thâm sâu của con người, nhu yếu đó là Thực, Sắc, Diện. Thực để Sống và Thực để “ vực được Đạo Nhân sinh “ qua chế độ Bình sản. Sắc để xây Tổ ấm Gia đình giúp nhau thăng hoa cuộc sống mà đào tạo Trai hùng Gái đảm . Diện là trau dồi Thể Diện cho có Nhân phẩm: Nhân, Trí, Hùng / Dũng để sống biết Lưu tâm và Chia sẻ mọi sự với nhau theo Tình Đồng bào.

Đó là cách đáp ứng nhu yếu Thiên bẩm của con Người, giúp con Người phát triển toàn diện. Đó là ba Thiên tính giúp con Người phát triển toàn diện để biết cách ăn ở tương đối công bằng mà Hòa với nhau, chứ không luôn dơ quả dấm ra mà dành miếng ăn, làm cho nhà tan nước nát.. Ngoài ra bộ số 5, 3, 2, 1 ở Dự ngôn trên cũng giống như bộ số Huyền niệm (Myth numbers)

của Văn hoá Việt tộc: Số 5: Thuộc hành Thổ là Nguồn Tâm linh là nguồn Sống và nguồn Sáng tương tự như :

Nhân ái, Lý Công chính, Bao dung

Số 3 (5 - 2 = 5) : tượng trưng cho Tam tài. Con Người là một Tài trong Tam Tài : Thiên – Nhân - Địa Nhân là con Người Nhân chủ : tự Chủ, tự Lực, tự Cường để làm chủ Vận hệ mình, Gia đình mình và Đất nước mình .

Số 2: cặp đối cực của Dịch lý: nguồn sinh sinh hoá hóa của Vũ trụ. Số 1: Nét Lương nhất : Thái cực “Âm Dương hòa “: nguồn của mọi thứ Hoà gọi là Thái hòa . Với con Người Nhân chủ, luôn tiếp cận với nguồn sống Tâm linh, nên có khả năng sống Hoà với nhau.

Số 1 cũng tượng trưng cho Thượng Đế .

3.- Thuộc lãnh vực Xã hội

a.- Trong Chế độ Nông nghiệp

Trong Xã Thôn, các thành phần giàu cũng có lắm kẻ bất nhân, họ áp bức bóc lột người nghèo thậm tệ. Do Thiên bẩm và Nhân vi mà trong xã hội xảy ra tình trạng “ **Kẻ ăn không hết người lần không ra** “, nên trong chế độ Nông nghiệp Tổ tiên ta đã dùng Công hữu để điều hòa với Tư hữu bằng cách dùng Công điền Công thổ để cấp phát cho những người Cô nhi, quả phụ, những người tàn tật . . . mỗi người một số sào ruộng để họ tự canh tác hay cho rong canh (cho thuê cày cấy để lấy hoa lợi) lấy hoa lợi mà sống, tuy lợi tức không nhiều nhưng ai ai cũng có miếng ăn, không để cho cá nhân hay chính quyền dùng miếng ăn mà áp bức họ. Chế độ này gọi là chế độ Bình sản, chế độ “ **Được Ăn Được Nói** “: Ai ai cũng Được Ăn nhờ biết điều hòa giữa Công và Tư hữu. Được Nói vì đến 50 tuổi (Ngũ thập nhi bất hoặc) thì ai ai cũng được tham gia vào Hội đồng kỳ mục mà lo việc Làng Xã.

b.- Trong Chế độ Công nghiệp

Trong Chế độ công nghiệp những công nhân cũng bị các Hãng xưởng, các Công ty áp bức bóc lột và đối xử bất công dưới nhiều hình thức khác nhau, gây đau khổ cho nhiều người, làm xã hội rối loạn. Để giải quyết tình trạng này các nước có chế độ Dân chủ Tây phương nhất là Hoa kỳ cũng có cách điều hoà giữa Công và Tư hữu bằng cách đánh thuế Lũy tiến để có Ngân khoản điều hành các Cơ chế xã hội trong đó có chế độ An sinh xã hội (Social security) để giúp các Gia đình có lợi tức thấp trong việc cung cấp tiền ăn tiêu, nhà ở có trợ cấp, trợ cấp về y tế và huấn nghệ . Luật pháp các nước Dân chủ cho phép giới Công nhân có quyền tổ chức Công đoàn độc lập để Bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình , không để cho giới Chủ áp bức bóc lột Công nhân.. Ngoài ra Quốc hội còn ấn định mức lương tối thiểu hàng giờ cho những người lao động yếu kém tay nghề. Đây là phương cách để thiết lập Lễ sống Công bằng xã hội, nhưng vẫn chỉ là tương đối. Nên nhớ sống trong thế giới hiện tượng mọi sự đều tương đối, đừng đem Ý tưởng cực đoan đoán xét mà phạm sai lầm như CS.

c.- Cách nhận định và giải quyết của CSVN

CSVN cho rằng sự Bất công Xã hội là do sự Chiếm hữu tài sản cá nhân gọi là quyền Tư hữu. nên để giải quyết Vấn đề Công bằng Xã hội thì phải tước quyền Tư hữu sung vào Công Hữu, mọi người làm ăn tập thể, mọi tài sản do đảng quan lý với lời hứa “ **Làm theo Khả năng hưởng theo Nhu cầu** “. Đây là lời hứa về Thiên đàng CS. Không cần bàn đầu xa, chỉ nhìn vào công cuộc Cải cách xã hội của CSVN thì rõ chân tướng CSVN.

1.- Màn đầu của Cải cách là cuộc phát động Phong trào “ đấu tranh Chính trị “
, ở miền Trung mỗi Làng Xã đều có vụ bắt một số người treo lên xà Đình hay xà nhà đập đánh tra khảo vu cho hoạt động cho Quốc Dân đảng là phản quốc . Thực ra đó là cuộc thăm dò xem phản ứng của thành phần chống đối ra sao để **phát động phong trào cải cách**. Trước khi phát động Phong trào, CSVN cao rao là vì **Lòng Nhân đạo mà đảng CSVN đã phát động phong trào Quần chúng để thiết lập công bằng Xã hội**. Phong trào cải cách có 3 giai đoạn:

2.- Giai đoạn II là cuộc Giảm Tô giảm Túc với thuế Nông nghiệp;
Mục tiêu của cuộc phát động này là “ **Tịch thu của nôi** “ của thành phần (chứ không có gia cấp) nhà giàu, gọi là Địa chủ và Phú nông. Sau khi bầu lại Diện tịch và Sản lượng điển thổ thì thuế Nông nghiệp của Địa chủ và Phú nông không những phải nộp hết thóc cả vụ mùa rồi, mà còn phải bán cả nông cụ như trâu bò ngay cả đồ phụng tự nữa cũng không đủ. **2.- Giai đoạn III là phong trào Cải cách ruộng đất** với ấn định là làng nào cũng phải có 5 % Địa chủ, có như thế mới phát động được toàn diện với mục tiêu là **tịch thu của Chìm** của Địa chủ như ruộng vườn nhà cửa.

3.- Giai đoạn IV là “ Làm ăn tập thể “,
Để tước nốt quyền Tư hữu và Tự do của toàn dân, mọi tài sản do đảng Quản lý, người Dân chỉ còn lại “ **số Hộ khẩu** để buộc người dân phải < Đi Thưa Về Trình đảng > “, cùng “ **Tem phiếu thực phẩm** < làm bữa nào thì đảng đóng cho ăn bữa nấy >, khiến con Người trở lại thành Ngõm như thời mông muội . Tuy sau này có **Chính sách gọi là Đổi mới**, bỏ làm ăn tập thể, nhưng vẫn có “ **Tổ Dân phố**” với “ **số Hộ khẩu**” với “ **Công an tràn lan khắp ngõ** “ và “ **Công an đội lột côn đồ** ” cùng chính sách “ **Quy hoạch mặt bằng** “ để cướp nốt Tư hữu của Công nhân, Nông dân, - thành phần cột trụ của đảng - biến cả dân tộc thành bầy Nô lệ, không những Nô lệ CSVN, mà còn Nô lệ cả CS Tàu !!! Quả đúng với tuyên ngôn của CS là “ **cướp Chính quyền** “, từ **Cướp chính quyền tới cướp quyền Tự do và Quyền Tư hữu toàn dân là “ Liên một Ngõ** “, thế là đảng CS đã làm tròn nhiệm vụ Quốc tế Vô sản đã biến “ **Tư bản Trắng thành Tư bản Đỏ** “ với thành tích **Bất công vô địch**

!! Qua đó chúng ta mới nhận ra đảng CSVN là đảng gì !!! Nguyên nhân tai họa là do con Người CS là vô thần, họ từ chối nguồn Tâm linh là nguồn Tình Yêu và Lý công chính với mọi Người chứ không riêng cho một đảng gọi là **Tình Hữu ái Giai cấp**, con Người chỉ còn lại lột Ngõm với Hận thù, CS đã kiên định lập trường trút bỏ Tình / Lý của Người, nên trở thành Ngõm tình ranh, không từ tội ác tày trời nào mà không ra tay!

S.- MINH TRIẾT TRONG SINH HOẠT CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Trong Phong tục tập quán : (Văn Hiến Việt Nam. Việt Nhân)
Tết (Tiết), Lễ, Hội. “ **Thanh Minh trong Tiết tháng ba. “Lễ là Tảo mộ, Hội là Đạp thanh.”**
(Kiều : Nguyễn Du) **I .- Danh Từ Qua hai câu thơ lục bát trên, chúng ta giải thích ba chữ: Tết (Tết) , Lễ, Hội .**

Lễ, Hội đáp ứng được 3 nhu yếu thâm sâu của con Người Việt tộc. Con người Việt tộc sống theo đạo Nho: Nho là nhu thuận, nho nhã ; mà Nho cũng có nghĩa là nhu yếu, thứ văn hoá đáp ứng được 3 nhu yếu thâm sâu của con người : Đó là Thực, Sắc, Diện. Ta hãy lần lượt đi vào từng chữ:

1.- Tiết: là thời tiết (Tết):Tết .

Tổ tiên ta xưa sống theo nông nghiệp, nên phải theo dõi thời tiết để gieo trồng cho kết quả, cha ông chúng ta không dừng lại đó mà còn tìm mọi cách sống theo nhịp điệu huyền vi của vũ trụ, vì thâm cảm rằng “ **Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong** “. **Tết là tiếng nói trại của Tiết, Tiết nhịp của Vũ trụ, dân ta tổ chức ăn Tết trải dài theo các mùa trong năm, nghĩa là theo Thời gian, nhất là hai mùa Xuân Thu**, theo thuyết Tam tài hai mùa đó ngày và đêm dài bằng nhau thuộc về Trục (trục Phân) thuộc về con Người (Nhân), còn mùa Hạ ngày dài hơn thuộc về Trời (Thiên), mùa Đông thì đêm dài hơn thuộc về Đất (Địa). Mùa Xuân là mùa của Vũ trụ bắt đầu một chu kỳ mới, Dân ta tổ chức ăn **Tết Nguyên Đán** vào ngày mồng một tháng giêng, về mùa Hạ vào ngày mồng 5 tháng 5 là ngày Ánh sáng mặt trời chiếu sáng nhất, để nhớ ta là con cháu của Viêm Đế, nên ta

ăn **Tết Đoan Ngọ**. Mùa Hạ và mùa Đông thuộc về trục Chí (trục Tung)

Mùa Xuân mùa Thu thuộc về trục Phân (trục Hoà)

Tết Nguyên Đán và Tết Đoan Ngọ là hai cái Tết quan trọng nhất của dân ta, vì ngoài lý do Thuận thiên, còn là lý do **Thực tiễn nữa**, vì lúc này công việc gieo trồng đã thu hoạch xong. Đây là thời gian tốt nhất để **nghỉ xả hơi**, cũng là lúc cần được bồi dưỡng bù vào những ngày làm việc đầu tắt mặt tối, nên phải ăn ngon mặc đẹp, nhất là phải **làm mới lại tất cả: làm mới lại mối Giao hoà với Trời Đất, Tổ tiên, Thần Thánh; làm mới lại mối Luân thường Đạo lý với mọi người, nhất là trong gia đình. Đây cũng là cuộc sống Tâm linh.**

2.- Lễ : Lễ là cung và kính:

Cung là trọng Minh và Kính là trọng Người. Minh trọng mình, thì mình cũng trọng Trời Đất, Tổ tiên, Thần Thánh, nên phải cúng bái, để tỏ lòng tôn kính và biết ơn, đây là những dịp để tâm hồn vươn lên bắt gặp những tâm hồn cao thượng, những hành động quả cảm, những giá trị cao cả. Đồng thời mình cũng trọng Tha nhân, nên phải thăm viếng, quà cáp, chúc mừng, để hiện thực những điều tốt đẹp học được nơi các bậc hiền nhân. **Con Người của ta là con người Lương thiện**, nên khi tổ chức ăn uống đình đám cho **Thế xác**, thì phải cúng tế cho phần **Tâm linh**. Vì vậy mà ta có thể nói Lễ Tết để diễn tả **hai mặt của việc ăn Tết**. Ngoài ra chúng ta còn có nhiều Tết khác như **Tết Hàn Thực** (ngày 3 tháng 3 Âm lịch) **Tết Trung Nguyên** (15 tháng 7 Âm lịch), **Tết Trung Thu** (15 tháng 8 Âm lịch) **Tết Trùng cửu** (09 tháng 09 Âm lịch) . . . **3.- Hội** Là cuộc vui được tổ chức cho dân Làng, liên Làng, hàng Tổng hay cho cả Nước tham dự, với mục đích là tập trung đông người lại vui chơi với nhau, để **làm phát triển tinh thần cộng đồng**. Nhưng với con người lương thiện của Việt tộc tuy vui, nhưng không bao giờ bỏ quên mặt khác của cuộc sống: **đã có ăn, thì phải có chơi và cũng phải có những hoạt động nâng cao đời sống tinh thần, đời sống tâm linh, để cho con người phát triển toàn diện. Lễ là bản chất sự sống của Việt tộc, gồm hai lối xuất nhập, xuất thì kính (trọng người khác), nhập thì cung (trọng chính mình). Chữ Lễ đã thấm nhập trong mọi lãnh vực của đời sống, đây là hiện thực những nét Lương hợp vào đời sống của toàn dân. Vì thế ta có thể nói Lễ Tết hay Lễ Hội thì mới rõ nghĩa hơn . “ Có rất nhiều Lễ hội ở nhưng nơi khác nhau, các Lễ hội đó mang nhiều ý nghĩa khác nhau, tựu trung ta có thể tạm xếp loại như sau:**

II.- Các loại Lễ Hội

1.- Lễ hội liên quan đến sinh hoạt kinh tế “ **Hội cấy, Hội Tằm tang, trình nghề nông, thờ ông Điền . . .**

2- Lễ cầu mùa Cầu mưa, cầu tạnh, cầu mưa thuận gió hoà . .

.Thường vào mùa Xuân thì trời nổi cơn giông, sấm chớp. Năm nào mà Trời có mưa giông thì năm đó hoà cốc phong đăng, vì khi có sấm chớp thì khí Nitrogen trong không khí, nhờ có tia sét mới hoá hợp với Oxygen mà thành NO₂, khí này hợp với nước thì thành NO₃H, acid này mới hợp với các chất trong đất mà thành Nitrate là thức ăn của cây. Theo kinh nghiệm thì năm nào có mưa giông, có sấm chớp, thì được mùa, nên đến Tết dân chúng đốt pháo để nhắc ông Trời đổ mưa giông xuống cho dân nhờ. 3.- Lễ dâng cúng sản phẩm nông nghiệp Thường thường khi các hoa quả hoặc lúa vừa mới thu hoạch đều được dâng cúng để tỏ lòng biết ơn Trời Đất.

4.- Lễ rước lợn (heo), Xôi, Lễ ăn cơm mới .

.5.- Lễ hội trình diễn Tỏ sư các ngành nghề

Để nhớ công ơn người phát minh cũng như khuyến khích các làng nghề phát triển, một số lễ hội diễn hình như hội Vó (Gia Lương - Bắc Ninh) thờ Tổ sư đúc đồng Nguyễn Công Nghệ, Hội Chuông (Thanh Oai - Hà Tây) tổ khâu nón và thờ Tổ nghề nón; lễ hội làng Vân Sa (Ba Vì- Hà Tây) là lễ hội trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa, rước bông, rước kén; hội Phương Thành (Ninh Bình) thờ ông Tổ nghề dệt; hội Phú Đô (Từ Liêm- Hà nội thờ Tổ làm nghề bún. . . 6 .- Lễ hội thi tài và các trò vui chơi Đây là những Lễ để luyện thể xác và tinh thần, tập luyện sự khéo léo, sáng trí, tháo vát, nhanh nhẹn để thành Đinh để sống đời tự lập (Đây là những thử thách cho Lễ thành Đinh lúc vào tuổi 20, sau này Nho giáo gọi là Lễ Gia quan .Những cuộc thi đó như : Trò thi thổi cơm. Lễ hội Đình Thi Cầm (Từ Liêm- Hà nội) thi nấu cơm vừa kéo lửa, vừa chạy múc nước về nấu cơm; Hội Xuân Điền (Can Lộc- Hà Tĩnh) cử 12 (1 = 3 x 4) trai làng vừa kéo lửa, vừa giã gạo vừa nấu cơm; hội Hào Xá (Thanh Hà - Hải Dương) thi nấu cơm trên thuyền bằng bã mía; hội Trầm ở Nghệ An, hội Cảnh Dương (Quảng Bình) thi từng đôi vừa khiêng nồi vừa chạy vừa nấu cơm. . . . , ngoài ra còn có hội thi luộc gà, thi dọn cỗ, thi chèo thuyền bắt vịt trong ao, thi dệt vải, thi leo cây chuối trơn, thi bịt mắt bắt dê, thi đi cà kheo, thi cờ người . . . Tất cả có mục đích để khuyến khích thanh niên nam nữ tự rèn luyện thể xác và tinh thần để trở thành những người trai hùng gái đảm. 7.- Lễ hội phồn thực .- Rước Nở nương Nở là bộ phận sinh dục Nam, Nường là bộ phận sinh dục Nữ . Hội làng Sơn Đồng (Hoài Đức – Hà Tây) có tục múa Mo, biểu tượng của bộ phận sinh dục Nữ trước hương án thân làng trong Đình. Sau khi tế và múa xong, chủ tế tung mo ra để mọi người tranh cướp mong cho người an, vật thịnh ..Trong các hội không chỉ có các trò rước liên quan đến sinh thực khí (sinh: sinh đẻ, thực: nảy nở; khí: cơ quan) mang ý nghĩa Phồn thực, mà các trò diễn đó mang ý nghĩa sinh động hơn về quan hệ Nam Nữ, mong cho sự sinh sôi phát triển . Đó là trò diễn ở hội Quảng Lâm. b.- Trò chơi bắt chạch trong chum (cái Lu đựng nước) Nam nữ thanh tân, một tay quàng vai nhau, tay kia cùng thò vào trong chum bắt chạch hay lươn, như hội Hoa Sơn, (Ứng Hoà , Hà Tây , hội Rung (Vĩnh Lạc, Phú Thọ), hội Bạch Trữ (Mê Linh, Vĩnh Phúc) \

. . . . c.- Hội chen Ở làng Ngà (Quế Võ- Bắc Ninh)

vào dịp trung tuần tháng giêng cũng cho phép Nam Nữ tự do chen chúc xô đẩy lẫn nhau sau khi rước và tế ở đình làng. Từ nửa đêm rằm tháng giêng cho đến sáng, họ còn được phép tự do quan hệ trong không khí linh thiêng của lễ hội. Các trò diễn đó còn khá phổ biến ở các dân tộc miền núi trong các cuộc chơi của người Thái, Tày. . . d .- Hội ném Cờ vòng Hội này có ở nhiều dân tộc trong nước. Đây là trò chơi vui giữa Nam và Nữ nhưng lại mang ý nghĩa cầu mùa khi quả Cờ với nhiều tua vải màu được ném lên làm thủng cái vòng giấy ở tít trên cao . Ngoài ra còn có hội cướp Kén, hội trai gái tìm nhau, hội tắt đèn, cướp cầu thả

lễ, đánh đáo, nhún đu . . Theo Việt tộc thì chuyện Trai Gái yêu đương là chuyện quan trọng hàng đầu trong mỗi Nhân luân, (quân tử chi đạo tạo đoan hồ phu phụ), quan hệ Nam Nữ khá phóng khoáng, không có khe khắt phiền toái như kiểu Hán tộc, cả làng xóm tổ chức dưới thanh thiên bạch nhật trong không khí linh thiêng của Lễ Hội, cho Trai gái được tự do tìm hiểu nhau để kết duyên Vợ Chồng; đây là my own business, nhưng được cả làng khuyến khích, tôn trọng, đây cũng là dịp làm phát triển tính cộng đồng. Sau này bị những người thanh giáo, vua quan chuyên chế cho những bộ phận sinh dục là xấu xa, chuyện trai gái yêu đương một cách công khai là dâm bôn, họ cho đàn bà là thấp kém, thế mà một ông vua dành cho riêng mình những 3000 cung nữ như Tần Thủy Hoàng, rồi đàn ông thì năm thế bảy thiếp, sống theo kiểu chồng chúa vợ tôi !

8 .- Lễ hội hát giao duyên

a .- Hát Trống Quân

Hát Trống Quân gồm có hai phe Nam và Nữ. Theo điều kiện lý tưởng thì phe Nữ từ trên Núi xuống (con của mẹ Tiên), phe Nam từ dưới Sông lên (con của cha Rồng). Khi gặp nhau thì khởi đầu bằng lời hát Giao duyên, hai bên đối đáp nhau bằng những lời Thơ câu Hát. Sau khi hát xong, cặp nào ưng ý nhau thì lội qua Sông, tặng nhau bó Hoa hay Cành cây, rồi thì Hợp thân trên thảm cỏ xanh (đạp thanh). Lúc này là mùa Xuân, đến mùa Thu mà người con Gái có mang thì hai bên cưới nhau, kết nghĩa vợ chồng. Nếu chưa có mang thì lại đi hát Trống Quân nữa . Những Lễ Hội có tính cách Phồn thực như hát trống Quân, có tính cách cầu Mùa cho Người an Vật thịnh, mùa màng được tốt tươi, cuộc sống mới an vui hạnh phúc, với niềm tin rằng con người cũng phải góp phần vào việc sinh hoá của vạn vật, để cho Vũ trụ được điều hòa, mà cốt tuỷ của sinh hoá là Âm Dương kết hợp, để cho Thiên thời, Địa lợi, Nhân hoà. Những nhà thanh giáo, nhà cầm quyền chuyên chế cho những Lễ Hội dân gian này là xấu xa gọi là Bôn, sau còn thêm chữ Dâm vào gọi là Dâm Bôn để khinh miệt và cấm cản, nhưng « phép vua cũng thua lệ làng, quan có cần mà dân không vội , quan có cần thì quan lợi quan sang “. b .- Hội hát Quan họ (Bắc Ninh) Đây là vùng có gần 50 làng có nghề Quan họ. Trong đó nổi bật nhất là là hội hát quan họ ở vùng Lim (Tiên Sơn). Ngày 13 tháng Giêng hàng năm hội Lim lại được tổ chức, liền Anh, liền Chị ở các làng Quan họ khác cũng thường tập trung về đây thi tài. Hát Quan họ là cuộc hát đối đáp giữa hai bên Nam Nữ (liền Anh, liền Chị) theo từng nhóm, từng tốp, giữa làng này với làng khác, giữa tốp này với tốp khác. Quan họ là nghệ thuật kết hợp, chọn lọc giữa làn điệu thơ (thường là lục bát) giữa lời hát và cách diễn xướng. Vì thế các làn điệu Quan họ thường dễ làm say lòng người, tùy tâm trạng của người hát lẫn người nghe, mà mức độ rung động có khác nhau . Điều đáng chú ý là lối chơi Quan họ tạo ra sự liên kết và quý trọng nhau, phải lòng nhau ăn ý nhau từ lời ăn tiếng hát và đeo đẳng nhau suốt đời, tuy không được là vợ chồng cũng trở thành những nhóm bạn tri kỷ bền lâu. c .- Hát Xoan (hát Xuân) Ở Phú Thọ có tục hát Xoan. Có 4 họ Xoan chuyên nghiệp là họ Phù Đức, họ Thét, họ Kim Đôi và họ An Thái thường đi biểu diễn khắp nơi. Tiêu biểu cho cho hội hát Xoan là lễ hội đền Thánh Ông Thánh Bà, làng Bác Đức vào ngày 1 tháng 2 âm lịch. Ngoài ra trong các lễ hội còn có hát Ghẹo, hát Ví, hát Tuồng hát Chèo, . . .

d .- Hát ghẹo

Hát Ghẹo gắn liền với Lễ Hội từng làng như Lễ Hội Nam Cường, Bảo Vệ (Tam Thanh – Phú -Thọ).Sau Lễ phùng Ghẹo không hát ở sân đình mà ra hát với nhau ở nhà dân rộng rãi. Nội dung hát ghẹo chỉ diễn ra xung quanh việc Nam Nữ giao duyên. e .- Hát Ví Ở Nghệ Tĩnh có tục hát Ví. Trong cảnh trăng thanh gió mát, giữa ngã tư đường cát mịn hoặc trên một

đoạn đường đê, hai đoàn Nam Nữ đứng dưới gốc đa, hay hai bên đầu một chiếc cầu, trên bờ giếng, hay nơi cổng làng, họ trao đổi duyên tình với nhau bằng những câu hò điệu hát, nghe rất lý thú và đầy ý nhị. Bên Nữ xướng, (nữ ve trai trước) bên Nam hoạ, bên này dứt câu bên kia trả lời, nếu bên nào bí giữ im lặng thì xem như thua cuộc. Lời hát ví này chỉ là một tập tục truyền lại tự ngàn xưa, lan rộng mãi ăn sâu vào đám trai gái quê mùa, chất phác. Nhưng không những hạng người ấy ham mê mà thôi, các đấng văn nhân, các bậc túc Nho (như Cụ Phan Bội Châu, Nguyễn Du lúc thiếu thời . . .) cũng mến chuộng đến say đắm nữa . . . Cũng giống như hát Ghẹo về nội dung và hình thức là hát Giao duyên Nam Nữ, nhưng là nghệ thuật gồm hai việc : câu văn và giọng hát. Người hát ứng khẩu tại chỗ ứng đối theo từng câu của đối phương. Hát Chèo, hát Tuồng là hình thức văn nghệ phổ biến tại sân đình trong các dịp Lễ Hội của làng. Đây là hoạt động sân khấu thực sự. Các diễn viên phải biết nghề mới múa mới hát được. Vì Chèo và Tuồng đòi hỏi phải có nghệ thuật diễn xướng vừa hát đúng làn điệu vừa múa cho phù hợp với làn điệu và nội dung của bài Chèo, bài Tuồng . Có thể nói rằng không có Lễ Hội nào lại không có sinh hoạt văn nghệ. Đây là những cơ hội cho mọi người nhất là thanh niên Nam Nữ phát triển con người toàn diện, nhất là về tình cảm và nâng cao trình độ tâm linh hướng về nguồn gốc Chân, Thiện, Mỹ . Dân Việt Nam được tiếng là dân giàu cảm tình, có nhiều thi sĩ và triết nhân, chính là cũng nhờ vào cung cách và khung cảnh đào luyện này.

9.- Lễ hội liên quan đến việc ghi nhớ công lao của các vị: Danh nhân văn hoá, anh hùng lịch sử, . .

a .- Lễ trẩy hội đền Hùng

Đề ghi nhớ công lao Tổ tiên, vào ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm tại núi Ngũ Lĩnh, tỉnh Phú Thọ, con dân Việt Nam trẩy hội đền Hùng

.b .- Lễ hội Thánh Gióng

Hội Săn Làng La Cả (Hà Tây) diễn trò Thánh Gióng đánh tướng giặc Ân (do các cô gái đóng)

. c .- Lễ hội Hai Bà Trưng

Lễ Hội chính ở Hát Môn , làng vận động hàng ngàn Nam Nữ thanh niên tham gia hội. Số Nam Nữ thanh niên này được chia làm hai đạo binh tiên hậu để rước nước về tắm tượng khiến không khí đêm Đông vô cùng vui nhộn. Lễ Hội ở làng Hạ Lôi (Yên Lãng- Phúc Yên) mở vào rằm tháng Giêng. Trong hội có nhiều trò vui, như đánh cờ, đánh đu, đáo đĩa, . . .nhưng vui nhất là đám rước tập trận của 150 thanh niên và 150 thanh nữ. Các thanh niên mặc áo dài đen quần trắng, thắt lưng đỏ bó que, thanh nữ mặc áo nâu dài váy đen, hai vạt áo vắt ra đằng sau. Khi đám rước diễu hành, Nam Nữ tham gia đám rước hò reo, hát xướng vui vẻ .d .- Hội Đền Kiếp Bạc Hội được mở vào ngày 20 tháng 8 âm lịch là ngày giỗ của Hưng Đạo Đại vương . Ngài đã chỉ huy quân dân Việt Nam đánh thắng quân Mông Cổ 3 lần là đạo quân mạnh nhất thế giới thời đó. Ngoài ra còn có nhiều lễ hội như các lễ hội Tản Viên Sơn Thánh, chư Phật, chư Thánh, Hội Lễ thờ Trương Hồng, Trương Hát , Bồ Cái đại vương , . . . Đây là những Lễ Hội tôn vinh con người Nhân chủ của Việt tộc, phụng thờ rước xách các vị cũng là để tôn vinh và hiện thực con người Nhân chủ. Ngoài ra đây cũng là những Lễ hội biểu lộ Tâm tình “ uống nước nhớ nguồn “ để tôn kính và biết ơn tiền nhân, đây cũng là những nẻo đường hướng nội đi vào Tâm linh, dẫn con Người về đại Đạo, đê xây dựng con người đại Ngã, con người của Nhân, Trí, Dũng hay là những Trai hùng Gái đảm. Cái đỉnh cao nhất của những sinh hoạt của Lễ Hội cũng là tạo cơ hội cho mỗi người hướng về vươn lên những

giá trị cao cả là Chân , Thiện, Mỹ . Tóm lại: Lễ Tết nặng về cái Ăn, Lễ Hội thiên về những lối Chơi. Phạm vi của Tết là cho cá nhân và gia đình, họ hàng. Phạm vi của Lễ hội là mở rộng ra cho mọi người trong cả làng, liên Làng, hàng Tổng hay cả Nước. Lễ Tết nhằm duy trì cái gốc, cái tôn ti trật tự. Trong việc thờ cúng Tổ tiên, một mặt người ta hướng về Tổ tiên, truy nguyên về Văn Tổ, (perfect ancestor) hay Thượng Đế, mặt khác người ta lại làm đẹp lại mối nhân luân với cha mẹ anh em bạn bè, họ hàng làng xóm. Còn Lễ hội là nhằm thực hiện tính chất bình đẳng hay tinh thần Dân chủ giữa những con dân của Làng của Nước. Tết được tổ chức theo các Thời gian trong năm. Còn Lễ hội lại được tổ chức theo những nơi khác nhau, nghĩa là theo Không gian . Qua một năm, con dân Việt ta đã sống theo Tiết nhịp của vũ trụ qua sự giao hội của Không và Thời gian, nhờ đó mà sự sống được viên mãn, hay cách khác là mẹ Tròn con Vuông (tròn là Thời gian, vuông là Không gian .) Đây là lối sống hợp Nội Ngoại chi đạo, có Vật chất, Tinh thần, mà cũng có Tâm linh. Rõ ràng đâu đâu cũng có nét lưỡng hợp xuyên suốt bên trong, nên nói con Người Việt là con người Lưỡng thể là vậy. Tất cả có nền tảng từ Kinh Dịch. Đó là những cặp đối cực, mà ta gọi là nét Song trùng hay lưỡng hợp, hay Âm Dương Hòa cũng thế. Trong các Lễ Tết, Lễ hội, ta thấy, các yếu tố của Tết, Lễ, Hội đều khăng khít với nhau, không thể tách rời. Cái nhu cầu Ăn cho được lành và ngon; cái nhu cầu Ở cần được yêu thương và kính nể cũng như Tinh dục cần được thỏa mãn; cái khát vọng về Chân, Thiện, Mỹ để thể diện con người cho được cao trọng, bao giờ cũng được tổ chức rất chu đáo : Trong Lễ Tết, người ta chuẩn bị hàng tháng để ăn chơi, người ta phải sửa sang dọn dẹp nhà cửa, sắm sang của ăn, may áo quần mới, nhất là chuẩn bị một Tâm hồn mới để giao hòa với Trời Đất Tổ tiên, cũng như làm mới lại mối liên hệ với mọi người cho được tốt đẹp. Trong các Lễ hội xóm làng cũng sửa sang đường sá tu bổ nơi tổ chức buổi lễ cho được đẹp đẽ nhất là các linh địa, mọi người đều cố sắm sanh ăn mặc đẹp đẽ, và cư xử với nhau tốt đẹp hơn ngày thường, nhất là dâng Tâm hồn trong trắng của mình lên với Tổ tiên, Thần Thánh với Phật, Thượng Đế, có thể mới bắt gặp được những giá trị cao cả, những hào quang Chân Thiện, Mỹ . Đặc biệt nhất là mối liên hệ Nam Nữ, người ta liên hệ mật thiết với nhau với Tâm hồn trong trắng, cả làng tổ chức cho cuộc Trai Gái ve nhau, Thần thánh bảo trợ cho cuộc chuẩn bị sinh hoá này, họ ve nhau dưới dưới Thanh thiên bạch nhật, được mọi người dân làng tôn trọng , giúp đỡ và mong chờ. Không có cách bí mật như một số thanh niên nam nữ Âu Mỹ ngày nay, người Nam rủ người Nữ đến hotel, rồi làm cử chỉ bất ngờ (surprise) bằng cách người Nam quỳ xuống trước mặt người Nữ, dơ cái engagement ring ra, hỏi câu “ Will you marry me ? : ” Sau đó mới có thể gọi phone báo tin cho Cha Mẹ! Tất cả chỉ là tạo ra môi trường để ươm Tình người, để làm phát triển con người toàn diện, đó là cách xây dựng Nhân quyền, để chuẩn bị sống theo Dân quyền là luật nước . Sống trong nền Văn hoá này con người được đáp ứng được 3 nhu yếu thâm sâu của con Người : Đó cái cái Ăn để nuôi cơ thể, Cái Dục tính để thỏa mãn khát vọng yêu đương và bảo toàn, phát triển nòi giống, Cái Thể diện bằng cách vươn lên những giá trị Chân, Thiện, Mỹ để nâng cao phẩm giá con Người. Nho giáo có câu : “ Thực, Sắc, Diện : Thiên tính dã “ . Tiết (Tết) cho Thực (Vật chất) Hội cho Sắc, cho vật chất và tinh thần Diện cho Tâm linh . Đáp ứng được nhu yếu Thực, Sắc, Diện là đáp ứng nhu cầu của bản năng, nền tảng của triết Việt (Việt Nho) . Vì thế nên chữ Nho còn có nghĩa là nhu yếu thâm sâu của con Người . Những nền triết lý nào không đặt nền tảng trên bản năng, chê bản năng là thấp hèn xấu xa, thì nền triết lý đó xa con Người, chuyên nói chuyện trên Trời dưới Đất. “ Cận thủ chư Thân, viễn thủ chư Vật : Gần từ Thân Tâm mình, rồi ra xa với Vật chất “ là nguyên tắc sống của Cha ông. III .- Ý nghĩa của Lễ Hội (Nguồn đạo gốc Nước: Kim Định) “ Lễ Hội là một phương thức nhiệm màu để gia tăng bầu

khí Tâm linh làm cho thống nhất tâm trí, nên từ xa xưa khắp nơi đã biết dùng để làm tăng trưởng óc Liên đới, tinh thần bốn bề một nhà . Khi hội lại như vậy thì không những có sự dễ chung lại những mối cảm xúc đã được khuếch đại, nhưng còn có thêm chiều kích linh thiêng màu nhiệm mà sự cộng lại suông không thể cho được. Người ta cho rằng nhờ Lễ Hội như cái nắp an toàn giúp người xả bớt đi những ẩn ức trong tâm trí, nên được như vậy. Điều đó cũng có nhưng chỉ phần nào và nhất là mới tiêu cực không đu công hiệu u linh như kia. Cả đến các Tôn giáo đầu đã rút tĩa từ thể chế này nhiều khả năng làm cho cộng đồng tôn giáo được đứng vững lâu bền, nhưng chưa bao trùm hết mọi chiều kích của Lễ Hội như có thể cảm thấy phần nào trong những cuộc hội ở đình làng nước ta. Những cuộc Lễ này đã để lại nơi người dự Hội những cảm xúc thực thâm sâu thấm thía. Nên nhiều khi phải lặn lội thật xa xôi cũng cố đi cho kỳ được. Thiết nghĩ chiều sâu thẳm đó giải nghĩa được do những yếu tố vi tế vượt tai mắt giác quan như sau: Trước hết là sự tự tình tự động, không có chút chi thuộc cưỡng hành, lợi hành, mà hoàn toàn an hành tự nguyện. Thứ đến Lễ Hội có tính cách toàn thể, không những có Lễ mà còn có Hội, mà đã Hội Hè thì phải có Đình Đám, đèo theo những cuộc Chơi Vui nhiều khi mang tính cách tháo khoán, như đánh đu, bắt chạch. . . khiến cho khi ra khỏi Hội Lễ con người cảm thấy thỏa thuê trọn vẹn vì đã được sống những phút tròn đầy viên mãn, hết mọi giác quan đều được tham dự, trong bầu khí sống như chơi lâng lâng bay bổng . Đã không gặp điều kiện gò bó bắt phải trang trọng khắc khổ, tinh thần công thể lại được nâng cao rất mực, nhờ thể chế Bình Sản nên vắng bóng chênh lệch quá đáng hoặc Đấu tranh giai cấp gắt gao, khiến cho mỗi sinh thái hoà trùm phủ mọi người, toàn dân đều thích thú tham dự, tâm trí lại không bị khuấy động vì các chủ thuyết nọ kia, mà trái lại là bầu khí “ Du ư Nghệ “ đầy thi thơ ca nhạc làm cho tâm hồn như đã nhắc chân ra khỏi đời đến nửa, nay gặp không khí tung bừng của Lễ Hội thì nhiều người dễ cảm thấy nhẹ nhàng như bay bổng vào cõi Thiên thai man mác (được biểu thị trong Trống bằng những cánh chim dài rộng vượn cao hơn người) như được hớp vào làn nước cam tuyền của cuộc sống bông lai hạnh phúc, để lại trong tâm thần con dấu không thể xoá mờ, khiến có thể nói không sợ ngoa rằng mỗi cuộc Lễ Hội lưu lại ảnh hưởng sâu xa hơn trăm bài huấn đức, hơn cả trăm sách lý luận duy tâm .”

U.- KẾT LUẬN

Tất cả những điều chúng tôi luận bàn ở trên đều theo Tinh thần Triết Lý An vi, tức là triết lý “ chấp kỳ lưỡng đoan và Đoãn chấp kỳ Trung “ của các cặp đôi cực được tổng quát bằng Âm Dương “ và đã trở thành nét Lưỡng nhất “Âm Dương hòa “, có bản chất Tiên bộ và Ổn định nhờ đạt tình trạng quân bình động. Nét Lưỡng nhất (nét Gấp đôi : twofoldness) là nét Nhất quán của Việt Nho, chứ Hán Nho không có như thế. Dịch của Tàu chỉ chú trọng vào 64 quẻ để bốc phê, chứ không đề cập tới nét Lưỡng nhất trong triết lý Nhân sinh một cách có hệ thống, nhờ cái Gốc Long Toại (cặp Vợ / Chồng trong truyện Việt Tinh) và cặp Tiên / Rồng của Dịch, do Tổ tiên Việt dấu kín trong Huyền thoại Việt tinh cũng như Tiên / Rồng và trong Trống Đồng, nên Tàu không nhận ra, họ chỉ hót cái ngọn 64 quẻ.. Bỏ Việt Nho là bỏ mất tinh thần Bất khuất của Dân tộc Việt, Dân tộc của Trai hùng Gái đảm. Sở dĩ mất tinh thần Bất khuất là vì đã bị lạc Hồn Thiêng Sông (Trí) Núi (Nhân), vì mất Gốc nên đi hoang, chẳng học được bao khôn ngoan mà chỉ rước cái học vô bổ trên mây dưới gió, thậm chí rước “ của độc CS “, con đẻ của chế độ Nô lệ đem về tàn dân hại nước, trước sau gì thì cũng sa vào kiếp ngựa trâu. Xem thế có phải Nho là của Tàu không và Tàu đã truyền bá cho Cha ông ta những gì ngoài thứ Văn hóa “ Tôn Quân làm Thiên tử với Ngu Trung và Ngu Hiếu, cùng trọng Nam khinh Nữ của Văn

hoá Du mục, đó là Hán Nho bá đạo” , suốt dòng Lịch sử 4716 năm Tàu chuyên bạo động, gây chiến tranh, cướp bóc và bành trướng? Xin đừng làm Hán Nho bá đạo với Nguyên Nho vương đạo của Khổng Tử, vì không phân biệt Vương đạo của Khổng Tử với Bá đạo của Hán Nho, nên nhiều người cứ đem cái bá đạo Hán Nho gán cho Khổng Tử mà bài xích, cũng như Trung cộng lập viện Khổng Tử để truyền bá Hán Nho bá đạo . Cứ xem Lịch sử Tàu từ Hiên Viên Hoàng đế đến Tập Cận Bình thì rõ như ban ngày. Cả Dân tộc chúng ta đã bị Tàu lừa mê lớn. Nho nguyên là Văn hoá của Việt tộc được kết tinh từ nền Văn hóa Hòa bình tại Thái Bình Dương gọi là Thái Nho, tới Hoàng Nho thời Tam Hoàng Ngũ Đế, tới Nguyên Nho do Khổng Tử thuật lại từ nền Văn hóa phương Nam của Việt tộc. Sau khi các nhà cầm quyền Tàu thôn tính các chủng Việt, họ cướp mọi thứ kể cả những phát minh như làm ra giấy, cách luyện Sắt và Đồng nhất là Văn hoá Nho của chủng Việt. Họ công thức hóa thành Kinh điển nhờ các Nho sĩ của chủng Việt, chứ họ là dân Du mục suốt đời ngồi trên lưng ngựa, lang thang chăn nuôi súc vật làm gì có thì giờ để biết có Văn mà Hóa. Số là họ là Thiên tử có sức mạnh để trị vì, còn mọi việc cai trị đều phải nhờ các Nho sĩ của chủng Việt. Khi đã có Kinh điển Nho, họ đem xem dăm các yếu tố Du mục vào như Tôn quân làm Thiên Tử, trọng Nam khinh nữ với Ngu Trung với Ngu Hiếu cùng cách cai trị chuyên chế theo Pháp gia, luôn gây Chiến tranh cướp bóc và bành trướng. Cứ xem hành tung và phát ngôn của họ Tần, họ Mao, họ Tập thì rõ! Thế rồi Tàu vu cho các chủng Việt - chủ nhân của Dịch, Dịch là nền tảng của Nho - là dân Man di mọi rợ là Tứ Di (Bắc Dịch, Nam Man, Đông Di, Tây Nhung) để Trung Hoa của Đại Hán làm chủ nhân ông của Nho (Tên nước Trung Hoa có nghĩa : Dân sang trọng ở giữa Tứ Di!!)Là Chủ nhân của Nho .nhưng tên nước Trung Hoa chẳng mang ý nghĩa nào về Văn Hóa, mà chỉ tự xưng là dân sang trọng ở giữa Tứ Di để nhờ Tứ Di có Văn Hóa bảo vệ. Số là Hiên Viên Hoàng Đế thủy Tổ của Trung Hoa là dân chỉ biết chăn súc vật làm sao có Văn mà Hóa ,nên phải đi ăn cướp như VC cướp chính quyền .

Đại Hán đã “ chiếm Công vi Tư “: Công vi Nho là của chủng Đại chủng Việt, Tư là Hán Nho chiếm đoạt Nho làm của riêng cho Thiên Tử. Cuối cùng Tứ Di bị đảo chánh thành Dân Nô lệ Vô Văn hoá, Hán Nho chễm chệ làm Chủ nhân ông về Văn hóa cũng như Chính trị bá đạo ! Nên phân biệt Nho có hai thứ: Thứ Việt Nho Vương Đạo có bản chất Hoà bình của Nông nghiệp thuộc chủng Việt, còn Hán Nho xuất phát từ Nho Vương đạo, nhưng được thêm các yếu tố Du mục bạo động vào thành Hán Nho bá đạo mang bản chất chiến tranh của Đại Hán. Biển Đông là môi trường chung của cả thế giới mà Trung cộng dám la to là của riêng Đại Hán từ thuở ngàn xưa, không thể tranh cãi, quả là trâng tráo và thông minh bất khả cập, không ai có thể dùng ánh sáng Công lý mà làm sáng tỏ được khối óc đặc cán mai này!

Việt Nho là Tinh hoa Nho đã được thẩm nhập vào Huyết quản Việt. Nhờ đó mà tinh thần Bất khuất của Nho đã giúp Dân tộc Việt Nam quật lại sau hơn 1000 năm Nô lệ và đánh bại Tàu qua hơn 17 lần xâm lăng. Cái thâm ác của Tàu là làm cho Đa số dân tộc ta đã bị hiểu lầm, thay vì ghét cái què mùa lạc hậu của Hán Nho, lại khinh khi xa lánh Việt Nho bất khuất của Tổ tiên, mặc dầu tinh thần đó đã ăn sâu vào cốt tuỷ của Dân tộc như đã bàn ở trên mà không còn nhận thấy vì đã mất ý thức. Ngày xưa Cha ông Chúng ta đã mắc mưu “ Dịch Chủ vi Nô “ của Đại Hán, ngày nay Chúng ta cũng còn đang bị “ Bùa Lú 16 chữ Vàng, 4 Tốt “ và “Tương liên vớ vẩn” đẩy Dân tộc chúng ta vào tròng Nô lệ. Không mau thức tỉnh thì toàn dân và con cháu chúng ta lại phải ngậm đắng nuốt cay chưa biết đến bao giờ! Chúng ta đã từ bỏ hay lơ là nguồn Tâm linh, mê say theo Văn minh khoa học, nhưng Khoa học thiếu Lương tâm thì chỉ giúp chúng ta sống theo Duy lý một chiều mà đấu đá nhau, phân hoá ra từng mảnh để làm người khiếp nhược, đến nỗi có thành phần cầm quyền “ Hèn với giặc Ác với Dân “. Một Dân tộc mà

có một số con dân chuyên khôn vặt, mánh mung, một số đi đâu thì đạo chích đến đó, thanh niên thì một số chỉ biết ăn nhậu và sống đàng điếm. Một nhà, một Nước mà thiếu rường cột thì cột xiêu kèo đổ, Nước tan là lẽ đương nhiên. Cái Nhà Việt Nam đang cần Cột Dọc, Xà Ngang và Kèo Xiên để kết nối Ngang Dọc, xem ra chẳng còn mấy khúc gỗ thẳng thớm, to lớn và dài đủ để làm cột, làm kèo ? Nhiều thành phần cứ dài cổ ngồi đợi “Anh hùng tạo Thời thế”, mà quên chăm lo hoạt động để giúp “Thời thế tạo anh hùng”. Những Trai hùng Gái đảm xưa như Phù Đổng Thiên vương, Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Vua Lê Lợi, Đức Trần Hưng Đạo, Vua Quang Trung là những tấm gương Dựng lực sáng ngời! Mỗi chúng ta có tự hỏi sao Văn hoá Tổ tiên chúng ta đã là một nền Văn hoá Thái hòa, sức bắt khuất của nền Văn hoá này đã giúp Dân tộc chúng ta chống chọi được với một kẻ thù khổng lồ và nham hiểm suốt gần 5000 năm, thế sao nay sao chúng ta gồm gần 90 triệu dân mà để 3, 4 triệu đảng viên CS lừa bịp để hành hạ và làm nhục lâu dài đến thế ??? Khi đọc những giòng trên đây có lẽ quý vị cho là lý thuyết suông, thời đại Văn minh cao tốc này mà bàn những chuyện cổ lỗ làm chi cho một trí để mất thì giờ. Thưa một cây mất Gốc, rễ không bám vào đất thì cây đó sẽ bị héo khô, lấy thức ăn đâu mà Tóc cho được Cao, một Dân tộc mà mất Gốc đoàn kết nơi Quốc Tổ thì rã ra cả đám mà làm Nô lệ, một con Người mà mất Nhân Tính (Nhân) và Nhân Tính (Nghĩa) thì đâu còn là Người Hùng Dũng để Đỉnh Nhân Lý Nghĩa mà làm con người Nhân chủ ? Không làm được việc Người thì chỉ làm được việc Ngợm, Người và Ngợm luôn sát kề nhau như hai mặt của đồng tiền, không có Dũng lực làm Người thì làm Ngợm để cho Quý “ Tham, Sân, Si ” ám mà làm việc bất công ác độc. ! Thói thường thì người ta ham chuộng cái Mới, mê say cái Xa lạ Cao . . .vời trong Tưởng tượng, coi thường cái Cũ, cái Gần . . .thiệt thân trong Thực tế hàng ngày, Tâm trí cứ mê mãi nơi Cao xa thoát tục, không nhận ra chính mình đang ở Nơi đây và Bây giờ phải làm gì để thành Người có Tư cách và Khả năng. Khi quên mình luôn đang ở Nơi đây và Bây giờ với bao tai họa, nên đa số chúng ta cứ điem nhiên sống cao cả bằng tưởng tượng trên mây dưới gió, ở mãi đời sau ? . Không có Khởi điểm thì làm sao có Chung điểm? Không xây đời Nay cho tốt thì làm sao có đời Sau để được cứu rỗi? Đó là câu hỏi khó lọt tai người nghe! Đó là nguồn gốc của sự Vong Nhân, vong Thân, vong Bản, vong Quốc, vong Nô. Ngày nay khi khi bàn về nếp sống Cha ông, chúng tôi lại phải Ngược Dòng đời bắt đầu từ nơi cái Tâm mình, từ cái Nhỏ, cái Đơn giản, cái Tâm thường của Đời này mà người ta không thèm để ý tới nan đề của con Người và Xã hội. Thiết nghĩ không có Tâm tình nhà quê với Tâm hồn “ mang nặng nét “ Cong duyên dáng uyển chuyển” của Việt tộc, cùng Óc Tế vi của “ Triết lý đượm Nghệ thuật “ để nhận ra cái To trong cái Nhỏ, cái Phi thường trong cái Tâm thường, cái Vĩ đại trong Tinh vi, cái Tinh trong cái Lý, cái Hồn trong cái Xác, thì khó nhận ra nếp sống theo đường mòn theo Dịch lý của Tổ tiên. Không kiên Tâm trì Chí để xây dựng mọi thứ từ Gốc tới Ngọn , từ cái Nhỏ tới cái Lớn, từ cái Gần tới Xa . . . , nhất là không xây dựng cái Tâm, cái Trí, cái Chí cho vững để có nền tảng thì mọi sự chỉ là xây lâu dài trên cát.

Quả là cái khó của mọi công trình đâu có khó bằng thay đổi “ Lòng Người ngại Núi e Sông “ Dân tộc chúng ta đã chạy cùng sào của cuộc sống một chiều, nay phải quay lại với đời sống cân bằng hai chiều của nét Lương Nhất của: Tình / Lý, Nhân / Nghĩa , Nhân quyền / Dân quyền, Phú chi với Dân sinh / Giáo chi với Dân Trí, tất cả nhằm Mục tiêu Thành Nhân / Thành Thân. Có con dân thành Nhân và thành Thân thì xây Nhà mới ấm êm, dựng Nước mới an bình thịnh trị.

Đây không chỉ là chuyện « có Thích hay không Thích « mà là chuyện : Làm Người Nhân / Nghĩa , Bao dung (Hùng / Dũng)

Trong công cuộc đấu tranh cho nền Dân chủ Tự do, nhân dân chúng ta cũng phải vừa đấu tranh với chế độ “ độc tài bất công CS “ , vừa phải “ xây dựng tinh thần Tự Chủ, tự Lực, tự Cường và Tinh thần Đoàn kết toàn dân trong Chính nghĩa “ để chuyển hóa chế độ Độc tài qua chế độ Dân chủ. Xin mọi người chúng ta bỏ thói khôn vặt theo phe phái, “ Khôn Độc Đại Đoàn “ hãy mở rộng Tâm Trí ra mà chiêu Hồn thiêng “ Nhân Nghĩa “ đã bị lạc về với Dân tộc, cùng Tinh thần Tôn giáo Đại kết, canh tân đời sống cho đủ hai chiều, mà làm người Trai hùng Giải đảm, để có đủ Nội lực mà vùng lên vực dậy. Không nêu cao được Chính nghĩa Dân tộc thì chưa đẩy lùi được CS, và nếu có đẩy lùi được CS thì nhân dân vẫn chưa được yên vui . Chính nghĩa đó là: “ Lấy Đại Nghĩa (Lễ Sống Công chính của cả Dân tộc) để thắng Tham tàn. (của CS) Lấy lễ Công chính để xoá nạn Bất công Xã hội. Dem Chí Nhân (Lòng Nhân ái của toàn dân) mà thay Cường bạo. « Thông Thiên, Địa, Nhân viết Nho “, nên Việt Nho tuy đã được thai nghén từ nền Văn hóa Hoà bình cách nay từ 12 đến 30 ngàn năm, nhưng tới nay xem ra Việt Nho vẫn không quê mùa lạc hậu gì cả, mà lại còn rất tiên bộ theo Khoa học, rất phù hợp cho mọi Nơi mọi Thời. Để đáp ứng với tình trạng phân hoá hiện nay, chúng tôi cố ý trình bày vấn đề theo Việt Nho, vì đây cũng là Thiên lý, gốc chung của Việt tộc, hai nửa Tinh thần Nho cũng thích hợp cho Tôn giáo và Văn hóa có tinh thần đại kết cũng như những người không Tôn giáo còn có Lương tâm, mục đích duy nhất là tìm về điểm Cộng thông của Dân tộc để mong xóa đi những oan trái trùng trùng duyên khởi xưa nay mà giải oan cứu nạn Dân tộc. Tóm lại, Minh triết là Quan niệm (Tri) và cách Sống (Hành) theo Dịch lý của Tổ tiên Việt (tức là Tri Hành hợp nhất) để đạt Phong thái An Vi mà sống Hạnh phúc cùng nhau. Khốn thay vì nạn “ Dĩ Cường lưỡng Nhược “ của Các chế độ Chính trị thuộc nền Văn hoá Du mục làm cho Dân tộc chúng ta bỏ mất cả nguồn Minh triết của Việt Nho trên, nên mất hết Nội lực không vùng lên vực dậy được Chúng tôi đã lần lượt trình bày một số lãnh vực của Việt Nho theo tinh thần triết lý An vi của T. G. Kim Định Nói tóm lại Việt Nho có thể tóm vào ba chữ “ Chí Trung Hoà “. Hoà ở chỗ từng cặp đối cực gặp gỡ nhau sao cho đạt tới kết quả Hoà, Hoà theo tỷ lệ « Tham Thiên (3 Tinh) Lưỡng Địa (2 Lý : Tham Thiên lưỡng Địa nhị ý số « . Hoà bằng cách “ Chấp kỳ lưỡng đoan “, nên đem lại lưỡng lợi, không ai hoàn toàn thắng không ai hoàn toàn thua. Để đạt tới tình trạng “ Chí Trung hoà “ thì cả Vũ trụ và Vạn vật phải được định vị hay sắp đặt sao cho: “ Thiên Địa vị yên, vạn vật dục yên “: Trời Đất Vạn vật phải được xếp đặt đúng vị trí theo Thiên lý hay Dịch lý (tất cả đều được xếp theo Khung Ngũ hành. Khung Ngũ hành gồm 2 cặp đối xứng mang tính chất Hoà của Âm Dương Hoà, nhờ vậy mà muôn loài được nuôi dưỡng trong Tiết nhịp hòa của Vũ trụ. Hoà là bản chất của các Tôn giáo, của Việt Nho, Hoà cũng là đỉnh cao của cuộc sống con Người vì Hoà là nguồn của Hạnh phúc. Đây là cái Nhìn Nhất quán về Văn hoá Việt Nam và cách sống theo Quả dục của Tổ tiên xưa theo Dịch lý đã bị đại Hán làm cho tiêu trầm, chúng ta cần canh tân để phục hoạt lại. Hay nói cách khác Việt Nho là “ Nghệ thuật sống theo Dịch Lý (Thiên lý) “ giúp con Người không những sống Hoà với nhau mà còn Hoà cùng Tiết nhịp hòa của Vũ trụ nữa. Trong thời đại Cao tốc với thực phẩm Mi ăn liền mà chúng tôi cứ bàn luận về Nhân Nghĩa cho là ngược đời, tí mỉ, lời thô chắc không được Giới trẻ tiếp nhận mà ngay đối với một số vị cao niên cũng gạt đi, vì quý ý vị đang mê mãi sống “ theo Guồng máy xuôi chiều của Thời đại Duy Lý một chiều “ mà chúng tôi lại cứ “ Đi Ngược / Về Xuôi “ xem ra thật rườm rà, tưởng là làm tắc nghẽn dòng chảy xuôi theo thời đại, nhưng thực ra là khai thông bế tắc Quốc nạn và Quốc nhục Việt Nam, nếu xét thấu đáo thì “ Dịch Lý: Nhân / Nghĩa “ mà chúng tôi bàn tới đây,

đã mang theo hào khí sinh động rất hợp với khoa học tân tiến hiện đại, nó mang theo Góc Dịch lý cho là Cũ, nhưng là luật Biến dịch bất biến luôn đổi Mới, - nguồn mạch của Khoa học có Lương tâm -, có thể giúp phục hoạt lại con Người Nhân chủ và Tinh thần Đoàn kết Dân tộc, đây là hai nan đề gây cản nhất đang bị bỏ quên, nếu giải quyết được hai vấn đề căn bản này thì mọi sự về Quốc kế Dân sinh sẽ lần lượt hanh thông, vì đó không phải là thứ Nhân Nghĩa đã mất ruột chỉ còn vỏ quê mùa lạc hậu của Hán Nho, mà là nguồn cội của mọi sự biến hóa mang trạng thái Thái Hoà của Văn hoá Việt mà Tiến bộ, Hoà là đỉnh cao của sự sống con Người, cũng là bản chất của các Tôn giáo. Khốn thay! Việt Nho đã bị Hán Nho xuyên tạc và đánh tráo để “ Dịch Chủ vi Nô “, khiến Chủ “ Việt Nho “ đã trở thành “ Vô Chủ” ! Bỏ Việt Nho là bỏ Tinh thần Bất khuất của Dân tộc! Lịch sử gần 5000 năm của Dân tộc đã nói lên Tinh thần đó! Tại sao mà đánh mất Tinh thần bất khuất ? Vì con Người Việt Nho biết Minh là ai giữa Trời và Đất, biết tựa vào Đất để vươn lên với Trời để giữ mối Liên hệ khăng khít với Thiên Địa cùng Vạn vật, nhất là mối Liên hệ Hoà với nhau mà sống với nhau, đồng thời không ngừng nghỉ làm những việc từ Nhỏ tới Lớn, từ gần tới Xa, từ Dễ tới Khó. . . . để vươn lên hàng ngày mà sống hòa với nhau, đoàn kết với nhau, chung Lòng, chung Trí và góp Sức với nhau để có Nội lực Dân tộc mà Cứu và Dựng nước, chứ bỏ quên “ viên Ngọc quý Long Toại (tức là cặp Vợ / Chồng. Truyện Việt tỉnh), - Nguồn mạch Nội tại của nền Văn hoá thuận theo Thiên lý - “ của Tổ Tiên mình, mà đi tìm đôi Đũa thần không linh nơi khác (bỏ quên đời sống Tâm linh) mà cậy nhờ vào Vọng tưởng . Bỏ Con Người Nhân chủ với mối Liên hệ Hoà Thiên – Nhân - Địa là đánh mất Hạnh phúc, là Vong bản, Vong Nhân đưa tới Vong Quốc Vong Nô !. Việt Nam được vua nhà Minh tặng là “ Việt Nam Văn / Hiến chi bang “, nhưng nay thứ “ Đạo Nhân sinh” để cho “ Văn tài “ đã rời xa Dân tộc, nên cũng đánh mất phần Hiến là những Trai hùng Gái đảm, nên Dân tộc trở nên Vô cảm và thiếu tinh thần Liên đới Trách nhiệm , đó là Nguồn gốc của Quốc nạn ! Mọi sự trong Gia đình và ngoài Xã hội đều bắt nguồn từ nơi con Người, từ cách Cư xử của con Người trong mọi hoàn cảnh, sao cho mọi người sống Hoà nhịp với nhau. Khởi điểm là mỗi cá nhân có sống Hòa với mọi người theo lối “ Nhân / Nghĩa ” hay “ Bác ái / Công bằng “ hay “ Từ bi / Trí tuệ “ kết đội, thì mới mong đạt tới Chung điểm là mọi người sống nhịp theo: ” Tiết nhịp HÒA của Vạn vật trong Vũ trụ “. Đây là công trình dài lâu và khó khăn, nhưng mà lại “An chắc Mặc bền “. Thiết nghĩ Không có cây đũa Thần nào để thay thế cho được nhanh chóng, nếu cứ tránh Vô Dũa “ Lâu Đến “ thì lại gặp vô Dừa “ Mau Đi “ !. Rõ ràng nét Lương nhất theo Dịch lý là Mạch lạc nội tại của Việt Nho, nét Lương nhất đan kết những chi tiết của Việt Nho thành Hệ thống có Mối Liên hệ Cơ thể, biến Việt Nho thành nền Văn hoá Bất khuất của Việt Nam, sở dĩ có Tinh thần Bất khuất là nhờ biết đem Đạo Lý Nhân / Nghĩa vào khắp mọi ngõ ngách của cuộc Sống. Thế mà ngày nay vẫn còn có nhiều người Việt Nam, không kể những vị Tân học mà ngay cả một số những vị học Nho cũng tin rằng Việt Nam không có Văn hoá, có chăng là do Tàu, Tây dạy cho, nghe nói đến Nho mà không hiểu đó là Hán Nho bá đạo, lại ghét lắm Việt Nho vương đạo, vì xa lánh Nho - xuất phát từ nguồn cội Dịch lý của Thiên lý - , nên lâm vào kiếp đi hoang, ăn nhờ ở độ. Dịch của Hán Nho nặng về 64 quẻ để bói toán, không có nét Lương nhất về triết lý Nhân sinh, Hán Nho là nền Văn hoá Bạo động của Tàu, vì suốt dòng Lịch sử, Tàu luôn gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng ! Đã hơn 70 năm nay, CSVN ăn phải Bùa Lú “ 4 tốt, 16 chữ vàng và mấy thứ tương liên “, đã rước kẻ Thù truyền kiếp về làm Bạn vàng, “ mặc nhiên “ biến Đồng bào thành kẻ Thù, rõ ràng ngày nay từ phía Đất nước đều bị Bạn vàng vây khốn, hết nhường đất đến nhường biển, trong nước thì từ Nam quan đến mũi Cà mầu chỗ nào cũng có cơ sở bạn vàng đóng chốt mai phục, Biển Đông thì bị bạn vàng chiếm đoạt, mọi Cơ chế đều bị bạn vàng lũng đoạn, thực phẩm và độc dược của bạn

vàng tràn lan khắp nước, Đồng bằng Cửu Long – Bao tử của Việt Nam - bạn vàng cũng ngăn giòng nước ngọt làm cho đất nứt nẻ, do đó nước biển mặn tràn vào ruộng đồng vườn tược làm cây cối lúa mạ không trồng trọt được, dọc bờ Biển của 4 tỉnh xác Cá chết hàng loạt dạt vào bờ, chất độc sẽ theo giòng hải lưu mà làn ra Bắc và vào Nam suốt dọc Bờ biển, đây là âm mưu cắt Nguồn sống trên cạn và dưới nước của Dân tộc Việt Nam . . , đó là chỉ kể một vài ví dụ điển hình về âm mưu tiêu diệt Dân tộc Việt Nam. Tóm lại Cuộc Kách mệnh Vô sản của CSVN đã biến các môi trường sống của Việt Nam đều bị ô nhiễm nặng nề: từ môi trường Văn hóa Tư tưởng, tới Đất, Nước, không khí đều dẫn Dân tộc Việt Nam đến tình trạng bị tiêu diệt lần mòn ! Về mặt Nội ,đó là Sự nghiệp Kách mệnh mang khẩu hiệu “ Độc lập, Tự do, Hạnh phúc “ của CSVN, nhưng về mặt Chìm, thì CSVN quả là một Phân bộ của đảng CS Tàu.! Trong mọi tai họa, thì cái Họa làm cho Văn hóa suy đồi, làm tê liệt Tinh thần Dân tộc là ác độc và nguy hiểm nhất. Đây là giai đoạn quyết liệt, hoặc vùng lên để sống còn như những con Ngươi , hoặc cứ vô cảm mà cam tâm làm kiếp ngựa trâu!
Cầu xin Hồn Thiêng Sông Núi sáng soi và độ trì cho Dân tộc Chúng ta để giúp mọi người tỉnh giấc “ Công miên “, rước “ Hồn thiêng Sông Núi “ về với con Dân Việt mà Cứu con Ngươi và Dân tộc!. Hy vọng thay !

Cái Nhìn Nhất quán

Nền Văn Hóa Việt Nam bắt nguồn từ Thái cực « Âm Dương Hòa » (Gốc từ Ngọc Long Toại : Cặp Trống / Mái, và cặp Vật biểu Tiên / Rồng). Thái cực Âm Dương Hoà là Dịch lý cũng là Thiên lý, nguồn của Minh Triết.

Thái cực là « Nhất lý thông, Vạn lý minh » . Nhất lý là Thái cực Âm Dương Hòa. Vạn lý là các cặp tiểu Thái cực đều mang bản chất Hòa, nên đều là Minh Triết.

Văn Hóa Việt bắt nguồn từ Thái cực qua Lương nghi, qua Ngũ hành tới các Cơ cấu của Vũ trụ, của Nhân sinh và Lộ đồ Tu, Tề, Trị, Bình, tất cả đều được kết cấu bằng các cặp Tiểu Thái cực tương ứng, nên nền Văn Hoá Thái Hòa Việt từ Gốc tới Ngọn đều mang bản chất Minh Triết. (Xem cuốn Văn Hoá Thái Hòa Việt Nam XVIII : Việt Nho và Triết lý An vi của Việt Nhân và Nguyễn Quang trên vietnamvanhien.net)

Minh Triết còn là phương cách phải sắp xếp mọi sự sao cho hợp với Thiên lý thì con Ngươi mới hoà hợp với nhau, mà sống Hạnh phúc .

Tổ Tiên Việt đã được Tiên (Ma Cô Tiên .Truyện Việt tinh) tặng cho Tổ Tiên chúng ta viên Ngọc quý Long Toại để Tu Thân mà lập Quốc , khôn thay vì nạn « Dĩ Cường lãng Nhược « của Bắc và Tây phương làm cho hoen ố, làm mất hết Nội lực, lại vì nạn ngoại xâm, phải đem chôn dấu tại phương Nam lâu ngày , nay Cháu Con mới khai quật lên, cần phải gột rửa lại cho sáng trong để lấy lại Nội lực mà cứu Dân giúp Nước. Hy vọng thay !

Việt Nhân . 09/ 2020

(Xin lỗi, bài này có tính cách tổng hợp, nên phải nhắc lại những điều đã viết từ trước)

CUỘC SỐNG HỒN NHIÊN CỦA THẺNG BỜM

A.- Thằng Bờm

“ Thằng Bờm có cái Quạt Mo,

Phú ông xin đòi 3 Bò 9 Trâu

Bờm rằng bờm “ chẳng lấy Trâu “

Phú ông xin đòi ao sâu Cá Mè

Bờm rằng bờm chẳng lấy Mè

Phú ông xin đòi 3 bè Gõ Lim

Bờm rằng Bờm “ chẳng lấy Lim “

Phú ông xin đòi đôi (2) chim Đồi Mồi

Bờm rằng Bờm “ chẳng lấy Mồi “

Phú ông xin đòi năm Xôi, “ bờm CUỒI!”

B.- Cái nhìn tổng quát

Khi đọc lướt qua bài Ca dao (Đồng dao) trên, chúng ta thấy những nét sau đây được nổi bật:

I.- Nhân vật và Tài sản mỗi bên

Đây là hai nhân vật tiêu biểu cho hai lớp người: Nhỏ / Lớn, (Trẻ / Già), Nghèo / Giàu . . . trong xã hội Việt Nam xưa:

1.- Thằng Bờm là một Trẻ con tóc tai bờm xờm, tài sản thằng Bờm không thấy gì ngoài cái quạt Mo cau. Hàng ngày, với cái Quạt Mo trong tay, lúc thì Bờm che nắng nóng, khi thì cản gió mưa, lúc thì phe phẩy quạt cho bớt nóng nực, khi thì phát bụi chỗ ngồi. Bờm ta thường chạy rong chơi từ đầu làng đến cuối xóm, không phá phách hỗn hào, khi nào cũng cười vui, trở thành nhân vật thân quen của bà con xóm làng. Cách phe phẩy quạt Mo vô tư của Bờm rất đặc biệt, khiến nhiều người ưa thích. Ngoài hình ảnh đó ta có thể nghĩ Thằng Bờm có thể là một nhân vật thuộc thành phần rất nghèo, nghèo rớt mùng tơi, nhưng không làm những chuyện bất lương, Bờm cũng thường rong chơi khắp xóm làng, cũng là nhân vật thân quen dễ mến của xóm làng, tài sản quý giá nhất cũng chỉ có cái Quạt Mo.

Quạt Mo được làm từ cái Bẹ mang lá cau, khi già tàu cau rụng xuống, người ta cắt lấy cái Bẹ, bỏ phần lá đi, đem ép cho thẳng, phơi khô cứng, rồi cắt thành cái quạt Mo. . Cái quạt Mo thì ai cũng có thể kiếm được, nếu vườn nhà không có cây cau, ở thôn quê thì qua hàng xóm xin mo cau về mà làm lấy, thứ này cũng hiếm lắm, vì chẳng có ai và ở đâu bán cả. Về Tinh thần thì chỉ thấy thẳng Bờm khi nào cũng nhẹ nhàng phe phẩy cái Quạt Mo, tỏ thái độ sống an nhiên tự tại, ngoài ra chẳng thấy gì thêm.

Tóm lại Thăng Bờm là một Trẻ con chưa làm ra của cải vật chất, hay một người nghèo đã lớn, không ham hay không có khả năng làm giàu, **đặc biệt chỉ có một cái Quạt Mo**. Vì chưa bị vật chất trói buộc, nên còn có một Tâm hồn “ Hoá nhi đa hỷ lộng “, tức Tâm hồn” hồn nhiên như Hoá công “ mà Đức Khổng gọi là “ Nhân “, lòng Nhân được thể hiện qua thái độ sống và cách phe phẩy Quạt Mo rất hồn nhiên, được dân quê yêu thích, nhưng chắc nhiều người vẫn minh lịch sự rất khó ưa, vì họ khinh khi cái ngây ngô, ngờ nghệch, mộc mạc chốn thôn quê, không ngờ được cái Tâm thường bề Ngoài đó lại ẩn chứa cái Phi thường ở Trong! Chúng tôi lạm bàn về Bờm qua hình ảnh một Trẻ con cũng như qua hình ảnh một nhân vật Nghèo nơi thôn xóm xưa.

2.- **Phú Ông**: là Ông nhà giàu, ham làm, làm việc cật lực, nên có nhiều thứ tài sản. Thái độ để làm giàu, người ta thường “ Coi Của nặng hơn Tình Người “, cũng như “đồng tiền liền với khúc ruột “, nên hay dùng Quyền thế cũng như Tiền bạc để thủ lợi thêm ngày một nhiều. Nhưng loại Phú ông này đã biết tri Túc tri Chi, nên không những biết hãm cái Lòng Tham mà còn có cái Hám ngược đời, hãm cái thái độ sống Giản dị An nhiên Tự tại của Trẻ con, của thằng Nghèo, loại “ **Bần cùng không chịu sinh đạo tặc**” ! (Xin xem 3 bài thơ 2, 3, 4, của Cụ Nguyễn Bình Khiêm ở dưới)

a.- **3 Bò 9 Trâu**: Bò trâu là phương tiện sản xuất giúp người chủ trở nên Phú ông. **Đây là nguồn động lực làm tăng gia sản xuất mỗi năm hai mùa, gây dựng nên gia nghiệp của Phú Ông**.

b.-**Ao sâu cà Mè**: Cá Mè là loại cá trắng có vây, rất khỏe, tuy có nhiều xương, nhưng ăn rất ngon và lành. Có cá Mè trong ao thì lúc nào cũng có cá tươi để ăn, không mất công tốn tiền ra chợ mua. Đã có trâu bò sản xuất ra ngũ cốc đầy chạn, gạo đậu đầy lu, lại có cá mè đầy ao, mọi nhu cầu về “ Thực “ khi nào cũng sẵn sàng, tức là giải quyết được nhu cầu căn bản của cuộc sống, cuộc sống bớt được nhiều nỗi lo và nhất là có Tự do không bị ai áp chế. Tổ tiên ta có câu: “ **Có Thực mới vực được Đạo**”. Nay “ Thực “ đã có sẵn, còn “ Đạo đây là Nhân Đạo, tức là cuộc sống Nhân Nghĩa ở đời. Trong bài trên, có chỗ lại ghi “ Xin đổi một xâu Cá Mè “, một Xâu Cá Mè vẫn đáng giá hơn cái Quạt Mo. **Cá Mè là thực phẩm ngon lành để nâng cao đời sống vật chất**.

c.-**3 Bè gỗ Lim**: Gỗ Lim là thiết mộc nên rất cứng, thứ gỗ này chịu được mưa nắng bền lâu, giá cả rất cao. Với 3 bè Gỗ Lim người ta có thể xây dựng nên ngôi nhà có cột, kèo, rui, mái. . . rất bền vững. Đây là phương tiện xây nhà cửa rất kiên cố, là thành trì : “**an cư lạc nghiệp**”, có thể truyền lại cho nhiều đời con cháu về sau.

d.- **Đôi chim Đồi mồi** : Thực ra không có chim Đồi mồi, mà là cặp (2) **Chim Trống Mái** làm bằng Đồi Mồi (như Ngọc Long Toại của Tổ tiên Việt) để trang trí trong nhà. Đồi Mồi là

một thứ rùa biển, có bộ mai rất đẹp, người ta cắt cái mai ra thành miếng nhỏ để khảm xa cừ, làm vật trang sức, người ta cũng dùng cả cái mai Đồi Mồi để treo lên tường làm vật trang trí.. **Đây là mỹ nghệ thuộc nhu cầu nghệ thuật để nâng cao Tâm hồn.** Có ý cho Đồi Mồi là chim được dùng làm mồi để sập bẫy chim khác, đây là “ **lối tiêu khiển** ” của dân quê, thiển nghĩ thuộc loại chim nào cũng không mấy quan trọng, mà quan trọng là ở loại vật chất để nâng cao Tinh thần nhất là danh từ “Đồi chim” là số 2 để nói về Nghịch số của Dịch lý thuộc phần Cơ cấu của Văn hoá.

e.- **Nấm Xôi:** Xôi được vắt lại thành nắm với muối mè, ăn cũng rất ngon, nhưng chỉ là thứ dùng đủ cho một bữa ăn đạm bạc. Đây là thứ tài sản “ **nhật dụng** ” lúc nào Phú Ông cũng có sẵn, nhưng là nhu cầu “ **Hàng ngày dùng đủ** ” cho đời sống “ **nhỏ Thuyền nhỏ Sóng** ” của thằng Bờm.

Qua hình ảnh trên ta thấy có sự tương phản giữa hai nhân vật trong chuyện: **Một người Trẻ con vẫn còn hồn nhiên, không thấy dấu vết khổ đau trên nét mặt, vẫn luôn có Tâm hồn thơ thới an nhiên tự tại. Một kẻ Giàu rất giàu nhưng Tâm hồn còn chất chứa nhiều nỗi âu lo, nên không còn hám của cải Vật chất nữa, mà chỉ Ham một cái gì đó trong cái Quạt Mo của thằng Bờm, có lẽ ông cảm thấy khao khát một cái gì đó trong nếp sống thằng Bờm. Thằng Bờm vì không bị vật chất ràng buộc, nên đã có sẵn cái bình an trong Tâm hồn, có lẽ chính nó cũng chưa nhận rõ, còn Phú ông thì đang dò tìm, do đó mà có sự mặc cả đối chác.. Có lẽ sau những ngày tháng làm ăn quá bận bịu cực nhọc, lo âu, nay tuy đã sống trong cảnh giàu sang, nhưng không làm sao tìm ra được nguồn hạnh phúc trong của cải Vật chất dư dật của mình, nên đánh phải hạ mình, xuống nước, dùng bất cứ thứ tài sản nào của mình, nài nỉ để “ **xin đổi chác** ” cho được cái Quạt Mo, ông tin Quạt Mo là biểu tượng cho một cái gì, mà qua đó ông đang vô cùng khao khát. (Xin xem bài thơ số 4, 6 của Cụ Nguyễn Bình Khiêm ở dưới),**

Ta nên nhớ Văn hoá Việt kể cả Trung hoa, Hàn, Nhật, **nguyên** là thứ văn hoá trọng Lễ Nghĩa, mọi người trong nước, nhất là Việt Nam ai cũng được gọi bằng Chú Bác Cô Cậu Dì. . chỉ có tôn ti trật tự mà thôi, chứ không có giai cấp quý tiện, người Chủ khinh khi kẻ nô lệ làm tôi tớ cho mình như Tây phương và Ấn Độ xưa. Với trẻ con, hay người nghèo tuy thường quen được gọi bằng Thằng, nhưng mọi người đều “ **Kính già yêu trẻ** ”, cũng không khinh khi người Nghèo, nên trong cách ăn nói mời dùng chữ “ **Xin đổi** ”, Phú ông vẫn tỏ thái độ kính trọng, vẫn đối xử với thằng Bờm như là một con người có nhân cách, có khi người Việt còn gọi người “ **Ăn xin là Ông Ăn mày** ”. Phú ông cũng không phải là loại Hào lý hách dịch, do bị ảnh hưởng của Hán Nho, thường dùng quyền lực để chèn ép người nghèo qua lối **Cưỡng hành**, cách đối xử này thường xảy ra trong chế độ Nô lệ có giai cấp, cũng như trong chế độ Phong kiến của Tàu, người áp bức bóc lột lại khinh miệt kẻ bị bóc lột!

Đây là vấn đề lớn về nghịch lý Giàu Nghèo trong xã hội, giải quyết hài hòa được nghịch lý trên là tạo lập được nền tảng an bình cho Xã hội cũng như Thế giới Hoà bình. Nền Văn hoá Thái hòa của Việt tộc có khả năng đáp ứng được nan đề bất ổn của Thế giới hiện nay, với điều kiện là mọi người phải sống hài hoà theo Nhân Nghĩa, chứ không phải dùng hòng súng để kiến tạo hoà bình! Vấn đề đầu tiên là Nghịch lý nơi con Người, tiếp đến những nghịch lý trong xã hội cần phải giải quyết sao cho được hài hòa tức là đạt được công bình tương đối thì mới mong được ổn định.

Chuyện Cách mạng Vô sản chuyên chính cũng bắt nguồn từ chỗ không hiểu câu chuyện trên đây! Nguyên do sai lầm là:

1.- Mác - Lê - Mao Không hiểu con Người là gì, Bất công xã hội từ đâu, cho bàn cổ nông xấu xa và ngu dốt vì bị bóc lột, nên khi được giải phóng thì họ sẽ có lại bản chất tốt, đầy óc sáng tạo, có khả năng ưu việt, thừa khả năng xây dựng công bằng xã hội để mưu hạnh phúc cho toàn dân, thực ra Công nông chỉ là cái áo khoác nhân danh để đảng CS riêng chiếm quyền độc tài chuyên chế. Thực sự các vị không hiểu con Người là “ Quỷ Thần chi hội “, nên không biết “ làm Người “ bằng cách trau dồi Tư cách và Khả năng mà sống Công bằng để Hòa với nhau, lại làm “ Sàilang “ dùng nanh vuốt chém giết Đồng bào mà phá tan Đất nước! Hoặc có hiểu phân nào nhưng cứ ngụy tạo ra Cách mạng sứt máu để giết mà cướp, để trả thù Đế quốc thực dân Tây phương tại Châu Á mà chiếm lại của cải, cho là đã bị bóc lột để dành riêng phần quyền lợi cho CS?

2.- Không nhận ra mỗi con Người được sinh ra với Thể xác và Tinh thần khác nhau, khả năng và Tư cách khác nhau, không ai giống ai, nên không thể có công bằng xã hội tuyệt đối, việc phát động các phong trào cách mạng vô sản để “ cào bằng xã hội “ chỉ là chuyện giết người để ăn cướp của mà thôi. Thử xem công bằng xã hội cũng như đời sống của nhân dân ra sao, sau 37 năm Hòa bình tuy đời sống nhân dân có khá hơn so với thời bao cấp, nhưng ngày nay những thành phần khá hơn ở thành thị đang đâm đạp lên nhau mà làm ăn, mà lao đầu vào việc nhậu nhẹt suốt ngày đêm cùng dâm dật khắp ngõ, do đã phá Văn hoá với Thuần phong Mỹ tục Tổ tiên, phỏng phẩm chất cuộc sống của nhân dân ngày nay có hơn thời nô lệ Pháp thuộc chút nào không? Sau khi cướp chính quyền năm 1945 một thời gian thì giai tầng giàu có và trí thức bị bách hại và bị cướp, nay đến sau 1975 hai thành phần trụ cột của CM vô sản là Công Nông cũng lại bị trảm lột tàn nhẫn đã hàng thập niên! Có thành phần nhân dân nào mà CSVN để cho sống được yên thân đâu! Vấn đề không phải cứ nhiệt tình làm CM Vô sản mà nhét bo bo vào họng mọi Người mà la to là Người ta hạnh phúc được! Trước kia VN ra sao so với Nhật và Đại Hàn, nay thì VN đứng ở chỗ nào?

Theo tinh thần Dịch lý của Việt Nho, chúng tôi mạo muội trình bày cách giải quyết hài hòa những nghịch lý giữa hai nếp sống Trẻ / Già, Nhỏ / Lớn, cũng như Giàu / Nghèo, Cũ / Mới. . .: những nghịch số mà Nho gia tổng quát hoá thành “ **Đại Đạo Âm Dương hòa** “.

II.- Tiến trình cuộc mặc cả 5 bước

Bước một Tuy ta không hiểu rõ Tâm tư của Phú ông, nhưng chắc chắn là ông đã quá **khao khát tinh thần phe phẩy nơi cái Quạt Mo**, nên không tiếc đem cả cơ nghiệp **3 bò 9 trâu** ra mà đổi lấy. Với người thường đây là hành động điên rồ, vườn tược ông thiếu gì mo cau, ông chỉ bảo một tiếng thì gia nhân có thể làm cho Ông đến hàng trăm. Một người đã tạo nên một cơ nghiệp lớn có đầy đủ mọi thứ vật chất, sao lại không đánh giá đúng được “ thứ đem đổi “ và “ vật đổi được “. Nhưng nếu ta nhận thức được bức tranh vô giá là ở cái **Hồn của bức tranh**, thì ở đây cũng vậy, tuy chưa biết rõ là cái gì và ở đâu, nhưng **Phú Ông chỉ lờ mờ khao khát “ cái Tâm hồn nằm ẩn trong con người cầm cái Quạt Mo “**. Vì vậy mà khi Phú ông đem 3 bò 9 chín trâu ra mà gạn đổi, ông cảm chắc là đổi được cái Quạt Mo. Thế nhưng, với cái Tâm an nhiên bất động, chàng Bờm ta cứ đứng đưng, liền thân nhiên đáp: “ **chẳng lấy 3 bò 9 trâu** “! Xét ra, một là thằng Bờm chẳng có nhu cầu gì nơi 3 bò 9 trâu, hai nữa là Bờm thấy sự trao đổi quá chênh lệch, làm sao dám để cho lòng tham làm mờ mắt mà đổi chác được. Hai bên đều không cầu Lợi nên chẳng gặp nhau, họ đã thoát khỏi **bước Lợi hành**.

Bước Hai Lòng khao khát không thể ngăn cản Phú ông bỏ cuộc. Thua keo này bày keo khác, ông nghĩ Bờm không thích Bò Trâu ta thì đem thứ của ăn ngon như **Cá Mè** mà đổi. Khốn thay Bờm cũng chẳng thích cá mè, vì Bờm có thể chưa biết làm thịt cá, mà cũng chẳng biết chiên rán xào nấu nướng lôi thôi, và cũng chẳng thấy có sự gì hấp dẫn nơi vật đổi chác. Cũng như lần trước, Bờm vẫn hững hờ đáp “ **Bờm chẳng lấy Mè**”.

Bước Ba Nay Phú Ông chỉ còn lại **3 bè gỗ Lim** để làm nhà, nên cũng đành liều đem ra mà mặc cả cho được. Có lẽ cũng như thằng Cuội chỉ thích ngồi gốc cây Đa, ngắm nhìn trời trăng mây gió, Bờm ta cũng chẳng thích gỗ Lim với nhà cao cửa rộng, và lại Bờm chẳng muốn gì nhiều, nếu đổi lấy thì Bờm có thể làm gì với các thứ công kênh ấy, biết chắt chira vào đâu, không thể đương đầu với nhiều chuyện khó khăn ngoài khả năng của Bờm khi nhận lấy, lẽ dĩ nhiên cũng như hai lần trước, Bờm ta cũng “ **chẳng lấy Lim “ làm gì!**

Bước Bốn. Qua 3 lần mặc cả, nay Phú Ông xem ra đã hết vốn rồi, nhìn quanh nhìn quất chỉ còn lại **cặp (2) Chim Đồi mồi**. Phú ông nghĩ Bờm ta không thích của cải phiền toái lôi thôi, chỉ gây ra bao nhiêu gian lao như mình đã trải qua, chắc Bờm có thể **thích đồ mỹ nghệ**. Phú ông đem ra mặc cả lần chót may ra kết quả. Khốn thay, qua 4 lần mặc cả, Phú ông đã đem cả cái nguồn sinh sôi của cải, của ăn ngon, nhà ở sang trọng, đến đồ mỹ nghệ, Bờm ta cũng chẳng đổi ý, chàng cũng cứ thản nhiên, “ **Đồi mồi” cũng rằng không!**

Bước Năm. Nay vô ké khả thi, tất cả của cải vật chất Phú ông đã đem ra đổi chác hết: **thứ sinh lợi, thứ đắt giá, thứ ngon lành, thứ đẹp đẽ đều đem ra thứ hết rồi**, thế mà chẳng lay chuyển được Tâm trí thằng Bờm, lẽ nào ta chịu bẽ tắc ở đây. Chính lúc bẽ tắc này Phú ông mới ngộ ra rằng thằng Bờm chẳng cần gì đến nhiều thứ vật chất đắt giá lôi thôi. Bao giờ nó cũng an nhiên cầm cái quạt Mo phe phẩy, nay ta thử đem cái cần thiết **nhất là Năm Xôi ra đổi xem sao**. Khi Phú ông vừa mở miệng ra mặc cả, đúng lúc đang đổi, **Bờm liền nở ra Một Nụ Cười Hồn nhiên và gật đầu lia lịa**. Thế là **Nụ Cười** được xem quý giá hơn cả gia tài của Phú ông, **Nụ Cười là biểu hiện mặt Ngoài của Tâm trạng Hồn nhiên bên Trong, Hạnh phúc bên Trong**. Tuy vật chất và Tinh thần đều được quý trọng, nhưng Tinh thần vẫn nặng đồng cân hơn.

Phú ông mới ngộ ra rằng, cái mình khao khát đi tìm chính là **Nụ cười hồn nhiên**, của cuộc sống an nhiên tự tại nơi Tâm hồn con Trẻ - thằng Bờm -. **Nụ Cười** đó chỉ phát sinh nơi những Tâm hồn đơn sơ biết quý trọng cái đơn sơ, giản tiện, cái tiện dụng để kiếm như **Quạt Mo**, cũng như **Năm Xôi** là nhu cầu tối thiết và đơn giản nhất của cuộc sống. Có được cái **Quạt Mo**, lại thêm năm xôi nữa là có đủ cặp nhu cầu tối thiết cho cuộc sống.

Nhờ Tâm hồn đó mà thằng Bờm mới có cách phe phẩy được cái **Quạt Mo** lôi cuốn Phú ông! Ông đã sống vật lộn với nhiều vấn đề phức tạp, trải qua những bước gian lao, đối diện với những cái phiền toái của cuộc đời, nên nay cần đến những cái giản dị, cái đơn sơ chất phác, cái thiết thực, không bức thúc con người, giúp Tâm hồn con người được thảnh thơi thư thái. Tóm lại, cần phải có Tâm hồn đơn sơ như Con Trẻ mới cảm nhận được chân hạnh phúc.

Có người cho rằng vì “ **tư tưởng an nhiên tự tại** “ của Thằng Bờm này mà dân tộc Á đông cứ bị giam hãm trong cảnh nghèo hèn lạc hậu, thực ra không phải hoàn toàn như thế. Cái ý chính ở đây là để nhấn mạnh đến **thái độ sống Tiết độ của nếp sống Quả đuc, lối sống coi Vật chất là**

phương tiện cần có để giúp con người được phát triển toàn diện, giúp cho cuộc sống có sinh thú, nhưng không lạm dụng, không bám vào Vật chất để làm nô lệ cho vật chất, không những phiền toái cho mình mà còn chà đạp lên cuộc sống của người khác.

Đây là nếp sống quân bình giúp cho con Người biết sử dụng vật chất để phát triển còn người và cũng biết kiềm chế mình để cho Tâm hồn được an nhiên tự tại, nhờ đó mà Thân an Tâm lạc, đó là chân Hạnh phúc .

*Những người theo nếp sống **Đa dục** (lạm dụng Thừa: **More than enough**) thì sẽ lao đầu vào tình trạng “ **Thượng hạ giao tranh Lợi**” , gây ra nhiều xáo trộn cho đời sống mình và xã hội, còn những người sống theo **Diệt dục** (Lạm dụng Thiểu: **Less than enough**) thì kìm hãm đời sống vật chất quá đáng, chưa sống đã quá lo về cái chết.*

*Lối sống **Quả dục** (**No more no less: enough is enough**) là nếp sống Tiết độ, lối sống chiết trung đầu dây giữa Đa dục và Quả dục. Phải có tinh thần triết học và Tâm hồn nghệ thuật mới sống được theo tiêu chuẩn này.*

Ta nên nhớ, con Người là Thiên Địa chi Đức: Thiên là yếu tố Vô biên, Địa là yếu tố Hữu hạn, đây là nghịch lý: Ra đi vào Hữu hạn và Trở về nguồn Vô vô hạn, vì vậy mà Phú ông tuy của cải Hữu hạn đã tràn đầy, mà lòng vẫn khát cái Vô biên ẩn náu sau cái Quạt Mo, là thứ giúp cho Tâm hồn con người hòa đồng cùng tiết nhịp Hòa của Vũ trụ để cho Thân an Tâm lạc, khi trở về được với Tâm trạng Trẻ con thì mới bắt gặp. Câu chuyện thằng Bờm chỉ cốt để diễn tả Tâm trạng hồn nhiên của con trẻ, Chúa Giê - su có lần đã bảo hãy để trẻ con đến cùng Ta là ý ấy.

Theo triết gia Kim Định, nền Văn hoá của Tổ tiên Việt là một hệ thống triết lý Nhân sinh, có một cơ cấu vững chắc, được xây trên Đồ hình và Số độ của Ngũ hành, với một Vũ trụ quan động, một Nhân sinh quan Nhân chủ, một Đạt quan Phong lưu, tất cả còn được gói gắm lại cho cháu con bằng Ca dao, Tục ngữ, bằng Huyền thoại, bằng Du ngôn.. . Đó là nền Văn hoá được đạn kết bằng nét “ Nhất quán Lương nhất “ gồm cả Hữu và Vô, Hữu thì rõ ràng khúc chiết về Lý, còn Vô thì u linh man mác như Tình, nên không thể hiểu hết bằng Lý trí rờng, mà còn phải cảm nhận bằng Tình mới được. Khi nghịch lý tổng quát Hữu Vô được hài hoá thì cảnh Thái hoà tỏa lan khắp mặt, nên gọi là Thái hòa. Tóm lại thằng Bờm chỉ là một nhân vật biểu tượng cho một đời sống an nhiên tự tại, nhờ có Tâm hồn ngây thơ trắng trong như con trẻ.

Bài Ca dao trên chỉ là một Dụ ngôn, trình bày vấn đề một cách có vẻ ngược đời, xét theo lý trí rờng là phi lý, nhưng cốt ý là để lay động, để thức tỉnh, để nhắc nhở, để nhấn mạnh một thái độ sống tuy tầm thường nhưng khó thực hiện nhất, đó là thái độ sống sao giúp cho mình cùng mọi người trong xã hội được yên vui hạnh phúc, sống trong trần ai, không trốn tránh và cũng không bám víu vào trần ai, biết nương theo sự biến hoá trong trần ai mà vươn lên đời sống hoà với mọi người cũng như hoà đồng với tiết nhịp của vũ trụ, không có ảo tưởng về một cuộc sống quá lý tưởng trong thế giới Hiện tượng, cũng không phải là lời ru ngủ của nhà giàu bày vẽ ra cũng như CS ảo tưởng, mà là nghệ thuật sống làm người rất uyển chuyển trong môi trường tương đối.

Ai muốn có cuộc sống hợp với tưởng tượng của Mác Mao thì bắc thang lên Kiện Ông Trời, sao không sinh ra loài Người cùng rặt một loài như cỏ cụ Hồ (Xin lỗi đây là Lời của Cụ Phan Khôi, “ Cỏ Cụ Hồ là cỏ Cứt Lợn đó”) mà lại sinh ra loài Người với lắm điều Dị Biệt!. Với ảo tưởng Thiên đàng mù, CS đã nhân danh công bằng xã hội để làm cách mạng vô sản triệt để, chỉ vì C.S. chẳng hiểu Công bằng xã hội có nguồn cội từ đâu và như thế nào, chỉ làm lũi làm cách mạng “ cào bằng mọi thứ “, tức đoạt hết mọi nhu cầu, khiến cho con Người trần trụi như súc vật, chẳng còn thứ gì, nên hoá thành Ngộ. Mặt khác trong thời đại văn minh vật chất “ Thượng hạ giao tranh lợi ráo riết thời nay “, cũng chẳng ít người vẫn coi Thằng Bòm và Phú ông đều là loại Người ngu ngốc, khờ dại, vì chẳng khôn lanh mảnh lới để thủ đắc như họ, vì họ chỉ muốn một mình họ được sống hạnh phúc mà không quan tâm đến sự khổ đau của nhiều người!

C.- Đâu là Nguồn cội

Thái độ sống của Thằng Bòm và Phú Ông phát xuất từ nếp sống Nông nghiệp của Tổ tiên xưa, nền Văn hoá Việt đã bị tiêu trầm vì Đế quốc phong kiến Tàu và Thực dân Pháp đẩy nhân dân ta vào tình trạng “ Cái Khó bó cái Khôn” mà quên Gốc, ta thử tìm xem cho biết Ngọn nguồn Lạch sông ra sao

Theo Triết gia Kim Định thì nền Văn hoá nào có một cơ cấu làm nền tảng mới là nền Văn hoá mạnh mẽ và vững bền, không thể bị xuyên tạc như nhà Hán đã biến Nguyên Nho của Khổng Tử thành Hán Nho Bá đạo.

Qua bài Thằng Bòm trên, ta thấy không phải tự dựng mà trong bài có xen vào một vài con số, mà có dụng ý dùng con số để nhấn gởi điều gì quan trọng cho thế hệ mai sau, vì nhờ con số có tính chất trừu tượng phổ quát, mới có khả năng nối kết với Tiềm thức cộng đồng nhân loại, đó là bộ số huyền nhiệm: 2, 3, 5, 9:

Số 2 : được tượng trưng bằng Đôi chim Đồi môi như cặp Trống Mái của Ngọc Long Toại tức là **cặp Trống / Mái, cặp Tiên / Rồng** : cặp đôi cực nền tảng của Dịch lý.

Số 3: ba Bò, ba bè gỗ Lim, là Biểu tượng của con Người Nhân chủ, tự Chủ, tự Lực, tự Cường..

Số 5: là 5 bước mặc cả để tới ngọn Tâm linh ($5 = 2 + 3$), (Nguồn của sự sống Hòa từ Gốc Tâm linh)

Số 9: chín Trâu là Biểu tượng cho Cây Gậy Thần 9 đốt tức là Vòng Trong (1, 2, 3, 4) vòng Ngoài (6, 7, 8, 9) của Ngũ hành. Gậy Thần 9 đốt: 1, 2, 3, 4 5 6, 7, 8, 9.

Theo Cơ cấu Việt Nho, bài Thằng Bòm có đủ bộ số huyền nhiệm: **2 – 3, 5, 9**. Đây là lối lập luận xưa của Tổ tiên, khi mà lý trí chưa phát triển, chưa biết đến lối phân tích và tổng hợp, Tổ tiên đã dùng Đồ hình và Số độ của Ngũ hành với **mục đích là để dung hoá các cặp đối cực tạo ta thế giới Hiện tượng hầu đạt tới trạng thái vừa biến đổi để tiến bộ, vừa giữ được thế quân bình động để luôn được hoà, công trình độc đáo được triết gia Kim Định khai quật lên mới đây, nên còn lạ lẫm với nhiều người, chúng tôi có thể giải nghĩa sơ qua bộ Huyền số trên như sau:**

Ý nghĩa của Bộ Huyền số: 2, 3, 5, 9

Số 2 là cặp đối cực như **Âm Dương, Vợ Chồng**. . . là nền tảng của Dịch Việt, đây là cặp đối cực tạo nên **Thế giới Hiện tượng tương đối**, ở đây mọi vật chất đều biến đổi không ngừng, mọi vật có đó không đó, nay còn mai mất, cho nên khi sống ở đời ta chỉ nên nương theo luật biến hóa của Vũ trụ mà vươn lên sống cho có nhân cách, chứ không thể bám trụ vào vật chất luôn biến đổi mà tranh dành cướp giết nhau, quan niệm sống này giúp cho mọi người biết cách **sống Hòa với nhau**.

Số 3 là **Nhân chủ**, tức là con Người luôn biết **Tự Chủ, Tự Lực, Tự Cường**, theo Tam cương Nhân, Trí, Dũng. Nhờ sống theo Nhân Trí mà đạt đức **Hùng Dũng**, khi đạt đức Dũng thì con Người mới có khả năng sống Tự chủ được, có Tự chủ được mới có khả năng hành xử Hòa ở Đời, vì không Nô lệ Thần linh (Duy Tâm) cũng như vật chất (Duy vật), nên **không bị Cường hành**, không có thủ đắc vật chất một cách bất công, **không vương vào Lợi hành** như thăng Bờm, mà chỉ **An hành**, nghĩa là khi thấy việc phù hợp với Đạo lý làm người thì hết sức làm, không có đức Dũng không thể An hành được.

Phú ông và thăng Bờm gặp nhau ở Chỗ An hành không ham vật chất quá đáng, chỉ thuận trao đổi với nhau khi đạt lẽ công bằng tương đối ở Đời. ‘

Đừng có lầm ý tưởng không nô lệ Thần linh là kiêu ngạo, Thiên Chúa đã có đủ mọi sự, đâu cần con cái mình làm nô lệ cho mình, cứ ý ôi cầu xin, mà quên cuộc sống Tự chủ của mình để xứng danh là một “**Tạo hóa con**”, **luôn biết sống nhịp theo “Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hoà”**.

“**Thiên sinh**” là nguồn Sống Tâm linh trên Trời, nên con Người phải biết trở về Nguồn Tình để tu dưỡng đạo Nhân,

“**Địa Dưỡng**” là Nguồn sống thuộc Tình thần và vật chất nơi **quả Đất**, nên phải phát triển Lý trí để khám phá Vũ trụ mà nâng cao đời sống Tinh thần và Vật chất, nhất là nhận ra lẽ Công bằng mà sống với nhau (Đức Nghĩa),

“**Nhân hoà**” là khi sống ở Đời phải hành xử theo Nhân Nghĩa để mọi người sống Hoà với nhau. Khi đã tận lực sống như thế thì phó thác mọi sự cho Thiên Chúa mà vui lòng chấp nhận mọi sự May Rủi xảy tới cho mình. (Tận Nhân lực tri Thiên mệnh), để khi nào lòng mình cũng được thành thoi.

Số 5 là số độ ở vị trí trung cung của Ngũ hành, thuộc lĩnh vực **Tâm linh** - nguồn mạch của nếp sống Hòa - . Trong khung Ngũ hành thì trung cung hành Thổ đại diện cho Vô. Theo quan niệm “: Sinh Ký tử Quy “: Khi sống ở đời (sinh Ký) ta phải thủ đắc Vật chất của Thế giới Hữu, giúp cho đời sống phát triển, nhưng khi về già phải chuân bị phá chấp cho nhẹ gánh mà về Quê (Tử quy), tức là Thế giới Vô, vì khi về Quê, nếu hành trang vật chất còn nặng quá thì không vào cửa Hẹp được.

Khi được sinh ta tay không, lúc trở về cũng phải không còn gì trong Tay mới qua cửa Hẹp được (Lạc đà qua trôn kim).

Cuộc mặc cả giữa Phú ông và thằng Bờm phải trải qua 5 bước, để nói lên cách sống theo Dịch lý ở đời .

Khi ra đời mà sống thì phải thủ đắc vật chất để phát triển con người, đến khi về già (quãng 50 về sau) thì phải lo cách sống “ **Vi Đạo nhật tồn** “ bỏ bớt hành trang cuộc đời cho nhẹ mà về Quê.

Vì thế mà trong cuộc mặc cả, mỗi bước là bớt vật chất đi một ít, đến bước thứ 5 là bước tới vật chất tối thiểu hầu đạt tới số không: 4 bước đầu thuộc thế giới vật chất - thế giới Hiện tượng - được tượng trưng bằng bốn hành Thủy, Hỏa, Mộc, Kim xung quanh, đến bước thứ 5 có trút hết vật chất nặng nề mới nhập vào trung cung hành Thổ là vị trí Vô của Tâm linh được.

Đây là Lộ đồ về Quê “ **Vi Đạo nhật tồn**: sống theo Đạo thì mỗi ngày một bỏ bớt cho nhẹ gánh (Lão Tử), còn Thánh Gandhi thì: “ **je me réduit à zéro**: tội tự tận diệt cho đến số không , còn Đức Khổng thì Tuyệt Tứ: **Vô Ý, vô Cố, vô Tất, vô Ngã**, Tổ tiên Việt thì **Đạo Trống** (Không) , Lão tử thì **Lân hư, Phật thì Chân Không diệu hữu**. **Tất cả đều hướng tới số 0. Số 0 là nguồn gốc của Vũ trụ (Hữu sinh ư VÔ:VÔ CỰC)**.

Trong cách ăn ở với nhau hàng ngày phải thực hiện lẽ sống công bằng tương đối. Cuộc mặc cả giữa Phú Ông và Thằng Bờm là cuộc trao đổi win – win bargain, đây là mẫu mực sống chung hòa bình cho mọi người trong xã hội người Nghèo cũng như nhà Giàu. Cái khó nhất ở đời là thực hiện không nghĩ ngợi cho được cái dễ, cái giản đơn, cái Tâm thường hàng ngày. . . , sao cho hợp với Đạo lý làm người, chứ không dùng nanh vuốt để cắn xé nhau, đây không phải là Lý tưởng xa vời, cũng không phải là Ảo tưởng mà mà lẽ sống theo Nhân Đạo.Nói ra thì có vẻ dễ và tầm thường nhưng nhân loại đang thất bại trong lãnh vực này ngày một tới tệ hơn!

Số 9: 9 là cây **Gậy Thần 9 đốt**, Cây Gậy Thần có 9 đốt: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, tương truyền rằng Ai nắm biết nắm vào đốt thứ 5 thì nắm được vận mạng cả khi sống cũng như khi chết (Chuyện Kỳ Mạng) 1,2,3,4, 5 là **Vòng Trong**, 5,6,7,8,9 là **Vòng ngoài**. Vòng Trong vòng Ngoài của Ngũ hành kết hợp với nhau tạo ra **nguồn sinh sinh hoá hoá của Vũ trụ**. Từ vòng Trong vòng Ngoài lập nên Lạc thư để các số Lễ và số Chấn đan kết với nhau mà sinh ra vạn vật, để giải thích sự sinh sinh hoá hóa của Vũ trụ. Gậy Thần cũng là Tạo Hóa lư (Xem mục (1) ở dưới và Lạc Thư minh triết của Kim Định) \

Bài hát khuyết danh về **bộ số Cơ cấu của nền Văn Hóa Việt Nam** : 1, 2- 3 , 5 (2+3 = 5)

‡ **Cái** Cò chết tối hôm qua,
Có ‡ **hai** (2) hạt gạo với ba (3) đồng tiền.
Một (1) đồng mua trống, mua kèn,
Một (1) đồng mua mỡ đốt đèn thờ vong.
Một (1) đồng mua mớ rau rong,
Dem về thái ‡ **Nhỏ**, thờ vong con Cò.

Bộ số: 3 lần số 1, số 2 là nền của Bộ số **2-3, 5** (2+ 3=5)

“ Ba (3) bà đi bán lợn Con
Bán đi chẳng được, lon ton chạy về
Ba bà đi bán lợn Sê
Bán đi chẳng được, chạy về lon ton “

Con / Sê : cặp đôi cực số 2

Bộ số 2-3, 5 (: 2+3 = 5 là Cơ cấu của Văn Hoá Việt Nam

Huyền thoại Sách Ước, gậy Thần mang bộ số 2 -3 và số 9 (: Ngũ hành)

Các Cổ vật như :

Cây Phũ Việt, cái Tước, cái Qua, cái Đỉnh, Trống Đồng đều mang bộ Huyền số:2-3, 5 Đây là những bảo vật về Cơ cấu Văn Hóa Thái Hòa Việt mà Tổ Tiên Việt cất dấu bộ Huyền số 2-3,5 không cho bọn Du mục Trung Hoa đánh cắp, nên phải cất dấu nhiều nơi trong nhiều lãnh vực với hy vọng qua thời gian dài, tất sẽ có người Cháu Con có Lòng rộng Trí sâu, yêu Nước thương Nòi thực sự sẽ nhận ra mà phục hoạt lại, nhưng mãi tới 7, 8 ngàn năm sau T, G.Kim Định mới lần mò suốt Đông Tây Kim Cổ đào xới qua lớp bụi Thời Không dày đặc trong 50 năm mới khai ra, nền Văn Hóa này rất rộng sâu, là một Tổng hợp Đông, Tây, Kim, Cổ, nên rất ít người có điều kiện và chịu khó đọc và lãnh hội cho hết. Qua thời gian dài, đa số Cháu con đã Lạc Hồn Dân tộc, những chuyện bên Tây bên Tàu bên Nga thì mê say tìm hiểu, còn tinh thần Bất khuất của Dân tộc lại cho là lạc hậu mà tránh xa, ngày xưa Cha Ông ta mắc mưu “ Dịch chủ vi Nô của Đại Hán “, ngày nay thì V.C. ăn phải Cháo Lú “ 4 tốt và 16 chữ vàng “ của Trung cộng, những Vị tân học lại mê theo Duy Lý Tây phương. nên đưa Dân tộc vào cảnh phân hóa cứ cấu xé nhau hơn thua làm cho tàn đàn xẻ nghé, biến một số Người hóa Ngộm (vì xa rời Văn Hóa Nhân / Nghĩa, Hùng / Dũng của Dân tộc !). Đây chính là đại Họa của Dân tộc!

Một Dân tộc được (Ma Cô) Tiên ban cho Ngọc quý Long Toại, nhưng bị bọn Du mục cướp lấy làm cho vấy bẩn, nên cần phải dũa mài cho sáng trong mà cứu Dân giúp Nước .

“ Được sách rồi Kỳ Mạng chỉ để tay lên có hai trang Hòa và Mộc. Hòa số 2 Mộc số 3. Đó là hai số của Việt tộc đã chọn và gọi là vài ba. Nho kêu là lưỡng tham. Đó là hai số làm thành số 5. Số 5 này sẽ làm nên gậy thần có 9 đốt với đầy hiệu lực: tương truyền rằng ai biết nắm vào đốt thứ 5 thì nắm được vận mạng cả khi sống cũng như khi chết. Gậy Thần chẳng qua là sách Rùa gồm bởi 9 số mà số 5 ở giữa, cộng chiều nào cũng ra số 15 43 nên gọi là “ma phương” nghĩa sâu xa là đạo thâm vào mọi việc. Kinh Hùng nói bóng là vua Hùng dùng huyền thuật mà thần phục được 15 bộ nước Văn Lang, cũng có tên khác là Tân Viên. Viên là tròn chỉ bằng số 5 cũng gọi là cái quy. Quy phải bao gồm cả 4 phương (cái củ). Vẽ đơn sơ thì ra mẹ tròn con vuông tức viên phải tán ra ôm lấy 4 góc chỉ vạn sự vạn vật: việc nào cũng phải làm đúng Đạo, đúng nguyên lý mẹ vì thế gọi là Tân Viên. Còn nếu vẽ đủ cả thì ra Lạc Thư tức là sách của dân Lạc do Lạc Long Quân ban cho, có một sức biến hóa dị thường, nên sau gọi là Kinh Dịch, nghĩa là biến đổi mà chúng ta sẽ bàn ở chương sau.

(Truyện Kỳ Mạng : Thần Tân Viên)

D.- Là một Dụ ngôn

1.- Điều chúng ta cần lưu ý là câu Chuyện thằng Bờm chỉ nên xem như là **một Dụ ngôn, ý nghĩa thực sự không nằm hoàn toàn ở trong mà ở đằng sau câu chuyện**, đừng xem đây là câu chuyện hoàn toàn có thực xảy ra trong thực tế, mà là chuyện rất linh động **vừa làm sao sống an bình ở Đời này và đồng thời chuẩn bị thái bất hành trang cho nhẹ gánh mà về Quê ở Đời sau**. Đây là lối sống ngược chiều Thế sự và Tâm linh: Ra sống nơi Thế sự thì phải “ **Chấp** “ để sống cho viên mãn, Khi quay về Tâm linh thì phải “ **Phá** “ , để phủ tay không mà về quê.

Thế nhưng, có người gán cho thằng Bờm là Bần nông và Phú ông là Địa chủ, đem đấu tranh giai cấp vào mà làm loạn. Đây là cách sống Hoà với nhau, chứ không là chuyện gây Hận thù giết cướp nhau. Người thì cho trong giai đoạn “ Thương hạ giao tranh lợi như hiện nay “, cứ theo lối quân tử Tàu hay cứ ngô ngốc như Phú ông và thằng Bờm trong chuyện thì chỉ có chết đói: Một bên khôn quá hoá dại, còn một bên tuy nhìn qua là dại, nhưng rốt cuộc hóa ra khôn.. Khôn chết, Dại chết, Biết sống, chúng ta chỉ được chọn một trong ba.

Câu chuyện này bàn về lối sống Hòa mà Hạnh phúc ở đời trong môi trường mọi sự đều tương đối: Đó là lối sống “ tri Túc, tri Chí: biết đủ, biết dừng lại khi đã thấy đủ rồi

. **Nguyễn Công Trứ bảo: Tri Túc, tiện Túc, hà thời Túc; tri Nhân, tiện Nhân, hà thời Nhân: Biết Đủ, thì đã là Đủ, chứ đợi cho đến bao giờ mới Đủ với lòng Tham, biết Nhân thì đã là Nhân, chứ đợi cho đến bao giờ mới nhận biết Nhân! Hãy tỉnh thức mà ngưng cái Tham, Sân, Si lại trước khi nó mang họa đến cho mình và người khác. Khi nhận thức được như thế mà “ An hành” cho được thành thoi an nhiên tự tại, tức là cuộc sống Phong lưu Hạnh phúc, chứ giàu quá mà không tri Túc tri Nhân thì tuy Thân có an mà Tâm lại không được lạc, còn Nghèo quá thì Thân chẳng an mà Tâm cũng chẳng lạc. Lịch sử đã cho chúng ta thấy “ Khi người Nghèo chết thì người Giàu cũng bi lộ da “ ! **Giương CS còn sờ sờ ra đó.****

Nếu ta cùng nhận chân hạnh phúc là cùng đích của mọi người, và cuộc sống là mưu tìm hạnh phúc sao cho Thân an Tâm lạc thì câu chuyện mới liên quan tới mình, chứ vì Lòng mang “ ngọn lửa Tham sôi sùng sục “ mà “ Cõi Cửa trọng hơn Tình Người “ thì ai cấm cản được mình làm kiếp thiêu thân như các tay khủng bố tại Trung Đông!

Vậy muốn sống Hoà với nhau, mọi người phải có Đức Hùng Dũng mới thực hiện được, phải có Tinh thần Triết học và Tâm hồn nghệ thuật mới làm xong. Tôi không nhớ nhà Văn hoá Tây phương nào đã bảo đại khái là: **Nhân dân thôn quê Việt Nam rất giàu Triết gia và Tinh thần Triết vương đã được Thể hiện nơi làng xã Việt Nam xưa.**

2.- Câu chuyện thằng Bờm và Phú ông là chuyện rất Cũ nhưng cũng còn rất Mới, luôn đổi mới theo tình trạng Nhân loại, đây chẳng qua là **câu chuyện muôn thuở về nghịch lý Giàu Nghèo**. Muốn được sống yên và hạnh phúc ở đời thì xã hội phải dàn xếp sao cho hai thực tế ngược nhau như Giàu Nghèo được ổn thoả, nếu không nhân loại sẽ đi từ thảm họa này đến thảm họa khác.

Cứ nhìn vào lịch sử Âu Châu, ta thấy ba cái họa lớn của nhân loại, đó là **ché độ Nô lệ, Đế quốc Thực dân và Chủ nghĩa CS: thằng Bờm đây là những dân bị áp bức bóc lột thời Nô lệ, đến**

những người Bị trị của các nước thuộc địa, rồi tới những người bị tước quyền Tư hữu và Tự do trong chế độ CS, chỉ vì cái Lòng Tham vô đáy nơi con người càng ngày càng tăng tốc với khoa học kỹ thuật.

Không có khoa học kỹ thuật thì nhân loại vẫn sống trong kiếp làm than, nói gì đến Dân chủ, Nhân quyền, nhưng cũng chỉ vì con người sống theo Duy Lý một chiều rất theo khoa học, làm cho cuộc sống Tình Lý mất quân bình, dùng Khoa học một cách vô lương tâm, nên gây đại họa.

Ở phương Đông, trước đây bên Ấn Độ có đến nhiều giai cấp, thằng Bờm là những thành phần cận bã dưới cùng của xã hội, còn Trung hoa thì thằng Bờm là những sắc tộc thuộc chủng Việt, cứ triền miên bị Đại Hán thôn tính, bóc lột, tằm thực, không lúc nào được yên thân, còn Phú ông, thực ra là Phú hào là những tên cầm quyền Đại Hán suốt dòng lịch sử gần 5000 năm mãi mê ăn cướp và bành trướng.

Mao Trạch Đông cùng Hồ Chí Minh đã nhân danh Giai cấp đấu tranh, mang vào cái mặt nạ thằng Bờm (Công Nông) mà làm cách mạng triệt để, kết quả cuối cùng là đánh rơi mặt nạ thằng Bờm mới lộ diện ra “ thằng Bợm “, nhờ đã gian manh xảo trá mà leo lên đài vinh quang của Cường hào Ác bá , cái trò múa may quay cuồng cả Thầy lẫn Trò chỉ giết hại khơi khơi chừng “ dăm chục triệu mạng người” mà cướp Dân hại Nước, nhất là làm cho vấn đề con Người và Xã hội ngày càng trầm trọng thảm thương thêm.

Hiện nay Trung Nam Hải, đã bỏ ngoài tai lời khuyên Đặng Tiểu Bình, “ chưa Đâu Ông Nghè đã đe hàng Tổng “ , khiến hàng Tổng giạt mình, phải tìm cách bao quanh để bảo vệ lấy thân, vô tình đưa Trung Nam Hải vào cảnh cô thế, cứ sự đố kỵ cáo bộ mặt thật của Trung Nam Hải “: Thưa ông tôi ở Bụi Phú hào Này, chứ không còn Nơi lý tưởng thằng Bờm Nọ nữa “ !.

Trung Nam Hải đã tạo ra hàng loạt thằng Bợm, trong đó có V.C. Còn Việt Cộng nay lại trở thành thằng Bợm của Phú hào Trung Nam Hải, đang bị công Kim Cô Nam Hải xiết cổ! Thằng Bợm Việt cộng đang học theo Trung cộng dùng Công an và đầu gấu để có biến Dân VN thành ra lũ Ngợm cho giống chúng. Việc tẩy não để xóa lương tâm con người của Mao Trạch Đông đã là ảo tưởng ngông cuồng, đã thất bại chua cay, cái Hung tàn và Cường bạo của tay sai đầu gấu làm sao xoay chuyển nổi việc “ Tẩy xóa Lương tâm con Người”, công việc này còn lớn và khó hơn việc “ dời núi lấp biển” ngàn lần, thực ra lương tâm con người là bất đảo ông. Thế nhưng, V.C. vẫn cứ mù loà, nên đang lâm lũn trong Thiên Đường mù thì trước sau, lâu mau gì cũng sa xuống hố! Lương tâm con người được gắn chặt với con người, không ai có khả năng hủy diệt được, khi bị áp bức thì tạm thời nép xuống, nhưng khi bị ép quá độ mà bùng lên thì vô phương đối địch, chỉ có một cách là V.C. cùng đầu gấu mau mau trở về với Đạo lý Nhân Nghĩa của Dân tộc mà làm người với nhau mới là thượng sách!

Trong thời đại toàn cầu hoá ngày nay hố cách biệt Giàu Nghèo ngày càng mở rộng, Hoa kỳ là nước Dân chủ tiến bộ, thế mà còn có 99% dân Bình thường và Nghèo, 1% Tỷ phú, hố cách biệt ở Trung hoa cũng như trong xã hội các nước khác phần nhiều còn cách xa hơn. Đây là vấn đề lớn chung của Nhân loại, người ta chưa dám đem ra mổ xẻ cho tận cùng mà tìm phương giải quyết, thế mà từ xa xưa, vấn đề thằng Bờm và Phú ông đã được Cha ông ta đem ra mặc cả

với nhau qua cửa miệng nhi đồng, cũng như lập chế độ Bình sản tại làng xã để giúp cho ai ai cũng sống tự lập được, vấn đề này nhân loại không thể lờ đi, nếu không được giải quyết, nó sẽ dẫn nhân loại vào chiến tranh tận diệt.

Giai đoạn “Toàn cầu hóa” là giai đoạn “giao tranh lợi cao độ”, các nước ráo riết tìm đối tác để cùng nhau tạo ra nguồn lợi và bảo vệ quyền lợi cho nhau. Ngày nay quả đất đã trở thành một Làng nhỏ, “Thị trường chung” trở thành cái Chợ của Làng. Khi mua bán ở chợ thì phải thực hiện được việc “Tiền trao cháo múc” nghĩa là mua bán sòng phẳng cũng như “Tiền nào của nấy” nghĩa là trao đổi công bằng mới được. Nhưng sự việc có muôn màu muôn vẻ, khó mà nhận ra cho tinh tế, vả lại những kẻ có Tiền tài, có Quyền lực có Uy Thế bao giờ cũng nắm thế thượng phong, nhiều khi gây ra cảnh “Đục nước béo cò” khiến nhiều thằng Bòm trở thành nạn nhân! Nói cách khác trong ván cờ thế giới, thằng Bòm luôn bị đẩy làm con tốt không thể qua sông!

Tuy đã có Liên hiệp quốc được tạm xem như Tổ chức cầm cân nảy mực “Đạo trường chung”, nói dài thì phức tạp, nói ngắn thì nhiệm vụ của Tổ chức này chỉ làm việc trọng tài để nhìn xem trong việc mua bán ở chợ búa của Làng, mọi phía có “Hành xử Công bằng với nhau” hay không. Nhưng khôn nổi trong thế giới hiện tượng này không bao giờ có công bằng tuyệt đối, mà mọi sự chỉ là tương đối, cái khó là không phải khi nào chúng ta cũng tìm được những đại lượng cùng loại để so sánh cho công bằng, vì nó ẩn dấu ở dưới muôn vàn hình trạng rối rắm khác nhau, nhiều khi chẳng rõ ràng, cái Quạt Mo và Năm Xôi còn rõ nét, còn có nhiều thứ không thể lấy một mình khoa học cụ thể mà đo lường so sánh, mà phải vận dụng đến những “thứ vô hình thuộc lãnh vực cá nhân, có tính chất Bao dung, Thống nhất và Hiệu nghiệm” như nguồn Tinh nơi Tâm linh “mới mong dàn Hoà được”.

Chỉ có những tâm hồn Bao dung mới tri Túc và tri Chi được, vì không những họ chỉ đi tìm của cải vật chất mà còn biết vươn lên những giá trị cao cả về Tinh thần để hành xử với nhau để không những cho Thân an mà còn Tâm lạc nữa, mà cốt để cho mọi người còn được sống yên với nhau.

Khi nào nhân loại từ bỏ nếp sống “Đa dục và Diệt dục” mất quân bình, mà sống tiết độ theo “Quả dục” thì cuộc sống mới được ổn định. Cái khôn lớn nhất của con người và xã hội là “mình sống cũng để chừa phần cho người ta cùng sống với”, chứ “khôn quá hóa dại” vì cuối cùng chỉ “dắt nhau cùng xuống một hố”! Ta nên nhận rõ chỉ một cái dơ nắm tay cũng đủ chấn động khắp vũ trụ, chứ nói chi đến những tư tưởng Tham tàn cùng những hành động Cường bạo chỉ biết dùng nanh vuốt sài lang để cấu xé nhau! Trong thời đại toàn cầu hoá hiện nay, mỗi chúng ta không thể vô Cảm và vô Trách nhiệm, nhất là quên tinh thần Liên đới trách nhiệm, nếu một số chúng ta cứ điềm nhiên bất động thì chính “cái “Nhân” “bất Nhân” “đó vẫn quán lại cổ chúng ta bằng cái “Quả hỗn loạn Bất công chung” nhận chìm tất cả chúng ta xuống biển”!

Nói tóm lại khi nào “Đạo trường chung” và “Thị trường chung” có ăn khớp hoà hợp với nhau thì nhân loại mới mong có cuộc sống yên hàn. Đạo trường chung thuộc lãnh vực thành Nhân, còn Thị trường chung thì ở phạm vi thành Thân. Thành Thân và thành Nhân chỉ là Một không thể tách rời, nếu chỉ đi với một chân thành Thân để thủ lợi tất sẽ rơi vào tình trạng “Độc lợi tắc thù”. Nhìn xa hơn một chút, nền Giáo dục nào mới chỉ đào luyện con

người thành Thân, mà quên yếu tố quan trọng hơn là thành Nhân, thì chưa đạt toàn diện, vì khi con Người còn chỉ đi với một chân “ thành Thân” mà quên ” thành Nhân” thì Xã hội tất rơi vào tình trạng “ Thượng hạ giao tranh lợi “ mà rối loạn.

Đây là sự thật đơn giản ít được chú ý, chúng ta thử rảo xem những nền giáo dục văn minh nhất thế giới hiện nay có phải là nền Giáo dục toàn diện hay không ? Những sự rắc rối nhất trên thế giới có phải đều do con Người gây ra hay không và nguồn gốc vấn đề có phải là do sự sống mất quân bình của con người được đào luyện từ một nền giáo dục Duy Lý một chiều chỉ lo thành Thân mà ra hay không?

E.- Con đường mòn của Dân tộc

*Dân tộc chúng ta không dẫn thân trên đại lộ huy hoàng, mà đi trên con đường mòn “ Vi Nhân “ với quan niệm con Người “ **Đang thành** “, thường xuyên làm những việc Gắn với con Người, bắt đầu từ những việc nhỏ ai cũng làm được, làm những việc thiết thân với đời sống mọi người, khởi đầu từ Trong ra Ngoài, từ Gần tới Xa, . . . từ Tâm thường tới Phi thường. . **để cho mọi việc Làm và mối Liên hệ ngày một tốt hơn**, và kiên trì “ Vi Nhân “ suốt đời qua công việc hàng ngày, làm sao cho mọi người sống hoà với nhau mới ổn.*

Nhân chuyện Giàu / Nghèo, Áu lo / Thanh thản của Phú ông và Thằng Bờm, chúng ta có thể liên hệ với những chuyện xa gần tới cuộc sống chúng ta.

Ngày nay, vì “ ham Thanh chuộng Lạ, được Mới nói Cũ “, mà đa số chúng ta bỏ Góc Cha ông, theo nền Văn minh vật chất “ một cách thiếu chọn lọc “, nên nói mắc nạn bất hoà mà tan đàn xẻ nghé như ngày nay.

Chỉ một bài Đồng dao có 10 câu trên cửa miệng của trẻ con, mà nó chất chứa cả một nền Minh triết Việt. Minh triết là cách sắp xếp mọi việc làm sao cho việc mình, việc nhà, việc nước để cho cuộc sống mọi người cùng được hưởng ấm no hạnh phúc.

Tuy trong xã hội có Giàu nghèo cách biệt, nhưng không khinh khi nhau, lán át nhau, ức hiếp nhau, cướp bóc nhau, giết chóc nhau, biết lấy lẽ sống công bằng mà sống hòa với nhau theo tiêu chuẩn Nhân Nghĩa. Để được sống hoà với nhau con người phải có đức Dũng để kiềm chế chính mình, chế ngự lòng Tham, biết dừng lại khi phạm vào lối sống bất công, hầu sống hoà với nhau. Mặt khác chính mình cũng phải biết sống một cách đơn sơ giản dị hàng ngày mà vươn lên để cho Tâm hồn được an nhiên thư thái. Vì con người bất toàn, nên xã hội cũng phải có một hệ thống pháp luật công minh mới giúp cho đời sống mọi người trong xã hội ổn định được.

Đối với những ai, “ Đầu không chằng, Chân không chịt” thì khó mà hiểu thấu vấn đề.

*Đầu không chằng tức là Đầu không đội Trời, không biết trở về gốc Tâm linh mà tu dưỡng **Đạo Nhân**, nên lạc Hồn Dân tộc, cái gì thuộc về Dân tộc đều xa lạ, khinh thường việc sống Nhân Nghĩa với nhau, thì làm sao hiểu được Di huấn của Tổ Tiên, mà gần gũi, mà đồng lao cộng khổ với Đồng bào.*

Chân không chịt nghĩa là chân không đứng tới Đất, để Hồn cứ vờ vẫn với những chuyện trời, trăng, mây, gió, luôn đứng Trên và Ngoài Dân tộc thì làm sao sống được trong lòng Dân tộc mà hiểu được nhu cầu bức thiết của Đồng bào cũng như đem **Đức Nghĩa** mà phục vụ mọi người ?

Tổ tiên chúng ta đã có một nền Văn hoá hai dòng: Dòng Văn gia và dòng Chât gia. Hai dòng chỉ là bước Thù đồ của hai “ thành phần có học ” và “ không hay ít học ” trong Dân tộc. Mục đích là để phù hợp với trình độ mà tu thân, nhưng hai dòng đều Đồng quy về Tình Nghĩa Đồng bào hay Nhất lý: Một bên là “ **Tình Lý tương tham** ”, còn bên kia là “ **Tuy Ngoài là Lý, nhưng Trong là Tình** ”.

***Dòng Văn gia** có Kinh điển Nho giáo, tóm lại chỉ có hai chữ “ **Nhân Nghĩa** ” nên bỏ Nho giáo thì bỏ mất tinh hoa của sự sống Việt.

***Còn Dòng Chât gia** có cả một kho tàng đồ sộ về Ca dao Tục ngữ và Huyền thoại trong đó có bài Thăng Bờm về Minh triết Việt, nội dung cũng **không ngoài “ Tình Nghĩa Đồng bào ” và cuộc sống “ Phải Người phải Ta ”**, thế nhưng, đa số xem đó chỉ là thứ lỗi thời, lạc hậu, thậm chí có vị còn cho là của Tàu, phải bỏ đi mà theo Văn hoá mới của Thế giới, phải chăng đó là cái mới thuộc **Văn minh “ Duy Lý một chiều ”**, mà không nhận ra đó là nguồn tai họa của nhân loại, **Heidegger bảo là nền Văn minh đó đã đánh mất nét Gấp đôi (Twofold: Tình + Lý)** của Văn hoá. **Bản chất con Người là Tình, mà bỏ Tình Người là bỏ con Người, bỏ Đồng bào, còn lại là Lý cực đoan, nên sa vào vòng Tham tàn Cường bạo!**

Cứ chấp nhận Nhân Nghĩa là của Khổng Tử, là của Tàu đi, ta cứ bỏ hai chữ đó đi, nhưng làm sao vớt được cái nghĩa cao trọng làm Người của nó: “ **Nhân** là lòng Kính trọng yêu thương nhau, và bao dung, còn **Nghĩa** là lẽ sống công bằng với nhau ở đời ”, thử xét lại có nên vớt bỏ đi không, thử tìm xem trên thế giới này có hai chữ nào hay hơn không ? Hay ngược lại chúng ta nên bỏ những gì đang còn làm ngăn cách chúng ta với nguồn sống Nhân Nghĩa của Cha Ông?. Nếu bỏ Nhân Nghĩa đi thì con Người còn gì ngoài nanh vuốt Tham tàn và Cường bạo?

Vì ghét cái con Người bắt Nhân, hành động bắt Nghĩa nên ghét oan tới hai chữ Nhân Nghĩa, nghe nói đến Nhân Nghĩa là bực mình, nên ghét luôn tới Khổng Tử là Vị đã thuật lại nền Văn Hoá Nhân Nghĩa của Tổ Tiên Việt.

Bác ái, Công bằng cũng như **Từ bi, Trí huệ, Nhân ái, Công chính** tuy danh xưng có khác nhưng ý nghĩa cũng tương đồng, vì đều phát xuất từ Tiềm thức cộng thông của Nhân loại . Còn bỏ **Tình Nghĩa (Tình Lý)** Đồng bào thì ta bị lừa ra khỏi đại khối Dân tộc, bỏ lối sống “ **Phải Người phải Ta** ” thì đâm đạp lên nhau mà sống. Thứ này là của riêng Việt Nam không thể chối bỏ, nhưng cũng tương đương với Nhân Nghĩa, thứ Nho của Việt này gọi là Việt Nho, vậy có nên bỏ luôn đi không? Có phải vì lơ là với Tình Nghĩa mà nhiều con dân Việt đã trở thành lạ lẫm với nhau! Vạn giáo đều nhất Lý – **Lý Thái cực** - : “ **Nhân Nghĩa** ” hay “ **Bác ái, Công bằng** ”, hay “ **Từ bi, Trí huệ** ”. **Lý Thái cực** còn gọi là **nét Gấp đôi** hay **nét Lương nhất (dual unit)** . Ai sống thực sự theo bất cứ Giá trị nào ở trên cũng đều tốt cả, vì tất cả đều dẫn tới **Nhất lý** .

Những nét gấp đôi: “ **Bác ái / Công bằng**”, “ **Từ bi / Trí huệ** ”, **Nhân / Nghĩa**”, “ **Tình / Nghĩa (Đồng bào)** ”, là những hạt Kim cương lóng lánh muôn màu về Đạo lý Nhân sinh của Nhân

loại, khôn nổi bỏ những thứ đó đi thì nhân loại sẽ đánh mất Bản tính con Người! Đa số chúng ta chỉ có Nói mà không có Thể hiện những giá trị trên vào đời sống hàng ngày, nên mới mắc nạn.

Điều quan trọng hơn nữa Nho là Văn hoá phương Nam của Tổ tiên Việt, không Tử chỉ thuật lại mà thôi, Không Tử có là Tàu hay Việt cũng chẳng quan hệ, mà quan hệ là ở việc các nhà cầm quyền Tàu nhất là nhà Hán đã xuyên tạc Nho biến thành mớ hồ lộn giữa Vương đạo và Bá đạo, vì mất Gốc nên chúng ta không phân biệt trắng đen, những yếu tố Bá đạo được xen dậm vào trong Nho Vương đạo khởi đầu từ nhà Chu tới Tần Thủy Hoàng, rồi đến nhà Hán qua 50 bác sĩ trong **Gác Thạch Cừ** nắm quyền giải thích Kinh Điển để biến Nho “ chủ trương “ **Dân vi bang bản – nền tảng của Dân chủ- “ thành thứ Nho bá đạo “ **Tôn quân làm Thiên tử - nền tảng của Quân chủ phong kiến – ”**, do ảnh hưởng tinh thần “ **Duy Pháp trị “ của Âm Dương gia cũng như Pháp gia xen vào.. Vì không phân biệt được những điều trên, mà nhiều vị đã đã kích Không Tử một cách sai lầm, Nguyên Nho của Không Tử là Nho Vương đạo có tính chất Nhu thuận văn hoá Nông nghiệp, ai có muốn bỏ thì bỏ phần Bạo Lược Bá đạo thuộc văn hoá Du mục của Hán Nho được xen dậm vào trong, nhưng Hán Nho vẫn có nhiều phần Vương đạo, lại nữa 70 % dân Tàu trong đó thành phần Sĩ Nông cũng là anh em Việt tộc với ta, họ vẫn sống phần nào với Vương đạo, chỉ có nhà cầm quyền Tàu từ xưa tới nay mới là Bá đạo. Vì bỏ Gốc Lạc Hồn không phân biệt nổi Vương Bá, nên chúng ta mới phát ngôn lộn xộn.****

Có nhiều vị làm văn hoá nhất là các nhà Nho mà không hề biết trong hội nghị Quốc tế về triết học họp tại Honolulu năm 1949: **Không Tử đã được bầu chọn làm Nhạc trưởng điều khiển cuộc Hòa tấu Đông Tây Kim Cổ, vì có chân trên cả hai tàu: Tâm linh và Thế sự.**

Mọi Tinh hoa của Việt là ở trong Nho giáo, bỏ tinh hoa Nho đi là dân Việt trở nên mất Gốc mà tan ra từng mảnh! Chưa nói đến Kinh điển, triết lý Nhân sinh, mà ngay tên Nước, tên Tổ tiên, tên Đường sá Cầu cống, tên Núi non Sông ngòi cũng như Tên chúng ta đa số đều bằng chữ Nho (thực ra không phải là chữ Hán, nhà Hán có công xuyên tạc Nho mà thôi), tất cả đều mang mang ý nghĩa cao đẹp về một triết lý Nhân sinh, bỏ đi chừng đó cũng đã làm cho Dân tộc chúng ta trần trụi mất rồi!. Nên nhớ các nhà cầm quyền Tàu từ Hiến Viên hoàng đế tới nay đa số đều là tụi bá đạo theo Hán Nho.! Chúng ta nên phân biệt cho rõ để thoát ra khỏi cái hỏa mù giữa Nho Vương đạo và Bá đạo !

Bỏ Nho tức là bỏ Nguồn Gốc, cụ thể ra là đánh mất Hồn Núi (Nhân) lạc nẻo Hồn Sông (Nghĩa) nên chúng ta phải từ giả “ **tháp Babel < Nhân Nghĩa > Lạc Hồn** “, - **cứ điểm Đồng quy của Dân tộc** - mà đa số cả trong và ngoài nước không nhận ra nhau là Đồng bào, nên bơ vơ lạc lõng khắp bốn phương trời như đàn gà con lạc Mẹ, nên càng bỏ Gốc thì chúng ta càng tan tác, càng bị đẩy lùi xa về sau thê thảm!

Nhiều người miêng cứ hô hào **Đoàn kết Dân tộc**, đoàn kết với **Đồng hương** mà “**Lờ đi**” **Tình Nghĩa Đồng bào**, họ cũng hô to làm cách mang **Dân chủ**, nhưng cứ đứng Trên và đứng Ngoài Dân tộc, nhất là không chịu không “ **chấp nhận Dị biệt** “ của nhau, miêng cứ hô hào **Đa Nguyên, Đa Đảng**, như “ **con rắn nhiều đầu**” thì đi đàng nào cũng chỉ chạy quanh, làm Chính trị mà mà chẳng có lấy một **Chủ đạo chung Đoàn kết Dân tộc**, thậm chí chẳng có **Quốc kế Dân sinh và Phương cách thực hiện**, nên cứ **Thuyết trình với Tuyên cáo** mà chẳng làm sao đạt tới một nền tảng để từ đó **dấy lên được một phong trào!**

Chúng ta phải ngồi lại với nhau, chấp nhận nhau là Đồng bào với cả cái Tốt lẫn cái Xấu của nhau, nhìn thẳng vào thực tế đau xót của Dân tộc, nhất là “ con Người với các thứ Vong “ trong mỗi chúng ta, nắm chặt tay nhau, hợp thành một Tổ chức được trang bị với Tinh thần Dân tộc, (chứ không phải tinh thần đảng tranh để dành nhau tư lợi hay tinh thần Tôn giáo chặt hẹp “ Lấy Đạo tạo Đòi “ mà quên phúc lợi toàn dân) tìm ra một Hướng đi chung lâu dài, một Phương cách thực hiện hữu hiệu, với Chương trình Kế hoạch cụ thể đàng hoàng, để toàn dân cùng chung Lòng, chung Trí, chung Sức, nương nhau mà vươn lên vực dậy.

*Có phải Hồ Chí Minh và đảng CSVN đã bỏ gốc Tổ tiên, rước Mác Mao lên bàn thờ Tổ, nguy tạo nên Cuộc cách mạng sắt máu Vô sản qua “ Giai cấp đấu tranh giữa Giàu và Nghèo ” mà chém giết và cướp bóc Đồng bào hơn 70 năm mà chưa dứt, để làm “ **Quả thực:** món lợi do cuộc đấu tranh dành được “ để dành đặc lợi cho một thiểu số CS ? Kẻ mạo nhận là Cha già Dân tộc và đảng CSVN lẽ nào không đọc Bài giảng Bờm của Dân tộc, nhưng chỉ vì Lạc Hồn, bị “ **Tham, Sân, Si Mác- Lê đưa lối, tay đao phủ Mao Trạch Đông dẫn đường “**, nên mới bị lú lẫm mà không hiểu, hăm hở đi theo lối **Đoạn trường Ác Quỷ** mà đem tai họa ghê hồn cho Dân tộc! Chỉ khi nào hiểu rõ vấn đề thì đảng CSVN sẽ biết phải làm gì cho ra cái giống Người. **Cầu xin Hồn Thiêng Sông Núi rạng soi cho các “ khối óc đặc không lồ ” và “ con Tim teo tóp “ của đảng CSVN để nhận rõ họ là những tội đồ của dân tộc.***

H.- Hai cuộc cách mạng song hành

*Với tình trạng phân hoá trầm trọng của Dân tộc ta hiện nay, nếu không có cách tháo gỡ bế tắc đó tất khó lòng mà khởi công được việc gì, chỉ lấy ví dụ trong một cuộc họp cộng đồng một người nói ra, nhiều người liền đứng lên chống đối với trăm ngàn lý lẽ, có lý để soi sáng vấn đề, nhưng cũng có nhiều lý để xé nát nhau ra, nhiều khi không đạt đến sự đồng thuận chung nào cả! Sở dĩ như thế, là vì chúng ta nay đã có rất nhiều Gốc, mỗi người thủ thế mỗi Gốc, Gốc nào Ngọn nấy, nên chúng ta không bao giờ gặp được nhau nơi Gốc tháp Ba bel của Dân tộc . Chúng ta đã xa lìa “ Gốc Babel Nhân Nghĩa “ lâu ngày, nên thật khó hiểu nhau và đồng thuận với nhau trong những vấn đề trọng yếu của con Người và Quốc gia. **Tinh thần Tôn giáo “ Chặt hẹp “ , đảng phái “ Chặt hẹp “ cũng như Gốc ngoại bang “ chặt hẹp “ đều không thể là Gốc chung của Dân tộc** Vì vậy mà không có cuộc vận động toàn dân thì không bao giờ chuyển hóa được Tâm Trí “ Lạc Hồn Sông Núi “ của nhiều người. Đó là **cuộc cách mạng Tâm linh và cách mạng Dân chủ.***

Thực hiện cách mạng Tâm linh để chấn hưng Dân khí, có thực hiện được cuộc cách mạng Tâm linh thì mới khởi công thực hiện được cách mạng Dân chủ đầy tầng. Cuộc cách mạng Tâm linh để xây dựng con người Nhân chủ cho toàn dân, cuộc cách mạng Dân chủ để trao quyền cho toàn dân, giúp người Dân thực thi quyền làm chủ Gia đình và Đất nước mình. Cuộc cách mạng Tâm linh đưa toàn dân Đồng quy về Đạo lý của dân Tộc. Cuộc cách mạng Dân Chủ giúp người Dân chọn lấy những bước Thủ Đò thích hợp đem Đạo lý Nhân sinh vào đời sống để cùng nhau xây dựng và Bảo vệ Đất nước hầu mưu phúc lợi cho toàn dân. Điều quan trọng là nếu không có cuộc cách mạng Tâm linh thì không thể canh tân, không có phong trào canh tân thì không hoà giải, không hoà giải được thì không thực hiện đoàn kết Dân tộc được, không đoàn kết được thì chỉ có phá nhau mà thôi!. Những người muốn hoà hợp hòa giải với CSVN, thì nên chuẩn bị cho được phương cách canh tân chính mình (Đòi

sống khôn vặt làm vật trái với Nhân Nghĩa), cộng đồng mình cũng như giúp CSVN cùng canh tân thì mới mong hòa giải được! Còn nữa chỉ là mơ tưởng hảo huyền!

I.- Cuộc cách mạng Tâm linh

Đây chưa phải là cuộc cách mạng chuyên lo sự cứu rỗi cho Đời sau, mà là giúp khôi phục và phát huy Đạo lý Dân tộc mà xây dựng lại con Người Nơi Đây và Bây Giờ và cứu Đất nước đang đứng trên bờ vực thẳm. Đây là phương cách đem Đạo vào Đời hay đem Nhân Nghĩa vào cuộc sống hàng ngày, đây là bước đầu của việc cứu rỗi đời sau, vì có sống Đạo tốt lành trong Đời này mới mong sống tử tế mà Hòa với nhau, “ Cuộc sống Hòa mới là của Lễ cứu chuộc cho việc cứu rỗi Đời sau “ .

Theo Nho giáo thì sống theo Nhân Nghĩa.

Theo Kitô giáo thì Mến Chúa (tu dưỡng Bác ái) Yêu Người (sống theo lẽ sống Công bằng).

Theo Phật giáo thì sống theo Tinh thần Từ Bi, Trí huệ nơi trần thế..

Cái quên lớn nhất của mỗi chúng ta là làm tưởng chúng ta đã là con Người tốt lành, mà quên con Người luôn là Quý Thân chi hội: Thánh và Quý đang kê lưng lán át nhau trong Tâm trí mình, thánh đổ rồi quý liền đổ, nên quên việc đó mà làm tưởng mình là con Người “Đã thành” nghĩa là hoàn thiện là cái quên gây tai họa chung. Do đó mới có nhiều người lòng còn sôi sục Hận thù mà hăm hở đi xây dựng Hoà bình! Mặt khác ai cũng mặc nhiên cho chính mình mới Hoàn thiện và người khác thì Bất toàn, nên cứ tranh nhau hơn thua , tốt xấu mà xẻ Bọc Âu Cơ Tổ mẫu ra từng mảnh để hùng cứ một phương , làm Vua cô độc một cõi riêng mình, khiến Dân tộc bị phân hóa nặng nề!

Kính xin quý vị Lãnh đạo tinh thần, quý vị làm Văn hoá, quý vị Trí thức mọi ngành của chúng ta cũng nên bỏ chút thời giờ nghiên cứu về “ đời sống Tâm linh chung của Đông bào “, cụ thể là Tình Nghĩa Đông bào cũng như tìm về cội nguồn Văn hoá Nhân bản của Dân tộc để cho Dân tộc, Đông bào không còn là danh từ trừu tượng nữa, hầu tìm đường lối, hướng dẫn toàn Dân trở về cùng một Mối, đó là Gốc Nhân Nghĩa của Tiên Rồng!

Dân tộc là Gốc, quý Vị theo Tôn giáo nào, khuynh hướng nào, phe phái nào cũng chỉ là Ngọn ngành, làm sao cho Ngọn được thắp liền vào Gốc để cây Văn hoá Dân tộc có sức sống sung mãn. Dân tộc suy vong thì chúng ta sống với ai, cuộc sống cá nhân chủ nghĩa phóng túng thường gây ra cảnh phân hoá! Dân tộc chúng ta có Văn hoá mà nền tảng xây trên Thiên lý, tức là Dịch lý, lại chứa chan Nhân đạo, nhưng vì bị Nô lệ, rồi vọng Ngoại, đánh mất Ý thức mà bị tiêu trầm, cần phục hoạt lại và học hỏi thêm người ngoài để cho cây Văn hoá có Gốc (Tâm linh) Ngọn (Thể sự;Khoa học) xum xuê, để dưới bóng mát đó toàn dân đứng thẳng dậy với đôi Chân cứng cáp của mình mà ngóc thẳng Đầu cao lên với Thiên hạ !

Gương Nhật Bản, Đài Loan và Nam Hàn cùng nguồn gốc Nho giáo với chúng ta đã và đang treo trên cao sáng chói.!

Họ theo Tây phương mà vẫn bám chặt lấy Gốc Nho của Dân tộc, tuy có loại chữ phiên âm dễ hơn chữ Nho, nhưng họ đâu có bỏ Chữ Nho, vì Chữ Nho là một Linh tự, Linh ngữ, giúp con người nối kết được với nguồn Tâm linh, còn chữ phiên âm là Thông ngữ giúp cho việc truyền thông được dễ dàng, nhờ đó mà nền Văn hoá có Gốc Ngọn xum xuê.

Ngày nay họ là đối tác của siêu cường thế giới, mà không còn là nô lệ trái mùa, chỉ ngồi ngóng trông đón đợi đèn xanh đèn đỏ! Chúng ta cũng có Chữ Nho, đừng lầm tưởng là của Tàu, Tàu chỉ là kẻ “ ăn tự “ (danh từ của Kim Định) mà thôi, vì Tinh thần Nho đã nằm trong cốt tủy của nếp sống Việt, và Quốc ngữ là thông ngữ rất phong phú và linh diệu vì nó cũng nối kết được với hai bờ Hữu và Vô, thế mà chúng ta bỏ lơ, đánh mất tinh thần của những viên ngọc quý đó.

Tất cả chúng ta hãy cùng nhau mở mắt ra, ngược mắt lên, chịu khó tìm hiểu, để học hỏi những điều tinh hoa cần thiết mà bồi bổ thêm cho Gốc Văn hoá nước nhà thêm phong phú, chứ Tinh hoa Nho giáo trong nếp sống Việt không bao giờ lạc hậu và quê mùa cả, chỉ cần gạn lọc cho được phần tinh hoa ra khỏi những yếu tố vấy bẩn của Hán Nho mà sống!

Nền Văn hoá này rất cũ mà cũng rất mới: Cũ vì đã phát xuất từ nền Văn hoá Hoà Bình là nền Văn hoá “ **Dĩ Hòa vi quý** “ xưa nhất thế giới, và cũng rất mới vì nó rất hợp với khoa học ngày nay, nhất là Vật lý vi tử (Quantum physic). Nền Văn hoá này đã phát sinh từ nền Văn hoá Hoà bình, Văn hoá Hoà Bình là nền tảng của nền Nho giáo “ **Dĩ Hòa vi quý** “ (Không phải của Tàu, vì lâu lắm về sau mới có nước Tàu) , nền tảng của Nho giáo là **Dịch lý là nguồn gốc sinh sinh hoá hoá của Vũ trụ từ Việt tộc, chứ không phải là cái Ngọn 64 quẻ của Tàu hốt được dùng làm bốc phệ. Đây là Đạo trường chung của Đông Nam Á**, nay chỉ gồm có Tàu (đã sa đoạ một phần, không kể các nhà cầm quyền tàn bạo) , Nhật, Nam Hàn, Đài Loan và Việt, (Việt cũng đã hầu quên Gốc) còn Miến Điện, Thái Lan, Malaysia, Nam Dương, Phi Luật Tân tuy cùng Gốc nhưng đã ngã theo ảnh hưởng của Ấn Độ.

Nói tóm lại các vị Lãnh đạo Tinh thần, các vị làm Văn hoá phải hình thành cho được một Chính lược Quốc gia để đoàn kết toàn Dân, đây là Chủ đạo của Dân tộc.

II.- Cuộc cách mạng Dân chủ đầy tầng

Đáy tầng hay nền tảng của cuộc cách mạng Dân chủ là Nhân Dân.

Là **Nhân** thì mỗi người Dân phải trau dồi Nhân Nghĩa, hay Bác ái, Công bằng hay Tử bi, Trí tuệ hay Lương Tâm trong sáng.

Là **Dân** thì phải thực thi Nhân Nghĩa, Bác ái Công bằng, Tử bi Trí tuệ cũng như lương Tâm . . . để ai ai cũng có Khả năng tự Chủ, tự Lực, tự Cường hầu làm chủ Vận hệ mình, Gia đình mình và Đất nước mình.

Để thực hiện cách mạng Dân chủ thì các nhà làm chính trị, các vị trí thức mọi ngành chuyên môn phải dựa trên Chính lược Quốc gia mà hoạch định cho được **Chiến lược (Chí Nhân và Đại Nghĩa)** và **Chiến thuật “ Dĩ Nhu thắng cường, Dĩ Nhược thắng cường . . . đấu tranh bất bạo động**) một cách cụ thể và hữu hiệu, mà lãnh đạo toàn Dân trên con đường Cứu nước và

Dựng nước. Ngày nay phong trào Dân chủ đang dâng cao, người ta cứ hô hào làm cách mạng Dân chủ, để xây dựng một nền Dân chủ có nền tảng. Muốn xây dựng một chế độ Dân chủ, việc quan trọng trước tiên là chúng ta không thể quên **việc xây dựng con Người Nhân chủ** - con người tự Chủ tự Lực, tự Cường - , vì chỉ có con người này mới có đủ **Tư cách và khả năng để thực hiện chế độ dân chủ chân chính**, do đó việc tiên quyết chúng ta **không thể quên hay lơ đãng cuộc cách mạng Tâm linh**. Cuộc cách mạng này nói ra thì dễ mà làm cho được thì khó, khó như nẻo lên Trời.

III.- Chính Lực Quốc gia: Chí Nhân / Đại Nghĩa

Chúng ta nên nhớ không có Chính lực Quốc gia chung cho toàn dân thì không thể đoàn kết Dân tộc được, đó là “ **hòn đá tảng**” hay “ **mỏ neo** “ của cách mạng. Nhiều cuộc cách mạng xưa nay đều thất bại hay bị biến chất, vì thiếu Chính lực Quốc gia. **Vì là Chính lực của Toàn dân, nên phải Dễ hiểu và Giản dị để cho ai ai cũng hiểu được để kiên trì thực hiện. Phần Học thì tương đối còn Dễ, nhưng phần Hành lại rất khó.**

1.- “ Dễ “ là giảng giải cách hiện thực hai chữ Nhân Nghĩa cho ai ai cũng hiểu và làm được:

Nhân (Nhân: Ái Thân ái Nhân: Yêu Mình yêu Người và vạn vật) thuộc về **nguồn Tình**, Tình không những là lòng Thương mọi Người bất kể giàu sang nghèo hèn mà còn thương cả vạn vật, vì cùng Nhất thể và Tương liên, mọi thứ từ mẩu ghét rác bên đường đến Vũ trụ bao la ngoài kia đều chất chứa những phép lạ nhiệm màu do bàn tay Thiên chúa dựng nên, **cái huyền nhiệm là trong Nhất có nhiều Đa, nhưng trong mỗi Đa lại đều có Nhất**, để dễ hiểu, ta cứ cắt một thanh Nam châm ra bao nhiêu mảnh thì mỗi mảnh nhỏ đó vẫn là một thanh Nam châm có đủ hai cực Nam Bắc như thanh Nam châm chưa bị cắt , (Khoa học có thể kiểm chứng bằng Hologram) sờ dĩ như vậy vì tất cả mọi vật đều có cùng bản chất, vì cùng bản chất nên mọi vật đều có liên hệ cơ thể chặt chẽ với nhau và với toàn thể, do đó mà đem lòng Yêu thương quý trọng nhau, lại nữa vì con người bất toàn nên nhờ Lòng Nhân mà bao dung được nhau, chấp nhận nhau cả cái Tốt lẫn cái xấu để sống Hoà với nhau, vì Hoà là nền tảng của hạnh phúc.

Nghĩa thuộc về nguồn Lý là trách nhiệm mỗi người phải **sống hai chiều “ có Đi có Lại “ với nhau (Đồng đồng vãng lai) để giữ lẽ công bằng, đó là nguồn sống Hoà với nhau.** Nghĩa còn được chi tiết hóa ra “ **Lễ, Trí, Tín** “ .

***Lễ** là trọng Mình và trọng Người (Cung Kỹ kính Tha), có biết trọng Mình thì mới trọng Người được.

***Trí** là Hiểu Mình để hiểu Người (Tri Kỹ tri Bi), có hiểu mình là Người thì mới hiểu người ta như là con Người được. Mình không đứng vào hoàn cảnh người ta thì không hiểu Người được, không hiểu Người gây ra bất hòa.

***Tín** là tin Mình và Tin Người, (Tín Kỹ tin Tha Mình có biết giữ chữ Tín với chính mình thì người ta mới tin Mình được. Con Người khi không có niềm Tin thì chẳng làm gì đến nơi đến chốn.

Tất cả 4 chữ **Nghĩa**, **Lễ**, **Trí**, **Tín** đều là cung cách thể hiện lối sống công bằng để hoà với nhau. Đó là lối sống “**Hợp Nội Ngoại chi Đạo**”, nghĩa là “**Ngoài thì là Lý, nhưng Trong là Tình**”: Trong là trong mỗi cá nhân phải tu dưỡng cho được Lòng Nhân, Ngoài là mỗi người phải hành xử theo đức Nghĩa để sống công bằng với tha nhân ngoài xã hội.

Nên nhận biết **Tình Lý** chỉ là một. Khi xử **Tình** phải có **Lý** công chính hướng dẫn để khỏi bị thiên vị gây ra bất Hòa, khi xử **Lý** thì phải có **Tình** bao bọc chở che để khỏi sa vào **Duy lý** cực đoan mà tạo ra bất Công. **Tình** và **Lý** là một như **Sóng** và **Hạt** của ánh sáng: **Ánh sáng** được truyền đi vừa theo làn sóng hình sin **Bao** quanh dòng hạt **photon** truyền theo **Đường thẳng**, cả hai đều không thể tách rời (Theo **Louis De Broglie**)

Sống cho được **Tình Lý** tương tham hàng ngày từ trong nhà ra ngoài xã hội là khó khăn vô cùng, nhưng đó là cùng đích của cuộc sống Hòa trong **Gia đình** và **Xã hội**.

Tương dung: Con người được sinh ra với những bản chất khác nhau, sống trong những môi trường khác nhau, những tư tưởng, hành động và sinh hoạt khác nhau, nên khó mà hiểu nhau để chấp nhận sống chung hoà hợp với nhau. Chỉ có **Nhân ái** và **Nghĩa công chính** mới điều hợp được những sự bất cập, những ngộ nhận, cũng như các dị biệt về **Tình Tốt** và **Xấu** của nhau. Để sống Hoà với nhau mọi người phải nhận ra mình là con người “**Quý Thần chi hội**”, là con Người “**Đang Thành**”, đang cố hoàn thiện mọi **Việc Làm** và mọi **mối Liên hệ** để ngày càng đổi mới hơn mà vươn lên trong đời sống **Nhân Nghĩa**. Đây là cuộc cách mạng đi vào **Nội tâm** của chính **Mình** để **Mình** biết trọng **Mình** cũng như trọng **Người** khác như **Mình**, khi ra hành động ngoài xã hội thì mới có thể ăn ở công bằng mà sống hoà với nhau, nhất là phải biết bao dung nhau để không bị phân hoá. **Chừng nào con Người coi trọng việc tu Thân để ăn ở hòa với nhau thì xã hội mới yên ổn.**

Nhưng ngày nay nhiều người cho việc tu Thân đã lỗi thời, nên khi gặp khó khăn trong cuộc sống là đi tìm phép lạ Ngoài con Người mình cho dễ và đỡ phiền phức, họ khinh khi người khác, coi thường đồng bào, họ làm cách mạng với một nhóm nhỏ, mà chỉ thích làm chuyện bí mật to lớn xa lạ với con Người, nên không bao giờ tới đích. Còn một số phe phái đều được trang bị với các **đội Đũa Tre** khác nhau, cứ làm tưởng là **Đũa Thần** rất **Linh**, nhưng khi thực hiện không kết quả mà cũng chẳng nhận ra đó là thứ **Đũa Tre “Duy Lý”** chẳng **Linh** chút nào cả!

2.- “**Khó**” là do mình **Biết** mà không **Làm**, khi **Làm** thì **Tất cả** phải cùng làm, không chỉ làm những việc bề Ngoài, xa lạ với con Người, mà khởi đầu từ những việc bề Trong nơi con Người. Ngoài ra phải làm từ cái dễ đến cái khó, phải làm hàng ngày, làm suốt đời. Cái làm lớn nhất là mình khinh khi cái gần, cái nhỏ, cái tầm thường. . . cứ mãi mê đi tìm cái cao xa, cái mới lạ, cái phi thường, cái **Đời** sau mà quên thực hiện những cái thiết thân cho hàng ngày **Đời** nay, không nhận ra công nghiệp của mình là do việc mình xây dựng trong từng giây từng phút **đời** nay, cứ mang ảo tưởng **Đời** sau, nên **Đời** sau chỉ là ảo tưởng. Không có đức **Dũng** thì không thể kiên trì sống theo lối đường mòn **Dễ dàng** và **Giản dị** của **Tổ tiên** vì nó đòi hỏi phải làm thường xuyên liên tục những cái nhỏ, tầm thường mà vươn lên.. Đây là công việc của cả **Nước** của cả loài **Người** chứ không phải từng cá nhân, vì **Nhân loại** có chung những môi trường sống có liên quan mật thiết với nhau, bất cứ hành động của cá nhân nào cũng ảnh hưởng đến môi trường sống chung, nếu đa số có làm mà một số không làm hay làm

bậy cũng có ảnh hưởng xấu chung cho toàn thể. Do đó cần phải có một phong trào để chấn hưng và duy trì Dân Khí cả Dân tộc. Dân tộc chúng ta bị điều linh là vì thiếu Tinh thần Liên đới trách nhiệm, do quên Tình Nghĩa Đồng bào. Đây là trọng trách của các vị Lãnh đạo tinh thần cũng như các vị Trí thức mọi ngành. Các vị có cứu được Đời nay mới hy vọng được cứu rồi được chính Minh ở Đời nay, Đời sau và cả Dân tộc nữa.

Các Tôn giáo khác đều có Tinh thần như thế, nhưng phải tìm ra phương cách thích hợp có hệ thống để đem thực hiện vào đời sống hàng ngày mới hữu hiệu.

Nói tóm lại, đây là cuộc Cách mạng xây dựng con Người và Dân tộc , là phương cách Đem Đạo Lý vào Đời rất độc đáo, chứ không là cuộc Cách mạng bạo động để cướp bóc phá hoại.!

I.- Lời kết

Vì vậy mà không có cuộc cách mạng Tâm linh để sửa lại con Người vong Nhân, vong Thân là lỗi lầm to lớn hàng đầu, mọi sự tốt xấu trong xã hội đều do con Người làm ra, làm cách mạng Dân chủ mà quên con Người Nhân chủ thì chỉ làm được cuộc cách mạng Dân chủ vô nền, vì chỉ có con Người Nhân chủ mới có khả năng thực hiện được nền Dân chủ, vì chỉ có những người Nhân chủ mới làm chủ được Đất nước trong mọi lãnh vực . Cứ mê mãi làm cách mạng ngoài xã hội, mà quên chính Minh (vong Thân) và quên con Người (vong Nhân) quên Dân tộc (vong Quốc) thì chỉ xây dựng được một nền Dân chủ trên cát, vì mới có Dân mà chưa có Nhân, Dân mà thiếu Nhân thì không thể làm Chủ được, không có khả năng làm Chủ thì chỉ có khả năng làm đầy tớ mà thôi.. Phải phát động một phong trào để cùng nhau vừa học vừa làm hai cuộc cách mạng Tâm linh (Nội Tâm) và Dân chủ (Ngoài Xã hội) cùng một trật. Một nền Dân chủ mà đi được với hai chân thì khó mà bị vấp ngã, vì không để cho mầm Bá đạo, Độc tài chớm nở trong lòng mỗi con dân của Dân tộc, nếu họ biết sống thực sự theo đường Nhân Nghĩa.

Chúng tôi thành thực xin lỗi, cứ nhai đi nhai cái Đạo Thường gồm những vấn đề Thường hằng của Tổ Tiên, đó là những thứ quá tầm thường như Cơm ăn, Áo mặc, Nước uống, Không khí để thở, Tự do để phát triển, toàn là nhu yếu của con người, những thứ này ai mà chẳng biết, cứ bàn hoài thêm nhảm tai, nhưng khổ nỗi thiếu những thứ nhu yếu ấy thì con Người hết đất sống và cứ mãi dành dật nhau, xâu xé nhau mà đưa nhau xuống vực thẳm!.

Tóm lại, nền Văn Hoá Tổ Tiên mang tính chất ” Tinh / Lý tương tham “, Tình thì U linh man mác, uyển chuyển có thể cảm nhận (feeling) , Lý (thinking) thì rõ ràng khúc chiết, nên những người Duy Lý nhất là Duy Lý cực đoan, nếu không đi về nguồn Tâm linh, thì khó mà liễu hiểu được!

Trân trọng ,

Việt Nhân. 09/2020

THAM CHIẾU

(1) : Bài viết của ông Phạm Khiêm Ích

Bác Nguyễn Khắc Mai – Giám đốc Trung tâm Minh Triết yêu cầu tôi viết phản biện bản báo cáo “**Minh Triết như là nghệ thuật chính trị và giá đỡ quyền lực**” của TS. Lê Công Sự. Tôi (Ông Lê An Vi) rất ngần ngại, nhưng không từ chối được. Vì vậy, tôi viết mấy lời chia sẻ với TS. Lê Công Sự theo tinh thần câu đồng tồn dị.

1. Trước hết tôi trân trọng ý tưởng tốt đẹp của tác giả khẳng định mạnh mẽ “mối **quan hệ giữa Minh Triết với quyền lực và chính trị**, theo đó Minh Triết như là nghệ thuật làm chính trị và giá đỡ cho quyền lực, nêu quyền lực đó muốn tồn tại lâu dài” (Tr.2)

Để làm rõ nội dung cơ bản này của bản báo cáo, tác giả đã tiến hành khảo sát tư tưởng của một số triết gia cổ đại cả phương Tây lẫn phương Đông.

Qua việc phân tích các tác phẩm tiêu biểu **Republic** (Nền cộng hòa) của Plato và **Politic** (Chính trị học) của Aristotle, TS. Nguyễn Công Sự khẳng định những giá trị minh triết trong các tác phẩm này là những khuôn vàng thước ngọc cho các chính khách đương thời xây dựng nên một mẫu hình nhà nước cổ điển Hy Lạp, La Mã chẳng những có giá trị đương thời mà còn có ý nghĩa lâu dài trong lịch sử.

Ở phương Đông, tác giả đã dành nhiều trang phân tích những tư tưởng triết học của Khổng Tử, Lão Tử và Hàn Phi Tử để khẳng định vai trò quyết định của những tư tưởng ấy đối với đường lối cai trị đất nước. Tác giả chú trọng đặc biệt đến đường **lối nhân trị và đường lối pháp trị**, hai đường lối khác nhau, có khi dung hòa với nhau, hoặc đối lập nhau, nhưng đều “hàm chứa nhiều giá trị minh triết” (Tr.6, Tr.8)

Phần cuối bản báo cáo, tác giả nhìn thẳng vào tình hình hiện tại, phân tích những biến động của thế giới trong suốt thế kỷ qua với những cuộc chiến tranh khốc liệt nhất, khủng hoảng môi trường nghiêm trọng nhất, phát sinh nhiều căn bệnh hiểm nghèo nhất.

Tình trạng trên đây, theo tác giả là do hai nguyên nhân:

•
- **Ý thức hệ giai cấp**, dẫn đến cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội.

- Nhân loại bận rộn với những sự kiện lịch sử hiện thực mà quên vấn đề minh triết.

Để khắc phục những nguyên nhân này phải thiết lập một nền giáo dục tích hợp những giá trị văn hóa Đông – Tây. Đồng thời phải thay thế các hệ tư tưởng bằng việc thiết lập một lĩnh vực tinh thần mới, lĩnh vực của Tâm Linh Trắng (White Spirituality), của Minh quyền (Sophiosphere).

Điểm lại một số nét tiêu biểu trên đây, tôi muốn khẳng định rằng đây là báo cáo khoa học công phu, đặt và giải quyết vấn đề khá mạch lạc, có chất lượng cao.

2. Điều tôi rất băn khoăn là bản báo cáo chưa trả lời một câu hỏi căn bản: Thế nào là “**quyền lực**” và minh triết có thể và cần phải “**làm giá đỡ**” cho thứ quyền lực nào? Đây là câu hỏi không thể không trả lời rõ ràng, bởi nó nằm ở trung tâm bản báo cáo có tên gọi ngắn gọn là “**Minh triết và Quyền lực**”.

Theo tôi hiểu, ngày nay có rất nhiều quan niệm khác nhau về quyền lực, về sử dụng quyền lực, cũng như cách thức phân loại các quyền lực: **quyền lực xã hội, quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, rồi cả quyền lực cứng, quyền lực mềm,**

quyền lực thông minh,... Nhưng có hai thứ quyền lực ghê gớm nhất được nói đến hàng ngày. **Đó là bạo lực và tiền bạc.**

Những kẻ độc tài từ xưa đến nay đều say sưa ca ngợi bạo lực, coi đó như là quyền lực thiêng liêng bất khả xâm phạm. Mao Trạch Đông nói trắng ra rằng “súng để ra chính quyền”, “chính quyền trên đầu ngọn súng”. Ông ta đề ra phương châm kỳ quặc cho phụ nữ Trung Quốc “Bất ái hồng trang, ái vũ trang” (Không thích trang điểm, chỉ thích chiến đấu).

Ngày nay các chế độ chuyên chế công khai chủ trương và cổ vũ cho “quyền lực tuyệt đối” của nhà nước, mà một nhà nghiên cứu đã nêu lên 6 đặc trưng chủ yếu của nó:

- Tính chất toàn trị, muốn kiểm soát không những mọi hoạt động, mà cả cách suy nghĩ và tình cảm của con người.
- Siết chặt hệ thống kiểm duyệt đối với mọi phương tiện truyền thông đại chúng.
- Ưu thích sử dụng bạo lực và khủng bố tinh thần dân chúng và để triệt hạ mọi sự bất đồng chính kiến.
- Ưu tiên phát triển quân sự và bộ máy an ninh, dùng nó như một nguồn sức mạnh chính để duy trì chế độ.

- Giành quyền quản lý kinh tế vào trong tay nhà nước.

- Tính chất dân tộc cực đoan.

Đối với thứ quyền lực này, chẳng minh triết nào có thể làm “giá đỡ” cho nó được, hơn nữa nó cũng chẳng cần bất cứ thứ minh triết nào cả. Vì vậy, tôi muốn đề nghị bổ sung và cụ thể hóa chủ đề thảo luận Minh triết và Quyền lực thành Minh triết “dân vui, nước mạnh” và Quyền lực đích thực. Hai khái niệm này tôi mượn của Thiền sư Thích Nhất Hạnh 88 tuổi vừa qua con đột quỵ và của học giả Hoàng Ngọc Hiến (1930-2011) mà tôi hình dung ông vẫn hiện diện trong Lễ kỷ niệm 7 năm thành lập Trung tâm Minh triết hôm nay và có lẽ trong mọi cuộc thảo luận về minh triết của chúng ta.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã dành cả một quyển sách nói về quyền lực đích thực (The Art of Power. Chân Đạt chuyển sang Việt ngữ, NXB Tri Thức Hà Nội 2008). Theo Thiền sư: “**Xã hội chúng ta được xây dựng trên một khái niệm rất hạn hẹp về quyền lực, đó là giàu có, sung túc, thành công nghề nghiệp, danh tiếng, sức khỏe, sức mạnh quân sự và quyền năng chính trị.** Tôi xin đề nghị một thứ quyền lực khác, một thứ quyền lực vượt bậc, quyền lực giúp ta thoát khỏi sự ám ảnh của mê đắm, sợ hãi, tuyệt vọng, sự trần nự của kỳ thị, sân hận, ngu dốt; quyền lực giúp ta đạt được hạnh phúc ngay trong giờ phút hiện tại. Đây là một thứ quyền lực mà bất cứ ai sinh ra cũng có quyền hưởng, không phân biệt sang hèn, giàu nghèo, mạnh yếu”. Thiền sư gọi đây là thứ quyền lực đặc biệt, “một thứ quyền lực đích thực, **đó là tự do, an ninh và hạnh phúc,** mà tất cả chúng ta đều mong muốn, **noi đây, ngay bây giờ,** cho chính chúng ta, cho gia đình, cộng đồng, xã hội và cho cả hành tinh”. (Tr.9. Người trích nhấn mạnh)

Thiền sư nhấn mạnh “Năm Quyền Lực Tâm Linh” (Ngũ Lực). “Điều mà phần đông chúng ta gọi là quyền lực thì đạo Phật gọi là tham dục. Có năm thứ tham dục.

Đó là tham tiền (tài), tham danh (danh), tham sắc (sắc), tham ăn (thực) và tham ngủ (thù).

Trái lại đạo Phật nói tới năm quyền lực chân thực, năm thứ đó là: **tín, tấn, niệm, định và tuệ.**

Năm nguồn năng lượng này là nền tảng của **hạnh phúc chân thực...**”

Con người ta chỉ thật sự hạnh phúc khi có quan hệ tốt đẹp với những người khác và với sự sống chung quanh. Nếu không họ sẽ cô độc trong thế giới riêng của mình, không bạn tri âm, không người tri kỷ. Bởi vậy “**Tình thương là rất thiết yếu cho hạnh phúc**” (Tr.22)

Điều này không những đúng cho từng cá nhân mà còn đúng cho một số quốc gia.

Cho nên có thể định nghĩa của phát triển là hạnh phúc. **Phải đo mức độ phát triển bằng hạnh phúc chân thật.** Theo Thiền sư “một quốc gia văn minh là một quốc gia

- trong đó nhân dân có một đời sống sâu sắc, có thì giờ yêu thương, chăm sóc gia đình và cộng đồng”.

Không những phải có quan niệm đúng về quyền lực, mà còn cả về “**nghệ thuật sử dụng quyền lực**”. Nhiều nhà lãnh đạo kinh tế hay chính trị luôn tranh giành quyền lực và hình như họ không bao giờ thấy đủ. **Sự tham lam và tranh giành quyền lực thường dẫn tới lạm dụng quyền lực, sử dụng quyền lực sai lầm.** Đây là nguyên nhân đầu tiên gây nên bao nhiêu đau khổ. Cần khẳng định mạnh mẽ rằng: “**Đường lối sử dụng quyền lực không phải là vấn đề tâm linh, mà là chuyện sống chết của cả một quốc gia.** Những nhà lãnh đạo kinh tế và chính trị là những người có rất nhiều quyền lực trong xã hội. Họ nắm định mệnh của chúng ta bằng nhiều cách.

Chúng ta phải tìm cách giúp họ sử dụng quyền lực một cách khôn ngoan”. Cần nói rõ với họ rằng những quyết định của họ có thể không được đa số dân chúng trong nước hay trên thế giới ủng hộ. Chúng ta cần giúp họ tránh sử dụng sai lạc và hủy diệt quyền lực mà chúng ta đã tin tưởng giao phó cho họ. Nhân dân cần phải giám sát họ. **Quyền lực đích thực, quyền lực tâm linh, có thể coi là để giám sát quyền lực chính trị và kinh tế.**

Quyền lực đích thực rất cần có một “giá đỡ” vững chắc. **Đó là Minh triết “dân vui, nước mạnh”.** Học giả Hoàng Ngọc Hiến có ý kiến rất sâu sắc: “**Dân giàu, nước mạnh**” – đó là văn minh. “**Dân vui, nước mạnh**” – đó là văn hóa. Dân giàu, dân vui thì nước mới thực sự mạnh. Các sức mạnh văn hóa có vai trò quyết định làm cho “dân vui, nước mạnh”. Từ ngàn xưa tâm thế “vui cười” đã là sự lựa chọn của Minh triết Việt...”Không có minh triết “dân vui, nước mạnh”, thì dân có thể “giàu”, nước có thể “mạnh”, nhưng khó mà nói là có hạnh phúc” (Hoàng Ngọc Hiến. Luận bản Minh triết & Minh triết Việt. NXB Tri Thức. Hà Nội 2011, Tr.148- 149)

Như thế là cả quyền lực đích thực và Minh triết “dân vui, nước mạnh” đều có chung một cốt lõi, đó là hạnh phúc “hạnh phúc ngay trong giờ phút hiện tại” của đông đảo nhân dân.

Từ quan niệm về quyền lực và minh triết trên đây, tôi muốn trở lại trao đổi với TS. Lê Công Sự về “nhiều giá trị minh triết” hàm chứa trong tư tưởng pháp trị của Hàn Phi, giúp cho nhà Tần thống nhất được các cát cứ phong kiến về một mối, lập nên một đất nước Trung Quốc rộng lớn như ngày nay. “Tư tưởng đó đồng thời tạo tiền đề lý luận cho sự ra đời của lý thuyết về nhà nước pháp quyền sau này ở phương Tây. Nhà nước pháp quyền xuất hiện như một bước ngoặt cách mạng làm thay đổi cán cân quyền lực chính trị. Dân chủ và nhân quyền được đặt lên vị trí hàng đầu, người dân trở về với vai trò “động vật chính trị” như Aristotle nói” (Tr.8).

Đánh giá về nhân trị và pháp trị là vấn đề lớn, phức tạp, khó có thể trình bày đầy đủ trong bài phản biện này. Tôi xin dẫn lời một số chuyên gia Trung Quốc và Việt Nam để nói rằng gắn pháp trị với nhà nước pháp quyền là sai lầm nghiêm trọng, một đảng là chuyên chế, một đảng là dân chủ.

Học giả Phùng Hữu Lan trong cuốn “Lược sử triết học Trung Quốc” nói rằng: “...thật là sai lầm nếu ta liên hệ tư tưởng pháp gia với môn luật học. Theo từ ngữ hiện đại, cái mà học phái này rao giảng chính là lý thuyết và phương pháp để tổ chức và lãnh đạo. Nếu ai muốn tổ chức và lãnh đạo quần chúng, sẽ thấy rằng lý thuyết và thực hành của pháp gia vẫn còn hữu ích, nhưng chỉ khi nào họ muốn đi theo hướng độc tài chuyên chế” (Phùng Hữu Lan. A Short History of Chinese Philosophy. Lê Anh Minh dịch, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 2013, Tr.170.

Người trích nhân mạnh)

Còn nói rằng tư tưởng pháp trị “tạo tiền đề lý luận cho sự ra đời của lý thuyết về nhà nước pháp quyền...” thì thật ngược đời. Các triết gia Trung Quốc chỉ biết đến nhà nước pháp quyền Âu – Tây từ giữa thế kỷ thứ XIX, sau Nha chiến tranh (1840-1843 và 1856-1860). Các học giả Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê viết: “... sau cuộc Nha chiến tranh, đa số các triết gia Trung Hoa tán thưởng văn minh Âu – Tây, muốn đập đổ chính thể chuyên chế mà lại đề cao pháp trị,

tôn trọng quy tắc phân quyền, tách rời quyền lập pháp, quyền tư pháp và quyền hành chính để bênh vực nhân dân mà áp chế quân chủ. Nhưng chính sách pháp trị của họ, khác hẳn chính sách quân chủ chuyên chế của Thương Ưởng, Hàn Phi, Lý Tư và giống chính sách dân chủ pháp trị của những chính thể Âu châu hiện nay”. (Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê. Đại cương triết học Trung Quốc. Quyển hạ. Sài Gòn, Cao Thơm 1966, tr.605-606).

Các học giả Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê đã đề cập đến Nhà nước pháp quyền với nguyên tắc tam quyền phân lập và vai trò của nó trong việc đập đổ chế độ chuyên chế bạo tàn. Có nhà nước pháp quyền thì “tương lai của nền dân chủ sẽ được đảm bảo” như Abraham Lincoln Tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ đã khẳng định. Năm 1863 ông tuyên bố: “Chính quyền của dân, do dân, vì dân sẽ không lụi tàn khỏi mặt đất”. (“Government of the people, by the people, for the people, shall not perish from the earth”. Gettysburg Address, 19 November 1863).

Tháng 12 năm 2013 khi ứng cử vào Hội đồng nhân quyền Liên Hợp Quốc, chính phủ Việt Nam đã trình trọng hứa thực hiện 14 điều cam kết, trong đó điều 3 khẳng định: “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền, củng cố các tổ chức quốc gia bảo vệ nhân quyền...” (“Continue to improve

the legal and judicial systems, build a rule-of-law State and strengthen national institutions protecting human rights...”)

Nhưng trái với những điều cam kết, các nhà lãnh đạo Việt Nam không xây dựng Nhà nước pháp quyền, lại ra sức củng cố và thực thi “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” – một biến thái của Nhà nước chuyên chính vô sản, theo định nghĩa của Tổng Bí thư Lê Duẩn: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Đó là chuyên chính vô sản ở Việt Nam”.

Đánh tráo khái niệm “Nhà nước pháp quyền” bằng “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” là không thể chấp nhận được, vì nó thay thế dân chủ bằng chuyên chính.

Cần nhấn mạnh rằng không ở đâu trên thế giới này nhà nước chuyên chính, chế độ cực quyền có thể đem lại tự do, hạnh phúc cho con người, làm cho dân vui nước mạnh. Nó chỉ dẫn dắt nước tới chỗ yếu kém, nhân dân buồn khổ và nhân loại yêu chuộng hòa bình khinh ghét.

Ngày nay chúng ta thảo luận về Minh Triết và Quyền lực trong điều kiện mới, khi cả Minh triết lẫn quyền lực đều đã biến đổi căn bản.

Tri thức đã trở thành một quyền lực mới (Xem Alvin Toffler. Powershift:

Knowledge, Wealth, and Violence at the Edge of the 21st Century. Bantam Books, 1990 – Sự chuyển đổi quyền lực: Tri thức, Của cải và Bạo lực ở ranh giới thế kỷ XXI) Trong cuốn sách này, nhà tương lai học Alvin Toffler xem xét sự vận động và phát triển của chính bản thân quyền lực qua các hình thức phát triển từ bạo lực (violence) đến của cải (wealth) rồi đến tri thức (knowledge). Quyền lực – tri thức khác hẳn các hình thức quyền lực trước đó – quyền lực – bạo lực và quyền lực – của cải. Là của cải tượng trưng, một thứ tài sản vô hình, tri thức mang trong mình nó tiềm năng dân chủ hóa mạnh mẽ. Không như bạo lực và của cải chỉ tập trung trong tay một thiểu số, được gọi là những “kẻ mạnh”, tri thức ngày nay được phân bổ rộng rãi, trở thành tài sản chung, thành chìa khóa dẫn đến thành công cho số đông.

Alvin Toffler đã khẳng định thuyết phục về sự nổi lên của tri thức như một nguồn sức mạnh mới của con người, trở thành động lực cho sự phát triển của nhiều quốc gia. Nó là ngọn nguồn của sáng tạo và là yếu tố chủ lực cho sự thay đổi thế giới trong nền văn minh trí tuệ hiện nay. Có nhiên khi đã trở thành quyền lực mới, tri thức càng cần phải được giám sát bởi xã hội, đảm bảo cho nó có những điều kiện tốt nhất để phát triển, để được chia sẻ và được sử dụng vì lợi ích chung, vì mục tiêu cao cả của nhân loại.

•

Theo dõi quá trình chuyển đổi và phát triển của quyền lực có thể khẳng định rằng nếu Minh triết không thể sống chung với bạo lực và cũng rất khó sống trong thế giới tôn sùng của cải, tiền bạc, thì nó có thể bùng nổ và phát triển sáng tạo khi tri thức trở thành quyền lực mới.

Giờ đây Minh triết và triết học cũng như nhân văn học nói chung đã phát triển sang giai đoạn mới. Giáo sư Mikhail Epstein trong cuốn sách mới đây Bản Tuyên ngôn về Nhân văn học biến đổi (The Transformative Humanities. A Manifesto. Bloomsbury Publishing Plc. New York-London 2012) đã khẳng định sự ra đời của Triết học và Minh triết mới.

Mikhail Epstein (sinh năm 1950) vốn là nhà nghiên cứu lý luận văn học Liên Xô.

Ông rời bỏ Moskva sang Atlanta Hoa Kỳ năm 1990, trở thành giáo sư trường Đại học Emory ở Atlanta, đồng thời là giáo sư trường Đại học Durham ở Anh quốc.

Ông sang Anh quốc (Durham) sinh sống từ năm 2012. Ông là chuyên gia nghiên cứu liên ngành trong nhân văn học (Humanities – thường gọi là “khoa học nhân văn”. Mikhail Epstein xem nhân văn học bao gồm: triết học, văn học và ngôn ngữ học). Ông chú trọng đặc biệt đến sự biến đổi cách mạng trong nhân văn học mà ông gọi là “sự chuyển đổi chuẩn thức” (Paradigmatic Shifts – khái niệm của Thomas Kuhn) dẫn đến sự hình thành nhân văn học mới.

Giáo sư Mikhail Epstein nêu lên lý thuyết đa bộ môn nghiên cứu sophia, được gọi là sophian disciplines, hay là polysophianism. Chữ sophia thường được dịch là sự khôn ngoan, sự hiền minh, hoặc minh triết (wisdom). Triết học là một trong những bộ môn nghiên cứu sophia (xem sách trên, tr.256,260).

Theo Mikhail Epstein trong nhân văn học hiện đại đang diễn ra sự chuyển từ triết học phân tích (philosophy of analysis) sang triết học tổng hợp (philosophy of synthesis). Ông gọi đó là triết học mới (new philosophy). Hiện đang có “sự trở lại của triết học với minh triết” (Philosophy’s return to wisdom) và cuộc tương tác mới giữa minh triết với triết học đang diễn ra.

Mới đây, ngày 01/11/2014 tại Hội thảo khoa học “Triết học, Triết lý, Minh triết” do Trung tâm Minh Triết và Trung tâm Khoa học Tư duy tổ chức, tôi có trình bày quan niệm mới về triết học và minh triết qua công trình tiêu biểu của UNESCO: Triết học, một Trường học của Tự do (La philosophie, une École de la Liberté. Éditions UNESCO, 2007). Tôi cũng trình bày quan điểm của Đại hội Triết học Thế giới lần thứ XXIII tại Athens, Hy Lạp tháng 8 năm 2013 về “Triết học với tính cách là Minh triết thực tiễn” (Philosophy as Practical Wisdom), và quan niệm của Edgar Morin về Minh Triết như là “Nghệ thuật Sống” (L’art de Vivre), là “chất thơ” của cuộc đời.

• Những thành tựu mới, quan niệm mới trên đây rất có ích cho chúng ta trong việc đặt và giải quyết những vấn đề triết học và minh triết quan trọng của đất nước trong thời hội nhập quốc tế hiện nay.

Ngày cập nhật: 10/1/015

(2).- **Trích 6 bài thơ của Cụ Nguyễn Bình Khiêm có liên quan đến Tinh thần thẳng Bờm**

Của nặng hơn người

Đời này Nhân Nghĩa tựa vàng mười (1),
Có Của thì hơn hết mọi Lời.
Trước đến tay không, nào thốt (2) hỏi,
Sau vào gánh nặng (3), lại vui cười.
Anh anh, chú chú, mừng hơn hớn,
Rượu rượu, chè chè (4), thế tá toi.

**Người Cửa, lấy cân ta thử nhắc,
Mới hay rằng Cửa nặng hơn Người.**

Bạch Vân Quốc Ngữ Thi Tập - Nguyễn Bình Khiêm

(1) Chú thích: vàng mười. Thứ vàng mười tuổi. Chữ Hán gọi là "thập thành kim", một thứ vàng quý nhất. Câu thơ có nghĩa đen rất mỉa mai: nhân nghĩa tựa vàng, vàng là nhân nghĩa (ý này chuyển xuống câu 2).

(2) Chú thích: thốt. Tiếng cô, nghĩa: nói năng. Thốt hỏi: ở đây có nghĩa là chào hỏi

(3) Ý chỉ của cái nhiều.

(4) Rượu chè.

Giới tham

(Răn người có lòng tham)

Tượng trời (1) âu đã quá đồng cân,
Định cho ai, ắt có phần.

Muốn vô nhai (2), khôn lẽ được,

Ơn phi phận (3), khá đều phân.

Đủ no hay vậy, xin thông thả,

Sạo sục (4) làm chi, luống nhọc nhằn!

Nếu tham hơn thì phải thiệt,

Hãy ghi lời ấy để mà răn.

Bạch Vân Quốc Ngữ Thi Tập - Nguyễn Bình Khiêm

(1) Chỉ đồng tiền (được đúc tròn theo tượng trời). Câu này ý nói: đồng tiền được đúc theo tượng trời, ắt cũng cân bằng, không thiên lệch.

(2) Ý nói trong bụng quá tham, không biết thế nào là bờ bến

(3) On huệ vốn không phải phần mình đáng được hưởng

(4) Tiếng cô, nghĩa: nôn nóng, bồn chồn .

Giới dĩ phú lãng bần

(Răn người cậy giàu mà coi thường người nghèo)

Kẻ khó thường làm ích kẻ giàu,

Ở thì phải ngẫm, biết nhường nhau,

Bán kia, chẳng nở mua cho rẻ,

Vay nợ, xin đừng lấy lãi đau.

Bớt nổi sai đời làm độc khổ (1),

Thôi thì đã trả hãy cơ cầu (2).

Nặng lòng Nhân Nghĩa hay thương khó,

Giàu ấy hầu toan mới được lâu (3).

(1) Bớt nổi sai đời làm độc khổ, Ngày trước, những nhà giàu chuyên môn làm nghề cho vay lấy lãi, gọi là "chủ nợ", người nghèo khó đi vay, gọi là "con nợ". Nếu đến hạn mà con nợ chưa trả, thì chủ nợ có quyền cho bọn tay sai đến nhà con nợ thúc giục trả nợ, thì chúng giữ đủ mảnh khoé độc ác, nào giết gà, đánh chó để ăn, lên giường thờ ông bà ông vải của người ta để ngủ, v.v... Khi chúng ra về, con nợ còn phải có tiền hoặc phẩm vật gì tiền chúng thì mới xong xuôi.

(2) Hễ cơ cầu: hễ còn cơ cầu (ác nghiệt). Ý nói khi con nợ đã trả đủ gốc và lãi rồi, chủ nợ hễ còn yêu sách phải tạ ơn nãi chuối, buồng cau, hoặc con gà, quả gạo nếp, thủ lợn.

(3) Nặng lòng nhân nghĩa hay thương khó, Giàu ấy hầu toan mới được lâu. Câu 7, 8 ý tác giả khuyên người đời khi đã giàu có rồi, muốn được bền thì phải có lòng nhân nghĩa đối xử với mọi người, đặc biệt là phải thương kẻ nghèo hèn đói khổ. Rõ ràng lời khuyên vẫn bao hàm cái ý chấp nhận trật tự phong kiến, có kẻ giàu người nghèo, vì tác giả không vượt nổi ra ngoài ý thức hệ phong kiến.

Dại khôn

**Làm người có Dại mới nên Khôn,
Chớ Dại ngậy si, chớ quá Khôn.
Khôn được ích mình, đừng rẻ Dại,
Dại thì giữ phận chớ tranh Khôn.
Khôn mà hiểm độc là Khôn dại,
Dại vốn hiền lành ấy dại Khôn.
Chớ cậy rằng Khôn khinh kẻ Dại,
Gặp thời, Dại cũng hoá nên Khôn.**

Bạch Vân Quốc Ngữ Thi Tập - Nguyễn Bình Khiêm

(Ở đời Khôn Dại chia hai)

Dĩ hoà vi quý

Ở thế, đừng tranh tiếng trượng phu (1),
Làm chi cho có sự đôi co (2).
Đây cậy đây Khôn, đây chẳng chịu,
Đấy rằng đấy Phải, đấy không thua.
Duật nợ mưa còn đua với **Bạng** (3),
Lươn kia hầu dễ kém chi **Cò** (4)?
Chữ rằng: "**Nhân dĩ hoà vi quý (5)**",
Vô sự thì hơn, kéo phải lo.

Bạch Vân Quốc Ngữ Thi Tập - Nguyễn Bình Khiêm

(1) Người đàn ông tài giỏi. Ý câu thơ răn người ta ở đời đừng có tranh hơn thua, tranh lấy cái tiếng tài giỏi.

(2) Tranh cãi giằng co nhau về một việc gì

(3) Duật nợ mưa còn đua với bạng. Duật: một loài chim nước. Bạng: con trai. Câu này dẫn điển "bạng duật tương tri, ngư ông đắc lợi" trong Chiếu quốc sách: Một hôm, con trai lên bãi cát mở miệng phơi nắng, con cò (duật) đến mổ vào thịt con trai, con trai liền khép vỏ lại, cặp chặt lấy mỏ con cò. Hai con giành nhau mãi, sau bị người chài bắt được cả đôi.

(4) Lươn kia hầu dễ kém chi cò. Lươn: thân dài, có thể quấn chặt được thân cò. Cò: mỏ dài, có thể mổ vào thịt lươn. Ý nói mỗi bên đều có sở trường để đối địch với nhau.

(5) Nhân dĩ hoà vi quý. Người ta ở đời nên lấy sự hoà hảo với nhau làm điều cốt yếu.

Thú Điền viên

Lộ là Thành thị với Lâm tuyền,
Được thú thì hơn miễn phận bàn.
Bồi vụng bắt tài nên kém bạn,
Âu giả vô sự cũng là tiên

**Đồ thư một quyển, nhà làm của;
Phong nguyệt năm hồ, khách nổi thuyền
Dù nhần chê khen, dù miệng thề;
Cơ mầu Tạo Hoá mặc tự nhiên.**

NHỮNG DỊ BIỆT GIỮA HAI NỀN TRIẾT LÝ ĐÔNG TÂY(Kim Định)

TỰA

Nhan đề sách nói lên phương pháp tỉ giáo mà chúng tôi sẽ áp dụng cho toàn bộ Triết lý An vi.

Tỉ giáo hay là so đo giữa cái này với cái kia là lỗi giúp nhiều nhất cho việc nhận thức ra sự dị biệt, cũng như chỗ hay chỗ dở của mỗi bên. Ở đây so sánh **hai nền Triết lý Đông Tây** tức là **so sánh Đông Tây ở đợt sâu xa nhất**. Vậy mà ngay từ đó cũng đã có khác biệt nhau thì sự dị biệt thuộc Cơ cấu chứ không phải chỉ hời hợt có tầng ngoài, cho nên Kipling vẫn có lý khi nói “**Đông là Đông, Tây là Tây và chẳng bao giờ hai bên đồng một**”.

Nhưng cũng chẳng nên đồng nhất mà **chỉ nên thống nhất tức hòa một, để bổ túc cho nhau dựng tạo ra nền Văn hóa Nhân sinh phong phú tràn đầy**. Không may cho tới nay con người lại đi lối đồng nhất: Tây đồng hóa Đông, và Đông thuận tình đi theo con đường đồng nhất đó. Nhưng đồng nhất là tai họa như chính Triết Tây đang bị.

Vì thế **chúng ta sẽ mở ra con đường hòa hợp, thống nhất**. Và bước đầu sẽ là nghiên cứu ở đợt cao nhất là Triết xem hai bên có những dị biệt nào. Và khi ấy chúng ta mới nhận ra là những nét dị biệt đó lại cần ngay cho Triết Tây nữa, chứ không riêng gì cho Triết Đông. Vì thế sẽ mở đầu bằng bài **sứ mạng Triết Đông** để nói lên nhiệm vụ cao cả của nó, nghĩa là nó không nên tự coi mình như một môn tri thức suông nhưng là **một nghĩa vụ cao cả cần thiết cho con Người ở tại vùn trời những nét đặc trưng của Triết Đông để chữa trị chứng bệnh thiên lệch của thế giới hiện nay là chứng một chiều kích**.

Vậy những nét đặc trưng đó, những dị biệt đó tóm vào ba mối là **Vô, Động, Lương**, hay nói rõ hơn là: giữa **Hữu với Vô** giữa **Tĩnh với Động**, giữa **Nhất với Lương**.

Nét dị biệt đầu tiên giữa Hữu với Vô là Triết Tây xây trên Hữu thể còn Triết Đông xây trên Vô thể. Và đó là bài **Tâm đạo**.

Bài II này nhấn mạnh đến **Triết Ấn Độ**, quê hương của **Vô thể, Vô vi**.

Nét hai là Động được bàn trong hai bài.

Bài III bàn về **Năng động tính của Triết Đông**.

Bài này sẽ nhấn mạnh đến **kinh Dịch**;

còn bài IV coi như **hệ luận của Động** là tính chất phạm trù nước đôi gọi là **Hồng phạm cửu trù**.

Phạm trù của Nho giáo ăn từ Hữu hạn sang bên Hồng phạm vô biên.

Đây là hai bài quyết liệt nói lên **Lưỡng nhất tính của Triết Nho là nền Triết chuyên bắc cầu giữa Thiên với Địa để gây nên cuộc thông hội, được biểu lộ ra bằng Ngũ hành.**

Vậy Hành sẽ là nét di biệt quan trọng thứ ba của Triết Đông.

Triết Tây hướng về khoa học thực nghiệm nên nếu có hành thì lấy sự vật làm đối tượng. Còn **Triết Đông thì lấy con Người làm then chốt** nên hành hướng vào con người, vì thế Triết không chú trọng đến biết chỉ để mà biết, nhưng biết để mà hành. Do đó **Triết được coi như Minh triết**, và Triết lý mang nhiều tính chất Xã hội, Chính trị, Luân lý nên cũng gọi là Đạo học. Đó là hai bài V và VI.

Đây cũng là hệ luận của **nét hai là Lưỡng nhất tính**, nhưng ở hai bài III, IV là **Hòa giữa Thiên Địa Nhân**. Còn ở hai bài V, VI là **Hòa giữa Ý, Tình, Chí**, mà hậu quả là **Hành theo sau Học**, quen gọi là học hành.

Đó là vấn đề lớn nên sẽ dành cho các năm chứng chỉ (như Tâm Tư), còn đây vì là bước đầu nên chỉ bàn ghé qua bằng đưa ra một hai điểm có thể hiện thực liên thí dụ **Quả đục**. Đó là đại để nội dung tập sách. Quyển này gồm những bài đầu tay nhằm khua động tâm thức độc giả để nhìn nhận trở lại những giá trị tinh thần của Đông phương đang bị hiểu lầm nên có phần hơi mạnh, mới đọc tưởng như một trái bom chống Văn hóa Tây phương, kỳ thực cùng lắm đó chỉ là tiếng nổ đi trước các tổng hợp, thiếu nó thì chỉ là tổng cộng. Thiếu tiếng nổ thì dưỡng khí và khinh khí không thành nước, cũng thế thiếu tiếng nổ trong Văn hóa thì các yếu tố Tây phương và Đông phương sẽ mãi mãi nằm chình ình bên cạnh nhau, tản mát tán loạn mà không làm nên được một luồng tư tưởng mới. **Tư tưởng mới của ngày mai sẽ mang tính chất Tâm linh, tư tưởng của hôm qua thì Duy Lý. Tâm linh không chống Lý trí nhưng duy lý chặn đường Tâm linh, nên tư tưởng hôm nay phải đả phá Duy Lý để dọn đường cho Tâm linh.**

Sự đả phá này khởi đầu do chính người Tây phương khai hỏa. Vậy thì đó quả là **sự nổ vỡ, nhưng không phải giữa Đông với Tây cho bằng giữa Cũ với Mới**.

Sở dĩ có thể nói Đông và Tây là vì **Đông còn giữ được Truyền Thống Tâm linh nhiều hơn**. Đó là một hai nhận xét cần thiết phải đặt nổi để Văn hóa có thể đi đến triệt để.

Triết lý không phải ngoại giao nhưng là một sự đi tìm câu chân lý mà chân lý chỉ tìm được ở chỗ cùng cực (Đạo vật chí cực). Vì thế hết mọi thiên tài đều đi đến cùng cực: tout génie est radical, cần phải nổ thì cứ nổ, thiếu nó thì chỉ là việc khảo cứu suông mà không gây nên được một nền thống nhất sống động cho Văn hóa.

Những bài này được viết vào quãng năm 1956-1961 nên có vài điều thuộc thời sự đã bị vượt qua, thí dụ địa vị quá thấp kém dành cho Triết Đông trong thời ấy (triết Tây 48 giờ, triết Đông chỉ có 12 giờ), hoặc **sự nhấn mạnh việc cản trở lại với nền cổ học Đông phương** (thì nay đã có khá rồi). Tuy thế tất cả được in ra y nguyên để chúng ghi lại ấn tích của giai đoạn giao thời, cũng như những khó khăn mà **thế hệ chúng ta đã phải khắc phục trong việc đòi lại chủ quyền Văn hóa cho quê nước**.

SỨ MỆNH TRIẾT LÝ ĐÔNG PHƯƠNG

1.- Có Triết lý Đông phương chăng?

Trước khi bàn đến sứ mệnh Triết Đông, tưởng nên thanh toán vấn đề có Triết Đông hay không? Vì nếu chưa chắc rằng có Triết Đông thì bàn sao được đến Sứ mệnh của nó. Nhắc tới vấn đề này, chúng tôi không khỏi thấy ái ngại, vì đang lúc ở đại học các cường quốc Âu Mỹ hầu hết đã có giảng đàn Triết Đông, nhiều nơi như Oxford, Honolulu, Harvard lập riêng ra một viện chuyên biệt về Triết Đông. Hơn thế nữa từ năm 1939 tới nay có cả thầy ba lần Hội nghị quốc tế để tìm một đường lối tổng hợp Triết lý Đông Tây, thì trên giải đất “Minh châu trời đông” của chúng ta còn phải đặt vấn đề có Triết Đông hay chăng? Như thế tránh sao khỏi hổ người. Hơn thế nữa câu trả lời “La philosophie Orientale! Ca n'existe pas...” (nguyên văn) của một ông tai to mặt lớn nọ trong Hội đồng giáo dục Quốc gia năm trước vẫn còn ngân vang trong chương trình cả trung lẫn đại học, nơi đó Triết Đông vẫn bị coi như một bà con nghèo: nghĩa là chỉ được dành một vài giờ sử rất bấp bênh và lạc lõng. Tình trạng tủi nhục đó hy vọng sẽ được chấm dứt ít lâu.

Nhắc tới việc Triết Tây làm Chủ nhân ông trong chương trình giáo dục nước nhà, chúng tôi không hề có ý than trách một ai, chỉ nhận xét một sự trạng tất nhiên gây ra do sự mất nước. Một khi chủ quyền chính trị, kinh tế đã lọt vào tay ngoại bang thì làm sao bảo đảm được quyền tự do tư tưởng. Phương chi sự trạng đó lại nằm trong một trào lưu lớn lao hơn, tức sự khuynh loát của ảnh hưởng Tây Âu trên các nền Văn minh cổ truyền.

Vì thế trước đây người ta cho rằng chỉ Tây Âu mới có Triết học cũng như chỉ Tây Âu mới có khoa học, không ai nghĩ tới việc phủ nhận điều ấy, và đó chỉ là một ý kiến thông thường phổ cập khắp Tây cũng như Đông trong thế kỷ 19, nên sự kiện bên ta nhiều người còn quan niệm theo như thế cũng là một chuyện thông thường. Nhưng mãi cho tới nay còn có người bênh vực cho ý nghĩ đó thì quả nước ta còn ở trạng thái kém mở mang cả về Tinh thần.

Xem sang nước người ngay từ thế kỷ 19, Schopenhauer đã cực lực tuyên dương Triết lý Ấn Độ. Về ảnh hưởng chung trong làng Triết, ông đã như ngôi sao sáng soi trên trời Triết Tây suốt bốn mươi năm, nên lời ông rất có hiệu lực. Tuy nhiên về phương diện tranh đấu cho Triết Đông chiếm được quyền công dân trong làng Triết, giáo sư Zimmer có thuật lại sự kiện lúc ông còn làm sinh viên, thì trừ giáo sư Deussen, môn đệ của Schopenhauer, ngoài ra rất ít người nghĩ rằng Đông phương có Triết lý. Và tiếng Triết lý Ấn Độ được coi như một danh từ mâu thuẫn chẳng khác chi như nói thép bằng gỗ, hay thỏ có sừng... Tất cả các giáo sư và giới Triết học thế kỷ 19 đều đồng thanh cho rằng tiếng Triết học này nở bên Hy Lạp và chỉ ở Hy Lạp mới có Triết lý, và ngày nay nó là di sản riêng của Âu Châu, không nơi nào khác có cả. Mặc dù những sử gia mà những người đứng đầu là Wilthem Dilthey, René Grousset v.v... đã tuyên dương sự cần thiết phải sát nhập tư tưởng Ấn Độ và Trung Hoa vào lịch sử tư tưởng nhân loại (Philosophie de l'Inde, Zimmer 30).

Người ta vẫn theo thiên kiến trên (Đông phương không có Triết học) vì nó được bảo trợ do những Triết gia lớn như Hégel. Bởi thế Triết Đông vẫn không được thừa nhận trong giới chính thức một cách dễ dàng. Nhưng ngày lại ngày những luồng tư tưởng đi sâu vào Đông phương trở nên đông thêm và người ta dần dần nhận ra thiên kiến trên kia là sai lầm. Nó chỉ là phát khởi do

sự quan sát vòng ngoại diện, hời hợt và không thể đứng vững nếu người ta chịu đi sâu vào thực tế. Bởi vậy dần dần có những người chủ trương Đông phương cũng có Triết lý như Tây phương, nhiều người còn đi xa hơn cho rằng Triết Đông còn cao hơn Triết Tây. Chẳng hạn Renouvier người Pháp có viết đại khái: ta phải quỳ gối thán phục trước sự cao cả của Triết lý Đông phương.

“Quand nous lisons avec attention les monuments poétiques et philosophies de l’Orient et surtout ceux de l’Inde qui commencent à se répandre en Europe, nous y découvrons maintes vérités si profondes et qui font un tel contraste avec la petitesse des résultats auxquels le génie européen s’est quelquefois arrêté que nous sommes contraints de plier le genou devant la philosophie Orientale et de voir dans ce berceau de la race humaine la terre natale de la plus haute philosophie (cité par Schwab dans Renaissances Orientales, p.104, Payot).

Đề tựa quyển De la Bête à l’Ange của J.Demarquette, ông H. De Lacroix có viết: “Bên những lý thuyết chối lợi đem bàn đến trong sách này, những lý thuyết Triết học chúng ta trở nên xám ngoách” (nos grises théories philosophiques pâlisent singulièrement auprès des doctrines éclatantes dont il est ici question. VIII).

Đó chỉ là hai ví dụ nhỏ đại diện cho một trào lưu đi ngược ý kiến chối sự hiện hữu của Triết Đông mỗi ngày mỗi bành trướng mạnh mẽ. Và cho tới nay triết Đông đã trở thành một sự hiển nhiên ít ra là trong các nước tiên tiến Âu Mỹ.

Ở đây không ai dám nghĩ tới chuyện chối rằng Đông phương không có Triết học nữa. Trái lại nhiều người lo lắng cho số phận Triết Tây thì có (xem bài địa vị triết Ấn bên Âu).

Các sách Triết sử mới xuất bản đều dành cho Triết Đông một chỗ danh dự, như mấy quyển “Những triết gia lớn” của K.Jaspers đã để cho Khổng, Lão, Phật, Long Thọ, Mã Minh... những chương rất dài.

Nhiều giáo sư người Á Châu đã được mời sang dạy triết Đông bên các đại học Tây phương. Nhiều vi đại diện cho nền triết học Đông phương một cách rất xuất sắc. Đây tôi xin đưa ra một vài ví dụ cụ thể về giáo sư người Á đầu tiên dạy triết Đông bên Anh, ông Radhakrisnan, phó tổng thống Ấn Độ. Nhân dịp kỷ niệm lục tuần của ông rất nhiều Triết gia tên tuổi đã hợp tác viết một quyển nhan đề là: Radhakrisnan- comparative studies In philosophy presented in honour of his sixtieth Birthday. Trong lời đề tặng ta đọc thấy đại khái: Âu Tây đã đi tới chỗ nhận ra có nhiều giá trị tinh thần sâu xa ở bên Đông phương mà chưa được thám hiểm ra hết, nó sẽ đóng góp vào việc xây dựng hòa bình trong và ngoài, là cái cho tới nay còn thiếu sót. Sự trao đổi lớn lao đó nhờ rất nhiều vào tài trí và sự thông hiểu của giáo sư Radhakrisnan. The West has to realise that they are spiritual depths in the Orient which it has not yet plumbed and which will contribute to the inner and outer peace which it has hitherto lacked. This great change largely due to sir S.Radhakrisnan’s genius and understanding. (The Murhead library of philosophy, London 1932).

Nhiều người như Lâm Ngữ Đường giáo sư đại học Harvard danh vang cả hoàn cầu. Và ta có thể nói Triết Đông đang tiến lên tuy chậm nhưng chắc.

Tại sao gió lại đổi chiều như thế?

Sự dành lại độc lập của các nước Á Châu có lẽ đã gây một phần ảnh hưởng vào thái độ trên; nhưng nếu có thì chỉ mạnh ở đại chúng chứ đối với đại tư tưởng gia thường thường biết vượt lên trên những biến cố nhất thời về kinh tế, chính trị để xét tới những chân giá trị. Nếu lúc trước họ chưa thừa nhận Triết Đông là tại sự bế ngõ ở buổi gặp ban sơ. Và lúc ấy người ta không nhận ra rằng mới một tiếng Triết học cũng đã biểu thị một sự thực rất phiền tạp, đến nỗi ngay giữa triết gia Âu Tây cũng chưa đồng ý nhau về câu định nghĩa Triết học là gì như K.Jaspers nhận xét ngay đầu quyển triết học nhập môn. Nhận ra chỗ bất đồng ý kiến đó cũng là một sở đắc mới của giới Triết học hiện đại mà những những người đầu tiên có công khám phá ra phải kể đến Oswald Spengler. Trong quyển *Déclin de l'Occident* ông đã nhấn mạnh rằng **Âu Châu đã làm coi Triết học của mình là chính Triết học, và nó buộc các luồng tư tưởng nào khác muốn khoác danh hiệu Triết phải được đúc trong cái khuôn tư tưởng Hy Lạp. Chưa nhận thức rằng đó chỉ là một loại Triết học trong đại gia đình Triết học muôn màu muôn sắc.**

Une philosophie et non pas la philosophie. Đến nay tư tưởng loài người đã biến chuyển và đi đến chỗ truy nhận có nhiều nền Văn hóa, nhiều nền Văn minh nên cũng có nhiều nền Triết học.

Đã gọi là nhiều thì tất nhiên có những nét đặc thù phân biệt và bất tất phải theo phương pháp của Tây mới là Triết.

Cũng như người ta không cần mắt phải xanh, mũi phải lỗ mới là người được.

2. Nét đặc trưng của hai nền Triết Đông Triết Tây

Bởi vậy không nên khăng khăng từ khước sự hiện hữu của nhiều thứ Triết học, mà trái lại việc quan hệ đầu tiên là tìm ra những nét đặc thù của mỗi nền Triết riêng biệt để làm giàu cho nền Triết lý chung của nhân loại, và nhân đây sự quy định sứ mạng Triết lý cũng trở nên dễ dàng và đầy đủ hơn. Đó là mục phiêu chúng ta nhắm ở đây và để cho dễ dàng việc khám phá, chúng ta nên cùng nhau ước định về nội dung một số danh từ sau đây:

Thế nào là Minh triết? Thế nào là Triết lý? Thế nào là Triết học?

Minh triết (Sagesse)

Nói về hình thức thì Minh triết chỉ sự khôn sáng của các thánh hiền đã được kết tinh vào những câu Triết ngôn thuộc Truyền Thống tinh thần. Các ngài là những vị siêu quần bạt chúng đã tới cái biết trí tri thể nghiệm nên những lời huấn đức của các ngài tuy vẫn tất kiêu chiêm ngôn nhưng có hiệu lực muôn đời như: Pythagore, Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca v.v...

Các Ngài lo sống cái Minh triết hơn là nghĩ đến viết ra sách vở.

Phương pháp các ngài là thể nghiệm, trực giác, không dùng đến lý luận, phân tích hoặc dùng rất ít như trường hợp Khổng.

Triết lý

Triết lý là những sách vở do môn đệ các vị trên để lại như: Tuân Tử, Mạnh Tử, Chu Hy, Sankara, Vương Dương Minh...

Những đề tài họ suy tư cũng là những vấn đề của thầy, nghĩa là, xoay quanh cứu cánh thân phận con người; phương pháp dùng lý luận biện chứng để tìm hiểu và phổ biến Minh triết, nhờ thế mà quảng đại quần chúng hiểu rõ được chỗ sâu xa của Minh triết, chẳng hạn đọc Tuân Tử hay Mạnh Tử ta thấy mạch lạc rõ ràng dễ hiểu hơn Khổng Tử nhiều lắm.

Như vậy Triết lý giống với Minh triết ở đối tượng. Cả hai lấy cứu cánh con Người làm trọng tâm suy nghĩ, lấy sự thực hiện đến rốt ráo cái tính Bản nhiên con Người làm mục tiêu (tận kỳ tính) nhưng khác với Minh triết về phương pháp. Minh triết nhìn thẳng trực nghiệm, nói như thánh phán, vắng bóng một sự thiếu tin tưởng ở sức mình dù chỉ biểu thị bằng những lý chứng, luận bàn. Vì thế gọi là Minh triết, là sáng suốt thấu triệt.

Trái lại Triết lý thì như không vững tâm được như Minh triết, nên phải đưa ra lý sự biện chứng, bàn giải, bởi vậy gọi là Triết lý, tức là thấu triệt bằng lý sự chứ không bằng trực thị (minh).

Xét về nội tại, nó thấp hơn Minh triết, nhưng đối với quảng đại quần chúng thì nó có ích không kém Minh triết vì giúp cho nhiều người hiểu được cái thâm thúy của Minh triết. Minh triết giống như sơn thượng đứng trên có thể phóng tầm mắt ra xa, Triết lý ví như thang lên sơn thượng, thang đâu có bằng sơn thượng, nhưng nếu không có thang thì hầu hết con người không thừa hưởng được gió mát trên sơn thượng. Tuy nhiên Triết lý vẫn không bằng Minh triết. Tuân Tử lý luận rành rọt, Mạnh Tử minh biện nhiều trang giống Platon. Trang Tử với lối văn trào lộng huy hoàng, không có họ có lẽ Triết của Lão, của Khổng đã mai một, vì họ làm cho người ta hiểu được Khổng (Zenker 234) nhưng bao giờ họ cũng chỉ được coi là môn đệ của Khổng, Lão tuy các vị này chỉ nói có những câu cụt ngùn.

Minh triết và Triết lý có thể coi là hương hỏa triết Đông, tuy nhiên không có nghĩa là Tây Âu không có minh Triết hay Triết lý, nhưng cứ trên chương trình chính thức qua các đời mà xét thì Tây Âu hướng về Triết học.

Triết học khác với Triết lý ở ba đầu mối như sau:

Trước nhất về đối tượng không lấy con người mà lấy thiên nhiên sự vật làm trung tâm suy tư. Chẳng hạn bàn về bản thể sự vật, sự hữu chung, bởi vậy các Triết gia sơ khởi của Hy Lạp cũng gọi là thiên nhiên học (naturalistes), con người chỉ được bàn đến cách phụ thuộc, hay đúng hơn bằng những phạm trù của sự vật.

Thứ đến phương pháp: theo lối khoa học phê phán và phân tách, cố tìm ra những ý niệm độc đáo và tích lũy sự kiện để kết thành những hệ thống mạch lạc chặt chẽ và cũng hay bàn những vấn đề liên hệ đến khoa học.

Nhân đó về mục phiêu lấy Tri thức làm cùng đích.

Triết học

Triết học được coi là một việc tìm hiểu đối tượng khách quan, một phương pháp thăm dò ngoại vật, nhân đó mà Triết học gia cũng thường kiêm nhiệm khoa học gia. Thí dụ điển hình là Aristote và Descartes. Vì thế nó không nhằm thực hiện vào bản thân như Triết lý mà nhằm tìm biết sự khách quan.

Nói về tầm hoạt động thì Minh triết là công việc của những vị dẫn đạo nhân loại.

Những người như Khổng, Phật không hề phải dùng đến lý luận. Có lẽ luồng điện từ bản thân của các ngài quá mạnh khỏi dùng tới luận lý mà hiệu lực vượt xa.

Triết lý nhằm mục đích khiêm tốn hơn là cố duy trì và mở mang sự nghiệp do các vị hiền triết lưu lại, nhất là trong những thời đã chớm nở nghi kỵ; bớt sống đi và bắt đầu suy nghĩ nhiều.

Mức suy nghĩ lý luận càng lên thì mức độ thực hiện càng xuống cho tới Triết học thì tầm ảnh hưởng thường không ra khỏi phạm vi trường sở. **Về cơ năng con người Triết học thường mới đạt tới Lý trí, chưa bao quát nổi Tâm tình Tiềm thức, phương chi nói gì đến cõi Tâm linh,** như ông Tomlin nhận xét về Triết học.

“Trong thế giới Tây Âu chúng ta, người ta thường phó thác cho các nhà Huyền niệm hay thi sĩ sứ mệnh dẫn đường chỉ lối cho Nhân sinh, chí như những nhà Triết học, họ thường giới hạn chăm chú vào việc bàn cãi có hay chẳng những ngoại vật chẳng hạn như cái bàn hay cái ghế. “Dans notre monde d’Occident on a souvent abandonné aux poètes et aux mystiques le soin de révéler le vrai sentier, tandis que les philosophes ont trop souvent borné leur attention à débattre s’il existe ou non des objets tels qu’une table ou une chaise.” (Tomlin, p.255) Sau những phân biệt như trên ta có thể nói:

Đông phương thiên về Minh triết và Triết lý,

còn Tây Phương thiên về Triết học.

Chúng tôi gạch dưới chữ thiên để chỉ rõ khuynh hướng chung mà không chối những ngoại lệ. Đã thấy **quan niệm Tây Đông khác nhau nhiều cả về Đối tượng, Phương pháp và Cùng đích,** không còn lạ gì lúc trước Âu Tây từ chối nhìn nhận Triết Đông, vì một khi đã coi Triết Tây là chính. Triết viết hoa thì Triết Đông không phải là Triết, chỉ nên gọi là Tư tưởng Đông phương hay là Đạo học gì đó. Càng khó nhận ra chính vì nó cố gắng thực hiện không phải ngoài cõi nhân sinh mà ngay trong đời sống, trong lối cư xử, trong cử chỉ...

Tây nói sống đã rồi mới biết Triết lý “Primum vivere deinde philosophari” thì

Đông sẽ nói: Vivere est philosophari: sống chính là đã Triết lý!

Tây : Ăn uống đầu đầy rồi mới ra Ngồi không mà Triết lý

Đông: Trái lại, coi chính việc Ăn đã là Triết lý.

Đây là chỗ có thể áp dụng câu nói về nghệ thuật “nghệ thuật thành công chính là giấu được nghệ thuật”, “l’Art c’est cacher l’art”;

Triết lý giỏi chính cũng là giấu được Triết lý. Triết lý chính tông phải được giấu vào trong cử chỉ, thể hiện vào đời sống và trong cả sự im lặng... chứ không phải Triết lý kiểu nhà trường đặt chình ình bên cạnh đời sống nhưng trái lại phải là thực hiện, là đồng hóa Triết lý với Đời sống: Minh với Triết lý là một, xóa bỏ sự phân cách giữa Minh với Triết lý.

Đó chính là điều được Triết học hiện đại bắt đầu chú ý đến: **Hiện tượng luận nói phải bãi bỏ Triết lý đi bằng cách thực hiện Triết lý**: “vous ne pouvez supprimer la philosophie qu'en la réalisant. Nous avons réalisé, c'est pourquoi nous avons supprimé la philosophie”. (Lyotard 126). Marx cũng đã nói đến lý tưởng **phế bỏ Triết lý bằng thực hiện Triết lý**. Xưa kia Triết học đứng ngoài thời gian nay phải đi vào thời gian, phải gặp thế sự, hễ thế sự biến thành Triết lý thì Triết lý biến thành lý sự: **thực hiện được Triết lý tức là phế bỏ được Triết lý**.

Triết Đông đã phần nào đi đến cái sống nên tất cả Tâm lý, Sinh lý, Xã hội, lịch sử đều đáp ứng được những yêu sách của một Triết lý cụ thể, hay Triết lý Nhân sinh. Triết lý bị bãi bỏ như một Triết lý xa lìa Đời sống mà chỉ còn là một Triết lý vô hình vì đã hiện thân trong đời sống, trong thể chế, lịch sử, xã hội.

Cái điểm xóa bỏ Triết lý, giấu Triết vào đời sống là một loại Triết lý cần được lưu ý. Nếu cứ lấy nguyên cơ luận lý là mực xét đoán cao hay thấp thì nhiều khi Triết Đông không đáng gọi là Triết vì đang khi Aristote, Platon chẳng hạn đưa ra những phân tích chi ly, những hệ thống vững chắc như xe tăng, thì Khổng Tử dùng một vài chữ hay mấy câu nhát gừng nhiều khi không thiếu về thô sơ. Nếu đứng ở cùng một quan điểm lý thuyết mà xét thì Khổng Tử không thể nào so sánh được dù chỉ với một quyển luận lý của Aristote. Ở phương diện này Chu Hy còn giá trị hơn Khổng nhiều.

Nhưng nếu đứng vào quan điểm thiết thực thì ta thấy Khổng Tử hướng dẫn nổi cả một nhóm người lớn nhất trong nhân loại (đầu thế kỷ 17, nguyên một nước Tàu có 150 triệu dân đang khi Âu Châu mới có 50 triệu) và những hướng tiên ông chỉ trở ra cho tới nay nhân loại còn đang phải cố gắng thực hiện.

Chẳng hạn hướng Triết lý vào những vấn đề thực tế và về thân phận con Người.

Đặt tiêu chuẩn luân lý nơi nội Tâm thay vì nơi Thần thoại và nhất là tranh đấu cho con Người một địa vị xứng với phẩm giá của nó...

Ngày nay đang khi nhiều vấn đề Triết lý nơi khác bị ruồng bỏ như những vấn đề giả tạo thì các vấn đề Khổng Tử đặt ra trở nên khẩn thiết như chúng ta sẽ xem về sau.

Vì thế trong thực tế cần phải xét lại quan điểm trước khi so sánh.

Nếu không cùng quan điểm mà cứ so đo phê phán tức là đi ngược lại với khoa học, là bám riết lấy một khía cạnh để quên hẳn khía cạnh khác, rồi đôi bên trao đổi nhau những câu phê phán khinh miệt thí dụ chỉ Tây hay chỉ Đông mới có Y triết...

Theo đó chúng ta nên bàn đến vấn đề danh từ Triết, để xem có nên dùng chữ Triết riêng cho Triết học Tây Âu mà thôi chăng?

Ai đã bước vào môn Triết cũng biết rằng Philosophie do hiên triết Pythagore đặt ra kếp bởi hai chữ gốc Hy Lạp: **Philo là yêu mến** và **sophia là sự khôn ngoan, sự Minh triết** (sagesse). Philosophia như vậy là yêu mến Minh triết, nó hàm chứa ý tưởng khiêm tôn không dám xưng mình đã có Minh triết hay là Hiên triết mà chỉ là yêu mến Minh triết như cái gì mình đang cố đạt tới. Vậy **Minh triết là gì trong ý tưởng của Pythagore?** Muốn trả lời đúng cần đặt Pythagore vào trong hoàn cảnh lịch sử của ông để xem ông hiểu thế nào. Ta sẽ thấy **ông cũng hiểu tiếng Minh triết như các Hiên triết Đông phương** mà ông đã được học hỏi trong chuyến Đông du

(ông đã đến Chaldée, Perse, Egypt... và có lẽ cả Ấn Độ) nên cũng quan niệm Minh triết như một **cấp bậc hiểu biết tối thượng về Thượng Đế, về con Người và Vạn vật**, một sự hiểu biết thường là hậu quả của sự thánh thiện và nhân đức.

Vì thế **Đạo lý của ông rất giống những huấn điều của thánh hiền Đông phương** chẳng hạn về trai tâm, về thao thủ về sự im lặng v.v... Chỉ cần đọc qua quyển “**đời Đạo lý**” ta sẽ thấy như đọc hiền triết Đông phương. Trường của ông được tổ chức như một dòng tu nhiệm nhặt. Người mới gia nhập phải giữ im lặng liền 7 năm thí dụ... Đó là đại đề ý nghĩa uyên nguyên của chữ Triết lý. Về sau phái **Thiên nhiên học của Thalès** lần át thì tiếng Philosophie cũng biến sang nghĩa tìm hiểu thiên nhiên và trở thành một tri thức, một khoa học. **Phản đối hướng tiến đó, Socrate đã muốn kéo Triết lý trở lại với con người bằng khẩu hiệu “connaistoi toi-même”,** hãy tự biết mình mày. Tuy uy tín Socrate rất lớn, nhưng hai môn đệ ông là **Platon** và **nhất là Aristote** đã **hướng Triết học chú hẳn sang phía tri thức và từ đây tiếng Philosophie dần dần để trụt mất ý nghĩa nguyên thủy của nó và chỉ còn áp dụng cho một thứ tri thức phần nhiều lấy thiên nhiên làm đối tượng** và nhân đây Đông phương chính vì còn trung thành với ý nghĩa nguyên thủy, mới bị từ khước cái danh hiệu Triết, mà **đáng lý ra theo gốc tiếng thì chỉ có Triết Đông mới còn đáng gọi là Triết lý.**

Chứ như triết học Tây phương chỉ là những bài triết có tính cách trường ốc hàn lâm xa lìa đời sống chưa bao giờ đủ thành thực để thấu nhập vào đời sống đại chúng, như triết lý Đông phương.

Nhưng nếu phân xử như vậy e lại rơi vào một thái quá như kiểu nói chỉ Tây mới có Triết lý. Vì thế chúng tôi **đề nghị dùng tiếng Triết để chỉ cả hai nền suy tư Đông cũng như Tây; còn nếu muốn phân biệt thì nên dùng tiếng Triết lý cho Đông, và Triết học cho Tây.**

Vì lúc đó hai tiếng Triết lý và Triết học không còn nghĩa phổ thông như ta quen dùng coi như một, mà đã trở nên danh từ chuyên khoa với những dị biệt như đã trình bày ở trên về đối tượng và phương pháp. Nhưng đó chỉ là những danh từ ước định đề nghị ra để chỉ thị những thực tại khác nhau, có được chấp nhận cũng chẳng quan hệ cho bằng **vấn đề trọng đại hơn là quy định sứ mạng Triết lý**, vì chính sứ mạng, chính mục phiêu của Triết sẽ ảnh hưởng vào đường lối và đối tượng... **Sứ mạng đó có phải là tri thức như Tây phương hiểu hay là hướng dẫn đời sống con người như Đông phương nhấn mạnh.**

3.- Sứ mạng Triết Đông

Trả lời điểm này rất phiền tạp, vì câu thưa sẽ lại tùy thuộc khá nhiều vào quan niệm và tiêu chuẩn. Nếu **theo tư tưởng cổ điển của Tây Âu thì quan niệm Triết lý như một công việc tri thức về thiên nhiên là đúng, nghĩa là đúng với quan niệm Tây Âu; và**

ngược lại bảo rằng Triết lý phải hướng dẫn đời sống thì cũng đúng, tức là đúng với quan niệm Đông phương.

Vấn đề tế nhị là thế nên đây chúng ta tự hạn chế vào khía cạnh thời sự của luận đề tức là tìm hiểu hướng tiến được các Triết gia lớn hiện đang theo đuổi. Chúng ta có thể nói **khuyh hướng hiện nay là từ bỏ lối độc chiếm tự tôn để đi tới một tổng hợp, hay đúng hơn đi tới một cuộc thông nhất hòa tấu: untity orchestrated** như danh từ đại hội triết học quốc tế 1949 đã dùng

(Moore p.1). Hội nghị này đã nhấn mạnh ý chí của các đoàn viên cố gắng đi đến một sự bỏ tù làm giàu lẫn nhau. Một đảng Đông phương chịu ảnh hưởng rất nhiều từ Tây phương về:

- 1.- Phương diện lý luận trình bày và chú ý đến phần lịch sử hơn,
- 2.- Đảng khác đưa vào một óc phê phán được thức tỉnh và không chấp thuận dễ dàng mọi huấn điều tiền nhân,
- 3.- Dùng sự mổ xẻ phân tích dưới nhiều khía cạnh khác nhau để làm sáng tỏ vấn đề. Ảnh hưởng sâu xa đến nỗi ngày nay muốn bàn về Triết Đông cách hợp thời phải là người đã đọc và hiểu khác lâu Triết Tây: am hiểu phạm trù và lịch sử của nó.

Ngược lại một Triết gia Tây phương ngày nay mà không biết gì triết Ấn Độ và Trung Hoa ít ra là về lập trường chung thì bị coi là thuộc thời tiền Colomb (trước khi tìm thấy thế giới mới), hay nữa tuy không biết cách chuyên biệt thì ít ra lập trường cũng không còn giữ vững được như thời cổ điển Tây phương nữa, vì Triết cổ điển đang bị chính các tư tưởng gia Tây phương đạp đổ trên khắp nẻo đường. Và Triết học bị coi là một chứng bệnh (V.P 236).

Pascal cho rằng Triết học không đáng cho ai phí vào đó dù chỉ một giờ. Tóm lại đâu cũng là đổ vỡ. Cả một nền Triết học mới vút vào mặt những nguyên lý Triết học cổ điển một tiếng **Không tàn nhẫn.**

Sự cố gắng của Triết học Tây Âu hiện đại chỉ là một cuộc tung búng phá đổ nền Triết cổ điển của họ, đó là cảm tưởng chung sau khi đã đọc một số giáo sư lớn: một J.Wahl, một Gusdorf, các triết gia Nietzsche, Kierkegaard, K.Jaspers v.v... Bachelard viết cả một quyển Triết lý Không để minh chứng rằng phương pháp không cần theo Newton nữa, danh lý không cần theo Aristote, vật lý không cần theo Newton... Ông Weber viết trong quyển Tableau de la philosophie contemporaine: “có lẽ nhà lịch sử tương lai sẽ lấy hội nghị các nước Á Phi ở Bandoeng năm 1955 làm tờ từ chức sứ mệnh của triết học Tây phương “L’historien de l’avenir tiendra peut être la conférence afrasiatique Bandoeng de 1955 pour l’acte de démission de la philosophie européenne” (tr.20).

Ta có thể nói tóm rằng Triết học Tây phương hiện phát động một phong trào di cư vĩ đại: di cư từ những nền móng cũ đến định cư trên những nguyên lý mới:

Nhận nguyên lý biến dịch thay vào ý niệm bản thể im lìm (xem bài triết lý Đông phương động)

Nhận nguyên lý Cơ thể thay vào ý niệm Cơ khí...

Bớt chú trọng về phía Triết học thiên nhiên để nhấn mạnh đến thân phận con Người. Nhận nguyên lý lưỡng nhất (Principe polarisable) thay cho Nhị nguyên cũ.

Nhân đó nhận phần nào quan niệm Tương đối trong chân lý thay vào quan niệm Tuyệt đối, và vì vậy óc Tương dung được đề cao, nếu chưa phải là nhận cả nguyên lý của nó. Những nguyên lý này rồi đây chúng tôi sẽ đào sâu trong các cáo luận. Ở đây chỉ cần ghi nhận điều này: tất cả các nguyên lý trên đã được thừa nhận và dùng làm giềng mối cho Triết Đông từ bao ngàn năm xưa liên tiếp cho tới ngày nay.

Tuy nhiên chúng tôi không có ý nói những nguyên lý đó là của riêng Đông phương; trái lại chúng tôi ghi nhận thực tại lịch sử này: **Tây phương có nhiều môn phái mâu thuẫn nhau như Truyền thống khác với cổ điển, Duy niệm khác với Hiện sinh**, và chúng ta sẽ gặp nhiều may mắn đi đến thống nhất nền Triết lý nhân loại nếu **Tây phương tiến mạnh vào lối Truyền Thống và Hiện sinh**, vì đó là những trào lưu đi gần Đông phương.

Ta hãy nghe Nietzsche một trong những ông tổ của Triết Hiện sinh bày tỏ sứ mệnh Triết lý ra sao. Ông trung lại lời của triết gia Alcuin:

“Thiên sứ đích thực của Triết gia là điều chỉnh những điều Chênh lệch, kiện tráng những điều Chính nghĩa, thăng hoa những điều Thánh thiện (La véritable vocation royale pour une philosophie: Prava corrigere et recta corroborare et saneta sublimare. V.P.257).

Trang 259 ông thêm: **quy định điều Phải điều Trái, nhận xét những sự kiện cách chung là một việc khác hẳn với Truyền lệnh và Đổi mới, Đào tạo và Xây đắp, Cai trị và Quy hướng ý muốn. Đó mới là cốt tủy của Triết lý.**

Đưa vào cho sự vật một ý nghĩa ấy là giả sử nếu sự vật chưa có. Đây là **nhiệm vụ còn lại cần phải làm cho xong.**

Cao lên một bậc nữa là **đưa ra một mục đích và thích ứng các sự kiện theo đó để định hướng hành động**, chứ không phải chỉ biến hình những ý niệm.

Nếu có bao giờ ta tới được cùng đích Văn hóa thì phải dùng những sức lực mỹ thuật phi thường để đập tan cái bản năng tri thức vô biên, để làm lại nền thống nhất.

Phẩm giá tối cao của Triết gia xuất hiện khi người tập trung bản năng tri thức tuyệt đối bất nó quy phục vào nền thống nhất.

Tương lai Triết lý là gì? Là phải trở nên tòa Thượng thẩm cho một nền Văn minh mỹ thuật, một thứ tổng công an chống với mọi sự thái quá. Délimiter le “vrai” ou le faux, constater des faits en général, c’est tout autre chose que de prescrire et d’innover, de former, de construire, de dompter, de vouloir ce qui est l’essence de la philosophie. Infuser un sens aux choses à supposer qu’elles n’aient pas de sens, voilà la tâche qu’il reste à accomplir. Un degré encore supérieur consiste à fixer un but et à y adapter les faits, à orienter l’action et non seulement à transformer des concepts. Si nous devons jamais parvenir à une culture, il faudra des forces d’art inouïes pour briser l’instinct de connaissance illimité, refaire l’Unité. La dignité suprême du philosophie apparait quand il concentre l’instinct de connaissance absolu, le sommet à l’Unité. **La philosophie de l’avenir? Il faut qu’il devienne l’instance suprême d’une civilisation artistique, une sorte de sureté générale contre tous les excès.** (V.P. II, 257)

Đọc những lời trên đây ta thấy **Triết Hiện sinh đi rất sát lại Triết Đông.** Cũng như hội nghị triết lý Đông Tây đã công nhận rằng **ngày nay Tây đã gần Đông hơn trước kia:** but the West is nearer to the East than has just been seen (Moore p.204), gần vì thái độ cởi mở đó nhận trước kia ít có, và gần nữa vì **Triết học đã bắt đầu biết để khoa học lại cho khoa học hầu chuyên tâm nhiều vào những vấn đề Thân phận và Cứu cánh của con Người, chăm lo đến đời sống. Đó là cùng hướng với Triết Đông mà sứ mệnh được thu gọn vào chữ Đạo học.**

Chữ đó thật là thâm thúy, tiếc thay hay bị coi thường; vì phần đông lẫn nó với mớ mệnh lệnh luân lý hình thức nên không định giá đúng mức được tiếng Đạo học, chứ nếu hiểu đến chỗ uyên nguyên thì **danh từ Đạo học đã nói lên được sứ mệnh của Triết lý**; tức làm sáng tỏ và hướng đạo cho Nhân sinh, nhận thức và **giúp thực hiện được cái tính Bản nhiên của con Người: tận kỳ tính. “réaliser l’humanité en soi”**.

Như thế, việc làm chính cốt hiện nay của Triết Đông phương không phải là đi rập mẩu Triết học duy niệm để sản ra một thứ Triết học duy trí không ăn nhằm chi tới Nhân tâm thế đạo, với cuộc sống hưng vong của quê nước, đời sống bấp bênh đầy gian khổ của đồng bào, mà chỉ là thứ trao dồi tri thức quá thoát đời của mấy người nhàn rỗi. Không! Sứ mệnh nó là phải làm sống lại những nguyên lý hết sức phong phú của Truyền Thống còn lưu lại trong triết lý Đông phương, phải nhờ những tiến bộ về biện chứng và khoa học để khám phá ra những khía cạnh mới lạ khả dĩ hướng đạo cho con người thời đại. Tổng hợp những suy tư, những phân tích bất kể của Đông hay Tây, Nam hay Bắc. Nhận thức lại cái tinh thần sâu sắc để khơi nguồn cho đời sống tâm linh vươn lên; thống nhất lại các giá trị mới hãy còn vất ngổn ngang bừa bãi; đem lại cho nhân sinh một luồng sinh khí dồi dào vừa được canh tân; thổi sinh khí vào nhân loại đang ngạt thở trong trăm ngõ hẻm chuyên môn phân cách và bịt bùng, được thở bầu khí bao la khoáng đạt tinh thần của con Người toàn diện.

Đó là sứ mệnh Triết lý Đông phương.

Nó phải cố gắng lắm mới đáp lại được lòng mong chờ của người thời đại đặt đề vào nó.

4.- Dự đoán tương lai

Quả nhiên là **“nhiệm trọng nhi đạo viễn”**, gánh thì nặng mà đường thì xa, nhưng sự thành công chắc chắn sẽ chờ ở cuối đường. Sử gia Toynbee có dự đoán sự thành công đó sẽ đến trong giai đoạn hậu lai như sau: **“Cái gì là hiện tượng bật nổi hơn hết, ở thời đại chúng ta mà trong những thế kỷ sau này các sử gia sẽ tách rời ra, khi họ khảo cứu đầu bán thế kỷ 20 để cứu xét các hoạt động?**

Nó sẽ không phải là những biến cố về kinh tế, về chính trị, về cơ khí mà các nhật báo hiện đang kéo tít trên trang nhất, đó chỉ là những biến cố nhất thời phù phiếm, nó làm cho ta lãng quên những biến động chậm chạp hơn, ít thấy xuất hiện trên mặt, nhưng lại tác động mạnh và tác động vào các tầng sâu. “Nhưng thật ra chính đó là những tác động bề sâu mà mai hậu sẽ hiện lên lớn lao, còn những biến chuyển bề mặt lại rút lui vào những tầng thước thực sự của chúng. Phải có sự lùi xa mới thấy được tầm kích đích xác của từng loại biến cố. **“Cho nên tôi thiết tưởng các nhà sử gia tương lai sẽ cho biến cố lớn hơn hết trong thế kỷ 20 là sự xung động của nền văn minh Tây phương trên các xã hội khác trong khắp thế giới. Họ sẽ nói: sự xung động đó mạnh mẽ và có tính cách thấu nhập đến nỗi nó làm đảo lộn cuộc sống mọi xã hội, khuấy trộn mọi tập quán, làm tan rã mọi công hội cổ truyền. Đó là điều họ sẽ nói tới vào những năm 2047, tức là 1000 năm sau (sách của tác giả xuất bản năm 1947) và họ sẽ nói gì năm 3047, tức là 2000 năm sau?**

“Lúc ấy họ sẽ chú trọng đến những phản kích ghê sợ mà nền văn minh khác sẽ gây ra trong đời sống của người xâm chiếm (tức Âu Châu). Chẳng ấy Văn minh Âu Châu xét theo lúc ra khỏi thời Trung cổ sẽ biến thái đến nỗi không còn nhận ra được bộ mặt trước của họ dưới ảnh hưởng dồn dập của những nền văn minh khác: nào chính thống, nào Islam, nào Ấn Độ,

nào Viễn Đông. “Đến năm 4047 thì sự khác biệt Đông Tây không còn nữa, mà chỉ còn là một khối Nhân loại duy nhất.

“Năm 5047 không còn chú trọng gì đến vấn đề kinh tế chính trị, kỹ thuật, mà chỉ còn có một vấn đề tinh thần : Tôn giáo” (lược dịch Civilisation à l'épreuve p.228-233).

Đây là những dự đoán của một sử gia nổi tiếng vào hạng nhất hiện nay, dựa vào lịch trình của các sự gặp gỡ trên 20 nền Văn minh mà lịch sử đã ghi lại dấu vết. Những sự gặp gỡ đó tuy xảy ra dưới những hình thức khác nhau, nhưng cuối cùng cũng đã đi đến câu kết trở thành ngạn ngữ: “**tu tưởng hướng dẫn thế giới**” (les idées gouvernement le monde).

Mà với Đông phương chính Triết lý là tinh thần, là Hồn sống cho Tôn giáo, Tôn giáo chỉ là biến thể của Minh triết.

Năm 1848 là lúc người Anh còn nắm vững chủ quyền trên đất Ấn mà toàn quyền Hasting đã tiên đoán rằng: “không bao lâu nền đô hộ của Anh quốc trên đất Ấn Độ sẽ qua đi hết, nhưng triết lý Ấn Độ sẽ còn sống mãi mãi”.

Hôm nay chúng ta cũng có thể nói rằng: một ngày kia người ta sẽ ít nhắc tới sự người Tây Âu lấn át người Á Châu trên các phương diện kinh tế, kỹ thuật. Những biến cố đó sẽ qua đi, nhưng triết lý Đông phương sẽ còn sống mãi, sẽ mở rộng thêm ảnh hưởng và hợp với Triết Tây để làm nên một nền Triết thống nhất có thể gọi là “Đa giáo đồng nguyên” của toàn thể nhân loại không phân biệt Đông Tây...

Hiện nay nếu còn phải gọi tên Triết Đông và Triết Tây thì đó cũng là một việc bất đắc dĩ ở bước khởi đầu, là bước cần thiết phải vượt qua càng sớm càng hay. Bởi trong phạm vi Triết lý bao lâu chưa vượt được những tên địa dư là dấu còn bất toàn, là chưa đi đến chỗ cùng tột. Trong các phạm vi khác thuộc Văn học, Chính trị, Kinh tế, Mỹ thuật, có thể dung hòa những đặc thù thuộc địa phương chứ trong Triết lý phải cố gắng đi tới chỗ **phổ biến**.

Nói triết Đông, triết Tây cũng là một sự hàm hồ. Chính ra phải nói những cố gắng về Triết lý đã được khởi công ở bên Đông hay bên Tây thì đúng hơn. Vì nếu đã là Triết lý chính tông thì sẽ vượt qua mọi đặc thù địa phương để không còn là Đông hay Tây, Nam hay Bắc, như lời nói của Lục Trọng Sơn “Đông hải có thánh nhân, tâm ấy đồng, lý ấy đồng; Tây hải có thánh nhân, tâm ấy đồng, lý ấy đồng. Ngàn đời về trước có thánh nhân, ngàn đời về sau này có thánh nhân, tâm ấy cũng đồng, lý ấy cũng đồng”. Đó là cùng đích ta phải cố gắng vươn tới đó ngày nay xem ra có nhiều hy vọng thực hiện được, có lẽ trong một thời hạn còn mau hơn dự đoán của Toynbee.

Vì Cơ khí đã đảo lộn mọi nếp sống cũ không cứ gì Đông mà cả Tây. Có biết bao giá trị cổ truyền đã hết hiệu lực, nhiều khi chỉ còn là bản kẽm cũ mòn thường hay bóp ngạt đời sống tinh thần hơn là đem lại luồng sinh khí mong muốn; có còn người theo cũng chẳng qua là tạm đỡ, nhưng không phải không có lòng mong đợi những giá trị mới về Nhân sinh.

Dựng lên những giá trị mới, đấy là sứ mệnh Triết lý.

Đem lại cho đời sống một ý nghĩa để đưa Nhân loại thoát ra khỏi cơn khủng hoảng Tinh thần hiện nay, đó là sứ mệnh Triết lý.

Hướng dẫn Nhân loại trên đường đi về Cứu cánh con Người, đó là sứ mạng của một nền Triết lý không phân biệt Đông hay Tây mà là Triết Nhân sinh, Triết lý của con Người muôn thưở.

Tháng giêng 1960

Kim Định

I.- Nét cong duyên dáng của Việt tộc

(Văn Lang Vũ bộ: Kim Định)

1.- Về việc lập viện khảo cổ Đông Nam Á

“ Năm 1976 UNESCO tổ chức tại Thái Lan một cuộc **hội thảo về khảo cổ miền Đông Nam Á**. Trong những vấn đề đưa ra có khoản bàn về những dáng hình và mô típ được tạo nên trong quan hệ với ý nghĩa nghệ thuật của người chế tác di vật với câu hỏi đầu là nét đặc trưng của Đông Nam Á? Hội nghị chủ trương năm điểm, trong đó hai điểm liên hệ tới nước ta.

Một là khuyến nghị nên hợp sức với Hội Đồng Quốc Tế triết học và khoa học xã hội để thành lập một nhóm các nhà khảo cổ của Đông Á và Đông Nam Á. Hai là xin UNESCO lập viện khảo cổ chung cho Đông Á và Đông Nam Á.

2.- Sự cần thiết phải có Triết tham dự: Học, Hành, Lập, Quyền

Vào lối 1978-1979 tôi có đọc trong báo Times một bài của học giả nào đó đang làm việc trong văn hóa Liên Hiệp Quốc còn nói lại vụ này, tiếc rằng trong cảnh tị nạn tài liệu tản mát hết chẳng còn biết ngày tháng tên tuổi liên hệ tới các điều ghi trên đây.

Nhưng về ý chính và mục tiêu nêu lên thì đại khái là nhấn mạnh sự cần thiết phải có triết tham dự vì giả sử có lập được viện khảo cổ theo đề nghị cũng khó đạt được kết quả mong muốn, nếu thiếu sự tham dự của ngành triết nhất là triết Việt Nho, vì sự khám phá chỉ sẽ hạn cục vào đợt mỹ thuật, thí dụ về kiểu cách, dáng điệu, các loại hoa văn cùng là niên đại của hiện vật hoặc những liên hệ với các ngành văn hóa khác. □Bấy nhiêu điều tuy rất thú vị và cần thiết nhưng chưa vượt khỏi biên cương của những cái hữu hình để thấu vào hồn linh văn hóa, chưa nói lên được tại sao nét nọ kia là đặc trưng của miền ấy? Nếu thừa tại họ yêu thích như vậy thì xin hỏi tại sao lại yêu thích như thế? Thí dụ tại sao Tàu ưa thích hồi văn, tại sao các nét cong của Tàu nhỏ hơn nét cong của Việt. Tại sao trên các kiến trúc của Chăm có nhiều đường cong trên cửa sổ hơn bên Angkor Vat. Tại sao những đường nét của Việt lại bé nhỏ thanh thoát. Và nếu tinh tế thêm một độ thì sẽ đặt câu hỏi những nét thanh tú kia cũng như nét cong nọ có là những nét quan trọng hơn hết của Việt tộc chẳng? Nếu có thì tại sao? Đó là những câu hỏi thoát xem coi như lẩn thẩn do những người vô công rồi nghề nặn đất ra chứ thường tình chẳng ai nghĩ tới. Cái đó đúng: văn hóa bao giờ cũng phải có giờ rảnh rang. Nhưng giả sử có giờ rảnh rang liệu có đặt những câu hỏi trên chẳng. Và nếu có đặt ra được, liệu có trả lời nổi chẳng, nhất là khi không thấy ơn ích đâu cả.

Nhưng nếu bạn tìm về nguồn gốc dân tộc, đang tìm đâu là nét đặc trưng của Việt Nam để thành lập quốc học thì sẽ thấy đó là những câu hỏi quan trọng ít ra ở chỗ chúng có thể cung ứng chứng từ cho các lời quyết đoán rằng Việt Nam có bốn ngàn năm văn hiến.

Chính trong chiều hướng đó mà hôm nay tôi bàn về **nét Cong và quyết rằng nét cong và thanh tú chính là những nét đặc trưng hơn hết của Việt nho, và đó là nét quý hóa vô biên: chính vì thiếu nó mà triết học Tây Âu đã sa vào những lỗi lầm chí tử khiến 25 thế kỷ triết học đã qua đi hầu như vô ích, phải làm lại toàn triết.**

Ngược lại vì có được nét cong nọ mà triết Việt Nho còn đang được nhân loại đặc biệt chú ý cho mãi tới nay vì nó tiêu biểu cho một đức tính, một khả năng là đã móc nối vào được với nền Minh triết, tức đã gây được nhiều hạnh phúc cho con người trong những điều kiện kinh tế hết sức eo hẹp. Tinh hoa mMinh triết nằm trong hai chữ uyển chuyển mà Nho kêu là **Quyền Biến** hoặc vắn tắt là **Quyền** được đặt trên cùng, sau ba bước: **1/ học, 2/ hành, 3/ lập, 4/ quyền.**

Bước một là **Học** đã ít người bước vào nổi.

Thế mà đến bước hai là **Hành** còn ít nữa.

Thế rồi hành lung tung thì nhiều, chứ hành có **Lập** trường thì hiếm, thế mà trong số hiếm hoi đó lâu lâu mới nảy ra được một hai người đạt được bước **Quyền**.

Quyền là chi mà lại họa hiếm và được tôn quý như thế? Thưa đó là **biểu hiệu của sự hòa hợp cùng tốt, là hậu quả của sự đức lại hai hình Vuông cộng với hình Tròn xoe được nghệ thuật biểu thị bằng nét Cong.**

3.- Đức Người: Đức Tròn vào Vuông: Thời - Không nhất phiến

Xin nhắc lại trong bài Đức Người tôi đã bàn đến sự quan trọng của việc đức: **đức trống, đức gương, đức đỉnh với ý nghĩa sâu xa là đức Người.**

Người là chi mà phải đức? Thưa Người là sự giao hội của hai nét Đất Trời, nói theo cơ cấu là Tròn Vuông hay Ngang Dọc. Ai cũng thấy ngay đó là việc điều vơi đức sao được, vì là hai dạng thức khác nhau: đã Tròn thì thôi Vuông, đã 4 Góc thì thôi Tròn. Đúng lắm, vậy mà tất cả Đạo làm người lại nằm trong chỗ đức đó, nếu đức sai thì không ra người. **Nói khác Người là vật lưỡng thể: vừa có hình thể thù lù có góc cạnh, nhưng đồng thời lại có tinh thần bao la không mốc giới. Biết sống là biết pha hai thứ trái chiều kia cho đúng liều lượng. Liều lượng nói bao la trù tượng là 2-3 nôm na nói là “vài ba “. Kinh Dịch nói là “tham lưỡng “ hay nói rộng là “tham thiên lưỡng địa nhi ý số “. Xin nói ngay Đạo làm Người trở nên hiếm hoi, các triết đã thất bại trong việc đức này. “**

Cái Khánh ở Huế tượng trưng cho nét cong. Hình nét cong



“ Thường thì các triết gia chỉ mãi bàn về những chuyện Trời Đất cho đó là cao cả, mà cao cả thật cao như Trời, rộng như Đất. Vậy mà lại là những vấn đề tương đối dễ: **vì chúng chỉ có một chiều: đã cao là cao, đã thấp là thấp, đã vật là duy vật, đã tâm là duy tâm, tha hồ mà múa bút, chứ nói đến chuyện vuông mà lại tròn, có mà lại như không, không mà lại như có thì đành xếp bút. Thế là triết lý trật đường. Nếu đi đúng ngõ thì phải bàn về con Người, về cứu cánh, về hạnh phúc con người, hết mọi con người.** Bởi vì con người là thành tích chói chang hơn hết của **Trời Đất** gặp nhau, giao hội. Việt Nam kêu là giao chi, là chi Trời chi Đất giao thoa, khoa vi thể nay kêu là **Thời Không liên tục** (Time- Space - Continuum). Thực ra muôn vật đều

là công hiệu của Thời Không giao hội, của Đất Trời gặp gỡ, nhưng nơi con người là một tác nhân, một “Tạo hóa” tức cái gì cũng phải làm lấy. Sự pha độ này được hiện thực trong cụ thể bằng chữ Quyền, bằng sự uyển chuyển giữa hai bờ đối cực được biểu thị bằng Tròn Vuông.

Sự thống nhất Tròn Vuông với nhau được biểu thị bằng nét Cong lượn. Cho nên nét Cong lượn là hình vẽ của chữ Quyền, là sản phẩm của lò Tạo hóa, của Thời Không, của Trời Đất giao chỉ. Phải nhận thức sâu sắc về nền móng vạn vật và con người như hai chỉ Trời Đất giao thoa mới nhận ra được giá trị của vật biểu Tiên Rồng đi đôi, hoặc tiến thêm một bước nữa là bánh Trời bánh Đất (bánh Dầy tròn chỉ số 3 (số pi), bánh Chung vuông chỉ 4 phương đất).

Đây là biểu tượng mà nội dung hay hệ quả là văn hóa Việt toàn nói về con người, về những gì liên quan tới con người: ăn làm, yêu thương, giao tế, buồn vui, hạnh phúc chứ không có bàn về sự Hữu, về sự hư Vô như trong triết lý Âu Ấn xưa kia.

Trong các điều liên

quan đến con người thì có một khoản được đặc biệt chú ý đó là Tình Duyên

Mở bất cứ quyển ca dao nào cũng thấy liền đó là những câu tình duyên, yêu thương, gửi gắm ngày cũng như đêm:

**“ Đêm qua ba bốn lần mơ
Chiêm bao thì thấy dậy rờ thì không.**

Chi vậy? Thừa là sót sáng tích cực trong việc đúc đó. Đúc chi? Thừa là đúc Người, nó sẽ mở đầu cho hết các cuộc đúc khác, mà tổng quát hơn hết là Trời Đất, Kinh Dịch kê bằng hai danh từ nặng về tác động là “**Kiên Khôn**”. Kiên Khôn là nói cụ thể hơn về hai cột cái của cổng chào mà quan khách nào cũng như muôn vật đều phải đi qua: “**Âm Dương tương thời nhi sinh biến hóa**”.

4.-Quá trình hình thành nét Cong

Thế rồi bỏ kinh sách để quay ra nhìn vào những điều quan trọng ta cũng thấy hai đàng đi đôi: như **đền tế Thiên thì Nền phải vuông, Mái phải tròn. Xe vua đi thì Thùng (xe) vuông, Mui tròn. Người quân tử phải đi Giày vuông đội Mũ tròn.** □Trên đây dấu sao mới là những hình ảnh tuy rõ ràng nhưng còn đang ở thể sửa soạn đúc mà chưa đúc thực sự, nên Tròn còn là tròn, Vuông còn là vuông. Khi đúc rồi thì hậu quả phải là một hình thái mới. Vậy hình thái đó là chi? Thừa là **nét Cong** đó. (*Hình chiếu của hình vuông ngoại tiếp trên một đồ thị*)

Như vậy Cong là một hình thức xuất hiện do sự đúc Tròn với Vuông vào một, vì thế trong cổ nghệ Việt người ta thường gặp những đường cong lớn bao trùm hiện vật nên suy đoán ra được đó là sự nhập thể lẫm liệt của nền triết lý Thái hòa tức hòa Trời cùng Đất: hòa Tròn với Vuông mà trở nên nhu nhuyễn (Trung Quốc dùng hai tiếng đó để dịch chữ mandala cũng có tròn vuông). Vậy mà nét Cong lớn lao no lại là của Việt tộc.

Câu này rất lơ mơ nên cần phải minh chứng, vì khi đi vào nghệ thuật thì đâu cũng có nét Cong hết chứ có riêng gì Việt tộc đâu. Nhưng nếu nhìn kỹ thì những nét Cong kia là hậu quả của óc thẩm mỹ mà không là hệ quả của triết. Cả hai đều do trực giác lành mạnh, nhưng ở nghệ thuật thì nó bàng bạc, còn ở triết thì nó trở nên ý thức nên đi vào nền tảng và xuất hiện cả vào những cái khó làm. Rõ rệt hơn hết là Mái Nhà Cong. “

Hình Mái nhà cong: Đền Thờ Huyền Tổ Mẫu Âu Cơ ở Tỉnh Phú Thọ



**Nét cong là hình chiếu của Hình Vương ngoại tiếp trên trục tọa độ
(Mẹ Tròn con Vương: Tình / Lý tương tham)**



**Nhà mái thẳng Tử Cấm thành Nhà Nhà mái thẳng Tử Cấm thành của Trung Hoa
(Nét thẳng phản ánh Tính chất Duy Lý)**

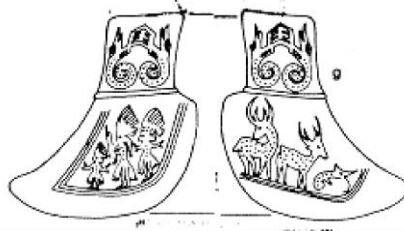


Hình Thuyền cong



Thuyền cong trong Hoàng Hạ.
Chi tiết đầu thuyền cong (trống Ngọc Lũ)

“ Ngoài mái nhà thì đến thuyền cong, đó cũng là nét Cong lớn bao trùm toàn thể sự vật. Sau đến các **Phủ Việt thì lưới đều cong**, vì đó là đồ dùng trong những việc tế tự, tức là rất trọng đại linh thiêng. Khi róc xác ông Cồn người ta dùng dao Côn Ngô, có chỗ nói Câu Ngô để chỉ sự cong. Chúng ta rất có lý để suy đoán rằng những lưới riu xoè (cong lượn) gặp được ở Đông Sơn làm nên nét đặc trưng của nó có liên hệ với những giao cong này, nếu không phải là chính nó gọi là Phủ Việt, vì nó hàm ngụ số 2-3, 2 giao long giao tay, 3 người (hoặc vật) ở dưới. “



Hình Lưới riu xoè ở Đông Sơn
Lưới riu xoè ở Đông Sơn, trên 2 giao long giao tay, dưới hình 3 người hoặc 3 con thú.

Khi **bắn con cú người ta cũng dùng tên cong**. Vì cú là chim bắt hiểu ăn thịt mẹ, nên ý sâu xa là giống chống con người cần phải diệt nó bằng vũ khí đã mang đậm tính người là tên cong.

“ Đọc những truyện như vậy ta thấy liền sự vô lý vì tên cong bắn sao được. Còn róc thịt thì dao nào đâu có quan trọng. Vậy mà đây lại quan trọng hóa bằng gọi **tên dao là Côn Ngô** vì hình dáng dao là Câu Ngô tức là cong, thì ta biết nó hàm ngụ một cái gì đó. Y như làm thẳng bớt tổn công hơn nhiều, vậy tại sao lại làm mái cong, cong đầu dao, thì phải hiểu tiền nhân muốn gửi gắm vào đó một ý nghĩa nào đây.

Nếu ta lấy toàn khối văn hóa làm chân trời để có tiêu điểm thì sẽ quy định được đó là hậu quả của việc đúc Tròn vào Vuông: Tròn Vuông nằm trong thể lưỡng hợp mà trong nghệ thuật là nét Cong lượn, tức là hậu quả cuộc linh phối giữa những gì Có cùng với cái Vô biên tức giữa những phương tiện có chất thể chỉ bằng những hình có góc cạnh với hồn linh biểu thị bằng cái không có góc cạnh tức là tròn. Vì tròn nên dễ động cũng như không hiện hình, không thể xem thấy nên là linh thiêng. Những đặc tính đó (năng động và vô hình) chỉ trở cái gì linh thiêng và khi nó nhuần thấm xác thể (chỉ bằng vuông) thì làm cho xác thể trở nên nhẹ nhàng và linh thiêng hơn (tiêu biểu bằng sự làm cùn những góc cạnh) kết quả là hình cong lượn mà tiêu biểu lớn lao là đường cong giữa Âm và Dương trong Thái cực viên đồ. Đó là thứ vẽ lại “**quá trình**” hình thành của nét cong lượn. Vậy đó là nét đặc trưng của nghệ thuật Đông

Nam Á. Ông Laurence Binyon nhận xét: khi tiến về phía Tây ta thấy khuynh hướng đặt nặng trên cái gì đặc, chắc, vững. Còn tiến sang Tàu và Đông Nam Á thì khuynh hướng đặt trên sự trôi chảy, lượn sóng, nhẹ như không khí (the spirit of man in asian art, Dover N.Y 1963, p.82). Chỗ khác ông nhận xét sự nổi vượt của Văn hóa Đông Á là hoà hợp với Thiên nhiên và đầy năng động tính như không muốn ở lại trần gian (Id p.27). Đó là nét đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á mà Việt Nam là thủ chỉ.

Vậy là đã đủ bằng chứng cũng như nền tảng để kết luận rằng nét cong lớn là của Việt tộc, hay nói là của Việt nho cũng được; nhưng phía Tàu vì chứa nhiều chất du mục, nên nét cong thường xuất hiện nhỏ, bằng những đường tia tốt, không hẳn vươn lên địa vị chủ đạo như bên Việt. Nhìn vào khảo cổ ta nhận thấy điều này: chỉ đến những Trống đồng muộn về sau mới dùng hình văn cùng nhiều đồ án hình học gãy khúc, còn trước thì chuyên dùng những đường cong lớn lao lấy hiện vật, hoặc những hoa tiết tạo nên bằng những đường Cong hầu như không mấy khi kết thành hàng dọc. Các nồi niêu phần lớn phình bụng mà đáy tròn có thể nằm trong liên hệ này.

Đến giai đoạn Đông Sơn là giai đoạn có thể coi như đỉnh cao chót vót thì thấy các đường Cong lớn tập hợp lại và chạy quanh mặt Trống, thân Trống, và nhất là Thuyền Cong cả con chứ không phải từng phần nhỏ. Rồi tới Mái Nhà Cong, cong ngay từ lúc Tàu chưa có Mái Nhà Cong thì ở Việt tộc đã cong rồi.

Cái đình xưa (dân Bana kêu là Rong) bao giờ cũng có đao đầu cong vút. Những hình người Múa trong thể Nhún nhảy đó là một thứ Cong sinh động. Sau này ta thấy Hài các bà đi cũng cong mũ.

5.- Nét cong với nguyên lý Mẹ

Đây là chỗ tiện để nhận xét về sự liên hệ giữa nét Cong với nguyên lý Mẹ. Nơi nào có đường Cong lớn là dấu còn nhiều nguyên lý Mẹ được coi như hồn thiêng để tắm nhuận những cái quá gãy khúc đến trở nên bết gay gắt. Các bà ưa nét cong, cũng như Thân Hình có nhiều đường Cong hơn. Đó là dấu chỉ linh hồn các bà có sức thẩm thấu xác thân hơn. Nói đàn ông thiên về vuông nhiều nên thua các bà về sự cân đối và hoà hợp (là nền của sự đẹp). Văn hóa Việt tộc giàu nguyên lý Mẹ nên ưa nét cong. Đây là chỗ cần bàn đến luật Giao chỉ theo đó đàn ông Trong là Dương (Thể +) nhưng Ngoài lại là Âm (Diện -), nên có dáng dấp vuông gãy góc, còn đàn bà Trong là Âm nhưng Ngoài lại là Dương nên giàu nét Cong lượn, đẹp hơn đàn ông. Luật này được biểu lộ trong hình Phục Hy Nữ Oa trong thể giao thoa thì ông lại cầm cái Cũ (vuông) bà cầm cái Quy (tròn).

6.-Phục Hy: Thể: Dương, Diện: Âm ; Nữ Oa: Thể Âm Diện Dương

Thoạt coi tưởng là sai vì Phục Hy là Dương tượng Trời lẽ ra phải cầm cái Quy tròn, để cái Cũ vuông cho Bà (Âm) chứ. Đó là ta quên luật Giao chỉ. Đàn ông mê đàn bà (hoặc ngược lại) vì chỗ quên này: thấy đàn Bà đầy Dương nên mê như điều đổ. Chả là đàn ông cốt Dương nhưng sơn bằng Âm, nên lòng mê Dương, thấy các Bà trắng men Dương nên mê nhưng đem về cọ xát quá mạnh làm bong hết men Dương, trật lại còn có Âm, mới chán thấy mờ.

Muốn tránh tai họa nạn cần phải luyện đức để lúc “hết nạc vạc đến xương” thì xương không còn là Âm nữa mà là Âm đức cũng gọi là cái Nết: có sức đánh chết cái đẹp.

Nhà uyên tâm Karl Jung đã hé nhìn ra luật Giao chỉ này khi tuyên bố linh hồn đàn bà có giống Đực (gọi là animus) còn linh hồn đàn ông có giống Cái (anima).

Ông dùng hai chữ anima animus là Hồn này vì tiếng Âu Tây thiếu từ nên phải dùng chữ Hồn, chính ra không phải là Hồn mà là Vía: **Vía đàn ông giống Cái (anima), Vía đàn bà là Dương giống đực (animus). Nếu ta chỉ Dương bằng linh hồn, còn Âm bằng thể xác thì linh hồn đàn bà xuất lộ nhiều hơn nơi thể xác (tinh anh phát tiết ra ngoài).**

Theo triết gia **Ortega Y Gasset** thì **chính đàn bà đã thiết lập ra nền văn hóa hướng vào việc chăm sóc xác thân**: khởi đầu là sự trang sức thân hình, kế tới là sự sạch sẽ, tăng thêm bằng tinh chất của hoa hương, rồi kết hậu bằng phép lịch sự với những động ứng và điệu bộ vi tế. Chính cái xác thân được tâm nhuộm đậm chất linh hồn nọ là nền tảng làm nên sự duyên dáng cũng như giàu sức lôi cuốn đối với đàn ông.

7.- Văn minh Du mục và Văn hoá Đông Á

Người ta nhận ra rằng những **họa đồ hình học là dấu chỉ đã đi vào lý trí, thiên trọng về đàn ông rất nhiều**, tức là yếu tố dẫn vào văn minh thành thị, có óc du mục chuyên chế, vì thế những nghệ thuật **ura đồ án hình học kéo dài và gãy khúc** thường đi với chế độ chuyên chế và thành thị y như hình vuông vậy: nó nói lên cái chi gãy gọn, thiêu sự uyển chuyển duyên dáng. Văn minh đực rựa của du mục ưa lý luận tranh biện.

Văn hóa Đông Á ưa nghệ thuật (thay vì logic thì học Kinh Thi) **đề cao lễ nhượng, coi tục lệ hơn cả luật tắc**. Một trong những lý do Mạnh Tử bị coi kém hơn Khổng Tử vì tính ông “khuê giác” (bắt góc, ưa bề bác) tức ít nguyên lý Mệ hơn Khổng Tử. Nhóm vẽ mẫu nào đó gần đây chịu ảnh hưởng của mini jupe cứng cõi đã cắt ngắn cái áo dài của các bà các cô Việt Nam, coi nó cũn cỡn thế nào ấy, mất đi biết bao làn sóng kiều diễm linh động của cái áo dài xưa lúc chưa bị ảnh hưởng cái váy ngắn của Âu Mỹ. Ở chỗ này ta có thể nhận xét **mấy tiêu biểu của Việt có phần thâm thiết hơn của Nho: đó là áp dụng Vuông Tròn vào việc ăn như bánh Dầy bánh Chung. Điều này hàm ngụ hai ý nghĩa: thứ nhất việc đúc tụy nói về sự Vật mà chính ra là nói về Người. Người phải làm thế nào để cho hai chữ Trời Đất giao thoa nơi mình đúng liều lượng Giao chỉ (3-2) mới thực là con Người chân nhân.** “



Hình áo dài Thuốt tha

Aó dài cụt ngắn làm sao tạo được nét cong tha thướt diễm ảo này ?

“ Thứ đến sự đúc biểu thị bằng sự Ẩn, sự Tiêu hóa, tức Vuông Tròn phải được tiêu hóa biến thể mới làm ra nét thứ ba. Vì vậy ngoài bánh Dầy bánh Chung thì còn có truyện **Trầu Không** nói lên sự đúc một cách sinh động: **cây Cau chỉ Trời, đá Vôi chỉ Đất, cây Trầu quán lấy cả hai**, vậy đã là nối kết, nay lại được người nhai ra hòa lại, hóa nên một thực thể mới là màu đỏ tươi như máu, ý nghĩa của sự đúc thâm thiết biết bao. Cho nên tiên Tổ đã dùng miếng Trầu làm đầu

câu truyện đúc ra con Người. Thật là chí lý. Đến đây ta có thể đưa ra hai nhận xét một riêng một chung.

8.- Phân biệt riêng chung giữa Việt và Nho

Riêng là giữa Việt với Nho thì ta thấy Việt đi sâu hơn như vừa nhận xét về việc ăn, uống, ở. Vì vậy mà ta thấy Việt ưa những hoa văn có đường cong lớn, cũng như hiện thực mái nhà cong, thuyền cong trước người Tàu. Tàu cũng ưa đường cong nhưng như đã nói thường là đường cong nhỏ bé. Về nhà trong Kinh Lễ có câu (608) “ phá ngung nhi ngọa hợp: phá góc để hòa hợp như ngói “ (lợp nhà). Chưa hiểu tác giả câu nói muốn ám chỉ hình tượng nào, nhưng cứ xem chung thì đoán được đó là những sự hợp nhỏ bé y như một mái nhà gồm rất nhiều ngói vậy.

Việt làm cong cả một mái nhà còn Tàu chỉ hòa hợp nhiều ngói trong mái nhà. Đó là nhận xét riêng. Còn **nhận xét Chung** là đường cong không chỉ do lương tri hay khiếu thẩm mỹ, mà chính là biểu tượng của một **nền triết lý Thái hòa giữa Tròn Vuông, một nền triết hàm hồ thượng thặng**. Lúc trước khi Đông Tây mới tiếp cận nhau thì Tây Âu đã đánh giá rất lầm khi muốn kéo văn hóa Việt Nho vào một duy nào đó. Thí dụ **bảo Việt Nho là Vô thân, phe khác cho là Hữu thân. Sự thực thì Việt Nho không Hữu không Vô, mà thuộc loại Cong tức là tham dự vào cả hai, cả Có lẫn Không.**

Không mà lại có.
Hữu nhược vô, thực nhược hư.

9.- Việt Nho: Đại biểu cho nền triết lý Hoà giải

Bảo Việt Nho là duy nào cũng sai: không duy Tâm cũng không duy Vật nhưng trong Vật có Tâm, trong Tâm có Vật, “Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn “ . Đó là triết hòa Trời với Đất, hòa Vuông với Tròn, gọi kiểu khác là Giao chỉ: hai chỉ Trời Đất giao nhau.

Áp dụng vào thực tế đó là triết lý ưa chuộng Hòa giải, lấy chín bỏ làm mười, tránh tuyệt đối hóa, tránh quan trọng hóa quá đáng một sự kiện, một biến cố, coi mọi sự trong thế biến động, nay còn mai mất, nên tránh lối sống khắc nghị, giữ tâm hồn thanh thản, tránh những lo âu phiền muộn: được thua cũng chỉ coi là gặp thời hay thất thời, tránh xa giai cấp, càng tránh xa hơn nữa giai cấp đấu tranh, thay vào là lễ nhượng kính tôn: lấy cách sống như chơi làm lý tưởng, uyển chuyển trong thái độ, uyển chuyển trong tâm hồn. Đây cũng là lý do tại sao tiền nhân ưa thơ, vì thơ là lời nói làm cho sự vật mất góc cạnh, trở nên chập chờn, biến thực ra mộng, mộng ra thực: âm u dạt dào như những bức tranh thủy mặc diễn tả cùng một tâm trạng: sự vật đã không có góc cạnh lại còn thường phủ lên bằng đám mây cong lượn. Tranh ấy cũng như óc sính thơ đều nằm trong ảnh hưởng của nét cong giao chỉ nọ.

10. Nét Cong thanh thoát: Kết hợp luật Tả nhậm hay “ Chí Trung hoà “

Xin thêm ít lời về **sự thanh thoát**: những đường chỉ nhỏ nét chạy dài có khi vòng bao cả sự vật là do luật Tả nhậm hay luật chí Trung hòa. Càng vào thì càng nhỏ, nhưng sức bao quát lại càng to. Cho nên nét Thanh thoát là hệ luận của nét Cong, nét Cong thành bởi sự cong tròn nuốt nét vuông mà thành cong lượn. Muốn nuốt được nét vuông thì nét cong Tròn phải đi vào, phải nhỏ

lại tức hiện thực nguyên lý **có chí Trung thì mới chí Hòa**. Và đó cũng là con đường để hiện thực được nét cong lượn cũng như nét thanh tú cách đúng tinh thần.

11.- Việt Nho: Tiêu biểu cho nền triết lý Hòa hợp

Nhân loại đang đi tìm một triết lý Thái hòa nghĩa là không Tròn không Vuông để có thể hòa được Tinh thần với Vật chất, Đông với Tây, Đạo học với Khoa học mà hiện chưa tìm ra. Vậy xin giới thiệu cho tới nay mới có Việt Nho là loại triết lý thứ ba đó, nó **không Hữu vi mà cũng chẳng Vô vi, nhưng là An vi với đường Cong bao la như Vũ trụ: bao trùm lấy mọi cái góc cạnh**. Đó là nền triết cần thiết cho thời đại mới khi chân trời của mọi tri thức đều mở rộng. Nhớ lại thuyết tương đối đã minh chứng sự vô dụng của toán học hình học cũ trong cái vũ trụ quan mở rộng này, chỉ vì nó thiếu nét Cong bao la: theo hình học cũ thì hai đường chạy song song chẳng bao giờ gặp nhau. Đó là nói nhỏ chứ nói to ra vũ trụ hay Chỉ trên địa cầu, hai Chỉ cùng chạy lên bắc cực thì sức máy mà không gặp nhau. Cũng vậy triết học cổ điển Tây Âu xây trên những ý niệm sự vật bé nhỏ không thể hòa hợp nhưng nếu đặt nó vào cái vòng bao la vũ trụ thì chúng sẽ hòa hợp được hết, nghĩa là chúng được chứa đựng trong cái vòng Thái hòa, cũng gọi là vũ trụ chi Tâm. Chính vì thế, nên triết Việt Nho nhằm lấy Tâm vũ trụ làm lý tưởng tâm hồn, tâm hồn phải mở ra bao la như vũ trụ để có thể nói 'ngô Tâm thiện thị Vũ trụ' thì sẽ nói được “Vũ trụ nội mạc phi phản sự” trong Vũ trụ không việc gì không phải là nghĩa vụ của tôi. **Cho nên nói được nét cong Việt tộc có thể dùng làm tiêu biểu cho việc kiến tạo nền Triết hòa hợp mà nhân loại đang mong tìm.** “

II.- Hiệt củ hay lối xử thế của người xưa

1.- Định nghĩa Hiệt củ

“ **Hiệt Củ: hai chữ lấy trong sách Đại học, có nghĩa là dùng Tâm mà đo người khác**. Chữ “Hiệt” viết như chữ Khiết (cùng chữ mà âm khác) có nghĩa là Tâm trong sạch lọc khỏi những ý niệm Bối vật, lấy cái Tâm đó mà đo người thì cũng như nói yêu Người bằng Mình, nhưng hai chữ Hiệt củ có hơi hướng cơ cấu (do chữ đo đạc) nghĩa như sau: ý đó cũng được diễn tả trong câu sau: “ **Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân** “ . Điều mình không muốn ai làm cho mình thì đừng làm cho ai. Trên đây là một câu nói lên đạo xử thế rất phổ thông, nhưng thường được coi như của riêng Việt Nho vì có tên là Hiệt củ với lối trình bày gọn ghẽ và nhất là tiêu cực của nó. Tuy nhiên đến nay thì nó cùng với Việt Nho đã trở nên lu mờ, nhiều người không còn dám động tới, hơn thế nữa nhà “ cách mạng “ vĩ đại của Tàu là **Mao Trạch Đông đã đưa ra nguyên lý ngược lại là “ điều mình không muốn ai làm cho mình thì hãy làm cho người khác “**. Nhắc đến Mao chẳng qua vì Mao đã nhại câu cách ngôn trên, chứ có cộng sản nào mà không thi hành như vậy đâu. Tệ hơn nữa trên thế giới ngoài cộng sản, còn biết bao người cũng thi hành theo đó, nếu không vì vô tình thì ít ra vì không có tiêu chuẩn nào khác hướng dẫn, và rồi thấy làm như vậy cũng chẳng sao. Nói khác bất kể tới tiêu chuẩn hiệt củ mà rồi thấy đời cũng xuôi: cũng tiền tài danh vọng đầy đủ. Cần chi phải Hiệt củ, hay nói chung thì **chẳng còn mấy ai thấy tiêu chuẩn Hiệt củ là quan trọng**. Vì thế bài này sẽ bàn đến điểm đó.

2.- Sống cho no tròn để đạt hạnh phúc

Chúng ta đã bàn luận nơi khác về mục tiêu cuộc sống này là phải sống sao cho no tròn, sao cho phát triển hết mọi khả năng có thể được, cũng như đáp ứng được những nhu yếu,

những khát vọng sâu thẳm nhất của con người, và khi đạt được thì dấu hiệu là sung sướng, an vui, nói gọn là hạnh phúc.

Hạnh phúc cao hay thấp là phát triển được nhiều hay ít khả năng, đáp ứng được nhiều hay ít nhu yếu cao thấp. Như vậy kết luận được rằng cứu cánh cuộc đời này là đạt hạnh phúc, y như khi ta trồng một cụm hoa hay một cây trái ta mong cho cây ra nhiều hoa trái hết cỡ có thể vậy. **Hóa công với con người cũng thế, nên đã là người thì phải là người hết cỡ, mà dấu hiệu là được hạnh phúc, cho nên ta chắc tâm rằng hạnh phúc là một tiêu chuẩn giá trị: nói rộng ra là cái gì làm cho ta vui thích, giúp ta có cuộc đời thoải mái thì đấy là điều hợp cho tiêu chuẩn trên, nói kiểu thông thường đó là điều phải lẽ, hợp đạo:**

3.- ĐỪNG QUẤY PHÁ LÂN NHÂN NGAY Ở VIỆC NHỎ NHẤT

Khi ta cư xử với lân nhân mà ít nhất là không làm cho lân nhân bị khó chịu thì đấy là bước đầu tiên. Ta không vịn ti vi ồn ào làm phá vỡ bầu khí an tịnh của lân nhân, không hội họp ăn nói bô bô mãi tới muộn giờ làm ngăn trở việc ngủ nghỉ của lân nhân thế là “ đúng Đạo “ .

ĐỪNG NGẠI HẠ CHỮ ĐẠO XUỐNG ĐẾN NHỮNG PHÉP LỊCH SỰ NHƯ VẬY: vì Đạo cũng như Đời sống làm nên bởi những cái nhỏ nhỏ như vậy đó: cái sậy làm nảy cái ung. Biết bao cuộc hạnh phúc tan vỡ, bao cuộc đời khổ lụy truy căn ra cũng chỉ vì những cái nhỏ nhỏ làm nên. Vậy không làm cho ai khó chịu phải là bước đầu tiên, có giữ được mới không vô tình làm sút mẻ hạnh phúc của tha nhân.

Bước thứ hai tích cực hơn liên hệ tới những người bó buộc ta phải có sự tiếp xúc cụ thể hơn, như thân nhân hay lân nhân vì vậy khó hơn nhiều vì **con người rất khác nhau ở sở thích**, cái tôi ưa đã vị tất là cái anh thích, do đó có muôn vàn lối cư xử. Nhưng nhiều tới đâu ta cũng có thể quy ra hai loại lớn: một là Nhân Nghĩa hai là Chủ Nô.

4.- Quan niệm về Nhân Nghĩa và Chủ Nô

Cả hai đều căn cứ trên quan niệm về con người, **một coi Người như sự Vật**, còn **một coi Người như một thực thể riêng biệt, linh thiêng hơn vạn vật**. Về quan niệm người như sự vật thì thực ra không có ai chủ trương rõ ràng như vậy, nhưng do cách đối đãi ta có thể rút ra hệ luận.

a.- Quan niệm Chủ Nô: coi con Người như sự vật

Thí dụ lối Chủ Nô phát nguyên từ quan niệm coi trọng sự vật, không dám nói là hơn con người, nhưng trong **thực tế thì như vậy**, quan niệm đó đã kết tinh vào câu nói của cộng sản là **hạ tầng kinh tế chỉ huy thượng tầng văn hóa**. Thực tế là xưa kia các xã hội La Hy căn cứ trên tài sản để đánh giá người:

có tiền đến trăm ngàn thì được quyền bỏ phiếu, không trăm ngàn nào thì không được bỏ phiếu nào. Đó là quan niệm căn cứ trên sức mạnh, do đó chính sức mạnh đã trở nên tôn chỉ của cuộc sống. Lại sống đi theo lối đấu tranh để sinh tồn, trong đó kẻ được thì chiếm đoạt nên có của và làm Chủ, kẻ thua bị tước đoạt phải làm Nô. Nô không là người mà chỉ là sự vật, Chủ muốn giết hay bán đi đều tùy ý như bán một đồ vật. Vì vậy tuy không nói rõ ra nhưng hậu quả là thế tục coi con Người như sự vật. Và xin nói ngay là chính quan niệm này đã chỉ huy các xã hội cổ xưa và đồ khuôn mọi liên hệ của con người vào mối liên hệ duy nhất là Chủ Nô. Ngày nay liên hệ này không hiện hình rõ rệt nhưng nội chất vẫn còn, vì thế triết hiện đại gọi là “ **I-that** “: tôi với cái đó, “ Je et cela “.

Tất cả mọi người chỉ là cái “ that “ cái “ cela “ tùy quyền tôi quản lý. Khỏi nói thì ai cũng thấy cộng sản nắm giải quân quan trong việc thể hiện tương quan I-that này, biến các xã hội nó cướp

đoạt được thành các nhà tù vĩ đại khổng lồ khôn lường. Tất cả bấy nhiêu khổ luy đã xa hay gần khởi nguồn từ quan niệm Người như con vật, hay sự vật.

b.- Quan niệm Nhân Nghĩa: coi con Người như con Người

Ngoài quan niệm người như sự vật thì có quan niệm Người như Người, mới nghe như nói quẩn, nhưng khi đã biết quan niệm người như sự vật thì mới thấy sự đặc biệt của quan niệm người như người vì **lối giao liên của nó căn cứ trên Nhân Nghĩa** đặt nền trên hai yếu tố: trước hết là định nghĩa con người trên Nhân, Việt Nho nói “ **Nhân giả nhân dã** “ chính đức Nhân làm nên Người. Nhân là gì? Thừa là cái mà khi người nào có thì tỏ ra **Nhân tình, Nhân hậu, Nhân ái, Nhân nhượng** □ Còn nghĩa là gì? Sách Trung Dung định nghĩa là “ nghi “ : “ **Nghĩa giả nghi dã** “. Chữ nghĩa do chữ nghi, mà nghi tối hậu là thuận theo Trời cùng Đất. Theo đó nói “ **Thiên Địa lưỡng nghi** “. Theo nghĩa thông thường là thích nghi: thích nghi với tình người: nó tùy hoàn cảnh mà khác nhau. Hoàn cảnh đó khi nói cách tổng quát và với con Người thì có 5 vị trí: **1/ vợ chồng, 2 / cha con, 3 / vua tôi, 4/ anh em , 5 / Bằng Hữu (Đồng bào)**.

5.- Bằng hữu.

Đây là nền tảng, còn khi pha trộn vào nhau cùng với thời gian không gian thì làm nên vô số trường hợp không thể nói hết, và lúc ấy cần đưa ra một nguyên lý thực tiễn để giúp đỡ đó là Hiệt Củ, dùng thước vuông mà đo: square measuring, nói đến vuông là nói đến cái gì có mốc giới, cụ thể, có một không hai trong lúc đó, nên chỉ có người trong cuộc có quyền quyết định, thầy dạy hay sách vở không thể thay thế được, vì thế phải **lấy bụng ta suy ra bụng người**. Đó là câu nói bình dân diễn tả đạo Hiệt Củ: điều mình không muốn ai làm cho mình thì đừng làm cho ai. Đó là khuôn vàng thước ngọc. Nhiều người cho đó chưa là cao vì còn tiêu cực. Tất nhiên rồi, nếu nói trong lý thuyết thì chưa đủ cao thật. Muốn cao phải nói kiểu tích cực là điều tôi muốn người khác làm cho tôi thì tôi phải làm cho người khác thế mới tích cực, mới cao trội hẳn lên. Tuy nhiên đây là nói lý thuyết còn trong thực tế thì khó vô cùng. Thí dụ tôi muốn người giàu san sẻ cho tôi ít tài sản, thì tôi cũng san sẻ cho người khác. Nhưng cho ai? Bao nhiêu? □ Nó kéo theo vô số vấn đề ghen tị (người có kẻ không) kẻ nhiều người ít, rắc rối vô kể. Vậy mà chưa hẳn trầm trọng cho bằng rất có thể phạm đến tự do tha nhân. Vì không phải bất cứ cái gì mình thích mà người khác thích, anh thích hot dog mà tôi đâu có thích, nay anh bắt tôi ăn, tôi không chịu, anh giằn tôi ra nhét vào thì đâu có làm cho tôi sướng. Đó chỉ là thí dụ để chỉ sự áp đặt mà lối yêu tích cực cơ thể dẫn tới, như ta thấy trong chế độ cộng sản.

c.- Cách yêu Người cuồng nhiệt của CS

Đừng ai nghĩ rằng cộng sản không yêu người mà phải nói rằng **cộng sản đã nảy sinh do lòng yêu người rất tích cực, họ bất bình vì thấy người bị tước đoạt, nên muốn chấm dứt nạn người bóc lột người, thế mà cuối cùng cộng sản đã trở nên những kẻ bóc lột người khác đến tận cùng, tước đoạt không những tài sản mà luôn cả ý nghĩ, cảm tình, những tình tự tư riêng thuộc bạn bè, anh em, cha mẹ. Ấy chỉ vì họ đã yêu theo lối tích cực: họ giằn người ta ra để lên vào những điều họ thích: vô thần, vô gia tộc, vô quốc gia. Vậy có nghĩa là lối yêu tích cực rất dễ đổ ra quan niệm về người như sự vật tức yêu kiểu chiếm đoạt, coi lân nhân như một đối vật mà mình cần chiếm lấy để làm ra của mình, tức bắt kết mọi người khác phải đồng nhất mình cả trong niềm tin lẫn tình cảm, ý nghĩ, đường đi nước bước.**

d.- Lối yêu Người dè dặt của Việt Nho

Đó chính là lý do tại sao Việt Nho rất dè dặt không dám trình bày “Hiệt củ” theo cung cách tích cực. Sách Trung Dung (13) nhắc lời Khổng Tử rằng:

**“Quân tử chi đạo tử, Khâu vị năng nhất yên:
Sở cầu hồ tử dĩ sự phụ, vị năng dã.
Sở cầu hồ thân dĩ sự quân, vị năng dã
Sở cầu hồ để dĩ sự huynh, vị năng dã
Sở cầu bằng hữu dĩ tiên thi chi, vị năng dã**

Đạo quân tử có 4 điều mà Khâu này chưa làm nổi một:
Phụng sự cha như tôi mong cho tôi phụng sự tôi, điều đó tôi chưa đạt.
Phụng sự vua như tôi mong đại thần phụng sự tôi, điều đó tôi chưa đạt.
Phụng sự anh tôi như tôi mong em tôi phụng sự tôi, điều đó tôi chưa đạt.
Cư xử với bạn hữu tôi như tôi muốn bạn tôi cư xử với tôi, điều đó tôi chưa đạt.”

Tôi chỉ cố gắng hiện thực những đức thường thường: cẩn trọng những lời nói thông thường. Trong mấy khoản đó nếu có điều nào không đủ thì không dám không cố gắng, nếu có điều nào thái quá thì không dám không tận lực, sao cho lời theo việc, việc theo lời. Đó không phải là dấu chí thành của quân tử sao. Điểm khác thứ hai của lối Nhân Nghĩa là nhấn mạnh trên Tình người mà bỏ nhẹ Lý sự. Theo câu phương châm triết lý An vi: Lý là lý sự mà Tình là tình Người. Đó là câu nói đặc biệt vì người duy lý thì đi theo quan niệm sự vật về người nên không trọng Tình. Cần phải đi lối tình mới trông hiểu được người vì con người làm bằng 1 lý 9 tình. Muốn đạt Tâm con người thì phải đi theo lối Tình, Việt Nam quen nói Tâm tình là vì vậy. Không có lối nào phát triển tình cảm tự nhiên, trong trắng bằng tình cảm gia đình vì đây là những tình cảm tự nhiên cao thượng, khi đã thấm nhuần những tình cảm đó thì dễ dàng xử với mọi người đúng hiệt củ, tức gây hạnh phúc cho người.

Chữ Hiệt củ Mỹ dịch là square measuring thì mới dịch có nghĩa đen. Chính chữ Hiệt cũng là chữ Khiết, là làm cho trong trắng cái thước đo, mà thước đo ở đây là bụng: suy bụng ta ra bụng người, nếu bụng ta tốt thì sẽ cư xử với người tốt, tốt bụng hơn hết thì không đâu bằng sự đối xử với nhau giữa những người ruột thịt. Vì vậy lấy Tình nhà làm mẫu cho Tình nước, gọi vua quan là phụ mẫu chi dân chính là thế: muốn cho vua quan yêu cái dân yêu, ghét cái dân ghét. Và khi vua quan đặt mình làm dân, và không muốn người cai trị làm cho mình những điều chi thì đừng làm cho dân những điều đó. Mọi mối liên hệ khác cũng rập khuôn như vậy. Đó gọi là Hiệt. “

III.- Ở đời

1.- Trống Đồng và hai chữ Hồng Bàng

“ Thiên Nga hay Hồng Bàng là họ Thủy tổ nước ta. Trước kia tôi chỉ được nghe qua huyền thoại không cảm thấy mấy rung động, nhưng từ ngày tôi nhận ra nó liên hệ mật thiết với khảo cổ thì hai chữ Hồng Bàng bỗng trở nên óng ánh chói chang gây cảm xúc rung rinh tràn ngập, đã vậy còn mang theo cả hào quang của khách quan tính rất khoa học. Xin trình bày ít điểm sau đây: Khảo cổ nói ở đây là trống đồng Ngọc Lũ mà trên mặt có hai hình chim lớn đậu rợp nóc nhà sàn. Nếu chỉ xem có Trống thì không mấy ý nghĩa, nhưng móc nối vào truyện Hồng Bàng thì giá trị tự nhiên bật nổi hẳn lên. Trước kia Hồng Bàng chỉ là một hình ảnh tượng

trung, nhưng nay nhờ Trống đồng tôi thấy trực thị được hình ảnh về Hồng Bàng mà tiên nhân đã áp ủ và tạc ra hình để lưu lại cho con cháu. Tôi thấy có một cái gì vững chắc dùng được làm bàn nhún có tính chất khách quan khoa học khiến cho cuộc ngoi ngược về Nguồn (tổ nguyên) trở nên đầy hứng thú.

2.- Huyền sử trần ngập Chim

Thoạt đi vào huyền sử nước nhà ta liền nhận ra mình đang bước vào **bầu trời trần ngập những chim là chim**. Trong khi quan sát ta thấy cả hai loại đáng chú ý: một là **chim Trĩ hai là con Hồng Hộc**. Tôi nói loại mà không nói thứ vì thứ là phạm vi điều học, hay cả khảo cổ, ở triết chỉ cần biết loại chim là đủ.

a.- Việt Trĩ: thời thờ Mặt Trời (Viêm Việt)

Vậy Trĩ là loại nổi hơn hết, lông được dùng để múa, để trang sức áo quần. Xưa áo các bà đều thêu hình chim Trĩ, lông nó kêu là Địch là Vũ, nên áo đó kêu là địch y, vũ y□. Vậy loại này thuộc về Việt rõ ràng như câu sách Kinh Thư nói **Châu Từ công lông Trĩ ngũ sắc. Châu Từ là đất thuộc châu Dương của Di Việt cũng gọi là Hoài Di**. Theo sách Quảng Đông Tân Nghĩa nói “ **tuỳ dương Việt Trĩ** “ : con Trĩ của Việt đi theo hướng mặt trời mà hình ảnh còn trần ngập trong trống đồng đi theo vòng ngược kim đồng hồ. Còn trong nghệ thuật là con Phượng. Phượng bao giờ cũng vẽ theo hình Trĩ, nên có thể **coi Phượng là Trĩ**.

b.- Hồng hộc : Lối sống nhập Thất (điều tục) của Văn Lang

Sau Phượng Trĩ thì đến **Hồng Hộc** đứng tên cho Hồng Bàng thị của nước Văn Lang tức là Tị Tổ của ta đã nhận **Hồng Hộc làm Quốc hiệu**. Hồng Hộc là chim nước, con lớn gọi là Hồng, con nhỏ gọi là Hộc, cả hai thuộc loại chim chủ đề của Đông Nam Á. Hai chứng tích trên cho thấy huyền sử nước ta gắn bó với cả hai loại chim ngay **từ đầu, từ lúc thờ mặt trời ghi lại bằng con “ Việt Trĩ đi theo hướng mặt trời “**, cho tới lúc chuyển sang thờ Trời với chim nước mà **Hồng Hộc dẫn đầu**. Thiết nghĩ không những Tàu mà cả các chi Việt khác cũng không đâu có được sự gắn bó với chim như vậy. Có thể coi con **Việt Trĩ là giai đoạn Tổ tiên ta còn đang nằm trong khối Viêm Việt** lúc còn thờ mặt Nhật chưa tách ra thành một dân tộc riêng. Đó là điều chỉ xảy đến với nước Văn Lang được thiết lập vào giai đoạn thờ Trời (xem sự phân biệt thờ Trời và mặt Trời ở Sứ Diệp). Như vậy là ta có một điểm tựa nào đó rồi để **xác định lối Ở Đồi được gói ghém trong hai chữ Hồng Bàng**. Vậy Hồng Bàng là nhà chim tức cha ông ta lấy “ **điều tục “ làm lối ở đồi của dòng tộc**, của Hồng Bàng thị. Điều đó tới quan trọng vì việc “ làm người “ một cách siêu việt, Nho giáo quen gọi **việc học làm người là xây nhà và việc thành Nhân là vào được Nhà (nhập ư Thái thất)**. Vậy sự bước được vào thâm cung của nhà **chính là hiện thực được đầy đủ tính Bản nhiên con người đại Ngã Tâm linh**. Đây là ý tưởng rất sâu trong triết đã mạnh nha từ đời Hồng Bàng, thời nhận chim nước làm vật biểu và cố sống theo cung cách của chim là bay bổng.

c.- Lối sống bay cao (siêu việt) như Hồng Hộc

Sau này gọi nước là Việt thì vẫn còn giữ liên hệ với ý tưởng ban sơ này, vì Việt có nghĩa là **siêu việt**, là bay lên cao như chim Hồng chim Hộc. Đó gọi là sống theo lối Chim mà Nho kêu là “ điều tục “ , tổ tiên xưa đã bày tỏ “ điều tục “ bằng nhiều cách, nhưng cách cụ thể hơn **hết là lối ở nhà sàn**, vì nhà sàn giống với tổ chim hơn bất cứ kiểu nhà nào khác: chim làm tổ trên cây thì cái sàn cũng ở lưng chừng nhà. Chỗ này phải ghi lại truyền thuyết nói rằng ông **Hữu Sào làm nhà trên cây**, nên gọi bằng tên đó, vì sào là tổ, Hữu Sào là người “ có tổ. Hình ảnh này hợp cho

nhà sàn hơn hết, nên suy đoán được ông Hữu Sào chẳng qua là tên tiên thiên đặt ra để ghi việc sáng nghĩ ra nhà sàn, hay đúng hơn ghi việc gán nghĩa cho nhà sàn: một hình ảnh cụ thể hóa ý niệm **Người là trung gian giữa Trời cùng Đất. Trời chỉ bằng nóc nhà có chim đậu trên, Đất chỉ bằng nền nhà, Người ở giữa gọi được là nơi giao chỉ** (giao thoa của chỉ trời chỉ đất). Đó là hình ảnh tiền bộ cho thuyết Tam tài Thiên, Địa, Nhân.

d.- Sống trong Thái thất (Tổ) nên Chim biến thành Tiên: Tổ Tiên

Chính lối ở quy định bản tính con người, mà tính thì biểu lộ bằng tên, nên ta gọi cha ông là Tiên Nhân tức nói lên lối ở đời của cha ông như Tiên. **Tiên đi với chim**, nên gắn hai tiếng vào nhau thành ra Tiên Tổ có nghĩa là **muốn nên Tiên thì phải ở ăn cách thanh thoát**, mà cụ thể chỉ bằng nhà sàn làm cho người ở trên giống như chim ở tổ. Con cháu đã ghi bài học đó bằng gọi tiên nhân của mình là Tiên Tổ, là Tổ phụ. Lâu đời quá không còn để ý đến chữ Tổ có nghĩa là nhà chim trước khi chỉ các bậc Tiên nhân: cao, tăng, cố, tổ. Chứ ban đầu theo ý nghĩa sơ nguyên thì mấy tiếng đó (nhà sàn, Tiên Tổ) mang đầy ý nghĩa rung rinh thấm thiết: **lối ở nhà sàn quy định tính con người biểu thị bằng tên (là Tiên, là Tổ, là Hữu sào) là như vậy**.

e.- Tiên Tổ đã hoá trang Chim (thể Đạo)

Bây giờ xin hỏi thêm lối ở đó có ảnh hưởng đến vấn đề ăn mặc chẳng. Thừa có đó là **Tiên Tổ ta đã hoá trang chim**: áo, xiêm, mũ tất cả đều làm bằng lông chim, như ta thấy hình ảnh trong trống đồng những người trang sức bằng lông chim và đang cầm khiên, mộc, giáo, phách để múa (đã nói cận kề trong quyển Sứ Điệp). Nên nhớ đời xưa tục múa bằng lông chim rất phổ biến, đến đời vua Thuần, vua Vũ cũng còn múa kiêu đó. Cả trường Bích Ung nhà Chu cũng còn múa như vậy, thì đủ biết cái nét đặc trưng nọ rộng và xưa biết bao: **hễ đâu có múa lông chim là đấy có “ Hồng Bàng chút giọt máu đào “ , có Xích Quỷ, có Văn Lang**. Không ngờ chỉ một cái tên, một câu tục ngữ lại trở nên chìa khóa vững chắc cho cuộc thám hiểm vào nền văn hóa nước nhà đến như vậy. Ấy là nhờ trống Đồng đã ghi lại chói chang hình ảnh cái nhà chim, với cuộc ca vũ của những người đã hoá trang chim. Nó mở chân trời cho ta bước đi vững vào khu rừng già của huyền thoại Trung Hoa cổ đại để biết đích xác hơn những chi tộc thuộc về ta, cũng như **chứng thực Nho giáo đã bắt nguồn tự Việt vậy**.

g.- Tàu có chim Cú và mượn Chu Tước

Trước hết về chim, với Tàu xét như vật biểu thị không thấy dấu nào rõ như Hồng Bàng. Tàu chỉ có mờ mờ về **chim Cú** xem ra là vật tổ của Hoàng Đế, còn không có một lâu đài rực rỡ đầy chim như trống đồng. Chỉ về **sau có chim chu tước hay hỏa tước đời Chu nhưng chắc chắn là mượn con “ tùy dương Việt trí “ của ta**, như khoa khảo cổ nhận thấy loại chim đó (quen gọi là chim nhà Hán cũng gặp ở Bornéo) thì biết là mượn của Viêm Việt. Về chim nước thì rõ ràng là của ta. Các nhà nghiên cứu đều ghi nhận chủ đề chim nước là của Đông Nam Á. **Tàu chỉ có cá vậy là duy Thủy. Phải gọi là chim nước mới là Âm Dương giao chỉ (bay được trên trời mà vẫn sống được dưới nước)**.

3.- Lịch sử về Cái nhà của Tàu và Việt

Còn nhà của Tàu thì có vừa mượn về sau, vừa không vươn lên đến độ triết lý Tam tài. Nói mượn vì mãi đến **thế kỷ 13 tr.c.n, thủy tổ nhà Chu là ông Đản Phụ còn phải ở hang**. Kinh Thi phần Đại Nhã bài Miên (237) nói: “ **Cổ công Đản phụ, đào phúc đào huyệt, vị hữu gia thất** “ : ông Cổ Công Đản Phụ còn ở lò nung gốm và hang, chứ chưa có nhà. Đào phúc là lò nung gốm, còn

đào huyết là hang khoét vào đất để ở. Do tính chất đất (loes) hoang thổ miền Thiểm tây có thể làm như vậy. Các nhà nghiên cứu đoán rằng chính loại hang này đã gọi ra **lối chữ viết chỉ nhà gọi là gia, kép bởi bộ miên là nhà và thi là heo**: vì lúc ấy người Tàu cũng như Âu Châu trung cổ còn nuôi súc vật chung trong một nơi với người. Xem thế đủ biết khi Nho nói về lối ở (cư) về nhà (thái thất) về tính con người thì đều khởi nguồn tự văn hóa Việt được phân tích như sau: Trong Nho có hai tiếng đề chỉ nhà liên hệ đến vấn đề này một là Gia hai là Thất. Gia (家) là cái gì vòng ngoài chỉ con trai, chỉ thói tục (nhập gia tùy tục), còn thất chỉ con gái, chỉ cái gì thâm sâu như bản tính con người, nên câu “ vào được nhà: nhập u thất “ phải hiểu là người khi đã đạt thân, tức hiện thực được nhân tính. Chữ thất (室) giống với nhà sàn ở chỗ có ba bộ miên, công, thổ (thực ra bộ phận giữa không rõ, nhiều học giả cho là chữ công biến thể). Như vậy dạng tự chữ thất thuận lợi để chờ theo ý nghĩa Tam tài cũng như nhà sàn. Trong Kinh Thi (bài Si Hiếu) chim cũng gọi nhà của nó là thất, như vậy lại thêm một liên hệ nữa chỉ Hồng Bàng là nhà chim.

4.- Lối sống Ở Đồi của Nho: Cư chi

Sau nhà thì đến việc ở. Nho giáo cũng đặt vào đó sự quan trọng rất mực. Trong lễ gia quan là lễ khai mạc cuộc đời tự lập của con người, cha nói với con khi được nhận mũ phải biết ở chỗ rộng lớn trong thiên hạ tức biết hiện thực đại đạo:

**“ Cư thiên hạ chi quảng cư
Hành thiên hạ chi đại đạo. . “**

“ Cư chi “ được các học giả đồng hóa với chữ Tâm chí, tức để chí vào đâu gọi là ở đó, còn chữ hành đi với thân theo như Mạnh Tử phân biệt:

**“ Cư chi ư Tâm giả
Hành chi như Nhân giả.”**

Nghĩa là khi nói ở đời thì phải hiểu về cái Tâm tức về cái chỗ của mình để lòng vào. Vậy đâu là chỗ con người phải để lòng vào. Nói khác cái gì làm nên con người? Cái ăn hay cái ở? Đây là chỗ rất lộn xộn, chúng ta thường nghe người nay nói: anh ăn cái gì, anh là cái ấy: “ you are what you eat “. Còn Việt Nho xưa lại nói: “ Vô Nghĩa vô Lễ hà dĩ vi nhân “ : không Lễ không Nghĩa lấy gì để làm người tức **cái làm cho người ra người không phải là cái ăn mà là cái ở, ở sao cho có Nghĩa có Lễ**. Thiếu Lễ Nghĩa thì không có gì để làm người. Giữa những câu nói trái ngược đó chúng ta cần phân tích để tìm câu đáp ôn hòa.

5.- Loại nhu yếu làm nên con Người

Ai cũng thấy rằng trong con người có hai loại nhu yếu một là ích dụng: Như **ăn, ở, đi, lại**□ . . . Hai là loại phi ích dụng như các loại tình tự, cư xử, **Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, Liêm Sĩ**□ .
Vậy trong hai loại đó, loại nào làm nên con người.

Duy vật chủ trương là loại một, ngày nay gọi là kinh tế. Đôi khi có dùng tên khác như xã hội, nhưng xã hội lại do kinh tế chỉ huy nên người vẫn là người kinh tế “ homo economicus “

Trái lại **Tâm linh sử quan đặt căn tính con người trên những đức tính phi ích dụng**: có thể tóm vào chữ Nhân. Vậy nói “ **Nhân giả Nhân dã** “ là khước từ vai chủ động trong con người không phải là Kinh tế mà là Tình người. Chính chữ Nhân mới làm nên con người chứ không phải cái anh ăn vào miệng. Nói vậy không có nghĩa là không chú ý đến ăn. Bài sau sẽ cho thấy ăn còn được Tô tiên chú ý hơn các nơi: nhưng nói cho cùng Tâm trí con người chưa cần lưu ý đến cái ăn thì đã có dạ dày nhắc nhở, điều đó giống với các con vật khác cũng thế, nên đây

không phải là cái làm nên con Người, phải tìm ở chỗ khác: ở chỗ Tình người. Đây là điểm một.

6.- Ba quan niệm về Bản tính con Người : Mạnh, Tuân và Cáo Tử

Điểm hai là trong các mối Tình người có hai loại là tích cực như Yêu thương quảng đại và tiêu cực như Hận thù, Oán ghét, ta hỏi loại nào thuộc bản tính con người. **Việt Nho cho là loại tích cực tức cái làm nên bản chất con người** là những đức tính cao cả những mối tình quảng đại, yêu thương, nhân nhượng chứ không phải những khuynh hướng ngược lại như căm thù, nham hiểm, độc địa.

Chính theo định nghĩa tiên thiên trên mà **Mạnh Tử đã cho Tính con người là tốt. Tuân Tử đã chống đối cho tính con Người là ác.** Nhiều người như **Cáo Tử không biết bên nào phải nên chủ trương tính con người trung hòa không tốt không xấu**, tùy uốn nắn mà ra tốt hay xấu mà thôi. Chủ trương như Cáo Tử là lỗi ba phải thường nghiệm không đi tới triệt để, nên cũng không tìm ra được tiêu chuẩn để phán quyết thế nào là tốt thế nào là xấu.

7.- Quan niệm dàn hoà giữa Mạnh và Tuân

Vì vậy cần đi xa hơn đến chỗ triệt cùng và lúc ấy ta nhận được điểm giàn hoà giữa Mạnh và Tuân. Tuân Tử cho là xấu vì căn cứ trên Hậu thiên, trên hiện tình con người thì quả là xấu có đây. Kant cũng nói theo hướng Tuân Tử rằng con người làm bằng một thứ gỗ quá cong vẹo không trông làm nên được cái gì tốt. Mạnh Tử theo thuyết này, nhưng không triệt để nên ông còn trừ ra mấy thánh nhân như Nghiêu, Thuấn, nhưng học giả Legge đã chối luôn cả trường hợp ngoại lệ nọ, cho là không thể có dù chỉ một người trọn vẹn tốt. Legge có thể coi như đại diện quan niệm Hậu thiên của Tây Âu cho rằng con người vì mắc nguyên tội, nên dẫu tiên thiên có tốt nhưng không còn phương thế tự nhiên nào lấy lại được trạng thái “ nhân chi sơ “ đó nữa. **Quan niệm của Mạnh Tử vì đặt trên căn bản triết lý Nhân chủ** nên cho là có thể lấy lại được. Theo đó ta cần xét tới lập trường của Mạnh và Tuân.

Vì chúng ta đang đi tìm một định nghĩa con Người tuy có lấy Thực tiễn làm trọng nhưng lại không bỏ qua tính chất Lý tưởng nên cần đặt vấn đề như sau: xét trong con người hiện tại xấu có tốt có = có cả lòng muốn yêu người, yêu hết mọi người, thích quảng đại, bao dung, nhân nhượng, nhưng đồng thời cũng có khuynh hướng ác độc, căm thù, báo oán, gian tham. Cả hai khuynh hướng ngược chiều đó đều hiện diện trong con người, nên Việt Nho cho người là nơi quỷ thần hội tụ. **Con người vừa là Thần vừa là Quỷ.** Và trong thực tế, chủ nhân của con người có lúc là Thần có lúc là Quỷ, tùy ý chí con người quyết định. Vậy xin hỏi cứ Tiên thiên mà xét thì chủ nên là Thần hay Quỷ. Nếu là Thần thì tức là bản tính con người chính là những đức tính nhân ái, bao dung, quảng đại, và đó là chủ trương Việt nho khi nói “ Nhân giả nhân dã “ .

8.- Xét Quan niệm: “ Nhân giả Nhân dã “ của Nho

Vậy ta hãy xét xem câu trên có đúng chằng. Để thấy điều đó nên **xem trong con Người ý hướng mạnh nhất là gì: ghét hay yêu? Có thể nói đó là Yêu**, ai cũng muốn mọi người được hạnh phúc sung sướng, mà cụ thể là muốn mọi người được tự do, no ấm. □ Đó là điều rất rõ, khi xét các triết thuyết, các đạo lý, các đảng chính trị cũng như các phong trào bao giờ cũng thấy xây trên ý hướng yêu thương, đến nỗi như cộng sản hễ thờ ra là phải nói đến căm thù, phá hoại, nhưng cũng chỉ coi đó là bước tuy cần thiết để dẫn tới giải phóng con người khỏi nạn bóc lột, khỏi nạn vong thân, nếu vậy thì **dự phóng căn bản cũng là yêu thương, cũng là tốt! Như thế**

cần phải tìm Bản tính con Người trong phía yêu thương quảng đại, công bằng, kính trọng tha nhân. Mạnh Tử đã minh họa bằng những ý hướng vô vị lợi trong con người mà ông gọi là tứ đoan: 4 cái khởi đầu:

Một là lòng Chăng Nở đối với người khác.

Hai là lòng Hổ thẹn khi làm lỗi.

Ba là lòng Từ nhượng.

Bốn là biết Phải biết Trái (II.6)

Đó là những mối tình chớm nở một cách đột nhiên ai cũng có. Nó có tính cách vô vị lợi, thí dụ khi thấy đứa trẻ gần rơi xuống giếng tự nhiên ai cũng muốn cứu không cầu cái chi như sự ghi ơn của mẹ cha đứa nhỏ. Những tình cảm đó rất tự nhiên ở đâu và bao giờ cũng có như vậy, nên kết luận được đó là bản tính con người, tức là nó đã có trước khi con người được dạy dỗ như vậy, cũng như trải qua cuộc đời đầy nham hiểm độc ác mà những mối tình kia hầu bị chà đạp có khi tắt hẳn ở một số người nhưng nói chung thì nó không bị tiêu diệt, vẫn còn tìm cách vươn lên, vươn lên được nhiều hay ít là tùy hoàn cảnh mà Nho gọi là **Mệnh**.

9.- Quan niệm về Mệnh của Việt Nho

Mệnh là những gì hạn chế khả thể hiện thực của ta: Nó đi cả với những đức tính vươn lên như Nhân Nghĩa, Quảng đại, nó không cho ta hiện thực những đức tính đó một cách đầy đủ như ý muốn: Mệnh cũng đi với những điều xác thân ta ham muốn như những thèm khát nhục thể cũng đều thuộc thiên Tính (thực, sắc, thiên tính dã) và đây là trường hoạt động đã dành cho mọi người. Con người phải làm thế nào để vượt qua những Mệnh, những trở ngại kia. Phải phân biệt thứ nào căn bản, thứ nào tùy phụ để biết đặt quan trọng đúng chỗ. Nếu đặt đúng để phát triển cái phần chính cốt làm nên con người thì sẽ là đại nhân, ngược lại là tiểu nhân. Việt Nho gọi đó là tu Tâm, Tâm cần được nuôi dưỡng bằng những mối tình yêu thương, quảng đại, bao dung, nhân ái.

10.- Tu dưỡng Khí Hạo nhiên: Tâm, Chí, Khí

Những mối tình cao cả quảng đại đó là những món ăn tinh thần nuôi dưỡng cái **Tâm** cái **Chí**, nếu nuôi được đều đặn thì nó sẽ lớn lên dần cho tới độ to bằng với vũ trụ, lúc ấy gọi là “**Vũ trụ chi Tâm**“, vì tâm mình to lớn đủ để bao dung khắp vũ trụ. Nguyễn Công Trứ nói “**Vũ trụ nội mạc phi phận sự**“ = không gì trong vũ trụ mà không là việc của tôi. Đây là phần **Tâm** cũng gọi là **Chí**, còn phần hiện thực bằng tác động thì được đại diện bằng cái gọi là **Khí**. **Khí** phải được nuôi dưỡng bằng những việc công minh chính trực, những nghĩa cử bất vụ lợi. Được nuôi như thế lại không bị hại nó sẽ lớn lên dần để trở thành **Khí Hạo nhiên** đầy khắp trong khoảng trời đất “**kỳ vi khí dã, chí đại chí cương, dĩ trực dưỡng chi vô hại, tắc tắc hồ thiên địa chi gian**“ **Mạnh II 2.** Với **Chí** **Khí** lớn lao như vậy thì gọi là **Đại Ngã Tâm Linh** hay cái **Bản tính Tiên thiên của con Người**. Đó là lập trường của Việt Nho, nó trung dung ở chỗ không gây bỏ tính ác khỏi con người, cho rằng **con người có cả ác, nói bóng là có cả Quỷ cả Thần, nhưng thần phải làm chủ; nói theo cơ cấu “vài ba” thì Quỷ 2 Thần 3, 2 là Thực và Sắc, còn 3 là Tâm (chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài) với những mối tình cao thượng. Chính cái này mới làm nên con Người.**

Sở dĩ người ta ít thấy được vì bị hai nhu yếu dưới (thực và sắc) choán hầu hết năng lực. Nhưng nếu đáp ứng được hai nhu yếu kia rồi, thì người ta liền nghĩ đến điểm ba và dễ dàng nhận ra thiếu nó thì người không ra người.

Như vậy Thần chỉ vượt hơn Quỷ một điểm, nên chỉ là Chủ tương đối, có thể bị lấn át, và đây là chỗ dành cho sự đóng góp của con Người, nếu con người đóng góp hữu hiệu thì Thần là Chủ, con Người sẽ có tính Thiện, tất cả mọi Người đều có thể trở nên Thiện. Đó là quan niệm của Việt Nho, trung dung tránh hai thái cực là cùng cực tốt hay cùng cực xấu.

11.- Việt Nho đặt Đạo ở gần con Người

Vì vậy Việt Nho không đặt Đạo ở rất cao xa vượt hẳn con người, nhưng đặt vào những mối nhân luân thường ngày, nói là Đạo của Nghiêu Thuấn tức hai vị được coi là thánh thì cũng chỉ tóm vào hai chữ Hiếu Đễ mà thôi. “ Nghiêu Thuấn chi đạo Hiếu Đễ nhi dĩ hĩ “ . Đó là đại lược quan niệm về con Người đặt vừa tầm sức con người để có thể hiện thực.

Sau khi đã nghiên cứu hết mọi nền triết lý, tôi đoán quyết rằng không phải bất kỳ Nhà nào cũng có thể đưa ra một hướng đi, một hướng ở đời. Phải, không phải Nhà nào, không phải House nào kể cả White House mà **phải là Việt House mới có thể cung ứng cho con người một nơi ở xứng hợp với bản tính con người**: nhiều nơi con người hoặc còn nằm trong bậc **Bái vật** thì làm chi có “ Nhà “ hiểu là Thái thất ba tầng. Nhiều nơi khác như Âu Mỹ lại đang luân quản ở vùng **Y hệ** nên cũng thiếu nhà luân; cùng lắm có Gia, chưa có Thất nên kể là thiếu Nhà. Chúng có là tiếng homeless được nói vang lừng trong sách triết. **Người Việt chịu bỏ công ra học hỏi trở lại về nguồn gốc văn hóa nước nhà để nhận thức trở lại giá trị cái nhà Việt thì sẽ khỏi phải than phiền vì nạn “ thiếu Nhà “ mà chỉ cần dồn hết tâm lực vào việc trùng tu ngôi nhà Hồng Bàng Thái thất và cố gắng vào ở (cư chi) cho tới ngày đạt hạnh phúc là vào đặng trong nhà Hồng Bàng mà Nho gọi là “ Nhập cư thất “ còn Việt gọi là “ Vũ hóa “ trở nên có cánh, trở nên con Bạch Hạc vỗ đôi cánh thiên nga bay tuốt lên cõi Thiên Tiên Đại Vũ Trụ. “**

IV.- Ăn : phương thức sản xuất trong nước Văn Lang

1.- Khám phá lừng danh của Marx

“ Một trong những điều đã làm **K.Marx** vang lừng danh tiếng kéo được vô số trí thức tận tình ủng hộ đó là việc “ khám phá “ ra rằng “ **con người cần phải có cơm ăn áo mặc nhà ở trước khi nghĩ đến chính trị, tôn giáo, nghệ thuật** “ . Chính vấn đề ăn mặc gọi bằng tên tổng quát là Kinh tế nó chỉ huy Thượng tầng kiến trúc văn hóa. □ **Lịch sử loài người toàn là truyện tranh ăn nên Thượng tầng Văn hóa của nô lệ thường dân**, nói khác là Văn hóa của người bị trị, bị đàn áp do Văn hóa của kẻ thống trị. □ Đại để đó là những nhận xét đã được Engels gọi là khám phá vĩ đại, chính nó đã gây ảnh hưởng quyết liệt trên hoàn cầu, thúc đẩy mọi người hướng trọn vào việc sản xuất đầy đủ những nhu yếu về ăn mặc. □ Chính vì thế ta thấy Việt cộng lúc nào cũng nói đến sản xuất. Đang đêm đột nhập Lâm Đồng cũng hỏi Linh mục ở đây bác có sản xuất chẳng. Đủ biết hai chữ sản xuất đã ám ảnh chúng đến mức độ nào. Đó là hậu quả của một cuộc “ khám phá “ do Karl Marx.

2.- Câu nói đầu mỗi chót lưỡi của Dân Việt Nam: Có Thực mới vực được Đạo

Người Việt Nam đọc đến đây không khỏi ngỡ ngàng đặt câu hỏi tại sao một việc quá thông thường lại gây nên được hiệu lực lớn lao như kia. Có gì lạ đâu: bên ta dù em bé chăn trâu không đi học cũng thường nghe ngao câu tục ngữ “ có Thực mới vực được Đạo “ tại sao câu nói của K.Marx xét về nội dung không khác lại được đề cao như một khám phá vĩ đại và đã gây ảnh hưởng lớn lao đến thế.

3.- Môi sinh văn hoá Âu Tây: Duy Tâm

Để thấy điều đó cần phải nhớ lại **môi sinh văn hóa Tây Âu là duy Tâm** nơi mà triết lý là một ý hệ tức xây trên những ý niệm trừu tượng xa thực tế như vấn đề ăn mặc, vì vậy sự nhận xét của K.Marx quả là một “ khám phá mới lạ “, mới lạ với bầu khí duy Tâm của Tây Âu trước kia. Đây là điểm một.

4.- Cơ cấu văn hoá Âu Tây xây trên Lợi hành

Điểm hai là Hạ tầng kinh tế chỉ huy Thượng tầng Văn hóa cũng có thực nữa: vì xét tới cơ cấu mới thấy Văn hóa Tây Âu xây trọn vẹn trên Lợi hành, trên sự đấu tranh giai cấp và Văn hóa của Chủ đã thắng Văn hóa của Nô, tức những nền triết lý chính thức được nhận vào chương trình học tập hàn lâm: Plato, Aristotle, Kant toàn vô tình vào phe chuyên chế để **đề bẹp Tự do nhân phẩm con người** (điều này mới nghe tưởng như trái ngược nhưng sự thực là thế, xin xem phân tích trong quyển Sứ Điệp Trống Đồng) vì vậy phải công nhận K. Marx đã nói rất đúng, nhưng chỉ đúng cho Tây Âu và cũng chỉ có đến đây, **còn về phương pháp đề ra là Duy vật Sứ quan, Duy vật Biện chứng với nền thống trị của vô sản chuyên chính cũng lại sai lầm trầm trọng như giải pháp duy Tâm, để khỏi nói là gây tai họa bi thảm hơn nhiều:** nghĩa là dân chúng vẫn khôn khổ vì miếng ăn, mặc dầu đảng và nhà nước đã giết hại hàng trăm triệu người để thiết lập đường lối mới nhằm tạo cơm áo cho mọi người. Hãy lấy thí dụ cụ thể về nước ta khi **Việt cộng đã tiêu diệt cả triệu người để thiết lập Triết lý lao động vinh quang** mà toàn dân nước hiện đang đói như chưa từng khi nào có trong lịch sử, thì đúng là sự sai lầm của cộng sản rất trầm trọng. Xưa kia nếu đói có thể đổ cho sự thiếu chăm nom của chính quyền. **Ngược lại ngày nay chính quyền lo đêm lo ngày bắt dân làm việc không còn giờ nghỉ, vậy mà lại đói khổ hơn thì đủ biết sai lầm không nằm trong sự thiếu đường hướng mà nằm chính ngay trong đường hướng.**

5.- Nguyên nhân sai lầm: Triết lý một chiều

Đây là hậu quả của Triết lý một chiều Duy vật. Việt cộng đổ cho đủ thứ: Mỹ, ngụy, thiên tai nhưng các nước cộng sản khác kể cả nước đầu sỏ là Nga cũng chỉ cao hơn Việt cộng, chứ so với các nước Tự do thì mức sống còn thấp kém hơn rất nhiều. **Xin hỏi đâu là căn do của sự vụ trái ngược nọ: tức từ khi khám phá ra sự quan trọng của việc ăn uống và chú tâm tới thì dân lại đói dài? Thưa là tại triết lý.**

Xưa kia đói là do triết lý duy Tâm không lo cho dân còn nay là duy Vật lại chỉ lo có miếng ăn: **bề ngoài chống nhau như nước với lửa, nhưng cả hai cùng nằm trong một bình diện, nên hậu quả nay với duy Vật cũng vẫn đấu tranh giai cấp, còn mở rộng thêm ra khắp vũ hoàn, thì hậu quả tất nhiên vẫn là Chủ Nô, chỉ đổi có cái tên:** Chủ thành kẻ Thống trị còn Nô là người Bị trị. Người Bị trị tuy không còn bị gọi là Nô nhưng tình cảnh bi đát hơn nhiều vì **không những đói cơm đói gạo, mà còn đói tai mắt, đói chân tay, đói tình cảm, đói ý chí, đói sáng tạo v.v**□

K.Marx không sống đủ dài để thấy hết sự sai lầm của mình nhưng đã có lúc mở tầm mắt xa hơn, để thấy rằng Á Châu không hẳn đúng với cái khuôn của mình đã đề ra là Hạ tầng chỉ huy Thượng tầng, nên đã đặt ra vấn đề Phương thức sản xuất Á Châu, với ngầm ý là lịch sử loài người có thể đi lối khác với lối Giai cấp đấu tranh mà có lẽ Á Châu là một thí dụ.

6.- Lý do bất lực về phương thức sản xuất Á Châu của Marx

Tuy nhiên K.Marx đặt ra vấn đề nhưng không tìm ra giải đáp nên sau bỏ qua. Có hai lý do bất lực.

a.- Về Tâm lý

Một thuộc **chủ quan là vấn đề Tâm lý**: nếu nhìn rõ ra được phương thức sản xuất Á Châu thì khám phá của K. Marx hết là “ khám phá “ mà chỉ còn là sự thực quá quen thuộc của Á Châu đã có từ nhiều ngàn năm lịch sử trước rồi, không để lại chi cho K.Marx khám phá nữa. Thứ đến sự thực nọ sẽ đánh đổ hệ thống tư tưởng Duy vật sử quan, nghĩa là trong nhân loại có **những nơi không theo Duy Vật cũng như Duy Tâm, thế mà tài sản lại được phân chia đồng đều hơn**. Nếu vậy thì còn gì là chủ thuyết Duy vật sử quan. Huống chi đối với cộng sản thì **đảng tính phải vượt trên Sử tính**: nói cho dễ hiểu là khi nghiên cứu lịch sử, Văn công phải chú ý uôn nắn sự kiện theo chỉ thị của đảng hơn là theo ánh sáng khách quan của sự kiện.

b.- Về khách quan

Về **phần khách quan** cũng không có gì trợ giúp cho cộng sản thấy được phương thức sản xuất Á Châu như thế nào. Trước hết vì cho tới nay chưa ai thấy nó ra sao: không nói chi đến các vấn đề cộng sản bị trói buộc do đảng tính, thì **chỉ có thể thấy một hai lối Trung ương tập quyền ở một vài nơi rồi mở rộng đại ra cho cả Á Châu**. Đây là phía cộng sản, còn **phía các học giả tự do** cũng lơ mờ nốt, hầu như chẳng ai ít ra trong phạm vi Triết thấy được cách sáng tỏ, thế mà có thể thấy được sự khác biệt giữa Á Âu, mới đáp được câu hỏi đầu là nét đặc trưng của phương thức Á Châu. Sau này thấy nền kinh tế Xô Viết vẫn không đủ khả năng nuôi dân, **Staline trở lại vấn đề và cho rằng phương thức sản xuất Á Châu ở tại tập trung sản xuất theo kế hoạch và sự kiểm soát của chính quyền**. Thế rồi đem áp dụng vào nông nghiệp của Nga: kết quả vẫn không đủ ăn và nhất là phẩm quá kém, thóc gạo thì mốc, khoai sắn thì thối mục. Có phải tại phương thức Á Châu đâu, đó chẳng qua là lối nhìn của cộng sản và một số học giả Tây Âu. Hoặc là chữ Á Châu quá rộng nghĩa bao cả Ấn Độ và Cận Đông. Nếu nói gọn vào Trung Quốc và nhất là Việt Nam thì phương thức đó trái ngược hẳn lại cái nhìn của Staline.

7.- Phương thức sản xuất của nước Văn Lang: Tự do Bình sản

Vậy sau đây là tóm lược phương thức đó: như được hiện thực trong nước Việt cổ đại gọi là Văn Lang. Sở dĩ chúng tôi nói tới Văn Lang hơn là Trung Quốc là vì về vấn đề này Văn Lang chính truyền hơn, đang khi Trung Quốc phần nào đã bị bẻ quặt theo Du mục bắc phương, nên giống Tây Âu nhiều hơn. Vậy phương thức sản xuất Á Châu trong nước Văn Lang ở tại bốn chữ “ **Tự do Bình sản.**” Vì **Tự do** nên không có chế độ Nô lệ. Còn **Bình sản** là ai cũng được tham dự tài sản quốc gia theo định chế định kỳ quân cấp lại ruộng đất. Vì vậy không có Tư bản với Vô sản.

8.-Gốc rễ sai lầm: thiếu Tâm linh sử quan

Nhưng đó mới là hai hậu quả bên ngoài, còn gốc rễ của nó là chi? Chắc chắn không phải Duy Tâm sử quan, cũng không phải Duy Vật sử quan mà là một vũ trụ quan khác. Ta hãy đặt cho nó tên là **Tâm linh sử quan**. Theo nghĩa thông thường “ **chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài** “ hoặc nói vắn tắt “ **có Thực mới vực được Đạo** “ : Thực là ăn trở nên điều kiện tiên quyết để hiện thực Đạo. Tuy vậy theo Việt Nho thì **Đạo mới là phần chính, phần cốt cán của con Người, phần làm nên con Người**. Còn tài sản, hay nói đơn sơ là vấn đề Ổ Ăn tuy rất cần nhưng đó chỉ là điều kiện mặc dầu là điều kiện bất khả vô, nhưng mới là phần ngoài: **phần chính bản tính con người phải là Tâm linh. Tâm là chính cốt đên nỗi thiếu nó con người không thể giải quyết vấn đề Ăn Mặc**.

Như được chứng tỏ trong thế giới duy vật cộng sản nay, cũng như thế giới duy tâm của Tây Âu xưa, cả hai nơi chỉ chừng 20% dân là Chủ, là có ăn, còn 80% là Nô không có ăn, mà chỉ được

nuôi sống như người ta duy trì những con vật để nó kéo cày, chứ có được vuron lên đến những tầng cao đâu. Ta có thể cảm nghiệm ngay trong mình điều đó: **chỉ khi hết bị dằn vặt về vấn đề sinh sống ta mới nghĩ đến được những vấn đề cao thượng thuộc Văn hóa.** Nhưng nếu nghĩ đến Văn hóa đúng cách thì nó lại giúp rất nhiều vào việc mưu sinh. Nói vậy có nghĩa con Người là một toàn thể không thể cắt lấy một phần mà lo cho được, không thể cắt rời việc Ăn Mặc ra khỏi vấn đề Văn hóa Tinh thần để lo cho chu đáo hơn, trái lại nó sẽ tệ hại hơn rất nhiều. Muốn cho con Người có ăn thì phải lo đồng đều cả Ăn Mặc cả Tinh thần, nói theo Triết lý là lo cho cả Ý, Tình, Chí. Chỉ lo một Ý sẽ dẫn đến tai họa.

Xin mở dấu ngoặc để nói về trường hợp Mao Trạch Đông đã được tiếng là có óc sáng tạo mà không mù quáng theo K.Marx. Vậy tất cả sự “ sáng tạo “ của Mao là biết tựa vào nông dân Á Châu mà theo K.Marx chỉ còn có một vai trò lịch sử là chết đi để làm phân bón cho cây cộng sản. Mao đã làm trái hẳn lại điều đó. **Tuy nhiên Mao thành công không do cái nhìn của Triết mà là hậu quả của Lương tri:** sau khi Mao đã theo lối hướng dẫn của Staline dựa trên Thợ thuyền rồi thất bại tam tứ thứ mới quay về với Nông dân. Vì vậy với sự quay về đó Mao đã không dội được tia sáng nào vào vấn đề sản xuất Á Châu cả.

9.- Đáp đề: Trút bỏ Đảng tính và 4 loại Giai cấp

Biết đại để như thế rồi bây giờ ta hãy liếc nhìn cách Việt cộng tìm lối đáp cho vấn đề phương thức sản xuất Á Châu. Ta thấy chúng rất hăm hở về đề tài này, vì là đề tài đã được bàn tới rất nhiều trong thế giới cộng sản, và vẫn chưa tìm ra đáp số nên nếu Việt cộng tìm ra được lời đáp đúng thì lúc ấy chúng sẽ có một đóng góp ngoạn mục cho vấn đề nóng bỏng kia và lẽ ra chúng phải tìm ra được. **Là vì Phương thức đó đã hình hiện lên trong nước Văn Lang một cách chói chang, cũng như được bảo lưu qua bao thế hệ của Việt tộc cho tới tận đầu thế kỷ 20 này.**

Chỉ cần trút bỏ “ đảng tính “ tức trút bỏ thành kiến do Marx, Staline đã lèn vào đầu óc để xét lịch sử một cách khách quan sẽ thấy phương thức Á Châu, hay ít ra phương thức đó đã hiện thực ở Việt Nam ra sao. Muốn biết đặc tính của một phương thức sản xuất thì cần xem dấu biểu lộ ra ngoài rõ hơn cả, đó là vấn đề có Giai cấp hay không có giai cấp.

Nếu có Giai cấp thì tức là có kẻ bóc lột và người bị bóc lột. Đó là liên hệ Chủ Nô. Hỏi rằng ở Việt Nam cổ đại là nước Văn Lang có Nô lệ chăng, có giai cấp chăng? Đây là chỗ lúng túng của Việt cộng nên chưa đưa ra được câu đáp khoa học.

Để trả lời câu hỏi này, cần trước hết phải phân loại Giai cấp, để tránh tình trạng tiền đề nói về một sự kiện, đến tiêu đề hay kết luận nhảy sang sự kiện khác dưới cùng một danh hiệu. Theo đó ta thấy có đến bốn loại giai cấp:

Giai cấp Giàu Nghèo Quý Tiện
Giai cấp Cai trị và Dân gian
Giai cấp kẻ Thống trị và người Bị trị
Giai cấp Chủ Nô.

10. Định nghĩa về Giai cấp

Thứ đến phải **định nghĩa thế nào là Giai cấp** mình muốn nói tới. Phải tránh hẳn lối nói khơi khơi thiếu định nghĩa, rồi sau thấy không ổn thì thêm đây những chữ **nhưng** vô duyên vào để sửa lại. Thí dụ Văn Lang có giai cấp nhưng chưa sâu sắc! Thế nào là sâu sắc, cần quy định mới là nghiên cứu theo phương pháp khoa học. Vì thế để chữa lại, chúng ta cần định nghĩa sơ qua thế nào là giai cấp.

a.- Giai cấp Chủ Nô

Theo mạch văn của cộng sản thì trên hết phải hiểu là giai cấp Chủ Nô, vì cộng sản là thuyết thoát thai từ thực thể Âu Châu quê hương của giai cấp Chủ Nô. Vậy để có giai cấp Chủ Nô thì trước hết phải là một định chế nghĩa là có pháp luật theo đó Nô lệ không có quyền tạo mãi tài sản, không có quyền là người nũ, vì bị coi như đồ vật, chủ có quyền đem bán hay huỷ hoại đi. Giả sử một Nô lệ bỗng nhiên trở nên giàu có, hoặc tài giỏi như triết gia Epictète cũng vẫn không được là người Tự do vì hàng rào pháp luật ngăn cản.

Thứ đến Ti lệ nô lệ phải lớn, ít ra quá bán số dân vì đó là định chế nhà nước. La Hy xưa số nô lệ thường là 80% lên xuống tùy thời và nơi, nhưng rõ ràng là vượt quá bán.

Đem hai điều đó áp dụng cho Văn Lang đều không có, nơi đây chỉ có sự kiện Nô lệ mà không có chế độ Nô lệ. Vì không có chế độ nên số phận khá hơn rất nhiều, như được Chủ tin dùng, cùng đi đánh giặc với Chủ, nhiều khi còn được gả con và cất nhắc như An Tiêm là một mẫu đề. Vì vậy nên gọi là Nô tỳ hay tên gì khác và tổng số tất quá vài ba phần trăm dân số.

b.- Giai cấp Giàu Nghèo

Còn giai cấp Giàu Nghèo chỉ là Giai cấp thông thường, không là định chế và không bao giờ hay ở đâu tránh được, nó gắn liền với con Người vốn khác nhau về may rủi và tài cán, nên dù ở xã hội nguyên thủy cũng có giàu nghèo nếu không giữa Cá nhân thì giữa các Thị tộc bộ lạc, rồi nữa nếu có bao giờ cộng sản thực hiện nổi xã hội không giai cấp đi nữa thì vẫn cứ có người nghèo kẻ giàu, chưa nói trong dân chúng mà nói ngay giữa cán bộ với nhau. Vậy giai cấp Giàu Nghèo không là một phạm trù khoa học, không nên đem ra dùng khơi khơi được. Tư bản thì khác vì nó nằm trong xã hội Âu Tây căn cứ trên giai cấp Chủ Nô mất rồi, nên có thể dùng như phạm trù định tính. Còn Giàu Nghèo bên ta không thuộc loại đó.

c.- Giai cấp Thống trị. Giai cấp Cai trị

Về giai cấp Thống trị cũng không có bên ta. Để đáng tên là Giai cấp Thống trị không những phải có toàn quyền mà còn có Tôn giáo và Văn hóa riêng cho giai cấp đó được dùng để đè bẹp Văn hóa đại chúng. Bên ta trái lại chỉ có một nền Văn hóa duy nhất của toàn dân, do dân sáng tác và duy trì, đó là những Tục ngữ, Ca dao, những Truyện kể: vua tôi cũng ca múa như nhau, cũng thờ Gia tiên, Quốc tổ như nhau. Văn chương bác học cũng mức chất liệu từ nguồn suối chung đó, nên vẫn bám sát đời sống đại chúng, không làm gì có Văn hóa riêng cho Giai cấp thống trị, vì không có Giai cấp Thống trị, mà chỉ có Giai cấp Cai trị, là điều cũng tự nhiên: hễ đã có tổ hợp là phải có nhà cai trị tức phải có người ứng tác, điều hợp, ra mệnh lệnh. □ Vậy với xã hội Văn Lang thì đó là Lạc Hùng, Lạc Tướng. Không thể gọi Lạc Hùng Lạc Tướng là Thống trị, vì họ rất gần dân, họ giống với Quan lang trên Mường khi uống rượu thì Lang phải đối đãi dân tử tế, khi dân cần vay mượn thì phải cho dân vay, y như khi Lang túng thiếu phải vay dân vậy. Lang Liêu là con Hùng Vương cũng túng nghèo như ai, nếu thật thống trị đâu có thế. Tất nhiên không thiếu lạm dụng nhưng đó vừa là trường hợp ngoại lệ, vừa đến một chừng mực nào thôi.

Chỉ có một điểm kém ngày nay là Cha truyền Con nói, nhưng đời bấy giờ chưa tiến bộ đủ, hoặc vì người xưa muốn tránh việc cướp chính quyền gây xáo trộn đời sống. Tóm lại không có Giai cấp nên không có việc dân oán hờn nhà cai trị, chứng cứ là trải qua nhiều ngàn năm Hùng Vương vẫn được tôn thờ; mới lên sổ sơ sơ đã có tới hơn bốn trăm đền điện ghi nhớ Hùng Vương, vợ con tướng tá. Những nhà nghiên cứu cộng sản coi bộ như quên mất chữ Cai trị, chỗ nào cũng thấy viết thống trị, cả đến chữ phục trong câu “Hùng Vương dĩ huyền thuật phục chư bộ lạc” cũng phải thêm tiếng thống phục vào mới yên mà lẽ ra phải dịch chữ thần phục mới đúng với

mạch văn. Sở dĩ nhiều người (1) muốn Văn Lang có giai cấp là vì họ đã dính chặt mắt vào bộ tiền đề của K.Marx, Engels cho rằng mâu thuẫn Giai cấp là điều kiện thiết yếu để cho nhà nước xuất hiện. Nhưng ai cũng thấy đó chỉ là sự kiện của Tây Âu, cùng lắm thì là luật tắc của những nước miền Lưỡng Hà chứ không phải là luật phổ quát tức nhiều nơi không cần giai cấp mà bộ tộc cũng có thể bước lên nhà nước được vì còn nhiều công tác khác thí dụ những việc công như đê điều, chống xâm lăng, xử kiện, đòi chính quyền trung ương mạnh.

(1) Nói nhiều người vì cũng có những học giả chủ trương Văn Lang không có nô lệ. Tuy nhiên vì khả năng luận lý và tinh thần chính xác khoa học không đủ sắc bén nên không đưa ra được lý chứng mạnh mẽ để thuyết phục đối phương. Tuy về các phương diện nghiên cứu khác thì lẽ lối khoa học được thi hành một cách nghiêm chỉnh, nhưng về mặt suy luận thì tất cả còn ở đợt Ý kiến, vài người mập mí đợt Tư tưởng còn vươn tới đợt Triết gia thì tuyệt nhiên chưa thấy bóng dáng.

11.- Kết luận về phương thức sản xuất Á châu

a.- Bình sản và Tự do

Theo những điều trên đây thì phải kết luận thế này là phương thức sản xuất Á Châu ở tại **Bình sản và Tự do**. **Bình sản** là ruộng đất làm của chung làng xã rồi cứ định kỳ quân cấp cho dân, như vậy là **xã hội không lấy tư sản làm căn bản, càng không tuyệt đối hóa quyền Tư hữu**. Nếu có ít chút tư điền thì đó chỉ là sự lạm dụng, sự áp đặt do phong kiến về sau, không phải là nền tảng lúc đầu và cũng không lấn át nổi chế độ bình sản: tức ruộng đất chung bên ta vẫn chiếm phần đa số ít ra tới thế kỷ 19. Do đấy **không có Chủ Nô vì ai cũng Tự do**, ai cũng có tài sản cũng như có **quyền Ăn Nói**: hễ đến tuổi thì được vào Hội đồng kỳ mục.

b.- Tâm linh sử quan: “ Thiên Địa vị yên, vạn Vật dục yên “

Vậy nếu cần một ngữ thuật chỉ thị tình trạng đặc trưng nọ thì đó là **Tâm linh sử quan** bao gồm cả Trời và Đất mà Nho đã công thức hóa thành câu: “ **Thiên Địa vị yên vạn vật dục yên** “. Trời đất đặt cho đúng vị trí thì vạn vật sẽ được nuôi dưỡng. Điều đó Việt Nho đã đặt đúng theo thuyết Tam tài Thiên, Địa, Nhân, cả ba đều là vua, người cũng là vua. **Vua thực sự có địa vị. Địa vị đó rất cao cả tức đứng giữa Trời cùng Đất, nên có quyền thực sự**: quyền trên Vạn hệ mình, trên Thân xác mình cũng như Tâm Tình Ý Chí của mình, không ai được xâm phạm tới. Khác với **Duy Tâm** nghĩ về con người như một thứ hồn ma bay lảng lảng trên không khí không cần phải nghĩ đến Ăn Uống, như vậy Người đâu có vị yên, Đất cũng không có vị yên. Lại cũng khác với **Duy Vật** chỉ nghĩ đến có miếng Ăn, còn bao nhiêu Tình cảm tâm linh bỏ hết như vậy đâu người có vị yên, Trời cũng đâu có vị yên, làm sao Vạn vật dục yên cho được. **Chỉ có “ vị yên “ là khi nói đến con Người như một vua trong ba vua.**

Đã là Vua phải có chủ quyền nào đó về Tài sản. Nó là bước đầu bảo đảm cho bước sau như Tự do, Nhân phẩm, cũng như các động ứng phát huy các đức tính làm nên con Người toàn vẹn. Con người toàn vẹn phải có cả quyền phát triển mọi khả năng của mình, thí dụ đức tính tiên liệu sao cho miếng đất mình cấy cây kết quả tốt đẹp. Nội một việc tiên liệu đó đòi óc sáng kiến, điều động, dự trữ dài hạn ngắn hạn, chứ không như người trong công xã chỉ là một nô lệ bảo làm gì biết làm việc ấy lúc ấy, mà không còn biết gì đến ngày mai, hay toàn thể vấn đề ra sao. Làm thế nào cho ruộng tốt, cây giống lúa nào, thời gian nào, tích trữ ra sao cho khỏi mối mọt □ Cả ngàn điều phải tự liệu. □

Chính những lo liệu ấy làm nên những bước chân đi trên con đường kiện toàn Nhân tính. Đó là những điểm then chốt mà sự chối bỏ chỉ gây tai họa. **Các nước cộng sản đàn anh**

đã mở mắt dần. Khrushchev đã phải bãi bỏ luật cưỡng ép bán nông sản cho nhà nước; các nước Đông Âu đã phế bỏ hầu trọn lối canh tác cộng đồng. Trung cộng cũng phải bỏ dần các công xã. Đó là những bước đi lần về với phương thức sản xuất Á Châu. Tuy nhiên đó chỉ là từng mảng phụ bên ngoài do kinh nghiệm đau thương bó buộc phải sửa đổi, nên chưa đạt hậu quả tốt đẹp.

Muốn đạt sự tốt đẹp thì phải đổi triết lý: từ Duy vật sử quan đổi ra Tâm linh sử quan, phải coi trọng con Người, mỗi con người với những nhu yếu thâm sâu của nó mà nhu yếu đầu tiên là Âm Thực nhưng nhu yếu cuối cùng lại là ăn lời Tâm linh. Có vậy mới mong lâu dài.

V.- Mặc

1.- Triết lý về mặc: Đỉnh Nhân lý Nghĩa

“ Đó có thể là câu nói tóm triết lý về cách Ăn Mặc, trang sức của tiên nhân. “ Đỉnh Nhân là đội lấy Nhân “ , nói kiêu khác đâu đội Trời. Còn câu chân đạp đất được thay bằng “ Lý nghĩa “ , “ dẫm lấy Nghĩa “ tức đi theo Nghĩa, mà “ Nghĩa “ chỉ đạo lý (nhân) được áp dụng vào từng trường hợp. Nhân là đạo lý, còn Nghĩa là đứng trước trường hợp cụ thể thì phải áp dụng ra sao.

2.- Mặc ở giai đoạn thờ mặt Trời: bỏ ăn Vật Tổ, mặc Vật Tổ

Muốn xét về ý nghĩa cái Mặc của Tiên nhân phải trở ngược lại thời Văn minh. Xâm mình là bước tiến đầu tiên để trỗi ra khỏi **giai đoạn “ vật Tổ “** , “ **ăn Thánh** “ hay lối “ **thông dự nhiệm tích** “ (communion sacramentelle) tức thời kỳ thờ vật Tổ thì người ta ăn thịt con vật được thờ để được tham dự linh lực của Thần vật ấy. Đó là bước tiến thứ nhất ở tại **bỏ ăn Vật Tổ để mặc Vật Tổ**: thờ con nào thì mang sắc phục con vật ấy, thí dụ dân miền Altai (Thiên Sơn) thờ nai Chà thì xâm mình nai Chà. Có thể một số tiên Tổ rất xa xưa của ta cũng ở vào giai đoạn này, đó là giai đoạn thờ Mặt trời. Về phía các bà là **mặc Áo lông Trĩ**. Nhớ Trĩ là chim mặt trời, nên cũng gọi là Chu tước = con tước đỏ: đỏ mặt trời, quẻ Li.

3.- Mặc ở giai đoạn thờ Trời: Áo lông Ngỗng, xâm mình, xâm trán

Nhưng đến giai đoạn thờ Trời thì các bà lại **mang áo lông Ngỗng** (ngỗng trời cũng gọi là Thiên Nga) đó là bộ áo Tiên. Còn các ông không có da rồng để may áo, thì **vẽ hình Rồng trên mình**. Cũng trong đợt này nên kể đến **tục xâm trán** (điều đê). Đây cũng còn là giai đoạn mặc Vật tổ (trong đó có tục xâm mình) nhưng cao hơn một độ vì dùng đến hình vẽ, tức là tiến thêm một bước trong việc trừu tượng hóa, nhất là có một số bộ lạc xâm trán với màu xanh đỏ gọi là “ **xích vân lục tự** “: xích là đỏ, lục là xanh, nghĩa là vân đỏ chữ xanh. Đây lại là bước tiến nữa lên **đến đợt cơ cấu Ngũ hành**, trong đó **xanh chỉ Đông, đỏ chỉ Nam**, tức hàm ngụ Triết lý của ta là Đông (số 3) và Nam số 2) cộng thành số 5, tức là Ngũ hành với cái Triết lý thâm sâu của nó. Chính ở chỗ này mà người ta thấy sự hiểu lầm được ghi lại trong sách Lĩnh Nam Trích Quái: là xâm mình long giao đê khỏi bị giao long làm hại khi xuống sông bắt cá. Đó là tán phông chừng không có gốc rễ. Sự lầm này khởi đầu **có lẽ do một tác giả người Tàu là Cố Dã Vương**.

4.- Nhận diện chim Trĩ là di sản của Việt tộc

Xin nói thêm về chim trĩ. Chũ Nho kêu là Địch. Địch là thứ trĩ có đuôi dài, lông ngũ sắc. Ngũ sắc Nho xưa kêu là hạ. Đôi khi đặt chữ Lạc trước thành Lạc Địch thì nghĩa là chim trĩ của Lạc Việt (Leg. III tr.105). Hoặc câu nói thông thường của Việt Nho là “ **Lạc Địch tập kỳ tả dực** “, con chim trĩ của Lạc Việt thu cánh bên trái lại. Hoặc câu “ **tuỳ dương Việt trĩ** “, con trĩ của Việt đi theo hướng của mặt trời. Trưng tới ba câu Nho để ghi nhận bốn điểm sau:

Trĩ là chim của Lạc Việt.
Trĩ đi theo hướng của mặt trời.
Nó xếp cánh bên Trái lại.
Lông nó có Ngũ sắc.

5.- Ý hướng “ Thánh Nhân thể Đạo

Cả bốn điều cần thiết để nhận ra di sản của Việt tộc gồm chim Trĩ có lông Ngũ sắc (tức Ngũ hành đi theo hướng Tả nhậm). Đoán được chính ở vào suýt soát giai đoạn này mà ta có thể đặt đề ý **nghĩa cho nón chóp hình tam giác**, mà hình tam giác là một trong những tiêu biểu lớn của nhân loại **để chỉ thần minh hoặc chỉ mặt trời** (thay mặt thần minh) đối với “ dây vuông “ chỉ đất hay bánh dây bánh chung. Khi nói đầu đội trời chân đạp đất thì có thể hiểu vào việc này.

Hài công của các bà xưa là muốn cộng hai hình tròn (tam giác) với hình vuông vào thành một nét cong. Cũng trong chiều hướng này, ta có thể nghĩ đến các thứ nón hoặc khăn của dân ta: **khăn chũ nhất hoặc khăn chũ nhân** v.v□ đều nằm trong ý hướng hiện thực lý tưởng là “ **Thánh nhân thể đạo** “ = thánh nhân phải biết mặc lấy Đạo vào mình. Quần, áo, khăn, nón hiện thực sự mặc tiêu biểu để giúp tâm hồn mặc được đức tính thiện.

6.- Mặc lấy cơ cấu Vải Ba (2 – 3) của nền Văn hoá

Đến giai đoạn biết dệt vải để may quần áo thì giữ đạo lý vào kiểu áo 5 thân hoặc 5 cái cúc: sắp đặt theo số vải ba là số cúc trên ngực 2 dưới hông 3: làm nên Ngũ hành. Ta thấy nhờ bộ số vải ba mà Đạo có thể “ khám vào “ rất nhiều vật dụng thường nhật như vậy.

7.- Sự lẩn át của Văn minh Tàu (Hữu nhậm)

Bây giờ còn việc cái cúc áo thì cài bên nào? Việc tộc cài bên Tả gọi là Tả nhậm (tứ Di tả nhậm). Còn Hoa tộc cài bên hữu xin hãy gọi là “ **Hữu nhậm** “. Nhân tiện nên ghi vào đây là những chim nào quen xếp cánh bên tả như chim Lạc Địch, Tất Phương, Uyên Ương thì nên hiểu đó là những chim của Việt tộc. Về sau văn minh Tàu lẩn át nên bắt người mình phải “ hữu nhậm “ như Tàu. Mình yếu đành chịu vậy chớ biết sao, nhưng cố tìm cách gỡ gạc chút ít là dùng vạt áo bên tả đặt lên vạt áo bên hữu. Đó là một gỡ gạc gọi được là quan trọng vì nó có tính cách triết lý, tức bên tả là Âm đi trước bên Hữu là Dương theo thứ tự Việt là “Âm Dương: Tả đề lên Hữu “. Nhiều nơi cũng đắp vạt tả lên vạt hữu, nhưng xét đồng văn thì đó chỉ là một sự tình cờ do thuận tiện hay óc thẩm mỹ chứ không do triết, thí dụ thì người Tây phương đến Tàu, người Tàu thấy họ cài như vậy thì chê là trái cựa.

8.- Vững tin về Nguồn

Bài Mặc này tuy ngắn nhưng cũng có thể coi như **thí dụ rất chính xác của bộ số vải ba** (làm nên ngũ hành) nó giúp ta rất nhiều trong việc tìm về nguồn. **Việc Ăn Mặc của dân ta tuy chẳng**

có hình thể nhiều nhưng nhờ có bộ số đó mà ta theo dõi được quá trình hình thành và biến thể trong việc Ăn Mặc của tiền nhân xưa các khá xác định.

Đáng lẽ đây phải nói đến bài “ **Nghê Thường Vũ Y Khúc** “ , vì đó là đỉnh chót vót của triết lý ăn mặc, nhưng vì đã nói đến hai nơi một trong Trống Đồng, chương V và hai ở bài Từ Việt Mễ tới Việt Thường. Vậy xin gửi tới hai nơi đó để chấm hết bài. “

VI.- Nói: Tính thể siêu linh của tiếng Việt Xét qua cơ cấu Vài Ba

“ Tiếng nói là một phát minh rất sớm của con người. Có thể vì đó mà Hy Lạp “ **nói đầu trước hết có lời** “. Vì sớm sửa nên rất quan trọng nó mang theo những đức tính của nền văn hóa mà nó chuyên chở.

1.- Tiếng Nói bày tỏ Tính thể con Người

Bởi vậy nghiên cứu tiếng nói của một dân chính là xử dụng một chìa khóa đa năng mở vào nhiều kho tàng ẩn náu của nền Văn hóa ấy, thí dụ Nhạc tính trong **tiếng Việt tạo nên do Âm, Thanh, Vần, Nhịp** và đủ đề tài không những cho ngữ học là điều tất nhiên, mà luôn cho văn chương và cả tư tưởng nữa.

Hôm nay, chúng tôi thử bàn về điểm cuối cùng, tức về **liên hệ giữa Cơ cấu tiếng Việt và Việt lý xem hai đằng ăn chịu với nhau đến đâu.**

Trong các cơ năng hiển hiện của con người, **tiếng Nói bày tỏ Tính thể con Người nhiều hơn hết.** Con người được định nghĩa là nơi giao hội của đức Trời đức Đất, **tiếng Nói cũng vậy nó đứng giữa Vật chất và Tinh thần, vì thế nó chỉ còn có Thanh âm mà Thanh âm là cái đã thoát khỏi hình hài khí chất, nó là nhịp cầu nối Thể chất ở đọt Tinh vi cùng cực (thanh âm) với cái vô hình là Ý niệm và Tư tưởng.** Chính do chỗ đó mà ta có thể xét xem Ngôn ngữ của một dân có tinh thần nhiều hay ít. Hãy nhớ lại câu định nghĩa Thần trong Kinh Dịch là **Thần vô phương. Thần không ở nơi nào nhất định, thế có nghĩa là Thần có tính cách uyển chuyển, biến động và thấu triệt.** □ **Vật nào càng giàu thể tính năng động và thâm thấu thì càng giàu siêu linh tinh thần.**

2.- Hai loại tiếng Nói: Cơ cấu và Ngữ luật

Theo tiêu chuẩn đó ta có thể chia tiếng nói của loài người ra hai loại: một loại đi theo Cơ cấu, một loại vâng theo Ngữ luật.

Theo **Cơ cấu thì uyển chuyển và giàu khả năng thâm thấu.** Theo **Ngữ luật thì bị ràng buộc bằng cả một hệ thống mẹo luật gọi là Ngữ luật gồm Động tự, Danh từ, Quán từ (article), Giống, Số, Cách v.v** □ **thì hợp tác nhau đóng khung câu nói xuống theo một cấu trúc Ngữ pháp nghiêm nhặt cột chặt các tiếng vào một ý nghĩa không thể hoán vị, hễ hoán vị là trật Ngữ luật và trở nên vô nghĩa.** Có thể nói chung đó là các tiếng Âu Tây. Loại hai đi theo Cơ cấu thì không có những thứ như trên, không Thì, không Cách, không Số, không Quán tự, **Trạng tự** hoặc nếu có thì cũng đứng rời không ảnh hưởng nhau để dễ bề hoán vị mà cơ cấu chỉ định đặng mang theo ý nghĩa khác nhau tùy theo vị trí. Thí dụ “ vào được ” khác với “ được vào “. Đó là tiếng Tàu và tiếng Việt. Ông Burton Watson (1) nhận xét rằng **Ngữ luật tiếng Tàu rất đơn giản chỉ gồm có Thực tự và Hư tự (full words and empty words) (chi, hô, giả, dã).** Hư tự thường dùng như Quán tự để nối kết hoặc giải nghĩa, nhưng cũng thường bỏ luôn. Phương chi **tiếng Việt với cơ cấu rõ hơn và Hư tự giàu hơn.** (1) *Early Chinese Literature, Columbia Univ, Press N.Y.1962 p.146-170.*

Về Cơ cấu chỉ việc xem thí dụ với 5 tiếng dưới đây: hễ hoán vị một chữ là có ý mới.

Sao không bảo nó đến
Nó đến sao không bảo
Không bảo nó đến sao
Sao bảo nó không đến
Sao nó bảo không đến
Không bảo sao nó đến
Sao nó đến không bảo
Không sao bảo nó (cứ) đến
Nó không đến bảo sao

(Tôi nhớ láng máng xưa kia đã đọc thí dụ này đâu đó, có lẽ của L.M Lê Văn Lý thì phải và với nhiều xếp đặt hơn)

3.- Cơ cấu tiếng Việt

Quả là một sự uyển chuyển và năng động vô địch chứng tỏ trình độ cao cấp mà Việt ngữ đạt được trong việc đi đến cơ cấu. Lấy về hàng số mà nó thì Cơ cấu thượng thặng phải gồm ba bộ số: 2, 3 và 5.

a.- Năng động tính

Số 2 nói lên tính chất năng động căn bản. Muốn động phải có hai Hạn từ: Động bao hàm sự di chuyển từ A đến B, bước chuyển động cùng cực là từ Vô tới Hữu, từ Có tới Không, nên số 2 nền tảng phải là từ Có tới Không.

b.- Nhân chủ tính

Số 3 nói lên Nhân chủ tính. Vì Nhân chủ nên đứng ở giữa, không hề lệ thuộc vào hai thái cực nhưng độc lập như một chủ nhân ông. Số 2 là số căn bản có đầy trong Trời Đất giữa Sáng Tối, Đất Trời, Đực Cái, Cứng Mềm. Thế nhưng duy trì được số 2 trong văn hóa phải có một nền Nhân chủ mới đủ mạnh để duy trì, và sự duy trì được biểu lộ bằng số 3, nên **số 3 là số Nhân chủ, là số chỉ được đề cao trong văn hóa có Nhân chủ tính.** Chứ như trong duy Vật hay duy Tâm thì không có số 3 vì con người thuộc vào một trong hai bên, vào Trời hay Đất, duy Vật hay duy Tâm, và chỉ có Một tức nguyên lý Đồng nhất được đề cao rất mực. Còn số 3 bị gậy bỏ. Pháp gọi là tiers exclu = triệt tam. Tertium non datur.

c.- Tâm linh

Số 5 là số Ngũ hành thành bởi 2+3 cũng gọi là “**Vài Ba** “ hay “**Tham Lương** “ tức nói lên tác động cùng cực của con người. Muốn làm được tác động cùng cực thì phải là con người Nhân chủ (số 3) còn tác động cùng cực là nhảy từ Có tới Không, phải hiểu là cõi không u linh đầy tràn diệu hữu gọi là Tâm linh. Chính vì thế mà để tóm tắt thì quen nói **số 5 là số Tâm linh, hay là số Thâm thấu cùng cực.** Tóm lại sự uyển chuyển (do cơ cấu) nói lên sự thâm thấu cùng cực, thâm thấu biểu lộ tình chất Tâm linh (số 5). **Tâm linh biểu lộ bằng số 2 (từ Có đến Không) và tính chất nhân chủ số 3.** Chi tiết hóa như vậy rồi bây giờ chúng ta thử đi vào phân tích tiếng Việt.

4.- Tóm lược tinh túy

Đó là tóm lược tinh túy của bộ cơ cấu “**vài ba tham lương** “ .

a.- Số 2

Số 2 quan trọng như nền tảng được bàn trong bài Nét Song trùng (Kinh Hùng). Đây là nền tảng tối quan trọng nên văn hóa nào thiếu nó thì sẽ gieo tai họa. Hiện nước ta đang phải rên xiết dưới ách độc tài chuyên chế phi nhân của cộng sản thì cũng vì cộng sản thiếu nét song trùng. Bởi cộng sản là duy Vật.

** Tại họa đánh mất số 2 trở nên Duy Lý một chiều*

Chữ ấy nói lên sự thiếu nét Song trùng một cách công khai lộ liễu, nên sự hiềm độc, đi đến thái thậm. Chính cái độ thái thậm nọ làm cho nhân loại giật mình mới nhìn nhận ra căn nguyên tai hại, chứ trong thực tế thì văn hóa Tây Âu đã đánh mất nét Song trùng từ khuya. Heidegger kêu là đánh mất nét gấp đôi (the twofoldness). Chính sự đánh mất này là nguyên uỷ sâu xa tại sao văn hóa Tây Âu trải qua 25 thế kỷ không sao kiến tạo nổi một nền triết lý Hòa giải, như chúng tôi đã minh chứng điều đó trong quyển sách mang tựa đề như trên và đề nghị ra một nền triết lý Hòa giải đặt nền trên Việt lý (rất tiếc bản thảo quyển này đã bị mất vào dịp tị nạn năm 75) là vì cuối cùng chúng tôi khám phá ra trong triết Việt có nét Song trùng nọ, nó hiện hình vào cùng khắp những gì quan trọng như vật biểu là Tiên Rồng, cai trị nước được biểu thị bằng bánh Trời bánh Đất, quê nước được kêu là Sông Núi v.v□ cái gì cũng đi cặp đôi như thế.

Vậy sự đi cặp đôi nọ cũng thấy nhan nhản trong tiếng Việt một tiếng nói gọi là độc âm, nhưng lại ra đi đôi theo lối nhị âm một cách tràn ngập: chợ búa, chăn màn, giường phản, làm lưng, ngón ngang, hồ hởi, lè phè□ (Theo môn Việt Ngữ Lý (1) thì ban đầu tiếng ta đi đôi. Về sau chịu ảnh hưởng Tàu nên mới đi vào hướng một).

(1) Mỗi khi nói tới Việt Ngữ Lý là tôi quy chiếu tới cụ Mai Ngọc Liêu người đã mở ra một trường phái riêng về ngữ lý học đặc biệt Việt Nam. Tôi đã được đọc một vài bài thấy các khám phá của cụ có nền tảng nghiêm túc. Xin chờ đọc cụ Mai Liêu để biết thêm về ngữ lý của ta.

** Thực tự và Hư tự*

Thường thì không mấy người để ý đến lối đi cặp đôi đó vì tiếng nào trên thế giới chẳng có, thí dụ blanket, table thiếu chi. Nhưng khi nhìn lại liền nhận ra đó là tiếng đa âm nên cần cả hai âm mới đủ nghĩa, nói mar không đủ, phải thêm ket vào mới có nghĩa là chợ. **Còn tiếng Việt nói chợ là đủ, âm búa không cần cho ý nghĩa, thêm vào có thể coi là thừa, là Hư tự, có người cho là vô ích. Kỳ thực thì nó không còn nằm trên cấp vô ích với hữu ích, nhưng đã vươn vào vòng Trong.**

Trong bộ triết lý An vi tôi hay dùng chữ vòng Trong thay cho siêu hình, là vì vòng Trong tàng ẩn ngay trong sự vật, khác siêu hình đi luôn vào cõi ý niệm, kêu là lý giới như của Plato. Còn “vòng Trong” là cái gì vẫn nằm trong sự vật làm nên cái hồn, cái ý nhị của sự thể và như thế là diễn tả nét song trùng cách thâm thúy, nên ta còn nhận thấy tính chất thâm thúy đó ngay trong chữ cặp đôi được bày tỏ bằng nhiều lối.

** Liên hệ ý nghĩa*

Liên hệ ý nghĩa như nâng lên, hạ xuống, mở ra, đóng vào, chợ búa, tập tễnh mon men.

**Liên hệ lân cận□*

Liên hệ về lân cận, về liên tưởng như chăn màn, bát đĩa, giường chiếu, mâm bàn, nồi niêu, xoong chảo, viết lách, nói năng, ăn ở, điệu bộ.□

**Lập lại Nguyên âm*

Có khi bằng nguyên âm như ngâm nga, ngân nga, nét na (nguyên âm N), lập loè (L), đùng đĩnh (Đ), kêu ka (K). □

**Lập lại Chủ âm*

Có khi bằng chủ âm như linh kinh (inh), khoác lác (ác), lão đảo (ảo). □ Có trường hợp đặc biệt về chủ âm iếc như học hiếc, thi thiếc, làm quan làm kiếc, láo liếc, ho hiếc, ốm iếc, phải đi xin eo phe eo phiếc, phút tem phút tiếc. □ Trên đây chỉ kể sơ qua một cách ngẫu hữ (cách hệ thống dành lại cho ngữ lý học) vừa đủ để chứng tỏ đó là một sáng tạo không phải là vô ích như có người tưởng, mà là tối quan trọng để diễn đạt nét song trùng của Việt Lý, hai mà một, một mà hai.

b.- Số 3

**Nền Nhân sinh quan Nhân chủ hùng tráng*

Bây giờ xin hỏi hậu quả nét song trùng là chi? Xin thưa đó là số 3 chỉ nền Nhân chủ tức một nền Nhân sinh quan hùng tráng cùng cực đến độ Trời cao Đất thấp mà cũng có thể nắm giữ cùng một trật để làm nên “ cõi người ta “ ở giữa Trời cùng Đất. Nếu là thứ nhân sinh quan yếu hèn thụ động thì chỉ nắm nổi một bên: đánh mất nét song trùng và trở nên một chiều kích, một duy nào đó: vì chọn một bỏ một, chọn lý bỏ tình là duy lý, chọn trời bỏ đất là duy tâm, chọn Tư sản bỏ Vô sản là Tư bản, chọn Vô sản bỏ Tư bản là Cộng sản. □ Cứ thế mà giằng co chống đối, đấu tranh, đờc bên nọ mất bên kia, nên gieo tai họa cho con người vốn là một vật lưỡng thể (sống ở hai cấp bậc).

** Khác biệt giữa Tây ngữ và Việt ngữ (Le La và con cái. . .)*

Văn hóa con người chia ra được hai loại lớn một bên có **nhân sinh quan hùng mạnh** thì sẽ Nhân bản hóa vũ trụ còn bên có **nhân sinh quan yếu ớt thụ động** thì tất sẽ bị Vật hóa, như triết học bàn về con người theo cung cách bàn về sự vật tức đứng cùng một bộ định đề và nguyên lý của sự vật nên người bị vật hóa, Mỹ kêu là “ man reified ”, như đã được nhắc tới trong tiếng người homme do tiếng humus là đất bùn: cả hai tiếng cùng một gốc đất. Sau đây là mấy thí dụ nền tảng. Tây Âu gọi Trời là the **Sky**, Đất là the **Earth**, còn Việt Nam thì kêu là **Ông Trời, Ông Địa**. Thế là ta đã thấy khuynh hướng nhân bản hóa vạn vật lộ dạng trong chữ ông đặt cho Trời cho Đất. Hãy đi đến vài thiên thể lớn nhất là **mặt trời mặt trăng**, hai chữ mặt nói lên bóng dáng con người chiếu dọi tới trong chữ mặt: mặt trời, còn mặt trăng không những là mặt trăng mà còn có cả cười xin nữa tức nhân bản hóa trọn vẹn. Trẻ con hát: “**Ông Trăng mà lấy bà Trời** “ . Câu này chớ theo bầu khí sơ nguyên của thời mẫu hệ lúc mặt trăng còn nắm chính quyền kêu là ông trăng, về sau đến thời phụ hệ thì ông trăng trở nên bà nguyệt. Như vậy kể có phân mất mát nên dân gian an ủi bằng cách rút tuổi đi và kêu là cô Hằng, đã vậy còn yêu cô ra rĩ.

**Tôi yêu cô Hằng
Đêm xưa xuống trần
Mình ơi tình ơi.**

Nhưng thôi yêu em anh để trong lòng để anh xét tới các vật khác. Vậy khi xét tới cách kêu tên các vật ta thấy sự khác biệt lớn giữa Tây ngữ và Việt ngữ. Ta thì kêu là **cái là con**, cái bàn, cái bút, cái nhà con gà, con cá, con trâu. **Tây thì lại chú ý đến đực cái trừu tượng**: le monde, la table v.v, sự khác biệt này nói lên nhiều nét đặc biệt, mà điểm đầu tiên là tiếng Âu Tây quá ước định, thí dụ nói la table giống cái thì căn cứ vào chi mà bảo cái với đực. Thứ đến là **vụ giống cái**

thì tiếng Pháp phải thêm “ e câm “ (e muet). Nếu theo cụ thể thì e câm phải cho vào giống đực. Các bà nói nhiều thì e nói chứ sao e câm? Hay là có ý bảo các bà phải “ câm đi “ theo cung cách duy dương độc chiếm, đàn áp đàn bà?

*** Thứ tiếng sống Hiện và sống Ẩn tạo nên mối liên hệ Vạn vật nhất thể**

Ngược lại tiếng Việt thì có nền tảng đàng hoàng vì căn cứ trên sự sống hiện và sống ẩn. **Sống hiện kêu là con**: con gà, con vịt, con chim; **sống ẩn kêu là cái**: cái nhà, cái bút, cái bàn. Đây mới là nét xét vòng ngoài chứ vòng trong còn lắm điều hay kinh khủng. Trước hết nên nhớ **chữ Cái xưa kia có nghĩa là Mẹ** như câu Con dại thì Cái mang (tội). Như vậy hai tiếng **Con Cái** nói lên mối tình thâm thiết nhất trong loài người được đem dùng cho sự vật. Đó là tang chứng không những Nhân bản hóa vạn vật mà còn đem đặt vào đó mối liên hệ bao là và sâu thẳm nhất, nên vạn vật được ràng buộc với nhau như một thân thể, mà nho kêu là “ **thiên địa vạn vật nhất thể** “. Chính quan niệm nhất thể này gây nên môi sinh tinh thần công thể (esprit communautaire) mệnh mông không những bao trùm nhân loại không phân biệt Chủ Nô, mà còn tỏa ra khắp vũ trụ đến nỗi Nguyễn Công Trứ đã nói được “ **vũ trụ nội mạc phi nhân sự** “ = trong vũ trụ không có chi không phải là phận sự của ta. Nó khác biệt bao với cá nhân chủ nghĩa, mọi cái rời rạc xa lạ như

Albert Camus đã nói đâu đó rằng: tôi cảm thấy tôi xa lạ với vũ trụ, với Thượng Đế, với tha nhân và hồi ôi với chính tôi nữa. Điềm hai nó dính dáng đến lịch sử, lúc Mậu hệ nhường quyền cho Phụ hệ. Ở thời mậu hệ thì Cái chỉ vật sống hiện như câu:

Cái cò cái hạc (vạc) cai nông.

Sao mày nhổ lúa ruộng ông hồi cò?

Nhưng đôi sang phụ hệ thì cái lui vào hậu trường để chỉ những gì có cái sống ẩn tàng. Huyền sử nước ta chỉ thời quá độ bằng truyện 50 con theo Mẹ lên núi lập ra nước Văn Lang và chia nhau cai trị thay Mẹ. Còn Mẹ rút vào trong nắm lấy cái “ công bà “ với chức nội tướng và từ đây thì vật sống ngầm kêu là cái: cái bút, cái chén, cái nhà, còn vật sống hiện thì kêu là con “ con cò bay là bay la “.

*** Liên hệ giữa Tư tưởng và Ngôn ngữ**

Trên đây chỉ là cái nhìn thoáng của triết, vừa đủ để đặt ra nhiều vấn đề bàn luận để gây sinh động trong lãnh vực văn hóa, cũng như để nhận ra **mối liên hệ giữa tư tưởng và ngôn ngữ: cả hai cùng một nét song trùng y hệt**. Nếu tư tưởng là Tiên Rồng, Sông Núi, Đất Trời, Mẹ Cha, thì ngôn ngữ cũng thích đi cặp đôi: chẵn chiều, ngân nga, lê phê, ve vãn. Nếu tư tưởng là Nhân chủ thì tiếng nói cũng thế, từ ông Trời, qua cô Hằng cho đến cái cò, con tôm, cái nôi, cái chảo đều mang ấn tích con người. Đó là hai bước song trùng và nhân chủ hay là nhíp vài ba 2-3 hoặc tham lưỡng : 3-2.

c.- Số 5

*** Con số “ Thiệp đại xuyên**

Bây giờ xin bàn đến số 5 hay hành ngũ, nó bao trùm tiếng ta bằng 5 dấu: huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã. Tại sao tiếng ta lại được tràn hợp bởi số 5?

Ý nghĩa sâu xa nằm ẩn trong hai chữ hành ngũ. Hành là hành động vì đây là đợt cơ cấu nên phải nói tới hành căn để, vậy hành đó là bước vào cung ngũ mà theo cơ cấu là “ **hành vô hành** “ , “ **địa vô địa** “ tức là An vi = theo nghĩa không còn đối tượng, đi đến chỗ “ **vô thanh vô xứ** “ . Cái bước quan trọng đó Kinh Dịch kêu là “ **thiệp đại xuyên** ” sang qua sông lớn, nhà Phật kêu là

“ **đảo bĩ ngạn** “ vì thế cần thuyền bát nhã, mà trong Trống đồng là thuyền Rồng là thứ “ **thuyền tình bẻ ái** “ cùng cực để nối Trời với Đất.

** Ngũ hành (5) với Linh cổ (3 – 4)*

Vì thế xa xưa trống Linh Cổ có 6 mặt và có cái cả 8 mặt. 8 mặt chỉ Trời (8 gió của Kinh Dịch) 6 mặt chỉ Đất (lục phương). (1) Thứ trống này gọi là **Linh Cổ** được nói đến trong sách Mục Thiên Tử truyện, chương 5. Linh Cổ có 6 mặt nhưng cũng được trình bày như trống kép 3 (6 mặt) và được dùng để tế thần Đất (nhờ Thổ Bá có ba con mặt). Còn trống 8 mặt cũng gọi là **trống Sấm** để tế Trời. Lẽ ra 6 Trời 8 Đất hay 3 Trời 4 Đất chứ sao lại 8 Trời 6 Đất. Thừa ở đây theo luật Giao chỉ là theo Dụng mà không theo Thể (Thể viên Dụng phương, thể Âm dụng Dương) **3 trời Dương nhưng Dụng 4 Vuông. 4 Đất Âm nhưng Dụng Dương.** Vì luật giao chỉ đó mà Phục Hy Dương lại cầm cái Cù Vuông, bà Nữ Oa Âm lại bồng cái Quy Tròn (diễn nôm là ông giò miếng chả, bà giả miếng nem, nem Thủ Đức gói khá tròn!). Còn nhiều rắc rối khác nên không lạ con cháu mất trọn ý thức về bộ cơ cấu uy linh của mình. Chúng tôi đã cố tìm lại dấu vết trong hai quyển Kinh Hùng Khải Triết và Sứ Điệp Trống Đồng. Nhưng xin hỏi **6-8 liên hệ với Ngũ hành chỗ nào?** Thừa đó là liên hệ ngầm có đây trong các số cơ cấu là loại số cũng đầy uyển chuyển linh động. **Vậy 6-8 cũng là 3-4 (cặp đôi) mà 3-4 cũng chính là 3-2 mà 3-2 là số 5, số 5 kép bởi 3 trời 2 đất. Hai Đất cũng có thể là 4 Đất, hai số có thể dùng thay nhau: 2 hay 4 cũng được. Nói 3 + 2 (vài ba) hay 3-4 cũng là một. Nhà Phật nói “ tam tế tứ đại “ = 3 cái tế vi chỉ Trời, chỉ cái gì vô hình siêu linh, tứ đại là 4 cái thô đại chỉ Đất. Đó là liên hệ ngầm giữa 6-8 (ra 3-4) với Ngũ hành. Ngũ hành thành bởi 3-2. 3 chỉ Nhân chủ, 2 chỉ bước lưỡng hành: hành trong cõi hiện tượng lẫn hành trong cõi vô hình: có vậy mới ra lưỡng thể = amphibious gồm cả cái sống của Phạm ngã lẫn Siêu ngã.**

Ta thấy tính chất ghê sợ của hành Ngũ cũng biểu thị bằng số vài ba, 3-4 hay 6-8 sâu xa đường nào, thâm thấu tới tận Trời cùng Đất. Có ngày chúng ta sẽ tham luận về tính chất thiên biến vạn hóa của hình thái song trùng kép này.

**Bộ số Vài Ba (nhịp kép Hai) nhập vào Ngũ lý*

Hôm nay chỉ xin áp dụng bộ số vài ba vào ngũ lý. Ta biết Song trùng là nhịp Đầu, Nhân chủ là nhịp kép Một, vài ba là nhịp kép Hai. Ta đã thấy tiếng Việt phản chiếu hai nhịp đầu (Song trùng và Nhân chủ). Bây giờ đến nhịp Vài Ba nó cũng phản chiếu cách kỳ diệu trong thể thơ lục bát (6 là 3 cặp, 8 là 4 cặp). Hãy mở truyện Kiều ra đọc những câu lục bát tuyệt vời:

Trăm năm / trong cõi / người ta.

Chữ tài / chữ mệnh / khéo là / ghét nhau.

(Đánh dấu phân để thấy câu đầu có 3 cặp, câu sau có 4 cặp)

Cơ cấu Nói bằng số “ Vài Ba” hay nói bằng “ hình Tròn Vuông giao hợp “, hoặc cụ thể cùng cực là làm hai chiếc “ bánh Dầy bánh Chung “, hoặc muốn “ Xô Nho “ thì “ Thiên viên Địa phương “ đều cũng một cơ cấu. Vậy cơ cấu đã hiện thân cách kỳ diệu vào ngôn ngữ qua thể thơ lục bát trong cách gieo “ yêu vận “ tức câu trên không gieo vận vào cuối câu mà lại gieo vào lưng vào lòng câu sau:

Trăm năm trong cõi người ta/

Chữ tài chữ mệnh khéo là / ghét nhau.

Vậy mới là tình thâm chứ! Đọc lên như thầm bảo yêu em anh để trong lòng (trong mà) mà không để ngoài da đâu! Em đừng có ngại! Thật là bất ngờ, thảo nào thể lục bát được nhìn nhận là thể thơ độc nhất nói lên đức tính An vì ở chỗ gieo toàn vần bằng: dấu hiệu của an lạc siêu linh.

** Bè 6 – 8 được thể hiện trong trống Đồng Ngọc Lũ*

Xem ra thể thơ này cũng có trong nhiều chi của đại chủng Việt vì thấy hiện diện trong nhiều chi khác và có thể ngờ là đã được phản chiếu vào trống đồng Ngọc Lũ nơi vòng hoa văn giữa gồm **14 con chim chia hai bè: một bè 6, bè kia 8**. Phải chăng chúng đang ngâm thơ lục bát. Ít ra lục bát đang manh nha? Vì thế mà chúng có thái độ siêu thoát trần tục để đi về miền thái cực linh thiêng. Dầu sao mặc lòng, tức dầu 6-8 con chim có phản chiếu lối thơ lục bát hay không, nhưng không ai chối cãi rằng đó là thể thơ đặc trưng của Việt tộc, gói ghém cả hai bộ số 2 và 3 cũng như cơ cấu kép vài ba. Có thể lối đó đã manh nha từ buổi bình minh với **nhịp Trống quân khai quốc**. Câu sáu có thể chỉ bè Nam (3 cặp từ) câu 8 bè Nữ (4 cặp từ) tức là đã từ lâu đời lắm.

**Tiếng Nói theo Cơ cấu tràn đầy Nhân chủ tính và Tâm linh*

Chính vì vậy mà lòng ta nao nao ngầy ngất khi đọc những câu lục bát trong Kiều nhất là khi gặp những chữ đi đôi như nao nao, nho nhỏ, sè sè. □ Mỗi cặp đôi xuất hiện như **nhịp câu 2 mỗi: một mỗi bắc bên Có mỗi kia cắm vào hư Không** làm cho ta như chạm vào cõi u linh bát ngát.

Nao nao dòng nước uốn quanh.

Nhịp câu **nho nhỏ** dưới ghềnh bắc ngang.

Sè sè năm đất bên đường.

Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

Xem thế đủ biết **tiếng ta thuộc loại ngôn ngữ đầy tràn Nhân chủ tính cũng như Tâm linh** tức nghiêng về nghệ thuật và triết lý: đề cao cái tổng quát trên cái tư riêng, tránh rõ rệt, ưa âm u nên dùng rất nhiều hư tự.

** Cái Thừa và thiếu của tiếng Nói theo Ngữ luật*

Ngược với tiếng của Âu Mỹ có tính cách khoa học ưa khúc chiết khi đến độ không cần, thí dụ bắt cả mọi cái phải là đực hay cái, số nhiều, ít phân biệt chi li. Ta nói “ ba cái hoa này đó “, chỉ một chữ ba đủ chơi vai trò số nhiều, các từ khác không bị phiền hà chi cả. Mỹ thì “ these three flowers are red “ . Đã có three rồi còn bắt these flowers cũng phải thêm chữ s, this phải đổi ra these, verb phải đổi ngôi và số is ra are. Tiếng Pháp còn phải đổi đỏ ra đỏs (rouges). Đó là một thí dụ về sự tôn thờ ý niệm mà tiếng nói là dấu hiệu. So với tiếng Việt thì vừa thừa mà lại thiếu, thừa vì đã có 2 chữ s, verb còn phải đổi ra số nhiều; thiếu vì chữ ba không đủ bao quát toàn bộ, đây là điểm một, còn điểm nữa là cú pháp mạch lạc mà cơ cấu yếu: ta nói ăn được, được ăn, chỉ cần đổi vị trí của từ. Còn Mỹ phải dùng hai verb can và may. Đây là lý do ngữ luật trở nên bề bộn và được quan trọng hóa rất mực. Ở La Hy xưa trẻ mới khai tâm phải học ngữ luật chứ không học về luân lý, sử ký.

** Tính chất đơn sơ và hàm súc của tiếng Nói theo Cơ cấu*

Tiếng ta trái lại rất đơn sơ nên có sức hàm súc nhiều. Trong quyển Man and People ông Ortega Y Grasset nhận xét rằng tiếng Tàu giàu nhất thế giới về khả năng hàm súc (comprehension) do cơ cấu mạnh với sự dùng nhiều hư tự, vì hư tự chơi vai trò âm u với toàn bích. Ta có thể nói về tiếng Việt như vậy mà còn hơn nữa vì về hư tự thì tiếng Việt giàu hơn tiếng Tàu.

Hư tự của ta là những chữ kếp vào không cần thiết thí dụ nói chợ, nét, ngân đủ rồi không thêm chợ búa, nét na, ngân nga như ta quen dùng: đó chỉ là **hư tự không cần mà lại cần: không cần cho nghĩa từng chữ nhưng lại rất cần để móc nối với âm u toàn thể. Đó là nét biểu lộ nhiều tính chất triết lý của dân tộc Chủ nhân Trống đồng, trống là hư, là không, hư không làm nền tảng cho triết Việt do thế mà ngôn ngữ của ta tràn ngập hư tự tức là tiếng đầy triết lý nhân sinh vậy.**

Có lẽ đây là lý do của một kinh nghiệm bản thân tôi. Số là nhiều người đọc sách tôi mà không hiểu, có người đề nghị cần sửa đổi dăm ba từ ngữ thí dụ không nên viết “ cần suy nghĩ lại “, “ đã bàn rồi “, “ xin nhắc lại “ mà nên viết cần chúng ta suy nghĩ lại, chúng tôi đã bàn rồi, chúng tôi xin nhắc lại. □ Tôi bằng lòng sửa lại vì với tôi từ ngữ chẳng qua chỉ là để hiểu đạo, nói chúng ta cần suy nghĩ lại là đặt nổi chủ từ như Tây Âu cũng chẳng sao, y như hiện nay trong việc viết tên ta phải đặt cá nhân trước dòng họ, thay vì Lý Ông Trọng thì phải viết Trọng Lý Ông, thôi thì vào xứ cá nhân ta cũng phải đánh đi một đường cá nhân vậy. Nhưng nhượng bộ rồi tôi cứ cảm thấy một cái gì ray rứt tạm gọi là khổ tâm như phải đi xa khỏi việc coi trọng gia tộc hơn bản thân, coi trọng lối giương mặt cá nhân (tôi, chúng tôi) hơn là ẩn náu để nhường chỗ cho đạo lý, nhưng gặp thời thế thế thì phải thế. Phải thế nhưng vẫn suy đi nghĩ lại về khía cạnh triết lý của tiếng Việt và ghi lại một ít trong bài này để mở chân trời cho những suy nghĩ về sau. “

VII. – Làm (theo Triết lý tác hành)

“ Không còn chi vinh dự hơn khi nghĩ đến rằng **tiên Tổ chúng ta đã thiết lập được một nền triết lý tác hành.** Tuy nhiên đó là mối vinh dự ít ai ngờ, cần phải được phân tích thấu đáo mới thấy được.

1.- Phương pháp Tỉ giảo của triết lý bằng Động từ To be

Trước hết xin hỏi rằng thế nào là triết lý tác hành. Đây là câu hỏi đầy khả năng soi sáng, được gợi ra do phương pháp tỉ giảo, tức là triết lý hiện đại đang cố thiết lập một nền triết làm bằng động từ như Heidegger cố chứng minh rằng là một hình thức sa đọa của To Be. **To Be là một động từ, To Be (verb) sau đã đóc ra danh từ Being. Nếu triết xây trên verb To Be thì là triết ngon, ngược lại xây trên danh từ Being là triết hỏng. Vì being là một vật thể (entity) mà không là động từ To Be như thườ sơ nguyên nữa.** Đây là những vấn đề người ngoài thấy như vô tích, kỳ thực thì thế giới chỉ huy do những vấn đề tế vi nọ, nơi mà “ sai một li đi một dặm “ .

Con người phải chịu trận với một dặm là những ác quả của cái sai lầm một li, nhưng vì bé quá (một li) nên không thấy.

Thế nhưng nếu dùng sự so sánh một dặm hậu quả thì có thể nhìn ra sự quan trọng của một li, và lúc ấy sẽ hiểu tại sao dựng nên được một triết lý bằng động từ, bằng tác hành là một vinh dự tối cao. Tại sao triết gia thượng thặng của Tây Âu hiện nay được nổi tiếng chỉ vì khám phá ra sự vụ động từ “ To Be “ đọa ra “ Being “, tức triết lý tác hành ban sơ đọa ra triết lý ý niệm nằm lì bất động.

2.- Nguyên nhân sa đọa từ To be ra Being

Vấn đề nằm trong tâm lý con người mà Việt Nho nói là “ **nhân tâm duy nguy** “ = tâm con người rất tế vi dễ nghiêng lật nên đây nguy hiểm, vì nó là khởi điểm cho những sự nghiêng lệch ở những chỗ chẳng ai ngờ đến. Đề soi sáng sự nghiêng lệch này xin lấy một thí dụ trong câu “ **tôi**

đọc sách “ gồm ba hạn từ: tôi, đọc, sách, có ai ngờ rằng **chỗ quan trọng hơn hết là chữ đọc**, là động từ, là verb, **nếu không xây trên động từ mà xây trên Năng là tôi, hay trên Sở là sách thì đều là bước tiến lên đầu mỗi nghiêng lật**. Xưa nay các nền triết đều nằm trong chỗ nghiêng về tôi, hoặc về sách.

a.- Đợt một ly

Về tôi là duy Tâm, về sách là duy Vật: đây là đợt một li. Hãy đi xuống một độ nữa là thước (còn lâu mới đến một dặm) thì ta sẽ thấy loài người như Descartes xây triết trên câu “ **tôi suy tư, vậy có tôi** “. Câu ấy nói lên cái bệnh duy Tâm nghiêng hẳn sang phía bên Chủ tri (subject) là “ **tôi suy tư** “, nghiêng đến nỗi không còn tin là có đối tượng nữa, những người đi đường mà ông xem thấy ông không dám chắc là có, cuối cùng ông phải nại đến uy quyền Chúa phán rằng phải yêu người ta, thế là đích rồi, nhất định có người ta, vì có người ta mới yêu được chứ. Nhưng đó là tin người ta, nên **không lập lại được quân bình giữa chủ tri nên gọi là nhị nguyên: hai bên li lìa không tìm ra được mối liên hệ giữa Chủ tri (tôi) và Đối tượng (sách), vấn đề đành bỏ dỡ**. Về sau Malebranche đưa ra thuyết hòa hợp tiền chế **harmonie préétablie** để cứu vãn tình thế: đại đế là Chúa dựng nên một linh hồn (tôi suy tư) và một thân xác song song với nhau. Tôi muốn đọc sách và xác thân tôi, mắt tôi đọc sách. Hai việc đó: **tôi muốn đọc sách và chính việc đọc sách không liên hệ chi với nhau, nhưng nhờ sự hòa hợp tiền chế nên lúc tôi muốn đọc thì cũng chính là lúc cái máy xác thân chạy đến chỗ đọc**.

Đó là một thí dụ cùng cực của sự chi li, vợ vắn của triết có thể đem nhốt nhà thương điên. Thế nhưng xưa nay chỉ có chữ triết chứ ai dám nghĩ đến đưa các triết gia vào nhà thương điên. Thực ra có cho tiền cũng không ai dám làm, vì rằng các chính quyền tự xưa tới nay cứ bắt người học triết phải học như thế, nếu có nhốt thì phải nhốt mấy ông nắm chính quyền trước đã, rồi mới đến các người khác, nghĩa là tất cả mọi người.

b.- . . . Đi một dặm

Bởi vì mọi người đều chịu ảnh hưởng của những thứ triết đó của Plato đặt căn cứ trên lý giới (duy tâm), của Aristotle đặt trên ý niệm bản thể sự vật (duy vật). Các triết gia sau tuy có phá phách, có thử thách đủ mặt nhưng không sao rút chân ra khỏi hai hạn từ đó mà triết Đông gọi là Năng (subject) Sở (objet). Vì thế mà **xã hội Tây Âu đầy những sự chia rẽ tự nền tảng: Vô thần chống Hữu thần, Chủ chống Nô và ngược lại, rồi Tư bản Vô sản, Chủ nhân Thọ thuyền, Bà chống Ông**. □ Không một mối liên hệ nào là vắng bóng sự chống đối. Lâu ngày một số trí giả hé nhìn ra đôi chút lỗi tại đâu nhưng **phải đợi đến đủ một dặm “ tam vô “ với đủ thứ đều giả bạo tàn ngu xuẩn bản tiện của cộng sản thì bà con mới thấm mùi sự sai một li**. Và từ đây mới mọc lên nào triết lý tác hành, nào là triết lý lao động, ngày lễ lao động, lao động vinh quang. □

Thành công chăng? Thừa không vì đó mới là nói về làm chứ đã làm đâu, hay có làm nhưng đặt căn bản trên “ duy vật “ thì vẫn là bánh xe cũ: tức cũng xây trên một duy nào đó mà không trên tác động tinh tuyền. Vì chỉ có tác động tinh tuyền (an vi) mới đặt mối liên hệ cơ bản.

c.- Đáp đề của thuyết Tam tài

Có nổi được Năng Sở mới thống nhất, có thống nhất mới có sinh động, có sinh động mới có tinh thần. Thế có nghĩa là con người phải tìm sao cho ra một triết lý tác hành cao quý nọ. Điều đó chỉ có thể tìm trong những loại triết kiểu thuyết Tam tài của Việt Nho. Vì tài là tác, nó chỉ trở lỗi Tác Hành viết hoa, tức không phải là tác thường mà là Tác cùng cực. Việt

Nho nói bằng **huyền số 3**, Đào Ba, Tam tài. Đây là lý do của thuyết tam tài, chữ tài viết theo điệu tác (hành), nôm na gọi là “ tài gậy “ (才), biến thể của chữ thủ (手) là tay (cơ quan để làm).

Chính nhờ thuyết tam tài mà triết lý Việt Nho đã không bị bệnh duy nào: không duy tâm, không duy vật, không duy lý, không duy tình v.v. □ Trái lại có một mối thống nhất liêm liệt bao trùm cùng khắp, không còn chỉ là nối kết những cái nhỏ bé mà là nối kết toàn cả vũ trụ.

Do đó có một **sự sinh động đáng tên là triết lý Nhân sinh** và đạt tới bậc tinh thần cao độ nhất với câu “ **thần vô phương** “ , nghĩa là thần không ở hẳn đâu, nhưng đâu cũng ở, nghĩa là thẩm thấu cùng cực. Những điểm trên đã bàn dài nơi khác, ở đây chỉ cần nhắc sơ qua như thế để soi đường cho cuộc tìm về cảnh giới Tổ tiên xưa, để xem các ngài đã đạt đến đâu. Muốn thấy ý hướng của các ngài thì một trong các phương tiện hiệu nghiệm hơn hết là **suy tư về những danh hiệu Nước, danh hiệu Người**, vì đây là những kết tinh của lý tưởng được ấp ủ, được lưu truyền từ đời nọ đến đời kia, nên là những căn cứ bền bỉ. Vậy thủy Tổ tối sơ của đại tộc ta là **Tam Hoàng gồm Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông**, cả ba danh hiệu đều nói lên cái gì bao la và cùng cực. Điều đó được bày tỏ bởi chữ tam trong Tam Hoàng. **Tam là Tam Tài: Trời, Đất, Người, cả ba làm nên một thân thể**: “ Thiên, Địa, vạn Vật nhất thể “, không mảy may chia lìa chông đối : nhất thứ khi con người lại là cái tâm của vũ trụ (vũ trụ chi tâm). Như vậy khi đã đạt Tam Hoàng là đã bao trùm hết mọi đối tượng bé nhỏ, chỉ còn lại **những động từ nằm ẩn trong chữ Tài. Tài là power, là sức mạnh, một sức mạnh tinh tuyền tự phát ra tác động không cần bất cứ cái chi mảy đông nên đó là việc cao nhất, bao trùm hơn cả nên cũng đi vào cùng cực hơn hết, đến chỗ “ hư tâm “ tức là tinh thần cùng cực.**

Trong tập này đã mở đầu bằng 5 chương về các việc căn bản Ở, Ăn, Mặc, Nói, Làm. Đọc bài nào rồi ta cũng sẽ thấy nó dẫn đến cái cùng cực, cái gì bao la vô hình.

3.- Thái thất của (Việt) Nho

Ở dẫn tới Thái thất: cho con người Đại Ngã ở trong vũ trụ, “ cư chi quảng cư “

a.-**ĂN** dẫn tới Việt tính : mức lên nước Cam tuyền bất tận.

b.-**MẶC** dẫn tới thể Đạo : mặc Đạo vào thân.

c.-**NÓI** dẫn đến Hư tự : để hòa tan với Vô biên.

d.- **LÀM** dẫn đến An vi : làm là làm không lệ thuộc Đối tượng.

4.-Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa

Tất cả đều chứng minh nền triết lý tác hành có tầm bao la cũng như thẩm thấu đến cùng triệt. Như vậy là tạm xong chữ Tam Hoàng, bây giờ bàn đến ba nhân vật hay đúng hơn ba mẫu mực tối sơ làm nên bộ Tam Hoàng đó là Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông. Ở đây ta cũng thấy liền đó là những động tác căn bản. **Phục Hy là thuần phục súc vật, còn Hy là nuôi dưỡng cúng tế.** Đó là hai chữ nói lên giai đoạn từ bỏ săn bắn tức ăn sẵn để tự tay mình làm ra bằng thuần phục súc vật và gây nuôi ngay trong nhà. **Thần Nông cũng thế nói lên giai đoạn từ bỏ hái lượm lang thang để bước vào nông nghiệp với lối sống định cư tự tay làm ra thức ăn.** **Nữ Oa là sự tàng trữ chứa đựng nói lên sự làm nhà để thấu dựng.** Đó mới là nghĩa đen vòng ngoài, còn **nghĩa bóng thì Tam tài tức tác động cao nhất.**

**Phục Hy chỉ Thiên sinh
Thần Nông chỉ Địa dưỡng
Nữ Oa chỉ Nhân hòa.**

Đó là những tác động bao trùm hơn cả, cũng có nghĩa là đáo đê, triết cùng đều đã xuất hiện với bộ ba của Việt tộc. Sau này Nho giáo đã công thức bộ ba trên thành thuyết Tam tài: Thiên, Địa, Nhân đặt con người ngang hàng cùng trời, đất mà nhà cách mạng Trần Cao Vân đã diễn tả một cách oai nghiêm rằng:

**Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh,
Trời Đất ta đây đủ Hóa công.**

Nhưng học giả như James Legge cho đây là những ý tưởng nông cuồng cản trở đại đột. Nhưng ta trả lời đó là tại J.Legge đứng ở quan niệm triết học bản thể mà xét con Người cùng một vị trí như Trời. Đó là sai, hay đúng hơn đó là hiểu theo nghĩa đen câu nói bóng bẩy. Muốn hiểu cho đúng tinh thần Việt Nho thì phải hiểu về phương diện tác động có tính cách chiến thuật chiến lược tức phải quan niệm về Trời Đất thế nào cho hợp triết lý Tác hành, sao cho con người duy trì và phát triển được khả năng tác động của mình, mình vẫn hăng hái say sưa làm việc. Đó là điều quan trọng.

Đã là triết lý Nhân sinh thì chỉ nên xét tới những Tác động liên can đến Mình.

Tuân Tử ví với quan niệm về hòn đá cạnh đường, người đi ban đêm tưởng là hổ thì rụng rời chân tay tê liệt cả thân mình, mất khả năng chịu đựng, nhưng nếu xem đó chỉ là tảng đá thì khả năng đi đứng vui hưởng còn giữ y nguyên. Về Trời cũng vậy, Trời vô hình nên mỗi nơi mỗi đời có những quan niệm về Trời khác nhau, mỗi nền triết lý đạo lý đưa ra một quan niệm thuận với chủ trương của mình.

5.- Quan niệm (Việt) Nho về Trời

Theo đó triết lý Nhân chủ tác động không thể chọn quan niệm về Trời quá toàn quyền đến độ coi con người là sự vật hoàn toàn bất lực chỉ còn phải vâng theo cách tối mật.

Với Việt Nho quan niệm Người như thế là xúc phạm đến Trời. Trời là đáng thông minh vô cùng, quyền phép vô biên mà đến lúc dựng nên con người yếu xèo hoàn toàn thụ động không dám có một sáng kiến nào thì không hổ mặt Thượng Đế sao. Ca dao ta nói: **con hơn cha là nhà có phúc**. Con người cũng là con Trời, không dám nói đến hơn nhưng cũng phải giống Thượng Đế phần nào, con nhà tông không giống lông cũng giống cánh chứ lị. **Nếu Thượng Đế là đáng toàn năng thì con người cũng phải là giống đầy năng lực đầy khả năng tác hành tự chủ.**

6.- Quan niệm quá hạ thấp và quá đề cao con Người

Vậy cho nên quan niệm quá hạ thấp con người chính là quan niệm xỉ nhục Trời, nó sẽ dẫn đến thuyết định mệnh, bóc lột con người hết thảy, không còn chút tự do nào.

Vậy hỏi tại sao quan niệm thấy kém đó lại được duy trì xuyên qua Âu Tây cổ đại?

Người ta nhận ra rằng quan niệm này được các nhà chuyên chế ưa thích vì nó rèn luyện tâm trí con người để suy phục quyền bính và nếu nhà cầm quyền lại thành công trong việc tự đồng hóa mình với Trời như thuyết vua thần, thì sự đàn áp chuyên chế đi đến cùng cực, khiến con người bị vong thân mất hết chủ quyền và khả năng tác động.

Đó là lý do thầm kín đã gây nên thuyết Vô thần chối bỏ Thần minh để cho con người ngóc đầu lên để được tự do, tự làm lấy lịch sử. Do đó con Người coi Trời bằng vung. Nhưng đó là quan niệm không tương trái với thực tại. Trời che cùng khắp sao dám coi là vung. Trời là gì cao cả bao la vây bọc quanh mình từng giây từng phút chối đi đâu có được. Vì vậy mà Âu Tây cứ lúng

túng trong hai Thái cực nọ: **Trời là tất cả, con Người không làm chi được; hoặc con Người là tất cả: không có Trời.**

Nhưng cả hai đều có hại cho khả năng làm việc của con Người. Cụ thể là không thiết lập nổi một nền triết lý Tác hành. Muốn giàn hòa hai thái cực đó nên dùng thuyết Tam tài là đặt con người lên cùng hàng Tài, tức Tác, tức là bất cứ tác động nào liên quan đến con người thì con người cùng đóng góp vào đó “ một phần ba “ (xin hiểu co dân kiểu tam tài). Ngay việc lên Thiên đàng xuống hỏa ngục thì chính con người phải có phần đóng góp quyết liệt chứ nếu cho là tại Trời cả như Calvin chủ trương thì ra ông Trời là đầu mối sự bất công sao? Việc lớn lao như vậy mà con Người không có phần, hưởng chi việc khác. Đây là lý do của thuyết Tam tài, và đây là lý do tại sao Việt Nho có ý nghĩa đặt tên người là Thánh ngang với Trời (Tề Thiên Đại Thánh) khác hẳn ông Trời Tây Âu, thấy con người bất tuân thì làm sét đánh cái rết. Ông Trời Đông phương thì không, nhiều khi con người làm bậy ông chỉ nhìn rồi khóc, chứ tuyệt không can thiệp sớ phạm vào tác quyền của nó, cái quyền tự tạo tự thành chứ không được ỷ lại. Phong dao ta có câu:

**Hoàng Thiên ngự tại thiên đàng
Thấy con uống rượu hai hàng lệ rơi
Tưởng rằng con uống con chơi
Ai dè con uống con rơi xuống xô.**

Tôi nghĩ Trời cũng phải thích thú câu trên, bởi vì quyền phép vô biên của Trời thì quá chói chang, sức mây mà hạ giá nổi, cần chi cảnh cáo. Trời quá đủ thông minh để hiểu rằng: tụi nó quá kính nể mình là cái chắc có nói ngông chút cốt chẳng qua là chiến lược tâm lý thôi, tức là mạnh miệng một chút cốt để bảo toàn nội lực, nuôi dưỡng được tác phong của con người hùng, sẵn sàng nắm lấy phần tích cực dành cho con người trong mọi việc liên hệ đến nó, để:

**“ Có trời mà cũng có ta “
và
“ Tận nhân lực nhi quy thiên số “ .**

7.-Hiện tượng Dân chủ rất sớm ở nước ta

Có quy thuận theo thiên số theo vận mạng chứ, nhưng trước hết phải làm cho đầy đủ đã những gì con Người có thể làm, làm Tận Nhân lực. Chính nhờ chiến thuật đó mà triết lý Việt Nho đã đạt thành tích hầu không một triết lý nào làm được: là đã cứu gỡ con người ra khỏi mọi tròng nô lệ của tai dị rồi đặt con người lên địa vị Chủ nhân, gọi vắn tắt là Nhân chủ.

Đây là lý do sâu xa giải nghĩa hiện tượng Dân chủ rất sớm của nước ta xưa là đề cao kinh nghiệm thực lực bên trên quyền bính, coi trọng uy tín hơn uy quyền, đề cao những sáng tạo những thành tích như xưa xưa là ông Hữu Sào người sáng nghĩ ra nhà sàn, Toại Nhân, Viêm Đế là người biết dùng lửa, Hữu Miêu người biết gieo mạ, rồi đến một lượt các bà: Bà Đà trồng cây xây núi, Bà Dâu phát minh ra việc nuôi tằm bằng lá dâu, Bà Nành nghĩ ra việc trồng đỗ nành, Bà Giàn biết làm giàn dưa. Trong Nam có đầy tên các bà: Bà Diễm, Bà Hom, Bà Queo. □

Tóm lại không phải thuộc dòng tộc vua quan mới được lưu danh mà tất cả ai ai dầu là thường dân miễn có tác động sáng tạo là được lưu danh hậu thế.

Về điểm này có thể nói Việt còn giữ được tinh tuyền hơn Tàu, bên Tàu còn có những kiểu nói chỉ dân nước là người nhà Chu, người nhà Hán, người nhà Đường (Chu nhân, Hán nhân, Đường nhân) chứ bên Việt Nam thì không. Có lẽ vì vậy mà danh hiệu nước ta có

những tên hay một cách tuyệt vời như Văn Lang, Giao Chỉ, và nhất là Việt, cả Việt Mẽ lẫn Việt Tầu. Tóm lại triết bằng động tự với nghĩa là nhấn trên Tác hành hơn là trên Bản thể của sự vật, hoặc trên quyền bính vì quyền bính cũng là một vật thể ngoài con Người. Quả là một nền triết thấu triệt vậy.

C.- Phong tục, tập quán

I.- Trống Quân : Triết lý nhảy đầm

(Triết lý cái Đỉnh : Kim Định)

Nhảy đầm là chữ nhà quê còn người trí thức gọi là khiêu vũ, nghe sang hơn nhưng không cụ thể và bình dân bằng hai chữ nhảy đầm. Nhảy đầm là do Tây đưa vào nó có tính cách cá nhân còn nếu nhảy đầm công cộng thì đã có bên ta từ lâu đó là hát Trống quân.

1.- Cuộc nhảy mang tính chất công thể và Tâm linh

Trống quân không những khác nhảy đầm vì tính chất công thể tức không nhảy với một bà nhưng nhảy với một đàn bà. Nét thứ hai trong việc nhảy còn có cái gì linh thiêng bao bọc nên trống quân lẽ ra phải được tổ chức dưới núi, bên bờ sông ở cửa Đông Nam của thành hay làng. Thường thì những điều kiện đó khó hội đủ nên người xưa đã sáng chế ra tiếng trời tiếng đất để thay thế cho những điều kiện trên kia. Đó là cái Trống Đất (đào lỗ xuống đất) lại có dây chằng ở trên chỉ Trời. Khi hát mà gõ lên dây phát ra tiếng gầm gừ như là tiếng Đất tiếng Trời đệm theo quán quýt lấy những lời hát đối của Đồi Bèn. Còn những lời đối đáp qua lại nhiều khi chờ theo rất nhiều yếu tố triết bình dân. Hãy đưa ra vài thí dụ: miếng trầu là đầu câu chuyện.

Bè nữ

Gặp nhau ăn một miếng trầu
Gọi là nghĩa cũ về sau mà chào

Bè nam

Miếng trầu đã nặng là bao
Muốn cho đông liễu tây đào là hơn

Bè nữ

Miếng trầu kể hết nguồn con
Muốn xem đây đây thiệt hơn thế nào

Bè nam

Miếng trầu là nghĩa xướng giao
Muốn cho đây đây duyên nào hợp duyên.

Thí dụ khác:

Bè nam

Ở đâu năm cửa nàng ơi?
Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng .
Sông nào bên đục bên trong?
Núi nào thất quả bông mà có thánh sinh?
Ai mà xin được túi đồng?

Ở đâu mà lại con sông Ngân Hà?
Nước nào dệt gấm thêu hoa?
Ai sinh ra cửa ra nhà nàng ơi?
Kìa ai đội đá vá trời?
Kìa ai trị thủy cho đời được yên?

Bè nữ

Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi.
Sông Lục Đầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.
Nước sông Tương bên đục bên trong.
Núi đứ Thánh Tản thất quả bông mà lại có thánh sinh.

Ông Khổng Minh không xin được túi đồng.
Trên trời lại có con sông Ngân Hà.
Nước Tàu dệt gấm thêu hoa.
Ông Hữu Sào sinh ra cửa ra nhà chàng ơi.
Bà Nữ Oa đội đá vá trời.
Vua Đại Vũ trị thủy cho đời được yên.

Bè nam

Bây giờ mạn mới hỏi đào,
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?

Bè nữ

Mạn hỏi thì đào xin thưa:
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.

Nam kết

Ai về đường ấy hôm nay
Gởi dăm điều nhớ gởi vài điều thương.
Gởi cho đến chiều đến giường.
Gởi cho đến chón bùng hương em nằm.

Đại khái đó là vài mẫu khi đọc lên nhận thấy hai điểm đặc sắc sau đây.

2.- Cuộc nhảy: Hoạt động cả Thân Tâm

Thứ nhất là tính chất động đích của Trống quân khác với nhảy đầm. Nhảy đầm chỉ cần biết đưa tay đưa chân sao cho hợp với điệu nhạc khỏi phải suy nghĩ, cũng khỏi phải hát nữa, đã có máy. **Trống quân thì phải hoạt động hơn nhiều; miệng phải hát, tâm trí phải tác động để đối đáp, vì không được hát bài có sẵn mà phải tùy cảnh mà sáng tác lấy rồi hát lên tức khắc cho hợp câu hỏi.**

3.- Cuộc nhảy: kết mối Hoa Tình (Đại Đạo Âm Dương hòa)

Thứ hai là ý phải từ xa tới gần, mà gần cuối cùng là việc lấy nhau, nói lên một cách không úp mở nhưng phải nói “**Hoa Tình**” tức là nói lên cách văn hoa và như thế nó không phải là một sự vui giải trí như nhảy đầm, mà là việc làm có chủ đích đưa đến hôn nhân nhưng đưa đến bằng nghệ thuật, bằng múa hát, tức là một lối triết lý toàn diện. Tất cả tinh thần vật chất hòa trộn với nhau, chứ không có kiểu phân chia. Vào điện hay đền thờ lạy, rồi ra xóm bình kang chui lủi: tinh thần ra tinh thần, vật chất ra vật chất. Ở đây tinh thần vật chất hòa hợp ngay trong một nơi,

một lúc theo đúng triết lý tìm phi thường trong cái thường thường. Trở lên là thử đưa ra một hai thí dụ về sự thấm nhập của triết lý vào trong mọi hành vi cử chỉ của Người Việt.

4.- Phương thuốc chữa bệnh Duy: Phục hoạt triết lý hướng dẫn Thân Tâm

Đây là ơn ích rất lớn và nếu biết làm phục hoạt thì sẽ là bài thuốc chữa bệnh thời đại mà Herbert Marcuse kêu là **bệnh Duy một chiều kích**. Hay cũng quen gọi là nhị nguyên, tức là duy vật hoặc duy linh. Linh thiêng được biểu lộ rất lớn lao trong bao nhiêu điện đài, bao nhiêu sách, bao nhiêu người hy hiến thân tâm cho tinh thần. **Nhưng vì là nhị nguyên nên anh đi đường anh tới đi đường tôi.**

Đạo là đạo.

Đời là đời.

Hóa cho nên Đời trở nên vô Đạo, mặc dầu các thứ Đạo lý truyền bá khắp nơi nhưng vì đứng ngoài Đời nên đời vẫn vô Đạo. Nhưng hỏi vậy tại sao người đời không để ý đến Đạo nằm ngay trong Đời. Thưa vì đó là điều rất khó và rất dễ quên đi. Rất khó vì người ta để chú ý những cái gì ngoài mình, vì lúc ấy nó là đối tượng, giác quan có thể tác động. Còn như Đạo đã lẫn vào Đời vào Thân Tâm thì không còn đứng ngoài nên không còn là đối tượng. Vì thế Kinh Dịch mới nói là “ **bách tính nhật dụng nhi bất tri chi** : 百性日用而不知之 “ : bách tính dùng hằng ngày nhưng không biết đến. Không biết đến nên là nguy cơ, và mỗi nguy cơ đó càng ngày càng trở nên lớn lao vì không những bách tính là thường dân không biết, mà cả giới trí thức cũng không biết đến nữa, thế mới nguy. Vì từ lúc ấy họ sẽ đi tìm triết ở xa xăm theo cả hai nghĩa, một là phát xuất từ ngoài Đời sống, đứng ngoài con Người nên dễ được tìm thấy, dễ được học hỏi, và do vậy gây nên cho nền triết lý Việt Nam một cơn thử thách lớn lao như chưa từng thấy.

Vì hầu hết tri thức trong nước đã bỏ triết Nhà để chạy theo triết Ngoài.

Có còn cách nào cứu vớt nỗi tình trạng này chăng? Chưa biết, nhưng chắc một điều là nếu không cứu vớt nỗi tình thần triết Việt thì chúng ta chỉ còn có triết học để học, nghĩa là để mà chơi. Chứ còn triết lý tầm nhuận việc ăn làm, **triết lý hướng dẫn Thân Tâm** thì không còn nữa. Bởi vậy dù thành hay bại việc đáng làm là chúng ta hãy cố gắng làm. Và đó là mục tiêu của quyển sách nhỏ này, và đường lối của quyển này là bình dân. Cụ thể là những Lễ Lạy Đình Đám mà vì tinh thần thống nhất nên chúng ta có quyền coi chúng như tài liệu chân thực về triết lý bình dân trong đó cái đình là trung tâm hiện thực nên lấy đó làm đầu đề cho sách: triết lý cái đình.”

II .- Trống Quân xét như khôi nguyên Nghệ thuật sống của Việt tộc

(Văn Lang vũ bộ: Kim Định)

1.- Trống Quân biểu hiện nét Lương hợp sinh động

“ Trong lãnh vực văn hóa nước ta, nếu ai muốn đưa ra một sự kiện vừa căn bản vừa bao trùm hơn hết còn sót lại từ buổi sơ nguyên thì đó là Trống quân. Phải, chính tục lệ này nếu không cung ứng thì cũng biểu thị cách chói chang, phong phú hơn hết cái **cơ cấu uyên nguyên về vũ trụ quan của tiên nhân Việt tộc cũng như về mối nguyên lý hướng dẫn trọn nền triết lý nhân sinh của cả miền Đông Á, nơi nhân sinh quan xây trên đạo vợ chồng** : “ **Quân tử chi đạo tạo đoan hồ phụ phụ** “. **Vậy mà trước khi nên được vợ chồng thì phải biết ve nhau, nên Kinh Dịch mở đầu hạ kinh bằng hai quẻ Hàm và Hằng. Hàm là ve: ve gái hay ve trai tùy. Còn Hằng là ở với nhau mãi mãi.**

Đây là một Nhân sinh quan được xây trên Vũ trụ quan ở thượng Kinh của Dịch mở đầu với hai quẻ Kiền Khôn có nghĩa là Trời Đất, giao thoa. Nét căn bản nổi bật của văn hóa Việt tộc đầy sinh động nằm trong đó.

Trống quân chính là biểu diễn lại cái nét Lương hợp sinh động. Cho nên nắm vững tinh thần Trống quân chính là hiểu được đầu mối cái cơ cấu triết lý sinh động của Tổ tiên xưa kia vậy. Đó quả là điều quan trọng hơn hết trong lúc này, lúc mà con người khắp nơi đang cảm thấy thiếu thốn cái chi nên nảy ra ý muốn trở về nguồn.

2.- Về Nguồn bằng cuộc đấu: Tinh, Lý, Nói, Ca

Khắp nơi trên thế giới đều đang vang lên chữ về nguồn mà vẫn không sao về cho được, là bởi thiếu lối về. Với người Đông Á thì một trong những lối về đó là Trống quân, nên hiểu trúng được sẽ giúp ta trên nẻo đường về. Bởi chung căn bệnh trầm kha của nhân loại hiện nay là bệnh một chiều kích, cần tìm cho nó con đường nào giàu Lương hợp tính hơn cả và đó là trống quân. Lý do: trong trống quân có nhiều cặp đôi hơn hết. Hãy kể sơ qua:

a.- Thời gian và Không gian cuộc đấu

Trước hết nó được tổ chức vào hai mùa **Xuân Thu**. Đó là đôi đầu thuộc **Thời gian**. Sau là dưới **chân Núi nơi có suối Nước**: cặp đôi thứ hai thuộc **Không gian**. Còn nếu không có Núi có Sông thì thay bằng cửa Đông Nam, hay cùng lắm thì cửa Nam.

b.- Các đấu thủ: Hai bè Nữ và Nam

Thứ ba, nơi hát phải **đào một lỗ làm cái Trống Đất trên có chằng dây làm trống Trời** cũng như làm biên giới giữa hai bè Nam Nữ đóng vai hai đạo quân.

c.- Khí giới giao đấu: Ca vũ

Còn **khí giới là ca, là vũ**, toàn là thứ có nhịp đôi như sẽ phân tích ở dưới.

d.- Chiến lợi phẩm cuộc đấu: Kết đôi Hoa Tình

Cuối cùng **những đôi nào “ bị bắt “ sẽ sang qua sông, trao hoa cho nhau và hợp thân ngay trên nệm cỏ xanh** (đạp thanh). Đó là đôi uyên ương trong thế sáng tạo hơn cả.

Kèm theo là **những trò như bắn nhau bằng những Quả cầu làm bằng chỉ Ngũ sắc như nói người Mèo, người Thổ chẳng hạn.** □ Hoặc nhiều trò chơi khác tương tự làm cho Trống quân càng thêm giàu tính chất sinh động. Tây phương nói “ La vie est un combat: đời là chiến đấu “ và ngày xưa hay dùng việc đấu gươm mà xử kiện: ai thua là đuối lý. Như vậy là lý lẽ dựa trên sức mạnh. Đó là lối du mục. Đông phương theo lối nông nghiệp tuy công nhận đời là chiến đấu, nhưng thay vì đấu gươm thì lại đấu lý, đấu tình, đấu ca, đấu nói như được bày tỏ mạn mà nhất trong Trống quân, một bên hát xướng, bè bên kia phải hát đáp liền, nếu không là “ thua “. □

e.- Những mối liên hệ trong cuộc đấu Hoa Tình

Điều đó nói lên tính chất Lương hợp, mà Lương hợp tính chính là linh hồn của triết lý Việt Nho. Nên Trống quân là một lễ trong có liên hệ:

**Tới Vũ trụ quan như Trời với Đất,
Tới Quốc gia như Non với Nước,
Tới Làng mạc như của Đông với Nam,**

Tới Gia đình như hai bè Nam Nữ đưa đến việc nối đôi Tông đường.

Hai bè dàn quân ra, rồi biểu diễn các tác động của chiến đấu: **nào ve, nào gheo, nào thách, nào đổ**, nào tiến vào đất địch chớp nhoáng lại rút ra vì địch cũng đang tiến vào đất mình, đong đưa như hai con rồng lượn khúc **theo nhịp thùng thùng “ Vài Ba “ của trống ngũ liên: 3 trời 2 đất**. Quả là một cuộc chiến đấu quan trọng nhưng đừng sợ chết chóc tang thương vì đây là “ một cuộc cờ người “: gọi là “ đấu trí mà chơi “ nên thay vì chết chóc thì chỉ có sống, sống mạnh: sinh sinh, vì cuộc chiến kết hậu bằng sự hợp thân trên nền cỏ xanh. Trước đó có tặng hoa nên hoa trở thành quan trọng, đến độ tiếng hoa gắn liền với tình thành hoa tình. Hoa đây thường là hoa lan (hay thực dược) được trao tặng nhau trước khi giao hợp và sau cuộc đấu mà nàng “ phình phình từ giữa phình ra “ thì đến mùa Thu sẽ làm lễ cưới. Chỉ phác họa sơ qua thế đã thấy ngay tầm quan trọng của **Trống quân, nó bao hàm một triết lý Nhân sinh xây trên Vũ trụ quan động, nên cũng là một thứ Tế tự của toàn dân**. Vậy mà cho tới nay chưa được nghiên cứu thấu đáo nhất là về phương diện triết lý. Vì thế đó sẽ là điều chúng ta bàn ở đây. (1)

Tài liệu trong việc này phần lớn chúng tôi mượn của ông Granet trong cuốn Fêtes et chansons anciennes de la Chine, Paris 1929, sẽ viết tắt là Fêtes. Quyển ấy nhằm tìm hiểu Kinh Thi đúng với ý nghĩa trung thực của nó. Quyển thứ hai là “ Les Chants Alternés “ của tiến sĩ Nguyễn Văn Huyền, Paris 1934, sẽ viết tắt là Huyền. Bá Nho hay Hán nho đều là Nho đã bị bẻ quặt.

3.- Kinh Thi: Chiến lợi phẩm của trống Quân

Phương pháp sẽ là triết lý với sự trợ giúp của xã hội học, cơ cấu luận, tất cả đi ngược với lối Nho Thanh giáo dùng vương triều để giải nghĩa phong tục dân gian. Còn đây dùng phong tục dân gian để tìm hiểu Kinh Điển, lấy tiếng dân để hiểu Trống quân. Đó cũng là lấy chất gia làm nội dung tìm hiểu văn gia, nên xoay quanh quyền Kinh Thi, nói có cả Văn cả Chất. Đây là sách mở đầu toàn bộ kinh điển Nho giáo, nên hiểu sai Kinh Thi là dễ dàng hiểu sai cả các kinh sau. **Vì Kinh Thi không là chi khác hơn là chiến lợi phẩm của Trống quân.**

Nói khác nó ghi tiếng Dân nhưng không phải là bất cứ lúc nào mà chính là lúc Dân hát Trống quân hay ít nữa cũng theo phong thái của Trống quân, trong bầu không khí đó, hoặc hướng vào đó. Sau này Bá Nho uốn nắn để theo chiều hướng Thanh giáo nên không nhận ra điều trên (Fêtes 7). Nhưng cũng nhờ bị cạo tẩy mà nó được sống qua các đời để nay chúng ta còn có dấu vết đi tìm lại được nhiều tục lệ cũng như đời sống thời xa xưa. “ (Về việc cạo tẩy, tức gán tác quyền cho vua quan xin xem Histoire de la littérature chinoise, Prose Georges Margouliès p.13).

4.- Trống quân là một cuộc Tế Lễ: Tôn giáo Phong Nhiêu

“ Là chính những yếu tố gặp thấy trong các cuộc tế lễ:

Bàn thờ là trống Đất trống Trời thay cho Non và Nước khi hoàn cảnh không cho phép có.

Tư tế là hai bè Nam Nữ mặc áo đẹp ngày lễ.

Còn Tế là sự đấu của hai Bè: đấu ca, đấu Lý, đấu Tình□

Rồi tới **Giao hợp được coi là cái đỉnh của cuộc lễ** biểu thị sự phối hợp cao độ nhất mà con người có thể hiện thực: nên Non phải trèo, Nước phải lội, Người phải giao. Ông Granet gọi là “ chịu lễ giao tình “ (communion sexuelle).

Cuối cùng có **cuộc Đại Âm** làm như nghi lễ giao thoa với Đất. Tất cả được gọi là **Bôn** tức lối cưới hỏi trực tiếp: hỏi thẳng không môi giới, lần làm thẳng, tức hợp thân liền, với **niềm tin rằng năm nào không có “ Bôn “ thì sẽ mất mùa. Niềm tin này thuộc giai đoạn Bái vật sau sẽ thăng hoa và truyền sang cho vua: đức hạnh ông vua ảnh hưởng đến thời tiết. Cả hai niềm tin là một, cùng thuộc tôn giáo Phong nghiêu và ở đợt Bái vật, Lợi hành.**

Nói dân gian là công thể (toàn dân chịu trách nhiệm) đến khi quy tụ vào vua thì một mình vua chịu trách nhiệm về việc mưa gió, nóng lạnh nhưng rồi niềm tin đó sẽ được thăng hoa tới đợt triết lý là giúp Trời Đất trong việc hóa đục. Đó là một tiến trình đi lên, muốn hiểu được ý nghĩa cần tới bầu khí bao quanh Trống quân.

5.- Bầu khí của cuộc Lễ: Tự do

a.- Con gái: Nói thẳng, làm thẳng

Trước hết đó là bầu khí tự do lúc con gái chưa bị bó chân còn có thể một mình đi dạo trên bờ sông Hán sông Giang, có thể mời trai ăn trà, cho địa chỉ hội họp. □ Mỗi tình thôn dã lúc ấy chưa bị thanh giáo cấm đoán hay bẻ quặt nên mọi cử chỉ đều làm trong tâm trạng vô tội, đường hoàng chứ không phải dấu diếm chi hết. Tất cả được nói thẳng ra. Người ta đang gánh nước nặng trĩu vai mà dám đường đột hỏi:

Cô kia gánh nước quang mây Tôi hỏi câu này có lấy tôi chăng?

Nói thẳng, làm thẳng “ trên Bộc trong Dâu “ như thấy ở nước Trịnh nơi giữ được nhiều tục lệ xưa hơn cả, cũng là nơi có con sông Bộc chảy qua. Nên nhớ Bách Việt cũng có tên Bạch Bộc vì nhóm ở trên sông này có nhiều nét biểu hiệu hơn cả (Xuân Thu nói đến Bộc rất nhiều xem bản của Legge tr.273).

b.- Chưa có tinh thần Thanh giáo kiềm chế

Thứ hai, lúc ấy chưa có câu “ nam nữ thụ thụ bất thân “ phát xuất từ óc Thanh giáo bắc phương nên có thể tự do ca hát ngoài đồng nội, trên bờ sông, chung quanh bờ giếng, có thể cùng lên xe, nhìn mặt, cầm tay (xem bài *Hung Ư Thi trong Cửa Khổng*).

c.-Con gái làm chủ tình thế

Điểm thứ ba, **gái còn nắm chủ tình thế nên chính các cô khiêu chiến trước.** Phu lúc ấy còn là cô, cậu mới là phụ, theo phong thái Tả nhậm như có thể đọc thấy rất nhiều trong ca dao Việt, cả đến Kinh Thi cũng còn có chỗ giữ thứ tự Thất (vợ) trước Gia (chồng) “ nghi kỳ Thất Gia “ (đào chi yêu yêu) tức Âm đi trước Dương, Gái trước Trai. Nhiều Nho gia có thấy điểm này nhưng lại giải nghĩa bằng lý lẽ siêu hình giả tạo như mùa Xuân dương khí lên mạnh nên con gái (âm) bị ảnh hưởng!! Sự thật thì **lễ tổ chức vào hai mùa Xuân Thu, là hai mùa của người hơn hết, đã vậy lại theo Tả nhậm: Gái nắm phần sáng kiến y như người trước Trời Đất.** Cần nhấn mạnh điểm này để đặt nỗi sự cấm đoán của vương triều không cho gái bắt đầu trước mà phải phụ xướng phụ tùy về sau.

6.- Hợp với Thời tiết: Triết lý Chử Thời

Điểm thứ tư cũng rất nền tảng là sự thống nhất và căn cơ của sự thống nhất đó là **điểm tiết cũng gọi là thời tiết,** nên **Kinh Thi cũng có thể coi là quyển triết lý của Chử Thời** trong đó hai mùa quan trọng hơn hết là **Xuân Thu** mà con én đóng vai đại sứ du hành để thông tin cho các cặp Nam Nữ biết đã đến ngày hội họp để mà “ đưa thoi “ . Như vậy con én là biểu hiệu của cưới xin tự do đã đưa thoi từ những ngày Xuân của muôn thế hệ trước, nên Trống quân đã trở thành một cơ cấu, một lễ, tức là cái gì u linh trang trọng dù sức vật lộn với văn hóa du mục đến sau.

Tóm lại yếu tố nền tảng là cuộc Tế trong bầu khí tự do cởi mở của công thể: mọi cái là của chung theo một lối nào đó, có thể tóm vào hai cặp danh từ là Tâm linh và Công thể. Đó là những đức tính đi kèm Trống quân và sẽ bị văn hóa du mục phá vỡ.

Vì nét đặc trưng của du mục là độc hữu ngược hẳn với tinh thần công thể của nông nghiệp: Độc hữu là óc cá nhân riêng rẽ với sự độc quyền là hậu quả tất nhiên. Khi óc cá nhân thắng thế thì mạnh được yếu thua, càng mạnh càng có nhiều, chiếm nhiều, chiếm tài sản, rồi chiếm luôn cả đàn bà làm tài sản, vì thế nảy ra sự căm đoán đàn bà tự do đi lại, cũng từ đó mà nảy ra tục “nam nữ thụ thụ bất thân”. Chính vì vậy mà Trống quân trải qua nhiều cuộc lột xác. Ta hãy theo dõi một số trường hợp: trước hết với vương triều.”

7.- Lột xác phía vương triều để thành Tế Giao

a.- Tế Giao: biến thể của Trống Quân

“ Nói rằng lễ Tế Giao phát xuất từ Trống quân là một câu nói khó có thể xác quyết vì nó thuộc phạm vi tiền sử bao la. Rất có thể lễ Tế Giao là hậu thân của hai lễ Phong và Thiện cũng như Phong Thiện là một dị bản chính thức của nhà cai trị có tính cách tương đương với Trống quân của dân gian. Tuy nhiên trong tiến trình đàn áp Trống quân thì Tế Giao có thể đóng vai trò thay thế và nhân đây là biến thể của Trống quân như học giả Granet đã nhận xét. Học giả Maspéro cũng cho rằng lễ Tế Giao thêm vào sau đạo Phong Nhiêu, CA p.53. Như vậy là đã hé thấy mối liên hệ giữa hai bên, và trong ý hướng đi tìm chi tiết của liên hệ có thể kể ra những chặng biến thể từ Trống quân hướng về Tế Giao.

b.- Lễ Phong Nhiêu

Ông Granet đã làm điều đó xuyên qua những tục lệ mùa Xuân của nước Trịnh, Trần, Lỗ. Ở Trần và nhất là Trịnh có tiếng là duy trì được nhiều tục lệ dân gian nhất thì người ta thấy hầu còn nguyên vẹn hình thức Trống quân như trong Quốc phong bài Trần Vĩ. Ở đây xin chú mục vào nước Lỗ vừa là quê hương của Khổng Tử vừa có sự biến thể rõ hơn. Trong Luận ngữ, thiên XI, câu 25 có lời rằng:

“ Mộ xuân giả, xuân phục kí thành: Quán giả ngũ lục nhân. Đồng tử lục thất nhân. Dục hồ nghi. Phong hồ vũ vu. Vịnh nhi quy. “

Chúng tôi nhớ khi xưa mới học Nho đến bài này đã cảm thấy có cái chi chèo kéo bí ẩn lạ thường (như đã bày tỏ trong quyển Tâm Tư, chương IV).

Sau này đọc rộng thêm mới nhận ra nhiều học giả khác cũng khoái đoạn văn trên như vậy, cuối cùng chúng tôi nhận ra sức thu hút của câu văn là do tinh thần Trống quân còn lớn vồn trong đó:

Bàn thờ là nơi cầu mưa: đó là **đài Vũ Vu**,

Tư tế là hai đoàn trai trẻ mỗi đoàn từ 6 đến 7 người,

Ca hát là vịnh, là phong (hóng gió),

Tế là sang sông như trong câu “ **dục hồ nghi**: tắm ở sông Nghi “ .

Chịu lễ là quy. Chữ quy theo Vương Thông có liên hệ tới ăn.

Đây là bước thứ hai trên đường hoán thế vì ở bước nhất sách **Chu Lễ** còn dùng cả **Trai lẫn Gái: cả Vu lẫn Hích** chỉ khác không còn ở tuổi xuân nữa mà đã lớn tuổi, lại đi tu. Đây thì không tu, cũng

chưa già nhưng **toàn trai** thì cũng chẳng làm nên được trò trống gì ngoài sự nhai lại kiểu diễn tuồng trong các nội trú Nam sinh: vai Nữ phải hóa trang. Dầu sao đó **không chỉ là một cuộc chơi thường nhưng là một cuộc Lễ**, vì có sửa soạn xiêm áo cho dịp này trong câu ‘ xuân phục

ký thành “. Rồi lại có ca vũ dưới đài cầu mưa, nên Vương Thông trong sách Luận Hành cho đó là Lễ cầu mưa. Sự thực thì không những cầu mưa mà là **cầu mùa, hay đúng hơn là lễ Phong Nhiêu nhưng đang được “ thăng hoa “ : tức đang trút bỏ những gì không hợp cho thời Chu nữa, thí dụ bỏ bê Nữ để khỏi phạm tục “ Nam Nữ thụ thụ bất thân “. Còn hai việc Bôn và đại Âm thì bỏ hẳn.** Vương Thông cho rằng việc đại Âm nằm trong chữ Quy mà lẽ ra Quý có nghĩa là một thứ tiệc Thánh, nên viết với bộ thực (Fêtes 156). Nếu không là lễ Phong Nhiêu thì tại sao phải hát, phải Ân (Quý). Tại sao phải Mặc áo Xuân. Tại sao phải hai Bè. Tại sao phải qua Sông (dục hồ Nghi có nghĩa như “ **thiếp đại xuyên**: qua sông “). Tại sao lại Ca Hát trên Sông và dưới chân Đồi (Vũ vu)? Người ta chỉ tìm ra lời đáp thỏa đáng khi cho đó là Trống quân đang lột xác, nói cụ thể là bỏ hai yếu tố: toàn dân và bê nữ. Đây là cuộc lột xác thứ hai hay ba.

Còn đợt bốn sẽ đưa sang lễ tế Thiên (hoặc đây là lễ trung gian giữa Trống quân và lễ Nam giao). Lễ Nam giao xét về nội dung được truyền tụng là có từ đời Vô Hoài thuộc thời đại Thần Nông. Vô Hoài có nghĩa là từ đời nào không ai nhớ được nữa vì lâu quá. Rồi sau đời Tam Đại gọi là Phong Thiên. Phong là tế Trời: đắp đất cao lên làm bàn thờ để tế, còn Thiên là tế đất nên quét sạch đất mà tế (1)

(1) Có mối liên hệ nào chăng với câu “ *phụ đồng phụ chổi, thổi lỏi ma lên* “ và câu hát múa Lào: *tôi cầm cái chổi, tôi quét cái nhà* □

c.-Lễ Phong Thiên, Lễ Nam Giao

Có thể **Phong Thiên đã là một hình thái biến thể của Trống quân và cũng là tiền thân của Lễ Nam giao**, với mục đích không được rõ ràng như là **Phong Nhiêu của Trống quân**. Vì có lúc thiên về việc cầu tự cho nhà vua. Khi vua ra tế thì đưa cung phi đi cùng, người nào được vua ngự rồi thì được uống rượu và trao bao cung tên để chỉ sự cầu cho có con trai (Fêtes 168). Người ta có thể thấy ấn tích của Trống quân trong những sự kiện đặt vào lễ Giao thấy không ổn. Thí dụ tại sao không tế Thiên trong thành như trong cung điện mà phải ra ngoài đồng, ở phía Nam? Tại sao có thời tế Địa trên phía Bắc, tế Thiên phía Nam? Tại sao lại gọi là Giao khi không có giao nào cả. □ Và ở đây cũng chỉ tìm ra lời đáp thỏa đáng trong Trống quân mà tế Giao là một biến thể: vì có sự giao hợp trên ruộng nên Trống quân là lễ bao giờ cũng diễn trên ruộng. Đã có đạo người ta tế Địa ở Bắc thành, tế Thiên ở Nam, nhưng sau không rõ vì lý do nào lại dôn một: có lẽ vì cách một cái thành thì làm sao mà giao. Vì vậy cuối cùng **đưa cả về Nam và tế Thiên cũng là tế Địa**: có xông hương cho Thiên, đổ rượu xuống đất cho Địa. Còn chịu lễ thì vua ăn và chia cho các quan phần thịt tế gọi là Quý. Nếu chỉ có thể là đủ để bù vào chỗ hủy bỏ cuộc đại Âm trong Trống quân thì đã có những **lễ Bát chá và Na gọi là Trừ tà cuối năm** để đón năm mới nên có ăn uống linh đình. Ban đầu Bát chá và Na là những lễ đi theo mùa gặt. Bát chá là để ăn mừng gặt xong, và thường đặt ở mùa thu. Sau này được kể như lễ cuối năm đặt ở trực Chí, như vậy là từ trực Phân thuộc Nhân chủ chuyển sang trực Chí chỉ Trời Đất, thuộc Chủ Nô (về hai trực Chí và Phân xin xem bài Xuân Thu trong Ngũ Điển). Cách giải nghĩa như trên mới hợp tinh thần xã hội học là dùng tục lệ dân gian để tìm hiểu việc tế tự chính thức. Vì tục lệ có trước và đã đâm rễ sâu vào dân gian không thể phá nên vương triều phải thích nghi.

d.- Ý nghĩa chữ Nam Giao

Nếu hỏi tại sao lại gọi là Nam Giao, có người giải nghĩa bằng Cao môi, **Cao môi là thần coi việc môi giới ở phía Nam**: entremetteur de banlieue du Sud (Fêtes 160), nơi mà các bà phải đến cầu khẩn để thoát nạn không con (trừ kỉ vô tử chi tật) nên chữ Giao do Cao đọc trại. Trả lời thế là gượng, ấy là

chưa kể chữ Nam chưa có giải nghĩa. Vì thế xin đưa ra một lời thưa khác: là chữ Giao (Dao) nhắc lại nơi phát xuất là chi tộc Dao: có lối đọc giống chữ Keo mà người Nùng người Thái dùng để chỉ người Lạc Việt. Lối này giải nghĩa được cả chữ Nam là địa bàn của dân Việt. Dầu sao thì ta cũng đã nhận tên Nam tên Giao tên Dao, cũng như xưa đã là chủ tịch nhóm Trống quân, và hai chữ Giao Chỉ là tên thuận lợi nhất để nói lên sự giao thoa giữa hai chi: Đất Trời, Đông Nam, Sông Núi, Nữ Nam. Vì thế tác động Giao có nhiều: giao tình, giao lý, giao ca, giao thân, và đại âm là giao với Đất (giao thực hồ địa). Như vậy ta thấy nói **lễ tế Giao là biến thể của Trống quân** là câu nói có bằng chứng, tuy xét về nội dung đã mất đi nhiều, nhất là thiếu dân gian và bè nữ nên nét công thể tính, nhưng có lẽ cần thái bớt như vậy để dành cho nhà vua dựng để trọng thể hóa. Điều đó tốt, giả sử Vương triều đã không cấm Trống quân mà cứ để nó sống song hành với tế Nam Giao thì mới đúng tinh thần hợp tác giữa Chấn gia và Văn gia. Nhưng không may Trống quân đã bị cấm đoán theo óc du mục chủ nô. Nhưng “ phép vua thua lệ làng “ nên Trống quân vẫn sống và cùng với không gian và thời gian mà biên đổi, ta cần đặt vào đó cái nhìn tổng quan. “

8.-Lột xác phía dân gian

a.- Không gian và Thời gian của hát Trống quân

‘ **Biên cương của dân gian hát Trống quân rất rộng từ Hoa Nam xuống tận các đảo Thái Bình Dương, còn thời gian thì có tự rất lâu đời trước vương triều.** Vì thế việc nghiên cứu đòi rất nhiều công sức. Đã có một số học giả lưu tâm và được ông Granet thu lượm lại ở cuối quyển Fêtes. Xin trích dịch ra vài triết tiêu biểu để đọc giả thấy sơ qua những hình thái khác nhau của Trống quân.

Nhật: Bên Nhật Trống quân biểu lộ trong **lối hát đối gọi là Kagai.** Đặc biệt là lúc hai bè đang hát bỗng ngưng lại rồi một người trong nhóm nay đứng ra ứng khẩu hát lên một câu, bè kia cũng sẽ có một người đứng ra hát đáp lại: nội dung vẫn là bày tỏ yêu đương. Tác giả có kể ra một số câu mẫu rất nhiều đoạn giống thơ “ Quốc phong “. Lối hát Kagai này vẫn còn được duy trì trong dân gian, tuy giới thượng lưu đã bỏ.

Tibet và Tân Cương (Fêtes 281): Người ta ưa thích cuộc hát hai bè bên nam bên nữ đối diện với nhau, vừa hát vừa tới rồi lui lại theo nhịp nhàng được tổ chức vào mùa Xuân và hát công cộng, không được riêng lẻ, nhưng trong lúc làm đồng áng gieo gặt cũng có thể hát.

Vân Nam (Fêtes 281): Người Lô Lô làm cả ngày tối lại hát đối. Xong ngồi từng đôi tặng rượu nhau. Nữ tặng trai trước, trai tặng lại sau. Cuối cùng ai về nhà nấy ngủ nghỉ mai làm để rồi tối lại hát nữa. Có nói sau khi hát quay quần cùng uống rượu.

Lô Lô (Fêtes 282): Cuối năm có hát mà còn thêm một thứ lửa trại, khởi hát từ lúc đi lấy củi về chụm lửa, sau còn thêm đốt pháp cho thêm rộn ràng. Trong Socio. 125, ông Granet nhận xét thơ Lô Lô rất giống Kinh Thi quốc phong.

Miêu ở Vân Nam (Fêtes 283): cũng có Trống quân như người **Miêu ở Quảng Tây** hay người **Thổ ở Cao Bằng,** hai bè Trai Gái cầm tay nhau hát theo nhịp trống Cơm và một thứ dân cũng có những câu hỏi ứng khẩu phải thưa liền, thưa không được bị phạt rượu uống cho đến say mềm. Có nơi người thưa bị vò tai rất mạnh.

Hải Nam (Fêtes 288): Khi một cậu trai ưa cô nào thì mang đàn đến gậy trước cửa nhà cô ấy. Nếu cô ưng thì ra. Khi đã thỏa thuận về các khoản rồi thì trình lên cha mẹ. Cha mẹ làm lễ cưới tại nhà và cậu trai về ở nhà gái.

Nam Chiếu (Fêtes 288): Nơi đây người ta tin tưởng có những vụ mang thai một cách lạ với rồng nhân lúc tắm hoặc khi ra đến giữa sông thì chạm phải cái gậy rồi có thai.

Người Miêu Tử có thêm vào Trống quân trò ném cầu làm bằng chỉ ngũ sắc và đánh Trống đồng. Tất cả các sắc dân ở đây cũng như Vân Nam đều có ít nhiều thói tục này.

Các sắc dân Bô Di, nam nữ bao giờ cũng hợp thân trước rồi mới cưới sau. Họ không ưa những người nữ ở vậy, y như ở miền Dương Tử Giang và Hán Thủy (Fêtes 291).

Long Châu (Fêtes 293): Các người đi dự mang cơm theo, mỗi lần hội có cả trên ngàn người. Tuy tục lệ này bị nhà cầm quyền ngăn cản nhưng vẫn lưu hành trong khắp miền Việt Tây (**Quảng Tây**). Hễ mỗi lần vua quan Tàu cảm thì sinh xô xao.

Lô Lô ở Quý Châu (Fêtes 295) cũng hát trên núi. Có sự đấu tài hùng biện và thi ca. Những cuộc hội này vẫn còn truyền tụng tuy đang trên đà biến mất.

Bên Java vợ chồng vẫn giao hợp trên ruộng (Civ I 191). **Mã Lai** cũng có (Fêtes 228).

Dân Dao, Chi Lao, Lê, Bạch Mán, Thái được nói tới nhiều nhất. Tất nhiên **Mán, Mèo, Thái, Thổ, Nùng ở Bắc Việt** cũng được nói tới, đủ biết biên cương của Trống quân rất rộng, rộng bằng với cái biên cương của nền văn hóa Viêm Việt.

b.- Sự hợp tác giữa Văn gia và Chết gia

Thứ đến có thể nói rằng khắp thế giới cổ xưa đâu đâu cũng có thể tìm ra vết tích một thứ **Trống quân** (Civ I 19) nhưng sau đều biến mất hay biến thể trọn vẹn chỉ còn ở **Viễn Đông là tồn tại**. Điều đó giải nghĩa được bằng sức mạnh của nền văn hóa Việt Nho trước sức xâm lăng của vương triều, nên đã xuất hiện sự kiện duy nhất trên đời là có **sự hợp tác giữa Văn gia với Chết gia**, nhờ đó mà chúng ta sẽ tìm ra được chiều kích thâm sâu của Trống quân như sẽ bàn ở triệt sau. Tuy hai bên sống chung nhưng cũng phải lột xác, trong đó **Việt tộc phải bỏ phần bị công kích hơn là hợp thân ngay trên cỏ, rồi thay vào bằng nhiều trò chơi khác: đánh đu, bắt chạch, bắt đé, ném cầu.** □ Phần nổi nhất còn lại là hát **Đôi**, là nơi nhận được nhiều sự **hợp tác giữa Thôn dân và Kẻ sĩ**. Vì phần hát đôi này được biểu lộ sâu xa nhất trong Lạc Việt nên chúng ta sẽ theo dõi cách riêng. “

9.- Trống quân với Lạc Việt

a.- Việt ngữ hợp với Trống Quân

“ **Sở dĩ hát liên hệ mật thiết với Trống quân vì Trống quân chính là đạo Trời Đất, hay nói cách khác là lễ hòa hợp Trời Đất nên cần tiết nhịp như Đất cùng Trời, nhất là Trời. Tiết trời thì như Sáng với Tối, Xuân với Hạ, tiết Đất thì như Đông với Nam, Sông với Núi. Vậy mà hát cũng đầy nhịp, có thể nói đó chính là nhịp nghĩa là chưa cần đến lời thì nhạc đã khởi sự có từ lúc có nhịp. Vậy ngôn ngữ nào giàu nhịp nhàng nhất cũng là giàu nhạc tính nhất, do đó hợp với Trống quân hơn cả.**

b. Giàu song ngữ có tính cách co dãn

Thế mà trong các nhóm Nam Man, Việt ngữ là một trong những tiếng giàu song ngữ nhất: thanh thanh, nhẹ nhẹ, vàng vọt, lung tung, lè phè, tà tà. □ Tiếng thêm sau có khi để tăng gia phẩm tính như vàng hoe, đỏ đỏ hoặc đê bốt đi như tím tím, vàng vàng, đo đo. □ Nhưng nhiều khi thêm vào coi như là để cho có vậy thôi. Rõ nhất là trong vần iéc: ăn iéc, yêu iéc, học hiéc, chơi chiéc, hôn hiéc. □ Nhờ những tiếng song trùng đó mà Việt ngữ có một số nét đặc trưng như sau: Thứ nhất phải kể đến nét **co dãn làm cho nó biến hóa vô cùng** mà hình thức đầu tiên là **nói lái**. Riêng tiếng nhị âm mới nói lái được, **đa âm như Tây hay độc âm như Tàu đều không có nói lái**. Tây thì đã rõ: dù có tiếng hai âm nhưng không là bản chất của tiếng, nên không nói lái được, thí dụ maison mà lái ra son/mai thì hết nghĩa; còn Việt mà nói “ cà nhái “ cũng hiểu liền là cái

nhà. Tiếng Tàu không thể nói lái. Lối ký âm trong tự điển kiểu Ngô Hoàn chiết đọc là Ngoan không phải là nói lái. Tiếng Tàu đôi khi kể một hai tích nói lái thì quá cầu kỳ (xem Vân Đài Loại Ngữ quyển VI, câu 42 có cho một thí dụ dài lê thê). Có lẽ vì thế Tàu ưa dùng lối đồng âm. Con doi Tàu đọc là Phúc nên vẽ hình doi để chỉ chúc Phúc, vẽ con Hàu để chỉ hầu tước. □

c.- Giàu nhạc tính

Tính chất thứ hai là giàu nhạc tính đến độ nói thông thường đã có nhạc tính rồi, như nhận xét của nhiều người ngoại quốc rằng: nói tiếng Việt đã là ca hát. Có thể vì đó mà ta có những danh hiệu đồng hóa được với ca hát chẳng như Lạc và Dao, Lạc cùng với nhạc viết như nhau (nhạc giả lạc dã), còn Dao thì là ca dao, có thể hiểu là tiếng hát của người Dao hay Giao Chỉ. (Tàu viết Dao, Diêu, Giao khác nhau mà thấy chưa là yao cả).

d.- Nói như Thơ, Thơ như Nói, Nói Thơ đều để ve

Tính chất thứ ba là nói với thơ hầu như một gieo vần ngay trong câu nói “ **có mới nói cũ, vì cây giây quân** “ Vây mà đó là thể lệ trong lúc hát Trống quân. Trong đó nói bằng thơ, hỏi bằng thơ, thưa cũng phải bằng thơ. Thế mà hầu như không ai cho đó là chuyện khó. Hỏi là thưa liền, ứng khẩu thành thơ. Đây là chỗ phải nói về ve. Ve là một lối ở giữa thơ và nói. Nói như thơ, thơ như nói, rất hợp cho Trống quân. Nên ghi ra đây như giả thuyết làm việc là **Ve do chữ Ve mà ra, mà Ve là Ve gái**: “ ve ve ve bắt ve con nhện “ . Và khi đã có sự ưng thuận thì bắt ve. Ai bắt ve? Bắt ve đâu? **Thời xa xưa là gái bắt trai**. Người đàn bà Radhé hiện còn nói “ không đủ tiền đi bắt cái chồng ” . Sau này khi phụ hệ lên chân thì trai bắt gái. Xa xưa nữa là bắt cóc. Sau này bỏ tục bắt cóc thì vẫn còn một vài nơi giữ một số nghi thức để giả dò bắt cóc. Theo đó câu truyện Sơn Tinh Thủy Tinh là bắt gái về núi.

e. Triết lý “ Chí Trung Hoà “ trong cách gieo vần Thơ

Một điều cần phải nhấn mạnh cho tâm thức hiện nay hay khinh thường những cái giản dị, tưởng về dễ quá nên không có gì cao sâu, sự thực là không thiếu cao sâu cả trong thơ lẫn trong tiết nhịp. Thứ nhất về thơ thì ve là thơ không những trong tiếng đôi mà luôn trong câu đôi, đó là lục bát so le làm nên nhịp câu. Cả nhịp tỏ trong từng từ (6-8) lẫn nhịp ngầm trong cặp đôi từ (3-4). **Còn triết lý thì nó ẩn trong một nét lạ lùng là gieo vần trên lưng câu sau:**

Trăm năm / trong cõi / người ta

Chữ tài / chữ mệnh / khéo là / ghét nhau.

Triết lý ẩn bên trong sự vụ là tinh thần “ chí Trung hoà “ của nền văn hóa Đông Nam: theo cung Ngũ hành thì Đông số 3 chỉ Trời, Nam số 2 chỉ Đất. Đất cũng chỉ bằng các số chẵn khác như 4, 6, 8. Số 3 trời đi với 2 đất thì ra số 5 trong Ngũ hành. Số 3 đi với 4 thì ra bánh Trời bánh Đất.

Áp dụng nét Song trùng vào hai số 3, 4 thì ra 6-8. Đó là số của thể thơ lục bát. Nên thể thơ này gọi được là thể thơ riêng của nước, y như bánh Dầy, bánh Chung, hay con số Vài Ba, bào thai của Ngũ hành vậy. (1)

(1) Lần viết đầu tiên tôi móc nối câu thơ với quẻ Chấn Li (xuất Chấn hướng Li). Chấn số 4 Li số 3 nhân đôi thành 8-6. Nhưng sau xem lại sự móc nối đó không uyển chuyển bằng móc nối với Ngũ hành.

g.- Trống quân với nhịp Song trùng của Ta

Nói theo tiên thiên thì là “ 3 Trời 2 Đất “, tức là bao hàm được tiết điệu vũ trụ vừa trong hai câu thơ, vừa trong từng cặp đôi tiếng, vừa trong bước chân vũ tức là tiết nhịp đầy áp, nên câu thơ lục bát nói lên cái nhịp của Trống quân hơn hết, cũng là nhịp Song trùng đã

xuất hiện với dân tộc từ mãi xa xưa. Bởi đó khi đọc lên những tiếng đi đôi nó gây cho ta cảm giác man mác nhiệm màu là do cái tiết nhịp cũng như thể thơ và triết lý tàng ẩn bên trong. Vì xuất hiện quá sớm nên khi Hoa tộc vào nước Tàu thì không đổi nữa mà chỉ còn cách thích nghi. Trước hết bằng đưa vào tiếng Tàu nhiều cặp song ngữ. Mở đầu Kinh Thi đã thấy hai chữ Quan Quan (thư cru) rồi kể tiếp biết bao tiếng khác:

**Đào chi yêu yêu
Săn săn hề
Hoàng hoàng hề
Ân ân, điền điền□**

Những tiếng đôi đó có đầy trong Kinh Thi□ Ông Granet đã thu thập vào trong ba trang lớn rồi nhấn mạnh rằng những cặp chữ đôi đó gọi là cái gì cụ thể như những bức họa bằng lời: Comme de véritables peintures vocales (Socio 114).

h.- Những tiếng ngân nga của Ta và Hư tự của Tàu

Việc thứ hai là đưa các **Hư tự như các chữ Tư, Hĩ, nhất là Hề** lên bậc từ chính cho chiếm một chỗ trong câu thơ. Điều đó với tiếng Việt không cần, nên những tiếng ngân nga (í, a, tình, tang, tính) đứng ngoài thơ là vì tự nhạc đến thơ không gặp khó khăn nào như đã nói trên về về. Còn Tàu thì gặp khó khăn khi thơ muốn tách khỏi nhạc, nên phải dùng nhiều Hư tự. Sau này Ly Tao dùng Hề thả dàn là do thơ đã gần tách hẳn khỏi nhạc để sống độc lập, nên phải thêm tiếng Hề để người đọc có cảm tưởng hát, mà đồng thời cũng là chắm câu dùng lời thay cho dấu chắm.

Chữ Nho không dùng dấu chắm câu là do chịu ảnh hưởng quá nặng văn Trống quân đó. Còn lại mấy cái khác như nhịp câu thì Tàu không có mấy thành công. **Kinh Thi hầu hết câu 4 chữ. Sau này chỉ có thơ ngũ ngôn, thất ngôn, vẫn gieo vần ở cuối cả. Không có nhịp từng cặp từ.** Sài Ung đã cố đưa thể tứ lục vào thơ Trung Hoa nhưng không được phổ biến, vì không phải cơ cấu của tập thể mà là của một cá nhân. Thứ đến câu 4 quá ngắn không đủ diễn tả tư tưởng cách đầy đủ, nên không chơi nổi vai trò tiếng nói thông thường như thể lục bát. Ấy là chưa nói tới cái vụ câu 4, không theo lối gieo vần trên lưng câu 6 nên thiếu chiều sâu của triết lý.

10.- Lạc Việt là chủ của Trống quân

Trên đây là thử phác họa sơ sài ảnh hưởng Trống quân trên ngôn ngữ và do đó trên tư tưởng của Tàu, một nền tư tưởng xây trọn vẹn trên cặp đôi Âm Dương mà Âm Dương chỉ là kiểu thức hóa các cặp đôi trong Trống quân. **Vậy tiếng Lạc Việt vốn đã là cặp đôi nên có lý do chân chính để nói Lạc Việt là chủ chính của Trống quân.**

Câu chuyện Âu Cơ đưa 50 con lên núi, Lạc Long Quân đưa 50 xuống biển với hai cái tết mừng 5 tháng 5 xuống Nước nên có cuộc đua thuyền, và tết Trùng cửu (9 / 9) là lên Núi gọi là đăng cao để hái hoa vạn thọ để chỉ thu thường, có thể giải nghĩa là phát xuất từ nguồn gốc xa xưa của Trống quân. Vì tổ chức đúng chỗ thì khi khởi hát một bên từ Núi xuống một bên từ Sông qua. Khi ca dao nói:

**Công cha như Núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như Nước trong nguồn chảy ra,
thì nền tảng siêu hình phải là cặp Song trùng Sơn Xuyên nọ.** Chính cặp đôi đó đã làm nền cho 8 quẻ **Kinh Dịch** vì cả 8 có thể quy vào hai thực thể là Núi và Nước.

Núi: Lửa, Gió, Mẹ = Cấn, Li, Tốn, Khôn

Nước: Sâm, Ao, Cha = Khảm, Chấn, Đoài, Kiên

Khi mẹ ông Bành Tổ giờ nách Tả sinh ra ba con, giờ nách Hữu sinh ra ba con nữa, cũng như 6 anh em Hi Hòa: 3 bên Tả, 3 bên Hữu đều phải quy chiếu vào cặp Nước Non sơ nguyên nọ mới hiểu được mối liên hệ nằm ngầm. Còn khi bỏ huyền thoại mà nói bóng thì ra:

**Quốc tắc ý sơn xuyên
Sơn băng xuyên kiệt
Vong quốc chi trung dã (Sử Ký II 278).**

Nước dựa vào núi sông: khi núi lở sông cạn thì đó là điềm triệu báo hiệu nước sắp mất, nên có niềm tin truyền đời như sau:

**Sông Nghi sông Lạc cạn nhà Hạ mất,
Sông Hà cạn nhà Thương tiêu.
Núi Thái Sơn sụt là điềm nguy khôn.**

Vì Sông Núi chính là biểu tượng Trời Đất, cũng như 2 quả Kiên Khôn là hai trụ cột cho nền Đạo lý giữ nước. Đó là điều chúng ta phải hiểu khi “ đứng lên đáp lời Sông Núi” . Đó cũng là đứng lên đáp tiếng gọi của Tiên Rồng, của con người tiêu ngã đứng lên đáp tiếng gọi u linh của Nguyên Tính. Có thấy mối liên hệ sâu xa đó mới nhận ra giá trị nghệ thuật ẩn trong thể thơ lục bát Trống quân. “

11.-Trống quân trình bày một Vũ trụ sinh sinh hoá hoá

“ Sau khi đã biết tiến trình giao thoa của hai nền văn hóa Nông Du, sau khi đã hiểu lý do vì sao Du mục cắm đũa hay bôi xấu Trống quân, sau khi đã hiểu sự sống dẻo dai của Trống quân xuyên qua nhiều thời đại trong một biên cương bát ngát hẳn không còn ai phải ngạc nhiên nữa về câu nói Trống quân vốn là một cuộc Lễ, trái lại có thể yên lòng tìm hiểu đến chỗ thâm sâu của nó.

Ai cũng biết Tế tự là rồn của Tôn giáo, mà Tôn giáo là để kết hợp với Thượng Đế. Hiểu theo nghĩa cao siêu hơn hết Thượng Đế là cái toàn thể u linh nên việc gì bất cứ nếu giúp con người kết hợp với toàn thể u linh thì là Tế tự. Vậy mà đó là ý chính của Trống quân trong buổi sơ nguyên. Hát Trống quân là để hòa hợp với Trời bằng ca hát nhịp nhàng.

Thứ đến là hòa hợp với Tha nhân trong mối tình sâu thẳm hơn hết là hai người Trai Gái hợp thân.

Ba là ăn với Đất bằng Đình Đám vì thế phải nói không những là một lễ nhưng là lễ trọng nhất, đầy đủ nhất. Nó trình bày một Vũ trụ quan của “ **Hóa nhi đa hí lộng** “ hay một Vũ trụ sinh sinh hóa hóa. Rồi một **Nhân sinh quan cũng theo nhịp vũ trụ**: Cá nhân có ăn uống. Dòng tộc có Hợp thân giúp Trời Đất sinh hóa là sinh con và nuôi dưỡng giáo hóa. Vì thế đó là lễ Phong nghiêu.

12.- Trống quân: Một vũ trụ quan Thống nhất

Có hai lối hiểu, một lối Bái vật là năm nào không có Trống quân, không có Hợp thân trên ruộng, năm đó mất mùa. Còn một nữa thăng hoa theo lối Tâm linh gọi là giúp Trời Đất hóa dục: “ **tán thiên địa chi hóa dục** “ . Tức nói lên sự đóng góp của con Người vào cái Tiết nhịp cao cả của vũ trụ để làm nổi bật lên mối “ **Thiên Nhơn tương dữ** “ đã được đổ khuôn vào thuyết Tam

tài. Đó là một Vũ trụ quan thống nhất bao gồm trọn vẹn cả kinh tế, chính trị, tôn giáo, ăn, chơi, hát, xướng.

13.- Trống quân: Thỏa đáp 3 nhu yếu nền móng của con Người

Con người thời nay quá quen với ý niệm nhị nguyên tách rời không thể chấp nhận được sự đi đôi của Du hí với Tế tự, nhưng **với quan niệm nhất nguyên lưỡng cực thì chỉ có một toàn thể không có gì Tục với Linh, nhưng Linh bao hàm Tục y như nội ngoại gắn bó vậy.** Cho nên **Chơi cũng là thành phần của Lễ**, vì Chơi biểu lộ bản chất con người hơn hết ở chỗ nó siêu thoát, không còn cầu lợi nữa nhưng đã nhô đầu vào cõi An hành là đợt đầu tiên để kết hợp với toàn thể u linh. Cho nên hiểu theo vũ trụ quan “ **thiên địa vạn vật nhất thể** “ **bất phân ly** thì Trống quân dù có đi kèm với những cuộc Du hí, ăn uống linh đình vẫn không mất chút nào tính chất cuộc Tế lễ của nó cả. Trái lại càng biểu lộ đến cao độ nền minh triết thâm sâu vì đã thỏa đáp được cả ba nhu yếu nền móng của con người: “ **Thực, sắc, diện thiên tính dã** “ .

14.- Trống quân: cuộc Lễ gồm đủ Tam Tài

Xưa nay Lễ hay bị quan niệm quá cao khi chỉ hiểu là cuộc kết hợp với Thượng Đế trừu tượng ngự trên cao xanh. Vậy là lệch lạc vì mới có hàng dọc Lý trí khô cứng. Hoặc lại hiểu theo kiểu tả truyện “ Tế là để điều chỉnh việc dân “ . Vậy là mới có hàng ngang.

Lễ mà đầy đủ phải có cả Ngang cả Dọc: cả Trời, cả Đất, Người đều tham dự. Nói khác là cả Ý, Tình, Chí phải được thỏa thuê mới đúng câu: **sử thần như bách vật vô bất đắc kì cực** (làm cho cả Thần, cả Người, cả vạn Vật đều được thỏa thích cùng cực). Fêtes 189. Câu này nói về lễ **Bát chá**, là lễ bẻ mạt mùa gặt mà sau này đổi ra **lễ Tất niên**, trong đó có cuộc đại ẩm là nét còn ghi lại dấu trong Trống quân, khiến mọi người được no say nhảy múa như điên (**quốc chi như giai nhược cuồng**) điều đó bị người theo thuyết Thanh giáo khắt nghị khinh chê, nhưng thực ra đó mới là bản chất của lễ, cũng gọi là Tiết, ta đọc là Tết. Lễ hay Tết phải có một cái gì qua mức thường để biểu lộ sự thoát khỏi quy ước thường nhật; đó là một yếu tố quan trọng của lễ. **Toute fête est un excès** là câu nói mà con người thời nay không hiểu nổi nữa vì bị đè nặng dưới ảnh hưởng của thanh giáo. Còn ở thời sơ nguyên khi chưa bị những quy ước trái khoáy của Du mục bẻ quặt thì Trống quân là một cuộc Tế lễ toàn vẹn có Ăn Uống, Hát xướng, Giao hoan và do đó nó gây âm vang sâu thẳm vào lòng con người đến độ chỉ huy cuộc sống trong cả năm, từ ý nghĩ, việc làm, lời nói, nó gây sức mạnh đến nỗi mọi lời khác đã qua đi nhưng những lời hát trong Trống quân được giữ lại, như ca dao tục ngữ hay nếu đã có văn học thì như Kinh Điển.

Kinh Thi chính là kết nạp những bài đã hát trong Trống quân (Fêtes 224). Còn trong Việt thì **Trống Quân kết tinh vào Trống Đồng.** Trống Đồng không chỉ khác hơn là tinh túy Trống Quân, nơi Âu Cơ tiên đang lao xuống miệng rồng là bố Lạc.

15.- Hát Trống Quân : Lối thông giao với nguồn Tâm linh

Đây là chỗ cần đặt câu hỏi tại sao lại nói Trống Quân. Có nên viết là chống quân với ý nghĩa hai đạo quân chống nhau chằng: opposer toupes? (như ông Nguyễn Văn Huyền đề nghị trong Chants alternés p.29). Thừa viết chống không hẳn sai nhưng muốn toàn vẹn phải nói **Trống Quân với ý nghĩa để Trống.** Y như cái trống Trời trống Đất phân hai bè Nam Nữ cũng để trống mặt. Và sau này khi đã làm thành Trống Đồng cũng để trống một mặt gọi là **Trống Bộc** (Huyền 28) tức là Trống của **dân Bách Bộc** (trên Bộc trong dẫu) cũng như Trống Đồng cũng phải để một mặt trống mới đúng tên là Trống, là “ thần cổ đánh ở kinh đô Việt mà tiếng ngân mãi tới Lạc Dương “.

Đó là để nói lên lối thông giao với toàn thể u linh vốn là vô biên là cái không thể diễn tả mà chỉ biểu lộ bằng nhạc, bằng sự im lặng, bằng trống rỗng tâm hồn. Vì lẽ đó cái Trống phải để trống một đầu, sau này người ta mất ý thức nên **bịt luôn hai đầu**, mà vẫn cứ kêu là trống, là đánh trống, mà thực ra là đánh bịt, đánh bưng, đánh lũng bưng vòng ngoài đối kháng làm ra hai bè chống nhau mà không biết đến vòng trong sinh sinh nội tại. Như thế là **sa đọa tự nhất nguyên lưỡng cực đố ra nhị nguyên bịt kín**: chọn một bỏ một theo kiểu biện chứng, ý hệ, không còn hợp với dịch lý kết hậu bằng quẻ vi tế, tức để trống đầu cuối cho nó mở sang cõi vô biên. Y như hội họa mà đi đến cùng kỳ cực phải như **Mã Viễn “vẽ bằng không vẽ”** tức biết phối hợp cảnh vật với quầng trống lúc ấy đóng vai vô biên. Chính sự hiện diện của quầng trống kể như một thực tại vô biên đó đem lại cho bức họa nét trầm hùng bi tráng không tìm thấy ở nền hội họa nào khác như René Grousset nói về bức họa “**chiếc thuyền câu trên ao thu**” của Mã Viễn “*une des oeuvres les plus poignantes de la peinture de tous les temps*” (*La Chine et son art* p.177, 186) vì nó cũng nằm trong một nền triết lý của quẻ “Vi tế” tức của cái trống, cột trụ của Trống quân. “

III.- Địa vực lễ lạc: Nguồn gốc văn minh

(*Triết lý cái Đỉnh: Kim Định*)

Ba cái Tết: Ba cái Lễ sống

“ Điều đặc chú trong chương này là địa vực một số lễ được coi như ẩn tích của tác giả văn minh. Nếu văn minh là nông nghiệp mà nội dung các Lễ cũng là nông nghiệp thì ở đâu mừng lễ đó tức đây là chủ khởi sáng ra nền văn minh. Tính chất các Lễ nông nghiệp là đi sát thiên nhiên như mùa gặt mùa cấy, hoặc những hiện tượng thiên nhiên như ngày Trùng ngũ mừng mặt trời vào cung Ngọ. Nói chung là các Lễ này hướng nhiều đến sự sống, và gọi là Tết:

Tết Nguyên đán

Tết Đoan ngo

Tết Trung thu.

Có lẽ ý nghĩa chữ Tết là một lối đọc chữ Tiết, hiểu là Tiết nhịp uyên nguyên mà mọi tác động đều nhịp theo thì mới đạt cảnh thái hòa “ **phát nhi giai trúng Tiết vị chi hòa** “ (D.T). **Theo Tiết là những nhịp sống cao độ mà mọi cơ năng đều có vươn lên cực điểm để cùng nhịp theo với tiết điệu thiên nhiên.** Vì thế mà có những cuộc vui, tung bưng ăn uống đình đám kèm theo nói lên sự sống tràn ngập. **Văn minh nông nghiệp đặt nền trên sinh sinh nên chú ý nhiều về sống hơn về chết** như Lễ Thanh minh, Lễ các Vong hồn là những Lễ không được chú ý lắm và phần nhiều mang nặng ảnh hưởng Phật giáo. Chúng ta chú ý đến ba cái Tết (Lễ sống). Tìm hiểu nơi phát xuất của cái Tết với những biến dạng của nó xuyên qua các đời và hiện nay còn những đâu giữ nhiều nhất v.v□ thì đây là việc dài hơi của một nhóm nghiên cứu và thuộc về văn học xã hội hay cổ tục học. Ở đây chúng tôi không bàn kỹ về các lễ mà chỉ nhằm ghi lại ít nét thuộc địa vực phát xuất hoặc duy trì. (1)

(1) Trong việc này chúng tôi có nhờ đến tài liệu của một số học giả trong đó phải kể tới quyển Chinese Festivals của giáo sư Wolfram Eberhard (Henry Schuman 1952 N.Y). Tác giả đã tốt nghiệp về triết học, xã hội và Nho học năm 1931. Năm 1933 được hội Baessler cấp học bổng cho sang Tàu nghiên cứu về cổ tục học nước này. Luôn thể ông có dạy Đại học Bắc Kinh cũng như Bắc Bình. Nhờ nghiên cứu tại chỗ nên sách của ông là những tài liệu đáng tin cậy có thể dùng làm tiêu điểm đầu tiên cho những ai muốn đi sâu vào đề tài.”

1.- Tết Nguyên đán

“ Trước hết là Tết. **Cái Tết của ta rất lớn lao như chưa có đâu ăn Tết trọng thể bằng:** kéo dài đến cả hai tháng. Tháng Chạp sửa soạn còn tháng Giêng thì ăn Tết ở nhà và tới nay tuy đời sống bắt phải giản lược nó vào những chiều kích bé nhỏ, nhưng so với các nơi khác Tết vẫn còn to hơn, lâu hơn nhiều lắm. Có một điểm mới xuất hiện là bên Tàu, Đài Loan, Nhật đã bãi bỏ Tết để ăn Tết Tây, trái lại bên Việt Nam mặc dù ở vào tình trạng thuộc địa thì lẽ ra phải bỏ Tết trước hết, vậy mà vẫn giữ Tết thì có nên xem đó như một dấu chỉ ngầm rằng xưa kia Tổ tiên Việt đã đặt ra cái Tết? Đây chỉ là một sự gợi ý mời các nhà nghiên cứu về sau, ở đây chúng tôi chỉ tìm hiểu ít nhiều nét riêng biệt của ba ngày Tết.

a.- Gia đình tính

Điều nhận xét đầu tiên nằm trong chữ “ **tháng Giêng ăn Tết ở nhà** “.

Đây là nét đặc trưng, bởi vì Tết là Lễ trọng thể nhất cũng như lâu dài nhất trong năm mà lại không mừng ở Đền Chùa cũng như không ở những công sở mà lại mừng ngay ở nhà thì điều đó biểu lộ gia đình là nền móng của xã hội, mà **không có gì khác thay thế được kể cả Tôn giáo lẫn Chính quyền.** Về phía chính quyền thì đã có mấy Lễ chung rồi như hai Lễ “ tế Đế, tế Thường “ hay một hai kỷ niệm gì đó gọi là Quốc khánh thì nói chung dân vẫn tỏ ra hồ hững, họ để chú ý vào đó may ra được một phần mười, còn tất cả dốc trọn vào cái Tết phần lớn nằm trong khuôn khổ gia đình.

Vì thế những chế độ ghét gia đình như cộng sản đều cố gắng quốc gia hóa cái Tết như thí dụ cho nghỉ ngày mồng một còn mồng hai thì dân phải thi đua trồng cây cho nhà nước. Đó là dùng võ lực để tước đoạt gia đình. Phía các tôn giáo cũng có tính cách kéo Tết ra khỏi gia đình ít là một phần. Không thành công vì chỉ có thể kéo ra khỏi gia đình để đem đến chỗ tinh thần hơn. Nhưng theo quan niệm Việt Nho thì tinh thần đã lại nằm sẵn ngay trong nhà rồi nên không có gì hơn mà phải ra ngoài nếu có ra chẳng thì cũng là rất chóng vánh: đi lạy Phật, hay hái xăm một lát rồi về “ ăn Tết ở nhà “.

b.-Táo quân

Điều biểu lộ tinh thần gia đình thứ hai là tục Táo quân. Ngày 23 tháng Chạp ông Táo về trời lập bộ về các việc đã xảy ra trong năm qua có liên hệ đến nước đến gia đình. Đây là một Tục Lệ coi có vẻ dị đoan nhưng biểu lộ niềm tin vào Hoàng Thiên Thượng Đế của các dân Viễn Đông. Đêm 23 tháng chạp các gia đình thường tiễn ông Táo một bữa cơm thịnh soạn những món ăn toàn là đồ ngọt, cốt để cho khi lập bộ ông dùng những lời lẽ ngọt ngào. Vì thế mâm chất bánh ngọt, mật, lại thêm một xị mật ong để bôi mép ông Táo! Lễ này do các ông phụ trách, còn các bà lo bếp núc không tham dự. Nhân dịp này ông Eberhard nhận xét về **mối liên hệ giữa Người và Thần trong xã hội Viễn Đông.** Tuy Thần có quyền phép hơn nhưng đó chỉ là sự khác về cấp bậc, chứ không về giống loại. Thần cũng chỉ là những công chức, một thứ quan lại, coi một việc nào đó mà nêu không chu toàn nhiệm vụ thì phải đổi đi. Thí dụ khi trời đại hạn dân đã cúng tế đàng hoàng mà thần vẫn không chịu làm mưa thì rất có thể tượng thần sẽ bị đem ra phơi nắng để ném mùi đại hạn là gì. Cũng có thể bị quăng vào đống rác, rồi dân làng viết đơn lên Thượng Đế xin sai xuống một ông thần khác đắc lực hơn. Học giả Eberhard thêm rằng: tuy người Âu Tây chúng ta coi là buồn cười nhưng **theo các nhà tâm lý thì lối quan niệm bình đẳng với thần thánh kiểu này không gây ra cảm tình tội lỗi hay ý niệm bị lệ thuộc quá đáng vào quyền năng thần thánh, đó là điều có sức cứu gỡ tâm hồn khỏi nhiều sự căng thẳng thần kinh do sự dồn nén, sợ sệt thần thánh, nên giúp cho con người cảm thức được quyền hạn riêng của mình.**

Tuy biết mình là một vật nhỏ không có nhiều quyền năng nhưng có một số quyền lợi bất khả sang nhượng, và hai bên đều có ăn sang ăn giả chứ không một chiều như bên Âu (Festivals 22).

Đối với Tục Lệ Táo quân ta có thể coi như việc thanh toán sổ sách trong năm sắp qua đang có thể bước vào năm mới với tâm hồn thanh thản.

c.- Tổ tiên

Ngày mồng một đầu năm là ngày trọng đại hơn cả, cũng là ngày nói lên tính chất gia đình đầy đủ hơn hết vì đây không còn phải là gia đình nhỏ hẹp nữa nhưng là đại gia đình về ăn Tết, trước hết các **Tổ tiên** đã qua cũng được thỉnh về để cùng ăn Tết với con cháu. Còn về hàng ngang nghĩa là những người đang sống thì dù ở xa mấy mặc lòng trong mấy ngày Tết **gia đình cũng cố tụ họp** để cùng chung vui. Bởi vậy có thể nói ngày mồng một Tết là tuyệt độ cao của đời sống gia đình trong đó mọi người đều được nhắc đến nhờ có **Tục Lệ đọc và ghi gia phả**. Ông Eberhard có nhận xét về việc ghi gia phả trong dịp này như sau: “ **Bất kỳ đứa con nào sinh ra dù là chết yểu cũng được ghi chú tên tuổi phần số** để lại các thế hệ về sau, nhờ đây ai nấy đều có một địa vị trong cái chuỗi dài bất tận của các thế hệ.”

Thật là một điều đáng suy nghĩ trước sự đổ vỡ của gia đình hiện nay, các nhà tâm lý nói đi nói lại rằng rất nhiều những khó khăn nội tâm của chúng ta như bệnh thần kinh là hậu quả những **cảm thức bất an ninh** cách sâu xa, bởi ngay từ trong những ngày bé bỏng đứa trẻ đã cảm thấy mình trợ trợ trên đời: **vì sống trong một nhóm tuy là gia đình nhưng thực chất chỉ là một đơn vị kinh tế**. Trái lại ở đây ai nấy đều có một địa vị ngay từ lúc bé thơ và truyền lại mãi về sau. Nó vẫn là một phần trong công thể, mặc dù ngày mai có xảy ra sao đi nữa nó vẫn là một phần tử nên vẫn còn được tham dự trong buổi tiệc đầu năm này. “;

“ Our psychologist tell us over and over that many of our inner difficulties, our neuroses, are the result of a deep-seated feeling of insecurity which begins in the early days of childhood when the child feel itself alone in this world, living in a group of people called “ family “ but representing no more than an economic unit. Here in this Chinese framework every member has his definite position. Has the security from the early day of his birth: each individual knows that he will have place in this record over his lifetime and in all future time. He is a member of a community, come what may, and will remain a member even after his death. He will take part, even then, in this sacrifice on New Year's.” (Festivals 43).

Tôi biên lại cả bản văn đề đọc giả có thể đọc trong chính văn cảm nghĩ của một tác giả ngoại quốc về tính chất gia đình của ngày tết, đang nhìn ra những điểm rất sâu xa nhưng vì chúng ta ở trong cuộc quá quen nên không nhận thấy được, nên cần nhớ đến những suy nghĩ của người ngoại quốc xem bằng con mắt lạ lẫm tra hỏi thì cũng là điều hay. “

d.- Múa Lân

“ **Trong các trò vui công cộng dịp Tết thì có tục múa Lân**. Trong lúc múa người ta vừa múa vừa ca những bài hát Phương Nam “ leader of the group sang the Southern song “ (Festivals 15). Tôi ghi điểm này vì coi là kiện chứng cho **tính chất phương Nam của ngày Tết, tức là chủ tịch thuộc Bách Việt rất ưa ca vũ**. Nhưng từ năm 200-100 t.c.n xảy ra một sự đứt khúc rõ rệt gây nên do sự thắng thế của Hán Nho tức một thứ Nho đã bị trộn quá nhiều chất Thanh giáo Bắc phương nên từ đây ca vũ bị trụt xuống dần cho tới độ “ **xương ca vô loài** “, và dân ca chỉ còn sống bám víu vào một số lễ lạy mà thôi. Bởi vậy cần phải có con mắt tinh tế nhìn những cái bé nhỏ để tìm ra dấu vết của nguồn gốc chúng ta.”

2.- Đoan Ngọ

“ Tết Đoan Ngọ đã được bàn tới trong **Việt Lý bài Âu Cơ tụy**, ở đây chỉ ghi nhận thêm ít điểm minh chứng đó là Tết của Việt tộc. Điểm trước hết thuộc **màu dùng trong Tết này là sắc Đỏ** để chỉ sự sáng nóng, mặt trời, mùa hạ, sự sống, vì thế đây là Lễ Sóng thứ hai gọi là Lễ “ cầu may “ hay Lễ của sự sống thuộc phương Nam “ double fifth is a Southern festival, lucky festival or festival of the Living” . (Festivals 70-71).

Vì thế Tết này ít có ở phía Bắc, ngược lại được mừng trọng thể ở phía Nam nước Tàu, tức trong miền của Bắc Việt. Một trong những trò vui của Tết là cuộc **đua thuyền** trong đó có hai dấu nói lên tính chất phương Nam: một là **mỗi thuyền gồm 50 người**. Con số 5 vừa nói lên ngày mùng 5 tháng 5 mà đồng thời cũng nói đến “ **50 con theo mẹ lên núi, 50 con theo cha xuống biển**” .

Thứ hai là **dùng công để đánh hiệu đua thuyền. Công đi với bà nên là dấu chỉ thuộc Viêm Việt**. Tuy nhiên những yếu tố này dễ mất ý thức nên sau lẫn lộn. Nhất là vì Tết này bị vương triều cầm đoán ít ra hạn chế thí dụ việc đua thuyền, vì khi đua thuyền người ta **hát những bài của Khuất Nguyên rất dễ gọi lòng ái quốc**, nhưng còn vì một tục lệ nguy hiểm cho tính mạng Hán tộc. Không hiểu tục thi bơi thuyền có từ lúc nào, nhưng về sau nó kéo theo sự kỷ niệm **Khuất Nguyên là người Nam Man thuộc nhóm Thái hoặc Dao tức Bách Việt (Festivals 75)** vì không được vương triều **thâu nhận những bản điều trần mà tự vẫn**, thì đây là một mối thù của dân gian đối với vương triều của Hán tộc, và vì thế có tục bắt một người Hán để đến ngày đua thuyền thì tế dâng báo thù cho Khuất Nguyên. Đây là tục lệ nguy hiểm cho Hán tộc nhất là những người có bộ râu dài đẹp.

Dân Nam Man bắt người có họ đưa về nuôi nấng đàng hoàng để đến ngày trùng ngũ đưa ra đìm sông tế Khuất Nguyên. Về sau vì có nhiều biến đổi, nhiều hiện tượng dị đoan len lỏi vào như việc thả cơm cháo xuống nuôi hồn Khuất Nguyên v.v□ (Festivals 76). Nhưng ý tưởng cầu mưa để dâng mùa màng phong đăng luôn đi kèm Lễ, nên ta vẫn có thể nhìn ra được gốc gác của nó thuộc nông nghiệp và từ phương Nam phát xuất.”

3.- Trung Thu

“ Trung Thu là **Tết Sóng thứ ba hoàn toàn có tính cách đàn bà**. Trước hết đây là Lễ đặc biệt thuộc mặt Trăng. Vì thế **không mừng đúng vào ngày Thu phân là 21 tháng 9 dương lịch, mà lại mừng vào ngày 15 tháng 8, thường là cuối tháng 9**. Cứ kể ra thì Lễ nào cũng gọi được là thuộc mặt Trăng vì theo lịch Viễn Đông thì tháng tính theo mặt Trăng biểu thị nguyên lý Mẹ. Nhưng Lễ này còn có thêm hai nét nữa nói lên nguyên lý Mẹ là mừng về Đêm, nên **có tính chất “ lãng mạn “ nhất** (it is undoubtedly the most romantic. Festivals 79). Hai nữa là việc **Tế Tụ thì do các Bà chủ sự**. Tại sao lại thuộc các Bà? Lý do sâu xa là vì **mùa gặt là công các Bà**. Thời sơ nguyên đàn ông đi săn, đàn bà ở nhà nghĩ ra việc gieo, mà đã gieo thì rồi có gặt, cho nên mọi Tết đều có tính chất Mẹ hơn Cha. Nhưng vì hậu quả của gặt kéo dài hơn nên có lẽ vì vậy mà Tết Trung Thu là một Tết mừng mùa gặt, mùa tích trữ (thu tàng) thóc lúa nơi ruộng các Bà, nên là lễ thuộc các Bà hơn và vì thế cũng **phát xuất bởi vùng Viêm Việt nhất là Phúc Kiến**, theo như các sách cổ nói: old texts tell us that the midautum festival originated in Fukien Province. (Festivals 100). Không hiểu vì từ lúc nào đó thì có một Lễ khác gọi là **Lễ Trùng cửu**, tuy sau này sáp nhập với Tết Trung Thu nhưng ban đầu là hai Tết khác nhau. Tết Trung Thu hoàn toàn vui vẻ còn Trùng cửu thì có mang sắc thái lo âu, xem ra là riêng của dân Việt một dân có nhiều điểm giống với các dân Thái. The festival of “ Double Nine “ belonged to an East Chinese ethnic group, the Yueh. These Yueh were in many respects similar to the Tai. (Festivals 111) Có lẽ vì sự bành trướng của du mục Bắc Phương nên nhiều lần Viêm Việt phải bỏ tất cả để tháo chạy

nên Lễ Trùng cử tỏ ý lo âu chẳng. Ngoài những lý lẽ trên thì ta còn thêm được một **chiều kích siêu hình của Tết Trung Thu**, tức là sự trùng hợp với các số Lạc Thư mà Lạc Thư biểu thị một nền triết đạt quan như đã trình bày trong quyển Dịch Kinh Linh Thể (bài cuối). Thế mà Lạc Thư có những con số hợp với Tết Trung Thu.

Vì Lạc Thư gồm 8 lô với một Trung cung, và cộng chiều nào cũng được 15, như vậy là có sự trùng hợp với ý cùng của Tết là ăn mừng mùa màng thu gặt thì Lạc Thư cũng là triết đạt quan thâm thái, vì là biểu hiện nguyên lý Mẹ đối với nhà Hà Đồ biểu hiện nguyên lý Cha. “

IV.- Quốc túy quốc hồn xuyên qua tục ăn Tết

(Pho tượng đẹp nhất của Việt tộc: Kim Định)

1.- Định nghĩa về Quốc Hồn và Quốc Túy

“ **Quốc hồn là cái Hồn thiêng của đất nước, cái Tinh hoa văn hóa dân tộc, ta có thể gọi bằng tiếng mới là cái triết lý của Tiên Tổ chúng ta. Quốc túy trái lại là cái gì Vật chất thường gắn liền với ăn với uống, có tính cách tinh vi, có khả năng làm cho say, say tuý lúy như quen nói về thuốc lào, rượu đế, một số món ăn đặc biệt tinh xảo.**

Hai điểm trên nếu để rời thì nói được là đâu cũng có cách nọ hoặc cách kia, nhưng khi đem hai cặp thành ngữ đó ghép vào nhau thì đây là một nét đặc trưng nghĩa là không đâu có.

Nét đặc trưng nói lên hai điều:

2.- Đạo được đặt vào truyện thường nhật

Thứ nhất là đặt Đạo vào ngay những truyện thường nhật như ăn uống là điều khác với nhiều nơi, thí dụ Tây Âu và Hy Lạp thì họ đặt trên lý giới rất xa cõi người ta: ăn ra ăn, triết ra triết. Họ nói ăn đã rồi mới triết lý sau: prius manducare deinde philosophari. Với ta thì ăn đã là triết. **Triết ngay trong việc ăn.**

3.- Con Người chủ động trong việc Đạo

Điểm hai là nói lên tác động con người, chính con người giữ một vai chủ động ngay từ trong việc Đạo, việc linh thiêng. Đó là điều đặc biệt của triết lý Nhân chủ vốn **đề cao tác động con Người, đưa lên tới bậc ngang hàng cùng Trời Đất như bánh Dầy chỉ Trời chỉ Đạo đó là Quốc Hồn, bánh Chung chi đất là Quốc Túy: còn phần việc của con người là Ăn.**

Nếu ta để tâm suy nghĩ sẽ thấy việc của con người cao cả xiết bao: đó là ăn Trời ăn Đất, hoặc nói theo Kinh Dịch là vui với Trời, ăn với Đất (**lạc hồ Thiên, thực hồ Địa**).

4.- Cái Ăn: khung của Đạo lý

a.- Bề ngoài của cái Ăn với cái Nhai No, Say

Chính vì nét đặc trưng đó mà tiếng Việt có những cặp danh từ kỳ lạ như **ăn học, ăn chơi, ăn nói, ăn làm, ăn hỏi, ăn cưới, ăn lời, nếu không thì ăn đờn** v.v, tức là **ăn đi với những việc không phải ăn**. Vậy thì tiếng ăn ở đây nó như cái khung của Đạo lý: thay vì nói phương pháp tôn chỉ của học của chơi thì ta nói ăn học, ăn chơi. Là vì Đạo lý nào muốn có thực chất thì phải tiêu hóa, nên **sau mỗi cái ăn đều có một Đạo lý**, thường được biểu lộ bằng một câu truyện và những âm vang như Tục ngữ Thói tục. Thí dụ cụ thể là **ăn Trầu**. Ăn Trầu là một lối ăn riêng biệt rất công phu, kéo dài gọi là nhai. Nhai thì Mỹ cũng có, Mỹ Việt đều nhai: Mỹ nhai chewing gum, Việt nhai Trầu. Nhưng đằng sau cái nhai của Mỹ không còn gì ngoại giả cao su. Ngược lại với miếng

Trầu thì đàng sau còn lăm điều hay. **Điều thứ nhất là có Say: có tuý lúy, có đồ mặt và nóng ran người. Điều hay thứ hai là có truyện Trầu Cau.**

Đây là truyện hay ở chỗ biểu thị cao sâu của nó, cây cau mọc thẳng lên tượng Trời, hòn đá vôi nằm ngang dưới gốc tượng Đất, còn Người là cô gái trở thành cây leo quấn quýt lấy cả hai cây và đá. Vì

đó có bản gọi tên cô là **Liên tức đóng vai liên lạc giữa Trời cùng Đất.** Quốc tuý được biểu thị bằng nhai đi nhai lại cho **Trầu Cau hòa hợp vào nhau để sinh ra một chất mới là nước Trầu đỏ thắm**

để chỉ Quốc Hồn Quốc Tuý hòa hợp và như vậy rất tiện để chỉ việc hôn phối giữa Nam Nữ, hầu sinh ra con cái nối dòng, do vậy mà miếng Trầu trở nên đầu câu truyện với vô số phong dao tục ngữ đi kèm:

Trầu bọc khăn trắng cau tươi
Trầu bọc khăn trắng đũa người xinh xinh
Ăn cho nó thỏa tâm tình (tuý đây)
Ăn cho nó thỏa sự mình với ta (hòn đá).
Trầu này trầu quế trầu hồi
Trầu loan trầu phượng trầu tôi trầu mình.
Trầu này trầu tính trầu tình,
Trầu nhân trầu nghĩa trầu mình lấy ta.
Trầu này tằm tối hôm qua,
Trầu cha trầu mẹ đem ra cho chàng.
Trầu này không phải trầu hàng,
Không bùa không thuốc sao chàng không ăn?
Hay là chê khó chê khăn,
Xin chàng đứng lại mà ăn miếng trầu.

Còn biết bao nhiêu nữa nhưng vậy tạm đủ để thấy **sự dị biệt giữa cái nhai của Mỹ và cái nhai của tiền nhân** ta. Nhai chewing gum thì chỉ có nhai đàng sau không còn gì; còn **nhai Trầu thì đàng sau có câu truyện Trầu Cau đầy ứ ý nghĩa với vô số cái ăn đàng sau: ăn hỏi, ăn cưới, rồi ăn ở, ăn nằm.** □

Sau ăn Trầu thì nói đến ăn Tết ta còn thấy sự dị biệt lớn lao hơn nhiều. Trước hết **Tây đâu có nói ăn Tết, họ nói celebrate gì đó, nghĩa là mừng.** Thí dụ Tết Tây chỉ có một ngày là hết, hôm sau là chấm tròn đi job. Tết ta thì có đến ba ngày, ta quen nói “ba (3) ngày Tết“, đã vậy đó chỉ là chính cốt chứ phải kể cả sửa soạn và cái đuôi thì cả hàng tháng. Đến nỗi phong dao có câu:

Tháng giêng ăn tết ở nhà
Tháng hai cờ bạc, tháng Ba hội hè

b.- Bề trong: Tiết nhịp Hòa giữa 3 cõi: Thiên, Địa, Nhân

Đây là cái khác nhau bên ngoài, bây giờ tìm vào đến nội dung ta mới thấy một sự khác biệt sâu xa lạ lùng. **Ta thấy Tết chính là Tiết, tức là Tiết nhịp hòa âm thống nhất. Thống nhất chi? Thừa là Trời Đất Người, cả ba phải hòa nhịp. Vì thế mà Tết phải có ba (3) ngày và cả ba đều là căn bản, vì thiếu ba thì làm sao có hòa hợp, có thống nhất.**

Trời quá cao Đất quá thấp, phải có Người làm trung gian mới có Thái hòa.

**Nền tảng triết lý trung thực mưu hạnh phúc cho con Người*

Rồi để cho sự thống nhất có nội dung trung thực thì Tết phải mừng vào lúc Trời hết lạnh, lúc Đất nở hoa lá, con Người có thể ra đồng trồng gieo.

*** Mừng Tết trong khung cảnh Thái hòa**

Vậy nên đó phải là mùa Xuân lúc khí trời ấm áp, thảo mộc nảy mầm lá hoa, người có thể đi ra để **khởi đầu quá trình gieo gặt. Đó là một cảnh Thái hòa** được diễn cách cụ thể trong mùa Xuân. Ta quen nói: “ Ngày xuân con én đưa thoi “ là vậy. Phải là mùa Xuân én mới đưa thoi được chứ ngày Đông mà rở thoi ra thì teo gập, còn đầu nũa mà đưa, mà thoi không đưa thì làm gì có hòa hợp.

Tết Tây không bao hàm triết nên họ đặt Tết vào lúc thịnh đông: lúc trời rét căm căm, đất đầy tuyết, người phải rúc trong nhà. **Như vậy là chỉ nghĩ đến Trời mà không kể đến Đất đến Người, nên Tết chỉ có một ngày, nếu nói ngật thì Tây chỉ có một ngày đầu năm mà không có Tết.**

Vì Tết là Tiết là Nhịp mà có nhịp với ai đâu: độc tấu à, chỉ có Trời độc tấu. Đất với Người không tham dự, làm sao mà có truyện Tết như ta.

**** Lang Liêu sấm món ăn Thái hòa cho cả 3 cõi**

Truyện Tết kể rằng **vua Hùng Vương thứ ba** muốn truyền ngôi cho con, nhưng không truyền cho bất cứ con nào mà phải là con có Tài có Đức, vậy để tìm ra người đó thì vua đặt ra cuộc thi gia chánh kỳ lạ: hễ con nào làm được món ăn vừa ý vua hơn cả thì sẽ truyền ngôi cho. Các con vua liền bỏ đi khắp ngả để tìm của ngon vật lạ người lên rừng, kẻ xuống bể, kẻ đi đông người sang tây đưa về thoi thì đủ thứ: sơn nhung, hải vị, giò lụa, nem công, chả phượng, chả quế, hot dog, hamburger không thiếu thứ gì. Trong khi đó công tử **thứ 9 tên là Lang Liêu** nhà nghèo không có phương tiện chuyên chở nên chẳng tìm ra được cái gì xa lạ, nên buồn rầu cả đêm trằn trọc mất ngủ. May thay đang lúc bối rối thì có thần hiện đến mách nước rằng khởi đi đâu xa xôi hãy xuống ngay bếp lấy gạo nếp ra làm một bánh Vuông, và một bánh Tròn, rồi chõng lên nhau mà dâng vua cha. Lang Liêu liền làm theo đó. Đến ngày thi thì được vua cha chấm nhất với ưu hạng khen rằng ăn không những đã ngon mà ý nghĩa thì hàm súc vô cùng, vì **bánh chưng vuông chỉ Đất, bánh dày tròn chỉ Trời. Vậy đó là Đạo người rồi còn chi, vì người được định nghĩa là “ nhân giả kỳ thiên địa chi đức “** mà.

Thực là không thể sâu xa hơn được nữa. Thế là vua truyền ngôi cho Lang Liêu và cải hiệu là Tiết Liêu nghĩa là biết lo liệu cho cuộc sống hợp với tiết trời cùng đất. Và từ đây thì gọi ngày đầu Xuân là Tết và cũng từ đây hễ đến Tết thì tiên Tổ ta gói bánh Dầy bánh Chưng với đạo Trời đạo Đất.

**** Tết: Nghi Lễ làm Hoà giữa Người với Người**

Đây là câu truyện Tết còn âm vang của câu truyện là sự Thái hòa trước là giữa Trời, Người với Đất sau là giữa Người với Người. Về Trời với Đất thì có những nghi lễ nhớ Trời Đất như múa Lân, Trời thì có Rồng với ông Địa đi kèm. □ Còn với Người thì kỹ hơn. Với thế hệ đã qua thì có lễ Gia tiên, với những nghi thức tưởng nhớ đến Ông Bà. Với Người đang sống thì thăm hỏi quà cáp, những người họ hàng ở xa cũng cố trở về quê hương ăn Tết để gặp lại và thăm hỏi bà con.

**** Chế độ Bình sản: nền tảng Tự do cho mọi Người**

Áy là chưa kể đến thể chế Bình sản, xóa bỏ sự phân chia giai cấp giữa kẻ Có với người Không, giữa Chủ với Nô, để ai ai cũng là người Tự do, và nếu vì kẻ sinh nhai cả năm vất vả

thì nhờ vào “ ba ngày Tết “ mà nghỉ ngơi ít bữa để có dịp ngửa mặt nhìn Trời, cúi xuống nhìn Đất tức sống an vui trong mấy ngày: tạm xếp sang bên mọi bận rộn, lo âu thường nhật để lòng phơi phới vui Xuân: vì thế ngày Tết không ai dám đòi nợ, hay trách mắng, trái lại ai nấy cố vui tươi mời gọi, chào đón, đi đâu cũng có ăn với những nét mặt hân hoan cười nói làm ta dễ cảm tưởng đó là quang cảnh lân bang với bông lai tiên cảnh, vì là lúc người nghèo tới đâu cũng được hưởng cảnh dư dật phong nhiều tràn ngập của ngon vật lạ. Đó lẽ ra phải là cuộc sống thường xuyên của con người nghĩa là con người lẽ ra phải được sống thanh thoi như những con chim, làm ít chơi nhiều, tung tăng với ca xướng và vũ điệu như được ghi tạc trên mặt tròng đồng Ngọc Lũ.

Chính đó là lý tưởng của triết lý an vi, một nền triết nhằm hạnh phúc của mọi người như lý tưởng, như là cứu cánh.

*** * Tết: một ấn tượng tươi vui phần khởi và trẻ trung**

Và quả thực trong dĩ vãng lý tưởng đã hiện thực được phần nào tuy còn xa mới hoàn bị, nhưng so với những nơi khác thì quả không hổ mặt xưng là nước có văn hiến sống theo lý tưởng **Tết là hoà hợp giữa Trời, Đất, Người**. Tuy vì trình độ lúc xưa chưa có cơ khí, cũng như vì nhiều lý do phức tạp con người chưa đạt được cảnh an vui thịnh vượng như ý, thì ít ra mỗi năm để ra ít ngày và tạo điều kiện để mọi người có thể sống lối sống lý tưởng nọ ít nhất trong ba ngày, rồi sau đó cố kéo dài ra được đến đâu thì đến, bằng các cuộc hội hè, đình đám, chơi xuân□

Đây là lý do giải nghĩa tại sao Tết đã in sâu vào tâm thức người Việt một ấn tượng tươi vui phần khởi đầy tung bừng trẻ trung đến nỗi thiếu Tết nó làm cho ta cảm thấy mất mát một cái

gì quá ư trầm trọng, mà trầm trọng thật, vì nó là dấu mất một nền triết lý ơn ích hơn hết cho con người mà Việt tộc có cái may đã sáng tạo và duy trì được trên bốn ngàn năm.

**** Ba ngày Tết: triết lý xây trên chữ Thời**

Đang khi các nơi chỉ có triết lý một chiều bất động gây nên các thứ độc quyền, độc chiếm, độc chuyên, đã không giúp cho đời được an vui thì chớ, mà nếu chẳng may nó cướp được chính quyền thì gieo rắc đau thương trầm thống khôn cùng, như dân nước ta hiện đang là nạn nhân cực kỳ khốn đốn. Đó là trái đấng của triết lý xây trên không gian bất động với cái Tết chỉ có một ngày, trái ngược hẳn với triết Việt xây trên chữ Thời rất uyển chuyển vì làm bằng tiết, nhịp, hợp hòa, thống nhất để giúp gây được nhiều hạnh phúc như nước ta trong hơn bốn ngàn năm qua đã nhiều lần được hưởng.

Đành rằng so với đời sống hiện nay được nâng đỡ do khoa học kỹ thuật: đâu đâu cũng đầy xe hơi nhà lầu với tiện nghi tràn ngập thì đời sống thôn quê ta xưa thấp hơn nhiều lắm. Thế nhưng biết bao người đi tản vẫn nuôi tiếc cuộc sống bên nhà là vì **hạnh phúc con người chỉ lệ thuộc vào tiện nghi có 2 phần 5, còn 3 phần nữa ở tại lối sắp đặt, ở tại môi sinh tinh thần, ở tại tâm hồn thanh thoi**: không có tủ lạnh nhưng gà vẫn chạy quanh vườn, cá vẫn lội dưới ao, lúc hứng lên muốn nhậu là chạy ủa ra rãnh bắt ít con tôm, hái thêm mớ rau mớ lá, lôi ra vài xị để nữa, thế là một cuộc nhậu khởi đầu bất tận, nhiều khi có sáu câu vọng cổ mùi giúp vui hay dăm ba ván cờ tướng! Khỏi lo mất job với đưng xe. Đây không phải bản rập của cuộc sống trên “ bông lai tiên cảnh “ hay sao? Thế mà không phải chỉ có trong huyền thoại nhưng đã thấp thoáng xuất hiện nhiều lần trong trình sử của nước ta.

***.- Có ăn Tết thực sự mới nuôi dưỡng được ý chí phục Việt kiến quốc**

Đó là công hiệu của một nền triết lý trung thực hơn hết cho con Người mà “ ba ngày Tết “ là một bản tóm sinh động. Như vậy quả là đáng cho chúng ta nâng niu gìn giữ như một gia sản thiêng liêng để mà truyền dòng nối dõi. Chúng ta cần phải nghiên cứu học hỏi để duy trì lấy nền văn hóa ơn ích nọ trong các đoàn thể người Việt hải ngoại, cũng như để nuôi dưỡng cho ngày thêm vững mạnh ý chí phục Việt kiến quốc, mong một ngày nào đó không còn phải kỷ niệm Tết, nói về Tết nhưng là “ ăn Tết ” với sự tham gia của mọi giác quan trên chính quê nước khi đã tìm lại được tự do hạnh phúc như xưa.”

4) Đất nước mình Ngô quá phải không anh

Trần Thi Lam

(*Lương tâm của một Nữ lưu Việt sớm tỉnh Giác công miên*)

**Đất nước mình ngô quá phải không anh
Bốn (Năm) ngàn tuổi mà dân không chịu lớn
Bốn (Năm) ngàn tuổi mà vẫn còn bú mớm
Trước những bất công vẫn không biết kêu đòi...**

**Đất nước mình lạ quá phải không anh
Những chiếc Bánh chưng vô cùng kì vĩ
Những Dự án và tượng đài nghìn tỉ
Sinh mạng con người chỉ như cái Móng tay...**

**Đất nước mình buồn quá phải không anh
Biển bạc, rừng xanh, cánh đồng lúa biếc
Rừng đã hết và biển thì đang chết
Những con Thuyền năm nhớ sóng khơi xa...**

**Đất nước mình thương quá phải không anh
Mỗi đứa trẻ sinh ra đã gánh nợ nần ông cha để lại
Di sản cho mai sau có gì để cháu con ta trang trải
Đứng trước năm châu mà không phải cúi đầu...**

**Đất nước mình rồi sẽ về đâu anh
Anh không biết em làm sao biết được
Câu hỏi gửi trời xanh, gửi người sau, người trước
Ai trả lời dùm đất nước sẽ về đâu...**

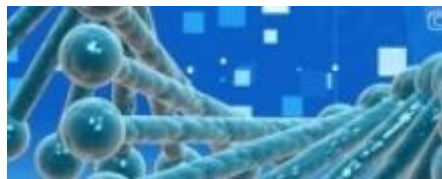
Bài thơ này được viết vào tháng 4-2016 nhân vụ việc cá chết dọc bờ biển một số tỉnh miền Trung sau nhiều ngày chưa rõ nguyên nhân và gây bức xúc trong dư luận xã hội. Bài thơ nhanh chóng được lan truyền rộng rãi trên mạng chỉ sau vài ngày ./.

Kính mời đọc thêm những biên khảo khác của tác giả tại:
<http://www.vietnamvanhien.org/vietnhan.html>

[1].- **The Wisdom of Your Cells**

Bruce Lipton

Thu, June 7, 2012



The Wisdom of Your Cells is a new biology that will profoundly change civilization and the world we live in. This new biology takes us from the belief that we are victims of our genes, that we are biochemical machines, that life is out of our control, into another reality, a reality where our thoughts, beliefs and mind control our genes, our behavior and the life we experience. This biology is based on current, modern science with some new perceptions added.

The new science takes us from victim to creator; we are very powerful in creating and unfolding the lives that we lead. This is actually knowledge of self and if we understand the old axiom, “Knowledge is power,” then what we are really beginning to understand is the knowledge of self-power. This is what I think we will get from understanding the new biology.

Flying Into Inner Space

My first introduction to biology was in second grade. The teacher brought in a microscope to show us cells and I remember how exciting it was. At the university I graduated from conventional microscopes into electron microscopy and had a further opportunity to look into the lives of cells. The lessons I learned profoundly changed my life and gave me insights about the world we live in that I would like to share with you.

Using electron microscopy, not only did I see the cells from the outside but I was able to go

through the cell's anatomy and understand the nature of its organization, its structures and its functions. As much as people talk about flying into outer space, I was flying into inner space and seeing new vistas, starting to have greater appreciation of the nature of life, the nature of cells and our involvement with our own cells.

At this time I also started training in cell culturing. In about 1968 I started cloning stem cells, doing my first cloning experiments under the guidance of Dr. Irv Konigsberg, a brilliant scientist who created the first stem cell cultures. The stem cells I was working with were called myoblasts. Myo means muscle; blast means progenitor. When I put my cells in the culture dishes with the conditions that support muscle growth, the muscle cells evolved and I would end up with giant contractile muscles. However, if I changed the environmental situation, the fate of the cells would be altered. I would start off with my same muscle precursors but in an altered environment they would actually start to form bone cells. If I further altered the conditions, those cells became adipose or fat cells. The results of these experiments were very exciting because while every one of the cells was genetically identical, the fate of the cells was controlled by the environment in which I placed them.

While I was doing these experiments I also started teaching students at the University of Wisconsin School of Medicine the conventional understanding that genes controlled the fate of cells. Yet in my experiments it was clearly revealed that the fate of cells was more or less controlled by the environment. My colleagues, of course, were upset with my work. Everyone was then on the bandwagon for the human genome project and in support of the "genes-control-life" story. When my work revealed how the environment would alter the cells, they talked about it as an exception to the rule.

You Are a Community of 50 Trillion Living Cells

Now I have a completely new understanding of life and that has led to a new way to teach people about cells. When you look at yourself you see an individual person. But if you understand the nature of who you are, you realize that you are actually a community of about 50 trillion living cells. Each cell is a living individual, a sentient being that has its own life and functions but interacts with other cells in the nature of a community. If I could reduce you to the size of a cell and drop you inside your own body, you would see a very busy metropolis of trillions of individuals living within one skin. This becomes relevant when we understand that **health is**

when there is harmony in the community and dis-ease is when there is a disharmony that tends to fracture the community relationships. So, number one, we are a community.

Fact number two: There is not one function in the human body that is not already present in every single cell. For example, you have various systems: digestive, respiratory, excretory, musculoskeletal, endocrine, reproductive, a nervous system and an immune system but every one of those functions exists in every one of your cells. In fact **we are made in the image of a cell.** This is very helpful for biologists because we can do research on cells and then apply that information to understanding the nature of the human body.

I was teaching what is called the medical model, the perception that human biology represents a biological machine comprised of biochemicals and controlled by genes. Therefore when a patient comes in to see a doctor, the belief system is that the patient has something wrong with their biochemistry or genes, which can be adjusted and can lead them to health. At some point I realized that I had to leave the university because I found great conflict in teaching the students about what controls the cell and yet getting a completely different understanding from the cells in my cultures.

A New Understanding of Science

When I was outside the university I had a chance to read into physics. Again I found information that did not conform to the science I had been teaching. In the world of new physics, **quantum physics**, the mechanisms that are described completely collide with the mechanisms we were teaching, which were based on the old Newtonian physics. The new physics currently is still not introduced in medical schools. Before conventional science, science was the province of the church. It was called natural theology and was infused with the spiritual domain, teaching that God's hand was directly involved in the unfoldment and maintenance of the world, that **God's image was expressed through the nature we live in.** Natural theology had a mission statement: **to understand the nature of the environment so we could learn to live in harmony with it.** Basically this meant learning how to live in harmony with God, considering that nature and God were so well connected.

However, through the abuses of the church, their insistence on absolute knowledge and their efforts of suppressing new knowledge, there was what is called the **Reformation.** The Reformation, precipitated by **Martin Luther**, was a challenge to the church's authority. After the Reformation, when there was an opportunity to question beliefs about the universe, science

became what was called **modern science**. **Isaac Newton**, the physicist whose primary studies were on the **nature of gravity and the movement of the planets**, provided the foundation for modern science. He invented a new mathematics called **differential calculus** in order to create an equation to predict **the movements of the solar system**. **Science identified truths as things that were predictable**. Newtonian physics perceives the universe as a machine made out of matter; it says that if you can understand the nature of the matter that comprises the machine, then you will understand nature itself. Therefore **the mission of science was to control and dominate nature**, which was completely different than the **former mission of science under natural theology, which was to live in harmony with nature**.

The issue of control in regard to biology becomes a very important point. What is it that controls the traits that we express? According to **Newtonian physics** life forms represent machines made out of matter and if you want to understand those machines you take them apart, a process called **reductionism**. **You study the individual pieces and see how they work and when you put all the pieces together again, you have an understanding of the whole**.

Charles Darwin said that **the traits an individual expresses are connected to the parents**. The sperm and egg that come together and result in the formation of a new individual must be carrying something that controls the traits in the offspring. Studies of dividing cells began in the early 1900s and they saw string-like structures that were present in cells that were beginning to divide. These string-like structures were called **chromosomes**.

Interestingly enough, while chromosomes were identified around 1900, it was only in 1944 that we actually identified which of **their components carried the genetic traits**. The world got very excited. They said, oh, my goodness, after all these years we finally have gotten down to identifying the **genetically controlling material**; it appears to be the DNA. In 1953 the work of **James Watson and Francis Crick** revealed that **each strand of DNA contained a sequence of genes**. **The genes are the blueprints for each of the over 100,000 different kinds of proteins that are the building blocks for making a human body**. A headline announcing Watson and Crick's discovery appeared in a New York paper: "Secret of Life Discovered" and from that point on biology has been wrapped up in the genes. Scientists saw that by understanding the genetic code we could change the characters of organisms and therefore there was a big, headlong rush into **the human genome project to try to understand the nature of the genes**.

At first they thought these genes only controlled the physical form, but the more they started to manipulate genes, they saw that there were also influences on behavior and emotion. Suddenly, **the genes took on more profound meaning because all the characters and traits of a human were apparently controlled by these genes.**

Are We Victims of Heredity?

Yet there was one last question: **what is it that controls the DNA?** That would be going up the last rung of the ladder to find out what is ultimately in control. They did an experiment and it revealed that **DNA was responsible for copying itself! DNA controls the protein and the protein represents our bodies. Basically it says that life is controlled by DNA. That is the Central Dogma.** It supports a concept called “the primacy of DNA” that says who and what we are and the fate of the lives we lead are already preprogrammed in the DNA that we received at conception. What is the consequence of this? That **the character and fate of your life reflects the heredity you were born into; you are actually a victim of heredity.**

For example, scientists looked at a group of people, scored them on the basis of happiness and tried to find out whether there was a gene that was associated with happy people that was not active in unhappy people. Sure enough, they found a particular gene that seems to be more active in happy people. Then they immediately put out a big media blip on “gene for happiness discovered.” You could say, “Well, wait a minute. **If I got a sucky happy gene, then my whole life is going to be predetermined. I’m a victim of my heredity.**” This is exactly what we teach in school and this is what I had also been teaching-that people are powerless over their own lives because they can’t change their genes. But when people recognize the nature of being powerless, they also start to become irresponsible. “Well, look, Boss, you’re calling me lazy but I just want you to know my father was lazy. What can you expect from me? I mean, **my genes made me lazy. I can’t do anything about it.**” Recently in Newsweek they wrote about **how fat cells are waging war on our health.** It’s interesting because in an epidemic of obesity science stands back and says: it’s your fat cells that are waging war in your life.

The Human Genome Project

To come and save us, the **human genome project entered our world.** The idea of the project was to identify **all the genes that make up a human.** It would offer the future opportunity of genetic engineering to correct the ills and problems that face humans in this world. I thought the project was a humanitarian effort but it was interesting later to find out from **Paul Silverman**, one of the principal architects of the human genome project, what it was actually about. It was

simply this: It was estimated that **there were going to be over 100,000 genes in the human genome** because **there are over 100,000 different proteins in our bodies**; plus there were also genes that didn't make proteins but controlled the other genes. The project was actually designed by venture capitalists; they figured that since there were over 100,000 genes, by identifying these genes and then patenting the gene sequences, they could sell the gene patents to the drug industry and the drug industry would use the genes in creating health products. In fact, the program was not actually for advancing the human state as much as it was for making a lot of money.

Here is the fun part. Scientists knew that as you go up the evolutionary scale, simple organisms have less DNA and when you get to the level of humans, with the complexity of our physiology and our behavior, we have a lot more DNA. They thought that primitive organisms would have maybe a few thousand genes but humans were going to have approximately 150,000 genes, which meant 150,000 new drugs. The project began in 1987 and just showed again that when humans really put their heads together they can create miracles. In only about fourteen years we actually had the results of the human genome. It also was what I call a cosmic joke.

To begin the human genome project they first studied a primitive organism, a miniature worm that is barely visible with your eye. These worms had been an experimental animal for geneticists because they reproduce very quickly and in very large numbers and thereby express traits that you can study. They found that this small animal had a genome of about 24,000 genes. Then they decided to do one more genetic model before doing the human and that was with the fruit fly because of the large amount of information already available on the genetics and behavior of fruit flies. The fruit fly genome turned out to have only about 18,000 genes. The primitive worm had 24,000 genes and this flying machine had only 18,000 genes! They didn't understand what that meant but put it on the back burner and started the work on the human genome project.

The results came in 2001 and were a major shock: in the human genome there are only about 25,000 genes; they expected nearly 150,000 genes and there were only about 25,000! It was such a shock that people actually didn't talk about it. While there was a lot of hoopla about completing the human genome project, no one talked about the 100,000 missing genes. There was complete lack of discussion in the scientific journals about it. When **they realized there were not enough genes to account for human complexity, it shook the foundation of biology**

Why is it so important? If a science is based on the way life really works, that science would be good for use in medical practice. But if you base your science on wrong information, then that science could be detrimental to medical practice. It is now a recognized fact that **conventional allopathic medicine, the primary medicine we use in Western civilization, is a leading cause of death in the United States. It is also responsible for one out of five deaths in Australia.** In the Journal of the American Medical Association Dr. Barbara Starfield wrote an article revealing that from conservative estimates, **the practice of medicine is the third leading cause of death in the United States.** However, there is a more recent study by Gary Null (see Death by Medicine at: www.garynull.com). He found that rather than being the third leading cause of death, it is **the first leading cause with over three-quarters of a million people dying from medical treatment each year.** If medicine actually knew what it was doing, it wouldn't be that lethal.

I left the university in 1980, seven years before the human genome project was started because I already was aware **that genes didn't control life.** I was aware that **the environment was influential** but my colleagues looked at me as not just being a radical but a heretic because I was conflicting with the dogma; therefore this became a religious argument. At some point the religiosity of where I was led me to resign my position. That's when I started to advance into understanding about brain function and neuroscience. What I was really trying to **find out is if it's not the DNA that controls cells, then where is the "brain" of the cell?**

The Computer Within

The new biology revealed that **the brain of the cell is its skin, the mem-brane,** the interface of the interior of the cell and the ever-changing world we live in. It is the functional element that controls life. This is important because understanding its function reveals that we are not victims of our genes. **Through the action of the cell membrane we can actually control our genes,** our biology and our life and we have been doing it all along although we have been laboring under the belief that we are victims.

I started to realize that the **cell was a chip** and that the **nucleus was a hard disk with programs. The genes were programs.** As I was typing this on my computer one day I realized that my **computer was like a cell.** It had programs built into it but what was expressed by the computer was not determined by the programs. It was determined by the information that I, as the environment, was typing onto the keyboard. Suddenly all the pieces fell into place: the cell membrane is actually an information-processing computer chip. The cell's genes are the hard drive with all the potentials. That is why **every cell in your body can form any kind of cell**

because every nucleus has all the genes that make up a human. But why should one cell be skin and another cell be bone or eye?

The answer is not because of the gene programs but because of the **feedback of information from the environment. All of a sudden the bigger thing hit me: what makes us different from each other** is the presence of a set of unique identifying protein keys (receptors) comprising the keyboard on the surface of our cells. **The identity keys on the cell membrane respond to environmental information.** The biggest “Aha!” was this: that our identity is actually an environmental signal that is playing through the keyboard on the surface of our cells and engaging our genetic programs; you are not inside your cell, you are playing through your cell using the keyboard as an interface. **You are an identity derived from the environment.**

In my younger days, I didn't see that religion was offering me truth. I went away from spirit and ended up in science. Realizing that my identity was something from the environment playing through my cells was the greatest shock to my world because I was completely thrown from a non-spiritual reality into the requirement of a spiritual existence. My cells were like little television sets with antennas and I was the broadcast that controlled the readout of the genes. I was actually programming my cells.

I realized that **if the cell died, it did not necessarily mean the loss of the broadcast-that** the broadcast is out there whether the cell is here or not. All of a sudden it hit me with such profound awe. What I realized was that survival was not that important because of **my eternal character was derived from some broadcast in the field.** The fear of mortality disappeared. That was about twenty-five years ago and it was one of the most wonderful, liberating experiences I ever had.

Perception: The Power of the New Biology

We perceive the environment and adjust our biology, but not all of our perceptions are accurate. If we are laboring under misperceptions, then those misperceptions provide for a mis-adjustment of our biology. When our perceptions are inaccurate we can actually destroy our biology. When we understand that genes are just respondents to the environment from the perceptions handled by the cell membrane, then we can realize that if life isn't going well, what we have to do is not change our genes but change our perceptions. That is much easier to do than physically altering

the body. In fact, this is the power of the new biology: we can control our lives by controlling our perceptions.

We are holding “truths” about science that are actually untruth, they are actually “assumptions,” and false assumptions at that. Until we correct them, we are misunderstanding our relationship to the planet, to nature and the environment. As a result we are destroying that which has provided us life, the environment.

False assumption number one is that **the universe is made of matter** and its understanding can **be attained by studying matter** Our perception of a material-only biology and environment is no longer scientifically accurate.

Another assumption is that genes control life. It is actually our perceptions that control life and by changing our perceptions we can get control over our lives. I will discuss more about this later.

Assumption number three is a very dangerous assumption: that we arrived at this point in our evolution using the mechanisms of Darwinian theory, which may be summed up as “the survival of the fittest in the struggle for existence.”

It turns out in **the new biology that evolution is based on cooperation.** Until we understand that, we keep competing with each other, struggling and destroying the planet without recognizing that our survival is in cooperation and that our continued competition is the death knell of human civilization.

The Future of Medicine

Everything in the universe is now understood to be made out of energy; to our perception it appears physical and solid, yet in reality it is all energy and energies interact. **When you interact in your environment you are both absorbing and sending energy at the same time. You are probably more familiar with terms such as “good vibes” and “bad vibes.” Those are the waves at which we are all vibrating. We are all energy.** The energy in your body is reflecting the energy around you because **the atoms in your body are not only giving off energy, they are absorbing energy.** Every living organism communicates with these vibrations. Animals communicate with plants; they communicate with other animals. Shamans talk to plants with vibrations. If you are sensitive to the differences between “good” and “bad” vibrations, you

would always be leading yourself to places that would encourage your survival, your growth, your love, et cetera, and staying away from situations and places that would take advantage of you or cancel who you are.

When we are not paying attention to our **vibrational energies**, we are missing the most important readouts from our environment. Understanding of the new physics says that **all energies are entangled and interact with each other**. Therefore, you must pay attention to these invisible forces that are involved with what's going on in your life. While medicine does not train its doctors to recognize that energy is part of the system, they very easily adapted to using the new scan systems to determine what is going on inside the body. It is humorous that they read their scans as "maps," but do not have the fundamental understanding that their maps are direct readouts of the energy present in the body.

For example, in a mammogram revealing a cancer, one is you are visualizing a characteristic emission of energy distinctive of a cancer. Rather than cutting out the cancer, what if you applied an energy that, through interference patterns, would change the energy of those cancer cells and bring them back to a normal energy? Presumably you would get a healing effect. This would make sense out of thousands of years of what is called "hands-on healing." The recipient is getting an energy that is interacting with their body through interference and through that interference, changing the character of the energy reflected in the physical matter because the matter is the energy. This is the future of medicine although we are not there with it right now.

Quantum physicists reveal that **underneath apparent physical structure there is nothing more than energy, that we are energy beings**. That means that we interact with everything in the field. This has an important impact on health care. Quantum physics reveals that energies are always entangled with each other. In an energy universe, waves are always flowing through and interacting with all other waves. We can never separate someone fully from the environment they live in. Quantum physics says the invisible energy is one hundred times more efficient in conveying information than are material signals (e.g., drugs). What we are beginning to recognize is that there is an invisible world that we have not dealt with in regard to understanding the nature of our health.

In other words, rather than focusing on matter, in a quantum world we focus on energy. In the mechanical world we said we can understand everything by **reductionism** [1]. But **in the newer quantum understanding of the universe we have to understand holism [2]: you cannot separate one energy vibration from another energy vibration. We have to recognize that in the world we live in we are entangled in an unfathomable number of energy vibrations and we are connected to all of them!**

Here is my definition of **the environment: it is everything from the core of your being to the edge of the universe. It includes everything in close proximity to you as well as the planets and the sun and what is going on in the entire solar system. We are part of this entire field.** To summarize the significance of this let me give you a quote from **Albert Einstein: “The field is the sole governing agency of the particle.”** What he says is **this: the field, the invisible energy, is the sole governing agency of the physical reality.**

© 2007 by Bruce Lipton. This article is Part One of a three-part presentation derived from *The Wisdom of Your Cells, How Your Beliefs Control Your Biology*, published by Sounds True as an Audio Listening Course on eight CDs, www.soundstrue.com. Watch for Part Two and Three of Dr. Lipton's presentation in the Summer and Autumn 2007 issues of *Light of Consciousness*.

[1] .- **Holism** (from ὅλος *holos*, a Greek word meaning *all, entire, total*) is the idea that all the properties of a given system (physical, biological, chemical, social, economic, mental, linguistic, etc.) cannot be determined or explained by its component parts alone. Instead, the system as a whole determines in an important way how the parts behave. The general principle of holism was concisely summarized by Aristotle in the *Metaphysics*: "The whole is more than the sum of its parts" (1045a10).

[2] , - **Reductionism** is sometimes seen as the opposite of holism. Reductionism in science says that a complex system can be explained by *reduction* to its fundamental parts. For example, the processes of biology are reducible to chemistry and the laws of chemistry are explained by physics.